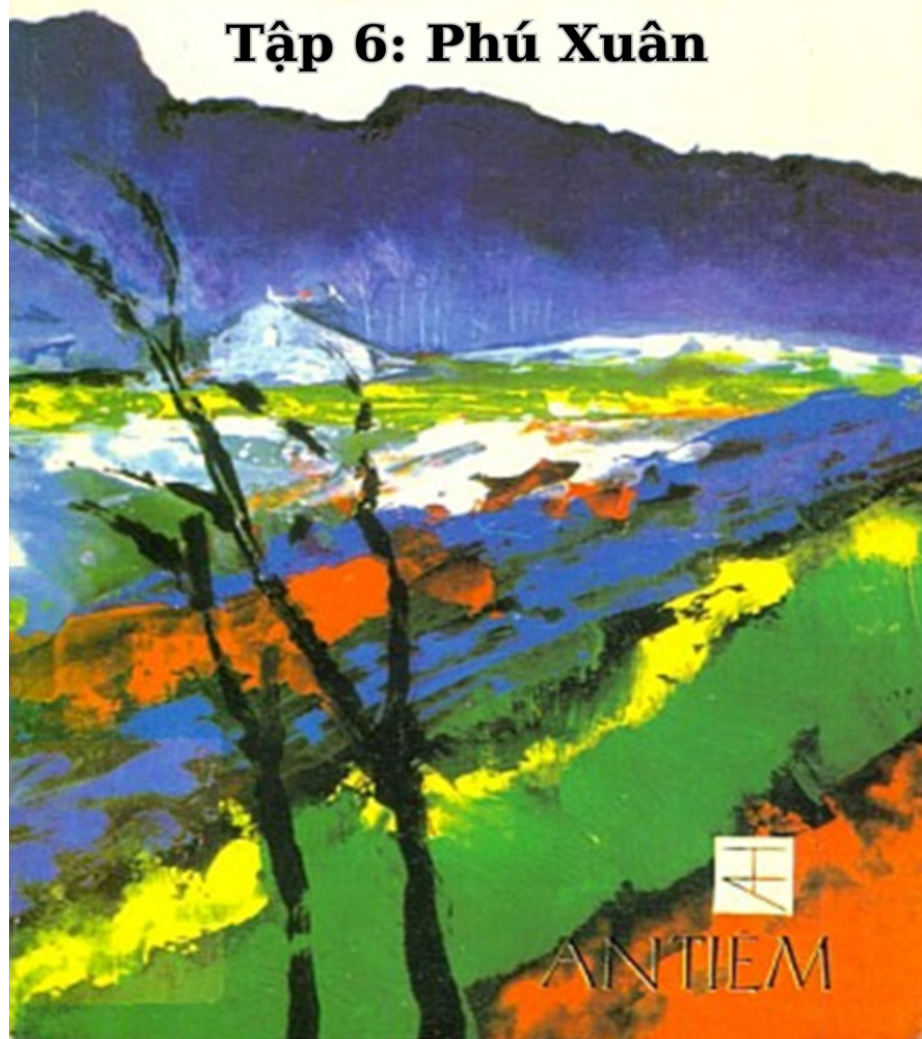


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 6: Phú Xuân

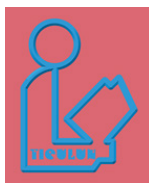


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

Tập 6: Phú Xuân

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

TẬP 6: PHÚ XUÂN

TÓM LƯỢC

Chương 72: Về đến Phú Xuân. Dân Thuận Hóa nô nức mừng chiến thắng. Lễ khao quân. Mối bất hòa giữa Nhạc Huệ bắt đầu biểu lộ. Vua Thái Đức công khai trách mắng các tướng lãnh theo phe em. Nhà vua trở về Qui Nhơn.

Chương 73: Ác mộng của công chúa Ngọc Hân. Nguyễn Huệ do dự trước khúc quanh quan trọng của lịch sử. Nguyễn Huệ suy nghĩ về Ngọc Hân. Nguyễn Huệ

hỏi ý kiến Trần văn Kỷ về giải pháp cho Bắc Hà. Kỷ nhắc đến La sơn phu tử. Lãng tháp tùng phái bộ Phú Xuân ra Nghệ An mời Nguyễn Thiếp tham chính.

Chương 74: Vua Thái Đức về Hoàng đế thành, giận lây gia đình các tướng đã theo Huệ, trong đó có gia đình An. Bắt đầu biện pháp khủng bố, quản thúc. Lễ phong vương cho Nguyễn Lữ. Lữ lại tìm đến Kiên để an tâm. Lời khuyên của Kiên.

Chương 75: An trốn ra Phú Xuân để tránh khủng bố. Ba mẹ con đến nơi, ngẫu nhiên gặp Lợi ngoài đường phố. An ra mắt Nguyễn Huệ.

Chương 76: Nguyễn Huệ nhận được thư phúc đáp của La sơn phu tử. Nguyễn Huệ bức dọc trước thái độ cố chấp của bọn nhà nho trung quân hẹp hòi. Tâm

trạng Trần Văn Kỷ. Lãng đến thăm An. Hai chị em bàn với nhau về lời lẽ hỗn xược trong bài hịch chống Qui Nhơn. Nhận định về nguyên nhân vụ “nổi da xáo thịt” giữa hai anh em Nhạc Huệ. Nỗi cơ đơn của Nguyễn Huệ trước quyết định bất đắc dĩ.

Chương 77: Vũ văn Nhậm báo cáo tình hình Bắc Hà. Sứ bộ Trần Công Xán vào Qui nhơn đòi Nghệ An. Cuộc tiếp sứ. Quyết định của Nguyễn Huệ.

Chương 78: Mô tả cung điện của chúa Nguyễn ở Phú Xuân. Công cuộc sửa sang cung điện cũ để làm cung điện cho vương triều mới. Vai trò mới của Lợi. Gia đình Nguyễn Huệ đã ra Phú Xuân. Vai trò trung gian của An giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân công chúa. Cảnh sung túc của gia đình Lợi. Cuộc hội kiến đáng ngại giữa Hoàng hậu và Ngọc Hân.

Chương 79: Trở lại nhân vật Kiên. Kiên trở thành một “đạo sĩ” được dân chúng Qui Nhơn kính nể. Nếp sống yên tĩnh của Kiên bị đảo lộn vì có người bà con viên cai cơ từ Gia Định ở chung. Kiên sợ bị lôi cuốn vào âm mưu tạo phản, trốn khỏi Bằng châu lên lập am ở An Thái.

Chương 80: La sơn phu tử lại gửi thư từ chối cộng tác với Nguyễn Huệ. Trần văn Kỷ thảo lá thư mời thứ ba. Phe Bùi Đắc Tuyên tranh mối làm ăn với Lợi, tìm cách hại Lợi. Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên được phái đem thư ra mời La sơn phu tử.

Chương 81: Vụ mưu phản ở Qui Nhơn bị khám phá. Bùi Đắc Tuyên lợi dụng cơ hội lại tìm cách hại Lợi. Lãng xin thụ giáo quan Trung thư Trần văn Kỷ. Hai người bàn nhau về lễ chính thống.

Tình yêu sôi nổi của Lãng đối với cô con gái con Trần Văn Kỷ.

Chương 82: Kiên bị bắt giam. Nguyễn Lữ đến thăm Kiên tại nhà ngục. ở Hoàng đế thành, vua Thái Đức chán nản bỏ cả thiết triều. Lữ xin nhà vua tha chết cho Kiên.

Chương 83: Vợ chồng Lợi cố vận động để thoát nạn. Lo sợ, Lợi định trốn vào Gia định. Một lần nữa, Lợi thoát nạn. Lãng thổ lộ tâm sự với chị.

Chương 84: Trên đường ra Bắc giết Nhậm, Nguyễn Huệ gặp La sơn phu tử. Nguyễn Huệ nổi giận vì bọn hủ nho cố chấp. Đến Thăng long, Nguyễn Huệ ra lệnh giết Nhậm, rồi xếp đặt lại các quan chức.

Chương 85: Nguyễn Huệ tiếp kiến giới sĩ phu Bắc Hà. Ngô Thì Nhậm ra mắt riêng Trần Văn Kỳ, hai người tâm sự về văn chương, thời thế, lễ xuất xử của nhà nho. Nhậm được Nguyễn Huệ tin dùng. Cảnh Thăng Long qua mắt Lãng.

Chương 86: Phan Huy Ích vào Phú Xuân. Tâm trạng của Phan Huy Ích. Tình bạn giữa Phan Huy Ích và Trần Văn Kỳ. Sự lạc loài của Ích ở triều đình. Ích được giao tra xét vụ án gạo. Phạm Văn Hưng đem tin buồn từ Gia Định về. Nguyễn Huệ tiếp Kỳ và Ích bàn luận về lễ trung quân và chính thống.

Chương 87: Vụ gạo thêm rắc rối. Các tranh chấp nội bộ giữa các phe phái ở Phú xuân. Bất lợi của phe Bùi Đắc Tuyên. Lãng được gặp mặt và nói chuyện với con gái Trần Văn Kỳ lần đầu. An báo cho Lãng biết cô Cúc con Trần Văn Kỳ

có bệnh nan y. Lãng hoang mang tự tìm hiểu mình.

Chương 88: Phan Huy Ích được trở về bắc làm việc với anh vợ là Ngô Thì Nhậm. Buổi tiệc tiễn hành đậm bạc. Trần Văn Kỷ phân tích thái độ ngập ngừng của Phan Huy Ích. Lại tranh luận về chính thống. Phan Huy Ích từ biệt Nguyễn Huệ. Nhà vua nghi ngờ khả năng của nhà nho.

Chương 89: Ngô Thì Nhậm qua mắt Phan Huy Ích. Nhậm cho Ích đọc thư chửi bới mình của bọn hủ nho Bắc hà. Tâm sự giữa hai người.

Chương 90: Thái độ của các nho sĩ Bắc Hà trước lời mời hợp tác của đại tư mã Ngô Văn Sở, trong lúc có tin Chiêu Thống đang rước quân Thanh về xâm lăng đất tổ. Ban tham mưu Tây sơn bàn

chuyện chống giũ. Cuộc họp mặt của giới sĩ phu Bắc Hà trước nạn xâm lược. Tâm trạng xấu hổ tủi nhục cho nghiệp nho của Nhậm.

Chương 91: ở Phú Xuân, An được Ngọc Hân nhờ vào cung thêu áo bào cho Nguyễn Huệ. Lợi tham gia vào vụ đốt kho thóc, giữa lúc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi đế. Lợi bị bắt và bị hành quyết.

Chương 92: Tình cảnh mẹ con An sau khi Lợi chết. Lãng dẫn chị và hai cháu đi thăm mộ. Phú xuân nhận được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long. Tâm sự giữa An và Lãng trước hôm làm lễ đăng quang.

Chương 93: Lễ đăng quang sáng 25 tháng 11 Mậu Thân (1788) và sau đó là lễ xuất sư. Lãng tìm chị và hai cháu không được, theo đại quân ra bắc.

Chương 94: Vua Quang Trung ghé Nghệ an vờ La sơn phu tử đến hỏi ý kiến. Sự thay đổi quan niệm của Nguyễn Thiếp. Cuộc tuyển binh ở Thanh Nghệ. Nhà vua phủ dụ ba quân.

Chương 95: Đến đèo Ba đội. Các tướng lĩnh và văn thần báo cáo tình hình Bắc hà. Bàn luận kế hoạch tiến công. Lãng cho nhà vua biết ba mẹ con An đã trốn khỏi Phú Xuân.

Chương 96: Diễn tiến chiến thắng năm Mậu Thân từ lúc xuất phát ở đèo Ba đội cho đến lúc toàn thắng. Vua Quang Trung vào Thăng long. Quang cảnh cung điện vua Lê. Cảnh nô nức của dân chúng. Lãng đề nghị diễn tuồng Chàng Lúa để khao quân. Nguyễn Huệ gặt đi y như Nguyễn Nhạc đã làm sau khi thắng quân xâm lược Xiêm ở Rạch gấm, Xoài mút.

Chương 72

Khoảng cuối tháng 8 Bính Ngọ (tháng 9-1786), cả hai đạo bộ binh và thủy binh đều về tới Phú Xuân.

Sau hơn mười năm căn rặng nhẵn nhục, bây giờ dân Thuận Hóa mới có dịp ngẩng đầu lên kiêu hãnh. Cả kinh thành rộn rã như ngày hội. Cha mẹ, anh em, vợ con ra tận ngoại ô để đón những người chiến thắng, đem cái bịn rịn bi lụy gần ba tháng trước ra làm đề tài đùa cợt với nhau. Trên bến thuyền, một người vợ trẻ ôm cái nón lá vào ngực, đứng thút thít

bên anh chồng lính vừa trở về, dáng điệu e ấp ngượng ngùng của cả hai chứng tỏ họ chưa lấy nhau được bao lâu thì chồng đã nhập ngũ. Người vợ trẻ lấy rằng cần lấy vành nón để đưa cả hai ống tay áo lên quệt nước mắt trên má, trong khi anh chồng hỏi:

– “Nhà” lo lắm phải không?

Người vợ hạ tay cầm nón, đưa lên che bớt vẻ hân hoan pha lẫn ngượng ngịu:

– Còn hỏi!

– Có gì đâu mà phải lo?

– Nói như anh, thì...

– Tôi ra ngoài đó cũng lo cho “nhà” lắm. Mạ tính hơi nghiêm, sợ nhà chưa quen.

– Không. Mẹ thương em lắm. Mẹ nói khi nào thằng Bảy nó về... Không, mẹ mếu máo bảo nếu Trời cho thằng Bảy nó về được thì...

– Thì sao, hử “nhà”? Nếu về được! Rửa cả nhà đều tưởng tôi không về được à? Hay là chỉ có “nhà” mong cho tôi không về được, rồi đổ hô cho mẹ?

Người vợ lườm chồng, nhưng chị không giận vì biết chồng nói đùa:

– Anh chỉ nói bậy. Suy bụng ta ra bụng người!

– Bụng tôi thì lúc nào cũng nghĩ tới “nhà”. Nghĩ tới cái đêm...

– Thôi, đừng nói nữa. Anh “xấu lắm”.

– Ô hay! Tôi có nói gì đâu mà “nhà” bảo tôi xấu. Tôi bảo mỗi lần nhớ cái đêm

rằm đầu tiên tôi gặp “nhà” tại bữa k ở
o Chín, tôi trần trọc không ngủ được.
“Nhà” nghĩ sao mà lại đỏ cả mặt lên rứa?

– Thôi, anh ranh lắm. Anh định
nói... rồi thấy em không bằng lòng, lại
vờ bắt quàng sang chuyện khác.

Người chồng vẫn giả vờ ngây thơ:

– Ô hay! Nhà bảo tôi ranh là ranh
thế nào? Chẳng lẽ nhà không nhớ đến
đêm rằm ấy hay sao?

– Thôi. Không thèm nói chuyện với
anh nữa.

Anh chồng trẻ cười sung sướng:

– Không nói chuyện thì đứng ngắm
nhau vậy. Nhà hạ cái nón xuống một
chút, cho tôi xem kỹ thử nhà có hao gầy
chút nào không. Nếu nhà vẫn đẹp như

trước, tức là... Ừa, sao nhà lại che cả mặt mũi thế?

Sau vành nón rung rung, có tiếng cười khúc khích, sau đó có tiếng hỏi nhỏ, ngập ngừng:

– Anh này...

– À, nhờ Trời nhà đã chịu nói chuyện trở lại. Gì thế, nhà?

– Đã về được chưa?

– Chưa đâu. Phép nước nghiêm lắm. Nhất là Thượng công. Ông ấy nghiêm, nhưng không ác như bọn tay chân tên quận Tào híp mắt. Ông ấy đánh giặc giỏi thật. Quân ra đi lộn xộn ô hợp thế, nhưng chỉ vài ngày là đâu vào đó. Nghe có Thượng công trực tiếp chỉ huy, anh em yên tâm. Ông ấy nổi tiếng cầm quân trăm trận trăm thắng mà.

Người vợ vẫn bám vào cái ý cũ:

– Nhưng lúc nào mới về được? Mẹ mong lắm. Mẹ nói...

– Chứ nhà không mong chút nào phỏng?

– Anh này! Buộc em phải khai thật hết răng?

– Tôi muốn thế! Khai thật cho đỡ, cho thỏa cái khổ nhớ mong. Nhà biết không...

– Nhưng lúc nào anh về?

– Lúc nào có lệnh bề trên mới về được. Nghe đâu sau lễ mừng chiến thắng thì được về phép.

Người vợ nói, lo âu:

– Chỉ được về phép thôi à? Không

được về luôn hay sao?

Người lính trẻ cúi xuống xốc lại thanh gươm đeo bên hông, giọng kiêu hãnh:

– Về luôn! Đã hết giặc đâu mà về luôn?

Người vợ hốt hoảng hỏi:

– Còn giặc nào nữa?

Anh chồng bí, không biết trả lời thế nào, lắp bắp một lúc, rồi đáp liều:

– Còn khối giặc ấy. Không phía bắc thì phía nam. Không từ ngoài biển vào thì trên núi đổ xuống.

Cô vợ trẻ lại cắn lấy vành nón. Cô không muốn lại khóc trước mặt chồng. Người lính nhìn vẻ mặt thảng thốt tuyệt vọng của vợ, chạnh lòng, dịu dàng an ủi:

– Nhưng tôi chỉ nói vậy thôi. Sau lễ chiến thắng, thế nào cũng được về luôn với nhà.

Người vợ không dám tin, giọng buồn buồn:

– Em không lo cho thân em, chỉ lo cho...

Người chồng cắt lời vợ:

– Mạ khổ cực cả đời quen rồi.

Người vợ đột nhiên đỏ mặt, lí nhí nói:

– Không. Em không có ý nói thế. Em cũng có lo cho mạ. Không có anh, mạ buồn cả ngày không nói năng gì. Nhưng em lo nhất là... lo nhất là... anh này...

– Gì thế mình?

– Anh không thấy em có gì khác rắng?

Người chồng chăm chú nhìn vợ để tìm điểm khác thường, nhưng anh không tìm được gì cả. Anh do dự, rồi hỏi:

– Nhà có khác gì đâu? Chỉ đẹp hơn trước. Da dẻ như căng lên, mắt ánh lên...

Cô vợ không giấu được sung sướng, rụt rè nói:

– Anh đi ngắm gái Bắc Hà cho thỏa thích, được họ dạy cách nói điêu, nên bây giờ nói với em toàn lời không thật. Em không tin đâu. Hồi trước, anh chỉ ấp úng, chứ có nói thế này đâu.

– Tại lúc đó tôi ngượng muốn nói nhưng lưỡi cứ đơ ra, cổ họng nghẹn lại. Bây giờ thì...

– Thôi, em phải về.

– O, về sớm thế?

– Hình như có ai gọi anh dưới thuyền?

Người chồng quay lại, quả nhiên các bạn đã xuống thuyền gần hết. Cô vợ cuống quýt sợ phải xa chồng, hấp tấp nói:

– Em muốn báo cho anh tin... tin mừng này.

– Gì thế? Thật không? Đừng nói đùa nhé!

– Thật chứ. Hình như em có mang, anh ạ!

– Được. Tao sẽ xuống liền. Thật sao nhà? Được mấy tháng rồi?

– Có lẽ được ba tháng. Em thêm ỏi với khế.

– Tao xuống liền mà. Xuống ngay! Trời ơi! Tôi có con thật không nhà? Thế là mạ vui rồi. Mạ chỉ mong có cháu nội để bồng. Nhà cho tôi cầm tay một cái đi.

– Không. Kỳ lắm. Người ta trông cả lên đây! Xuống ngay với họ đi!

Anh chồng cười nhỏ, rồi chụp lấy tay vợ đưa lên áp vào má mình. Dưới bến thuyền, bạn bè anh lính trẻ cười vang cả một khúc sông!

✱

Nguyễn Huệ vào dinh gặp vua anh, được quan nội hầu báo cho biết quan Tiết chế Nguyễn Lữ vừa đưa vua Thái Đức đi xem cho biết vẻ huy hoàng của vương phủ cũ họ Nguyễn. Nguyễn Huệ phải ngồi chờ một lúc, hai anh mới trở về. Nhà vua tươi cười bảo:

– Chúng nó giàu có thật. Cửa cải tích lũy tám đời, hèn gì dinh thự sang trọng đến thế. Cung phủ làm toàn bằng gỗ quý. Nhưng bàn kỹ, đồ đạc, màn trướng thì chỉ xoàng xoàng thôi.

Nguyễn Huệ đáp:

– Có lẽ trước đây cách trang hoàng phải sang trọng rực rỡ lắm. Nhưng khi Tĩnh vương Trịnh Sâm xua quân vào chiếm thành Phú xuân, bao nhiêu đồ đạc quý giá đều bị tháo gỡ cả. Trấn thủ Thuận hóa sửa sang lại, đâu dám vượt quá mức sang trọng của phủ chúa ngoài Thăng Long.

Nhà vua nhìn thẳng vào Nguyễn Huệ, lấy hơi muốn nói gì đó, nhưng lại thôi. Nhà vua thấy em chờ đợi, phải hỏi lảng:

– Chú mới đến à?

– Dạ.

Nguyễn Lữ hỏi:

– Mấy ngày nay dân Phú Xuân rậm rức, như đang lên cơn chú thấy không?

Nhà vua hỏi Lữ:

– Lên cơn điên à?

Lữ đáp:

– Dạ không. Mà có lẽ họ điên thật. Họ nghĩ họ vừa trả được cái hận mười năm chịu đựng đàn áp của quan quân nhà Trịnh, nên ai nấy đều hả hê. Quân ta kéo về đóng ở đâu là thiên hạ bu đến hỏi han, thăm viếng. Họ còn mang quà đến biếu nữa.

Nguyễn Huệ thấy đây là dịp tốt để trình bày ý định của mình:

– Em thấy ta nên cho làm lễ khao quân ngay tại đây. Dân Thuận Hóa đang chờ. Tổ chức lễ mừng, ta vừa phô trương được thanh thế, vừa đáp được sở nguyện của dân chúng.

Nhà vua cúi đầu, bóp trán suy nghĩ thật lâu. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ không dám nói gì, chờ quyết định của vua anh. Một lúc lâu, vua Thái Đức lấy tay vỗ vỗ vài cái vào trán nói:

– Gớm, khí hậu ở đây thật khó chịu. Mới đi với chú Bảy một vòng đã muốn nhức đầu sổ mũi.

Nguyễn Lữ nói:

– Vâng, ở đây lạnh đó rồi nóng đó.

Nguyễn Huệ nói:

– Lúc hạ được thành Phú Xuân,

thiên hạ hân hoan nhưng ta bận chuẩn bị đánh ra Bắc nên chưa có dịp. Vả lại lúc đó anh còn ở Qui Nhơn. Kịp đến khi anh ra thì vội quá, chỉ ghé để lấy thêm quân mà thôi. Bây giờ có cả ba anh em ta ở đây, sau khi chiến thắng ở Bắc Hà, em nghĩ cũng nên làm cái gì để dân Thuận Hóa hiểu rõ lẽ thống nhất, và được cơ hội chiêm ngưỡng long nhan. Đây lại là cố đô của họ Nguyễn, lòng người phức tạp hơn ở các nơi khác...

Nguyễn Nhạc bực dọc hỏi:

– Sao không chờ về Hoàng đế thành rồi làm luôn thế? Lúc diệt được quân Xiêm, chú cũng muốn khao quân ở Qui Nhơn để phô trương thanh thế. Ta ngăn chú vì còn sợ đe dọa từ phía bắc. Bây giờ bắc nam đều định, ta làm lễ mừng tại Qui Nhơn là phải.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Chúng ta kéo hết đạo quân về Qui Nhơn, bỏ trống mặt bắc hay sao?

Nguyễn Nhạc liếc nhìn em, suy nghĩ một lúc, rồi hỏi dò chừng:

– Ta đã rải thằng Duệ, thằng Sở và thằng Nhậm dọc một dải từ Nghệ An vào. Ở đây, dĩ nhiên cần có một người vững hơn để làm chỗ dựa cho ba đứa phía ngoài... Chú xem tên nào làm được việc đó?

Nguyễn Huệ hỏi lại:

– Xin anh chỉ định cho. Tướng tài còn lại, ngoài Chiêu viễn hầu và phò mã ra...

Nguyễn Nhạc cắt lời em:

– Hay chú Tám ở lại đây, được không?

Nguyễn Huệ đã biết được điều lâu nay ông tiên liệu, nên chậm rãi, bình tĩnh đáp:

– Xin tùy anh định liệu.

– Nhưng ý chú thế nào? Đây là một việc quan hệ cả xã tắc. Chú nghĩ thế nào, cứ nói cho ta biết.

Nguyễn Huệ hỏi lại:

– Hiện nay bọn tay chân thẳng Chúng có làm gì không?

Nguyễn Nhạc cười, nói:

– Cũng có đấy. Phạm Văn Tham giữ Gia Định, chắc không đến nỗi như hộ bộ Bá và Đỗ Nhàn Trập. Nhưng ta vẫn chưa yên tâm. Chú Bảy về Qui Nhơn nghỉ ít lâu, rồi nên vào đó giúp thêm cho thẳng Tham. Bọn thẳng Chúng, một mình

chúng nó thì không ăn thua gì. Nhưng sau lưng còn có các cổ đạo với tàu sắt, thuốc súng, và bọn du côn tóc vàng mắt xanh.

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, mới thận trọng đáp:

– Nếu mặt nam không có gì đáng ngại, thì em xin lo mặt bắc.

Nguyễn Nhạc làm ra vẻ vui mừng nói:

– Thế thì còn gì bằng. Chú về Qui Nhơn thăm thím và mấy cháu, rồi sửa soạn dẫn thím ra đây luôn thể!

Nguyễn Huệ đáp:

– Em sợ... dân tình ở đây chưa yên. Không thể bỏ trống Thuận Hóa ngày nào được.

Nguyễn Nhạc thất vọng, hỏi:

– Gặp đến thế à? Thôi, cái đó tùy chú. Thím ra sau cũng được.

Nguyễn Huệ liền nói:

– Do đó, em mới xin làm lễ khao quân ngay tại đây. Có anh, dân Thuận Hóa mới vững tin ở lễ thống nhất, và những kẻ hai lòng hết còn dám mơ tưởng ngày họ Nguyễn trở lại.

Nguyễn Nhạc cười nhẹ, giọng pha chút mỉa mai:

– Chú mới ra đây có mấy tháng mà đã mê con sông Hương rồi nhỉ! Thôi được. Làm lễ khao quân hay không là tùy chú.

Nguyễn Huệ vội thưa:

– Nếu anh không muốn...

Nhà vua xua tay bảo:

– Sao lại không muốn. Được lắm. Nên lắm. Quái. Sao nhức đầu thế này. Chú cứ cho chọn ngày làm lễ gấp đi. Ta cũng nóng ruột, muốn về gấp Qui Nhơn.

Nhà vua đưa tay che miệng ho một tràng, rồi hỏi Nguyễn Lữ:

– Chú đi gọi thầy thuốc cho ta. Nghe nói có tên ngự y cũ của Duệ Tôn, phải không?

✱

Bên một bãi cỏ phẳng nằm dọc theo bờ sông, nơi được dùng làm sân tập, hai vợ chồng một người lính già đang ngồi nói chuyện. Người chồng, khoảng gần 50, khuôn mặt xương xương, da đen, tóc

rụng nhiều nên cái búi sau ót chỉ lớn bằng củ tỏi. Người vợ có vẻ già hơn chồng, tóc bạc và rối bù, miệng móm, nước cổ trâu đọng thành vệt ở bên mép phía phải. Cách chỗ họ ngồi độ mười bước, hai đứa con nhỏ một đứa lên bảy, một đứa lên mười mặc quần áo vải sô đen vá mạng nhiều chỗ đang lúi húi tìm bút bông cỏ may.

Người vợ thấy chồng lâu lâu ngoái nhìn về phía sân tập với đôi mắt háo hức thèm thuồng, bực bội hỏi:

– Ông nhìn cái gì thế?

Người chồng sợ vợ giận, vội nói:

– Coi thử họ sắp về trại chưa!

Người vợ ngờ ngợ nhìn vào mắt chồng một lúc. Người chồng quay mặt đi. Người vợ hỏi:

– Tập cái gì vậy?

– Tập để dự lễ đấy!

– Lễ gì nữa?

– Lễ khao quân. Nghe nói làm lớn lắm. Mẹ nó này, hôm đó rán đi coi cho biết. Mấy thuở!

Người vợ lắc đầu, chán ngán:

– Vui vẻ gì mà coi. Không biết mấy đám rộc có kịp gặt không? Đây, chừng nào ông về được?

– Bà hỏi cái gì?

Người vợ cúi kính:

– Ông ham cái gì mà cứ quay nhìn trong đó vậy? Chẳng lẽ đến chừng này tuổi mà ông còn ham những trò con nít. Tai ông để ở đâu? Tôi hỏi chừng nào ông về?

– Về? Về sao được! Đã có ai về đâu?

– Không về ai gặt cho hết mấy đám rộc? Nước đang lớn. Gặt không kịp đôi cả lũ.

Người chồng lắc đầu, lo nỗi lo của vợ:

– Chớ trong xóm không mượn được ai sao?

– Mượn! Ông nói như người đang mơ ngủ. Trai tráng đi hết cả, đàn bà con nít làm ngày làm đêm mới được mấy đám lúa đó. Bây giờ nước dưng không ai gặt kịp. Các ông đi khỏe thân, tưởng ở nhà sướng lắm hả?

Người chồng phân trần:

– Nhưng biết làm sao! Lệnh quan phải tuân. Bà có thấy ai trốn được đâu.

Vả lại đánh giấc Trịnh là chuyện chung. Bao năm nay bà khổ sở không biết do ai hay sao?

– Đánh giấc là bọn trẻ kia! Chứ ông già chừng này tuổi, vợ con nheo nhóc, cầm có nổi cán giáo đầu mà vác thân ra tận Bắc.

Người chồng bị chạm tự ái, quắc mắt lườm vợ, lầm bầm:

– Nói thế mà nói được!

– Chỉ tại ông ham vui mới không chịu về. Lại quay nhìn trong đó. Ông ham tập diễn binh lắm hả?

– Ai ham! Nhìn chừng coi họ sắp về chưa!

Người vợ sửa lại khăn đội đầu, nhỏ cổ trâu xuống đất, rồi hỏi:

– Vậy chớ làm lễ xong, đã về được chưa?

– Ai mà biết!

– Ông không biết thì ai biết! Chẳng lẽ ông bắt một mình tôi nuôi một đàn bảy đứa con.

– Bà lên quan mà kiện. Cho về hay không là tùy quan trên!

– Tại ông ham vui không chịu về nên quan trên mới giữ lại.

– Vui cái gì!

– Không vui mà cứ lóng ngóng nhìn vào bãi tập hoài?

Người chồng nổi giận, sừng sộ:

– Sao bà sắc mắt với tôi quá vậy? Vợ chồng người ta, thấy chồng vác xác trở về được thì khóc mừng rỡ. Còn bà thì...

Người vợ bật khóc:

– Phải. Còn tôi thì... Tôi khổ cực mấy tháng nay có ai biết cho đâu. Một cái thân già này vừa lo chuyện cơm nước vừa lo chuyện ruộng nương. Tối thức quá khuya để giã gạo. Sáng dậy trước gà gáy để nhổ cỏ. Cái thân tôi chỉ còn một nắm xương. Thà chết quách đi cho mát thân. Ông được ra khỏi nhà như chim sổ lồng, còn tôi thì... ông thấy đấy. Chờ đến lúc khâm liệm xong, lũ nhỏ mới đi lạy các quan để ông về ông đưa ma cho tôi. Khổ quá đi mất. Sao Trời hành tôi chi tội nghiệp vậy hờ Trời!

Người chồng thấy vợ bù lu bù loa, sợ các bạn lính chú ý, phải hạ giọng dỗ dành:

– Thôi. Tôi hiểu bà rồi. Bà dẫn mấy đứa nó về đi. Sau lễ thế nào tôi cũng xin

quan trên cho về. Tôi già rồi, tay chân lóng cồng, có đi nữa chỉ tổ làm phiền anh em thôi.

Người vợ mừng rỡ, hỏi:

– Thật không? Ông nói thật chứ? Quan trên cho ông về hay không? Tôi nghe nói mấy ông trong Quảng ra khác mấy ông ngoài Bắc. Họ cũng dân làm ruộng, nên chắc hiểu tình cảnh mình.

Người chồng xua tay, bảo:

– Được, được. Nhất định họ hiểu. Bà cứ yên tâm!

– Nhưng ông phải liệu về sớm cho kịp mùa đót. Bớ Mít! Bớ Cu! Lại sửa soạn đi về con.

Người cha già chợt nhớ đến bốn phận làm cha, vẫy gọi hai đứa bé:

– Lại đây cha cho cái này.

Hai đứa nhỏ tò mò nhìn vào cái bọc áo lính của cha, hỏi:

– Cái gì thế, cha?

Người lính già móc ra đưa cho con hai cái vụn gỗ vông, công phu của những giờ ngồi canh ở một trạm gác nào đó trên đất Bắc.

✱

Sư cụ chùa Hà trung lên kinh thành Phú Xuân tìm thợ thuê tạc một pho tượng Phật bằng đá xanh thay cho tượng đồng đã bị tịch thu mấy tháng trước. Đến cửa ngõ vào thành, sư cụ mới biết hôm nay có ngày lễ khao quân. Hối không kịp nữa rồi! Vì phía trước, sau lưng

sư cụ những người là người, không còn có lỗi nào thối lui. Thiên hạ đổ ra đường cái còn hơn cả ngày Phú Xuân được giải phóng. Không thể làm gì được, sư cụ cứ để mặc cho đám đông đưa đẩy.

Sư cụ ở trong đoàn người ở ngoại thành vào Phú Xuân xem diễn binh. Đường xa, nhiều người lại tưởng thế nào việc chuẩn bị cũng trễ tràng chùng chình, khỏi phải khổ công thức dậy từ canh ba để lặn lội lên kinh đô. Hăng nấu xôi ăn lót dạ cái đã! Uống thêm bát chè tươi. Têm thêm một bọc trầu ăn đường! Dặn dò con cháu việc nhóm bếp, tháo nước, bỏ rơm cho bò, cẩn thận lửa củi v.v... và v.v... biết bao công việc phải dặn dò trước khi dứt áo ra đi. Cho nên đến cổng thành thì đã trễ quá! Trong kia, lễ đang tiến hành, và vì số người tứ phương kéo vào thành quá đông, quan trên đã ra

lệnh ngăn bớt lại. Người ta chưa biết phải làm gì, thì phía sau đã có lớp khác ùn tới. Rồi cảnh chen lấn bắt đầu diễn ra. Nắng gắt. Mồ hôi nhễ nhại. Bụi bay mù trời. La ó. Chửi rửa lẫn nhau. Cảnh tượng bát nháo hỗn độn. Sư cụ nhắm mắt lại, tay lần tràng hạt. Vài cậu thanh niên trẻ tuổi bực vì mất cơ hội xem lễ, bứt rứt chôn chân giữa đám đông khét nắng và hôi hám, nhìn quanh tìm chuyện giải trí. Họ tìm được sư cụ. Những câu chế giễu xa gần bắt đầu:

– Bạch sư cụ, sư cụ chen chúc làm chi giữa cỏi hồng trần này?

– Sư cụ già thế, không khéo bị chèn đến phải về Niết bàn thôi!

– Sư cụ đi đòi chuông đấy, chúng mày ạ!

– Nghe nói họ khuân về vô khối chuông. Mà chuông Bắc Hà, phải biết. Lớn thế này này. Năm sáu người nắm tay nhau ôm cũng không hết. Mặc sức sử dụng lựa nhé.

– Mất chuông nhỏ, bây giờ phải lên đòi cho được một cái chuông thật lớn.

– Lớn bằng cái mồm nói khoác của mày đấy! Chuông gì mà bảy, tám người ôm không xuể.

– Tao nói năm, sáu chứ không phải bảy, tám.

– Thì cũng thế thôi. Năm sáu hay bảy tám đều là nói khoác.

– Để chốc nữa mày vào mà xem. Ở cái bãi bày chiến lợi phẩm ấy. Nghe nói có đủ súng lớn, súng nhỏ, voi ngựa, chuông tượng Bắc Hà.

– Á à, mà “nghe nói” chứ chưa xem tận mắt. Thế mà dám bảo có cái chuông lớn đến bảy, tám người ôm.

– Tao nói năm, sáu không phải bảy, tám.

– Thì cũng thế thôi.

Sứ cụ không thèm để ý các lời qua tiếng lại, điềm nhiên lim dim mắt lần tràng hạt. Bỗng phía trước có nhiều tiếng lao xao, rồi đám đông bị dội ngược phía sau. Mọi người vừa kinh ngạc vừa lo âu, đua nhau hỏi:

– Cái gì thế?

– Có gì nguy hiểm phỏng?

Phải mất một lúc lâu, phía trước mới chuyển được các lời giải đáp đến phía sau. Hoài của! Trong thành, lễ khao

quân đã vãn. Như còn tiếc cái công chen lẫn, người ta cố không tin rằng lễ đã tất. Nhiều người hỏi chuyển ra phía trước và kiên nhẫn chờ đợi để được đáp chuyển lại:

- Lễ xong thật à?
- Có lý nào! Còn sớm quá mà!
- Không, lễ xong rồi.
- Sao không thấy người ta ra về? Hay là có đứa xấu lừa dối người ta?
- Vì biết phía ngoài cửa này đông nghẹt những người, nên quân canh buộc phải đi ra bằng cửa bắc. Chờ cho đến lúc vắng bớt mới mở cửa này.
- Mở cửa làm gì nữa? Còn gì đâu mà xem.
- Không biết mặt mũi vua Tây Sơn

thế nào? Chắc giống ông Long Nhường lắm nhỉ? Anh em ruột mà!

– Cậu biết mặt ông Long Nhường rồi à?

– Thưa... thưa bác chưa ạ!

– Thế sao cậu bảo giống?

– Vì họ là hai anh em ruột, tất phải giống chứ.

– Cậu lẫn thần lẫn!

– Nghe nói hôm nay nhà vua không dự lễ!

– Thật à? Nhà vua không chủ lễ thì ai chủ lễ đây?

– Nghe nói nhà vua se mình. Vua anh vắng, thì đã có hai em đó. Có một mình Thượng công là đủ lắm rồi!

– Thượng công? Ai thế?

– Thì ông Long Nhuơng chứ ai.

– Sao lại gọi là Thượng công?

– Vì ông ấy ra diệt được họ Trịnh, phù vua Lê, nên được vua Lê phong tước công cho. Vì vậy mới gọi là Thượng công. Lại là rể của vua Lê đấy nhé! Công chúa Bắc Hà, phải biết!

– Chắc là đẹp lắm hỉ?

– Còn phải hỏi! Nghe nói vua Lê cho gọi mấy mươi nàng công chúa ra cho ông ấy tùy ý lựa chọn. Được vợ đẹp, lại lá ngọc cành vàng, thích nhỉ. Sụt, quên mất, có sư cụ đứng đây không nên nói chuyện tục lụy.

Sư cụ Hà trung vẫn không thay đổi nét mặt. Xâu tràng hạt ươn ướt mồ hôi, nham nhám bụi đường.

Đúng lúc đó, cửa thành xịch mở. Đám đông vừa định xô nhau tiến lên phía trước thì một toán lính đã hươ giáo, la lớn.

– Hết lễ rồi. Về đi. Tránh ra hai bên cho võng quan Trung thư qua. Tránh ra! Tránh ra xa. Kia. Đã bảo nép sang hai bên còn cố rướn cổ nhìn vào trong. Còn gì nữa mà nhìn.

Một lát, có một toán lính ăn mặc đẹp khiêng cái võng phủ vải điều kín đáo chạy qua. Đám đông nhìn theo, ao ước:

– Quan Trung thư có khác. Nằm võng, sướng nhỉ! Khỏi nắng nôi gì cả!

Một người ra vẻ thành thạo nói:

– Quan Trung thư là dân Phú Xuân đấy. Ông đồ Kỷ, bà con biết không?

Không ai biết đồ Kỷ là ai, trừ sư cụ chùa Hà trung. Nhưng sư cụ đứng nép bên đường, mắt vẫn lim dim, tay lần tràng hạt.

Toán lính dẹp đường chờ đoàn khiêng vồng đi khỏi mới trở vào thành. Chiếc áo nâu sồng của sư cụ khiến họ chú ý. Một anh lính trẻ ngớ ngàng nhìn sư cụ, sợ sệt, đến gần, lí nhí thưa:

– Bạch thầy, thầy đi đâu đây?

Sư cụ mở mắt nhìn anh lính, chưa nhận ra ai. Anh lính nói:

– Con là điệu Tánh của thầy đây mà! Thầy không nhận ra con ư?

Sư cụ nghe chú tiểu chùa Hà trung xưng tên, mở lớn cặp mắt già nhìn cho rõ hơn. Quả là điệu Tánh thật! Sư cụ mỉm cười hỏi:

– Chú đấy à? Chú đọc kệ thì ê a chữ được chữ mất, nhưng quát tháo thì rành rọt đấy chứ.

Đám đông quanh hai thầy trò cười ồ. Mọi người vui mừng vì đã tìm được một câu chuyện để về kể lại cho người nhà nghe, câu chuyện khá xứng với công chen lẩn và lặn lội từ sáng sớm lên kinh thành. Về sau, cuộc gặp gỡ ấy trở thành giai thoại của dân Thuận Hóa!

✱

Đúng như người ta đồn đãi, hôm ấy vua Thái Đức bị mệt không chủ tọa lễ mừng chiến thắng được. Trên đài cao, dưới tàn lọng gấm, chiếc ngai ở giữa bỏ trống. Cho nên sau khi lễ tất, Nguyễn Huệ hướng dẫn các quan và tướng lãnh vào dinh Thuận Hóa vấn an nhà vua.

Mọi người đều thấy vua Thái Đức dầu dầu nét mặt, ít cười nói như mọi khi. Nhưng không có dấu hiệu gì chứng tỏ nhà vua quá mệt đến nỗi không ngồi vững trên ngai để chủ lễ. Mỗi thắc mắc đó, mỗi người giữ riêng cho mình, không ai dám nói với ai.

Nguyễn Huệ đứng ra giới thiệu từng người với nhà vua xong, thì quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ, với tư cách thay mặt sĩ dân Thuận hóa, tiến lên vấn an và chúc tụng nhà vua. Nghe bảo Trần Văn Kỷ là một nhà nho có nhiều uy tín của Phú Xuân, vua Thái Đức vội hỏi:

– Ông đã đỗ ông nghè chưa?

Trần Văn Kỷ chấp tay lễ phép đáp:

– Tâu hoàng thượng, thần chỉ đỗ cử nhân thôi ạ.

Nguyễn Nhạc liền hỏi:

– Thế Thuận Hóa không có ông nghệ nào khác ư?

Nguyễn Huệ đáp thay cho Trần Văn Kỷ:

– Vì trước đây họ Nguyễn chỉ tin dùng bọn con cháu và các thế tộc công thần, nên không chú ý đặt khoa thi để kén nhân tài như ngoài Thăng Long.

Trần Văn Kỷ nói thêm:

– Trước đây chúa Nguyễn chỉ mở thi hương chứ không cho mở thi hội. Mỗi khi khảo thí thì lấy học sinh hoa văn nhiều gấp năm lần chính đồ, và những nơi quan yếu thì ủy cho họ hàng coi giũ, người đậu hoa văn thì giúp việc. Người đậu thi hương, bắt đầu bỏ đi làm tri phủ tri huyện chỉ coi việc kiện tụng, thứ

nữa thì làm ký lục giữ việc đòi thu thuế. Những việc lớn, họ Nguyễn không bao giờ hỏi han gì đến kẻ có học [Phủ Biên Tạp Lục, trang 242, 243.]

Nguyễn Nhạc hất đầu về phía Nguyễn Huệ, mỉm cười bảo Kỷ:

– Như vậy ông cử đã được cặp mắt xanh của Thượng công nhìn tới rồi nhé!

Trần Văn Kỷ vái Nguyễn Nhạc, rồi thưa:

– Hoàng thượng dạy quá lời, thần chỉ là một lão đồ gàn lâu nay không ai thèm dùng. Chỉ vì Thượng công quá tin lời tiến dẫn đẩy thôi.

Nguyễn Nhạc nói:

– Không. Ông đừng nói nhún. Ta về Qui Nhơn, mọi việc khó khăn cực nhọc

ở đây giao lại cho em ta lo cả. Ông là nhân sĩ Thuận Hóa, nên hết lòng giúp em ta. Thượng công làm được việc thì bà con, anh em, láng giềng của ông được nhờ chứ có ai vào.

Trần Văn Kỷ đáp:

– Xin tuân mệnh Hoàng thượng!

Trần Văn Kỷ lui ra rồi, trong sảnh đường chỉ còn lại các tướng lãnh quen thuộc từng vào sinh ra tử từ thuở đầu với anh em nhà vua. Cho nên không khí trong sảnh đường đột nhiên đổi khác, thân mật hơn, chơn chất hơn. Cách đối đáp cũng bớt hằn khách sáo, văn hoa theo nghi lễ. Nhà vua hỏi Nguyễn Huệ:

– Sao? Lễ lạc thế nào?

Nguyễn Huệ buồn rầu đáp:

– Không có anh chiếc ngai bỏ trống nên...

Vua Thái Đức hấp tấp bảo:

– Sao lại bỏ trống? Một là chú đẹp quách đi cho thiên hạ khỏi chú ý. Chú thạo việc đó lắm mà. Hai là...

Nhà vua bỏ lửng câu đang nói. Nguyễn Huệ sa sầm nét mặt. Căn phòng im phăng phắc, không ai dám thở mạnh. Nguyễn Nhạc quắc mắt nhìn khắp mọi người, rồi cười hỏi Nguyễn Lữ:

– Lẽ vui chứ?

Nguyễn Lữ liếc nhìn Nguyễn Huệ, rồi rụt rè đáp:

– Dạ vui.

Nguyễn Nhạc cười một tiếng nhỏ, rồi hỏi:

– Dân Thuận Hóa được ngắm mãi nhân những người anh hùng lừng lẫy đấy nhỉ! Chắc đông lắm!

Nguyễn Lữ đáp nhát gừng:

– Dạ đông.

– Ai đọc bài chiếu chiêu an?

– Dạ chú Tám.

Nhà vua quay sang Nguyễn Huệ:

– Bài chiếu khéo lắm. Hùng lắm. Ai soạn thế?

Nguyễn Huệ đáp chậm:

– Dạ, quan Trung thư lệnh.

– Trung thư lệnh? Ông đồ lúc nãy phải không?

– Vâng.

– Văn từ cũng khéo, như cồng Chỉnh vậy. Nhưng xem tướng thì hần thâm trầm hơn. Đáng ngại lắm đấy. Thà bao nhiêu mưu chước lộ hẳn ra như cồng Chỉnh còn dễ đề phòng. Đằng này...

Nhà vua lại bỏ lửng câu nói, để hỏi câu khác:

– Dân Thuận Hóa đối với bài chiếu thế nào?

Nguyễn Huệ đáp:

– Dạ chưa lường được. Ban đầu lúc nào cũng thuận lợi, vì ta gỡ giùm cho họ cái ách nhà Trịnh. Nhưng sau đó, chắc chắn có nhiều kẻ sinh sự, có nhị tâm.

– Dĩ nhiên là như vậy. Họ quên ngay họ Trịnh để chăm chăm nhìn vào chúng ta. Hiện giờ họ còn đợi xem sao đã.

Nguyễn Huệ vội nói một cách trịnh trọng:

– Cho nên xin Hoàng thượng cho phép lưu đại quân ở lại đây ít lâu, để ổn định tình thế.

Nhà vua cười, nụ cười hơi chua chát pha lẫn mỉa mai, như ngầm bảo Huệ: “Ta biết mà, thế nào chú cũng đem chuyện này ra nói. Không trước thì sau. Mãi đến bây giờ chú mới tìm được dịp tốt”. Nguyễn Nhạc hất hàm hỏi Ngô văn Sở:

– Ý chú thế nào?

Ngô Văn Sở đáp ứng thưa:

– Tàu hoàng thượng, phần lớn đạo bộ binh của thần là dân Thuận Hóa...

Nhà vua cắt lời Sở:

– Thôi khỏi dài dòng. Chú muốn ở lại chứ gì! Còn chú Lân?

Phạm Văn Lân do dự một lúc mới đáp:

– Dạ... tàu hoàng thượng, hiện nay tình thế quanh đây vẫn còn lộn xộn lắm. Ai muốn làm gì thì làm. Gần như không có phép nước nữa.

– Chú cũng khéo chẳng kém gì chú Sở. Còn chú Tuyết?

Nguyễn Văn Tuyết có thì giờ chuẩn bị, nên đáp ngay:

– Tàu hoàng thượng, thần xin tuân chỉ hoàng thượng.

Nguyễn Nhạc cười lớn, rồi ho một tràng dài. Cổ gàn cơn ho đến đỏ cả da mặt, nhà vua nói:

– Xem chừng các chú thích ở lại đây hơn là về Qui Nhơn, có phải thế không? ở đây cảnh đẹp, người đông, về chi cái xó núi hiu quạnh.

Nguyễn Huệ vội nói:

– Các tướng sĩ vâng mệnh Hoàng thượng ra đi, nên cũng muốn chu toàn phận sự được Hoàng thượng ủy thác. Hiện Bắc Hà chưa yên, vua Lê non yếu thế nào con cháu nhà Trịnh cũng tìm cách trở lại. Dân Thuận Hóa thì không thiếu những kẻ còn mơ tưởng chuyện khôi phục triều cũ. Nếu đại quân về Qui Nhơn ngay, sợ lòng người lại sinh này nọ!

Nguyễn Nhạc gắt gỏng:

– Nhưng các chú quên vợ con các chú còn ở Qui Nhơn hay sao? Các chú tưởng

tụi thằng Chủng (Gia Long) đã chết rấp ở Xiêm hay sao? Một mình thằng Tham (Phạm Văn Tham) liệu giữ được Gia Định không? Hấn lo xa dời dinh trại lên Cầu sơn, lừa dân xây phố ở một chỗ cho dễ kiểm soát. Nhưng Gia Định xa xôi, sông rạch chằng chịt, bọn vô lại, trộm cướp, bọn di thần nhà Nguyễn, bọn cố đạo, bọn đánh thuê tóc vàng nhan nhản mọi xó xỉnh, đã chắc gì thằng Tham giữ nổi. Vạn nhất thằng Chủng lại kéo quân ra, thì vợ con các chú chạy ra tận đây có kịp không?

Cả sảnh đường lại im phăng phắc. Từ xa thật xa đưa lại tiếng trống thu quân. Trên nóc sảnh đường, một con chim sẻ non chim chíp gọi mẹ. Thật lâu, nhà vua mới nói, giọng chán nản:

– Các chú đừng ỷ sức trai, tham lam nhìn qua bên kia Lũy Thầy. Ta từng này

tuổi, tóc bạc cả mái đầu, không hiểu thời cơ hơn các chú hay sao? Các chú kéo quân ra Bắc là một việc liều lĩnh, nhưng không có hại gì. Họ Lê họ Trịnh lo tranh giành, thanh toán nhau, ta càng đỡ bận tâm mặt Bắc. Sở dĩ ta cho thẳng Duệ ở lại Nghệ An, chỉ vì muốn đề phòng giặc từ xa, chú ý ta chỉ muốn giữ cái phần đất thuộc Đảng Trong mà thôi. Ôm lấy Bắc Hà là ôm lấy cục nợ. Các chú phải nhớ điều đó! Dĩ nhiên Thuận Hóa chưa đại định mà bỏ trống thì loạn. Các chú cần ở lại ít lâu để mọi sự đầu vào đó, khi tương đối ổn định thì rút về. Ngựa hay đến đâu cũng không nên chạy xa chuồng. Cọp xuống đồng chỉ tổ làm môi cho lũ thợ cày. Các chú phải nhớ!

Nguyễn Huệ đáp nhỏ:

– Xin lĩnh ý Hoàng thượng!

Nhà vua đổi giọng hòa nhã, thân mật bảo em:

– Ta bằng lòng để chú Tám lại Thuận Hóa để lo mặt Bắc. ở đây không có chú, không xong. Đại quân thì... thì có thể lưu lại Thuận Hóa ít lâu, chờ tạm yên hã hay. Hôm nay ta không được khỏe, thời tiết xứ này khó chịu quá. Ta có cái gắt chẳng qua vì quá lo cho đại cuộc, và sức khỏe yếu, chứ không có gì phiền các chú đâu. Các chú đừng buồn!

Ngô Văn Sở thưa:

– Anh em chúng tôi không bao giờ dám nghĩ quấy như vậy!

Nguyễn Nhạc cười xuề xòa:

– Ta biết! Ta biết lắm! Nếu anh em chúng ta không thương nhau, đùm bọc nhau thì đâu có thể làm được cơ nghiệp

hiện nay. Đó là mệnh Trời, mà cũng là ý nguyện của muôn người. Ta xa các chú, hoặc các chú xa ta tức là làm trái với mệnh Trời. Trái mệnh Trời thì không thể được. Các chú có gửi quà cáp gì về Qui Nhơn không? Quà rẻ tiền hay ít ỏi quá, ta không nhận chuyển đâu nhé!

Nhà vua cười lớn. Mọi người cười góp theo nhà vua, nhưng gượng gạo e dè hơn.

✱

Sau khi vấn an, các tướng lui hết, nhà vua giữ hai em ở lại, rồi truyền quan nội hầu gọi Lợi đến. Lợi đang bận túi bụi vì điều khiển một đám ký lục kiểm kê tất cả các kho tàng tịch thu được ở Phú Xuân lẫn Thăng Long, Yên Trường, nghe lệnh

triệu của nhà vua, vội vã vào dinh ra mắt Nguyễn Nhạc. Anh biết sắp xảy ra một việc quan trọng sinh tử đối với cuộc đời mình, nhưng chưa xác định được việc đó là gì.

Với nụ cười thân ái hiền hòa khác thường, nhà vua bảo Lợi:

– Con An nó trông đợi mày lắm đó. Có biết hôm ta ra đây nó nhẩn mày gì không?

Lợi lo lắng hỏi:

– Tàu Hoàng thượng, vợ con nhẩn gì ạ?

Nhà vua cười, bảo:

– Nó sợ mày mê gái sông Hương, quên đường về nhà. Đây là nó tưởng mày chỉ ra đây mà thôi. Nó mà biết mày

ra tận Thăng Long để lê la hết cao lâu này đến tữu điểm nọ, thì chắc nó nắm đuôi ngựa chạy theo ta chứ chẳng không!

Lợi không ngờ những cuộc ăn chơi trác táng của mình ở Thăng Long thấu đến tai nhà vua, xanh mặt sợ hãi, lí nhí đáp:

– Con chỉ muốn biết qua phong tục của chốn văn vật...

Nhà vua cười ha hả, cắt lời Lợi:

– “Ra xem phong tục và cách cày cấy” chứ gì? Hà hà! Chú mày lém chẳng thua gì ông cống Chỉnh.

rồi quay về phía Nguyễn Huệ, nhà vua hỏi:

– Có phải tờ bố cáo đó của lão Chỉnh soạn không?

Nguyễn Huệ đáp:

– Thừa vâng!

Nhà vua cười lớn hơn:

– Ta biết mà! Ngoài lão ta ra không ai tìm được cái có lạ lùng hơn! Chú Lợi mới theo lão ta ít lâu mà đã học được cái tính nhanh miệng đó rồi. Này Lợi! Chuyến này ta phải đích thân dẫn mày về Qui Nhơn cho con An đập đòn. Những gì mày làm ở Thăng Long, kể cả việc đi nghe hát buổi tối cuối cùng, ta có ghi đây cả.

Lợi hoang mang không biết nhà vua muốn dẫn mình đến đâu, cúi mặt thưa:

– Xin hoàng thượng tha tội cho!

Nhà vua xua tay nói:

– Mày không có tội gì với ta cả. Chỉ

có tội với con An mà thôi! Sao? Lo thu xếp về một lượt với ta chứ?

Thấy Lợi liếc nhìn về phía Nguyễn Huệ do dự, Nguyễn Nhạc tiếp:

– Hay cứ một mực xin ở lại đây như các ông tướng võ biên?

Lợi hiểu giờ quyết định đời mình đã tới! Hoặc ở lại đây với Nguyễn Huệ, hoặc theo nhà vua về Qui Nhơn! Lợi nhớ đến lời khuyên của Chỉnh! Nhớ đến An và hai con! Nhớ đến cái cảm giác ngây ngất của những chặng đường dài! Nhớ đến mấy năm ngục tù! Bao nhiêu ý tưởng thoát đến thoát đi, xô đẩy nhau, quay cuồng đảo điên trong một khoảng thời gian hạn hẹp. Mồ hôi rịn trên lưng áo Lợi, trong khi vua Thái Đức cứ dăm dăm nhìn Lợi để dò xét, chờ đợi.

Đúng lúc đó, Nguyễn Huệ hỏi:

– Việc kiểm kê các kho tàng đem về đã xong chưa?

Lợi mừng như người sắp chết đuối vớ được tấm ván trôi, vội đáp:

– Thừa chưa xong gì cả. Một lớp thuyền tải đem lên kho chưa kịp sắp xếp theo thứ, loại. Một lớp bọn quân tượng mang về chất đống lộn xộn. Đó là chưa kể đồ đạc kho Yên Trường.

Vua Thái Đức mỉm cười, hỏi:

– Vì thế chưa về được chứ gì?

Lợi đáp:

– Tàu Hoàng thượng, con sợ...

Nhà vua hỏi liền:

– Thế cần bao lâu mới kiểm kê xong để chở về Qui Nhơn?

Lợi tìm cách hoãn binh:

– Nếu phải cân lại tất cả số đồ đồng đồ sắt, thì e hơi lâu. Đó là chưa kể...

Nhà vua mất kiên nhẫn:

– Tính làm gì tất cả những thứ đó. ở đây chú Tám cần kim khí để đúc súng ống, mang về Qui Nhơn làm gì. Lương thực cũng để lại đây cho quân đủ ăn. Chỉ cần...

Nhà vua do dự, không muốn nói hết câu. Nhưng cả ba người đều hiểu nhà vua muốn nói gì. Nguyễn Nhạc cũng biết Lợi và hai em đã hiểu ý mình, nên dậm ra lúng túng, rồi cảm thấy khó chịu. Đôi mày nhà vua cau lại, ánh nhìn gay gắt. Nguyễn Lữ dựa người vào lưng ghế nhìn

lên nóc dinh để tránh gặp đôi mắt anh. Nguyễn Huệ hơi lúng túng, nhưng trấn tĩnh được ngay. Ông hỏi vua anh:

– Hoàng thượng định hôm nào khởi hành?

Nhà vua đáp cộc lốc:

– Mốt!

Nguyễn Huệ liền nói:

– Thế thì gấp quá. Sĩ dân Thuận Hóa vẫn ước ao được chiêm ngưỡng long nhan. Vả lại sức khỏe Hoàng thượng còn yếu.

Vua Thái Đức bực dọc, nói:

– Ta ở đây lâu cũng vô ích thôi.

Rồi, tự thấy vẻ cau có của mình, nhà vua gượng cười nói tiếp:

– Hơn nữa, xa Qui Nhơn quá lâu, ta không yên tâm. Ông Nhật lo một mình không xuể đâu. Chú Bảy cũng cần về nghỉ ít lâu để còn vào Gia Định.

Quay về phía Lợi, nhà vua bông đùa:

– Mà sợ đòn con An rồi phỏng? Không dám về phỏng? Chạy đằng trời cũng không trốn được tội đâu!

Nói xong nhà vua cười dòn. Còn Lợi thì sợ hãi đến nổi gai ốc suốt dọc sống lưng. Anh biết giờ phút sinh tử của mình đã định, và từ đây, chỉ còn một con đường là ở lại Phú xuân với Nguyễn Huệ. Lợi làm việc với nhà vua từ thời buôn nguồn, nên hiểu rõ ý nghĩa của những lời bông đùa hai ba nghĩa ấy!

★

Lễ tiễn đưa nhà vua về Qui Nhơn được tổ chức thật trọng thể.

Từ cửa ngõ môn thành Phú Xuân ra đến bến thuyền, quân lính ăn mặc chỉnh tề, đầu đội nón dẫu sơn bạc chóp đỏ, thắt lưng điều, gươm giáo chùi sáng loáng, đứng thành hai hàng ngay ngắn. Cờ đào tung bay nhuộm hồng cả một mặt thành và một khúc sông. Các chiến thuyền cũng trang hoàng cờ xí, đậu dọc theo hai bờ để hộ tống thuyền rồng ra đến cửa biển. Dân Thuận Hóa không được nhìn mặt rồng hôm lễ khao quân, rủ nhau đứng chực ở cửa thành để lóng ngóng chờ xem vua Thái Đức.

Họ lại thất vọng một lần nữa!

Nhà vua ngồi trên ngai gấm nhận lễ chúc thượng lộ bình an của các quan và tướng sĩ xong, liền gọi Nguyễn Lữ đến

bảo truyền lệnh chuyển hành lý xuống thuyền trước. Chỉ còn nhà vua và Nguyễn Huệ đứng trên thềm cao của dinh trấn thủ (vì đám tùy tùng đứng chờ nhà vua ở cửa thành). Nhà vua nghiêm nghị bảo em:

– Mọi việc ngoài này, bây giờ một mình chú phải gánh cả. Nặng đấy. Nhưng ta biết chú thừa sức. Quá thừa là khác! Ta chỉ có một điều lo thôi: là chú háo thắng quá, hư cả việc lớn. Không được tự chuyên như lần trước. Trừ việc nội trị từ Hải Vân đến Nghệ An chú tự liệu lấy, còn việc gì khác, chú phải chờ lệnh anh rồi hãy làm.

Nguyễn Huệ nghiêng mình đáp:

– Thừa vâng!

– Phần lớn binh lực ở cả ngoài này.

Tạm thời như vậy cũng được. Nhưng chú Bảy Lũ vào Gia Định xong, nếu tình thế trong đó bất ổn, bắt buộc ta phải triệu chú về. Chú liệu sắp xếp trước để nếu chú về, công việc ở Phú Xuân không bị trở ngại.

Nguyễn Huệ lại đáp:

– Vâng ạ!

– Mấy hôm nay ta đã nghĩ nhiều lắm. Nhất là nghĩ đến chú. Để chú ở lại đây là cần thiết và hợp lý nữa. Nhưng danh phận chú thế nào? Chẳng lẽ chỉ là một viên trấn thủ Thuận Hóa! Dĩ nhiên bọn thằng Duệ, thằng Nhậm phải ở dưới quyền chú. Trấn thủ Nghệ An là thuộc hạ trấn thủ Thuận Hóa, coi sao được! Cho nên ta có ý muốn phong cho chú với chú Lũ tước vương. Chú sẽ là Bắc Bình vương coi từ Hải Vân ra đến Lũy Thầy.

Không. Ta không lắm đâu. Nghệ An nên xem như một tiền đồn, chứ không nên xem như một trấn ở cương giới. Chú lo cho ta phần đất đó là tốt rồi. Chú Bảy thì gọi là Đông Định vương coi Gia Định. Qui Nhơn sẽ là trung ương. Ta chưa nói gì với chú Bảy vì còn dài ngày. Chú thì phải nói ngay cho chú yên tâm. Chú định nói gì thế?

Nguyễn Huệ định nói điều gì, nhưng khi nhà vua hỏi, ông vội nói:

– Dạ không. Không có gì!

– Chú muốn nói thì cứ nói, việc gì mà ngại. Chú không tin ta sao? Hay ta tính như vậy nên chú buồn?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc lâu, rồi đáp:

– Về việc quân thì anh giao phận sự như vậy đúng lắm, Thuận Hóa là đất mới khai khẩn, phải có chính sách riêng. Nhưng về đời sống, nếu tách Thuận Hóa khỏi Quảng Nam e gặp khó về lúa gạo. Năm nào Thuận Hóa cũng nhờ đến lúa Đồng Nai hoặc lúa Quảng đem ra thêm mới đủ.

Nhà vua sa sầm nét mặt:

– Thế hồi trước quận Tào xoay sở làm sao mà chẳng những Thuận Hóa đủ sống, mà còn đem nộp về Thăng Long nữa. Chẳng lẽ chú không đủ tài như thằng bị thịt đó.

Nguyễn Huệ vội nói:

– Hắn vẫn làm ngơ, để dải cho con buôn đem gạo Quảng ra ngoài.

– Vậy thì chú muốn gì?

Nguyễn Huệ thấy anh nổi giận, im lặng không nói thêm lời nào nữa. Nguyễn Nhạc dần bớt xúc động, cố lấy giọng ôn hòa bảo:

– Thôi việc đó tính sau. Cả chú cũng còn nhiều việc phải tính lắm. Như việc làm rể họ Lê, chú phải nói làm sao với thím đây? Việc nhà không xong tất việc nước phải rồi. Làm gì chú cũng phải nhớ đến gia đình ở Qui Nhơn. Nếu tình thế không đến nỗi đáng ngại, chú nên về Qui Nhơn liền. à, còn việc thằng Lợi đến đâu rồi?

Nguyễn Huệ đáp:

– Dạ đã làm xong mọi thứ lấy ở kho Yên Trường, và đã gửi cho anh Bảy.

Nguyễn Nhạc nhíu mày hỏi:

– Kho phủ chúa làm trước mà chưa xong à?

– Dạ thưa chúa!

– Hắn đâu rồi? Sao không đến tiễn ta?

– Dạ đã cử đi trả chuông cho chùa Thiên Mụ.

Giọng nhà vua xẵng hơn:

– Hắn không nhẫn gửi gì cho con An sao?

– Dạ có lẽ vì đi gấp quá...

Nhà vua nhìn thẳng vào mắt em. Nguyễn Huệ không tránh, nhìn thẳng vào đôi mắt xoi mói của nhà vua, nói chậm và rõ:

– Kính chúc Hoàng thượng thượng lộ bình an.

Nhà vua bậm môi không nói gì, quay gót bước về phía cổng. Quan nội hầu chỉ chờ có thế. Quan phất tay ra hiệu, tức thì hai hàng quân hầu đồng loạt tung hô “Vạn tuế. Vạn tuế”. Cờ đào giương cao hơn, gió đưa cờ phấp phới. Đoàn hầu cận vội bước theo sau nhà vua. Nguyễn Huệ đi theo sát anh, cách phía sau nhà vua một bước.

Nhà vua đến cửa Ngọ môn. Nhưng thay vì đi bộ một đoạn mới lên kiệu rồng đến bến thuyền cho dân Thuận Hóa được chiêm ngưỡng long nhan, Nguyễn Nhạc sai quan hầu gọi kiệu đến dưới cửa thành...

Một lần nữa, dân Thuận Hóa không được xem mặt vua Thái Đức.

Chương 73

Công chúa Ngọc Hân giật mình thức giấc sau một cơn ác mộng! Công chúa nằm mơ thấy mình đang nằm ngủ trong ngôi nhà trạm cũ kỹ xiêu vẹo ở Lũy Thầy. Bên cạnh Công chúa, Thượng công đang say giấc, nằm quay lưng về phía Công chúa, cánh tay trái co lên, bàn tay nắm chặt lấy mép chăn như cố sức kéo tấm chăn bông bọc nhiều xanh lên đến tận cổ. Mới đầu Công chúa tưởng Thượng công đang ngáy, nhưng về sau, chú tâm lắng nghe, Công chúa mới biết thứ âm thanh kéo kệt đều đặn và buồn

tẻ ấy không phải tiếng ngáy của chồng. Cũng không phải tiếng mọt gặm. Ngọc Hân mở to mắt để cố nhìn lên mái trạm. Căn phòng tối lờ mờ, bên ngoài trăng hạ tuần leo lét hắt chút ánh sáng vào nhà trạm qua các khe cửa, nên phải khó khăn lắm, Công chúa mới thấy được vật gì động đậy trên mái, ngay chỗ Công chúa và Thượng công nằm. Tiếng động lạ mỗi lúc một lớn. Lại có những lớp bụi mù mịt hăng như mạt cưa rơi khắp mặt chần. Lấy làm kinh ngạc, Công chúa choàng dậy để nhìn cho rõ. Thượng công trở mình ú ớ, rồi bàn tay trái bỏ mép chần để bầu lấy cánh tay phải, đoạn, Thượng công đưa cả hai bàn tay lên ôm chặt đỉnh đầu như sợ hãi. Công chúa càng kinh ngạc hơn, ngược nhìn mái nhà trạm lần nữa. Đúng lúc đó, Công chúa nhìn ra một đàn chuột lớn đang tranh nhau gặm cây kèo chính của nhà trạm. Chúng gặm quá nhanh

đến nỗi chẳng mấy chốc mấy cây kèo đã khuyu xuống, không đủ sức chống đỡ mái trạm nữa. Tiếng gỗ gãy rảng rắc, mái nhà hết sập chỗ này đến xiêu chỗ khác, trừ chỗ hai vợ chồng Công chúa đang nằm vẫn chưa việc gì. Một con chuột thật lớn, đang gặm cây kèo chính. Công chúa sợ quá, muốn lay chồng dậy nhưng tay chân tê dại, lưỡi lúu không nói được. Cây kèo khuyu dần, khuyu dần. Giờ phút khủng khiếp chờ đợi sắp đến. Đàn chuột bắt đầu chạy ra khỏi nhà, trừ con chuột đầu đàn nán lại để làm công việc phá hoại cuối cùng. Đến lúc cây kèo bị gặm đến quá nửa, không thể chịu nổi sức nặng mái nhà, cả khối rui, mè, gỗ, ngói đột ngột đổ ào xuống chỗ Công chúa. Lưỡi Ngọc Hân vẫn lúu không kêu được, nhưng đột nhiên tay Công chúa hết cả tê dại. Không kịp suy nghĩ gì, Công chúa đưa hai cánh tay lên đỡ lấy cây kèo gãy.

Thượng công vẫn không hay biết gì, nét mặt thản nhiên. Một lọn tóc quăn phủ lên góc trán cao, miệng hình như đang mỉm cười. Công chúa dùng hết sức bình sinh chống đỡ cây kèo, để mái nhà trạm khỏi đè bẹp Thượng công. Mái nhà nặng quá. Tay Công chúa run. Dù bậm môi nín thở để dồn sức chống đỡ, nhưng rõ ràng đôi mắt Công chúa lơ láo, chỉ thấy một mớ chao đảo quay cuồng trước mặt. Mái nhà cứ sa dần, sa dần. Thượng công cứ say ngủ. Tre gỗ kêu rảng rắc. Công chúa nín hơi cố đẩy cây kèo lên cao, nhưng đột nhiên, trong người Công chúa có cái gì gãy vỡ. Mắt Công chúa thấy một màu đen ủa đến phủ khắp. Công chúa tuyệt vọng thét lên một tiếng, và choàng tỉnh dậy.

Công chúa ngơ ngác nhìn quanh, và mừng rỡ khi nhận ra đây là dinh

Phú xuân chứ không phải nhà trạm ở Lũy Thầy. Trên sập bên cạnh Công chúa không thấy Nguyễn Huệ đâu. Đèn ở phòng ngoài sáng. Và Công chúa đang ôm chiếc gối nhiều hồng trên ngực.

Chưa dám tin mình đã hoàn toàn thoát nạn, Công chúa Ngọc Hân đẩy chiếc gối sang một bên ngồi dậy. Chiếc đệm gấm vẫn còn lốm dẫu thân người của Thượng công. Sờ bàn tay phải lên vết lốm thân yêu ấy, Ngọc Hân còn cảm thấy âm ấm. Sung sướng và chắc chắn ở ngoài ác mộng, Công chúa bước xuống khỏi sập, rón rén đến cửa nhìn ra phòng ngoài.

Nguyễn Huệ đang ngồi một mình trên tràng kỷ, cây hoàng lạp đã hao quá nửa. Công chúa lặng lẽ ngắm chồng, lòng thương yêu dâng trào đến ngạt thở. Công chúa muốn gọi chồng để kể lại cơn

ác mộng, nhưng thấy Nguyễn Huệ ngồi bất động trầm tư, Công chúa lo âu, ngại ngùng.

Từ vọng cao gần cửa Ngọ môn, tiếng trống chậm rãi báo canh ba! Ngọc Hân giật mình, hoang mang không hiểu vì sao Nguyễn Huệ dậy vào lúc quá khuya để ngồi lặng lẽ như vậy. Trong lúc băn khoăn lúng túng, Công chúa cảm thấy chói với, đưa tay vịn vào cánh cửa. Cửa đập vào tường ván khua động đêm yên tĩnh. Nguyễn Huệ giật mình quay lại. Ngọc hoàng lập chiếu lên khuôn mặt hốt hải tội nghiệp của Công chúa. Nguyễn Huệ hỏi:

– Công chúa chưa ngủ sao?

Ngọc Hân đưa tay trái đặt lên ngực để trấn an, thì thào hỏi:

– Thượng công có điều lo nghĩ gì thế?

Nguyễn Huệ đứng liếc nhìn ngọn hoàng lạp sắp lụn, thì thào:

– Đã qua canh ba rồi!

Nguyễn Huệ gật đầu, rồi nói:

– Công chúa đi ngủ đi!

– Còn Thượng công?

– Ta có chút việc cần nghĩ.

Ngọc Hân định van nài, nhưng bắt gặp cái nhìn vừa dịu dàng vừa có vẻ cương quyết kẻ cả của chồng, không dám nói gì nữa. Công chúa muốn vâng lời Nguyễn Huệ, nhưng hai bàn tay Huệ vẫn đặt trên vai Công chúa. Ngọc Hân muốn đứng mãi thế này, khỏi cần nói gì, khỏi cần làm gì, để tận hưởng thú hạnh phúc

trầm lặng đơn giản giữa lúc mọi người yên ngủ. Nguyễn Huệ cứ đứng như thế khá lâu, gương mặt bần khoản, gần như quên cả Ngọc Hân trước mặt. Công chúa nghiêng mặt, áp má lên bàn tay gân guốc của chồng, khẽ hỏi:

– Để đến mai có được không?

Nguyễn Huệ giật mình, vội bảo:

– Không. Công chúa cứ ngủ trước đi.

Nói xong, ông bỏ hai tay khỏi vai Công chúa, và trở ra phòng ngoài. Nguyễn Huệ lẩm bẩm một mình:

– Ta dừng lại chẳng? Ta bằng lòng đứng bên này Lũy Thầy nhìn ra phía bắc như một kẻ ngoài cuộc, để mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh, họ Lê, họ Trịnh, quận Thạc, quận Liễn cùng lũ quan thị xâu xé nhau giữa một đất nước tan

hoang? Như vậy bấy nhiêu việc ta làm lâu nay chẳng hóa ra vô ích sao? Cái gì đưa đẩy ta, thúc giục ta? Chính ta ra lệnh giống trống thúc quân nhưng cái gì thúc ta ra lệnh? Nhất định không phải vua anh vì nhà vua muốn ta dừng lại bên này Lũy Thầy! Vậy thì cái gì? Cảnh tượng dân Thuận Hóa đổ ra đường cười nói, hăm hở, la ó, gào thét? Khát vọng trả thù của một xứ sở luôn mười năm chỉ dám cúi đầu cam chịu? Hay là mệnh Trời? Vâng, có thể chính lòng Trời muốn ta thực hiện lễ công bằng khi đổ quân ra bắc. Nếu không như vậy thì tại sao nước và gió luôn luôn giúp ta: Nước sông Hương dâng cao để sủng ta tiện tầm bắn thẳng vào dinh lũy của quận Tào, trong khi nước sông Phú Lương lại rút xuống cho ta chiếm Phố Hiến. Không bao giờ gió thuận buồm phe địch. Những lời ta đối đáp với vua Lê tuy ứng khẩu theo lẽ

nghi, nhưng về sau, chính ta ôn lại cũng thấy không phải không có lý. Nếu không do mệnh Trời thì làm sao một nước đại định bao nhiêu năm bỗng nhiên sụp đổ tan tành, Trời không bày cớ để không ai động đến đũa cả! Mũi tên đã lao khỏi cung thì phải bay cho hết tầm. Thiên hạ ước mong như vậy. Lòng Trời khiến như vậy. Ta dừng lại chẳng? Nhưng không dừng lại thì anh ta sẽ nghĩ gì? Ta không phải người mù, nên cử chỉ, thái độ bức bối, cau có của nhà vua thế nào, ta còn nhớ hết. Tính tình anh ta ra sao, ta cũng hiểu rõ. Anh ta đã muốn là làm cho được, bất kể người cản đường là thân hay sơ. Gả con gái cho tên hàng tướng Vũ văn Nhậm để thêm vây cánh, gả Thọ Hương cho Đông cung Dương làm chiếc bình phong, xếp đặt cuộc hôn nhân của ta để giữ cho anh em Bùi Đắc Tuyên, Bùi Văn Nhật trung thành. Điều đáng tiếc là

đúng lúc anh ấy phải mạnh dạn tiến tới, anh ấy lại bảo dừng bên này Lũy Thầy! Thế là thế nào!

Khay bạc đựng chén sứ nước trà thơm và đĩa trầu không biết từ đâu, được đặt nhẹ trước mặt Nguyễn Huệ. Thấp thoáng một bàn tay trắng nuột nà, một ống tay áo lụa vàng. Phảng phất đâu đó mùi thơm của hoa lan. Và một tiếng cười trong. Nguyễn Huệ ngược lên, thấy Công chúa Ngọc Hân đang bối rối e thẹn vì chính sự sẵn sóc ân cần của mình. Thượng công cảm động. Chưa kịp nói gì, Công chúa đã sẽ sàng đi vào hậu dinh. Nguyễn Huệ lại nghĩ:

– Nàng có một nước da mịn màng trắng nuột. Chiếc cổ dài và tròn, trắng hồng đến tận chân tóc. Non dại, mơn mớn đến nỗi đôi lúc ta ngại ngừng, dù muốn lắm nhưng không dám đưa tay

vuốt nhẹ lên chiếc cổ quý giá ấy. Nàng đúng là một cái bông búp. Phải, một cái bông búp. Tội nghiệp. Cái bông non dại đó phải trải qua bao nhiêu lo âu trong mấy tháng qua. Lấy một người chồng khác xú đầy uy quyền, chưa kịp làm quen với hạnh phúc thì đã đội mấn trắng. Rồi phải chạy qua chạy lại để lập Tự hoàng. Ta làm khổ nàng không ít, nhưng cái thế buộc phải thế, không khác được. Rồi lại phải theo chồng về một xứ xa lạ, sống giữa những người xa lạ. Nàng lạc lõng biết mấy! Và càng chơi với lạc lõng, nàng càng dễ thương. Nàng như con chim non sớm lìa tổ chợp cánh cố tìm một nhánh cây vững có lá che nắng che gió. Nàng vui buồn tùy theo nhánh cây, nép mình ngoan ngoan dưới bóng che của ta. Mà nàng là công chúa nhà Lê đấy! Vì sao ta gặp nàng? Do tài mai mối của Nguyễn Hữu Chỉnh ư? Do lòng ta tham lam ư?

Không. Chính chỉ đưa lời theo ý Trời!
Và ta cũng gật đầu theo ý Trời. Trời đưa
Công chúa đến cho ta, ý muốn bảo cái
công lao mở nước từ Quỷ môn quan đến
núi Thạch bi không phải kẻ phàm phu
nào cũng giữ được. Cái ý nhất thống đã
có sẵn trong cuộc hôn nhân này rồi! Thế
mà anh ta lại muốn dùng? Một tổ tiên,
một phong tục, một tiếng nói, một lịch
sử, tại sao lại phải có Lũy Thầy? Ta dùng
lại chẳng? Không dùng thì anh ta sẽ nghĩ
thế nào? sẽ làm gì?

Bên ngoài, trống đã điểm canh tư!

✱

Sáng hôm sau, lúc nghe Lãng trình
báo các tin tức Bắc hà xong, Nguyễn Huệ
cho vời quan Trung thư lệnh Trần văn
Kỷ đến ngay. Nguyễn Huệ nói với Kỷ:

– Có lẽ đã đến lúc rồi đấy, cụ ạ.

Trần Văn Kỷ xin được biết rõ hơn tình hình Bắc Hà. Nguyễn Huệ kể:

– Mọi sự diễn ra gần đúng với điều ta dự đoán. Quân rút đi rồi, bỏ cái nước không lại cho Lê Chiêu Thống, tất nhiên là phải có loạn. Thế nào bọn võ thần và bọn văn quan hiếu sự, tham danh cũng tìm một tên họ Trịnh nào đó rước về phủ chúa để kiếm công khôi phục. Bên vua, bên chúa tranh giành chém giết nhau, bọn vô tích sự chết bớt cho đỡ tốn cơm thiên hạ. Quả nhiên, tin vừa nhận được từ Nghệ an nói đúng như thế. Ban đầu Thì trung hầu và Dương Trọng Tế rước Thụy quận công Trịnh Lệ về phủ. Ngồi chưa nóng chỗ thì Côn quận công Trịnh Bồng lại kéo quân về kinh. Lệ bỏ chạy, Bồng lại xin ở phủ, Chiêu Thống cho gọi Liễn trung hầu Đinh Tích Nhưỡng về để

lấy chỗ dựa, chống chọi sức ép của Bồng. Không ngờ Quận Liên thấy phủ chúa có thể hơn điện Trung hòa, nên họp các quan lại để làm đầu têu đứng xin ban tước vương cho Bồng. Chiêu Thống ngăn ngợ, lại chờ Quận Thạc Hoàng Phùng Cơ về. Cơ lại theo bước của Nhưỡng. Chúng nó thấy theo phù vua Lê chẳng xơ múi gì, chi bằng về hòa với phủ chúa để được cái công khôi phục, kiếm chút lợi nhỏ để dưỡng già. Tình thế đã chín muồi rồi đấy, cụ!

Trần văn Kỷ ngẫm nghĩ một lúc, rồi hỏi:

– Thừa Thượng công, còn Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ thì thế nào?

Nguyễn Huệ cười, vui vẻ nói:

– Hắn khá hơn ta tưởng. Lúc bỏ hãn

ở lại Động hải, ta tưởng dân Bắc Hà ghét thù hằn đến thế, thì muốn ngóc đầu dậy cũng phải vài ba năm. Quá lắm hằn chỉ trở thành đầu đảng một thứ giặc cỏ nào đó để làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng không. Hằn lại trèo lên cao trong vòng có vài tháng thôi. Khiếp thật.

Trần Văn Kỷ nói:

– Nhanh chậm thì cuối cùng cuộc đời ông ấy cũng giống như cái pháo mà thôi. Mệnh Trời thừa mà khó lọt. Ông ấy thế nào, hiện cả ra bài thơ ngẫu chiếm đó.

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi:

– Bài thơ nào?

Trần Văn Kỷ thấy sự sơ sót của mình, vội giải thích:

– Ông ấy nổi tiếng về thơ quốc âm. Và bài thơ được nhiều người khen vì phát lộ được hết chân tướng của ông ấy là bài Cái Pháo. Bài thơ như sau, tôi xin đọc cho Thượng công thưởng lãm:

Xác không, vốn những cây tay người.

Khôn khéo làm sao đốt cũng rời

Kêu lắm lại càng tan xác lắm

Thế nào cũng một tiếng mà thôi!

Nguyễn Huệ thích thú khen:

– Đúng thật. Con người hấn, cuộc đời hấn gói tròn trong bốn câu thơ đó. Kêu lắm lại càng tan xác lắm. Thế nào... thế nào... gì nữa cụ?

Trần Văn Kỷ nhắc:

– Thế nào cũng một tiếng mà thôi!

Nguyễn Huệ cười lớn:

– Một tiếng mà được à? Hắn chọc trời quấy nước bấy lâu, làm rộn thiên hạ đến trăm, nghìn tiếng. Chuyển này cho hắn được nổ một tiếng cuối cùng.

Trần Văn Kỷ thấy chủ tướng đi xa đề, rụt rè nhắc:

– Nhưng hiện nay ông ấy đã gây được chút thanh thế nào ở Nghệ chưa ạ?

– Cụ bảo “chút thanh thế” ư? Hắn ép buộc được cả dân Nghệ theo hắn. Mà dân Nghệ, cụ biết rồi, đâu phải là dân ngoan ngoãn. Cụ có biết hắn làm cách nào không?

– Thưa, tôi chưa được biết.

– Nguyễn Văn Huệ ở Nghệ An theo dõi hắn thật kỹ, nên báo về đầy đủ đến chân tơ kẽ tóc.

¹Lúc bị bỏ lại Nghệ An, “Chỉnh chỉ có hơn ba chục thủ hạ, không dám bỏ thuyền lên cạn. Dân xứ Nghệ biết Chỉnh đã cố cùng, nên bàn nhau định ngày khởi quân bắt Chỉnh. Chỉnh vội mời người anh rể là Nguyễn Kim Khuê xuống thuyền và hỏi:

– Ngày nay trong nước rối loạn, tôi muốn lấy trấn này để tính đến việc lấy cả thiên hạ, ý anh ra sao và nghĩ nên làm thế nào?

Nguyễn Kim Khuê người huyện Chân phúc đã từng làm chức tri huyện, là một loại nhà nho có mưu trí, nghe Chỉnh hỏi vậy liền đáp:

– Ông, ai cũng sợ. Sức ông lấy Nghệ An chẳng qua như trở bàn tay. Người trấn này biết ông ở thế cố cùng, nhưng

1 Hoàng Lê trang 153, 154

chưa hiểu rõ hư thực thế nào. Tờ hịch họ truyền đi chỉ là lời đưa đẩy, chẳng ai dám thò đầu ra trước. Ông mà ra tay sớm chặn họ, họ sẽ trở tay không kịp. Nếu ông có được một nghìn thủ hạ, thì ông có thể hoành hành thiên hạ.

Chỉnh khen: “Anh nói rất hợp ý tôi,” rồi ra hịch mộ quân. Hịch phát ra, bắt đầu từ làng Chỉnh ở. Đã nghe hịch, ai đến chậm một khắc thì chém. ở làng bên cạnh có hai người lính già, nguyên là lính ở đội Nhung Kiệu mãn về, thường có quyền sai bảo cả làng. Khi thấy lá hịch của Chỉnh đưa đến, hai người ra ngăn dân làng đừng nhận. Chỉnh nghe tin ấy, luôn đêm đốc các thủ hạ sang cướp làng đó, đâm chết hai người lính già chém lấy đầu làm hiệu. Bởi vậy cả huyện Chân phúc đều phải nghe theo. Trong mười ngày, Chỉnh mộ được hơn một nghìn

quân. Hào mục ở huyện bên cạnh thấy Chỉnh khởi binh vội vàng tính đến việc đánh Chỉnh. Họ bầu viên trấn thủ cũ là Dương trung hầu làm thủ lĩnh, rồi ai nấy kéo quân đi theo. Chỉnh lại nghe tin Trịnh Bồng sai Đốc Thị Phan Huy ích và Mãn trung hầu đem quân vào đánh nữa, hơi lo, nên vội viết thư cấp báo về đây. Nhưng ta tin thế nào hãn cũng xoay sở được. Có vài chục bộ hạ mà hãn còn cướp đường, cướp thuyền thoát khỏi Thăng long chạy theo ta vào Nghệ An, huống chi bây giờ hãn có một nghìn quân trong tay. Vả lại, nghe đâu Chiêu Thống cũng có ý muốn dùng Chỉnh để san phẳng phủ Chúa đi. Trịnh Bồng ý bề ý cánh áp chế nhiều điều quá đáng, Tự hoàng không biết dựa vào ai, đành phải trông vào Nghệ An vậy! Theo ý cụ thì sau đó, diễn biến sẽ như thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Ông Chinh đã không xuất quân thì thôi, khi xuất quân ra Thăng Long thế nào cũng thắng. Đám tướng tá quan lại Bắc Hà không có cái giáo kiệt liêu lĩnh của ông ấy. Thiên hạ hoang mang dễ hùa theo kẻ mạnh. Rồi đây nhất định họ Trịnh sẽ bị tuyệt diệt, và nhà Lê nhờ Chinh mà lưu lại được ở điện Trung hòa. Nhưng ông ấy sẽ kiêu lộng như lúc ở chùa Tiên Tích mà thôi!

Nguyễn Huệ thích thú quá quên cả giữ lễ, đập mạnh tay lên mặt kỷ đến nỗi cái khay trà suýt rơi xuống nền dinh. Nguyễn Huệ vội đưa tay sửa lại khay trà, che giấu bối rối và hân hoan bằng cách nói thật chậm:

– Cụ nghĩ đúng như tôi. Nhà Lê dựa vào Chinh chẳng khác nào sắp chết trôi

lại vớ phải thanh gỗ mục. Hấn sẽ nổ như cái pháo, làm họa lây đến họ Lê. Chắc chắn như vậy. Tôi đã sai Hữu quân Nhậm kéo quân ra Nghệ An chờ sẵn. Chắc chắn không phải chờ lâu. Nhưng có điều khó nghĩ, là chuyến này ra, tất gạch ngói ở điện Trung hòa không thể giữ nguyên vẹn được. Vả lại, đã ra thì cũng không thể đột nhiên bỏ về như trước. Làm sao cho dân Bắc Hà khỏi nghi ngại, không xem ta là người đứng ngoài? Cụ nghĩ hộ xem!

Trần Văn Kỷ đã đoán trước Thượng công hỏi những gì, nhưng khi nghe hỏi, ông vẫn bị xúc động mạnh. Giờ khắc ông chờ đợi đã đến. Nhìn đôi mắt hơi đỏ đẫm vì mất ngủ của Nguyễn Huệ, nghe câu hỏi của Nguyễn Huệ, Trần Văn Kỷ biết chủ tướng đã qua được do dự, đã mím môi chọn dứt khoát một giải pháp

dù biết trước các hệ lụy phức tạp của nó, đã nhất định không chịu đứng bên này Lũy Thầy dửng dưng nhìn sang bờ bắc như một kẻ vô can. Trần Văn Kỳ còn có một mối xúc động riêng tư, là một người Thuận Hóa, tận mắt chứng kiến cảnh hưng phế của kinh thành Phú Xuân, ông thầm ao ước được sống đến ngày quê hương ông trở lại huy hoàng, phồn thịnh, Phú Xuân thành trung tâm quyền lực của cả một nước An nam thống nhất từ Quĩ môn quan đến Gia Định. Ước mơ ấy sắp thành sự thực rồi chăng?

Thấy Trần Văn Kỳ im lặng băng khu-
âng thật lâu, Nguyễn Huệ tưởng viên
Trung thư lệnh do dự, nên hỏi:

– Cụ thấy có điều gì bất ổn sao?

Trần Văn Kỳ vội đáp:

– Thừa không. Thời thế nhất định sẽ xoay chuyển như vậy. Phía bắc, Thượng công không thể dùng chân tại Lũy Thầy. Phía nam...

Nguyễn Huệ hấp tấp bảo:

– Ta hãy lo chuyện phương bắc đã. Lần trước “ta phù Lê diệt Trịnh”. Còn lần này...

Trần Văn Kỷ tiếp lời:

– Lần này khó khăn hơn, thưa Thượng công. Nếu không có những bậc túc nho uy tín của Bắc Hà đứng ra thuyết phục, chưa chắc sĩ phu Bắc Hà đã thực dạ tin tưởng.

– Đấy. Chính tôi muốn hỏi cụ điều ấy. Không cần người trực tiếp gánh vác việc nước. Chỉ cần cái đức, cái danh của họ thôi.

Trần Văn Kỷ suy nghĩ một lúc, rồi nói:

– Một lần tới kinh yết kiến cụ Thái bảo Nguyễn Nghiễm, tôi có hỏi về nhân tài nước Nam. Cụ Thái bảo trả lời: Đạo học sâu xa thì Lạp phong xử sĩ, văn chương phép tắc thì thám hoa Nguyễn Huy Oánh, còn thiếu niên đa tài đa nghệ thì chỉ có Nguyễn Huy Tự².

Nguyễn Huệ mừng rỡ hỏi:

– Lạp phong xử sĩ là ai thế? Đạo học sâu xa, ấy đấy, ta cần đến bậc đạo học sâu xa như thế, còn văn chương phép tắc với lại đa tài đa nghệ, có lẽ chưa cần vội.

Trần Văn Kỷ đáp:

– Thưa, Lạp phong xử sĩ là cụ Nguyễn

² Gia phổ họ Nguyễn, Trường Lưu. Hoàng Xuân Hãn trích lại trong La sơn phu tử, trang 109

Thiếp, hiện ở ẩn gần núi Lạp Phong, Nghệ An.

– Cụ ấy năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

– Tôi không biết chắc. Khoảng trên sáu mươi rồi!

– Trên sáu mươi đã lấy gì làm già mà ở ẩn. Phải vờ cho được cụ ấy vào đây. Ta giao việc khẩn cấp ấy cho cụ đấy, cụ cử ạ.

*

Tin Trịnh Bồng đã trốn khỏi Thăng Long, vua Lê Chiêu Thống cho đốt phủ Chúa, Quận Thạc Quận Liễn hoảng hốt rút quân khỏi kinh thành để cho Nguyễn Hữu Chỉnh đường hoàng trở lại Thăng Long nhận chức Bình chương quân quốc trọng sự Đại tư đồ tước Bằng trung công,

về tới Phú Xuân cùng một lúc với những tin xấu từ Hoàng đế thành gửi ra. Trong cái mớ bong bóng sự kiện đó, Nguyễn Huệ vẫn thấy cái nút chính để gỡ rối vẫn là Bắc Hà. Cho nên ông thúc giục Trần Văn Kỷ thảo ngay một lá thư gửi cho La sơn phu tử. Hôm rằm tháng chạp, Trần Văn Kỷ trình bản thảo lá thư ấy. Thư viết như sau (chữ Hán dịch ra quốc âm):

An nam đại nguyên súy, kính gửi cho
La sơn phu tử mở xem:

Đã lâu nay, nghe tiếng phu tử đức tuổi đều cao, kinh luân sẵn có. Chính tôi muốn tới nhà gặp mặt để thỏa lòng tìm kiếm khó nhọc. Nhưng vì kẻ sinh phương tây, người lánh cõi bắc; chẳng phải như Sần dã Nam dương gần gụi, có thể nghe tiếng sấm mùa xuân mà đánh thức Ngọa long.

Vậy đặc sai một hai đình thần đem vật mọn đến (vàng năm nén, lụa màu hai tấm) gọi là để tỏ lòng thành thô sơ. May chi Phu tử không lấy thế làm lạ, bỏ cái nhũ thú lằng lằng mà nghĩ tới lòng tôi chân thành đau đáu, bỏ cày quăng câu cáng đáng lấy sự nghiệp Y, Khương.

Không những riêng nước tôi may mắn, mà mười hai thừa tuyên ở Bắc cũng rất được may. Chớ làm tôi thất vọng. Mong phu tử lượng cho.

Nay kính thư.

Nguyễn Huệ xem xong lá thư, thắc mắc hỏi Kỷ:

– Sao chưa đề ngày tháng?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Vì tôi chưa biết phải đề niên hiệu

nào. Nếu Thượng công đã xưng là An nam đại nguyên súy, một tước của nhà Lê thì phải đề niên hiệu Cảnh hưng hoặc Chiêu thống.

Nguyễn Huệ hấp tấp bảo:

– Cứ lấy niên hiệu Thái Đức thứ ba đi!

Trần Văn Kỷ bắn khoả:

– Nếu thế thì không nên lấy tư cách An nam đại nguyên súy để viết thư.

Nguyễn Huệ bẻ lại:

– Nhưng chính cụ đã viết: “Không những riêng nước tôi may mắn, mà mười hai thừa tuyên ở Bắc cũng rất được may”. Cái ý nhất thống, tự nhiên phu tử phải hiểu ra. Lúc đó thì chấp nê chi cái tiểu tiết về niên hiệu.

Trần Văn Kỷ nói:

– Ngài đánh nam dẹp bắc nên không chú trọng đến cái lật vật chữ nghĩa, nhưng bọn nhà nho mọt sách, tôi biết lắm. Họ nhắc đi nhắc lại mãi câu “Danh chính, ngôn thuận” của Đức Khổng phu tử, xem đó làm phương châm xuất xử.

– Hay lấy đó làm màn che sự vô dụng nhút nhát, không dám mó tay vào việc đời? Ta còn lạ gì họ nữa. Miệng chê đời bản nên không thềm mó tay vào cho dơ, thật ra là không đủ gan đủ sức làm bất cứ việc gì, chỉ khoanh tay rũ áo. Rồi lại tìm sách Khổng để cãi chầy cãi cối. Cụ nghĩ xem, có đúng thế không?

Trần Văn Kỷ không biết trả lời thế nào, vì dù Nguyễn Huệ có nói đúng, thì sự thực phũ phàng đó cũng động chạm nặng nề đến tự ái nhà nho của ông.

Nguyễn Huệ chờ không thấy viên trung thư lệnh nói gì, nên bảo:

– Con nhà võ chúng tôi làm quen với sống chết, nên không quanh co. Cái gì không biết, không làm được thì nói thẳng. Chẳng hạn tôi phải hỏi cụ vài điều chưa rõ trong lá thư này. Sẵn dĩ – Nam dương gần gụi là thế nào? Lại đánh thức ngọa long nữa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Sẵn dĩ, Nam dương là hai huyện nằm sát nhau ở Hà Nam, nơi Khổng Minh ở ẩn. Ngọa long là chỉ Khổng Minh. Câu này muốn nói không được gần gụi như Lưu Bị thời xưa tới chỗ ẩn của Khổng Minh để mời ra giúp nước.

Nguyễn Huệ cười, thành thực nói:

– À, ra là điển tích Khổng Minh Gia

Cát Lượng. Hiếm học nhỉ. Còn sự nghiệp Y, Khương thì tôi biết. Y Doãn, Khương Tử Nha chú gì?

– Thừa vâng.

– Còn mười hai thừa tuyên ở Bắc? Gồm những đâu thế?

– Thừa tuyên là các tỉnh từ đời Lê Hồng Đức gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Thực ra còn có Trung đô là Thăng Long nữa, vị chi mười ba. Nhưng bây giờ Thuận Hóa đã thuộc Đàng trong, nên tôi chỉ viết mười hai thừa tuyên thôi!

Nguyễn Huệ gật gù khen:

– Thư viết gọn và khéo lắm. Vài ba ngày nữa, tôi cho đem thư ra Nghệ An

cho Phu tử. Phải đi luôn Tết cho kịp. Giao cho chú Lãng ở bộ Binh và một người nào đó gốc dân Nghệ cho quen thuộc đường sá.

Trần Văn Kỷ nói:

– Tôi quen một viên quan đứng tuổi, chín chắn, giỏi việc ứng đối thù tiếp, có thể giao việc được.

Nguyễn Huệ mừng rỡ, bảo:

– Vậy thì tốt lắm. Việc này coi như xong xuôi. Cụ bảo anh Lợi xuất kho lấy đủ số lễ vật như đã ghi trong thư. à, cụ đã biết tin Qui Nhơn chưa?

Trần Văn Kỷ kinh ngạc hỏi:

– Dạ tin gì ạ?

Nguyễn Huệ muốn nói đến những chỉ dụ gay gắt đòi chờ chiến lợi phẩm

Bắc Hà về Qui Nhơn của Nguyễn Nhạc, nhưng nhận thấy nói lúc này với Trần Văn Kỷ chưa tiện, nên lại thôi. Ông nói tránh đi:

– Tin nhà vua định phong cho ta tước Bắc Bình vương đấy.

*

Phái bộ gồm năm người: Lãng, viên quan bộ Hình, một chức sắc làm việc tại trấn phủ Nghệ An, và hai người lính hộ tống.

Viên quan bộ Hình cùng đi với Lãng tuổi đã gần năm mươi, vóc người ốm yếu, da xanh mét như vừa đau dậy, lại mang cái bệnh hen nên sợ đi đường nhọc mệt bệnh cũ lại tái phát. Cho nên ngay từ lúc khởi hành, ông ta đã cầu nhàu bảo nhỏ Lãng:

– Công đầu ra tận Nghệ để rước một lão khùng! Lại ông đồ Kỷ nói ra nói vào chứ gì! Lần này ông đồ lắm to! Để rồi xem!

Trần Văn Kỷ có lắm thật đấy, nhưng lại lắm về gốc gác Nghệ An của viên quan bộ Hình. Ông ta tha phương cầu thực từ thuở nhỏ nên không biết gì về Nghệ An cả. Cho nên hễ đi được một đoạn, ông ta dừng lại hỏi viên chức sắc trấn Nghệ An:

– Đã gần tới chưa?

và luôn luôn được trả lời:

– Sắp tới rồi ạ. Một thôi đường nữa thôi.

Nghe trả lời mãi như thế, ông ta phát cáu, không thèm hỏi nữa. Lãng thì thích thú tò mò trước cảnh sắc lạ, cũng hỏi hai

người lính luôn miệng³. Lãng trở những hình núi khác thường trước mặt hỏi người lính trẻ:

– Hình núi ở đây lạ nhỉ, anh nhỉ? Thật khác với núi non miền Qui Nhơn. Núi ở đây trông như núi đất, cây cối thưa thớt quá. Lại có vô số những đỉnh núi tròn, trông như những dãy mộ lớn. Mộ chôn voi ấy, anh có thấy thế không?

Người lính trẻ đáp:

– Vâng. Nhưng nếu trèo lên cao mà nhìn, thì lại giống như một đoàn ngựa chạy. Núi Thiên nhận đấy.

Lãng không tin, hỏi:

– Thật thế à. Giống hình ngựa chạy ở chỗ nào?

3 Phần này dựa theo chương 10 cuốn “La sơn phu tử” của Hoàng Xuân Hãn.

Người lính trẻ đổi vai, rồi trở các chỏm núi trước mặt, đáp:

– Ông cứ nhìn lên đỉnh cho kỹ thì thấy. Núi có hình ngựa chạy vì nhiều đỉnh núi con có một đầu cao một đầu thấp. Đầu cao nom như cổ ngựa cất lên, đầu thấp thì dài lại bầu, trông như thân sau của ngựa. Nhiều đỉnh như vậy xếp thành lớp, giống như một đàn ngựa đang nghênh cổ co vó mà chạy đua.

– Hay nhỉ. Thế hai vệt đường dài chạy từ đỉnh cao nhất xuống dưới là cái gì thế?

– À, thành Lục niên đấy. Ông muốn nói ba đỉnh núi cao kia chứ gì? Người ta gọi là Tam thai. Chóp cao nhất tên Động chủ. Trên chóp ấy có thành Lục niên do vua Lê Thái tổ đắp để chống quân Minh thời xưa.

– Vậy mấy vệt trắng ấy là thành đá à?

– Vâng. Đến gần mới thấy thành cao và hiểm đến dường nào. Còn cái chỗ trắng trắng như một tấm vải dài rũ xuống là thác Bốc bố.

– Còn trại Bùi phong của La sơn phu tử ở đâu?

– Ngay phía đông bắc thành Lục niên. Sở dĩ gọi là trại Bùi phong vì phu tử lập trại trên một thân ngựa con tên Bùi phong. Gần đến rồi đấy.

Lãng cười, nói đùa:

– Chọn chỗ mình ngựa mà ở ẩn thì khó lắm.

Người lính trẻ cũng cười, rồi nói:

– Phu tử cũng biết thế chứ. Nhưng ngồi trên mình ngựa mà vẫn yên tĩnh

mới tài chứ. Tôi nghe nói trong một bài thơ nhớ núi phu tử làm, có hai câu Chiu chít liền những núi. Trông như ngựa chạy vòng.

Lãng kinh ngạc hỏi:

– Anh cũng biết cả thơ của phu tử nữa à?

Người lính kiêu hãnh đáp:

– Ở vùng này, ai mà không thuộc vài câu thơ của phu tử.

– Thế anh người ở đây à?

– Vâng. Xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn.

– Sao anh không khai từ đầu?

Người lính lém lỉnh đáp:

– Ông có hỏi đâu mà khai!

Đi quanh co một lúc, cả đoàn đến chân một ngọn núi thấp nằm giữa hai ngọn núi cao hơn nằm châu ở phía đông và phía mặt trời lặn. Viên quan ở trấn phủ Nghệ An bảo:

– Đây là núi Lạp đỉnh. Phía tây là núi Bạch tượng. Trại Bùi phong của phu tử nằm ở sườn quả núi thấp ở giữa.

Viên quan bộ hình hỏi:

– Núi trọc trơ trọi thế làm sao sống được? Lại quá xa làng mạc.

Viên quan địa phương đáp:

– Không. Phía dưới trại có một ngọn suối ẩn kín. Đất hoang dễ cày, cây cối xanh tốt, nhất là rất hợp với trà. Ngài có thấy mấy dải xanh ngắt chen lẫn các ô

chữ nhật màu nâu đỏ không? Vườn trà của La sơn phu tử đấy.

Mọi người bắt đầu leo một cái dốc sỏi khá cao để lên trại. Viên quan bộ hình quá mệt, lại nổi cơn hen. Người lính trẻ trao quang gánh lại cho bạn để đỡ lưng ông ta. Viên quan bộ hình lăm bầm:

– Khổ! Thiên hạ điên hết rồi!

Lãng cười, hỏi:

– Có lẽ chỉ có bác là không điên?

Viên quan trả lời:

– Không. Tôi cũng điên.

Quan địa phương góp lời:

– Như vậy thì các ông nên rán yết kiến phu tử một phen, xem ai điên hơn ai! Chính Lục niên tiên sinh cũng tự xưng là Cuồng ẩn, là Điên ẩn.

Họ chỉ nói chuyện được đến đó, vì sau khi leo một đoạn dốc, ai cũng mệt muốn đứt hơi, nếu còn chút sức là để gắng leo núi chứ không thiết nói năng gì. Đi qua một dải đất đồi xanh ngát màu lá trà, họ bắt đầu thấy những đám ruộng bậc thang có đá xếp làm bờ chống xói lở, và vài chuồng trâu lộ thiên không có mái, chỉ có những thân cây rừng khẳng khiu đóng dày vào nhau làm thành vòng rào ngăn mà thôi. Đất khô cứng có vẻ cằn cỗi, vừa được cuốc lên để ải nắng chuẩn bị mùa sau.

Đi quanh co một lúc nữa, bất ngờ Lãng thấy trước mặt một khóm cây um tùm chon von trên sườn núi, dọc theo một con suối nhỏ có nước róc rách. “Trại Bùi phong đây rồi!” Cả Lãng và người lính trẻ, hai người khỏe nhất đoàn, cùng reo lên một lúc.

Phía trong hàng rào làm bằng một loại cây xanh Lãng chưa biết tên, có tiếng chó sủa, và êm ái thay, lại có cả tiếng chim bồ câu gù. Thấp thoáng trông xa, ẩn sau những tàn cây, là những mái tranh thô sơ. Một người đàn ông tuổi lớn hơn Lãng đôi chút, mặc quần áo nâu, tóc để trần không vấn khăn, chạy ra mở cổng. Thấy đám đông lạ mặt, lại có cả hai người lính đội nón dẫu theo hộ tống, người đàn ông ngơ ngác hỏi:

– Quý ông cần gì ạ?

Viên quan bộ hình quên cả cơn hen, lấy giọng the thé nghề nghiệp của người quen hỏi cung, nói:

– Phải trại Bùi phong đây không?

Người đàn ông đứng trong rào đáp:

– Vâng ạ.

– Có trại chủ ở nhà không?

Người đàn ông hơi chau mày hỏi lại:

– Quý ông là ai?

Lãng tiến đến gần rào, lễ phép nói:

– Chúng tôi từ Phú Xuân ra đây, vâng lệnh đại nguyên soái xin yết kiến Lục niên tiên sinh.

Người đàn ông nhìn Lãng mỉm cười nói:

– Cha tôi có nhà, nhưng đang bận dâng hương cho Khảo đình tiên sinh [Tức Chu Hi, một bậc Tổng nho.]. Mời quý ông vào.

Cổng tre mở rộng, cả đoàn bước vào một vùng xanh tươi mát rượi. Người con trai của La sơn phu tử giữ lễ, nhường bước cho Lãng và viên quan bộ hình đi trước. Đi qua một nhà mái bát giác lợp

tranh cất giữa một vườn hoa cúc vạn thọ đang kỳ nở rộ, có tấm biển đề ba chữ VỌNG VÂN ĐÌNH, người con phu tử gọi lớn:

– Anh Thúc Hằng, có khách.

Từ phía sau Vọng Vân Đình, người có tên Thúc Hằng đứng lên, có lẽ đang ngồi lúi húi tỉa hoa. Thúc Hằng cũng mặc áo nâu như em, khoảng bốn mươi tuổi, tóc dài bó thành búi lớn sau ót, râu đen mọc thưa thưa trên mép và dưới cằm khiến khuôn mặt già dặn, quắc thước hơn lên. Thấy anh ngạc nhiên trước đoàn khách không đợi, người em nói:

– Có các quan tậ trong Phú Xuân ra đây xin gặp cha.

Thúc Hằng vội lễ phép nói:

– Tiếc quá. Chúng tôi đang bận, tay chân bận cả. Quý Ngộ, chú mời các ngài vào Giới thạch trai đi.

Người em tên Quý Ngộ e dè nói:

– Nhưng cha đang dâng hương cho Khảo Đình tiên sinh...

Người anh cắt lời em:

– Chắc xong rồi. Các ngài khó nhọc từ xa đến, nhất định có việc quan trọng. Em cứ vào Thận tậ am thưa với cha đi.

Lãng nghe những cái tên như Vọng vân đình, Giới thạch trai, Thận tậ am, giữa vùng lá xanh um tùm và mùi hương hoa thơm nồng, có cảm tưởng đang bước vào một thế giới huyền hồ không có thật. Giới thạch trai cũng chỉ là một ngôi nhà tranh che liếp thô sơ, bên trong bài trí nghèo nàn. Một cái bàn thấp mặt

đan bằng nan tre. Ghế là những thân gỗ mộc của bằng. Trên bàn, ấm chén đều bằng đất nung loại rẻ tiền. Quí Ngộ thấy khách nhìn quanh cách bày biện, vội nói:

– Gia đình chúng tôi sống xa làng mạc, nên cái gì cũng phải tự làm lấy mà dùng. Kể cả mấy cái ấm chén này. Quí quan ngồi chơi. Tôi xin phép được vào thưa với cha tôi.

Viên quan bộ Hình ngồi ngay lưng trên cái ghế gỗ cho trang trọng, chuẩn bị tiếp phu tử. Viên quan địa phương sờ lên cái ấm đất, tò mò xem xét cách xoi vùi ấm của cha con Lục Niên tiên sinh. Lãng thì ra đứng sát cửa liếp nhìn ra rừng hoa cúc phía ngoài.

Một lát, có tiếng bước chân nhẹ và tiếng gậy chống đều đều lên mặt đất nện. Mọi người không ai bảo ai đều đứng cả

dậy. Trước mặt Lãng, một cụ già râu tóc đều bạc, mặc áo trắng chống gậy trúc đang đứng ở ngưỡng cửa sau nhìn khắp mọi người. Lãng chú ý trước hết đến màu trắng của râu tóc và quần áo, sau nữa, đến cái mũi lớn và đôi mắt sáng quắc có vẻ cười cợt bông đùa đang nhìn lần lượt hết người này đến người khác. Lãng đọc được trong ánh nhìn đó lời hỏi thăm: “Thế nào, các người lại đến quấy rầy ta đây à? Leo dốc mệt nhĩ, nhưng phí công thôi. Ta không giúp được các người gì đâu”.

Quý Ngộ thưa với cha:

– Quý quan ở Phú Xuân có việc thưa với cha.

La sơn phu tử liền đưa tay trở các ghế gỗ, ân cần bảo:

– Ngồi xuống đó. Các ông vất vả lắm nhỉ?

Viên quan bộ Hình nghiêm giọng đáp:

– Trình tiên sinh phái bộ chúng tôi vâng lệnh đại nguyên súy cất công lên đây, trước là xin diện kiến bậc ẩn sĩ lừng danh của Bắc hà, sau là...

La sơn phu tử cười lớn, cắt lời viên quan bộ Hình:

– Ông quá lời rồi. Cha con chúng tôi trốn đời, làm quen với nếp sống đạm bạc, lâu ngày quên mất cách ăn nói văn hoa dưới đồng bằng. Xin được nghe những câu đạm bạc sơ sài thôi!

Lúc đó người lính trẻ đã mượn của Quý Ngộ cái khay đặt lễ vật, phủ tấm vải điều cung kính mang vào đặt lên cái bàn

thấp trước chỗ phu tử ngồi. Phu tử nhìn khay lễ vật, rồi nhìn ba người khách, ngơ ngác hỏi:

– Chúng tôi đâu dám nhận lễ hậu này! Chắc là đại nguyên súy nghe lầm lẫn về kẻ trốn đời dở điền dở khùng này chăng?

Lãng vội thưa:

– Đại nguyên súy chúng tôi muốn tỏ lòng thành kính đối với tiên sinh, nên sai chúng tôi đến đây gửi chút lễ mọn và một phong thư. Kính mong tiên sinh nhận cho.

Nói xong, Lãng đến giờ tắm vải điều cầm phong thư bằng hai tay kính cẩn đưa đến La sơn phu tử. Phu tử không chút khách sáo, mở thư ra đọc. Lãng chú ý thấy đôi mắt Nguyễn Thiếp vẫn còn

ting tường lăm, không cần phải neho mắt hoặc đưa tờ thư ra xa tầm mắt. Đọc xong, La sơn phu tử lắc đầu nhè nhẹ, mỉm cười nói:

– Quả là đại nguyên súy nghe lời đồn đãi, nên lăm lăm về lão nhiều lăm. Lão vì mắc bệnh cuồng phải gửi thân vào chốn lâm tuyền để khỏi phiền đến ai. Bản chất ngu lậu, tài năng học thuật không có gì hơn người. Cái chức tri huyện làm còn chưa nổi phải cố trả xin về, hưởng hồ là việc lớn. Lời đồn đãi thường sai ngoa, làm phiền đến đại nguyên súy – lại làm phiền đến các ông nữa – Tết nhất không được ở nhà rước ông bà vui xuân mà phải cất công lên tận xó núi này. Thật đáng ái ngại!

Viên quan bộ Hình đã bớt hận, nên nói:

– Đại nguyên súy chúng tôi xem việc này quan trọng hơn hết, nên không kể đến đường xa, Tết đến. Xin tiên sinh xét cho!

Nguyễn Thiếp nói:

– Lão cũng xin quý ông tìm lời khéo thưa lại với đại nguyên súy, để đại nguyên súy xét cho. Từ lâu xa lánh chỗ chen chúc, nên ít phải nói năng. Chắc chắn có nói cũng không hết ý. Lão sẽ xin có thư phúc đáp cho đại nguyên súy vậy!

Lãng còn đang lúng túng không biết phải nói thế nào cho La sơn phu tử nhận lời, nghe phu tử nói thế, mừng rỡ thưa:

– Vâng. Chúng tôi xin được nhận thư của tiên sinh đem về Phú xuân.

La sơn phu tử ngần ngại một lúc, rồi nói:

– Thế thì phiền các ông quá. Thôi thế này. Quà cáp đại nguyên súp gửi thì cứ để đây. Vài hôm nữa chờ bệnh thuyên giảm, trí óc minh mẫn hơn, lão xin có thư phúc đáp. Lão có anh học trò tên Phan Khải Đức có thể sai anh ta chuyển thư vào Phú Xuân được, khỏi phiền đến quý ông. Quý ông đã đến, thì cơm dưa muối xin các ông vui lòng ăn với lão một bữa lấy thảo. Xin đừng từ chối. Bây giờ về không kịp đâu. Quý Ngộ, con ra sau bếp bảo thối cơm thêm nhé. Nào, các ông uống cạn chén trà cúc này đã, không nguội mất. Cả trà lẫn cúc đều là cây nhà lá vườn, chắc mùi vị không được như ở kinh kỳ.

Lãng cầm chén trà đưa lên môi. Anh thấy một vị chát ở đầu lưỡi, sau đó, cảm giác lâng lâng cứ còn đọng lại mãi ở cổ họng.

Chương 74

Từ ngày Lợi ra đi bất thân, An sống trong trạng thái bồn chồn khác thường, đến nỗi chị phải tự hỏi mình: ta thương yêu, gắn bó với anh ấy đến thế sao?

An đặt câu hỏi, tìm cách trả lời, nhưng không câu trả lời nào chị cho là thỏa đáng cả. An thương yêu Lợi? Nếu nghĩ tình yêu là cái gì đẹp đẽ thanh khiết nhất, cái gì có thể làm cho An băng khuâng bất cứ lúc nào nghĩ đến, cái quý nhất của một đời, niềm an ủi cuối cùng

bù đắp tất cả thua thiệt nhọc nhằn phải chịu, niềm hãnh diện thâm kín khiến An dám tiếp tục thách đố với mọi trở ngại; nếu nghĩ tình yêu làm rộn rã cảnh phẳng lặng, làm mơn mớn héo úa, làm xôn xao kẻ chán nản, vực kẻ hấp hối dậy, xua bóng đêm tan; tóm lại nếu xem nó là mơ ước hạnh phúc tràn đầy của mọi người trước bậc cửa của đời sống trưởng thành, thì quả thật An không thương yêu Lợi đến như thế. Nói đúng hơn, An chỉ thương hại và cảm thấy một thứ yên ổn bình thường khi sống với Lợi. An vừa an tâm vì được che chở, vừa hãnh diện vì được chiều chuộng, nịnh bợ, tăng bốc. An thấy mình trở thành quan trọng trước chồng. Nếu có thể gọi niềm an lạc kiêu hãnh ấy cũng là hạnh phúc, thì vâng, có thể nói An đã được sống hạnh phúc, không xôn xao nô nức, không hồi hộp xao xuyến. Có Lợi bên cạnh, An yên

tâm, như được sống trong một căn nhà ngăn nắp. Chị khỏi cần suy nghĩ gì, khỏi cần rướn người vươn lên cao hơn chút nữa. Cứ việc lười lỉnh buông thả trong tầm thường, với những công việc bình thường, ước mong bình thường. Chỉ có thế, và nên yên tâm với những tiện nghi trước mắt. Các mơ ước thời trẻ tuổi càng ngày càng xa vời, càng ngày càng tuyệt vọng. Bám vào nó chỉ thêm khổ thân thôi! An cố nghĩ như vậy, và tìm được yên ổn suốt bao năm!

Cho đến khi Lợi theo Nguyễn Huệ ra Phú Xuân, ra bắc, rồi chờ mong mãi vẫn chưa thấy Lợi về, An bốn chồn lo lắng.

Chị thấy mình thực sự lo âu cho Lợi, thực sự đau khổ khi nghĩ sẽ mất Lợi. Chị cúi kính với con cái, biếng chải tóc, mặt mày bần thần như người mất hồn. Nếu An không yêu thương chồng, hoặc chỉ

có cái nghĩa phu thê như một thói quen chịu đựng ràng buộc giữa hai người cùng chung sống bên nhau, chắc chắn chị không bồn chồn lo âu đến thế! Từ lúc nào không biết, Lợi đã trở thành một phần của cuộc đời chị, của thân thể chị, như một ngón tay, một mảng tóc. Bình thường chị không chú ý đến yêu hay ghét gì chúng cả. Nhưng có ai giật mảng tóc, chặt ngón tay An xem!

Khác với mọi người, càng nhận được tin chiến thắng dồn dập từ Phú Xuân, từ Thăng Long đưa về, An càng lo lắng. Lợi của chị càng xa, thì chị càng thấy mất mát, khổ sở. An tiếc những ngày cũ tâm thường đơn giản, lúc Lợi trở về từng ngày đúng thời khắc, và ngày nào cũng hí hửng đem về một tin vui, một món quà, một món tiền, hoặc một hứa hẹn. Lúc trước chị thấy chồng tủn mủn

vụn vặt quá, trong lòng hơi thất vọng vì thấy Lợi không có những tham vọng lớn. Lợi dễ dàng thỏa mãn với những món tiền thu được nhờ khôn khéo xoay xở, và thực sự tìm thấy sung sướng khi làm việc ấy. Bây giờ, An mới thấy tội nghiệp cho chồng, và tự dằn vò vì những lời xa gần xúi giục Lợi tìm kiếm những chân trời mới, địa vị cao sang hơn.

Khi vua Thái Đức và Đông Định công Nguyễn Lữ về tới Qui Nhơn mà không có đạo quân chiến thắng về cùng, dân Qui Nhơn loan truyền nhiều lời đồn đãi, đoán non đoán già về tình trạng bất thường đó. Quá quen với sự thay đổi bất trắc của tình thế, nhất là nhạy bén đoán trước thời cơ để tìm một chỗ kín gió trong thời giông bão, ngay tại trung tâm của quyền lực, dân Qui Nhơn điềm tĩnh bàn tán và rút ra được những kết

luận khá đúng. Họ biết giữa nhà vua và Nguyễn Huệ có mối bất hòa lớn lao. Nguyên nhân? Nhiều lắm! Tùy trình độ từng người, họ suy đoán ra một nguyên nhân thích hợp với bản tính. An chạy khắp nơi hỏi tin chồng, hễ nghe ai vừa ở Phú Xuân về là cố tìm đến hỏi thăm tin Lợi. Phần lớn những người được hỏi đều biết Lợi. Họ xác nhận Lợi vẫn mạnh khỏe, không bị thương hoặc đau yếu gì. Nhưng tại sao Lợi chưa về? Họ lắc đầu, rồi dè dặt đưa ra một phỏng đoán. An rối mù vì những lời phỏng đoán đó, càng ngày càng hốt hoảng, không biết đâu là sự thực. Đến nỗi cuối cùng, An đánh bạo xin vào cung triều yết nhà vua để hỏi tin tức chồng. Chị nhờ Thọ Hương thưa giúp với hoàng hậu. Tuy đã khoác áo nâu sống, gác bỏ mọi chuyện đời, nhưng Thọ Hương vẫn trở lại hoàng cung làm giúp

việc bạn nhờ. Nhà vua dứt khoát từ chối, không tiếp kiến An.

Điều đó khiến An càng cuống cuồng lo lắng hơn. Chị chạy đi hỏi Kiên, không tin những lời an ủi của anh. (An nghĩ Kiên nói dối để mình đỡ khổ.) An chạy đến các am miếu linh thiêng để cầu khẩn. Chị tốn khá tiền cho các thầy bói mà vẫn chưa mua được yên tâm. Thần thánh cũng biết nói hàng hai để vừa xoa vừa vuốt những kẻ hoảng hốt chới với không biết tin vào đâu.

Đúng lúc đó, An được nhà vua cho vời vào cung về một việc khẩn cấp.

✱

Vua Thái Đức bảo Bùi Văn Nhật và
Bùi Đắc Tuyên:

– Bầy “ngựa non háu đá” mê đường trường, không chịu về chuồng. Các người đoán đúng lắm. Mỗi đứa bịa ra một cái cớ để ở lì ngoài đó. Nào là quân gốc Thuận Hóa ngại qua đèo Hải Vân. Nào là giặc Chỉnh còn phía bắc phải ở lại giữ thành. Nào là... Nào là... Toàn một lũ vong ân bội nghĩa!

Bùi Văn Nhặt nói:

– Hoàng thượng chỉ cần hạ chỉ triệu về, ai dám không tuân!

Vua Thái Đức cười chua chát, bảo:

– Người chưa thấy bộ điệu của chúng, sau khi chiếm được Thăng Long! Người tưởng triệu về được à? Nếu được, ta đã không về đây một mình.

Bùi Đắc Tuyên rụt rè thưa:

– Tàu Hoàng thượng, như vậy ta phải làm gì ạ?

Vua Thái Đức nói:

– Còn nước thì còn tát. Đầu tiên là thăng Huệ. Thôi được, chú ấy đã muốn ở lại Phú Xuân thì cứ cho ở lại đấy. Trước khi xuất quân, ông Chính cũng có khuyên ta nên cho chú ấy ra riêng một nơi cho bớt hậu hoạn tranh chấp về sau. Ta sẽ phong cho chú ấy làm Bắc Bình vương coi giữ từ Hải Vân quan trở ra. Chú Bảy làm Đông Định vương, coi Gia Định, ta là trung ương hoàng đế. Hồi còn ở Phú Xuân ta có nói qua với chú Tám. Nó có vẻ bằng lòng. Ông Tuyên đem sắc phong ra cho chú Tám nhé. Ông là anh vợ, dễ xử hơn. Vả lại, chú Tám đèo bông, càng phải sợ ông anh vợ.

Bùi Đắc Tuyên liền hỏi:

– Tàu Hoàng thượng, còn gia quyến của Bắc Bình vương thì sao ạ!

– Tùy thím ấy. Muốn ra ngay theo chồng cũng được. Hoặc chờ chú ấy về đem ra cũng được. Sẵn dịp ông ra, đem của cải tịch thu được ở Thăng Long về đây. À, con vợ thằng Lợi đã vào chưa?

Bùi Văn Nhật nói:

– Tàu Hoàng thượng, chị ta đang chờ báii yết Hoàng thượng.

Vua Thái Đức vội bảo:

– Thế à! Cho nó vào. Mà thôi, khỏi cần. Ông Nhật tiếp nó cũng được. Bảo nó viết cho thằng chồng một lá thư, để gọi thằng Lợi về đây. Viết thế nào để thằng Lợi hiểu rằng tính mệnh cả gia đình tùy thuộc ở nó. Nghề của ông, ta khỏi cần phải nói nhiều.

Rồi quay về phía Bùi Đắc Tuyên, nhà vua bảo:

– Việc gấp lắm. Ông đi sớm để về kịp trước Tết. Mọi sự tùy thuộc ở ông cả. Gấp lên nhé. Xã tắc an nguy đều do ở sự thành bại của chuyến này. Ông chớ quên.

Bùi Đắc Tuyên nghe trong câu cuối của nhà vua giọng phấn kích và chua chát khác thường. Ông ngược nhìn vua Thái Đức, nhưng nhà vua quay về phía cửa điện, nét mặt bần thần.

*

Bây giờ thì mầm mống bất hòa giữa hai anh em, không còn có thể giấu được nữa. Vua Thái Đức không còn nén được cơn giận khi sứ bộ Phú Xuân vào Qui

Nhơn mang theo tờ biểu của chính Bắc Bình vương Nguyễn Huệ, em ruột của nhà vua. Một phần cũng do vua Thái Đức quá tự tin. Phái bộ đến vào lúc nhà vua đang thiết triều. Tưởng là một bài biểu tạ ơn, nhà vua cho vời sứ bộ vào hỏi han cực kỳ ân cần. Đến khi viên quan bộ Lễ trình tờ biểu lên, nhà vua hoan hỉ ra lệnh tuyên đọc giữa triều để đánh tan các lời đồn đãi ác ý lâu nay về mối chia rẽ trầm trọng giữa Qui Nhơn và Phú Xuân. Viên quan bộ Lễ tuân mệnh.

Mọi sự diễn ra sau đó khiến tất cả triều đình ngỡ ngàng. Họ đã nghe gì? Có đúng là lời của Bắc Bình vương không? Các quan văn võ ban đầu còn cung kính chấp tay ngừng mặt để trân trọng đón nghe những lời thân thiện nhún nhường, những tin vui từ biên thùy phía bắc. Được vài câu, họ sợ hãi liếc nhìn phản

ứng của nhà vua, rồi họ cúi mặt xuống, nín thở chờ cơn thịnh nộ.

Cái gì phải đến, đã đến. Nhà vua giận quá, đập mạnh tay xuống cái kỷ gấm đỏ trước mặt, quát lớn:

– Thôi. Đưa đây!

Viên quan bộ Lễ sợ đến nỗi đầu gối khụy xuống, muốn bước mà bước không nổi. Nhà vua phải quát lần nữa:

– Đã bảo đưa đây! Điếc à?

ông ta mới vội tiến lên, run run đưa lá biểu bằng hai tay cho vua Thái Đức. Nhà vua chồm ra phía trước, chụp tờ biểu xé vụn rồi tung về phía sứ bộ, giọng nói run, lắp bắp vì giận:

– Cút đi. Về bảo cái bọn sai tội mày vào đây là ta đã xé tờ biểu như vậy đó.

Quân vô ơn bội nghĩa. Nếu không có ta gây dựng thì cả lũ bây giờ quá lắm là những tên buôn trầu, những thằng mót củi, làm thuê, chứ đâu được ngồi sập vàng ăn mâm bạc. Thế mà chúng nó không biết nghĩ, dám trở mặt với ta. Tên nào, thằng nào xui khôn xui dại để có tờ biểu này? Hà hà, văn từ cũng khá lắm. Lý lẽ chặt chẽ, lời nói nhún nhường. Láo cả. Ta thấy hết gan ruột của tụi bây, đừng đem những lời đẹp để để gạt ta. Nào than phiền Thuận Hóa mất mùa liên miên mấy năm không đủ gạo cho dân vào mấy tháng giáp Tết, rồi bắt qua chuyện trấn thủ Quảng Nam không cho thông thương qua đèo Hải Vân để xin được dùng cửa Hội, được đem thuyền vào Quảng mua lúa, được tự do ra vào. Lính Phú Xuân gốc Quảng được về thăm gia đình. Được miễn thuế cho tàu chở hàng cho Phú Xuân cập bến cửa Hội...

Nếu vậy thì giao luôn Quảng Nam cho Phú Xuân cho rồi, lấy Hải Vân làm ranh giới chi cho mất công!

Về bảo chúng nó là nếu lần sau còn sai người vào đây dâng những tờ biểu thế này thì có đi mà không có về. Đáng lý ta phải ra lệnh chém các người, nhưng đây là lần đầu, làm thế thì không còn ai về Phú Xuân kể lại cơn giận của ta cho chúng nó nghe. Ngay bây giờ, các người lên ngựa chạy về Phú Xuân đi. Càng sớm càng tốt. Về bảo với chúng nó là ta đã xé tờ biểu để quăng vào mặt bọn vong ân bội nghĩa chúng nó, và thuật lời ta nhắn nhủ: nếu còn dám dâng biểu đòi này nọ ở Quảng Nam, thì thằng nào dẫn xác vào đây là vào chỗ chết.

Rồi vua Thái Đức đập kỷ hết:

– Xong rồi. Cút nhanh đi.

Sứ bộ lú rú rút ra khỏi điện, không dám quay nhìn lại. Họ đi rồi mà khắp triều không ai dám ho lên một tiếng. Nhà vua mắt đỏ ngầu, nhìn khắp các quan văn võ như muốn tìm một kẻ vô phúc để trút bớt cơn thịnh nộ. Vì hiểu sự đe dọa ghế gớm ấy nên ai ai cũng thu người lại, cúi gằm mặt xuống. Nguyễn Nhạc không tìm được nạn nhân nào, gọi lớn:

– Ông Nhật đâu?

Quan Hình bộ Bùi Văn Nhật khép nép tiến ra giữa triều, run run đáp:

– Tâu hoàng thượng, thần ở đây ạ!

Nguyễn Nhạc cố dần bớt cơn giận, nói thật lớn:

– Chúng nó không kể gì tới vợ con, mới dám vùi vãnh xác láo như thế. Hay chúng nó quên rằng vợ con cha mẹ còn

ở đây. Không có lý! Bọn vô lại lòng lang dạ thú như thế thì còn kể gì ai nữa. Không biết chừng chúng nó tự hãm hại gia đình rồi đổ vấy cho ta, lấy cớ mà gây hấn! Ngay hôm nay, ông cho tập trung vợ con chúng nó lại, canh gác thật nghiêm ngặt. Nghe chưa?

Bùi Văn Nhật nhận thấy từ đầu chí cuối nhà vua tránh nói thẳng đến Nguyễn Huệ, bản khoản không biết tình cảm nhà vua đối với em như thế nào. Vả lại, vợ con Nguyễn Huệ là em ông, cháu ông. Có quản thúc cả vợ con Nguyễn Huệ không? Hay nhà vua chỉ muốn trả hận đối với các tướng tá không chịu theo nhà vua về Qui Nhơn? Bùi Văn Nhật cố trấn tĩnh, tăng hắng để lấy can đảm, lên tiếng hỏi rụt rè:

– Tàu Hoàng thượng, vợ con của... của Bắc Bình vương...

Vua Thái Đức cắt lời Nhật, quát lớn:

– Không chùa ai cả. Người vị tình phải không? Người theo ta hay lại theo tên vô ơn bội nghĩa đó?

Bùi Văn Nhật hấp tấp đáp:

– Muôn tâu Hoàng thượng, thần xin tuân chỉ. Thần luôn luôn là kẻ tội mọi trung thành của Hoàng thượng. Nếu thần có lòng nào...

Nhà vua vội bảo:

– Thôi. Người khỏi cần thể thốt. Ta không tin người thì còn tin ai nữa. Ra lệnh bãi triều đi! Và tập trung ngay vợ con chúng nó lại.

✱

Cơ thịnh nộ công khai của vua Thái Đức được lưu truyền nhanh chóng khắp Qui Nhơn. Và chỉ một sớm một chiều, cả Qui Nhơn trở nên căng thẳng, xao xác như sắp phải chịu một trận cuồng phong ghê gớm. Nét mặt mọi người trong các công đường, trạm gác, kể cả nét mặt dân chúng trong các phố, chợ đều dáo dác, lấm lét. Nhìn không dám nhìn thẳng. Nói thì thảo, chụm đầu vào nhau để chỉ vừa đủ nghe sau khi đã cẩn thận nhìn trước liếc sau. Cửa nhà khép. Đèn hạ thấp tim. Dù chưa có lệnh, phố xá, chợ búa vắng vẻ. Người đi lại thưa thớt. Trên đường cái, chỉ có những toán lính lăm lũi bước để đến tăng cường canh phòng ở các trục giao thông, bến ghe, đầu chợ.

Cảnh trong thành dĩ nhiên xao xác hơn! Các gia đình bị quản thúc nhanh chóng và các tin tức đầy đe dọa cũng lan

đi nhanh không kém. Đâu đâu, người ta cũng thì thầm hỏi dò cho được những ai bị liệt vào bọn vong ân bội nghĩa để tự mình điều chỉnh lại cách giao thiệp, cách cư xử, cách nói năng. Vì con số vong ân bội nghĩa lên cao quá, bất cứ chức sắc nào, dù cao hay thấp, đều sợ hãi nhận thấy rằng, suốt bao nhiêu năm, mình đã đại dột ăn nói thân mật hoặc đi lại thăm viếng không người vong ân này thì kẻ bội nghĩa khác. Do đó ai nấy đều thấy mình sẽ bị xem là tay chân, hoặc tông phạm với những kẻ bị kết tội. Và ai nấy đều nơm nớp chờ đợi. Trong khi đó các toán lính cứ lăm lũi bước ngoài đường, người nào cũng đầy đủ gươm, giáo, dây thừng, gậy gộc. Họ đi đâu đây? Sắp đến nhà mình phỏng? Nhờ Trời, họ đi qua khỏi cửa rồi! Nhưng còn các toán sắp đến? Vì sao người đi đâu cứ chăm chăm nhìn vào cửa nhà mình thế? Họ lại qua

khỏi. Và lại có một toán khác sắp tới!

✱

Trong không khí xao xác căng thẳng ấy, An thấy rõ hơn ai hết sự đe dọa đang rình chờ mẹ con chị. Từ hôm được triệu vào cung, sau đó lại bị gọi tới bộ Hình để nghe quan Hình bộ Bùi Văn Nhật truyền lệnh viết thư gọi chồng về, An đã băn khoăn, lờ mờ đoán có điều gì bất thường đã xảy ra giữa Phú Xuân và Qui Nhơn. Tại sao ban đầu bảo là có lệnh vua, sau đó lại chuyển qua bộ Hình? An đã có những kỷ niệm không mấy vui về cái bộ ấy rồi, nên lần này trở lại, An thắc thỏm lo ngại. Rồi tại sao bộ Hình lại nói xa gần đến tình vợ chồng, đến cái tật ham chơi của Lợi, để bảo chị viết thư gọi Lợi về? Việc gì phải quanh co như thế? Nhà

vua là bậc toàn năng, chỉ cần hạ chỉ là lập tức Lợi phải về ngay, cần gì phải nhờ đến An? Chị không dám hỏi quan Hình bộ, Bùi Văn Nhật thì lúng ta lúng túng không muốn nói nhiều, chỉ bảo lệnh vua đơn giản có thể.

Cho đến lúc nghe được tin có lệnh quản thúc, An giật mình kinh hãi. Chắc chắn rồi! Anh ấy đã bị liệt vào hạng “vong ân bội nghĩa”! An sợ đến lạng người. Nhưng bản năng sinh tồn, vào lúc chỉ có một mình An ở nhà, đã mau chóng vực chị dậy. Không thể chần chờ được! Phải trốn gấp, trước khi quá muộn!

Nhưng trốn đi đâu? Về đâu? An nghĩ đến An thái, rồi ngay sau đó, công nhận ý nghĩ đại đột ấy đến không đúng lúc. Chị chạy qua quán rượu tìm Kiên. Kiên đi vắng. Trở về nhà thì thằng Phát đã lên chui rào đi tắm sông, An phát khóc vì

giận, và sợ. Dặn con gái trông chừng nhà, nhất là nếu có ai kêu cổng thì cứ im lặng đừng lên tiếng, An chạy gấp ra chợ. Chị được tin Nguyễn Thung (lâu nay do bất đắc chí, say rượu lê la khắp kinh thành chửi đổng mà không việc gì) vừa bị nhà vua ra lệnh chém bêu đầu buổi sáng. Cây cọc cắm đầu lâu tử tội vẫn còn, cắm gần cửa thành nam cho thiên hạ xem.

Chân tay An tự nhiên bủn rủn. Làm sao bây giờ? Chạy trốn đâu? Chị tìm các bạn hàng xáo trước kia ở chợ, nhưng chợ vắng hoe, không có ai khác ngoài những người ăn mày nằm rên hừ hừ cạnh đống rác hôi thối đầy ruồi nhặng, con chó đói gặm khúc xương bò sát sạp hàng thịt, và ba người lính vác giáo đi qua đi lại gần cổng chợ. An chạy ra bến ghe. Chị gặp một chủ ghe từng làm ăn với Lợi, lúc Lợi còn làm việc tại kho lương. Hỏi sắp đi

đâu? Đáp là về chợ Giã. An mừng quá, xin quá giang để thăm một người bà con làm quan dưới đó.

Ngay tối hôm ấy, ba mẹ con và đứa ở gái trốn được khỏi Bằng Châu!

✱

Trong thời gian căng thẳng nơm nớp ấy, Qui Nhơn được chứng kiến một cuộc lễ phong vương uy nghiêm rực rỡ, tổ chức trên gò Vân Sơn bên ngoài Hoàng đế thành, để công chúng được tham dự.

Vua Thái Đức có nhiều dụng ý khi ra lệnh tổ chức lễ.

Trước hết, nhà vua muốn xoa bớt cảm giác hãi hùng, lo âu bàng bạc khắp trong thành ngoài chợ từ khi có lệnh

quản thúc thân nhân những tướng tá, quan lại về phe với Nguyễn Huệ. Sau cơn giận dữ, nhà vua đã bèn nhay để thấy hậu quả xấu của lệnh ấy đối với đời sống và sinh hoạt của Qui Nhơn. Chợ không họp. Phố đóng cửa. Ghe gác chèo. Khi ai ai cũng lo lắng đến tai bay vạ gió, thì giá cả hàng hóa tăng vọt. Ngay tại kinh thành, gạo và mắm đã bắt đầu khan hiếm. Đây là chưa kể những hậu quả khó lường khác về mặt tinh thần, như niềm tin ở vương triều, sự phục tòng, sự phán đoán theo khuôn mẫu đức lý, niềm hy vọng ở ổn định, mơ ước một tương lai. Nét mặt lầm lì, dăm chiêu, hay trầm tư của đám cận thần, của cả bọn lính hầu, cử chỉ uể oải của họ là dấu hiệu xấu. Nhạc chịu không nổi một thứ triều đình lạng lẽ. Từ xưa, lúc rảnh rỗi, nhà vua đã thích không khí náo nhiệt xô bồ ở chiếu bạc hơn là cái lạng lẽ nghiêm nghị của

cửa chùa. Nhà vua vẫn chế giễu chú Bảy Lũ về sở thích hiu quạnh kỳ quái ấy! Bây giờ, hằng ngày, nhà vua phải chứng kiến những bộ mặt lấm lét, phải nghe những lời run run lắp bắp thiếu hơi! Không! Nguyễn Nhạc thà thích nghe họ chửi mình, hơn là chịu đựng không khí nặng nề ngại ngùng. Phải làm cái gì cho rộn rã, cho vui, cho ồn! Ngoài những buổi hát bộ do Giáo phường diễn, nhà vua nhận thấy phải tổ chức lễ lạc thêm vào!

Hơn nữa, long trọng tổ chức lễ phong vương cho Nguyễn Lữ còn có lợi về lâu dài. Đêm nằm suy nghĩ, nhà vua nhận thấy phía bắc không thể nào còn chi phối được Bắc Bình vương. Đây là một con ngựa khỏe, bắt đầu nhận ra căn chuồng chật hẹp của Qui Nhơn. Nguyễn Huệ còn tiến xa, thật xa. Nhà vua biết. Biết và ngại. Nhưng không làm gì được nữa. Chỉ còn

cách quay nhìn về phương nam, ổn định Gia Định làm cái thế tương trợ, ỷ dốc. Nhà vua biết tính tình Nguyễn Lữ không như Nguyễn Huệ. Nhưng... nhưng biết đâu đấy! Lấy gì bảo đảm sự trung thành, tuân phục của Lữ ngoài một niềm tin mỏng manh! Làm lễ trọng phong tước Đông Định vương cho Nguyễn Lữ, một là xác định trước thần dân quyền uy tối thượng của Trung ương hoàng đế, hai là nhắc nhở cả Phú Xuân lẫn Gia Định bốn phận tuân phục tuyệt đối với Qui Nhơn. Vì thế, nhà vua mới ra lệnh tổ chức lễ.

Nguyễn Lữ chính thức công khai nhận vương tước với bộ mặt rầu rầu quen thuộc.

Chính Nguyễn Lữ cũng không biết mình vui hay buồn!

Ông hoang mang, đi đứng tiến lui

như một người ngoại cuộc. Phải, như một người ngoại cuộc. Từ lâu, ông đã có tâm trạng ấy. Từ thời khởi dấy, ông đã nghĩ mình phải tham dự vì cái thế chẳng đặng đừng, vì em ruột thì phải vâng lệnh anh, thế thôi. Ông chỉ mơ ước được sống an nhàn, thanh thoi trong một mái nhà, khu vườn đẹp đẽ, yên tĩnh như khu vườn của “chú Thung”. Khi nào có cơ hội, ông sẽ xin anh cho được toại nguyện. Cơ hội ấy không bao giờ đến. Biến cố này tiếp biến cố khác. Anh em ông phải đối phó liên tiếp với nhiều kẻ thù, từ bắc vào, từ nam ra, từ cả bên trong nữa. Ông dừng lại chẳng? Rút ra khỏi cuộc chẳng? Như một kẻ đã cưỡi lưng cọp bước xuống khỏi chỗ đang ngồi tất phải làm môi cho con cọp. Phải theo. Phải đeo! Nguyễn Lữ thấy cuộc sống cứ băng băng đổi thay trước mắt mình, với một tốc độ càng ngày càng lớn. Ông choáng váng, muốn

dừng mà không được. Mọi sự xảy ra dồn dập ngoài tầm mong ước, và khả năng của ông. Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc, ông không ngăn được. Bây giờ Nguyễn Nhạc quản thúc gia đình Nguyễn Huệ và vợ con cha mẹ các tướng tá tài giỏi, ông cũng không nói gì được. Lại sắp phải vào Gia Định sông rạch chằng chịt bất trắc. Ông sẽ làm gì đây? Thu mình trong đồn Cầu Sơn với Phạm Văn Tham, nơm nớp lo ngại cả đến những đề lục bình trôi trên sông rạch miền Nam ư? Nguyễn Lữ tìm gặp Kiên trong lúc đang bán khoán như vậy!

✱

Hôm ấy quán rượu ế khách.

Bọn lính và mã phu sợ tai bay vạ gió

không dám la cà đến chỗ đông người, sợ cả đến ma men. Rượu vào thì lời ra. Và một câu nói lỡ vào giai đoạn này, có thể là cái vạ lớn cho cả dòng họ!

Nguyễn Lữ để mặc bọn lính hầu ở cửa quán, ra thẳng vườn sau để gặp Kiên. Đã quen với những cuộc thăm viếng bất thân của Nguyễn Lữ, nên Kiên không chút e ngại, mời Đông Định vương ngồi ngay dưới gốc mít để nói chuyện với mình. Từ lâu, hai người coi nhau như đồng đạo. Đạo gì? Họ chưa tìm ra, chưa hiểu hết, nhưng họ biết là đang cùng đi tìm.

Kiên thấy Nguyễn Lữ không mặt triều phục, chỉ mặc một bộ quần áo nâu đơn giản. Dấu vết vương giả còn lại là cái khăn lụa màu vàng thắt ở trên đầu, và dải thắt lưng trắng bằng một loại vải Tàu có vân. Kiên biết Đông Định vương

đã cẩn thận dọn mình để đến đàm đạo, và cách ăn mặc đủ thấy Nguyễn Lữ tha thiết muốn tìm một cái gì không thể tìm trong cuộc sống vương giả. Kiên chờ cho Nguyễn Lữ ngồi xếp bằng ngay ngắn trên chiếc chiếu dứa, mới hỏi:

– Chùng nào ngài mới vào Gia Định?

Nguyễn Lữ vội ngược lên nhìn thẳng vào mắt Kiên dò xét, e ngại trong cách xưng hô trang trọng ấy có chút gì khinh thị, hoặc khách sáo mỉa mai. Vương yên lòng khi thấy Kiên mỉm cười thân ái, nên đáp:

– Sắp đi rồi. Sợ không được gặp anh khá lâu đấy.

Kiên đổi cách xưng hô:

– “Anh” nặng “nợ” hơn nên phải khó lắm mới dứt được “lụy”. Chỉ sợ lòng chưa

tận thành, còn nặng hay nhẹ không nên quan tâm.

Nguyễn Lữ buồn rầu nói:

– Nhưng nợ càng nặng thì lụy càng nhiều. Tôi sợ không đủ sức cưỡng lại, càng ngày càng chìm mất thôi.

Kiên hỏi:

– Sao lại phải cưỡng?

Nguyễn Lữ trố mắt hỏi Kiên:

– Anh nói gì thế? Không cố chống lại các điều ràng buộc, thì làm sao giải thoát? Ngay cách ngồi tĩnh tâm để cố dứt bỏ lo âu phiền toái của đời sống như lâu nay anh làm, không phải là một cách cưỡng lại, chống lại hay sao?

Kiên hỏi tiếp chứ không trả lời:

– Nhưng anh định cưỡng chống cái gì?

Lũ bối rối trước một câu hỏi quá rộng, lúng túng đáp:

– Cưỡng lại cái gì ư? Biết trả lời thế nào bây giờ? Có thể là sự hèn nhát không dám làm theo ý mình. Không dám làm phiền kẻ khác. Thấy cuộc đời có nhiều điều không như ý mà không dám chối bỏ, hoặc cương quyết thay đổi. Cứ để mặc cho nó dẫn đến những chỗ không đúng ý nguyện, như buổi lễ phong vương hôm qua chẳng hạn.

– Vậy chỗ nào mới là chỗ anh thích đến?

Một lần nữa, Lũ lúng túng. Sau một lúc cần môi suy nghĩ, Nguyễn Lũ đáp:

– Tôi không biết rõ.

– Anh không muốn đến chỗ chết chứ?

– Lúc nào chán nản thì có nghĩ đến. Bình thường thì không. Tôi vẫn thích được sống hơn là chết. Dĩ nhiên phải sống cho đáng.

– Anh vẫn quanh quẩn trong những điều mơ hồ. Chưa biết thích sống thế nào. Chưa biết đời sống đích thực ra sao. Nhưng cái quý là anh khao khát đi tìm chứ không xem cuộc sống trước mắt là tất cả chân lý của đời mình. Lần hồi cũng gỡ được rồi. Miễn là biết cách.

Nguyễn Lữ hân hoan hỏi:

– Cách nào? Anh đã tìm ra chưa?

Kiên dè dặt đáp:

– Tôi chỉ mới mon men bước đầu.

Chưa biết đúng sai thế nào.

– Thế với cách tính tọa lâu nay anh vẫn làm, có tìm thêm được gì không?

Kiên buồn rầu đáp:

– Mãi đến nay tôi mới thấy mình sai lầm.

Nguyễn Lữ giật mình, vội hỏi:

– Thật à? Sai ở đâu?

Kiên nói thật chậm, gần như rặn từng tiếng:

– Ở chỗ ta cố cưỡng lại, cố chống lại, ở chỗ ta phân biệt từ đầu cái nên và không nên, cái đúng và không đúng.

Nguyễn Lữ chưa hiểu “đồng đạo” nói gì, nhưng kiên nhẫn chờ Kiên giải thích. Kiên nhắm mắt một lúc thật lâu, cố tập

trung những điều suy nghĩ tản mạn lại, chọn lựa, sắp xếp cho thành ngôn từ hiểu được. Anh biết trước việc giải thích sẽ rất gay go, có thể có nhiều hiểu lầm hoặc nhiều điều mù mờ, mâu thuẫn. Nhưng Lữ chờ lâu quá rồi. Kiên phải nói vậy:

– Chúng ta không bằng lòng với cuộc sống trước mắt mới đi tìm một cái gì khác. Cái đó cho đến nay ta chưa nói được ra sao. Nó chỉ mới là một hy vọng mơ hồ. Cái đó chứa đựng điều gì thì ta chưa rõ. Thế mà ta lại tưởng đã rành rẽ những cái không phải nó. Điều đó cũng vô lý như một người chưa từng biết Đông Định vương là ai, lại nằng nặc bảo rằng đây không phải là Đông Định vương. Anh nghiệm mà coi, có phải lâu nay chúng ta lầm lẫn vô lý như thế không? Chưa tìm được chân lý, chưa biết mặt mũi nó ra sao mà ta đã quả quyết

bảo những cái sau đây không phải là chân lý: đời sống này không phải là chân lý nên ta phải tìm cái gì khác; làng mạc phố phường bụi bặm ồn ào không phải là chỗ trọ của chân lý nên ta phải tìm nơi yên tĩnh; sống chung đụng với vợ con tất bật vì cơm áo danh lợi thì chân lý xa lánh nên ta phải sống cách ly; cử động múa may thì chân lý không tụ nên ta phải tĩnh tọa; còn nhiều, nhiều cái “không nên”, “không phải”, “không thể” nữa.

Lâu nay tôi đã mắc phải sự phân biệt sai lầm đó, nên cố ép mình tĩnh tọa để thoát khỏi mọi ràng buộc của xác thân, của đời sống tầm thường, đạt được sự thanh tịnh cao khiết, sự hòa đồng đáng mơ ước vào đại thể, và nghĩ rằng nhờ thế, tìm ra được chân lý hạnh phúc.

Tôi thử tĩnh tọa theo lối kiết già của Đức Phật, và cũng bắt chước nhà Phật, cố

gắng trừ bỏ vọng niệm. Có lúc tôi tưởng đã thành công, tìm được thông cảm với cả loài vật, cây cỏ, hay đất đá. Tôi cảm thấy lâng lâng, ngây ngất, như bay lên được trên mây cao, như lìa khỏi được mặt đất. Nhưng cảm giác đó là cái gì? Nếu nó là chân lý thực sự, là hạnh phúc cao cả thì tại sao nó mơ hồ lảng đãng và tạm bợ như vậy. Tôi nói tạm bợ vì phải bắt đầu trở lại luôn luôn. Tôi đắm hoài nghi. Tôi tự hỏi: Cái cách ép mình ngồi yên thật lâu thế này phỏng có lợi gì? Để làm gì? Để quên xác thân ô uế phiền trọc ư? Càng ép buộc thân thể để quên nó, thì nó càng vùng vẫy để nhắc nhở ta, không cho ta được quên. Thật vậy, ta tự buộc phải ngồi thẳng lưng thật lâu thì lưng mỏi, lưng mỏi thì ta quên cái lưng sao được! Xếp bằng kiết già thì đau chân. Ta nhớ mãi bàn chân tê. Rồi mắt nhắc, tay nhắc, miệng nhắc, mũi nhắc. Ta muốn

quên mà lại chọn một cách quên đại dột, khiến rối cuộc ta nhớ xác thân ta hơn lúc nào hết. Lầm lẫn ở chỗ đó.

Cho nên cái cách để quên thân xác ta hay nhất là cứ sống tự nhiên đừng thúc ép, đè nén nó. Anh thích ngồi dựa vào gốc cây gác chân lên cái ghế cao ư? Cứ việc! Nếu ngồi như vậy anh thấy thoải mái đến độ quên nghĩ đến cái lưng và đôi chân. Tôi đã thử làm, quả nhiên thấy hiệu quả hơn. Tôi quên được thân xác tôi, ngồi ở quầy hàng mà quên được cảnh rượu thịt chè chén, nghe vợ cằn nhằn mà quên được cảnh “thê tróc tử phọc”. Tôi chưa tìm được gì, nhưng đã tìm được một điểm nhỏ, là đừng thúc ép tự nhiên mới mong đến chân lý. Cái gì đã đến, đang đến đều là một phần của hạnh phúc. Hãy nương nhẹ với nó, chiều theo cách uốn éo quanh co của nó, thì chẳng

mấy chốc, sẽ tiếp cận được bí quyết của hạnh phúc.

Nguyễn Lữ lắng nghe chăm chú những lời Kiên nói. Khi Kiên dừng lại, Đông Định vương ngõ ngàng hỏi:

– Chỉ có thế sao? Cứ để mặc tự nhiên ử? Anh có lăm lăm không?

Kiên mỉm cười không đáp. Họ không nói gì với nhau thêm, cho đến lúc chia tay.

Hôm sau, Nguyễn Lữ lên đường vào Gia Định!

Chương 75

Xuống đến chợ Giã, mấy mẹ con An phải ở lại đây bảy hôm vì chưa tìm được thuyền quá giang ra phía bắc. Mấy hôm đó, ruột An rối như tơ vò. Bé Thái không quen uống nước trên ghe nên bị kiết l. Thằng Phát hoang nghịch theo tụi bạn trai mới ở Thị nại đi tắm sông, câu tôm, và đánh lộn. An vừa phải chăm sóc con gái út, vừa lo đưa con trai ngỗ nghịch chết đuối, vừa phải chạy đi tìm thuyền buôn mướm xin quá giang ra Phú Xuân. Đó là chưa kể nỗi lo bị lộ tông tích. Chỉ mới mấy ngày khôn

mặt của An đã gãy xẹp, mắt thâm quầng. Tóc tai, quần áo bù rối, nhàu nhò thắm nảo đến nỗi An sợ cả soi gương.

Cuối cùng, An tìm được một thuyền buôn chở mắm ra cửa Hội sắp khởi hành. Chị nói dối là có chồng làm lính hầu ở dinh Chàm, cả năm không được tin tức nên phải dẫn hai con ra đó để tìm. Câu chuyện thương tâm có khiến chủ thuyền hơi cảm động, nhưng sự thương hại chỉ có giới hạn. Ông ta bảo nếu cần ông sẵn sàng giúp cho mẹ con An một ít mắm để ăn độ đường. Thế thôi. An phải nhờ người chủ ghe quen biết vừa chở chị từ Qui Nhơn xuống Thị nại đưa cho ông ta một số tiền khá lớn, nhiều gấp ba lần giá tiền chuyên chở hành khách bình thường (và nói dối là do chủ ghe xuất ra để giúp đỡ mẹ con An hồi hương), chủ thuyền mới chịu. Đáng lẽ thuyền đã khởi hành

sớm hơn. Nhưng đột nhiên có lệnh trên truyền xuống bảo quan giữ cảng kiểm soát gắt gao các thuyền bè ra vào Thị Nại, nên mãi đến ngày thứ bảy, vào khoảng canh ba, thuyền mới rời bến.

Đến phút chót, An còn bị hai đứa con làm khổ. Con Thái đã bớt bệnh, ăn cháo trắng và ngồi dậy được. Phân đã bớt có máu nhờ uống mấy thang thuốc gia truyền người chủ ghe bày. Nhưng tự nhiên nó nổi chướng, khóc tỉ tê đòi ở lại nếu không có chị Gái đi theo. An hết nản nỉ, dỗ dành đến la mắng, nó vẫn cứ khóc. An phát tức, thương con không nổi đánh, chỉ dọa sẽ bỏ nó lại một mình ở Thị Nại. Con bé khóc to hơn làm phiền đến chủ nhà trọ. Thái chỉ nín khi thấy mẹ nó mếu máo, nước mắt dàn dụa. Còn thằng Phát thì nhằm đến lúc xuống thuyền lại lén theo bọn trẻ dân chài đốt đèn bắt cua!

Chủ thuyền sợ mất một món tiền lớn, cho người đi tìm thằng Phát về. Chờ cho đến khi thuyền rời bến khá xa, An mới dám bắt thằng con trai ngỗ nghịch nằm xuống sàn thuyền, và dôn tất cả giận dữ, buồn bực vào năm ngọn roi trừng phạt. Thằng bé oằn mình đau đớn nhưng nhất định cắn răng không khóc. Chỉ có con Thái khóc thút thít vì sợ đến lượt mình và thương anh. Còn An thì đánh con xong, thấy năm vết lằn rướm máu trên mông trên lưng con, hối hận, xót xa, tủi thân, cũng bật khóc nức nở.

Thuyền chuyên buôn mắm nên ở đâu cũng rít róng hôi thối. Khoang thuyền chật, không có chỗ nào đủ rộng để nằm nghỉ lưng. Dựa vào đâu cũng bị dính mắm. Tổ thái độ khó chịu lại sợ mất lòng chủ thuyền và vạ chài. Tình cảnh ấy kéo dài suốt hai ngày, cho đến lúc ba

mẹ con không gượng được nữa dựa bừa vào vách thùng mằm mà ngủ.

Dọc đường, thường có các ghe tuần từ đất liền ra chặn lại xét hỏi. Ngày nào cũng phải thưa trình khai báo hai ba bận. Lính kiểm soát hỏi kỹ gốc gác chiếc thuyền, thuyền khai báo tỉ mỉ hàng hóa và số người đi theo. Rút kinh nghiệm những lần đầu bị hạch hỏi khó khăn về mấy mẹ con An, từ Quảng Ngãi trở ra, chủ thuyền nhận bừa An là vợ mình. Con Thái hiểu ngay dụng ý của chủ thuyền, nhưng thằng Phát bực dọc lắm. Mỗi lần có ghe nhỏ áp đến kiểm soát, nó sẵn đến tìm cách gọi chủ thuyền là “ông ngoại” cho bõ ghét. An lườm con, sau khi lính tuần trở lại đất liền, kêu nó lại giải thích, căn dặn. Nhưng lần sau, nó vẫn cứ gọi “ông ngoại” ầm cả lên. May không ai chú ý đến trực trặc khác thường đó.

Thuyền sắp cập bến cửa Hội, thì có lệnh từ đất liền cho biết cấm ghe thuyền lớn nhỏ, bất cứ từ đâu đến, không được vào bờ. Phải tốn mấy tấn nước mắm ngon làm quà, chủ thuyền mới được cho biết lý do: từ hôm Trung hầu Côn giết sứ bộ của Bắc Bình vương tại Trà cầu [Tây Sơn sử truyện, bản chữ Hán chép tay, tờ 10b.], khắp hai phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi, quan quân được lệnh của vua Thái Đức canh phòng nghiêm ngặt mặt bể và các trục lộ, để phòng hành động trả thù của Phú Xuân. Nhất là ở đèo Hải Vân, cửa Hội và khu vực chung quanh dinh Chàm.

Cửa khẩu bị đóng. Chủ thuyền dở khóc dở cười không biết phải xử trí thế nào. An mừng rỡ, dốc hết vàng xuyên tư trang ra thương lượng để chủ thuyền bằng lòng ghé vào cửa Thuận An.

Chủ thuyền vừa tham tiền, lại vừa sợ

bất trắc. Nhưng đồng tiền cuối cùng đã thắng, nhất là sau khi An giải thích:

– Bác đừng sợ. Bây giờ cháu xin thú thật với bác: cháu là vợ một viên quan thân tín của Bắc Bình vương. Hai anh em nhà vua bất hòa với nhau, nên cháu phải bỏ Qui Nhơn trốn ra Phú Xuân. Nếu cập thuyền vào cửa Thuận An mà gặp trở ngại, cháu sẽ đứng ra xin can thiệp để bác vào tận kinh thành bán số mằm này. Nhất định giá cả ngoài đó phải cao hơn ở cửa Hội. Còn nếu không lên được bờ, thì bác lại trở về chợ Giã an toàn. Bác chớ ngại. Lên được cửa Thuận thì bao nhiêu tư trang tiền bạc này cháu xin biếu bác để bù vào tiền phí tổn ra vào. Chắc cũng đủ để trang trải mọi sở phí. Bác bằng lòng nhé. Bác nhé. Bằng lòng đi cho cháu mừng. Không bao giờ cháu dám quên ơn bác.

Nhờ thế, An và hai con được vào thẳng cửa Thuận vào một buổi sáng tháng giêng năm Đinh Vị.

✱

Chủ thuyền vẫn phải gặp nhiều khó khăn tương xứng với số tiền bạc tư trang thu được của An. Mẹ con An được lên bờ dễ dàng, nhưng thuyền buôn mằm không được lên thẳng Phú Xuân để bán mằm. Thuyền bị giữ lại cửa Thuận, vì gốc gác Qui Nhơn của nó. Chủ thuyền và vạ chài không được lên bờ. Quan giữ khẩu còn cẩn thận gửi thêm một toán thủy binh năm người, vũ khí đầy đủ lên thuyền để canh gác, lục lợi khắp mọi chỗ. Người ta lấy cây thọc vào các thùng mằm xem có giấu khí giới trong đó không. Đồ đạc nổi niêu đem theo nấu ăn

cũng bị khám xét kỹ. Nếu không sợ nước biển tràn vào chìm chết luôn cả mình, có lẽ năm người lính đó đã nạy cả những thanh gỗ ván thuyền ra để xem xét. May cho chủ thuyền, là ông đã nhanh tay giấu được số tiền bạc tư trang vừa lấy của An. Trừ đi cộng lại, ông vẫn được một món lời lớn!

Nhờ những người lính này, An biết được khái quát tình hình sôi động ở Thuận Hóa. Trong lúc Qui Nhơn nơm nớp lo âu, thì Thuận Hóa náo nức. Nét mặt người lính nào cũng hăm hở, muốn diễn biến lịch sử chóng hơn, để tham dự vào một cái gì hấp dẫn, khác thường. Thấy An khai vừa trốn tai họa từ Qui Nhơn ra, những người tân binh Thuận Hóa vây quanh chị, đua nhau hỏi:

– Trong đó có biết là ngoài này sắp vào không?

- Chắc vua anh giận lắm hỉ?
- Chúng nó để mặc cho chị trốn à?
- Trong đó biết ngoài này thiếu mắ
hay sao mà cho chở ra?
- Mất công thôi! Vài hôm nữa vào
đấy, còn khối! Hay là muốn đem ra làm
quà cầu hòa?
- Vợ con các quan Tây Sơn ở lại ngoài
này có việc gì không?

An không biết trả lời ai trước. Vả lại,
chị chỉ muốn hỏi hơn là đáp. An hỏi lại:

- Các anh có biết chồng tôi hiện ở
đâu không?

Vì tuổi tác An hơn hẳn các cậu lính
mới Thuận Hóa, nên không ai dám đùa
cợt. Họ trả lời nghiêm chỉnh, lễ phép. Họ
hỏi lại An:

– Chồng chị là ai? Làm gì?

An thấy mình vô ý, nên cười chữa thẹn, đáp:

– Cha lũ trẻ đây tên Lợi, Lê Tấn Lợi. Anh ấy làm ở quân lương.

Cả bọn lắc đầu, tiếc rẻ vì không thể chỉ dẫn điều gì cho “người chị” này được. Một cậu ân cần hỏi:

– Nhưng anh ấy là người Quảng hay người Thuận Hóa như chúng tôi?

– Nhà tôi dân Qui Nhơn!

– Thế à! Nếu vậy thì chắc làm quan to rồi. ở đây không có quan to nào cả. Chỉ có bác đội trưởng là người trong ấy thôi. Chị vào hỏi, may ra bác ấy biết.

Nhưng người đội trưởng này cũng không biết Lợi. An nóng ruột quên cả

giữ ý, khai tuột cả mối quan hệ thân thiết giữa Lợi và anh em Tây Sơn từ thời hàn vi. Viên đội trưởng tỏ dấu kính nể nhiều hơn, vội nói:

– Nếu vậy thì quan nhà phải làm lớn lắm. Nhất định phải làm việc trong dinh rồi. Bà nhà chịu khó về kinh hãy hỏi. ở đây toàn bọn lính mới, mũi hỉ còn chưa sạch, chúng nó không biết ất giáp gì đâu.

An vui mừng và hãnh diện, hết cả lo âu, nên yên tâm nán lại hỏi chuyện:

– Ờ nhỉ, sao lúc nãy tôi thấy nhiều cậu lính trẻ thế. Có lẽ chỉ hơn thằng Phát nhà tôi vài tuổi mà thôi!

Viên đội trưởng đáp:

– Sắp có lệnh tuyển binh thêm đấy. Đàn ông từ 15 đến 60 tuổi đều phải sung quân. Có nhà từ ông nội cho đến cháu

đều vào lính một lượt⁴.

An tròn xoe mắt ngạc nhiên:

– Thế à! Lại sắp đánh nhau to hay sao? Đánh ai thế?

Viên đội trưởng nhìn trước nhìn sau trước khi hạ giọng đáp:

– Ông vua anh không nghĩ đến công lao Thượng công, lại mắng nhiếc thế này thế nọ. Tôi nghe nói thế, không biết hư thực thế nào. Chị đừng nói lại với ai nhé!

An thắc mắc:

– Nhưng tại sao các cậu lính trẻ ngoài kia có vẻ náo nức thế? Họ chẳng có vẻ gì là bị ép buộc phải cầm giáo cả?

Viên đội trưởng cười:

4 Thư Longer gửi cho Boiret 3-5-1787. (RI, XIV, 1910, trang 46.) “Ông (Nguyễn Huệ) bắt tất cả mọi người đều phải ra trận... từ 15 đến 60 tuổi”.

– Chúng nó thích bay nhảy. Có đứa vừa được ra tận Thăng Long, bây giờ muốn vào Qui Nhơn, rồi vào Gia Định cho đi khắp trong nam ngoài bắc. Dân Thuận Hóa bây giờ tự thấy mình lớn lên, khỏi phải cúi đầu nép mình như trước. Nhưng, ở Qui Nhơn, bà ở đâu?

– Chúng tôi ở Bằng Châu.

– Tiếc nhỉ. Nếu bà ở Bồng Sơn tôi đã hỏi thăm được tin nhà.

– Bác ở Bồng Sơn à? Vậy bác ra đây từ hồi nào?

– Từ dạo tháng Tư năm ngoái, lúc vua anh còn thuận với Thượng công. Không biết đến lúc nào tôi mới về quê được. Tết vừa rồi mặc sức mẹ con lũ nhỏ nóng ruột. Tội nghiệp. Trong đó có lạnh không?

– Dạ, không lạnh lắm.

An bắt đầu sốt ruột, sợ viên đội trưởng con cà con kê hỏi mãi chuyện mưa nắng thời tiết, nhưng bỏ đi thì sợ mất lòng người đang có quyền. Viên đội trưởng chặc lưỡi than:

– Ngoài này lạnh quá. Đêm nằm co ro đắp hai lần chiếu vẫn cứ run cầm cập. Cái xứ gì...

An thấy hai con đứng chờ ngoài nắng quá lâu, đánh bạo nói:

– Ở đây về kinh thành đi ngã nào hở bác?

Viên đội trưởng sốt sắng đáp:

– Ngã nào chẳng được. Nhưng đường đò chónh hơn. Bà đi theo doi cát này đến phía sau xóm chài đó là gặp bến đò. Hỏi

đò dọc về Phú Xuân ở đâu, vạ chài họ sẽ chỉ cho.

An bối rối, vì trong mình không còn một đồng tiền nào cả. Chị không dám thú thật điều đó, sợ viên đội trưởng làm khó dễ cho chủ thuyền mằm. An nói:

– Cảm ơn bác nhiều. Mẹ con cháu đi đây. Bác nói giúp với các quan cho phép thuyền mằm được trở vào Qui Nhơn. Mẹ con cháu quá giang ra đây biết họ lương thiện, không có ý xấu nào đâu.

An ra chỗ hai con đứng chờ, bé Thái liền hỏi:

– Có cha trong đó không mẹ?

An đáp:

– Phải đi đò lên Phú Xuân mới biết.

Thằng Phát thì hỏi:

– Có xa không mẹ? Đi bộ sao mẹ?

An lừ mắt nhìn con, trách:

– Hết cả tiền không đi bộ thì đi gì?

Nói thế nhưng chị cũng dẫn hai con ra bến đò. An tìm đến chỗ có đò xuôi lên Kinh Thành. Chị vợ chủ đò đang đay nghiến một người đi đò thiếu tiền bằng những lời lẽ tục tĩu nhất, bất chấp lời can ngăn của người chồng vạm vỡ đã khá đứng tuổi. An đâm ngại. Chị tủi thân, dẫn hai con đến ngồi thu mình ở một góc bến, bản khoản không biết phải xoay xử thế nào. Đò đã gần đầy. Chủ đò đếm lại tiền lần chót. Người chồng đã nhổ sào, nhưng người vợ bảo chồng chịu khó chờ một chốc rồi quen đã dặn chỗ trước.

An đánh bạo đem cái áo lụa đến gặp người vợ, rụt rè nói:

– Ba mẹ con chúng tôi đi đường bị cướp sạch cả tiền bạc, chỉ còn một ít quần áo. Chị cầm lấy cái này thay tiền đồ lên Thành nhé!

Người vợ chủ đồ xem xét cái áo lụa thật kỹ, rồi nhìn cách ăn mặc dơ dáy lôi thôi của ba mẹ con, nghi ngờ hỏi:

– Của chị đấy à?

An nhìn xuống quần áo mình, đỏ mặt nói:

– Đi đường xa quá nên trông bẩn thỉu như ăn mày. Vâng, của tôi đấy.

Người vợ lại xem kỹ cái áo lụa, giơ lên mặt trời coi có bị vá hoặc bị lỗ dán nào không. Chị có vẻ thích chiếc áo, nhưng vẫn hỏi lần nữa:

– Không phải ăn cắp của ai chứ?

An cố nén giận đáp:

– Không. Của tôi mà!

– Có gì tôi nộp chị cho quan liền đây. Tôi ghét nhất bọn ăn cắp dối trá. Thôi. Dẫn hai đứa nhỏ xuống liền để còn nhỏ sào. Chịu khó để con nhỏ ngồi trên đùi để đỡ một chỗ. Cái áo cũ chỉ xứng giá hai chỗ thôi. Sao đến giờ mà con mẹ Sửu chưa ra? Lần sau ông phải dặn trước nó. Chờ đợi thế này trễ cả buổi, làm sao chiều xuống kịp. Bà con cô bác ngồi yên nghe. Đò đầy quá, phải coi chừng. Xích lại chút nữa, chịu khó ngồi chặt cho bốn người sắp xuống kia.

Khách đi đò nhao nhao phản đối:

– Còn chỗ nào nữa mà xích. Thành mả cả rồi!

Chị chủ đò đầu dụi:

– Còn chỗ mà bà con. Coi họ chạy te te xuống kia, tội nghiệp chưa! Không cho họ xuống, lỡ cả chuyện làm ăn của họ, tội nghiệp. Chị Bảy xô cái gánh ra một chút, bác Khánh ép giùm hai vế lại. Còn cái thằng này nữa (chị ta chỉ Phát), con cái nhà ai mà ngồi dềnh dàng thế? à, con cái chị kia hả? Mà còn nhỏ, đứng lên cho người lớn ngồi. Mà đi không tiền, còn ngồi choán hết chỗ người ta!

An tức quá, giả vờ đưa nón lên che nắng để thút thít khóc. Con Thái ôm cổ mẹ, mếu máo hỏi nhỏ:

– Mẹ! Mẹ! Sao mẹ khóc?

✱

Đò Thuận An cập ngay bến chợ. Tấm ván bắc từ khoang đò lên bến quá mỏng,

bạn hàng rồi tranh nhau lên trước để bán cá nên cầu ván quần hẳn xuống, nhún nhảy dễ sợ. An vừa lo ôm bọc quần áo, vừa lo dìu con bé Thái. Đến khi lên được trên bờ, chị không thấy thằng Phát đâu nữa. Chị lo lắng nhìn quanh, không thấy tăm dạng thằng con trai ngỗ nghịch đâu cả. Người đi đò đã tản hết, chiếc đò tách bến để rước khách vòng về ở chỗ khác. Hai mẹ con dáo dác nhìn quanh, một lúc sau mới thấy Phát từ trong chợ chạy ra.

An giận quá, đánh cho con một bạt tai, hỏi:

– Mà chạy đi đâu?

Phát xoa xoa lên má, giọng ráo hoảnh:

– Con xách hộ giỏ tôm cho cái bà ngồi bên cạnh.

– Láo! Ai bảo mày thày lay. Mày theo xin tiền họ phải không?

Phát mỉm cười, đôi mắt ranh mãnh:

– Con không xin tiền. Nhưng mẹ đừng lo. Con có tiền đây!

An sợ hãi hỏi:

– Mày ăn cắp của người ta phải không? Ăn cắp của ai? Nói mau!

Phát đáp:

– Con lấy lại tiền đồ của con mẹ tham lam đó.

An giờ hai tay lên trời than:

– Trời ơi trời! Chưa chi mày đã giờ thối xấu xa rồi!

Phát cãi:

– Người ta xấu, mình phải xấu trở lại. Mụ lấy của mẹ cái áo lụa mà còn bắt con đứng không cho ngồi. Em Thái cũng không có chỗ nữa. Mua một chỗ dò mà phải trả nguyên một cái áo lụa sao! Con lấy cái nồi đồng của mụ đem vô chợ bán được mấy quan đây!

Vừa nói, Phát vừa rút trong bọc ra 1 quan 5 tiền kẽm. An giận dữ hất tay Phát. Tiền rơi cả xuống mặt đất ướt đầy bùn hôi và rác rến. Phát cúi xuống lượm tiền, rồi leo đèo theo sau mẹ và em. An đi trước không thèm nhìn lại đứa con trai. Chị chưa biết phải đi đâu, cứ nhắm mắt bước về phía trước. Chị đi qua khu chợ ồn ào, đi qua những phố hẹp có bày hai bên lề đường đủ thứ đồ đặc, nào quần áo, coi trâu, liễn đối, ống điếu, chén bát sứ, dưa ngà, ống nhổ, nói chung là đồ đặc quý giá của các thế gia vọng tộc hiện đã

thất thế, con cháu thất nghiệp phải mang ra bán để sống qua ngày. An không chú ý gì đến bao nhiêu thứ của cải quý giá ấy, thất thế bước qua, bước qua. Đến một chỗ có nhiều hàng quán cạnh khu chợ trời, ngửi mùi nem chả nướng tỏa ra thơm lừng, bé Thái nuốt nước miếng, rụt rè hỏi mẹ:

– Mẹ! Con đói lắm!

Bây giờ An mới nhớ sau bữa cơm sáng trên thuyền mắt, mấy mẹ con chưa ăn gì cả. An ái ngại vuốt tóc con, hứa hẹn:

– Để tìm được cha thì tha hồ! Con rán thêm chút nữa.

Thằng Phát ở phía sau đi nhanh bắt kịp mẹ và em, tay cầm ba cái bánh ú. Nó đưa cho em một cái, bảo:

– Ăn đi.

Con Thái nuốt nước bọt, liếc nhìn lên mặt mẹ, sợ sệt. An đưa tay áo lên quệt nước mũi, nói nhanh:

– Anh đã cho thì ăn đi.

Thằng Phát thấy mẹ bớt giận, van lơn:

– Mẹ cũng ăn đi. Tiền của mình, chứ của ai đâu!

An lừ mắt, nhưng không gay gắt như trước. Chị bảo:

– Mẹ không đói.

Con Thái ngần ngừ, cầm cái bánh ú, định bóc bánh, nhưng sau đó, nó mím môi, nói với mẹ:

– Mẹ không ăn, con cũng không ăn.

An vội bảo hai con:

– Thôi được. Đưa đây. Ăn cho no rồi đi hỏi thăm các đồn canh thử xem cha ở đâu.

Hai đứa nhỏ mừng quá vội bóc bánh ngoạm từng miếng lớn. Chúng ăn gần hết mới thấy mẹ mới cắn vài miếng nhỏ, vừa ăn vừa nhìn mông lung phía trước phố, mặt buồn rười rượi. Con Thái lắc tay mẹ, giục:

– Mẹ ăn đi! Để con bóc bớt lá cho mẹ nhé?

An vội cắn thêm miếng nữa cho con yên tâm. Thằng Phát quăng bữa vỏ lá chuối ngay trước mặt, lấy chân dẫm lên trên, le lưỡi liếm môi ra vẻ còn thèm. Nó nhìn quanh, tìm nước uống. Nhưng thấy mẹ và em không tỏ dấu hiệu đồng

tình, nó đành ngồi yên một chỗ. Phát gọi chuyện với mẹ:

– Ở đằng kia họ bán nhiều đồ sứ đẹp quá mẹ.

An trả lời cho có:

-Ừ!

– Với lại đồ đồng nữa. Thứ nào cũng sáng choang.

– Ừ!

– Con thấy mấy người lính nói giọng Quảng như mình đi mua đủ thứ. Họ có nhiều tiền ghê đi, mẹ. Con thấy một ông lôi ra một bọc lớn chùng này này. Toàn tiền là tiền. Mua khỏi cần trả giá.

– Mặc kệ người ta!

– Đồ đặc đẹp thế mà đem bán, uống quá, mẹ há?

Con Thái lấy vạt áo mẹ chùi miệng, chen vào nói:

– Uống gì! Không có ăn thì đem bán đong gạo chứ! Phải thế không mẹ?

– Ủ! Hai con đã ăn xong chưa?

– Xong cả rồi, mẹ!

– Bây giờ đi tìm cha thôi! Gần chạng vạng rồi!

Thằng Phát chợt nhớ, đề nghị:

– Hay ta quay lại hỏi các ông mua đồ sứ người Quảng? Họ nhiều tiền thế, chắc có quen với cha!

An bật cười vì lối suy luận nhanh gọn chính xác của con:

– Được. Mình trở lại chỗ đó đi.

✱

Ba mẹ con đến khoảng đường có chợ trời, thấy người ta đã lo dọn hàng ra về. Khách dạo mua đã thừa thớt hẳn. Đi quá về cuối phố, họ đến trước một tửu điểm khá lớn, có một chiếc lồng đèn ngũ sắc dán bốn chữ Đệ Nhất Tửu Lầu bằng giấy đỏ. Một nhóm khách từ trong tửu điểm đi ra, người nào mặt cũng đỏ gay, cười nói bô bô. Mấy mẹ con cầm đầu lủi thủi đi qua, thu nhỏ người lại để giấu bớt vẻ tồi tàn của mình. Đám khách vượt qua họ đi về phía cổng thành. Người đi sau cùng nói giọng Quảng, gọi với mấy người đi đầu:

– Chờ chút đã. Chuyện bàn chưa xong, về làm gì vội!

Cả ba mẹ con đều giật mình. Đúng là giọng nói của Lợi!

An chưa kịp bảo gì, Phát đã chạy nhanh đến trước mặt người khách gốc Quảng. Nó mừng rỡ kêu to:

– Cha! Đúng cha rồi! Mẹ ơi. Cha đây này.

Đúng là Lợi thật. Anh ngỡ ngàng nhìn thằng bé ăn mặc tồi tàn, hôi hám. Dù hơi say, anh vẫn còn đủ trí khôn để nhận diện con mình. Quay phía sau, Lợi tìm thêm được vợ và con gái. Lợi sưng sò, há hốc miệng không nói được gì. Những người bạn của Lợi đã đi xa. Lợi chạy lui về phía An, thằng thốt hỏi:

– An? Có đúng là em không? Trời ơi! Em ra hồi nào?

Đột nhiên, An bật khóc nức nở. Lợi lính quính dìu vợ và con gái tránh xa đường đi, sợ những kẻ tò mò chú ý. An

khóc, không trả lời được. Bé Thái cũng khóc. Phát đáp thay mẹ:

– Mới xuống dò hồi nãy đó cha!

Lợi nhìn một lượt dáng điệu tồi tàn uể oải của vợ con, như chưa tin ở mắt mình, hỏi lại:

– Sao đến nông nỗi này? Có việc gì xảy ra thế?

An cố dần cơn tủi thân, vừa thút thít vừa nói:

– Không trốn ra đây, ở trong đó cho nhà vua tổng cả vào ngục sao? Anh ở ngoài này sung sướng, quên cả vợ con.

Lợi hiểu đây là lúc bất lợi nhất để biện bạch bất cứ điều gì với vợ, vội hỏi:

– Đã ăn uống gì chưa?

Phát đáp:

– Dạ đã ăn ba cái bánh ú!

Lợi hỏi vợ:

– Sao không vào dinh tìm anh ngay?

An đáp:

– Biết anh làm ở đâu mà tìm.

Rồi chị cố ý bi thảm hóa:

– Đã định tối nay tìm găm cầu xó chợ nào đó để qua đêm, ngày mai lại ra chợ xin ăn qua ngày.

Lợi hốt hoảng:

– Thế à! Trời ơi! Bộ tiền bạc của cái bị nhà vua lấy hết cả sao? Mà làm cách nào ra được tận đây?

An đáp:

– Phải dốc hết túi ra mới xin quá giang được một chiếc ghe chở mằm. Đến Thuận an, không còn lấy một đồng kẽm rí.

Lợi hin hin mũi, cổ dừa:

– Hèn gì từ nãy tới giờ anh ngủi thấy toàn mùi mằm ruốc. Thôi về nhà rồi hãy hay. Nhưng... nhưng không ổn rồi. Em với con ăn mặc thế này, về nhà bọn lính hầu nó thấy, sau này khó sai bảo. Anh có đến bốn thằng hầu đấy nhé. Bây giờ anh làm lớn lắm.

Mãi đến lúc đó, con Thái mới dám hỏi cha:

– Làm gì hở cha?

Lợi xoa đầu con gái, hôn hờ bảo vợ:

– Em đoán thử xem! Nhưng thôi.

Chờ có sắc đã. Em ra đây đúng lúc lắm.

An mau mắn trở lại thực tế trước mắt, hỏi chồng:

– Mình về ngã nào?

Lợi do dự trước khi đáp:

– Thế này nhé. Em và con đứng đây để anh chạy đi mua quần áo mới thay đã. Vào tạm cái quán nhỏ kia gọi dọn cơm chiều, xin tắm rửa sạch sẽ, một chốc thôi, anh sẽ trở lại. Nhớ nhé. Các con chờ cha một chút thôi.

Lợi nói xong, xoa đầu con Thái, âu yếm nhìn vợ, rồi tất tả chạy đi. Ba mẹ con vào cái quán Lợi chỉ, chưa kịp gọi thức ăn thì Lợi đã dẫn mấy ông bạn rượu lúc này trở lại. An kinh ngạc định cúi gằm mặt xuống giả vờ như không quen biết chồng thì Lợi đã bô bô giới thiệu:

– Đây là nhà tôi. Đây là hai con tôi. Các bác đã tin chưa? Ba mẹ con bị vua Tây Sơn truy nã phải thoát thân trốn ra đây! Thân tàn ma dại như thế đó. Các bác tính sao thì tính.

Rồi đến gần An, Lợi nói:

– Minh, các bác đây đều là chỗ thân tình cả. Các bác định nhờ anh giúp đỡ để đem ghe bầu vào tận Đồng nai chở gạo về “giúp” cho dân Thuận Hóa. Công việc gần xong rồi! Bác đây là...

Lợi trở từng người giới thiệu với An. An vừa thẹn vì vẻ xấu xếch tối tàn của mình, lại vừa hãnh diện vì vai vế quan trọng của chồng, chị cố gắng lấy giọng kẻ cả, đoan trang nói:

– Quý ông thứ lỗi cho. Ba mẹ con trốn nạn, nên phải giả trang thế này.

Phát, Thái. Con vòng tay chào các bác đi con!

Quả nhiên, bọn các lái Thuận Hóa tin ngay lời An. Họ xum xoe mời mọc mẹ con An về thăm nhà họ, đưa nhau khen về “thông minh, khéo khỉnh, đài các, con nhà” của hai đứa bé.

Ba mẹ con được họ trân trọng thuê võng đưa về tận cửa thành Phú Xuân, như những mệnh phụ vương tôn giả trang vi hành thăm dân trở về.

✱

Lợi ở tại một ngôi nhà ngói trước đây là tư dinh của tả ngoại Trương Phúc Loan. Thời họ Trịnh chiếm Phú Xuân, ngôi nhà này dành cho viên phó đốc thị

ở. Do đó, sự sang trọng đã vượt quá dự tưởng của An.

Lợi đưa vợ vào nhà xong, liền quay ra đe bọn lính hầu:

– Bà đã ra rồi. Tụi bây liệu giữ mồm mép. Không được bép xép. Nghe chưa!

Bọn lính nheo mắt với nhau, gật đầu vâng dạ, Lợi quăng cho họ một túi tiền nhỏ, bảo:

– Mai uống rượu với nhau!

Trở vào nhà, Lợi thấy vợ con đã tắm rửa và thay quần áo xong. Mấy bộ quần áo mới bằng hàng Tàu do bọn các lái mua biếu đều có màu sắc sỡ. An nói:

– Em không thích những màu này. Nhưng mặc tạm vậy!

Lợi vênh mặt bảo:

– Mai bảo chúng nó mua cho thứ khác. Này. Hồi chiều em nói hớ đấy. Anh cốt dẫn chúng nó đến gặp em, để...

An cắt lời chồng:

– Biết rồi. Anh tính toán quá, quên cả thể diện vợ con.

Lợi không ngờ bị vợ trách, vội nói:

– Sao lại mất thể diện! Chúng nó phải nhìn tận mắt mới tin. Vả lại...

– Thôi, đừng nhắc chuyện ấy nữa. Chùng nào Lãng về?

– Em hỏi gì thế?

– Không phải Lãng ở chung với anh à? Em vô tình quá, mãi đến bây giờ mới nhớ tới em.

– Lãng ở trong chính dinh. Thượng

công có chịu cho hấn ra ở với anh đâu. Cũng may nhờ thế mà anh còn biết trước nhiều điều để tính.

An kinh ngạc hỏi:

– Thượng công? Anh Huệ à? Nhà vua đã phong vương cho anh ấy rồi, sao còn gọi Thượng công?

Lợi trề môi, lắc đầu:

– Sắp xảy ra lời thôi to đấy. Thượng công tự phong vương lấy, việc gì nhận tước vương của vua Thái Đức. Trong đó không nghe chuyện sứ bộ của Phú Xuân bị giết ở Trà câu à? Làm như vậy là dứt tình dứt nghĩa. Sao? Các gia đình quen biết ở Qui Nhơn đều bị quản thúc cả phải không?

– Vâng. Nếu em không lánh kịp, thì...

– Còn anh Kiên thì sao?

– Đến bây giờ anh mới nhớ đến anh ấy! Em cũng chẳng biết ra sao nữa. Trước khi trốn xuống chợ Giã, em có đến tìm, nhưng anh ấy đi vắng. Em không tiện nói với chị.

– Chắc anh ấy không việc gì đâu. Anh ấy xin nghỉ từ lâu. Nhà vua biết anh ấy vô hại. Hơn nữa, nghe đâu Đông Định vương tìm đến tận nhà thăm nom, hỏi han anh ấy luôn. Có đúng thế không?

– Vâng. Lãng có thường đến đây không anh?

– Ít lắm. Nó ghét đám bạn bè của anh. Vả lại, nó vừa đi Nghệ An về mấy hôm thôi.

– Thật à? Chuyện gì thế?

Lợi cười khì, giọng khôì hài:

– Nó đi cầu hiền. Cầu hiền thì có. Không biết lão đồ Kỷ xui khôn xui dại thế nào mà Thượng công vội sai thằng Lãng đi gấp ra Nghệ tìm ông lão điền La sơn về đây làm thầy dùi. Không hiểu có mời được không? Bọn điền khùng thì lúc nào chẳng làm cao! Có thể Thượng công mới sáng mắt ra!

An nhận thấy ngay trong chỗ thân tình, giữa vợ chồng Lợi vẫn một điều Thượng công hai điều Thượng công, tránh không dám nói thẳng đến tên Nguyễn Huệ. Chị nhìn chăm chặp vào mắt chồng, lòng chua chát thất vọng. Lợi không hiểu vì sao tự nhiên vợ nhìn mình chăm chú, hỏi:

– Em sao thế?

An cười gượng, nói dối:

– Không. Em thấy hình như anh mập ra. Má phì, cổ có ngấn.

Lợi xoa má, cười sung sướng:

– Còn hình như gì nữa! ít hôm rồi em với các con cũng thể thôi. Em nghỉ cho khỏe vài hôm, rồi anh dẫn em vào ra mắt Thượng công, chắc Thượng công mừng lắm. Thượng công mà biết em ra thì...

An cau mày vì hai tiếng “Thượng công” trang trọng nơi miệng chồng, cắt lời của Lợi:

– Em có việc gì cần mà phải vào!

Lợi trố mắt nhìn An:

– Em nói gì thế? Phải rồi, em mới ra nên chưa hiểu uy thế lừng lẫy, sức mạnh

vô địch của Thượng công. Cũng vì biết vậy nên anh không chịu vâng chiếu nhà vua trở về Qui Nhơn. Cả ông Bùi Đắc Tuyên cũng liêu ở lại Phú Xuân. Chắc nhà vua giận phát điên lên được. Nhờ Trời em ra được đây! Lâu nay anh mất ăn mất ngủ.

– Mất ăn mất ngủ nên mập ra!

Lợi biết đã nói hớ, cười khỏ lấp:

– Không phải. Có lẽ anh hợp khí hậu Thuận Hóa. Này!

– Gì nữa?

– Em rán ra mắt công chúa.

– Để làm gì?

– Để... để (Lợi cười trước khi tiếp lời) biết lá ngọc cành vàng Bắc Hà như thế nào. Chắc Thượng công cũng muốn

em gặp công chúa. Tại vì... tại vì ai có của báu lại không muốn khoe khoang.

An nhìn chồng, thương hại. Chị cảm thấy buồn vu vơ.

*

Ngay sáng hôm sau, có lệnh của Thượng công cho vời An vào dinh. Lợi hí hửng đưa vợ đến thêm điện Chính tẩm, nhưng không vào với An. An ngạc nhiên hỏi chồng:

– Sao anh không vào?

Lợi đỏ mặt lúng túng đáp:

– Anh bận chút việc gấp. Vả lại, anh có được vời tới đâu.

An chau mày, nói:

– Anh không muốn vào thì thôi.

Sợ phải nghe vợ kèo nài thêm nữa, Lợi vội vã ra cổng. An đành phải theo hai người lính hầu bước lên thêm điện. Chị hồi hộp, chân lúu rúu bước đến nỗi suýt vấp ngã ở bậc thềm cuối cùng. An tự bảo mình: “Không nên lo âu. Không nên tỏ ra vẻ bối rối khép nép quá đáng, anh ấy khinh cho. Dù thế nào, cũng phải giữ chút thể diện còn lại. Không biết nét mặt của mình có còn xơ xác ủ rũ quá chăng? Mình đã muốn thoa tí phấn để che bớt da mặt xanh xao đi, nhưng tại sao cứ chần chờ! Có lẽ vì chính anh Lợi cũng thúc giục mình trang điểm, nên mình bực, làm ngược lại. Chắc mình chẳng khác một cụ già nhà quê! Tóc tai bù rối này, da dẻ xanh xao này, quần áo quê mùa này, đi đứng thất thểu rụt rè này, lại sắp ăn nói ầm ớ nữa! Làm thế nào đây! Biết

thế thà tìm có ở nhà, hẹn vài hôm nữa hãy vào. Bây giờ đã muộn rồi. Không kịp nữa! Không kịp nữa! Anh ấy sẽ thất vọng, không, tuyệt vọng vì mình thân tàn ma dại quá lắm. Anh ấy sẽ tự nhủ: An đây à? Trời hỡi! Thế mà có thời ta yêu thương nàng! Cái thời niên thiếu dại dột ngu ngơ. May chưa có nhiều người ở Phú Xuân biết mối tình cũ của ta. Nếu họ biết, thì thật đẹp mặt. An đây sao? Có phải An không? Có phải An không?”

An lo lắng đến nỗi không chú ý gì đến cảnh vật trong điện. Chị chỉ có một nỗi lo lắng. Một câu hỏi khó: Biết cư xử sao đây?

Hai người lính hầu vẫn thản nhiên bước đều đưa An vào sâu trong điện. An có cảm tưởng họ đang dẫn An đến nơi xử trảm. Đến chỗ cửa có phủ trưởng gấm, hai người lính dừng lại, thì ào

nói gì đó với một người hầu khác. Người này liếc về phía An, rồi mỉm cười có vẻ mừng. An nghe người đó nói:

– Thượng công chờ đã lâu. Được rồi. Để tôi rước bà vào!

Hai người lính cúi thấp vái tay chào An, rồi quay trở ra. Đúng lúc đó, An thấy Nguyễn Huệ từ phía trong hiện ra trước tấm trướng gấm. Bất giác, An lùi lại một bước. Nguyễn Huệ mỉm cười, ôn tồn hỏi:

– Không có anh Lợi cùng đi với An à?

An đỏ mặt, nghĩ nhanh: Hóa ra anh ấy vẫn như xưa. Vẫn nụ cười đó. Vẫn cái nhìn vừa triu mến vừa khinh bạc đó. Vẫn giọng nói sang sảng chậm và chắc đó. Vẫn chéo tóc quấn phủ xuống mép trán đó, sau bao nhiêu năm! An chưa

biết phải nói gì, thì Nguyễn Huệ đã bảo:

– An vào đi. Nghe anh Lợi báo tin, tôi mừng quá.

À ra thế! Lợi tìm có đi từ sáng sớm, là vì thế. An cảm thấy vị chát ở đầu lưỡi, hơi thở gấp, khi lặng lẽ theo Nguyễn Huệ bước vào phía trong.

Chị chóa mắt trước cách bày biện trang nhã và đơn giản của căn phòng. Màn trướng đều là gấm vàng nhạt, giữa phòng kê hai bộ tràng kỷ gỗ gụ và một cái bàn thấp bày sẵn cối trầu và khay bạc đựng bốn chén nước trà. Khói bốc lên trên từng chén trà chứng tỏ Nguyễn Huệ vừa sai lính hầu pha trà sẵn để đón An.

Nguyễn Huệ trở cái tràng kỷ phía trái mời:

– An ngồi xuống đó đi. Các cháu vẫn mạnh khỏe chứ?

An cố dần xúc động, đáp:

– Cảm ơn... cảm ơn Thượng công. Hai cháu không quen đi biển, nên...

Nguyễn Huệ cười, hỏi tiếp:

– Sao lại gọi tôi là Thượng công. Cứ xưng hô như xưa cho tiện. Nghe anh Lợi bảo ba mẹ con phải trốn lên thuyền chở mắm. Thơm lắm nhỉ. Thơm y như cây hoa gạo dạo nào!

An bật cười khi nghe Huệ nhắc kỷ niệm An Thái. Như một phép lạ, từ đó chị trở nên bình tĩnh, dạn dĩ hơn. An che miệng nói:

– May mà tìm được chiếc thuyền chở mắm ruốc ra cửa Hội, nếu không thì...

Nguyễn Huệ nghiêm mặt nói:

– Không hề gì đâu. Nhà vua nghe ông Nhật nên vội vã thế. Sau này nhà vua phải nghĩ lại. Cả Qui Nhơn xao xác vì lệnh quân thúc chứ gì?

– Vâng ạ.

– Anh Lợi kể An phải dốc hết tư trang chủ thuyền mới lĩnh lệnh đưa ra cửa Thuận, phải không?

An se lòng, nghe Nguyễn Huệ cứ nhắc đi nhắc lại mãi tên chồng. Chị đưa tay phải lên vuốt lại mái tóc, rồi kéo vạt áo lụa. Nguyễn Huệ không chờ An trả lời, nói tiếp:

– Chắc Lãng mừng lắm. Mấy tháng nay, hễ gặp là nhắc đến An. Tiếc là khi anh Lợi vào báo tin, Lãng đã có việc tới nhà quan Trung thư lệnh.

An nói thầm: “Lại nhắc đến Lợi! Mọi sự đã hết rồi sao? Anh ấy muốn nhắc cho mình nhớ phải không?” Một ý tưởng tò mò chợt đến. An đỏ mặt, liếc nhìn Huệ rồi cúi mặt, hỏi:

– Công chúa vẫn khỏe chứ ạ?

Nguyễn Huệ bị hỏi bất ngờ, lúng túng như người phạm tội bị bắt quả tang:

– Vâng...công chúa vẫn thường. Không...công chúa không được khỏe lắm.

An vội hỏi:

– Công chúa bị mệt?

Nguyễn Huệ càng ngượng hơn, ấp úng đáp:

– Không. Không phải bệnh. Tại vì...

Nói đến đó, Nguyễn Huệ dừng lại. An cảm thấy Nguyễn Huệ muốn giấu điều gì, nên không tiện hỏi thêm. Chị xin cáo từ. Nguyễn Huệ ngập ngừng, nửa muốn giữ khách lại để hỏi thêm tin tức Qui Nhơn, nửa muốn An ra về để khỏi phải lúng túng, áy náy. Nguyễn Huệ nói:

– Chắc An còn say sóng chưa được khỏe. Hôm khác sẽ xin mời cả các cháu đến đây cho biết.

An ra về với tâm trạng hoang mang, không rõ mình đang vui hay đang buồn. Lợi đón vợ ở cửa điện lo lắng hỏi:

– Có nhớ nhắc chuyện đó không?

An quên bẵng không nhớ Lợi nhắc mình điều gì, nhưng đáp bừa:

– Có.

Lợi hân hoan hỏi thêm:

– Rồi Thượng công nói sao?

An phải tiếp tục nói dối:

– Ông ấy bảo để xem đã!

Lợi đổi ngay nét mặt, lăm bắm:

– Để xem đã! Lạ quá! Hay có thằng
thối mồm nào chen vào rồi! Để xem đã!
Này, hôm nào em phải vào gặp Công
chúa mới được.

Chương 76

Nguyễn Huệ chỉ cố giữ được vẻ mặt bình tĩnh hiền hòa trong khi tiếp An. Đưa An về xong, ông ra căn phòng tiền sảnh nơi ông làm việc với một nét mặt khác, dáng điệu khác. Ông đi đi lại lại một mình trong phòng, đầu cúi xuống, dăm chiêu. Mảng tóc quăn rũ xuống che mất con mắt phải mà Nguyễn Huệ vẫn không buồn vuốt lên. Trong phòng hoàn toàn im lặng. Một lúc sau, Ông đến chỗ lọ sứ cổ cao, rút lá thư của La Sơn phu tử lẩm nhẩm đọc lại, không biết là lần thứ mấy.

Nguyễn Thiếp phúc đáp như sau:

“La sơn, Nguyệt ao, tiên sĩ Nguyễn Khải Xuyên dâng Đại nguyên súy xét soi: Đầu năm nay, ngày mừng 4, tiếp được hai quan bộ binh và bộ hình của quý quốc đem một phong thư tới đón và cho vàng cùng lụa màu. Những ủy khúc rõ ràng. Mở thư cung kính đọc, lời ý đều hiểu hết. Trộm nghĩ: Tiên sinh này tính chất ngu lậu, tài năng học thuật không có gì hơn người. Chỉ vì có nhiều bệnh, trộm gửi thân ở chốn lâm tuyền. Bình sinh chỉ giảng tập các sách Tứ Thư, Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Còn âm, điệu, thao, lược, binh pháp, võ nghệ đều chưa học. Quý quốc ở xa, mới nghe tiếng đồn về tiên sĩ, còn lẽ bởi đâu và thế nào, sợ chưa biết hết sự thực.

Lễ hậu này, xưa nay chưa thấy; mà lại khứng cho kẻ già yếu ở chốn lâm

tuyên! Lòng yêu lành chuộng sĩ ấy, người tâm thường đâu có nghĩ tới. Tôi xét ra tự thấy có nhiều chỗ thiếu, nên cảm mà then thùng khôn xiết. Nhưng lấy nghĩa mà cân nhắc, thì tôi không ra có ba lẽ:

Lượng sức, dò phận, trên không dám mong được như Y Khương; dưới không sánh kịp Gia Cát. Gặp thời tiết gió bụi, nếu ra làm việc thì tay run, chân rối. Rốt cuộc, ắt làm lắm nhà nước, nhục cha mẹ. Không ra, đó là lẽ thứ nhất.

Từ xưa, con đâu không ra làm quan. Huống chi, cha mẹ, anh em tôi đều mất. Nhà thờ, phép nhà, cốt ở một tôi. Không ra, đó là lẽ thứ hai.

Lệ xưa, làm quan bảy mươi tuổi về hưu. Bản triều trọng kẻ già, nên sáu mươi lăm tuổi đã cho viện lệ xin nghỉ. Đáng về mà lại ra, thì sẽ mang tội rất nặng. Không

ra, đó là lẽ thứ ba.

Mang ba điều không tốt, đối với nhà nước không ích được mấy may. Dốt nát, vụng về rất mực. Như thế sao mà xứng với tấm thịnh tình của Đại nguyên súy.

Đạo thư mời, năm nén vàng, hai tấm lụa, tôi nhất thiết không dám nhận, xin kính cần gửi cho ông Phan Khải Đức đưa giả y nguyên, để giúp một ít vào việc phí khao thưởng quân sĩ.

Xin Đại nguyên súy lượng cho.

Tiền sĩ Nguyễn Thiếp xin trả lời.

Cảnh Hưng thứ 48, tháng giêng ngày mồng chín. (1787)

Nguyễn Huệ lấy bút khoanh vòng mấy chữ quý quốc, bản triều, đáng về và Cảnh Hưng thứ 48; trong khi đưa ngọn

bút lông trên tờ thư tay ông run run, môi mím lại. Nguyễn Huệ lẩm bẩm:

– Quí quốc! Bản triều! Cảnh Hưng thứ 48! Vẫn cái điệu hát trung quân cũ kỹ nhảm tai! Đến bao giờ họ mới chịu quảng mấy cuốn sách cũ gián nhảm, để nhìn thẳng vào việc đời?

Tên lính hầu sẽ sàng nhón bước đến gần bấm báo là có quan Trung thư lệnh xin ra mắt. Nguyễn Huệ nghe một cách lơ đãng. Người lính tưởng chủ tướng nghe chưa rõ, run run nhắc lại lần nữa. Nguyễn Huệ đặt lá thư xuống kỹ, ngược mắt nhìn lên. Trước mắt ông, hình ảnh tên lính hầu nhòe ra, phải một lúc lâu, ông mới nhìn rõ được vẻ mặt ngượng ngịu, cử chỉ lúng túng của anh ta. Nguyễn Huệ hỏi:

– Ông ấy đến hồi nào?

– Dạ bẩm Thượng công, mới đến thôi!

– Ra mời vào.

Trần Văn Kỷ và Lãng bước vào nơi làm việc của Nguyễn Huệ. Lãng chấp tay nghiêng người chào chủ tướng định quay ra, thì Huệ đã gọi:

– Ở lại chút đã. Cô An vừa ra, cậu biết chưa?

Lãng ngơ ngác hỏi:

– Thưa An nào ạ!

Nguyễn Huệ cười:

– An chị cậu mà cậu không biết à?

Lãng ngạc nhiên quá, quên cả lễ nghi, hấp tấp hỏi:

– Chị ấy ra hồi nào? Sao anh biết?

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần Văn Kỳ, nghiêm mặt đáp:

– Cả gia đình đã trốn ra đây hôm qua. Cậu có thể về để đi thăm đi. Cô ấy vừa đến đây lúc này. Tiếc là không có cậu.

Lãng mừng quá, quên cả chào kính trước khi lui, quay gót tiến ra phía cửa. Nguyễn Huệ chờ cho Lãng đi khỏi, mới lặng lẽ đưa lá thư của La sơn phu tử cho quan Trung thư lệnh.

Trần Văn Kỳ e ngại chưa dám đọc ngay, rụt rè hỏi:

– Thư của ai thế, bẩm Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

– Ông cứ đọc đi đã. (Nguyễn Huệ gọi Trần Văn Kỳ bằng “ông” từ vài ngày gần đây)

Trần Văn Kỷ lễ phép nói:

– Xin phép Thượng công!

Rồi mới cúi xuống đọc. Trong khi Trần Văn Kỷ nhú mào đưa xa tờ giấy đọc kỹ lá thư của La sơn phu tử, Nguyễn Huệ lấy cán bút gõ nhẹ lên mặt kỷ, chờ đợi. Quan Trung thư lệnh đọc một lần, rồi hai lần. Khi biết chắc Trần Văn Kỷ đã đọc xong, Nguyễn Huệ hỏi:

– Ông có chú ý mấy chữ ta khoanh vòng không?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Thừa có.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, rồi chua chát nói:

– Ông thấy không? Ta nói có sai đâu. Trong đầu óc của từng nhà nho cả trong

nam lẫn ngoài bắc đều có một lũy Thầy. Họ không thể nhìn qua khỏi được vách lũy. Quí quốc! Bản triều! Đến bao giờ họ mới dám đứng trên mặt lũy để nhìn cho xa chút nữa?

Trần Văn Kỷ trầm ngâm rồi nói:

– Có lẽ chẳng bao giờ cả!

Nguyễn Huệ liền bảo:

– Như vậy thì việc gì ta phải cầu cạnh đến hạng ấy!

Rồi Nguyễn Huệ đưa cánh tay có vết sẹo cho Trần Văn Kỷ xem, hỏi:

– Ông có biết ai gây cho ta vết thương này không?

Trần Văn Kỷ tò mò quan sát vết sẹo thâm tím dài khoảng hai lóng tay ở cánh

tay trái của Nguyễn Huệ, lắc đầu. Nguyễn Huệ nói:

– Một tên trung thần của họ Nguyễn Gia Miêu đấy. Hắn liều chết để tỏ lòng trung với ai, ông biết không? Với một tên con nít dâm loạn do quốc phó Trương Phúc Loan dựng lên ở đây, ngay tại chỗ chúng ta đang ngồi. Với Duệ Tôn đó! Lòng trung theo kiểu ấy chẳng khác gì một điều ngu xuẩn. Ta chưa được đọc nhiều kinh sử, nhưng nhất định Khổng phu tử không dạy những điều cổ chấp ngu xuẩn như vậy!

Trần Văn Kỷ lại cảm thấy bị chạm tự ái. Ông nhìn thẳng vào Nguyễn Huệ, chậm rãi đáp:

– Thượng công nói như vậy thật đúng với bọn hủ nho, nghĩa là đối với phần lớn sĩ phu nam bắc. Đừng nói chi đến hạng

tiểu nhân võ vẽ dăm ba câu kinh truyện làm kể sinh nhai hoặc lừa bịp thiên hạ để cầu danh. Ngay cả những bậc học rộng, hiểu nhiều, có đạo đức như La Sơn phu tử cũng tự cảm thấy khó thích nghi với đời. Trong thư, Lục Niên tiên sinh thú nhận “lượng sức, dò phận, trên không dám mong được như Y Khương, dưới không sánh kịp Gia Cát. Gặp thời tiết gió bụi, nếu ra làm việc thì tay run, chân rối. Rốt cuộc, ắt làm lắm nhà nước, nhục cha mẹ”. Lục Niên tiên sinh không nói nhún chút nào. Sự thực như vậy. Kẻ sĩ khi gặp cảnh gió bụi hầu hết đều tay run, chân rối như lời Lục Niên tiên sinh thôi! Giao cho việc cầm quân ư? Không có cái bạo lạnh lẽo của đám võ biến. Đối đời thiên hạ cho loạn thành bình ư? Không dám động đến cái đã có sẵn, sợ gây đổ vỡ và đau thương, không dám dẫm lên một ngọn cỏ thì làm sao dám phát bờ, phá

bụi vạch đường mới? Với kẻ gian hùng thì không đủ gian để đánh đổi. Với kẻ cố chấp thì không nỡ nói nặng, vì chính họ cũng là một kẻ cố chấp. Họ phải bám vào một chút cố định nào đó làm vốn liếng tin tưởng và chịu đựng cuộc sống, như lũ trẻ thơ ra chợ sợ lạc, bám vào gấu quần mẹ. Bảo họ gạt bỏ chút cố định còn lại đó để xây dựng một cái hoàn toàn mới chưa chắc chắn, khó lắm. Cho nên dù biết cả vua Lê lẫn chúa Trịnh đều chẳng ra gì, nhưng thà làm dân bản triều còn hơn làm quan quý quốc.

Tuy thế, không phải họ không cần thiết. Họ là tầng lớp tượng trưng cho truyền thống. Có họ, thiên hạ tuy cực khổ nhưng yên lòng, vì cảm thấy còn được nối liền với quá khứ, tổ tiên. Thiếu cái truyền thống ấy, dù ta mạnh, ta nắm quyền sinh sát, nhưng quyền uy của ta

vẫn bị xem là bạo lực, là... là...

Trần Văn Kỹ định nói “mán mọi, rừng rú” nhưng sợ khiến Nguyễn Huệ nổi giận, nên ngưng nửa chừng. Nguyễn Huệ đoán được ý viên Trung thư lệnh, cười ha hả bảo:

– Là “vong mạng, vô lại, trộm cướp, mán mọi” chứ gì! Ta đã nghe nhiều người nói như thế rồi. Ông chớ ngại. Nhưng này, truyền thống là cái gì? Có cao cả ghê gớm lắm đâu! Đó chỉ là thói quen lâu đời! Ngay như việc chúa Trịnh hiệp vua Lê, nếu lấy chữ nghĩa thánh hiền mà xét, thì trái mười mươi ra chú! Nhưng vì chuyện hiệp đáp ấy đã kéo dài suốt hai trăm năm, nên thiên hạ xem chuyện xấu xa ấy là truyền thống đáng kính, đến nỗi có kẻ dám tự chôn mình để được tiếng trung thần như Lý Trần Quán. Bỏ cái thói quen ấy đi, trở lại từ đầu, xem nhà

Trịnh có gì nào? Thái vương Trịnh Kiểm hả? Ta nghe chỉ là một tên vô lại chuyên phá làng phá xóm, đến nỗi láng giềng ai cũng kêu rêu ghét bỏ, mẹ hằn chết làng xóm không thềm chôn mà vứt xác xuống cái ao nước thối. Ông muốn có truyền thống để khỏi mang tiếng “vong mạng, mán mội” chứ gì? Thì ta hãy tạo ra một truyền thống mới, bắt đầu từ bây giờ.

Trần Văn Kỷ lúng túng trước ý kiến dứt khoát mà hợp lý của Thượng công. Nhưng viên Trung thư lệnh cũng cố vớt vát sĩ diện nhà nho. Ông nói:

– Lập một truyền thống mới không đơn giản. Trước hết, phải cần có một thời gian khá lâu, như một triều đại phải trải qua nhiều đời. Thứ nữa, bậc sáng nghiệp phải có tài đức, hoặc mưu chước để nắm giữ quyền hành. Đã thế,

còn cần phải biết thuyết phục để được nhóm người chọn lọc vốn đã được thiên hạ tôn trọng từ đời cũ ủng hộ. Đối với những người này, không thể lấy bạo lực hoặc mưu chước để ép buộc được. Khi đã thuyết phục được tầng lớp chọn lọc tượng trưng cho truyền thống này rồi, ta mới dùng uy quyền để ép buộc đám đông còn lại chấp nhận “cái lý” đưa ra, như lâu nay mọi người đều phải nghĩ ai chống lại nhà vua thì đáng bị chém bêu đầu và tru di tam tộc. Lúc cái lý này vừa được ban bố, chưa hẳn đã có nhiều người tin theo. Không tin mà không nói gì cả, không chống lại bằng hành động thì cho tạm yên. Ngược lại, đem đóng gông, hạ ngục hay chém đầu. Làm như thế vài ba đời “cái lý” trở thành truyền thống, đủ mạnh để hể cháu chắt bất tài của một tên vô lại như Thái vương Trịnh Kiểm mà chết, thì

có hàng nghìn, hàng vạn Lý Trần Quán mua quan tài, mua vải liệm tự chôn để được chữ trung thần.

Trần Văn Kỷ nói một thôi dài, Nguyễn Huệ chăm chú lắng nghe, đôi mắt chăm chăm nhìn vào miệng viên Trung thư lệnh như muốn hứng lấy từng tiếng, không để rơi tiếng nào. Trần Văn Kỷ nói xong, khuôn mặt Nguyễn Huệ trở nên trầm tư. Theo thói quen, ông lại đưa ngón tay lên quệt ở đầu mũi, rồi vuốt lại mảng tóc quăn ở góc trán.

Một lúc sau, Nguyễn Huệ gật gù một mình, rồi bảo:

– Phải! Thế là phải! Giải quyết xong việc Qui Nhơn, ông nhớ viết thư cho Lục Niên tiên sinh một lần nữa. Lần này ông ấy trả luôn cả thư mời, tức là dứt khoát từ chối. Lần sau, thế nào cũng khá hơn.

Trần Văn Kỷ vội hỏi, lòng vừa mừng, vừa lo:

– Việc Qui Nhơn là việc gì, thưa Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

– Vụ sứ bộ bị giết ở Trà Câu ông biết rồi chứ? Nay được thêm tin nhà vua đã ra lệnh giam thân nhân các tướng theo ta, và phong tỏa các đường giao thông thủy bộ. Qui Nhơn đang chuẩn bị chiến tranh. Máu chảy ruột mềm, dứt tình nghĩa với nhà vua ta đau xót lắm. Nhưng không có cách nào khác. Kéo dài nhì nhằng thế này, một là Thuận Hóa sẽ suy sụp vì đói và bị chiếm, hai là... hai là như ông nói, tầm mắt thiên căn của Qui Nhơn sẽ thành truyền thống mà thôi!

Trần Văn Kỷ cố che giấu sự sung

sướng vì Phú Xuân đã trở thành trung tâm quyền lực, giả vờ lo âu hỏi:

– Nhưng còn gia quyến của Thượng công?

Nguyễn Huệ đáp:

– Ta hiểu rõ tính nhà vua. Không bao giờ nhà vua liều lĩnh đặt hết vốn liếng vào một canh bạc chưa chắc ăn. Nhà vua phải thấy các tướng tài và các đạo quân tinh nhuệ đều ở lại đây cả. Ta không ưa bài bạc, nhưng chuyến này ta đánh một ván bài liều lĩnh nhưng có tính toán. Ông soạn gấp cho ta một bài hịch đi!

✱

Trần Văn Kỷ hối hận vì không từ chối dứt khoát ngay buổi sáng. Ông loay

hoay mãi chưa thảo được bài hịch. Hết vò xé tờ giấy này đến tờ khác, viết được vài câu đã thấy hoạc chưa đủ mạnh để phải dốc toàn lực của Thuận Hóa kéo vào Qui Nhơn đánh một trận sống mái, hoặc quá mạnh trở thành xác xược, hỗn láo đối với vua anh. ở đâu mới đạt được thể trung dung? Khó quá.

Nếu tờ hịch dựa trên tình nghĩa anh em thì không có chữ nghĩa nào biện minh được chuyện đưa quân vào uy hiếp Hoàng đế thành. Lỡ đến một lúc nào đó, tình máu mủ ruột thịt đủ mạnh để binh đao xếp lại, thì số phận kẻ viết hịch sẽ thế nào? Còn nếu muốn viện đến một mục tiêu cao cả hơn, phóng khoáng hơn, cần thiết hơn cả tình ruột thịt, mục tiêu có thể xốc dậy cả một khối lớn dân chúng lâu nay chịu bao tai ương của chinh chiến thì mục tiêu ấy là gì? Trần

Văn Kỹ biết ý Thượng công là muốn nêu cao lễ nhất thống. Nhưng nhất thống thế nào được? Vua Lê hãy còn ở Thăng Long. Vua Thái Đức ở Hoàng đế thành. Thiên hạ hiện chia hai trên danh nghĩa, và chia tư trên thực tế. Bốn trung tâm quyền lực là Thăng Long, Phú Xuân, Qui Nhơn và Gia Định. Muốn thống nhất thì một mình Phú Xuân phải phá đổ ba trung tâm quyền lực kia. Liệu Phú Xuân có kham nổi không?

Đây là một câu hỏi đã từng dày vò Trần Văn Kỹ nhiều đêm. Ông chịu ra cộng tác với Nguyễn Huệ, sẵn sàng chấp nhận lời thị phi của bọn bạn bè cố chấp, chỉ vì cái thao thức thường thấy ở những người đã luống tuổi: tình quê hương. Chim bay mỗi cánh thì nhớ tổ. Trần Văn Kỹ tự thấy mình đã già yếu, nên muốn được thấy một Thuận Hóa trù phú phồn

thịnh và nhiều quyền uy khi mình còn được sống nốt tuổi trời. Ông đã không chọn làm người để gửi gắm ước vọng đó. Qua mấy tháng gần gũi với Nguyễn Huệ, ông nhận thấy viên tướng trẻ 35 tuổi này vừa có sự thâm trầm chín chắn của một người từng trải, lại vừa có cái gan dạ liều lĩnh của một thanh niên, có cái bộc trực của dân lao động, lại có sự tế nhị của kẻ ăn học. Gặp được một người như vậy, Trần Văn Kỷ tự xem mình là kẻ may mắn, ông tin đó là thiên mệnh. Ý Trời đã muốn cho Nguyễn Huệ gặp ông, thì nhất định ý Trời cũng muốn Phú Xuân trở thành kinh đô của một nước Nam thống nhất.

Những khao khát thâm kín đó, có thể viết lên giấy, truyền bá khắp thiên hạ được không? Không! Chính Trần Văn Kỷ đã dài dòng bàn luận với Nguyễn Huệ

sáng nay về hai tiếng truyền thống. Ông muốn phá đổ một lượt ba thứ truyền thống hay sao? Ai sẽ theo ông? Phá xong thì dựa vào đâu để dựng lên một truyền thống mới? Ôn lại sử sách, Trần Văn Kỳ nhận thấy các nhà sáng nghiệp đều dựa vào cái công chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc để chính thức thiết lập một triều đại mới. Những kẻ vượt ra ngoài thông lệ đó đều thất bại, bị đời gán cho cái tiếng soán đoạt như họ Hồ, họ Mạc.

Viết gì đây? “Bất cập” hay “thái quá”? Trần Văn Kỳ thức đến khuya, nghiên mực đã khô, đèn đã hết dầu mà tờ giấy trước mặt vẫn còn trắng. Đến cuối canh ba, mệt quá, ông gục đầu xuống bàn ngủ quên cho đến sáng!

✱

Lãng đến thăm chị và các cháu nhưng không gặp ai ở nhà cả. Người hầu gái Lợi vừa thuê cho biết bà chủ vừa dẫn các con đi ra phố mua sắm một ít quần áo và đồ đạc. Ngồi một mình, Lãng tò mò quan sát một vòng cách bày biện trong nhà. Anh thấy so với lần đầu tới thăm chị, quang cảnh chung có vẻ tươi tắn, ngăn nắp, sạch sẽ hơn. Nhà của viên phó đốc thị dĩ nhiên không sang trọng bằng lúc quan quốc phó Trương Phúc Loan ở. Khi Phú Xuân bị tấn công, một số bàn ghế, màn trướng bị dân chúng ùa vào hôi của, nên khi Lợi đến nhận, nhà chỉ còn cái vẻ bề ngoài. Lợi lấy cửa kho sai thợ sửa sang lại, nhưng không chú tâm nhiều đến các tiện nghi, sao cũng được. Phải chờ bàn tay người nội trợ như An, căn nhà mới đẹp đẽ, gọn gàng và trang nhã được như hiện nay.

Lăng đợi độ một khắc thì ba mẹ con An trở về. Thấy có cậu Lăng đến thăm, hai đứa bé mừng rỡ, a vào ôm lấy Lăng. Con Thái hỏi:

– Cậu đã lên chùa Thiên Mụ chưa?

Còn thằng Phát thì hỏi:

– Cậu đã thử bơi từ bên này qua bên kia sông chưa? Cháu thấy nước sâu quá, chưa dám thử. Hôm nào cậu cháu mình bơi thi đi!

Lăng trả lời con Thái trước. Anh nói:

– Chùa Thiên Mụ à? Tại sao không dùng cháu hỏi thế?

Con Thái liếc về phía mẹ, le lưỡi ra vẻ sợ sệt, nói nhỏ:

– Mẹ vừa dẫn hai đứa cháu lên chùa tạ ơn Trời Phật đấy. Chùa lớn ghê hả cậu.

Cao lớn hơn cả chùa Thập Tháp trong mình.

Thằng Phát xô con Thái ra, hỏi Lãng:

– Sông sâu được một con sào không cậu? Nước không chảy, chắc khỏi sợ sóng phải không cậu?

An từ nhà sau ra, xua các con:

– Hai đứa đi chơi để mẹ hỏi cậu chuyện này đã.

Con Thái phụng phịu. Thằng Phát nấn ná chờ xem mẹ có thay đổi ý kiến, hoặc cậu có giữ lại hay không. Thấy hai người lớn không nói gì cả, chúng đành dắt nhau ra sân xem các chú lính hầu trồng hoa.

Chờ cho các con đi khỏi, An mới hỏi Lãng:

– Từ sáng đến giờ đi đâu cũng nghe hịch, hịch. Hết đọc hịch dán ở khắp nơi, lại nghe đọc ở cổng chùa. Chị không hiểu gì cả. Thế là thế nào? Em đừng bảo là chưa biết gì về bài hịch đó.

Lãng buồn rầu rút một tờ hịch trong bọc áo ra đặt lên bàn, nói:

– Em có đem về cho chị một bản đây. Như vậy là chị đã được đọc trước rồi.

An thắng thốt hỏi:

– Ai thảo bài hịch này thế? Không lẽ em?

Lãng vội nói:

– Không. Không phải Lãng đâu!

– Chị không dám đọc lại nữa. Ghê gớm quá! Không tin được. Chị không tin chính anh ấy thảo bài hịch này, hoặc nói

các ý chính cho một người nào đó soạn. Dù sao chẳng nữa, nhất định anh ấy phải đồng tình với người soạn hịch. Làm sao có thể dùng đến những chữ “sài lang”, “cẩu trệ”? [Liệt truyện, quyển 30, tờ 14.] Với lại những gì “khinh suất, can không nghe” nữa!

Lãng cầm bài hịch đọc đoạn An vừa nhắc:

– ...”Không có tội nào to bằng tội giết vua, nhưng nếu khinh suất can gián mà không nghe, ắt phải truất xuống, vì là quan hệ đến sự an nguy của muôn đời” [Liệt truyện, quyển 30, tờ 14.]

– Ấy đấy! Dù gì đi nữa thì cũng là anh cả. Sao nỡ dùng những tiếng thậm tệ như vậy để viết hịch?

Lãng tò mò hỏi An:

– Anh Lợi có nói gì không?

An đáp:

– Hịch mới được truyền sáng nay. Còn anh Lợi thì có việc đi từ tỉnh sương nên chị chưa biết anh ấy nghĩ gì. Chị đoán anh ấy không nghĩ gì rắc rối đâu. Một lần nói chuyện bất hòa gay go giữa nhà vua và anh Huệ, anh Lợi bảo: “Nhà vua hết thời rồi. Kẻ nào nhìn xa thì phải mau mau bỏ Qui Nhơn ra đây, chậm thì không kịp hối”. Anh ấy nói toàn giọng lười của lão cống Chính. Chị buồn ghê lắm. Còn em thì sao?

Lãng dè dặt đáp:

– Em hả? Em cố tin ở cái gì cao cả để nuốt cho trôi những thứ trái đắng.

An nhúu mày hỏi:

– Thế là thế nào?

– Chẳng hạn em cố tin ở điều bài hịch gọi là “quan hệ đến sự an nguy của muôn đời”. Nếu thật cần phải làm cho thiên hạ sống yên vui đến muôn đời, thì cũng có thể cần rằng dứt bỏ tình anh em.

An phản đối:

– Nhưng tình anh em là điều có thật, là điều rõ ràng như có thể đếm được bàn tay có năm ngón; còn “quan hệ đến sự an nguy của muôn đời” là cái gì? ra sao? méo hay tròn? ai mà biết được! Ai thảo bài hịch thật khéo mồm khéo mép! Ai thế? Nghe nói anh Huệ tìm được một quân sư tài giỏi lắm phải không?

Lãng vội đáp:

– Chị muốn nói quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ chứ gì? Không! Bài hịch này

do quan lại bộ Hồ Đồng soạn.

– Hồ Đồng? Ai vậy?

– Một thuộc hạ của Nguyễn Ánh, bị bắt ở tận Đồng Tuyên trong Gia Định.

An mừng rỡ vì tìm được cái cơ biến hộ cho Nguyễn Huệ:

– Hèn gì! Hắn cố soạn cái giọng ấy để tăng công chuộc tội đấy mà! Có điều chị không hiểu, là tại sao dân Thuận Hóa có vẻ hí hửng quá! Chị đi đâu, trên chùa, ngoài phố, ở chợ, đâu đâu cũng thấy thiên hạ bàn tán vui vẻ, như sắp vào Qui Nhơn ăn cỗ. Bọn trai tráng lũ lượt đua nhau tòng quân. Kể cả bọn con nít chưa tới mười lăm tuổi cũng van nài cho được sung quân. Dĩ nhiên người nặng gánh gia đình thì lo âu ra mặt. Còn bọn trẻ thì... Tại sao thế?

Lãng cười nhỏ, cổ giải thích:

– Có gì đâu. Chị hãy ở vào hoàn cảnh dân Thuận Hóa. Bao nhiêu năm ở dưới ách tham bạo của tên quốc phó Trương Phúc Loan, rồi hơn mười năm tiếp tục sống nhần nhục dưới ách cai trị hà khắc của họ Trịnh. Sống như thế thì vào lính đi đánh nhau với bất cứ ai, ở bất cứ nơi nào cũng đáng mơ ước. Vì dù sao cũng còn có một niềm hy vọng đổi đời.

An lắc đầu:

– Những cái đó phức tạp quá, phải bóp trán, cau mày, mới hiểu nổi. Cũng giống như phải cố tưởng tượng ra “sự an nguy của muôn đời” để hiểu nổi vì sao phải gọi anh là “sài lang, cầu trệ”. Chị chịu thôi!

Lãng thú nhận:

– Em cũng vậy. Em chưa hiểu được hết!

– Nhưng Lãng ở gần “anh ấy”, Lãng có hỏi được gì không?

Đến lúc đó, Lãng mới để ý chị cố nói tránh không nhắc thẳng đến tên Nguyễn Huệ trong câu chuyện. Anh liếc dò về mặt An. Lãng thấy chị có vẻ nồng nhiệt hào hứng khác thường, đôi mắt ươn ướt long lanh, má đỏ hồng, cử chỉ linh hoạt khi nói chuyện, khác hẳn vẻ mặt thụ động nhẫn nhục thường ngày. Lãng se lòng khi nghĩ: “Đã bao năm rồi, mà chị ấy còn được như thế sao!”. An thấy Lãng ngõ ngàng nhìn mình, đột nhiên giật mình, đỏ mặt, nói lảng sang chuyện khác. An hỏi:

– Em thấy chị trang hoàng nhà cửa lại có đẹp không? Ồi! Đàn ông thì ai cũng

như ai. Ăn ở như người ở đậu, ăn nhờ. Dơ dáy bữa bãi, không chịu được. Chị vừa cho trồng hoa lại đấy. Nửa tháng sau em đến đây, đã có một vườn hoa nhỏ quanh nhà rồi. Chị cũng sẽ cho trồng lại mấy khóm chuối và cam, ổi.

Lãng dè dặt nói:

– Có lẽ... có lẽ em cũng phải vào Qui Nhơn.

An hốt hoảng hỏi:

– Em cũng đi đánh nhau à? Đánh ai? Còn anh Lợi?

– Không biết anh Lợi có phải theo quân không!

Giọng An ray rứt:

– Sao lại vào đánh Qui Nhơn? Thế là thế nào? Trời hỡi! Đến lúc nào bọn đàn

ông mới chịu gác giáo lên trần nhà cầm cày cuốc giúp đỡ vợ con đây! Chừng nào, hờ Lãng?

Lãng không trả lời được câu hỏi của chị. Trong Lãng, đã có cái gì rạn vỡ. Có thể là niềm tin!

✱

“Đầu năm Đinh Vị (1787) trong khi người ta tưởng những lực lượng thống nhất có cơ tập thành thì một biến chuyển lớn lao làm tan vỡ viễn tượng đó: anh em Tây Sơn, hay nói đúng hơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh nhau⁵”.

Một người viết sử đã nhận xét như vậy về biến cố “nổi da xáo thịt” của phong trào Tây Sơn. Ý kiến này đã được nhiều

5 Lịch sử nội chiến ở Việt Nam. Tạ Chí Đại Trường, trang 144.

sử quan thời xưa và sử gia thời nay tán đồng.

Mới thoạt nhìn, nhận xét ấy có vẻ hợp lý, rõ ràng: Phong trào Tây Sơn từ năm khởi dấy cho đến mùa xuân Đinh Vị vẫn luôn luôn là một sức mạnh thống nhất, có tổ chức, có chỉ huy nhất quán từ trên xuống dưới. Tùy theo từng hoàn cảnh, từng nhu cầu chiến lược mà có những liên minh tạm bợ, bạn đó rồi thành kẻ thù đó, nhưng sau khi các phần tử lưu manh vô lại bị đào thải, bọn cơ hội và những kẻ cố chấp hẹp hòi bị lịch sử vượt qua, thì càng ngày phong trào càng được tinh lọc, ổn cố. Tiêu diệt được tàn quân nhà Nguyễn cùng bọn xâm lược Xiêm ở phương nam, xô ngã nhà Trịnh ở phương bắc, đương nhiên phong trào Tây Sơn đã phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, “có có” tập hợp được mọi lực lượng để

thống nhất xứ sở dưới quyền lãnh đạo của Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc. Biến cố “nổi da xáo thịt” khiến cái dòng lịch sử bình thường ấy đột nhiên khựng lại, hoang mang, ngỡ ngác. Hy vọng thống nhất tan vỡ! Sự ổn cố của phong trào bấy giờ mới chứng tỏ sự giả tạo bấp bênh của nó!

Lỗi về ai? Các sử quan nhà Nguyễn, lạ lùng thay, đã đổ hết trách nhiệm lên đầu Nguyễn Nhạc. Nào là Nhạc đắc chí nên sinh ra buông tuồng hiếu sát, giết hại viên cộng sự ban đầu của mình là Nguyễn Thung, lại nhẫn tâm làm điều ép uổng dân loạn với cả em dâu là vợ Nguyễn Huệ. Mọi người đều ghê tởm⁶.

Những người chép sử Bắc hà thì lại đổ lỗi cho Nguyễn Huệ. Tác giả Hoàng Lê nhất thống chí mượn lời Nguyễn Hữu

⁶ Hoàng Lê, trang 193.

Chỉnh tâu với vua Lê Chiêu Thống để nêu nguyên nhân mỗi biến loạn này như sau:

“Vua Tây từ khi về nam thì kéo về luôn quốc thành, còn Thượng công thì ở Phú Xuân, nghỉ quân mua vui, hoặc là ban bố mệnh lệnh, sửa sang thành lũy. Bao nhiêu quân tướng, khí giới, các vật quý báu lấy được ở Bắc hà đem về, Thượng công đều chứa vào một chỗ, vua Tây cho người ra vời, Thượng công cũng không chịu vào châu. Rồi thì phong quan ban chức, Thượng công đều tự quyết định, không hỏi gì đến vua Tây. Vua Tây cho người đem ấn ra phong thượng công là Bắc Bình vương, và hỏi các thứ của báu bắt được ở phủ chúa Trịnh. Thượng công cũng không chịu trả lại. Vua Tây giận lắm, vì thế anh em mới gây ra cuộc binh đao⁷”

7 Liệt truyện, quyển 30, tờ 13b, 14a.

Dù không đồng ý với nhau về nguyên do nổi da xáo thịt giữa anh em Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ, các sử quan đều đồng ý với nhau rằng biến cố ấy tác hại nghiêm trọng đến sự thống nhất của phong trào, khiến cho viễn tượng “nhất thống” dân tộc, lãnh thổ, chính quyền sau mấy trăm năm chia cắt bị tan vỡ một cách đáng tiếc.

Nhưng nếu xét kỹ càng hơn bằng lối đặt ngược vấn đề: Giả sử sau khi ở Thăng Long về, Nguyễn Huệ ngoan ngoãn vâng theo lệnh vua anh, đem hết đại quân cùng kho chiến lợi phẩm về Qui Nhơn, không ở lại Phú Xuân “sửa sang thành lũy, ban bố mệnh lệnh, phong quan ban chức”, sẵn sàng làm một viên tướng tử lệnh của lực lượng tinh binh cơ động chờ lệnh vua đi chinh phạt bất cứ đâu vào bất cứ lúc nào, thì liệu cái cơ thống nhất có thành tựu

được không? Hai nguồn sử liệu, độc lập nhau (một của Chapman, người Anh đại diện thương mại của chính quyền Anh tại Bengale đến Qui Nhơn năm 1778 và được nói chuyện trực tiếp với Nguyễn Nhạc; một của Ngô gia văn phái trong Hoàng lê nhất thống chí chép việc mắt thấy tai nghe đương thời tại Bắc hà.) đều khách quan trả lời: KHÔNG!

Trong cuộc hội kiến giữa Chapman và Nguyễn Nhạc năm 1778, bằng giọng thân tình chân thật chứ không bằng giọng khách sáo ngoại giao, Nguyễn Nhạc cho biết ước vọng cao nhất của mình là chiếm cả giang sơn Nam hà, từ Lũy Thầy vào đến Gia Định. Chỉ chừng ấy thôi!

Trong cuộc hội kiến với vua Chiêu Thống nhà Lê tám năm sau (1786) tại kinh đô Thăng Long, Nguyễn Nhạc

cũng nhắc lại điều ấy cho các quan nhà Lê nghe. Nói chuyện với dân Nghệ An, Nguyễn Nhạc cũng nhún nhường tự coi là “họ ngoại của chúa Nam hà”.

Rõ ràng trước sau như một, Nguyễn Nhạc chỉ muốn dừng lại bên này Lũy Thầy. Việc Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc phù Lê diệt Trịnh hoàn toàn ở ngoài tiên liệu của ông. Ông không muốn, mà cũng không ngờ. Nghe tin em đã chiến thắng ở tận kinh đô Đàng ngoài, Nguyễn Nhạc không vui mà lại sợ. Ông vội vã ra bắc lôi em ông về. Cho nên nếu không có vụ nổi da xáo thịt, thì cái cơ thống nhất cũng không thể thành tựu được. Dự đoán những khả-thể của lịch sử là việc liêu lĩnh. Nhưng nếu dám liêu thì có thể đoán được như sau: nhờ sự ngoan ngoãn vâng lời của Nguyễn Huệ mà uy quyền của vua Thái Đức trở nên tuyệt đối, Nguyễn

Ánh ở Gia Định hết có cơ hội khôi phục, và nhà Tây Sơn đương nhiên trở thành vương triều cai quản cả giang sơn Đàng Trong như ước muốn của Nguyễn Nhạc. ở Đàng Ngoài, không có mối đe dọa từ Phú Xuân, tất nhiên họ Trịnh trở lại phủ chúa, và mọi sự diễn lại y như lúc chưa có phong trào Tây Sơn. Như vậy thì làm gì có thống nhất xứ sở?

Ngược lại, phải xem biến cố “nổi da xáo thịt” là một “điều chẳng đáng dừng” để tiến tới viễn tượng thống nhất. Không nên tìm cách đổ lỗi cho Nguyễn Nhạc “dâm, bạo” như sử quan triều Nguyễn. Tất cả trách nhiệm của biến cố này thuộc về Nguyễn Huệ: một mình Nguyễn Huệ!

✱

Chưa bao giờ Nguyễn Huệ cảm thấy cô đơn như vậy!

Ông thức trắng nhiều đêm. Một mình. Không thể nói chuyện u ẩn với ai. Cũng không có ai dám nói thẳng với ông những điều họ nghĩ, kể cả Lãng, Trần Văn Kỷ và công chúa Ngọc Hân. Những người thân thiết với ông đều hiểu ông đang ở vào một cảnh huống khó xử, tiến thoái lưỡng nan. Quyết định của ông sẽ làm đảo lộn tất cả cuộc diện lịch sử, làm náo động dư luận. Nhiều người thân thuộc sẽ trở thành tử thù. Anh em vợ con chia lìa. Miệng thế mặc sức mà đàm tiếu, cười cợt. Cái chén thuốc đắng đó chính ông phải uống. Không thể sợ hãi, không thể nhắm mắt chạy trốn để đổ vấy cho ai khác. Dù tự tin bao nhiêu đi nữa, ở vào giờ phút quyết định này, tay ông vẫn run rẩy. Gánh nặng của trách nhiệm

khiến ông ngọt thở, và chua chất.

Trong những ngày định mệnh ấy, công chúa Ngọc Hân lo âu cho sức khỏe của Nguyễn Huệ, nhưng công chúa tế nhị không hỏi môi hỏi đến lý do tâm trạng căng thẳng của chồng. Ngọc Hân lặng lẽ thay nến trên bàn Nguyễn Huệ, châm nước trà thêm vào chiếc bình sứ, lẳng lặng đặt chén sâm trước mặt chồng rồi rón rén trở về phòng khuê. Nguyễn Huệ thức mấy đêm thì công chúa cũng thức mấy đêm. Đôi mắt công chúa thâm quầng, vừa lo lắng cho lần mang thai đầu tiên vừa lo lắng cho sức khỏe Nguyễn Huệ. Công chúa không dám khóc trước mặt Nguyễn Huệ. Nỗi đau xót Nguyễn Huệ đang tìm cách giải quyết lớn lao quá, công chúa không làm gì được. Chỉ biết khóc.

Trong lúc đó Nguyễn Huệ bậm môi

chịu đựng gánh nặng trách nhiệm và dọn lòng chờ đón mọi hậu quả. Ông thừa hiểu vì sao Trần Văn Kỳ tìm có thoái thác không viết bài hịch. Ông thông cảm nỗi lo xa của viên Trung thư lệnh. Ông cũng hiểu động cơ nào thúc đẩy lại bộ Hồ Đồng viết những lời lẽ hỗn xược, nặng nề kể tội vua Thái Đức. Ông đã chụp bút định sửa, nhưng vào lúc chót, ông kịp dừng lại. Khi đã quyết định tấn công Qui Nhơn thì những chữ “sài lang, cầu trệ” chỉ là tiểu tiết tối cần để biện minh cho quyết định táo bạo bất đắc dĩ trên kia. Đã như vậy thì sửa chữa cho nhẹ bớt có ích gì. Điều quan trọng là ở chỗ: Ta có thực tin hành động này cần thiết cho sự an nguy của muôn đời hay không?

Nguyễn Huệ dứt khoát tin tưởng điều đó.

Và khi đã giải quyết được khúc mắc

cơ bản, ông cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Quen quyết định nhanh chóng, ông ra lệnh phổ biến bài hịch, đồng thời với lệnh trưng binh. Tất cả đàn ông từ mười lăm tuổi trở lên đều phải nhập ngũ, Nhà nào cũng chỉ còn lại đàn bà con nít. Đình, chùa, miếu biến thành trại lính. Thiếu đồng để đúc khí giới và nôi, thì lấy cả những tượng Phật còn lại⁸.

Đạo quân hùng hậu kéo vào Qui Nhơn mùa xuân Đinh Vị có người ước lượng sáu vạn⁹, có người tính đến mười vạn¹⁰. Giống như chuyến bắc tiến mấy tháng trước, đạo quân ô hợp ấy mau chóng trở thành một đạo quân hăng hái thiện chiến, do lòng tin tưởng tuyệt đối vào tài chỉ huy của Nguyễn Huệ, và tinh

8 Thư Doussain gửi cho Descouvrières 8-6-1787 (BEFFEO 1912, trang 19)

9 Thư Doussain 6-6-1787.

10 Thư Labartette gửi cho Letondal 21-5-1787. (Launay III, trang 129)

thần tự ái của dân Thuận Hóa được kích động mạnh mẽ.

Quân Nguyễn Huệ vào bao vây Hoàng đế thành, đắp núi đất cao để đặt đại bác bắn vào. Nguyễn Nhạc lấy đạn đem vào đền thờ ông bà kêu khóc để kể tội đưa em bất hiếu bất mục, rồi cho người lén vào Gia Định nhờ Nguyễn Lữ tiếp cứu. Đặng Văn Chân đem quân về đến Tiên Châu (Phú yên) thì bị tướng của Nguyễn Huệ đánh tan, chính Chân phải đầu hàng để làm tù tướng của Phú Xuân.

Nhưng Nguyễn Huệ không thể chiến thắng mau chóng dễ dàng như những lần hành quân trước. Ông đã hạ lệnh giáp công hai ba lần, nhưng lần nào cũng bị đẩy lui, số quân Phú Xuân đông đảo bị hao hụt đến một nửa. Vòng vây không đủ khép kín, trong khi cuộc chiến đã nhì

nhằng dằng dai cả tháng. Nguyễn Huệ phải lấy thêm quân Thuận Hóa, gọi nhập ngũ cả những đứa trẻ vừa đủ mười lăm tuổi. [BEFFEO, 1912, trang 17.]

Vua Thái Đức chờ viện binh mãi không được, lại thấy quân Thuận Hóa được tăng cường đông đảo, tuyệt vọng, bắt buộc phải ẵm Quang Toản con Nguyễn Huệ lên mặt thành kêu khóc để gọi tình máu mủ.

Nguyễn Huệ chỉ có thể bậm môi kiên gan đến mức độ ấy. Trông thấy vua anh hạ mình kêu gọi hòa giải, lòng ông rung động. Ngay tức khắc Nguyễn Huệ ra lệnh giải vây. Trần Văn Kỷ được cử vào thành để thương lượng cách phân chia vùng kiểm soát. Kẻ chiến bại phải chấp thuận các đòi hỏi của kẻ chiến thắng.

Vua Thái Đức bằng lòng nhường

thêm Quảng Nam cho Nguyễn Huệ, lấy Bến Ván làm ranh giới ngăn cách đất của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ và vua Thái Đức.

Đến lúc này (lúc hai anh em đồng ý chia đất để tránh va chạm quyền lợi của nhau) viễn tượng thống nhất mới thực sự bắt đầu tan vỡ. Nguyễn Huệ nhìn xa thấy rộng, cao vọng lớn, nhưng không thể vượt lên khỏi các ràng buộc của tình ruột thịt.

Làm sao được! Ngoài khối óc, ông còn có một trái tim nhạy cảm!

Con đường nam tiến của ông đã bị tắt nghẽn ở Bến Ván. Tuổi già của vua Thái Đức, sự bất lực của Đông Định vương Nguyễn Lữ trở thành hai lớp lũy dày bảo vệ cho Nguyễn Ánh ở Gia Định tự do hoạt động khôi phục. Ước vọng

thống nhất đành phải chịu dang dở.

Cho nên, nếu Nguyễn Huệ xứng đáng nhận lấy vinh quang vì can đảm hy sinh cái tiểu tiết để phụng sự đại cuộc, thì chính Nguyễn Huệ cũng phải một mình chịu trách nhiệm về sự yếu đuối của mình. Ông dám bất tuân lệnh vua anh vượt qua Lũy Thầy, nhưng không đủ sức mạnh ý chí và sự lạnh lùng để vượt qua cái lũy vô hình là tình máu mủ. Bến Ván! Bến Ván! Cái tên ấy sắc sảo như một lưỡi gươm bén chém đứt thân thể của xứ sở, chém đứt ước vọng thống nhất của một người anh hùng dám một mình chịu đựng tất cả tai tiếng, dèm pha, đàm tiếu, thực hiện cho được cao vọng của mình. Những dao động, thanh toán nội bộ sau biến cố quan trọng này, tất nhiên không thể tránh khỏi. Kể từ đó làm gì những điều vụn vặt ấy!

Chương 77

Ngay trong khi cuộc tranh chấp giữa Phú Xuân và Qui Nhơn chưa kết thúc, Nguyễn Huệ đã nhận được tin Nguyễn Văn Duệ và Huỳnh Đức ở Nghệ An đã âm mưu cùng Nguyễn Hữu Chỉnh làm phản. Chính Vũ Văn Nhậm cấp tốc gửi thư cáo biến cho Thượng công.

[Hoàng Lê trang 190] Trong thư, Vũ Văn Nhậm có viết:

“Ngày trước, dùng Chỉnh chẳng khác nào nhốt hổ găm giường. Ngày nay để

Duệ, tức là nuôi ong tay áo. Xin Thượng công kíp phát quân ra bắc, trước hết giết Duệ ở Nghệ An, rồi sau bắt Chỉnh ở Thăng Long. Dẹp loạn, định nước là ở chuyển này. Cơ hội ấy, xin đừng bỏ lỡ...”

Nguyễn Huệ tin ngay những điều Vũ Văn Nhậm cấp báo. Ông hiểu phò mã ở vào một thế khó xử. Một đảng là chủ tướng trực tiếp của mình. Một đảng là cha vợ. Vũ Văn Nhậm lo âu Nguyễn Huệ nghĩ mình có hai lòng, nên tìm mọi cách chứng tỏ sự tận tụy trung thành của mình. Phò mã không thể nào dám báo cáo những điều dối trá. Vì thế, từ Qui Nhơn Nguyễn Huệ sai Lãng đem lệnh ra giục Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Nghệ An bắt Nguyễn Văn Duệ. Đối với Nguyễn Hữu Chỉnh, thượng công chỉ dẫn rõ ràng cách giải quyết vì Chỉnh ở tận Thăng Long: Sau khi đã chia quân đóng giữ các

nơi hiểm yếu ở Nghệ An, hãy viết thư cho Chính hỏi cái tội âm mưu phản phúc với Nguyễn Văn Huệ. Sẽ có hai trường hợp xảy ra: Nếu Nguyễn Hữu Chính trả lời bằng giọng thoái thác, thì nên án binh bất động chờ đó, sau này sẽ tùy cơ định liệu, còn nếu Chính ra mặt chống cự, thì lấy đó làm cái cớ tiến quân ra bắc.

Vụ tranh chấp ở Qui Nhơn sắp đến chỗ được dàn xếp êm đẹp, thì Nguyễn Huệ được tin Nguyễn Văn Huệ và Huỳnh Đức đã bỏ trốn khỏi Nghệ An. Vũ Văn Nhậm cũng báo cho Nguyễn Huệ biết mình đã gửi thư ra Thăng Long quở trách Nguyễn Hữu Chính, đúng theo lời chỉ dẫn của Thượng công.

Nguyễn Huệ vội giao trách nhiệm thương thuyết cách phân chia vùng cai trị cho Trần Văn Kỷ lo, còn mình thì vội cùng với gia đình về Phú Xuân. Đến nơi,

Nguyễn Huệ nhận được thư của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi Vũ Văn Nhậm, do phò mã chuyển về Phú Xuân để xin lệnh.

Thư Nguyễn Hữu Chỉnh như sau:

[Hoàng Lê trang 190] “Trước kia, tôi bỏ nước cũ về với Chúa công, đã được Chúa công cho vào mặc phủ hầu hạ túi cung roi ngựa đến bốn, năm năm.

Mùa thu năm ngoái, Chúa công ở bắc rút quân về nam, không cho tôi hay. Tôi cũng biết rằng Chúa công muốn dùng cách đó thử tôi, để xem đi ở ra sao. Bấy giờ người Bắc hà hết sức lưu tôi ở lại, nhưng tôi quả quyết bỏ họ mà đi. Lòng này đã dốc một bề, tôi tưởng đã được bậc cao minh soi xét. Khi cố đuổi kịp Chúa công và được ra mắt ở dinh Vĩnh, tôi đã xin theo đại quân về nam. Bấy giờ ngài có bảo tôi rằng: “Quận Thạc, quận

Những còn làm ngang trở, không thể không trừ. Vậy hãy ở lại mà tính công việc”. Tôi đâu dám không vâng mệnh. Đã đem thân hứa với cuộc rong ruổi, thì còn dám tiếc gì? Vì vậy tôi phải tự mình xông pha trước mũi tên hòn đạn, quyết chiến với bọn Thạc, Những, chỉ mong mau trừ được hai tên ấy để còn về được phương nam.

Nhưng tháng trước đây, đánh ở trấn Sơn Tây, tôi chỉ mới bắt được Thạc, còn Những vẫn đang vẫy vùng ở miền Hải Dương, cần phải ra công phen nữa. Bởi thế cho nên tôi chưa về châu được.

Những kẻ ghét tôi, thấy tôi ở lại đất bắc, liền đặt ra lời dèm pha. Họ không hiểu rằng: Sau khi Chúa công đã về Phú Xuân, tôi ở lại Nghệ An chỉ hơn mười ngày rồi cũng ra bắc, còn thì giờ nào mà mưu toan với Duệ? Từ đó trở đi kẻ bắc

người nam, ai theo công việc nấy, tôi không đi lại với Duệ lần nào. Nếu ai xét rõ tình tôi, chắc không phải đợi tôi biện bạch. Vả chẳng, tôi với Tướng quân cộng sự với nhau cũng đã nhiều ngày. Nếu có lòng nào, làm sao giấu cho khỏi lộ?

Mong Tướng quân bày tỏ giúp tôi ở trước Chúa công, tôi đội ơn Tướng quân nhiều lắm¹¹”.

Kèm theo lá thư Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm có trình với Nguyễn Huệ hai nhận xét:

– Thứ nhất, Chỉnh viết: “Bấy giờ người Bắc hết sức lưu tôi ở lại”. Sự thực ra sao, Chúa công (Nhậm đã mau chóng gọi Nguyễn Huệ là Chúa công thay vì Thượng công như trước cho phù hợp với địa vị mới của Nguyễn Huệ) đã rõ, chỉ

11 Hoàng Lê trang 192

cần vin vào một câu này thôi, đã suy ra được sự xảo trá của hắn lên đến bậc nào.

– Thứ hai, Chỉnh viết: “Tôi ở lại Nghệ An chỉ có mười ngày, rồi cũng ra bắc, còn thì giờ nào mà mưu toan với Duệ?”

Chỉnh ra bắc gấp thực, nhưng có để lại Nghệ An tên thuộc hạ Lê Duật cho Duệ sai bảo. Chính tên này là kẻ liên lạc giữa Chỉnh và Duệ. Sau khi leo lên được trở lại chỗ quyền bính, thao túng triều đình, Chỉnh vẫn có thư từ đi lại với Duệ, quà cáp biểu xén rất hậu. Khi nhờ Duật mà Chỉnh biết Duệ cùng Đức có ý phản phúc, Chỉnh rất mừng rỡ, gửi cho Duật mười lạng vàng, mười tám đoạn để đem biểu Duệ, xui Duệ chiếm giữ Nghệ An, ngăn chặn Chiêu viễn hầu, đập lại lũy cũ Hoành Sơn để tái lập ranh giới.

Vũ Văn Nhậm còn xin đích thân về

Phú Xuân để gặp Nguyễn Huệ trình báo tỉ mỉ, căn kẽ âm mưu phản phúc của Duệ, Đức và Chính. Nguyễn Huệ đọc kỹ tất cả các tờ trình báo của Vũ Văn Nhậm, mỉm cười một mình khi nghĩ đến sự áy náy lo lắng thái quá của phò mã để tỏ dạ trung thành. Nguyễn Huệ tin tưởng hoàn toàn ở các lời trình báo. Nhưng còn lòng trung thành của phò mã với Phú Xuân? Phải xem lại đã! Ông sai Lãng đem thư ra Nghệ An cho Nhậm, khen ngợi sự tận tụy của phò mã, căn dặn các phương thế để phòng đối với phương bắc, và cuối cùng, so nhu cầu khẩn cấp của tình thế, Nguyễn Huệ khuyên phò mã hãy gắng ở Nghệ An để lo công việc. Có gì trình báo thêm, cứ gửi cho Lãng đem về.

✱

Tin Vũ Văn Nhậm đã ra Nghệ An và đang chuẩn bị binh mã kéo ra Thăng Long hỏi tội Nguyễn Hữu Chỉnh một lần nữa biến Thăng Long thành nơi xáo xác. Dân kinh thành đột nhiên nhốn nháo. Cảnh hùa nhau vét hết thóc gạo, thực phẩm để tích trữ, dọn dẹp khăn gói quần áo để chạy loạn lại diễn ra. Bọn nhà giàu lo xa, sợ cảnh chen chúc đồ đông, vội vã gửi vợ con tản cư ra ngoại thành trước. Đêm đêm, có tiếng thì thảo, tiếng đào nền chôn cửa. Cơn sốt hoảng loạn nhanh chóng lan khắp kinh thành, cảnh dật dứ tản cư ngày càng náo động, đến nỗi lính kim ngô hò hét, đưa gươm giáo ra dọa dẫm, ngăn cản cũng không được.

Nguyễn Hữu Chỉnh thấy nhân tâm náo động, lại nhận được thư hỏi tội của Nhậm, trong bụng lo lắng. Nhưng ngoài

mặt, Chỉnh cố làm ra vẻ bình thản, và dùng lý luận khoác lác để trấn an vua Lê và các đình thần.

¹²Một hôm vào triều, Chỉnh đuổi hết tả hữu, rồi nói riêng với vua Chiêu Thống:

– Vũ Văn Nhậm tuy là một viên tả tướng trong soái phủ của Bắc Bình vương, nhưng lại vốn là rể của vua Tây. Lâu nay chỉ huy việc quân, y vẫn tự đóng vai “quốc tể”. Nay thấy anh em Tây Sơn khích bác lẫn nhau, Nhậm là kẻ đứng giữa, cố nhiên vẫn phải tuân theo tướng lệnh, nhưng trong bụng y lẽ nào không nghĩ đến cha vợ? Vừa rồi có tên thám tử ở trong ấy về báo rằng: Nhậm ở Động Hải có gửi vào Phú Xuân thư xin được về hầu, nhưng Bắc Bình vương không cho, bắt ra ngay Nghệ An. Như vậy hẳn đang

¹² Dựa y theo Hoàng Lê, trang 194.

ở chỗ nguy ngập bị ngờ vực, thế nào cũng có ý trông về bên trong. Thần xin nhân cơ hội này cho người vào nói về bờ cõi Nghệ An. Hết sức nhấn nhẹ vào ân tình của họ, lại thêm lễ nhiều, lời ngọt, ngoài có Vũ Văn Nhậm dâng bók, trong có công chúa đỡ lời, Bắc Bình vương dù có lòng nào cũng phải miễn cưỡng theo mình.

Vua Lê khen phải.

Hôm sau nhân buổi chầu sớm, vua Lê bảo với quần thần:

– Nghệ An liền với Thanh Hoa, nguyên là phụ quận của đất thang mộc. Con em xứ ấy được bổ đi làm quân túc vệ, vẫn là nanh vuốt cho nhà nước. Đất ấy không thể để cho người ta chiếm mãi. Trẫm muốn sai sứ vào Phú Xuân bàn việc đó với Bắc Bình vương. Các người chọn

xem người nào có thể đi được.

Trương Đăng Quĩ thưa:

– Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư đều là những người ngay thẳng, có thể gánh nổi việc đó.

Phạm Lê Phiên nói:

– Ông Giản cứng, thẳng có thừa, nhưng không đủ mềm mỏng. Ông Dư bàn luận trang nghiêm, nhưng xét việc hơi chậm. Bắc Bình vương là người rất quyết, hay dùng trí thuật lung lạc người ta. Trong lúc bàn luận khi ném xuống, khi nâng lên không biết đường nào mà dò. Thần e hai người ấy tranh biện với Bắc Bình vương, sẽ làm hỏng mất việc nước.

Đình thần bàn mãi việc cử người khác, luôn mấy hôm vẫn chưa ngã ngũ.

Chỉnh bèn tâu xin để Trần Công Xán đi.

Vua Lê vừa ý, nói:

– Được đấy!

Nhà vua liền cho đòi Trần Công Xán vào triều và bảo:

– Trẫm vẫn biết người là kẻ trung trinh hết lòng với nước. Ngày xưa, Phú Bật sang sứ Khiết Đan, làm cho nước giặc phải kinh, lại được xong công việc. Chuyến đi này cũng giống như thế. Người cố vì trẫm đem mệnh lệnh đi cũng là Phú Bật của nước Nam đó. Cùng đi với người có một hoàng thân, trẫm đã định cử Duy Ấn. Còn một viên phó sứ nữa, cho phép người được tự chọn.

Xán hăng hái xin đi và nói:

– Chúa phải lo thì bây tôi mang nhục.

Thần đâu dám tự kén chọn. Nhưng trong bọn cộng sự mà thần được biết, thì có Ngô Nho là người xứng đáng.

Nhà vua bằng lòng. Mệnh lệnh ban xuống, cả triều đều khen là chọn được người. Trần Công Xán gặp Ngô Nho bảo:

– Nước địch đe lấn, tin báo ngoài biên cương đang khẩn cấp. Ngày nay chỉ biết ra đi chưa biết có trở về được không. Tôi là đại thần, nghĩa phải ra đi, sống chết không cần tính đến. Còn ông mới làm quan, chức vị còn thấp, lại có mẹ già. Trung hiếu không thể vẹn cả đôi đường, ông hãy thử nghĩ cho kỹ.

Ngô Nho đáp:

– Tướng công chịu ơn dày của nước, còn tôi thì chịu ơn tri ngộ của tướng công. Đại thần vì nước gánh việc, kẻ sĩ vì

người tri kỷ mà chết, đều là nghĩa phải như thế. Ngoài ra tôi không biết gì khác.

Trần Công Xán mừng rỡ nói:

– Hùng lắm! Kẻ sĩ như vậy, đáng gọi là “đạt”.

✱

Lã ra Nghệ An đúng lúc sứ bộ Trần Công Xán vào đến dinh trấn.

Ngoài hoàng thân Lê Duy Án, Trần Công Xán và Ngô Nho, sứ bộ còn có thêm hơn bốn mươi người. Nhưng viên đồn trưởng Tây Sơn tại huyện Quỳnh Lưu chỉ cho phép ba sứ thần cùng mười tám người khác vào Nghệ An, số còn lại buộc phải trở về.

Vũ Văn Nhậm tiếp đón sứ bộ hết sức ân cần. Ông sai thết tiệc khoản đãi, nài ép Lãng cùng dự tiệc với mình. Lãng hiểu dụng ý của Nhậm, nên tuy không thích không khí tiệc tùng đầy khách sáo của nghi lễ, cũng cố làm vừa lòng phò mã.

Trong ba sứ thần, Vũ Văn Nhậm chỉ biết có Trần Công Xán, nên ban đầu câu chuyện bên mâm tiệc còn rụt rè nhất gừng. Trần Công Xán thì chưa biết Lãng là ai, chức vị thế nào, muốn hỏi Nhậm nhưng sợ có điều gì thất thổ chẳng. Vũ Văn Nhậm thấy thái độ của Xán, vội giới thiệu:

– Cũng may cụ và các ngài vào đây đúng lúc có quan thư ký của Chúa công tôi ra đây. Nếu tiện, sứ bộ cùng vào Phú Xuân một lượt với anh Lãng, cho tiện.

Trần Công Xán quay về phía Lãng, gật đầu chào, lễ phép nói:

– Vậy thì quý hóa lắm. Ông vừa đến Nghệ An?

Lãng đáp:

– Thưa cụ, vâng.

Trần Công Xán hỏi ngay:

– Chúa công đã ngự giá về Phú Xuân chưa ạ?

Lãng lúng túng chưa biết trả lời thế nào, thì Nhậm đã đỡ lời:

– Quý ngài yên tâm. Lúc nào Chúa công chúng tôi cũng chú tâm đến sự an nguy của mặt bắc. Chúa công tôi xem đó là một nghĩa vụ. Chẳng lẽ đã diệt họ Trịnh, phù nhà Lê, lại để cho cơ nghiệp Thăng Long sụp đổ lần nữa. Cho nên lúc

nào Chúa công tôi cũng hoan hỉ tiếp đón các ngài.

Hoàng thân Lê Duy Án thấy đằng sau lời lẽ tế nhị của phò mã là sự bức dọc, bất mãn, nên hỏi Lãng:

– Công chúa vẫn bình an chứ ạ?

Lãng đáp:

– Vâng.

Lê Duy Án tự thấy cần giải thích thêm:

– Tôi là hoàng thân Duy Án, chú họ của Hoàng thượng. So với Công chúa là anh họ đấy. Lúc Công chúa chưa về hầu hạ Chúa công, Công chúa vẫn đến hỏi han tôi điều này điều nọ. Kịp đến lúc Chúa công ra Thăng Long, tôi cũng có hân hạnh được ra mắt. Lần này, Hoàng

thượng có ủy cho tôi trách nhiệm thay mặt cả họ vào Phú Xuân vấn an Công chúa và Chúa công.

Lãng đáp:

– Nhà vua có hậu tình với người đi xa quá! Nhất định Công chúa sẽ mừng lắm!

Vũ Văn Nhậm mỉm cười hỏi Trần Công Xán:

– Hoàng thượng cử cả sứ bộ vào tận Phú Xuân chỉ để vấn an Công chúa thôi sao? Chắc có gì quan trọng hơn chứ, thưa cụ?

Trần Công Xán nghiêm mặt đáp:

– Vâng. Ngài đoán đúng lắm!

Vũ Văn Nhậm liền hỏi:

– Chúng tôi có được phép biết không ạ?

Trần Công Xán liếc nhìn Duy Ân và Ngô Nho, rồi đáp:

– Được chứ!

Thấy Vũ Văn Nhậm định hỏi, Xán tranh nói trước:

– Được chứ ạ! Vì việc này không có gì bí mật, từ quan chí dân khắp cả Đảng Trong Đảng Ngoài đều biết. Chỉ tiếc một điều ai cũng biết, mà chưa có ai làm cho đúng lẽ phải đã biết. Chúng tôi vào Phú Xuân để nhắc lại mà thôi!

Cả Lãng lẫn Nhậm đều hiểu giờ phút gay go đã đến, nên cố hết sức giữ bình tĩnh, không để nội tâm phát lộ ra nét mặt. Lãng cố không xen vào câu chuyện, ngồi thu mình ở một góc bàn tiệc như người

không được phép lạm bàn, còn Vũ Văn Nhậm thì tay trái nắm chặt mép bàn, tay phải vân vê chéo áo trước. Nhậm hỏi:

– Điều ai cũng biết thì nhiều lắm. Có khi Chúa công chúng tôi đã đoan công việc, quên khuấy đi, đến nỗi cụ và quý ngài phải cất công lặn lội vào đây. Xin cụ làm ơn nhắc hộ cho!

Trần Công Xán cười ha hả, nhìn thẳng vào mắt Nhậm, nói:

– Đơn giản lắm, thưa quan Tả quân. Đó là chuyện cái dinh trấn này!

Nhậm giả vờ chưa hiểu, mỉm cười hỏi:

– Nghĩa là sao, thưa cụ?

– Chắc quan Tả quân còn nhớ buổi hội kiến hai vua ở Thăng Long năm ngoái chứ?

– Vâng. Nhớ rõ lắm ạ!

– Hôm ấy đấng quốc quân chúng tôi có ý sẵn sàng dâng vài quận quốc cho quý quốc để làm món khao thưởng quân sĩ. Nhưng quý quốc vương đã khảng khái chối từ. Lời nói đầy ân tình và nghĩa cả của quý quốc vương hãy còn truyền tụng khắp Bắc hà. Quý quốc vương đã bảo: “Nếu là đất của họ Trịnh thì một tấc tôi cũng không để. Nhưng là đất của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy”. Khi đại quân rút về nam, quý quốc vương lo họ Trịnh lại toan mưu mô chiếm lại vương phủ, chèn ép vua Lê nên có rải quân từ đây trở vào làm lực lượng giám sát. Đấng quốc quân chúng tôi hiểu rõ thịnh tình của quý quốc, nhất là của Chúa công nay trở thành giai tế của nước chúng tôi, nên hết sức cảm tạ. Đến nay họ Trịnh đã bị dẹp, mối nguy chèn ép không còn, thiết

tưởng quý vị khỏi phải nhọc lòng canh giữ giúp miền biên thùy này nữa. Làm nhọc lòng quý quốc, hao tổn công của như vậy, đáng quốc quân chúng tôi thật áy náy không yên.

Vũ Văn Nhậm đánh mặt lại, cả hai bàn tay nắm chặt đặt hằn lên bàn tiệc. Nhậm hỏi:

¹³Văn võ đất Bắc hà được như cụ, phỏng được mấy người? Cụ khéo nói lắm. Tôi con nhà võ, không biết cái nghề môi miếng, nên xin nói thẳng. Cụ thứ lỗi cho nhé. Vua Lê giao nước cho thằng giặc Chỉnh, ý ngài tự nghĩ ra sao? Tôi nay đã lĩnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước hãy chém đầu giặc Chỉnh, rồi sau mới hỏi vua Lê tại sao bội ƠN DUNG ĐỨA PHẢN TRẮC? Và sẽ báo rõ sĩ dân Bắc hà cho họ biết vì sao phải dùng

13 Hoàng Lê trang 200

quân? Vua Lê đã không giữ nổi nhà nước, thì các trấn từ Thanh Hoa trở ra, tôi không lấy người khác cũng lấy! Nghệ An này chỉ là mảnh đất cón con, quan hệ gì đến sự mất còn của nước nhà mà phải cố vào xin xỏ. Trèo non vượt suối chỉ uống công thôi! Tôi e cụ và quý ngài như chim lìa tổ, đến lúc bay về, không còn cành nào mà đậu!

Trần Công Xán nín lặng. Mọi người trong sứ bộ nghe, đều sợ.

Từ đó đến cuối tiệc, không ai còn thiết gì đến ăn uống nữa.

✱

¹⁴Sau tiệc, Trần Công Xán bảo phó sứ Ngô Nho:

– Người Tây Sơn hành binh như bay, tiến quân quá gấp. Coi họ đi lại chỉ vì một cái, thật nhanh nhẹn vô cùng, đánh không thể được, đuổi không thể kịp. Xưa nay chưa nghe có đám giặc nào như vậy. Ta đã lo xa, lúc đi có dặn ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh) phải đề phòng trước, không biết ông ấy có nhớ hay không? Nếu hơi chậm trễ, việc sẽ không kịp.

Thần thờ bản khoán hồi lâu, rồi sứ bộ lên đường. Giữa đường, Ngô Nho bàn với Xán:

– Coi đó thì biết thầy trò họ vẫn ngầm ngầm rình mình. Họ đã xếp đặt đâu đấy. Năm trước cái việc tôn phù chỉ là dối trá. Bọn lang sói vốn giống dã man, không

thể nói bằng nhân nghĩa được. Bây giờ xe sứ mới ra khỏi cỏi mà kinh thành sắp bị binh đao, sự thế quá gấp. Ta phải tính đường quyền biến không nên câu nệ. Vả lại, xem ông Bằng từ khi đắc chí đến giờ vàng ngọc chật đai, mặt mũi nghinh ngang không giống hồi nhai rễ rau làm được việc như xưa. Tôi e ông ấy run rẩy ra chốn trận mạc, ắt bị Văn Nhậm bắt được. Lúc đó Hoàng thượng còn ở lại hay phải đi cũng chưa dám chắc. Chúng ta cần phải tính đi tính lại, xoay then máy mới có thể cứu vãn. Chỉ cần cho yên nhà nước, dầu có tự chuyên cũng không hề gì. Nếu chỉ vâng theo chỉ cũ, cố tranh biện đòi Nghệ An, chẳng khác nào cướp đã vào nhà mà còn lo sửa lại phen rào. Như vậy đâu phải là điều hay. Xin chữa lại quốc thư rồi hãy đi!

Xán hỏi:

– Chữa thế nào?

Nho đáp:

– Chữa rằng: “Họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê đã không còn nước. May nhờ có quý quốc vương tôn phò. Nếu Trời còn phò họ nhà Lê, tiên đế đâu đến nổi qua đời. Tôi là cháu kế tự còn nhỏ tuổi, nghĩ rằng gánh vác không nổi để nhục cho xã tắc. Kinh Thư có chữ “làm khách”. Kinh Thi nói rằng “có khách¹⁵” đều là việc cũ đời xưa, kính xin cắt một phần đất để được nối đời thờ phụng tổ tiên. Thật là thuận mệnh trời để mà sống còn, cầu lòng thương của trời về dài lâu vậy”.

Nếu họ chỉ có bụng giữ nước, không có bụng làm hại mình, thế nào họ cũng

15 Hai câu này đều có nghĩa muốn nhường nước cho người khác. ở đây tỏ ý nhường cả nước cho Tây Sơn, chỉ xin cắt lại một mảnh để vua Lê lấy chỗ thờ cúng tổ tiên.

thả sứ thần về và chia đất cho ta. Nhân thể ta có thể khuyên vua hãy tạm ở đất ấy. Họ không có lòng ngờ ta, thì sẽ không dòm dõ nữa. Bấy giờ ta sẽ lo tính dần dần như vua Thiếu Khang ở Luân Ấp, Câu Tiễn ở Cối Kê, tự nhiên sẽ có ngày trung hưng. Nếu không thế, họ đã tức giận mà ra tay hung tàn, thì bọn mình chỉ làm ma biển khơi. Điều đó tuy chẳng đáng kể nhưng vua ta sau khi phiêu bạt, long đong, không còn tấc đất để nương tựa, thì dầu đến tài như Khổng Minh cũng khó lòng trở tay.

Xán trở mắt nhìn Nho, một lúc sau mới nói:

– Không được. Ông Bằng theo việc quân từ lúc đầu còn để chỏm, đã lão luyện trong chốn trận mạc. Nếu kinh thành mắc nạn binh đao, tưởng cũng không đến nỗi khốn đốn lắm. Hai nước

đánh nhau, chưa biết ai thua ai được. Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra khỏi cõi đã vội chữa quốc thư, mạo lời Chúa, chẳng những bị tội với nước mình, mà nếu bên địch khám phá ra chỗ lừa dối đó, họ cũng không dung mình. Tai vạ càng lớn, tiếng cười chê không biết bao giờ mới hết. Chi bằng cứ minh bạch mà làm, việc thành bại do Trời, ta có lo gì.

Từ đó, Ngô Nho không dám nói gì nữa.



Lãng và quan Lễ bộ vào trình xin cho sứ bộ Thăng Long ra mắt gặp lúc Nguyễn Huệ đang tiếp An. Hai người chờ khá lâu ở tiền sảnh. Một lúc sau, Nguyễn Huệ

đưa An ra tận cửa điện, trước lúc quay vào cố căn dặn:

– An gấp đến thăm Công chúa nhé. Vì là lần đầu nên công chúa hay lo, ở đây lại không có bà con thân thích gì. An cũng nên qua “bên ấy” xếp đặt giùm chỗ ăn chỗ ở. Có thêm bàn tay đàn bà vẫn hơn. Bà ấy chưa quen nghe giọng Thuận Hóa, hôm qua phát cáu với mấy thằng lính hầu. Còn về việc của anh Lợi...

Nguyễn Huệ đang nói, chợt thấy có Lãng và viên Thượng thư bộ Lễ đứng chờ gần cửa, đâm lúng túng, ngừng ngang câu chuyện ở nửa chừng. An cũng không muốn Nguyễn Huệ nhắc lại điều Lợi xin trước Lãng, đỏ mặt, lí nhí xin lui. Nguyễn Huệ gật đầu bảo:

– Được. “Bà” cứ về!

Rồi quay về phía quan Lễ bộ, Nguyễn Huệ hỏi:

– Có việc gì vậy?

Quan Lễ bộ chấp tay thưa:

– Tàu Chúa công, có sứ bộ ở Thăng Long vào. Họ đang chờ xin ra mắt.

Nguyễn Huệ ngạc nhiên hỏi Lãng:

– Họ vào một chuyến với cậu à?

Lãng đáp:

– Thưa vâng.

Nguyễn Huệ vội hỏi:

– Có chuyện gì thế?

Lãng do dự, rồi đáp nửa vờ:

– Họ vào về chuyện Nghệ An, thưa Chúa công!

Nguyễn Huệ cười tự tín, bảo:

– Lại dùng cái tài mồm mép để thanh minh chứ gì. Chính hẳn chối phăng cái mưu phản phúc với bọn Duệ, Đức phải không? Mời họ vào đi!

Lã không dám cãi chính, cùng với viên Thượng thư bộ Lễ ra nhà đợi mời sứ bộ vào.

Trần Công Xán sai Ngô Nho đi mượn cái mâm đồng bày lễ vật gồm [Hoàng Lê trang 199] một sổ vàng, đoạn, lụa, là, vải ta, rồi cả ba người sứ thần cùng vào yết kiến Nguyễn Huệ. Ngô Nho bưng mâm lễ vật và quốc thư đi trước. Nước da ông vốn đã tái, lại càng tái thêm. Nho dáng người cao, lại ốm, nên điệu đi khom khom ngấp ngừng, nụ cười trên môi ngượng ngượng như muốn phân trần về chiều cao của mình.

Trần Công Xán và Lê Duy Ân cùng đi ngang hàng phía sau, nét mặt nghiêm nghị để cố che giấu sự lo âu, hồi hộp. Trong điện im phăng phắc. Nguyễn Huệ mỉm cười chờ họ đến gần. Ngô Nho quì xuống đưa cao mâm lễ vật và quốc thư. Nguyễn Huệ gật đầu, ra dấu cho viên Thượng thư bộ Lễ đến nhận mâm lễ đặt trên chiếc kỷ nhưng chân thấp đặt ngay phía trước ngai. Nguyễn Huệ hắng giọng, hỏi lớn:

– Quan Tham tụng (chức vị của Trần Công Xán dưới thời Trịnh Tùng) vẫn mạnh giỏi chứ?

Trần Công Xán lễ phép đáp:

– Xin cảm tạ Chúa công. Lâu nay nhờ hồng phúc của đấng quốc quân, tôi vẫn được khỏe mạnh.

Nguyễn Huệ gật gù mỉm cười, rồi quay hỏi Duy Ân:

– Hoàng thân cũng mạnh khỏe luôn chứ? Công chúa vào đây đất lạ quê người, ngày nào cũng nhắc đến hoàng gia. Giá có Hoàng thân ở đây để Công chúa được thăm viếng hỏi han như xưa, thì hay biết mấy.

Duy Ân hoang mang chưa hiểu ý Nguyễn Huệ muốn gì, chỉ dám đáp:

– Cảm ơn Chúa công.

Nguyễn Huệ lại quay về phía Ngô Nho hỏi:

– Còn vị đây là...?

Trần Công Xán vội đáp:

– Thưa đây là ông nghề Ngô Nho, đậu tiến sĩ năm Ất Vị (1785).

Nguyễn Huệ vui vẻ nói:

– Hóa ra sứ bộ toàn là bậc trâm anh lỗi lạc của Bắc hà. Phú Xuân chúng tôi được hân hạnh nhiều lắm. Chỉ vì tên giặc Chính phản phúc mà quý vị phải nhọc lòng vào đây chạy tội thay cho hắn sao?

Cả ba người trong sứ bộ hoang mang thêm, không hiểu Nguyễn Huệ đã được báo trước sứ mệnh của của phái bộ chưa. Trần Công Xán thưa:

– Đấng quốc quân chúng tôi lo lắng cho mối giao hảo giữa hai nước, nên sai chúng tôi vào đây có chút việc kính trình với Chúa công. Hiện sĩ dân Bắc hà đang nóng lòng chờ đợi tôn ý. Đấng quốc quân chúng tôi có gửi cho Chúa công một bức quốc thư. Xin kính cẩn dâng trình và được phép chờ đợi Chúa công cho biết tôn ý.

Nguyễn Huệ bắt đầu có ý nghi ngờ. Ông nghiêm mặt lại, ra dấu cho viên quan Lễ bộ đem quốc thư đến cho mình. Trước khi mở ra đọc, Nguyễn Huệ nhìn Xán hỏi:

– Việc gấp đến thế kia à?

Xán thưa:

– Chúng tôi thật ăn năn vì làm phiền đến Chúa công, nhưng...

Nguyễn Huệ cắt lời Xán, nói nhanh:

– Thôi được. Các ông chờ một chút.

Nguyễn Huệ đọc thấy nội dung quốc thư như sau:

[Hoàng Lê trang 198, 199] “Nghệ An là đất căn bản trong cuộc trung hưng của bản triều, và lại là quận chân tay của trấn Thanh Hoa, văn thần võ tướng phần

nhiều ở đó mà ra. Những lính túc vệ cũng đều kén trong hạng đình tráng ở xứ ấy. Nếu như dùng người, bỏ đất, để họ cách trở quê làng, xa lìa họ mạc, xét trong thân tình thật là không hợp.

“Đức vua quý quốc trọng điều tín, yêu lán giếng, đối đãi bằng lòng thành thực, tưởng sự nhỏ mọn đến đâu Ngài cũng xét thấu, huống chi cái việc rất rõ rệt đó.

“Hơn nữa, trước đây Chúa công (chỉ Nguyễn Huệ) ra bắc cũng lấy việc tôn phò làm nghĩa thứ nhất. Tiên đế lúc sinh thời, từng mời Chúa công ngồi trên giường, cầm tay trò chuyện. Tiếng ngọc còn văng vảng bên tai, vội quên sao được? Đến khi Tiên đế dựa vào lưng ghế trời trăng các việc về sau, ân cần lo cho tiểu tử tuổi còn non trẻ, muốn nhờ vào phúc ấm của quý quốc làm nơi nương tựa.

“Gần đây nghe tin quý quốc sai tướng ra đóng Nghệ An, lòng người sinh nghi ngờ. Có kẻ cho rằng do bọn bầy tôi ngoài biên gây việc, không phải bản ý của quý quốc vương. Tới lúc tiếp được bức thư đưa ra, mới biết việc đó thực do mệnh lệnh của quý quốc vương. Trong thư vin vào việc mùa thu năm ngoái kẻ tiểu tử này tự xin cắt đất khao quân để làm cơ cho việc đóng quân ở Nghệ An.

“Nhưng kẻ tiểu tử này mới nhận mệnh trời, chưa kịp xét đến chuyện cũ. Đã sai triều thần tra lại cái ước cắt đất, thì ra chỉ là hai châu Bố Chính, Minh Linh, không can gì đến Nghệ An. Vả lại, hồi ấy đã vâng dụ rằng: “Nếu là đất cát nhà Lê một tấc cũng không lấy”. Khao quân bằng đất, sao bằng khao quân bằng của. Vậy xin tính gộp số thuế một năm của cõi đất ấy, hằng năm đưa đến biên giới

để chi vào việc khao quân. Lệ ấy về sau cứ theo mãi. Xin quý vương lượng xét, cho trọn tình giao hiếu giữa hai nước. Cả nước chúng tôi lấy làm may mắn lắm!”.

¹⁶Nguyễn Huệ xem thư một lượt, nổi giận vứt thư xuống đất quát lớn:

– Ai làm thư này? Lại thằng giặc Chính phải không? Nói toàn điều vô nghĩa lý. Người Bắc quen dùng mồm mép để dối người. Nhưng ta không phải trẻ con dễ lừa dối được đâu!

Trần Công Xán không đổi nét mặt, ung dung trả lời:

– Xin Đại vương bớt giận để tôi nói rõ. Nếu muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một lời rồi chết thì hết.

Nguyễn Huệ vốn trọng Xán từ khi

16 Hoàng Lê trang 203

ra Thăng Long. Hồi đó vua Cảnh Hưng sai quan triều sang ra mắt Nguyễn Huệ. Trong lúc ai nấy đều sợ hãi đến xám mặt, đi đứng lóm thóm, nói năng ấp úng, thì Xán vẫn ung dung tiến lui không để mất phong thể một bậc đại thần. Nguyễn Huệ thăm phục, mời đến hỏi han nhiều việc, Xán đối đáp trôi chảy, lý luận chặt chẽ, không bao giờ chịu để cho Nguyễn Huệ dùng thế căn vặn đến lối bí hoặc chịu để trấn áp. Đến nỗi sau buổi hội kiến, Nguyễn Huệ đã bảo Vũ Văn Nhậm: “Trước đây ta nghe nói Bắc hà có nhiều nhân tài, nay đến tận nơi chỉ thấy có Trần Công Xán là có vẻ người mà thôi”. Vì thế Nguyễn Huệ liền đổi sắc mặt nghiêm nghị, chậm rãi nói:

– Ngày xưa ta vượt biển ra bắc, phá Thăng Long, diệt họ Trịnh, cả nước khiếp sợ, trong triều ngoài nội đều chịu

bó tay không ai dám làm gì. Lúc bấy giờ nếu ta chiếm giữ đất nước, xưng đế xưng vương gì mà chẳng được! Nhưng vì ta xa mến cái đức của tiên đế, nên đem cả cõi đất nguyên vẹn trả lại cho Ngài. Cơ đồ thống nhất đều do tay ta gây dựng cả. Bắc triều lại dùng chế sách “thượng công” để đền đáp ta. Chẳng biết thượng công là danh hiệu gì? Đối với ta có thêm được gì không? Kịp đến khi tiên đế châu trời, lẽ cả sơn lăng ta giúp đỡ cho. Tự vương nối ngôi, lẽ lớn sách lập cũng ta chủ trương cho. Nay không cảm ơn những việc ta làm, lại chứa chấp kẻ phản ta, chống cự với ta, mưu đồ giành lại đất Nghệ An! Xử sự như thế nhân tình có ai nhận được không?

Ta đã phái hai vạn binh mã sai Tả quân Vũ Văn Nhậm thống lĩnh thẳng tới Thăng Long, chặt đầu cha con giặc

Chỉnh đem về dâng. Chắc thế nào khi Chỉnh nghe tin quân ta kéo ra cũng kèm tự tôn bỏ chạy. Bấy giờ ở dưới gươm đao, ngọc đá lẫn lộn, không biết tự tôn có giữ được yên lành hay không? Nếu có làm sao, người trong nước lại qui oán về ta thì thật phiền.

Trần Công Xán liền đáp:

– Xưa Đức Lê Thái tổ dẹp yên quân Ngô mở mang bờ cõi, công đức thật như Trời. Vua Thánh Tôn tự mình làm nên thái bình rạng danh đời trước, mở rộng về sau. Từ núi Thạch Bi ra bắc, từ dãy Đại Lqqĩnh vào nam đều làm tôi làm dân, ai ai cũng phải tôn kính, trải qua hàng trăm năm. Họ Mạc tiếm ngôi, cả nước đều giận. Đấng tiên vương hội họp những người đồng chí dựng lại nhà Lê. Họ Trịnh nổi theo cũng vì có công phù Lê, cho nên mới sai bảo được bốn

phương và được mọi người hưởng ứng. Từ mấy đời nay Chúa Trịnh tuy là hiệp chế vua Lê, nhưng chính sóc không đổi thay, chuông khánh vẫn ở đấy, thiên hạ vẫn là thiên hạ nhà Lê.

Đại vương ruổi xe một mạch thẳng đến kinh thành, tuy rằng oai danh vang dậy khắp nơi, nhưng cũng do lấy nghĩa cả tôn phù, khiến mọi người tôn phục mới được như vậy. Nếu không, việc vào nước người ta đâu có dễ dàng như vậy. Tiên đế thoát thấy Đại vương, tiếp đãi rất là long trọng. Trước ban sắc mệnh làm tướng công, rồi sau sẽ phong vương, đó là điển cũ của bản triều, không phải trả ơn không hậu, chớ nên lấy như thế mà cho là bạc. Một nước đã trải hơn ba trăm năm, trời cao chứng giám, lòng người tôn sùng, đại vương đem cả cõi đất trả lại nguyên vẹn là để thuận ý trời, chiều lòng

người, chưa có thể lấy đấy làm ơn. Tiên đế mất đi, Hoàng thượng nối ngôi, mọi việc đều bằm trước với Đại vương. Đại vương không làm chủ thì ai làm chủ nữa. Lý đã đến thế, đừng cũng chẳng được!

Tôi không dám khen ngợi để dâng lời ton hót. Đại quân về nam, Nguyễn Hữu Chỉnh đuổi theo, Đại vương để hấn ở lại Nghệ An, sao lại bảo hấn làm phản? Nghệ An vốn là đất cũ của bản triều, bản triều phải giữ lấy bờ cõi, sao lại nói là tranh giành? Đại vương phái binh mã ra, nếu là để thăm hỏi, bản triều đã có lễ nghinh tiếp. Bằng không, thì như người xưa có nói: “Nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ”. Tôi nay đã ra khỏi cõi, việc ấy không còn dám biết đến. Tự hoàng của nước tôi trời đã sai làm vua, đế vương có chân mệnh, gươm đao cũng phải lựa chọn, đại vương chớ

có lo. Nếu đại vương cứ thuận lẽ trời mà làm, gây dựng lại một nước đã suy, nổi lại họ đã dứt, để cho nước của nhà họ Lê yên ổn, thì tôi dân của nước ai chẳng cảm đội công đức, còn có oán gì? Nhược bằng làm trái lại, sự thế thay đổi khác thường, tôi đây ngu dại, không thể nào thấy trước được.

Nguyễn Huệ nghe Trần Công Xán lý luận chặt chẽ, đối đáp trôi chảy, trong lòng vừa giận vừa phục. Thực tình Bắc Bình vương chưa tìm được lý lẽ nào để bác bỏ lập luận của Xán. Lúc ấy bên ngoài trời đã sắp tối. Nguyễn Huệ bảo:

– Thôi! Các ông hãy về nhà trọ nghỉ đi nghỉ lại cho kỹ!

Trần Công Xán liền đáp:

– Nghĩ lắm càng quẩn, chỉ một cái chết là xong!

Nguyễn Huệ nổi giận, quát lớn:

– Người tưởng lấy miệng lưỡi chọi được lưỡi gươm của ta sao!

Xán cũng lớn tiếng đáp:

– Cái gì cũng không qua được lễ. Đại vương không thể ngồi trên yên ngựa mà thiết triều, hoặc viết chiếu bằng mũi kiếm.

Nguyễn Huệ càng tức giận hơn, sai đem giam Trần Công Xán vào ngục. Duy Án và Ngô Nho cũng bị giam, mỗi người riêng một chỗ.

Bên ngoài trời đã tối hẳn.

✱

Buổi tối hôm đó, Bắc Bình vương về chính cung nên công chúa Ngọc Hân có nôn nao với tin hoàng thân Duy Án bị giam cũng không thể làm gì được. Sáng hôm sau, Nguyễn Huệ lại bận bàn kín việc khẩn với quan Tư mã Ngô Văn Sở, quan Lễ bộ Vũ Văn Trự và quan Trung thư Trần Văn Kỳ. Quân hầu được lệnh cấm cửa, tuyệt đối không cho phép ai được làm phiền chúa công.

Trần Văn Kỳ tâu:

– Tôi có cho người dò xét, thấy quan chánh sứ Trần Công Xán vẫn cười nói như thường, không có chút gì khiếp phục. Tôi sai đem giấy bút cho lính ngục giả vờ xin một bài thơ để đoán ẩn tình, ông ấy chụp bút viết hai câu đối vào vách ngục.

Nguyễn Huệ cười bảo:

– Lại cái tật của bọn cuồng chữ. Hẳn viết gì thế?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Hai câu đối như sau:

Đạt đức hữu tam, tưng vị năng chi,
nguyện học.

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà
vưu.

(Đạt đức có ba (nhân, trí, dũng), dù
chẳng làm nên, xin học!

Tiểu tâm như một, noi theo chí cũ
của mình, oán gì!)

Tư mã Ngô Văn Sở không hiểu gì cả,
bực bội nói:

– Chỉ phí mực và bản vách! Đem
chém quách cả lũ cho xong. Chúa công

không nhớ lúc ta đem quân ra bắc, chính tên tham tụng này đã không chịu lên trốn ban đêm như mấy đứa khác, lại ở bên cạnh Trịnh Khải cố khuyên liều chết chống cự. Có người thuật lại chính mắt trông thấy hắn mặc nhung phục, đeo gươm, đứng hộ vệ Khải ở lầu Ngũ Long. Còn cách ăn nói của hắn xác xược ngạo mạn ra sao, thì Chúa công đã quá rõ. Nghe đâu dân Bắc hà gọi hắn là thầy của thằng giặc Chính. Giết thằng thầy trước, sau mới tóm học trò.

Nguyễn Huệ lắc đầu bảo:

– Không nên. Nhân tài Bắc hà, Xán cũng thuộc loại giỏi đấy. Ta muốn thu phục hắn để dùng, nhưng chắc hắn không chịu. Ông Kỷ, ông Trụ! Các ông thử khuyến dụ hắn một phen nữa xem sao!

[Hoàng Lê trang 206] Hai người đến chỗ giam, thấy Xán mang gông nằm sắp. Vũ Văn Trụ nói:

– Ông già sao lại tự mình làm khổ mình như vậy?

Trần Công Xán ngồi dậy, nhận ra được viên quan bộ Lễ, phủ bụi trên râu tóc và quần áo, rồi nghiêm giọng đáp:

– Cũng là số mệnh đấy thôi!

Quan Trung thư Trần Văn Kỷ nói:

– Quân tử có khi không cần theo mệnh. Chế ngự được mệnh chỉ cốt ở mình. Ví như đánh bạc, đồng tiền một sắp một ngựa. Ta theo kẻ được mà đánh, thiên hạ sẽ khen ta giỏi đánh bạc.

Xán liền đáp:

– Đó là thói phường cờ bạc, không

phải đạo người quân tử. Tôi nghe nói trong sách có câu: “Làm bề tôi phải chết vì chữ trung”. Đây là lời dạy của người xưa.

Hai người biết không thể làm lung lay được ý chí của Xán, im lặng quay ra và nói với nhau:

– Nhà Hán có Tô Tử Khanh¹⁷, nhà Lê có Trần Công Xán. Đáng thương mà cũng đáng ghét thay!

Nguyễn Huệ dầu dầu nét mặt, lắng nghe kết quả cuộc thuyết phục. Vô tình bàn tay ông mơn man trên vết sẹo ở cánh tay trái. Trần Văn Kỷ kể xong, Nguyễn Huệ nói:

– Lại thêm một tên hủ nho nữa! Nay nước ta có việc lôi thôi, lòng người còn

17 Tô Vũ đời Hán, đi sứ Hung Nô bị vua Hung Nô giữ lại, bắt nuôi dê 19 năm ròng ở Bắc Hải mà vẫn không chịu khuất phục.

phân vân. Việc biển trong nhà không nên để cho láng giềng nghe biết. Sứ Bắc ở đây, tai vách mạch rừng. Họ ở xa đến để dò xét ta, giữ họ ở lại thì họ biết rõ tình hình trong nước, hoặc nhân đó xúi giục gây nên việc không hay. Thả họ về thì họ lại rêu rao làm lộ việc. Người Bắc hà mà biết, lại sinh lòng khinh rẻ ta. Bởi thế, ta định ném họ xuống biển để cho hết tiếng tăm, dấu vết. Vậy cứ theo chước đó mà làm. Ông Sở giao việc đưa sứ thần về bắc bằng đường biển cho ai được?

Ngô Văn Sở đáp:

– Đô đốc Võ Văn Nguyệt tính cẩn thận kín đáo, có thể tin cậy.

Bắc Bình Vương gật đầu:

– Ta giao cho ông xếp đặt.

Trần Văn Kỷ vội hỏi:

– Trước khi đi, có cần bảo họ gì không ạ?

Huệ ngẫm nghĩ, rồi nói:

– Kể ra cũng không cần. Nhưng... cứ dẫn họ đến cho ta an ủi vài lời. Cho Hoàng thân đến thăm Công chúa luôn thể.

Lúc sứ bộ vào từ già, Nguyễn Huệ nói:

– Các ông hãy về trước, chờ lúc ta ra ngoài ấy vời vào gặp mặt, sẽ có cách xử trí vụ Nghệ An.

Bắc Bình Vương lại sai đem tặng họ 100 nén bạc và bảo:

– Đây là của Công chúa gửi biếu, các ông đừng chối từ!

Chương 78

Suốt mười năm trở thành trấn phủ của họ Trịnh, cung điện Phú Xuân không thay đổi bao nhiêu. Qui mô thành quách, lâu đài vẫn như cũ. Màn trướng đồ đạc bị thất thoát khi kinh thành đổi chủ sau đó lại được sắm sửa trở lại. Dĩ nhiên không thể như xưa. Dù sao, Tào quận công cũng đủ khôn ngoan để không dám sống cuộc đời đế vương ở chỗ biên viễn. Những thuộc hạ của ông chỉ chờ có thế, để mật tấu đủ điều về Thăng Long, hòng cướp mất chức trấn thủ Thuận Hóa béo bở. Thành thử cung điện vẫn uy ng-

hiêm, rộng rãi, đồ sộ, nhưng cách trang trí bày biện có phần nào kém trước.

Khi quân Tây Sơn chiếm Phú Xuân, một lần nữa kinh thành lại đổi chủ, lần này cung điện nhà Nguyễn chịu nhiều đổi thay. Thiệt hại giao tranh khá lớn, tàn phá một phần vườn thượng uyển và các dãy nhà trong hoàng thành. Màn trướng, đồ đạc, lớp bị quân lính xé đốt, lớp bị dân chúng tràn vào hôi của. Sau khi khói lửa được dập tắt, cung điện Phú Xuân chỉ còn cái xác tiêu tụy. Tam cung lục viện đều dùng làm trại lính. Một số đồ dùng đóng bằng gỗ quý bị chẻ ra làm củi nấu cơm. Màn trướng đắt giá trở thành giẻ lau súng. Không phải những người chiến thắng không biết giá trị những thứ họ đang lãng phí. Họ biết lắm chứ! Họ trầm trồ khen ngợi, chóa mắt trước vẻ sang trọng, tráng lệ của chốn đài các vương

giả. Nhưng họ làm gì được với những của cải không thuộc về họ? Chưa bao giờ thuộc về họ, sẽ không bao giờ thuộc về họ. Trong cơn say sưa chiến thắng, trong nổi ganh ghét chua chát, họ đâm ra bạo dạn. Họ phá phách không chùn tay. Hả hê là khác! Quân đóng trại trong cung điện không bao lâu, mà mọi thứ từ bàn, kỷ, sập, chén bát, hoa cỏ, chim chóc, màn trướng, xe ngựa do Tào quận công để lại đều bị hư hỏng, xơ xác. Mức độ thiệt hại lên quá cao, đến nỗi khi ở Thăng Long về, Nguyễn Huệ ra lệnh sửa chữa, trang hoàng lại cung điện Phú Xuân để chính thức thành lập một vương triều, ông mới thấy số chi phí phải lớn lắm. Không thể cùng một lúc sửa sang lại tất cả, dù có thêm số chiến lợi phẩm mang từ Bắc hà về. Phải từ từ. Bắt đầu từ chỗ tối cần thiết là nơi làm việc, thiết triều. Rồi đến các trạm canh, chỗ ở của quân cấm vệ, tàu

ngựa, nhà kho v.v..

Hầu hết các tướng tá đều không đem vợ con theo, nên tạm thời họ sống cuộc đời đơn giản của người viễn chinh. Họ chia nhau ra ở các phòng xưa kia dành cho hoàng tộc và các phi tần nhà Nguyễn. Nguyễn Huệ thì ở ngay trong căn phòng khá rộng kề sát phía sau điện Chánh Tẩm để tiện cho công việc. Công chúa Ngọc Hân cũng ở đây cùng với hai thị nữ nhỏ tuổi đem từ Thăng Long vào. Công chúa đặt ngay cho tổ ấm của mình cái tên “Tủ Các” cho giống với phòng hợp cẩn ở phủ chúa Trịnh. Trong lúc Nguyễn Huệ đích thân điều khiển việc sửa sang, trang hoàng lại điện Chánh Tẩm, Công chúa cũng đích thân sai bảo các thị nữ, lính hầu gây dựng lại vườn hoa. Công chúa thích nhất hoa cúc. Vì thế chẳng bao lâu cả khu đất ngày xưa là

vườn thượng uyển của chúa Nguyễn đã sắc sỡ, vàng rực màu hoa.

Cuộc tranh chấp giữa Phú Xuân và Qui Nhơn được giải quyết, Nguyễn Huệ đem được vợ con ra Phú Xuân, đã đặt ra những vấn đề mới. Vương triều mới đã có cương giới, từ Nghệ An vào đến Bến Ván. Gia đình các tùy tướng đã đoàn tụ. Hết rồi cái thời có thể cùng nhau sống tạm bợ ở một trại lính nào đó theo nhu cầu hành quân! Triều đình có những đòi hỏi về nghi thức. Cung phủ cũng phải được xếp đặt, tổ chức lại. Năm tòa nhà xây cất toàn bằng gỗ quý trong nội cung được cấp tốc sửa sang, trang trí. Vợ con của Chính Bình vương Nguyễn Huệ vừa từ Qui Nhơn ra, được đưa đến ở tại tòa nhà ở phía nam của vương các ba tầng. Công chúa Ngọc Hân thì dọn vào ở tòa nhà phía bắc. Rồi phải tổ chức đời sống,

sinh hoạt bên trong Tử Cấm Thành cho đúng với phép tắc luật lệ xưa nay của các nơi cung cấm. Biết bao nhiêu điều phức tạp cần đến kiến thức cổ vấn của một nàng công chúa dòng dõi như Ngọc Hân!

✱

Điều dễ đoán là vào giai đoạn ấy, vai trò của Lợi tự nhiên trở thành quan trọng. Anh đã có nhiều kinh nghiệm trong việc bày biện, trang hoàng ở Hoàng đế thành mười năm về trước. Lợi lại am tường hơn ai hết danh mục các chiến lợi phẩm mang từ Bắc hà về, biết rõ loại vải vóc đồ đồng đồ sứ đó được bao nhiêu, hiện nằm tại kho nào, muốn dùng các món ấy vào việc sửa sang cung điện thì cần qua các thủ tục gì. Trong lúc tổ chức chính

yếu còn thô sơ, guồng máy cai trị chưa được ổn định, dường như đi đâu cũng gặp những cánh cửa đóng. Phải biết gõ cửa đúng lúc, và đúng nơi. Còn ai có khả năng đặc biệt ấy hơn Lợi?

Tình trạng bất ổn về kinh tế cũng giúp cho Lợi trở nên hữu hiệu. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, hàng hóa trên thị trường trở nên khan hiếm. Ngoài thực phẩm, các món hàng hiếm khác đều biến mất trên thị trường. Ngoài phố, các nhà buôn hoặc đóng cửa, hoặc chỉ bày những món hàng ít giá trị. Muốn mua các thứ đắt tiền, phải nắm được đường dây. Công việc sửa sang cung điện thật khẩn cấp, kho vật liệu của Phú Xuân thiếu quá nhiều loại tối cần. Làm sao đây? Xoay ở đâu? Những tướng lĩnh từng trăm trận trăm thắng trên chiến trường đến đây cũng lạc vào cảnh chợ

trời đen đỏ bấy giờ không tìm được lối ra như đứa trẻ lạc mẹ mà thôi. Một lần nữa, tài giao thiệp, những cuộc chè chén say khướt ở cao lầu quán rượu ven chợ Phú Xuân với đủ hạng con buôn lớn nhỏ của Lợi trở nên hữu dụng. Hơn lúc nào hết, Lợi phát triển đến tột đỉnh cái tài xoay xở của mình. Anh trở thành người thực sự điều khiển của cả hai bộ hộ và bộ công, trước sự thán phục và ganh tị của mọi người.

Trong lúc đó, An cũng trở nên một nhân vật quan trọng!

Cuộc vượt biển tìm chồng của An, dù không có những lời ba hoa loan truyền có chủ ý của Lợi, tự nó đã có nhiều điểm hấp dẫn ly kỳ. An trở thành con người của thời sự. Mẹ con An vừa đến Phú Xuân ít lâu, câu chuyện đào thoát của chị mau chóng trở thành một thứ huyền

thoại. Vừa khắp khởi hân hoan, vừa e dè bên lén, An đón nhận những lời hoang truyền về mình từ khắp nơi, ở góc chợ, ở bến đò, ở quán tạp hóa, ở giữa phố, ở ngay căn lều thấp của mấy người lính canh. Người ta chỉ trỏ chị, xì xào về chị mỗi khi có ai đó mách cho người khác biết An là ai. Mà An là ai chứ? Qua lời thiên hạ, An không nhận ra mình nữa! Chị bị biến thành đủ thứ điển hình: hoặc một người vợ liều lĩnh vượt biển tìm chồng; hoặc một “liệt nữ” thà chết không chịu sống dưới ách cai trị của một bạo chúa; hoặc... hoặc một người tình tuyệt vọng tha thiết đi tìm một người tình cũ! Không hiểu do đâu (có thể là do chính những lời bóng gió nửa đùa nửa thật của Lợi), dân Thuận Hóa đều biết mối tình cũ giữa Nguyễn Huệ và An!

An đón nhận thứ vinh quang bất ngờ

đó với thái độ bờ ngỡ và tâm trạng lo âu. Chị tự thấy không xứng đáng chút nào để được thiên hạ săn đón như vậy. Chị còn xem đây là một điều lầm lẫn không có lợi cho ai. An ngay ngáy lo ngại cái lúc thiên hạ khám phá ra sự giả dối, như một cô gái bị nhận lầm là công chúa lưu lạc. Vì thế, An tránh ra khỏi nhà, tránh các cuộc gặp gỡ, trò chuyện. Chị thu nhỏ người lại, nghĩa là làm hoàn toàn trái ngược với chồng!

Nhưng hoàn cảnh lại không cho phép An ru rú sống trong khuôn viên gia đình. Công chúa Ngọc Hân không chịu đựng nổi cảm giác lạc lõng giữa Phú Xuân xa lạ, lo âu cho kỳ thai nghén đầu tiên trong đời, băn khoăn trước cuộc tranh chấp giữa anh em Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ, hoang mang trước tương lai bất trắc của dòng họ, nên thường xuyên cho vời

An vào cung để tâm sự. Hai người mau chóng trở thành bạn tâm tình của nhau, vì ngoài những duyên cớ nhỏ như cùng một niềm trân trọng đối với văn chương thi phú, cùng một cảm tình đối với cúc vàng, trên hết mọi lẽ, là niềm cảm thông trầm lắng bên lén vì cùng ngưỡng mộ một người!

✱

Theo lệnh của Nguyễn Huệ, Lãng vội vã đi tìm chị. Vương không giấu được hết vẻ bối rối khi bảo Lãng:

– Không có chuyện gì gấp đâu. Cậu đừng làm cho “cô ấy” lo (Lâu lâu, Nguyễn Huệ lại dùng hai tiếng “cô ấy” để gọi An, nhất là khi nói chuyện riêng với Lãng). Lúc nào rảnh, hãy đi. Mà hiện giờ cậu

không bận việc gì chứ? Cậu đã bảo quan Trung thư lệnh thảo lá thư gửi cho La Sơn phu tử chưa? Không! Ta chỉ hỏi cho biết thôi, hãy thư thả. Cầu hiền đâu phải đi đòi nợ mà cứ thôi thúc người ta mãi. Cậu sửa lại cái cổ áo, bị chệch sang phía phải mất rồi. Không, phía phải của ta tức là phía trái của cậu. Đúng đấy. Được rồi. Về cái việc ta nhờ cậu ấy mà...

Lãng bần khoản không hiểu rõ ý Chính Bình vương, rụt rè thưa:

– Dạ... bẩm... quan Trung thư lệnh...

Chính Bình vương cười xòa, cắt lời Lãng:

– Không. Chuyện kia kìa. Nói trước với “cô ấy” là không có gì gấp đâu. Nếu là chuyện quốc sự đáng lo ngại, phải hạ chỉ

triệu đến chứ! Tính cô ấy hay hãi, ta đâu có quên. Sở dĩ phải nhờ đến Lãng, là vì ta muốn cô ấy hiểu đây là chuyện riêng tư, trong chỗ thân tình. Ta có nhiều việc khá rắc rối, phải nhờ cô ấy giúp. Cậu hiểu chứ?

Lãng chưa hiểu gì cả, nhưng không dám hỏi vì thấy gương mặt Nguyễn Huệ có vẻ bối rối khác thường: mắt nhấp nháy không nhìn thẳng một hướng, da mặt đỏ, môi mím lại sau mỗi câu nói. Lãng đáp liêu:

– Dạ bẩm... hiểu ạ!

Chính Bình vương đột nhiên nghiêm giọng hỏi:

– Cậu hiểu gì nào?

Lãng ú ớ không trả lời được, vì mãi đến lúc này, anh vẫn chưa hiểu Nguyễn

Huệ muốn nhờ An việc gì. Nguyễn Huệ lại cười, trong một chốc bỏ hết vẻ dè dặt bối rối, giải thích gọn và rõ cho Lãng nghe:

– Vì là chuyện đàn bà nên phải nhờ đến An. Cậu biết đấy, Công chúa vào đây lạ cảnh lạ người, lại ở thời kỳ thai nghén. Bây giờ... (Nguyễn Huệ ngập ngừng một lúc mới tiếp) có Hoàng hậu ra đây, Công chúa phải khéo xử hơn. Hai đảng khác nhau quá, không biết có hòa hợp nhau được không. Vì thế mới phải nhờ đến cô ấy. Lâu nay cô ấy vẫn thường đi lại tâm tình với Công chúa. Cô ấy từng dạy chữ cho Hoàng hậu. Chỉ có cô ấy mới đảm đương nổi cái chuyện đàn bà phức tạp này.

Lãng hiểu rõ ý của Nguyễn Huệ hơn, vui mừng góp lời:

– Dạ vâng. Chị An có thể đảm đương việc ấy. Thưa... thưa gọi chị ấy đến ngay bây giờ phải không ạ?

Nguyễn Huệ gật đầu, rồi, chột nghĩ lại, vội vã xua tay:

– Khởi cần. Cậu nói lại với cô ấy điều ta nhờ, và bảo cô ấy đến gặp Công chúa. Ta đã báo cho Công chúa biết chiều nay Hoàng hậu sẵn sàng tiếp kiến Công chúa. Cậu đi gấp đi. Không lại muộn mất!

Lăng không ngờ mọi sự đã xếp đặt từ trước, mà Nguyễn Huệ lại dài dòng quanh co khi nhờ Lăng đến gọi An! Ra khỏi điện Kim Hoa, anh thúc ngựa chạy nhanh đến nhà chị, sợ không gặp được An. Tên lính hầu lạ mặt người Huế nhất định không cho Lăng vào cổng, nằng nặc đòi Lăng phải trình “quí danh” và đứng ngoài cổng đợi “bà lớn” cho phép mới

được vào. Lãng bức quá, không thềm cột ngựa, quăng cả bộ dây cương vào mặt tên hầu. Hắn lúng túng, kinh ngạc đưa hai tay ra chụp bộ dây cương, và trước khi hắn kịp phản ứng, Lãng đã vào hắn trong sân.

Anh không gặp ai ở nhà trên cả. Lũ bàn kỹ, màn trướng sang trọng rực rỡ trên tấc Lãng. Nghe có tiếng cười nói ở tàu ngựa, Lãng chạy ra phía vườn. Hầu như cả gia đình Lợi tụ họp đông đủ ở đó, kể luôn mấy người hầu gái và tên cắt cỏ ngớ ngẩn. Vừa gặp An, Lãng đã trách:

– Chị đã thay tên gác cổng?

An cười, nét mặt rạng rỡ hãnh diện khác thường, vừa nói vừa liếc về phía Lợi lúc đó đang chăm chú nhìn ngựa ăn cỏ:

– Sao? Em thấy hắn thế nào? Có phải

là biết thưa trình lễ phép hơn thằng trước phải không?

Lãng nén giận hỏi lại:

– Thằng cũ người trong mình đâu rồi?

– Trả nó lại trại lính rồi. Nó ỷ đồng hương với chủ, ăn nói vô phép vô tắc.

Rồi An hạ giọng xuống, cười tủm tỉm, mắt liếc dò chừng chồng:

– Tên gác cổng này, anh Lợi chọn lọc lâu lắm mới tìm ra đấy. Hắn là người hầu cận của quan quốc phó, nên biết hết phép tắc nhà quan.

Lãng chưa kịp nghĩ ra, kinh ngạc hỏi:

– Quan quốc phó nào?

An trở mắt nhìn em:

– Quốc phó nào? Em tôi để hồn ở đâu vậy? Thì quan Tả ngoại Trương Phúc Loan.

Lãng càng giận hơn, vừa định tìm một câu thật độc địa để mĩa mai chị, thì Lợi đã bỏ tàu ngựa chạy đến chỗ Lãng. Lợi xoa tay cho cảm rơi xuống bớt, vui mừng hỏi em vợ:

– Xong rồi hả? Chùng nào có chiếu?

Lãng hiểu ngay Lợi muốn hỏi việc nhờ vả Lãng nhắc nhở Chính Bình vương hợp thức hóa chức vụ của Lợi ở bộ Hộ, nên đáp ngay:

– Chưa có gì.

Lợi xịu mặt, hỏi:

– Sao chậm thế? Hay là cậu...

Rồi dường như Lợi nhận ra nét mặt

cau có của Lãng, đâm ra e dè, anh chuyển sang chuyện khác:

– Lãng phải đến xem con ngựa ô của anh. Giống quý đấy nhé. Hai tai cũng nhỏ và thẳng giống y tai ngựa Tây dương của... của “lão già lẩm cẩm” trong Qui Nhơn độ nọ. Lông đen mượt, bụng thon, giò khỏe. Con ngựa ô khỏe nhất của kinh thành Phú Xuân đấy nhé!

An chen vào:

– Nhưng em vẫn thích con ngựa bạch hơn. Trông nho nhã như một thư sinh.

Lợi bĩu môi:

– Ngựa bạch lỗi thời rồi. Chỉ có bọn mới tập tò học làm sang sọ ngã mới cưới ngựa bạch. Lãng thấy không, Chính Bình vương cũng cưới ngựa ô. Thế nào

rồi bọn tướng tá cũng đua nhau mua ngựa ô cho xem. Lãng có tiền, mua vài con ngựa ô nuôi đó, thế nào cũng kiếm được khối lời. Hiện giờ Lãng cười loại ngựa nào thế?

Lãng bắt đắc dĩ, đáp:

– Em không có ngựa riêng. Khi nào cần, thì lấy ngựa của đội cấm vệ.

Lợi tròn xoe mắt nhìn Lãng:

– Cậu không có lấy một con ngựa riêng? Có tin được không hử Trời! Một người thân tín của Chính Bình vương mà phải cưỡi ngựa trạm! Thôi, cậu cứ dắt con ngựa bạch của anh về bên ấy mà cưỡi. Đừng ngại gì cả, anh đẩy được nó đi để trống tàu ngựa nuôi thêm một con ngựa ô nữa.

Lúc đó thằng Phát từ phía tàu ngựa chạy đến hỏi cha:

– Có cho nó ăn thóc thêm không cha?

An nhắc con:

– Sao không chào cậu?

Thằng Phát vòng tay lí nhí như cái máy:

– Chào cậu ạ. Có cần cho thêm thóc không hở cha?

Lãng hỏi:

– Con Thái đâu rồi?

Thằng Phát không đáp. An hơi ngượng trước sự vô lễ của con, đáp thay:

– Chắc nó ra phía vườn sau.

Lăng đưa cái túi vải đựng chục quả cam cho cháu:

– Có cam cho hai cháu đây.

Phát lay tay cha:

– Con cho nó thêm ít thóc, cha nhé.
Cảm ơn cậu. Mẹ cầm giúp cho con đi.
Con không ăn cam đâu.

Nói xong, nó chạy trở lại chuồng ngựa. An vui về nói:

– Mấy hôm nay chúng nó ăn hồng đến bỏ cả cơm nước. Hồng Quảng Đông ngon thật đấy. Chốc nữa Lăng nhớ nhắc chị, để chị lựa một ít đem về bên đó mà ăn. Chị còn nhiều quá, mà cho bọn lính hầu thì phí đi.

Lăng bậm môi lại để nén giận. Chờ cho Lợi đi về phía tàu ngựa với thằng

Phát, Lãng nghiêm mặt bảo chị:

– Chị mau quên quá!

An không hiểu, ngạc nhiên hỏi:

– Em nói gì thế?

Lãng không muốn hai chị em lại gây
gổ nhau, nói nhanh:

– Anh Huệ muốn nhờ chị một việc
quan trọng đấy!

An vừa mừng vừa lo, liếc về phía Lợi
hạ thấp giọng hỏi:

– Việc gì thế, sao không nhờ anh Lợi?

Lãng đáp:

– Anh ấy nhờ chị đưa Công chúa đến
ra mắt Hoàng hậu.

An hiểu ngay vận may lại đến với

mình, nôn nao sung sướng đến lú lỏi khi vỗ vập hỏi em:

– Chùng nào? Ngay bây giờ à?

Lãng chậm rãi đáp:

– Chị chuẩn bị sẵn sàng đi. Chiều nay em sẽ đến đón.

An đưa tay lên ngực để trấn tĩnh:

– May quá. Chị vừa may được bộ quần áo mới có thêu hoa ở cổ tròn. Nếu không, Công chúa và Hoàng hậu lại tưởng phải tiếp một mục nhà quê nào đó đến xin ân huệ. Lãng có muốn xem quần áo mới của chị không?

Lãng vội xua tay nói:

– Thôi. Cho em về. Cuối giờ Ngọ em sẽ lại đây. Anh Lợi đâu rồi?

Lợi nghe tiếng Lãng hỏi, từ tàu ngựa hỏi lớn:

– Cậu không dẫn con ngựa bạch về luôn thế à?

Lãng đáp:

– Để hôm khác. Với lại em cũng chưa cần.

✱

Cuộc hội kiến mà mọi người đều e ngại mỗi khi nghĩ đến vì lo sợ các hậu quả bất trắc của nó, diễn ra buổi chiều hôm ấy, một buổi chiều hạ tuần tháng ba tại Triều Dương Các¹⁸, chỗ ở của Hoàng hậu.

Công chúa Ngọc Hân nài nỉ An ngồi

18 Lấy tên này trong Đại Nam nhất thống chí. Kinh Sư. Phần Thành trì.

chung kiệu với mình, dù An lo lắng chối từ nhiều lần. An hiểu rõ các ràng buộc của lễ nghi, đồng thời cũng biết ở đây không thiếu gì người chăm chăm soi mói theo dõi hai vợ chồng chị vì ganh tị. Về sau, thấy Công chúa gần bật khóc vì tuyệt vọng, chơi với, An đành phải lên kiệu của Công chúa.

Ngọc Hân đã gần đến ngày sinh đẻ nên phải khó nhọc lắm mới bế bụng ngồi lọt vào trong kiệu. Một thị nữ và An phải nâng vai Công chúa, một thị nữ khác đỡ nhẹ sau lưng. Mải lo tìm hết lý lẽ để khỏi ngồi chung kiệu với Ngọc Hân, An không kịp chú ý đến cách ăn mặc của Công chúa. Lúc kiệu bắt đầu di chuyển, chị mới ngỡ ngàng trước cách ăn vận quá giản dị của công chúa thuộc một dòng họ từng trị vì ở đất văn vật suốt hai trăm năm: Công chúa mặc một bộ quần áo lụa

màu nâu, có thêu những hoa cúc vàng nhỏ nhắn chung quanh cổ và ở tà áo làm thành những đường viền hoa văn trang nhã.

Kiệu di chuyển đã lâu mà hai người chưa tìm được câu gì để nói với nhau. Công chúa có vẻ bất yên, ánh nhìn thảng thốt, đôi môi nhỏ mím lại, lâu lâu Công chúa đưa lưỡi rà theo khóe môi trái. Đôi tay nhỏ, trắng xanh, cứ vò nhàu cả tà áo trước. Mãi một lúc lâu, Công chúa mới hỏi An:

– Còn xa không, chị?

An vội đáp nhỏ:

– Sắp đến nơi rồi.

Câu trả lời của An càng khiến Công chúa hốt hoảng. An đâm thương hại, tìm cách chuyển câu chuyện sang những

điều tầm thường vô hại. An nói:

– Cái áo của Công chúa, ai thêu đẹp quá!

Ngọc Hân quay nhìn An, mặt đỏ vì ngượng. Công chúa hỏi:

– Tôi ăn mặc thế này, có thất lễ với Hoàng hậu không?

An đáp:

– Dạ không đâu. Vả lại...

An định nói: “Vả lại, Hoàng hậu xuất thân dân giả, đâu dám chê một công chúa càn vàng lá ngọc”, nhưng Công chúa đã tiếp:

– Trưa nay, lúc giờ lại tư trang, đột nhiên tôi tìm thấy chiếc áo thời con gái này. Chính tôi cắt may và thêu đấy. Tôi chọn nó, vì nghĩ... vì nghĩ phận nhỏ

phải cư xử như thế. Năm nay Hoàng hậu được bao nhiêu xuân xanh rồi, chị?

An nhắm tính, rồi đáp:

– Khoảng 28, 29. Con đầu của Hoàng hậu đã lên bảy.

Công chúa nói:

– Có lẽ tôi nhỏ hơn Hoàng hậu đúng một giáp cũng nên. Chị An này, không hiểu sao tôi sợ... làm phiền lòng Hoàng hậu.

An quay nhìn kỹ nét mặt Ngọc Hân, tưởng Công chúa cố nói một câu khách sáo để mong An thuật lại cho Hoàng hậu. Nhưng không. Khuôn mặt của Công chúa, trừ đôi mắt long lanh hoang dại như đã thoát khỏi sự kiểm soát của Công chúa – vẻ hoang dại mệt mỏi thường thấy ở các phụ nữ mang thai –

vẫn còn giữ nguyên nét ngây thơ vô tội của tuổi mười bảy: nước da trắng hồng, cái mũi nhỏ phập phồng theo hơi thở, cái môi dưới hơi trề ra như sắp nũng nịu, vùi vĩnh. Cái cổ nhỏ, đôi vai vuông và hẹp... Tất cả dáng điệu ấy không có chút gì tính toán, mưu chước. An then với mình, lễ phép đáp:

– Công chúa yên tâm. Tính Hoàng hậu ít nói, hiền lành. ở Qui Nhơn, trong khi các bà ghen tị, hiềm khích nhau vì đủ thứ lý do, Hoàng hậu ít khi kinh cãi hoặc làm phiền lòng ai. Nói như dân Qui Nhơn, thì Hoàng hậu “hiền như đất cục”. Để rồi Công chúa xem!

Ngọc Hân vẫn chưa yên tâm:

– Nhưng... nhưng Tướng quân tự ý ra bắc, rồi tự ý đèo bông, về đến đây lại không chịu về Qui Nhơn, để vợ con phải

khốn đốn. Tôi sợ Hoàng hậu hiểu lầm...

An cười, đáp:

– Hoàng hậu lấy chồng bao nhiêu năm không rõ tính tình chồng hay sao! Dễ gì lung lạc được... Tướng quân (An định nói “anh Huệ” nhưng ngưng lại kịp, và gọi Huệ y như cách gọi của Ngọc Hân), khi Tướng quân đã quyết làm một việc gì. Dù trẻ và đẹp như Công chúa...

Ngọc Hân ngạc nhiên cảm thấy trong câu nói của An có cái giọng kiêu hãnh nhiệt thành đến độ ngưỡng mộ sùng kính, lại vừa có cái giọng thách thức, trách móc. Công chúa băn khoăn suy nghĩ: “Có thật không? Hóa ra thiên hạ đồn đãi không phải hoàn toàn vô căn cứ. Chị ấy còn say mê đến mức ấy sao?” Ngọc Hân liếc nhìn An, yên tâm khi nhìn thấy ở khóe mắt An đã có những

vết chân chim lờ mờ, và da mặt An hơi tái. Vừa lúc đó, kiệu dừng lại. An mím môi, quay về phía Công chúa, cố lấy giọng trịnh trọng nói:

– Bẩm công chúa, ta đã đến Triều Dương các.

✱

Hoàng hậu ngồi chờ “khách” trên cái tràng kỷ gỗ mun điêu khắc tỉ mỉ công phu, trước mặt kê sẵn cái bàn mặt đá hoa thấp, trên bàn, bày sẵn cối trầu bằng đồng và khay nước trà. Dường như Hoàng hậu quá chú tâm đến buổi hội kiến này, nên lúc An và Công chúa bước vào phòng, hai người đã thấy Hoàng hậu ngồi thật ngay ngắn trên kỷ, lưng không dựa vào chỗ tựa, tay trái ôm lấy đứa con trai đầu lòng như

muốn tìm một chút bảo đảm quen thân. Hoàng hậu mặc chiếc áo gấm vàng rực có thêu hình một con chim phượng thật lớn ở vạt trước, chân mang đôi hài kim tuyến óng ánh. Cũng như An, Hoàng hậu kinh ngạc trước cách phục sức quá giản dị của Công chúa. Khám phá đó càng khiến Hoàng hậu bối rối hơn. Hoàng hậu thu đôi chân xuống dưới tràng kỷ, kéo Quang Toàn vào lòng để che bớt con chim phượng sắc sỡ. Rồi từ sự bối rối, Hoàng hậu cảm thấy một nỗi hờn giận vu vơ dần dần loang ra, xâm chiếm cả lòng mình. Răng trên cắn chặt lấy môi dưới để trấn tĩnh, Hoàng hậu nghiêm trang đưa mắt quan sát Công chúa, và ghi nhận thêm được dáng đi nặng nhọc mà khoan thai đài các, khuôn mặt trẻ con cố ý lập nghiêm, nước da trắng ngà và cuối cùng là cái bụng mang thai khá lớn sau làn áo lụa nâu thẫm. Nỗi giận hờn trong

lòng Hoàng hậu đậm thêm. Quang Toàn gần muốn ngạt thở trong vòng tay ôm của mẹ. Công chúa Ngọc Hân chậm rãi quì xuống trước tròng kỷ run run nói:

– Tiện nữ xin ra mắt Hoàng hậu.

Hoàng hậu đột nhiên áy náy, muốn dợm đứng dậy. Nhưng nhớ lời dặn trước của anh (Bùi Đắc Tuyên), Hoàng hậu kịp ngưng lại, hắng giọng bảo:

– Không dám. Công chúa chớ nên quá lễ.

Thấy An quì phía sau công chúa Ngọc Hân, Hoàng hậu vui mừng tìm được câu nói tiếp:

– Cô An đỡ giùm công chúa lại ngồi trên kỷ đi. Công chúa có vẻ mệt nhọc quá nhỉ.

An đáp:

– Thừa vâng.

Rồi dìu Ngọc Hân đến gần chiếc kỷ đối diện với Hoàng hậu. Công chúa sẽ sàng thưa:

– Xin phép Hoàng hậu.

Trước khi vén áo ngồi xuống, Hoàng hậu bảo An:

– Cô mời giùm tôi miếng trầu.

Ngọc Hân vội nói:

– Xin cảm tạ Hoàng hậu. Tiện nữ ít khi dùng trầu.

Hoàng hậu sốt sắng nói:

– Thôi dùng trà vậy nhé. Cô An xem giùm tôi trà đã đậm chưa.

An rót chén trà thơm đầu tiên bưng đến cho Hoàng hậu. Hoàng hậu không nhận, đứng dậy đưa về phía Ngọc Hân mời:

– Công chúa dùng trước đi.

Ngọc Hân cũng đứng dậy thưa:

– Không dám. Mời Hoàng hậu. Tiện nữ xin chén trà sau vậy.

Hoàng hậu đặt chén trà bốc khói thơm trên chiếc bàn trước mặt mình, yên lặng theo dõi An cẩn thận rót chén trà thứ hai. Lúc Công chúa đưa hai tay ra nhận chén trà từ tay An, Hoàng hậu ghi nhận thêm đôi bàn tay trắng, và mười ngón tay búp măng nhỏ nhắn. Nỗi giận vu vơ lại hiện về, bất giác Hoàng hậu rút tay lại, thu đôi bàn tay thô vào dưới vạt áo. Giọng Hoàng hậu đột nhiên đanh lại, gần như mỉa mai:

– Trông Công chúa ốm yếu quá, liệu có chịu nổi mưa gió nắng nôi thất thường ở cái xứ này không?

Ngọc Hân đưa mắt về phía Hoàng hậu, cố tìm hiểu vì sao đột nhiên Hoàng hậu thay đổi giọng nói. Trong hoang mang, Công chúa đáp:

– Tiện nữ sống trong cảnh thanh bần đã quen, nên ở đây cũng như ở Bắc hà...

Hoàng hậu cắt lời Ngọc Hân:

– Công chúa quá nhún nhường đấy thôi. Phải không cô An?

Liếc nhìn lần nữa đôi bàn tay trắng nhỏ của Công chúa nổi rõ trên làn áo lụa nâu thẫm, Hoàng hậu nói:

– Bắc hà đất rộng, dân giàu, lẽ nào làm phiền Công chúa đến nỗi phải vất

vả chân tay như lũ dân nghèo khó Qui Nhơn chúng tôi. Có đúng thế không, cô An?

An không biết trả lời thế nào cho phải, lí nhí đáp:

– Có lẽ thế ạ!

Hoàng hậu bật cười, vui vẻ nói:

– Sao lại nói hàng hai thế! Nào, Công chúa dùng trà đi chứ!

Ngọc Hân hớp một ngụm nước trà nhỏ, rồi đáp:

– Cảm ơn Hoàng hậu. Hoàng hậu mệt nhọc từ Qui Nhơn ra đây, chắc nay đã bình phục sức khỏe?

Hoàng hậu mím môi trước khi đáp:

– Vâng. Nhờ Trời mẹ con tôi được

sống sót ra đến đây. Tôi đã tưởng không ai còn nhớ, còn ngó ngang đến mẹ con tôi nữa, thì Trời cũng không thềm để tâm cứu vớt.

Không khí trong phòng tự nhiên căng thẳng hơn. Thật lâu, không ai tìm được lời nào để cùng nhau thoát khỏi cảnh huống bế tắc. Cuối cùng An bạo dạn nói:

– Độ này, khí hậu Thuận Hóa thật lạ. Nắng đỏ rồi mưa đỏ. Oi bức thế này chắc lại sắp mưa.

Hoàng hậu trở lại thân mật hỏi Ngọc Hân:

– Ở Thăng Long, khí hậu có thất thường thế không?

Công chúa đáp:

– Thưa cũng thế.

Hoàng hậu hỏi tiếp:

– Chắc là lạnh hơn chứ?

– Thưa vâng.

Hoàng hậu tìm được dịp hỏi ngay:

– Thế sao Công chúa ăn mặc phong phanh thế, không sợ bị cảm hàn à?

Ngọc Hân đỏ mặt, hối hận vì dự đoán sai lạc của mình đã gây ra những hậu quả bất ngờ, những ngộ nhận tai hại chưa biết sau này đây đưa đến những bất trắc nào nữa. Công chúa vội đáp:

– Chỉ vì họ Trịnh lấn áp, lâu nay hoàng gia Bắc hà quen sống trong cảnh thanh bần. Xin hoàng hậu tha thứ cho tiện nữ cái tội thất lễ.

Hoàng hậu cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm hơn, xô nhẹ Quang Toàn ra xa để lộ nguyên cả con chim phượng rục rĩ, kêu hãnh nói:

– Hóa ra chỉ được cái tiếng.

Giọng Hoàng hậu ân cần, thân mật hẳn lên:

– Nhưng xứ Đàng Trong khác chứ. Công chúa thể chất ốm yếu, nên chú ý giữ gìn sức khỏe. Ăn mặc thế nào để khỏi nhiễm lạnh, sợ ảnh hưởng đến cái thai. Còn bao lâu nữa thì đến kỳ sinh nở?

Ngọc Hân bối rối, thành thực đáp:

– Tiện nữ cũng không biết nữa.

Hoàng hậu cười lớn:

– Ô kìa! Cô An nghe Công chúa nói có vui không? Đã được mấy tháng rồi?

An đáp thay Ngọc Hân:

– Được bảy tháng rồi ạ!

Hoàng hậu lo lắng thật sự:

– Bảy tháng! Coi chừng! Cẩn thận nhất là tháng thứ ba và tháng thứ bảy. Hồi tôi có mang thằng nhỏ này, cả nhà lo sợ không cho tôi đi đâu cả. Cũng không cho làm bất cứ việc gì. Sợ vô ý trượt chân, hoặc cử động mạnh làm hại cái thai. Tôi buồn quá, suốt ngày ru rú trong nhà không biết làm gì, ăn hết đĩa ổi này đến đĩa ổi khác. à này, Công chúa có thèm đồ chua không?

Giọng thăm hỏi chân thành khiến Ngọc Hân quên hết nỗi lo âu, dè dặt. Công chúa đáp:

– Thừa không.

Sau một lúc ngập ngừng, Ngọc Hân rụt rè hỏi:

– Khi có thai, người ta chỉ thèm chua thôi, phải thế không ạ?

Hoàng hậu quên cả giữ gìn, chồm hẳn người về phía Công chúa nói lớn:

– Phải rồi. Không thèm ổi thì thèm me xanh. Phải không cô An?

An cũng vui vẻ đáp:

– Thừa vâng. Hồi có mang thằng Phát, tôi thèm khế chấm mắt ruốc.

Ngọc Hân đỏ mặt, lấy bạo hỏi:

– Có ai thèm than không ạ?

Hoàng hậu kinh ngạc hỏi lại:

– Cái gì? Than à?

Công chúa không dám trả lời. An tò mò hỏi:

– Công chúa thèm than phải không?

Ngọc Hân bẽn lẽn gật đầu. Hoàng hậu tròn xoe mắt nhìn Công chúa, không dám tin:

– Thật sao? Than nấu bếp phải không?

Công chúa gật đầu lần nữa, da mặt đỏ đến tận chân tóc. Hoàng hậu đưa cả hai tay lên trần điện, hô hoán:

– Chết rồi! Thèm cái gì kỳ cục vậy. Nhưng Công chúa có dám nhai than không?

Ngọc Hân đáp nhỏ:

– Lâu lâu chờ không có ai, tiện nữ mới dám lén xuống bếp.

Cả hoàng hậu, An lẫn Quang Toàn đều phá lên cười. An pha trò:

– Coi chừng công chúa sinh hạ một chú Hà Ô Lôi nho nhỏ đấy.

Hoàng hậu thắc mắc hỏi:

– Hà Ô Lôi? Ai thế?

Ngọc Hân không dám dẫn sách ra giải thích cho Hoàng hậu, liếc nhìn về phía An cầu cứu. An thưa:

– Bẩm Hoàng hậu. Trong sách “Lĩnh Nam chích quái” của ta thời xưa có chuyện một chú nhỏ da đen mà hát hay tên Hà Ô Lôi. Công chúa mới cho tôi mượn đọc tháng trước.

Hoàng hậu không được vui, buông mấy tiếng:

– Thế à!

Rồi trở lại chuyện thai nghén:

– Còn hai tháng nữa. Công chúa phải cẩn thận chuyện đi đứng. Bước ngắn lại. Tránh với lên cao. Khi nào thấy thai động thất thường phải coi chừng. Nó đập có dữ không?

Ngọc Hân lí nhí đáp:

– Mạnh lắm ạ. Nhiều lúc đau quặn cả lòng.

Hoàng hậu an ủi:

– Không sao. Như vậy là cái thai tốt. Hồi có mang thằng này, tôi cũng bị nó đập dữ.

Ngọc Hân ngắm kỹ Quang Toàn, lòng rộn rã hẳn lên khi nhận ra nhiều nét của Nguyễn Huệ: cái mũi khỏe ấy, cái cằm vuông ấy, đôi mắt sắc dưới hàng lông

mày rậm ấy. Chỉ khác ở chỗ Quang Toàn thiếu hẳn vẻ mạnh mẽ cương quyết của cha, do cặp môi mỏng và mái tóc mềm. Thấy công chúa say sưa ngắm Quang Toàn, hoàng hậu cảm động đẩy con về phía Ngọc Hân:

– Con đến lạy mừng Công chúa đi! Ngoan nào! Dạn dĩ lên!

Quang Toàn vâng lời mẹ, tiến đến trước Công chúa, chấp tay vái chào, chân chỉ hạ xuống một chút chứ không quì.

Ngọc Hân dìu Quang Toàn đến gần mình, hai tay đặt lên vai cậu bé, một lần nữa say sưa ngắm những nét quen thuộc thân yêu!

Chỉ cần có bấy nhiêu! Từ niềm kiêu hãnh sáng tạo thâm kín của những người mẹ, từ kinh nghiệm quặn lòng của thời

kỳ thai nghén và niềm lo âu sinh nở, hai người đàn bà quá khác nhau về nguồn gốc, tính nết, kiến thức, tự nhiên cảm thấy quyến luyến thương yêu nhau như những người bạn cố tri.

Chương 79

Mùa thu năm Đinh Vị (1787), đời sống trầm lặng của Kiên bắt đầu có những thay đổi bất ngờ. Tuy đã được Lãng báo trước (lúc Lãng tháp tùng phái bộ Trần Văn Kỷ vào Qui Nhơn thương thuyết với Trung ương hoàng đế về biên giới Bến Ván), Kiên không khỏi ngỡ ngàng trước những đổi thay trước mắt. Anh cứ tưởng nhờ không bị dính vào cuộc, nhờ từ trước đến nay anh nép kín bên lề, tránh khỏi thị phi, không làm phiền lụy đến ai và cũng không ai muốn phiền lụy đến mình, thế nào kẻ khác cũng

để cho anh yên. Để che lấp sự yếu đuối của kẻ thua cuộc, anh đã có tấm khiên tự hào thâm kín: anh cho rằng tất cả sự tranh giành bát nháo, cãi cọ om sòm, chửi rủa, mắng nhiếc, vu khống, lăng nhục, hãm hại, chém giết nhau, diễn ra quanh anh chỉ là hậu quả tất nhiên của một căn bệnh mà chỉ có anh, nhờ sức mạnh phi thường của suy tưởng, mới có thể tìm ra được cái gốc của bệnh. Dĩ nhiên anh không có sẵn niềm tự hào đó từ đầu, như một người thầy thuốc gia truyền. Anh phải trải qua những lúc chán nản, thất vọng, hoài nghi, có khi anh định bỏ dở cuộc, tự xem mình là kẻ hèn nhát. Nhưng dần dà anh thêm tự tin, tự nhủ đã đi đúng đường. Anh ít nói hơn trước, và mắt cũng hoang dại hơn trước. Mỗi lúc nhìn anh, người ta có cảm tưởng ánh mắt ấy đang hướng về cái gì đang ở trên đầu họ, và cái đó đang biến ảo kỳ thú đến

nổi những gì đang xảy ra trên đời đều trở nên tầm thường vụn vặt, không đáng quan tâm. Cái nhìn xuyên suốt vào hư vô ấy giúp Kiên mau chóng hưởng được sự vị nể của người khác, kể cả các thân nhân hằng ngày thấy được những ràng buộc trần tục của Kiên như việc ăn uống, bài tiết, sự cau có nhỏ nhen hoặc những phút vui ngây ngô... Dần dần người ta gọi anh bằng thầy, dùng ngôi thứ ba thì gọi anh là “ông đạo”, là “thầy cả”.

Điều đó càng củng cố thêm lòng tự tin của Kiên, rồi do ảnh hưởng qua lại phức tạp, anh phải nói năng, đi đứng, cư xử, suy nghĩ sao cho đúng cách của một “ông đạo”.

Vợ con anh mất anh! Kiên như cái bóng chấp chờn ẩn hiện bên cạnh họ, tuy không có gì đáng sợ, nhưng phải nhận là có ảnh hưởng đến sinh kế của toàn gia

đình. Bọn mã phu, lính tráng, những người chèo thuyền bắt đầu ngại không dám quá chén, cười đùa rồn rảng trong “quán ông đạo”. Uống rượu mà không được ghếch hai bàn chân lấm bùn lên ghế, không được ba hoa quá lời, không được vung tay vung chân... thì còn thú gì nữa. Dần dần “quán ông đạo” ế khách.

Nhưng bọn trai tráng lực lưỡng mặt mày đỏ gay bỏ đi, thì những bà già, những phụ nữ gầy ốm, khuôn mặt hốc hác vì thiếu ngủ, lại tìm đến. Nhất là từ khi Bến Ván trở thành vết dao chém ngang thân thể của đất Quảng!

✱

Dẫn đầu là mẹ và vợ những người lính đã theo Nguyễn Huệ đi đánh Thuận

Hóa năm trước. Bốn mùa gặt đã qua, những người đàn bà khốn khổ ấy phải gánh vác vừa công việc đồng án, vừa việc nội trợ. Sức họ đã mòn mỏi vì làm việc quá sức. Vì chờ đợi ngày về của chồng con. Bao giờ? Bao giờ? Tin chiến thắng từ phía bắc đã dồn dập đưa về. Lấy xong Phú Xuân. Rồi Thăng Long. Đại quân đã trở lại Phú Xuân. Có thể chứ! Đảng nào thì cái ngày khai hoàn mớ ước cũng phải tới, để những người đàn ông trong gia đình trở về chia sẻ bớt nỗi nhọc nhằn mưu sinh. Rồi cái gì đã xảy ra? Chỉ một mình vua Thái Đức trở về Qui Nhơn, và theo lời đồn đãi truyền từ kinh thành, thì nhà vua không mấy vui. ít lâu sau... tin đồn sẽ có một cuộc lưu huyết khốc liệt giữa hai anh em càng thêm xác thực, khả tín. Trời hỡi! Chồng con chúng tôi đâu? ở lại Phú Xuân ư? Quân phản bội ư? Những người đàn bà càng nghe tin

tức càng bàng hoàng ngỡ ngàng, không hiểu thời cuộc oái oăm thế nào mà đáng lẽ họ là vợ con những chiến sĩ có công, đột nhiên trở thành thân nhân kẻ phản bội. Hàng xóm đã bắt đầu nhìn họ với đôi mắt e dè, xì xầm to nhỏ sau lưng họ, lạnh nhạt với họ ở chỗ đông người. Họ lo âu, cảm thấy cô đơn, chới với giữa những điều bí ẩn đáng sợ. Tại sao? Do đâu? Họ biết hỏi ai đây? Hỏi các chức sắc lớn nhỏ trong Hoàng đế thành, họ chỉ được trả lời mù mờ. Không được soi sáng để yên tâm, ngược lại họ bị đe dọa, quát mắng.

Đúng vào hoàn cảnh ấy, có người chợt nghĩ đến Kiên! Phải. Anh đúng là người họ đang cần. Kiên không phải là một chức sắc, nghĩa là không có gì đáng sợ. Anh không nắm được chút quyền lực nào, để rủi ro họ đại mồm đại miệng, Kiên có thể đe dọa, quát mắng hoặc

trừng phạt họ như các quan lớn quan nhỏ trong thành. Ngược lại, nhờ quen thân với Đông Định vương, nhất định Kiên am tường các biến cố đang diễn ra ở Phú Xuân, Thăng Long, Qui Nhơn, và giải đáp cho họ hiểu vì sao chồng con họ chưa được hồi hương, vì sao họ trở thành kẻ liên lụy với “quân phản bội”.

Kiên không biết được điều gì nhiều hơn những người đàn bà khốn khổ ấy. Anh cũng mù mờ về tình thế như họ. Nhưng các bà mẹ lam lũ chờ con, các bà vợ trông chồng đã tìm đến “ông đạo” thì không về tay không. Bằng những lời an ủi nhỏ nhẹ, đều đều như lời ru, hoặc những ví dụ đơn giản và cụ thể, Kiên giúp cho họ thấy: họ không phải là kẻ độc nhất chịu đựng hết nỗi khổ cực rủi ro trên đời, sự tạm bợ của tất cả nỗi vui buồn, sướng khổ nếu so với thú hạnh phúc vĩnh

hằng đích thực, hoặc đơn giản hơn nữa, như cơn sốt của đứa trẻ khi mọc răng, những đau đớn họ đang chịu nhất định phải hứa hẹn những may mắn đoàn tụ sau này. Nhờ thế không ai đến “am thầy cả” trở về mà không mang được theo sự yên tâm. Tiếng lành đồn xa, mỗi ngày số người tìm đến chỗ Kiên càng đông. Bù vào số thất thu vì quán rượu ế khách, vợ con Kiên đã có những món quà cảm ơn của những kẻ hốt hoảng đi tìm niềm tin và hy vọng.

★

Tháng 8 năm Đinh Vị (1787), Đông Định vương Nguyễn Lữ bỏ mặc đất Gia Định cho Phạm Văn Sâm chống giữ, vội vã rút quân về lại Qui Nhơn. Một lần nữa, khắp kinh thành sống nơm nớp

trong hoang mang, lo âu. Kiên càng có nhiều vị khách bất ngờ phải tiếp. Chưa kể những cuộc đàm đạo thường xuyên hằng ngày với Nguyễn Lữ, anh còn phải tiếp phu nhân các quan đại thần trong triều. Dù dao động đến cực độ, các quan cũng phải giữ cái thể diện cứng cỏi, can đảm, một mực tin tưởng ở sự anh minh của vua Thái Đức.

Trong số người cùng về Qui Nhơn với Đông Định vương, có một tên làm chức điều khiển của Nguyễn Ánh qui hàng Tây Sơn vốn là em ruột viên cai đội ân nhân cũ của Kiên. Vì vậy, khi được tự do ra làm dân Qui Nhơn, người này về ở chung với chị dâu tại “am thầy cả” bên cạnh bãi tắm ngựa. Gia đình Kiên có thêm một người lạ mặt.

Kiên khó chịu vì đột nhiên nếp sống đã quen thuộc bao nhiêu lâu nay phải xáo

trộn. Tuy là thân thuộc gần gũi với vợ con Kiên, nhưng đối với Kiên, Nguyễn Phúc Liệu chỉ là một người khách lạ. Liệu ăn nói lễ phép, quá lễ phép đến nỗi trở nên khách sáo giả dối. Nhưng không thể chê trách gì ở cách cư xử tế nhị của viên điều khiển này. Anh ta sẵn sàng làm bất cứ việc gì để giúp đỡ chị dâu, cho dù nặng nhọc bậc nào. Liệu lại hết sức trân trọng đối với những gì liên quan đến đời sống tâm linh của Kiên. Tự nhận là kẻ dung tục, hời hợt, anh ta không dám lạm bàn những điều Kiên nói, hoặc suy nghĩ. Liệu chỉ vâng dạ, tránh né, dường như không muốn Kiên bị vướng víu vì mình. Anh ta còn gọi Kiên bằng “thầy”, khiến mọi người tưởng ông đạo mới thu nhận được một đồ đệ tâm đắc.

Kiên không thể tìm ra lý do giải thích vì sao mình có ác cảm với Liệu.

Anh không thể chịu đựng được ý nghĩ: tất cả chỉ do lòng ích kỷ. Một ông đạo dám vượt lên trên mọi điều tầm thường để nhìn cho được tầm rộng lớn của sự vật, từ đó hiểu ra qui luật của đời sống, phương hướng của giải thoát, mà lại không trừ khử được nơi lòng mình sự ích kỷ, tị hiềm nhỏ nhen hay sao? Kiên khổ sở vì câu hỏi ấy, mặt cứ khó đăm đăm. Liệu càng tỏ ra vô tội, nhũn nhặn, khiêm nhường, tế nhị bao nhiêu thì Kiên càng khó chịu bấy nhiêu. Anh phải tìm cho ra một lý lẽ khả thứ để biện hộ cho mình, cái gì khác hơn lòng ích kỷ. Và Kiên đã tìm ra!

Chẳng bao lâu Kiên khám phá ở Liệu có nhiều điểm bất thường. Liệu tìm cách bắt chuyện với bất cứ ai, và với cái giọng Huế ngọt ngào, bằng những câu bông đùa đúng lúc, Liệu dễ dàng trở thành

người đáng tin cậy của mọi người. Mấy đứa con riêng của vợ Kiên cứ bu lấy chú, bắt chú kể chuyện vui, bắt chú dạy cho cách ru em theo kiểu Huế. Rồi lần lượt Kiên nghe từng đứa con gái hát những câu ru em lạ. Hoặc những lời than vãn có khả năng làm khựng bước chân những thiếu phụ vợ lính đến tìm Kiên:

Trời ơi sinh giặc làm chi

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.

hoặc một lời hẹn ước, một lời nhắn nhủ:

Ai về nhắn gửi đôi lời

Thuyền dẫu xa bến chẳng dời nước non

Có khi là lời oán trách cay đắng

Trời ơi răng khổ như ri

Hôm qua khổ ít, hôm ni khổ nhiều

Có khi là những câu hát gọi nhiều liên tưởng nguy hiểm, đến nỗi người nào nghe xong cũng lo sợ, nhìn quanh, rồi giả vờ không nghe gì, vội vã lánh đi chỗ khác:

Tiệc thay cây quế giữa rừng

Để cho thẳng mán, thẳng mường nó leo.

hoặc:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn thì giứt, để lâu mất mồi.

Những câu hát ấy nhanh chóng lan truyền khắp Bằng Châu, do nội dung lời hát một phần, phần lớn còn lại do ở chỗ Thuận Hóa đã trở thành một trung tâm quyền lực vượt hẳn Qui Nhơn nên những gì mang chất Huế đều dễ dàng trở thành thời thượng.

Một lần Nguyễn Lữ đến thăm Kiên,
nghe đứa con gái út của Kiên hát hai câu:

Ai về nhắn với ông câu

Cá ăn thì giựt, để lâu mất môi.

Đông Định vương kinh ngạc hỏi:

– Ai dạy lũ nhỏ sửa lại câu ru em vậy?
Ở đây, từ nhỏ ta chỉ nghe các bà mẹ ru:

Ai về nhắn với nậu nguồn

Măng le gửi xuống, cá chuồn gửi lên.

chứ đâu có nghe câu này. Mà điệu ru
cũng khác nữa.

Kiên lo ngại không dám nêu rõ xuất
xứ của lời hát, miễn cưỡng đáp:

– Thưa, có lẽ lũ trẻ học được ngoài
chợ phiên.

Nguyễn Lữ vẫn còn thắc mắc:

– Hơn nữa lời hát lạ lắm, như thúc giục người ta làm gấp chuyện gì đó, nếu để lỡ cơ hội thì phí đi. Anh có thấy thế không?

Kiên hoảng sợ, giả vờ không chú ý, tiếp tục cuộc bàn cãi đang bỏ dở:

-. ..Vâng, vâng. Kể cũng hơi lạ đấy. Nhưng lúc này ngài hỏi tôi điều gì nào? À, phải rồi. Chúng ta đang nói về sự chết. Ngài bảo từ lúc ở Gia Định về, ngài thường nghĩ đến cái chết. Nghĩ đến nó một cách xót xa, như thấy trước một sự vỡ lở không thể tránh khỏi, cho nên cứ tiếc nuối rằng cả cuộc đời mình bấy lâu nay chỉ gồm toàn những yếu đuối đáng thẹn, những phí phạm vô ích; khi làm thì quờ quạng như người mù chống gậy, lúc không làm thì buông thả như kẻ bại liệt.

Ngài quá lời rồi. Chỉ vì tôi ỷ y vào lòng thương mến của ngài, được ngài xem vào hàng đồng đạo, nên mới dám nhắc lại những gì ngài nói. Nếu không, làm như vậy đã đáng tội chết rồi. Cái chết! Ngài vừa bảo rằng mỗi lúc nghĩ đến, ngài lo sợ. Ngài không thể làm quen được với nó. Nhưng nếu tôi không lầm, thì chúng ta đã từng bàn cãi về cái chết nhiều lần rồi.

Nguyễn Lữ vội nói:

– Chưa bao giờ cả. Anh lầm đấy. Trước đây ta chỉ nói về cách sống, cố tìm cho được một lối sống ý nghĩa nhất, đúng đắn nhất. Chúng ta làm như cái chết không có thực, không đáng phải bận tâm. Quanh ta không thiếu gì kẻ chết, bình an như một ngọn đèn hết dầu cũng có, mà thảm khốc như cái chết của... của Nguyễn Thung cũng có. Nhưng chúng ta

đánh lừa mình bằng cách cố nghĩ rằng kẻ khác, những kẻ đáng thương ấy, có riêng số phần hẩm hiu của họ. Chúng ta khác. Chúng ta sống, sống, sống. Điều cần bàn là tìm ra một cách sống thích hợp, thế thôi. Rõ ràng cả anh lẫn ta đều tự lừa dối mình. Bây giờ, lúc cảm thấy trong thân thể có những mầm mống của sự tàn tạ, hủy diệt, nửa đêm thức dậy mồ hôi vã ra ướt cả chăn gối, tim hồi hộp, mắt choáng váng, chân run vai mỏi, trời đất lúc nào cũng u ám, ta không làm ngơ được nữa. Phải làm sao đây? Sau cái chết là cái gì? Là cái hố sâu hun hút không có đáy ư? Là đêm tối mênh mông không còn biết được đường lối ư? Chung cục đều sa vào đấy cả, thì mùa may tranh giành nhau lúc còn sống để làm gì? Ta buông xuôi như vậy, hóa ra đúng hay sao?

Kiên định cải chính rằng sống hợp

tự nhiên không phải là buông thả yếu đuối, nhưng lúc đó Nguyễn Phúc Liệu vào cái am lợp tranh quì xuống trước Đông Định vương thưa:

– Bẩm... có chiếu chỉ của hoàng thượng tuyên triệu Ngài vào cung.

Nguyễn Lữ ơ hờ đáp:

– Được. Ta sẽ về ngay.

Chờ cho Liệu ra khỏi am, Nguyễn Lữ mới bảo:

– Nhờ hẩn mà ta mới biết được thái bảo Sâm có ý phản ta¹⁹. Gặp ai khác, thì nhất định Sâm phải chết rồi. Ta thì không. Ta giao quách đất Gia Định cho hẩn lo, thử xem hẩn có chống chỗi nổi với lũ lâu la tay chân tên Chúng hay không. Ta làm đúng lẽ đạo đấy chứ?

19 Do kế ly gián của Nguyễn Ánh để Nguyễn Lữ ngờ thái bảo Phạm Văn Sâm lúc đó đang chống giữ Sài Gòn.

Về sau, quán rượu lại lác đác có khách. Họ không ồn ào, lỗ mãng như bọn tằm ngựa. Họ đến, gọi rượu, và châu đầu vào nhau xì xầm cả buổi. Lại một điều là tất cả những khách rượu ấy đều quen biết với Nguyễn Phúc Liệu.

Kiên càng ngờ vực hành tung của Liệu hơn. Sau nhiều lần do dự, một hôm Kiên quyết hỏi cho ra lẽ. Anh xếp đặt sẵn những điều sẽ nói, kể cả những câu, những tiếng sẽ dùng. Không ngờ lúc Kiên mời riêng Liệu vào am, chính Liệu lại hăng hái mở chuyện trước.

Bằng một giọng cố ý làm ra buồn rầu lo lắng, Liệu hỏi:

– Thầy đã nghe tin gì chưa?

Kiên quên mất chủ định ban đầu, vội hỏi:

– Tin gì?

Liệu lại hỏi:

– Thế mấy hôm nay Đông Định vương giấu không cho thầy biết sao?

Kiên mất kiên nhẫn, gắt:

– Nhưng tin gì mới được chứ?

Liệu chậm rãi hạ thấp giọng đáp:

– Như vậy là Đông Định vương sợ thầy lo, không cho thầy biết hết tình hình. Nguy đến nơi rồi, thầy ơi!

Liệu ghé sát bên tai Kiên thì thào:

– Qui Nhơn chẳng còn đứng được bao lâu nữa đâu. Phía bắc “chú Tám” đã lấn đến Bến Ván. Phía nam, sau khi “chú

Bảy” bỏ về đây, thái bảo Sâm cố vớt vát mà chẳng ăn thua gì. Đất Gia Định là đất cũ của ông Chung (Nguyễn Ánh), nên ông ấy vừa ở Xiêm về là dân Gia Định ùn ùn kéo đến xin được góp công khôi phục. Một mình ông Sâm làm sao đương nổi. Trước sau gì Gia Định cũng mất, rồi tàu sắt Tây dương chẳng mấy chốc đen ngịt cửa Thị Nại cho mà xem. Tôi lỗ qui hàng mất rồi, chắc chết không được toàn thân. Phận tôi, tôi chịu. Chỉ ngại vì tôi mà gia đình chị và các cháu phải liên lụy. Mỗi lần nghĩ đến chuyện một bậc chân tu như thầy mà phải dính dấp liên lụy vào cuộc trả ân trả oán nhỏ nhặt, tàn khốc, tôi ngủ không yên. Thầy lánh đời nên am tường thế cuộc, thầy đã thấy trước lối thoát nào chưa? Phải làm gì đây?

Dù cố giữ vẻ thản nhiên, Kiên không khỏi lo lắng. Anh phải thăm công nhận

một phần sự thực trong lời viên điều khiển. Qui Nhơn đã rã rời, hoang mang sau cuộc tranh chấp “nội da xáo thịt”, bây giờ các tin buồn từ Gia Định tới tấp bay về càng khiến mọi người lo lắng, chơi vơi. Kiên không biết phải trả lời Liệu thế nào, nét mặt bần thần. Liệu chờ một lúc thấy Kiên không nói gì, đưa tay che miệng ho để giấu một nụ cười mỉm, rồi tiếp:

– Mấy đêm nay tôi nghĩ nát óc mà không tìm được lối thoát. Đàn bà con nít không làm được gì, nhất định như thế rồi. Tôi thì mang cái tiếng phản trắc, một mai quân Gia Định ra đây, có đập đầu kêu oan cho mấy cũng không ai nghe. Chỉ còn hy vọng ở đạo đức và uy tín của thầy. Chỉ có thầy mới cứu được toàn gia đình.

Kiên ngừng lên hỏi:

– Tôi làm được gì? Người ta hỏi đáp nhau bằng gươm giáo, tôi có làm được gì đâu!

Giọng nói của Liệu trở nên hăng hái, gần như mừng rỡ:

– Có chứ! Thôi, bây giờ tôi với thầy đã trở thành người nhà với nhau, tôi không dám giấu nữa. Thú thật với thầy tôi giả vờ qui hàng, cốt là để theo Đông Định vương về đây dò trước đường đi nước bước. Hoàng thượng (chỉ Nguyễn Ánh) tin cậy tôi mới giao việc khó là về Qui Nhơn. Thuận Hóa thì giao cho người khác. Tôi nhận chỉ, lòng vừa mừng, vừa lo, nhưng tin rằng lòng trời thuận cho họ Nguyễn Gia Miêu khôi phục thì tất phải giúp cho tôi may mắn. Quả nhiên về đến đây tôi tìm ra chị dâu và các cháu. May hơn nữa, tôi được gần gũi thầy.

Kiên lặng người vì sợ hãi, muốn nói mà không mở miệng được. Hóa ra những điều Kiên hồ nghi đều có căn cứ. Không kiểm soát nổi cử động của mình, bất giác Kiên gật gù. Liệu tưởng Kiên đã chấp thuận, vui mừng nói:

– Thầy bằng lòng giúp tôi rồi chứ? Hay quá, cảm ơn Trời! Tôi chỉ sợ thầy bận bịu vì tình anh em, tình đồng đạo mà ngập ngừng, do dự. Thầy thấy không, nếu không thuận lòng Trời thì mọi việc đâu dễ dàng như vậy. Thôi, tôi xin nói gọn lại. Hiện nay khắp Qui Nhơn từ chị vợ lính cho đến bọn quan lớn quan nhỏ trong thành đều quý trọng thầy, tin tưởng ở lời thầy. Đến nỗi Bùi Văn Nhật cũng sai vợ đến đây nhờ thầy đoán trước hậu vận kết hung ra làm sao nữa là! Dù không muốn, thầy đã trở thành người quan trọng của Qui Nhơn rồi. Một lời nói của

thầy có thể mạnh bằng trăm ngựa chiến. Có thể xô ngã Hoàng đế thành. Không, thầy chớ tưởng tôi nói đùa, hoặc nói nịnh thầy. Thầy thử ngẫm kỹ mà xem. Giả sử thầy soạn lấy vài câu sấm ký, ý nghĩa lơ lửng bí hiểm như kiểu sấm Trạng Trình ấy mà, những câu sấm tiên đoán thế nào Tây Sơn cũng sụp đổ và họ Nguyễn lại khôi phục đất nước. Đi đến đâu thầy cũng đọc sấm cho họ nghe. Chỉ cần vài ngày thôi, ngoài chợ phiên dân chúng sẽ quên cả mua bán vì mãi bàn tán lời sấm của thầy...

Liệu càng nói, Kiên càng sợ hãi. Một luồng hơi lạnh men theo xương sống chạy từ thắt lưng lên đến óc, rồi tỏa ra khắp thân thể. Đầu óc Kiên căng thẳng, tê dại. Hai thái dương tự nhiên nóng bừng. Anh không nghe thêm được gì nữa. Trước mắt anh, Liệu tiếp tục huyền

thiên mùa may như một cái hình nộm.
Bên ngoài cửa am, trời hơi lất phất mưa!

✱

Đêm đó, Kiên không tài nào ngủ được. Khắp người anh nôn nao bất định, lòng cứ hồi hộp thấp thỏm như đang chờ đợi điều gì chưa biết rõ, nhưng nhất định nó quan trọng hết sức vì liên quan đến sự sống chết của đời anh.

Kiên nằm duỗi hai tay hai chân thật thẳng trên cái chõng tre, cố tìm một thể thoải mái để trấn tĩnh. Phải mất thời gian thật lâu, anh mới ý thức trọn vẹn được các sự vật quanh mình: mùi trấu cháy ngùn ở dưới bếp; tiếng nước mưa rơi lách chách đều đặn ở mái tranh; một chú chuột cuống quít kêu cứu một cách

tuyệt vọng nơi đầu tử sau đó là sự im lặng tang tóc; nhịp đập của trái tim không đều đôi lúc gần như biếng nhác do dự, rồi đột nhiên vô vập hấp tấp; nan tre kêu rảng rặc mỗi lúc Kiên trở mình; tiếng ú ớ mê sảng không biết của ai và khó đoán được nội dung vì âm thanh trùng chập, lấp lửng...

Kiên nằm như thế thật lâu, mới đủ bình tĩnh suy nghĩ về mình. Anh lẩm bẩm một mình:

– Lâu nay ta lẩm lẩm biết bao! Ngày thơ biết bao! Cứ tưởng hể vượt lên trên những điều tầm thường phức tạp của cuộc sống hằng ngày, tìm ra được căn nguyên của cuộc sinh hóa, thì tự nhiên mọi sự đều được giải quyết. Thực tế đâu có vậy! Tại sao điều đơn giản ấy bây giờ ta mới biết? Vì ta né tránh ư? Không. Vì ta thu vén cuộc đời ta vào một xó tối, núp

dưới bóng cây xanh như một người bệnh sợ nắng gió, hờm hĩnh, tự kiêu không thềm dây vào đời nhơ nhớp, nhưng thực ra ta chỉ là kẻ sợ hãi nhất nhúa. Ta không dám thử thách, đứng trước nắng gió như mọi người. Đến nay thì mọi sự rõ ràng. Nguyễn Phúc Liệu chỉ cần hỏi ta một câu, ta đã ăm ớ không biết trả lời với hần thế nào. Nhận lời hần ư? Nhất định không thể được! Mà đã nhất định không thể được thì tại sao ta không dứt khoát ngay từ đầu, nói thẳng vào mặt hần rằng ta từ chối? Ta sợ chẳng? Sợ! Sợ cái gì cơ chứ? Đến cả cái chết ta còn xem là tự nhiên (như ta dự định an ủi thuyết phục Đông Định vương), thì lẽ nào ta còn sợ hần trả thù, rấp tâm hãm hại. Hay là... dù nói cứng, ta vẫn ham sống sợ chết như mọi người? Trời hời! Hóa ra bấy lâu nay ta lừa dối ta, lừa dối người. Ta đóng trò “thầy cả”, núp dưới cái dạng “ông đạo” để

hưởng sự kính cẩn của thiên hạ. Ta ăn gian với đời. Làm sao đây? Liệu còn có cách nào cứu vãn không? Nếu hồi chiều ta lắc đầu, dứt khoát nói không, thì đêm nay ta đã ngủ yên. Nhưng hắn có để cho ta yên không? Chân tướng của hắn đã lộ, thế nào hắn cũng sợ ta báo lại với Đông Định vương. Hoặc hắn tìm cách giết ta để giữ kín tông tích, hoặc hắn phải trốn đi. Trong hai con đường, hắn sẽ chọn đường nào? Khổ nổi, hồi chiều ta yếu đuối, không tỏ thái độ bất thân thiện ngay từ đầu. Nếu ta chỉ cau mày khó chịu, hoặc mạnh dạn đứng dậy bỏ đi, hắn phải đâm ngại. Đã ngại thì không dám lộ tông tích, và không dám liêu lĩnh mời ta hợp tác. Bây giờ mọi sự đã lỡ, ngọn lao đã phóng. Mũi tên đã rời khỏi cung thì phải bay cho hết tầm. Không có cách gì cứu gỡ, ngăn cản được. Hay là... sáng mai ta nói thẳng với hắn! Còn kịp không? Khổ

thân ta quá! Ta lầm lẫn và ngây thơ biết bao. Cứ tưởng...

Càng suy nghĩ, ý tưởng trong đầu Kiên càng lộn xộn, trùng lặp, mâu thuẫn. Anh lịm đi lúc nào không hay.

Kiên lơ mơ tỉnh dậy vào cuối canh ba. Trong đêm tối dày đặc, anh cảm thấy mình bập bênh lửng lơ giữa cái thực và cái không thực. Kiên biết rằng mình đang nằm trên cái chõng tre đặt sát vào cửa sổ hướng ra phía nam, đầu gối lên một khúc gỗ vuông đã nhẵn bóng vì mồ hôi, hai chân duỗi thẳng, bàn chân trái chạm vào thanh gỗ ngang ở cuối chõng. Nhưng đồng thời anh cũng thấy không phải chỉ có một mình anh trong đêm tối. Có nhiều người lạ mặt đang đứng bao quanh anh: kẻ đang trở vào anh rồi quay lại nói gì đó với người bên cạnh; kẻ trợn mắt nhìn anh giả vờ đe dọa rồi phá lên

cười; kẻ chăm chú theo dõi vẻ bối rối của anh, bữu môi khinh bỉ; kẻ ra dấu cho anh ngồi dậy trong khi người khác lại đưa bàn tay mặt xò rộng ra dấu cho anh cứ nằm yên đấy. Kiên hoang mang nhìn hết người này đến người khác. Dần dần anh nhận ra được vài người lạ đã từng đến quán rượu gặp Liệu. Rồi anh nhận ra cả Liệu, kẻ bảo anh ngồi dậy. Anh càng hoang mang thêm, tự hỏi: Ta tỉnh hay ta mê? Đến lúc khám phá ra những người đang vây quanh Kiên đều có cầm dao, anh mới hốt hoảng tột độ. Anh giật mình chống tay choàng dậy. Anh vừa trải qua một cơn ác mộng. Mồ hôi vã ra ướt cả quần áo. Tay Kiên vẫn còn run rẩy khi anh đưa lên ngực để trấn áp nhịp tim.

Ngay đêm hôm đó, Kiên lén lút trốn khỏi Bằng Châu như một người có tội.

✱

Lúc nghe tiếng gà gáy đầu tiên, Kiên dớn dác nhìn quanh, sợ có người thức dậy trước mình. Cả nhà đều còn say ngủ. Yên tâm hơn, Kiên nhón gót lần mò về phía cửa. Một tay nâng cánh cửa gỗ lên, tay kia Kiên kéo nhẹ cái then. Anh lách mình qua hai cánh cửa hé, ra được bên ngoài mà lòng vẫn còn hồi hộp. Quên cả khép cửa lại, anh đi nhanh ra phía bờ sông, dù muốn lắm nhưng không dám quay lại để nhìn căn nhà thân thuộc lần cuối.

Nước sông lạnh nhắc Kiên nhớ trên người anh chỉ có một bộ quần áo nâu mỏng manh. Anh run lập cập, hai hàm răng cắn chặt để cưỡng lại cơn rét. Nước ngập đến đầu gối, rồi đến bắp vế. Anh dùng hai tay túm ống quần và vạt áo lên cho khỏi ướt. Lúc đó, Kiên mới nhớ mình

không mang theo chút hành lý nào. Sau một lúc do dự, anh tiếp tục lội qua khỏi khúc sông cạn.

Lên đến bờ bên kia Kiên vẫn chưa nghĩ mình đi đâu. Cứ bước tới trước. Bước tới, bước tới nữa, càng xa cái bến tắm ngựa càng tốt. Đi một đoạn, anh gặp một ngã ba. Đường phía trái dẫn xuống kinh thành nên ngay dưới gốc đa vệ đường có một chòi canh. Kiên rẽ phía phải không cần do dự, đắn đo. Bước tới. Bước tới nữa. Anh bước như cái máy, không nhìn thấy ai, không thắc mắc tìm hiểu tại sao những người đàn bà gánh rau đi chợ sớm cứ bỏ ngõ kinh ngạc nhìn Kiên như một hiện tượng lạ lắm.

Trời dần dần sáng rõ. Kiên gặp nhiều ngã ba ngã tư khác, chân bước không ngập ngừng vì anh cứ bước theo người đi trước. Qua một bến đò. Lại thêm một

bến đò nữa. Người ta định hỏi tiền đò, nhưng bộ dạng khác thường của Kiên đã khiến mấy chị lái đò e ngại. Ở bộ quần áo nâu rộng thùng thình, đầu tóc rối bù, cái nhìn mệt mỏi ơ hờ với sự vật trước mắt, cử chỉ đáng điệu của kẻ mộng du, người ta đã xếp Kiên vào một trong hai loại sau đây: hoặc anh là người điên khùng, hoặc là một ông đạo. Đối với cả hai hạng này, không có chị lái đò nào nỡ đòi hỏi khách qua sông phải sòng phẳng chuyện tiền nong. Nhờ thế Kiên tiếp tục cuộc hành trình nửa mê nửa tỉnh không gặp trở ngại nào. Mãi đến lúc mặt trời lên được hai con sào, anh mới cảm thấy đói, mệt. Đôi chân anh bủn rủn. Lòng bàn chân bắt đầu rát, và cảm giác rã rời, nhức nhối thêm đậm ở hai bắp chân và đầu gối. Không cố gắng thêm được nữa, Kiên phải dừng lại. Chọn một bóng mát ở một đoạn đường rộng, anh ngồi xuống

ngủ lấy sức. Theo thói quen, Kiên xếp bằng theo lối tĩnh tọa, mắt nhắm nghiền để điều hòa hơi thở.

Anh ngồi như thế không biết bao lâu. Ban đầu, anh còn nghe thấy tiếng chân người bước qua lại, tiếng khách bộ hành cười nói, rồi tiếng thì thảo, thắc mắc khi họ đi qua trước anh. Về sau, đắm mình vào nhịp độ chuyển hóa của thân thể, anh không còn nghe gì nữa. Lúc mở mắt, Kiên thấy con đường vắng, và mặt trời lên cao in bóng râm làm đường viền dọc hai bên dải đất sỏi. Ngay trước mặt anh, ai đó đã đặt một nải chuối chín vàng, đồ “cúng dường” của một đạo hữu vô danh dành cho “ông đạo”.

✱

Ăn xong, Kiên lại lên đường. Và anh khắp khởi, rộn rã trong lòng khi nhận ra rằng con đường này dẫn anh lên An Thái! Kiên nghĩ:

– Kỳ diệu thay, hình như mọi sự đã được xếp đặt trước cả rồi. Lá rụng thì về cội. An Thái! An Thái! Phải rồi, dù đi đâu chẳng nữa, trước hết ta phải về thăm lại mộ mẹ đã!

Nhờ có chủ định và bụng no, Kiên bước nhanh hơn. Anh tránh đi đường lớn đông người. Chọn nẻo khuất, nếu cần phải đi vòng, miễn là khỏi tạo tò mò cho lũ con nít và những người rồi việc ở hai bên đường. Vì thế mãi đến chiều xế Kiên mới ra tới vùng mấy đám ruộng miếu.

Kỷ niệm thời niên thiếu dồn dập hiện về, khiến anh bồi hồi xúc động. Hơn hai

mười năm qua rồi, kể từ thời gia đình anh tránh nạn từ Thuận Hóa vào đây nương náu. Cái xóm nhỏ có nhà Hai Nhiều ở phía kia. Cây gạo bên chợ An Thái còn đó. Trước mặt anh là những đám ruộng miễu mà mấy cha con anh (cùng với hai chú học trò nhỏ Lữ, Huệ) đã đổ biết bao mồ hôi mới chặt hết gai, lượm đá, phát cỏ, lấp chỗ trũng, san bằng giống đất cao để biến một vùng hoang hóa thành ruộng cày. Nhưng sao ở đây không có sự sống? Ruộng đất khô cằn, cỏ lác mọc đầy che lấp các bờ ruộng. Chiến tranh! Phải rồi. Xóm làng vắng đàn ông. Sức đàn bà trẻ con yếu ớt chỉ đủ cày cuốc tạm bợ mấy đám ruộng ven đường và dọc theo các nương nước. Vùng ruộng xa và cao như ở đây có lẽ đã bị bỏ hoang quá lâu, lớp cỏ sau mọc chồng lên lớp cỏ trước. Kiên thấy cay cay ở hai mắt, lòng ngùi ngùi.

Anh vạch cỏ tìm đường lên gò Miếu. Vẫn còn cái miếu hoang đó, tuy mái trước đột nát để trơ những cây kèo mục phơi mưa nắng. Một cây cao mọc cạnh miếu bị gió thổi bật gốc, ngã đè lên tấm bình phong bằng vôi trước miếu, làm sập vỡ hẳn một nửa. Cỏ dại che kín gần hết các bức tường. Cảnh đổ nát hiu quạnh, nhưng lòng Kiên đột nhiên rộn rã khi anh nghĩ:

– Hay ta dừng lại ở đây? Có thể lập am ở cái miếu hiu quạnh này không? Mẹ ơi! Nếu mẹ linh thiêng, xin mẹ phù hộ cho con chống chọi được cuộc thử thách cuối cùng này, cho con được “an cư” ở chỗ mà hơn hai mươi năm trước gia đình ta đã an cư. Mẹ có nghe lời con cầu khẩn không?

Kiên khóc thành tiếng lúc nào không hay. Gió chiều đưa bật tiếng khóc khao khao của anh ra phía đồng khô cỏ úa!

Chương 80

Trong điện Quang Văn chiều hôm ấy chỉ có một mình Chính Bình vương và quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ. Nguyễn Huệ ngồi trên cái sập sơn son thếp vàng, một chân gác trên sập, chân kia bỏ thông xuống nền điện. Vạt áo bào vàng che lấp bàn chân trên sập. Nhưng Trần Văn Kỷ có thể thấy bàn chân kia của Nguyễn Huệ để trần. Hai chiếc hia gấm nằm ngả nghiêng ngay dưới cái bàn thấp trên có đặt nhiều giấy tờ, một lọ sứ cao cổ để đựng bút, một cái nghiên mực son, khay trà trên sập còn bốc khói thơm.

Trần Văn Kỷ được Nguyễn Huệ vò vào có việc khẩn, lòng khá lo lắng, nhưng khi thấy thái độ ung dung thoải mái của Chính Bình vương, ông cảm thấy an tâm. Nguyễn Huệ trở cái ghế cạnh sập, thân ái bảo:

– Ông ngồi xuống đây. Lại có tin buồn rồi, quan Trung thư ạ.

Trần Văn Kỷ ngồi xuống ghế, ngừng lên chờ Nguyễn Huệ nói tiếp. Nguyễn Huệ cầm một tờ giấy trên bàn đưa lên nói:

– Ông cụ xứ Nghệ lại viết thư chối từ. Ông đọc đi.

Trần Văn Kỷ đưa hai tay nhận lá thư phúc đáp của La sơn phu tử. Nguyễn Huệ ân cần hỏi:

– Ông có mang kính theo không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Bẩm Vương thượng, có đây ạ.

Trong khi quan Trung thư lệnh lấy kính ra mang, Nguyễn Huệ lại hỏi:

– Cô út nhà ta tên gì?

Trần Văn Kỷ không hiểu Chính Bình vương muốn hỏi gì, vừa đeo kính vào vội giở kính ra, hấp háy mắt ngập ngừng nói:

– Bẩm Vương thượng hỏi gì ạ?

Nguyễn Huệ mỉm cười, hỏi lại:

– Tôi muốn biết tên cô út của ông. Có phải ông có một cô con gái út không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Bẩm vâng. Nhưng cháu nó...

Nguyễn Huệ cười lớn:

– Thôi. Ông hãy đọc thư của La sơn phu tử đi đã.

Trần Văn Kỷ lại mang kính vào, cúi xuống đọc:

“La Sơn Nguyệt ao, tiện sĩ Nguyễn Khải Xuyên cúi đầu kính cẩn viết thư dâng Đại nguyên súy Tổng quốc Chính Bình vương.

Mùa xuân năm ngoái, hai quan ở quý quốc đem thư mời và lễ vật lại, chịu khuất mình rất kính cẩn mà truyền rõ ý chỉ. Tiện sĩ không dám nhận thịnh lễ ấy và đã kính cẩn đáp thư. Những lễ không ra được, nói đã rất đủ.

Mùa thu này lại thấy hai quan thân tín đưa thư và lễ vật tới ân cần truyền ý.

Vương thượng, anh tư tốt bậc khác hẳn người thường. Lòng thành chuộng

lành so với Văn Vương, Huyền Đức chẳng hề kém thua.

Trộm nghĩ, tiện sinh này thô thiển, vụng về, già nua hèn yếu, đã không có tài Gia Cát, lại không có sức Thái Công.

Vương thượng muốn hậu đãi quá cao. Đối với cái thịnh danh ấy, sự thật khó mà xứng được. Thế đạo trọng trách ấy sao đủ gánh vác được.

Gần đây, mình lại rất suy hèn, thường khi đau lưng, đau gối. Từ tiện sinh đến cả nhà, không có ngày nào là không thuốc thang. Bối rối thay! Tự mình cứu mình chưa xong, sao cứu nổi được dân?

Mong Vương thượng đừng nghe người bàn quá, và để tiện sinh được ở yên cho trọn vẹn. May ra mới di dưỡng được tâm thần, sống thêm chút đỉnh. Để ngày khác,

đứng ngoài mà làm một người cố vấn dự bị, thế mới phải hơn.

Đã can phạm tới uy nghiêm, nên sợ hãi khôn xiết. Xin Vương thưởng lượng cho, thứ cho. Thế là may.

Tiện sinh Khải Xuyên cúi đầu kính cẩn mà phúc thư.

Có bản riêng kể những tiền bạc, lễ vật mà tiện sinh nhất thiết không dám nhận, và xin giao cho mệnh quan nạp lại y nguyên.

Chiêu Thống năm đầu, tháng chín, ngày mồng năm” (1787) [Trích trong La sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn, trang 103, 104]

Trần Văn Kỷ đọc xong, lòng buồn rười rượi. Như vậy là một lần nữa, bậc danh sĩ số một của Bắc Hà lại từ chối lời

mời cộng tác của Phú Xuân. Ông giả vờ đọc tiếp, cố trì hoãn cái lúc phải bàn luận với Chính Bình vương về thất bại này.

Nguyễn Huệ có lẽ nóng ruột vì chờ khá lâu, hỏi:

– Ông dùng trà chứ?

Trần Văn Kỷ vội ngẩng lên đáp:

– Xin cảm ơn Vương thượng. La sơn phu tử lại lấy cớ tuổi già thân bệnh để tránh né. Có lẽ ta...

Nguyễn Huệ cắt lời Trần Văn Kỷ:

– Ông định nói là ta không cần phải nài nỉ thêm nữa chứ gì? Ta hạ mình như vậy là quá đáng chứ gì? Có đúng thế không?

Trần Văn Kỷ đành phải gật đầu thú nhận:

– Bẩm đúng như vậy!

– Ban đầu ta cũng bức dọc rồi nghĩ y như vậy. Phú Xuân chúng ta có quá nhiều mối lo, thì giờ đâu nhọc lòng chiều lụy một ông già xứ Nghệ già nua, ốm yếu. Nhiều người còn báo với ta là La sơn phu tử còn bị chứng bệnh cuồng nữa. Phải. Ta đã có quá nhiều mối lo rồi. Thái úy Phạm Văn Hưng vừa báo cho ta biết tình hình Gia Định rất xấu. Bọn thằng Chùng vừa ở Xiêm về là Nguyễn Văn Trương đã đem binh thuyền ra hàng. Chùng liền phong cho tên phản trắc đó chức Tiên phong chưởng cơ, rồi xui hấn tiến chiếm Trà ôn. Có lẽ Đông Định vương không chống nổi bọn thằng Chùng đâu. Trước sau gì cũng mất Gia Định. Ngoài Thăng Long Nguyễn Hữu Chỉnh đang múa gậy vườn hoang, định đòi cả Nghệ An như ông đã thấy. Còn Qui Nhơn nữa. Nhà

vua có chịu để cho ta yên không? Gia Định, Qui Nhơn, Thăng Long, việc nào giải quyết trước việc nào sau? Ý ông thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp sau một lúc do dự:

– Mỗi nguy lâu dài vẫn là Gia Định.

Nguyễn Huệ vỗ mạnh tay lên vế nói lớn:

– Đúng. Ta cũng thấy trước như ông. Nhưng muốn gỡ mối nguy đó, ta còn nhiều cái vướng. Vả lại, cái gốc của nguy hiểm không nằm tại Gia Định, mà nằm ở đây, trong đầu óc của mọi người, nhất là trong đầu óc của lớp nhà nho các ông. Ta kéo quân vượt Lũy Thầy phải trưng cờ “phù Lê diệt Trịnh”. Tên Chung ở Xiêm về, ta đoán thế nào hắn cũng rêu rao chuyện “khôi phục” để lấy lòng người.

Đấy, mấu chốt là ở đấy. Cho nên ta đành phải chiều lụy ông lão xứ Nghệ một lần nữa vậy. Ông thảo ngay cho ta bức thư khác. Lần này phải ràng buộc thế nào để ông lão chỉ còn có tiến chứ không thể thoái. Làm sao dồn ông lão đến chỗ hết biện bạch. Có phải ông lão chê anh em ta là bọn mán mọi dốt nát, là bọn võ biên cục mịch, không thêm ra phải không? Ta tin tưởng ở sự khéo léo của ông.

Trần Văn Kỷ bản khoản hỏi:

– Bẩm... đến hôm nào thì trình bản thảo cho Vương thượng?

Nguyễn Huệ trở cái bàn kê cuối phòng, ở cánh tả của điện:

– Ngay bây giờ. Ông có thể ngồi ở cái bàn kia. Có sẵn nghiên bút và mấy quyển giấy tốt đang ấy.

Vừa lúc đó, quân hầu vào bẩm có quan thượng thư bộ Hình là Thuyên quang hầu Hồ Công Thuyên xin yết kiến.

*

Sau vài lần sửa chữa, Trần Văn Kỷ đã thảo xong lá thư gửi cho La Sơn phu tử. Thư viết như sau:

“An nam Đại nguyên súy, Tổng quốc Chính Bình vương, kính thư gửi để La sơn phu tử xét rõ:

Ngày trước, lần thứ hai, sai sứ thân thay quả nhân tới đón mời phu tử. Nay sứ về tâu rằng: Phu tử từ không ra, bởi vì già yếu.

Quả đức buồn mà tự phàn nàn và tự ân hận khôn xiết. Nghĩ đi nghĩ lại, những

tăng lòng cảm thấy vận hội năm trăm năm trước, năm trăm năm sau sắp tới nơi.

Nay thử xét ý phu tử, thấy có ba lẽ này mà phu tử không thêm ra chẳng:

Anh em quả đức nguyên chỉ tro trọi là những người áo vải chân đất nổi lên ở phương Tây. May mà đánh được tội yếu và dút được kẻ hèn, gây dựng nên nghiệp bá, chưa ắt đã phải là bậc chân nhân. Ấy là một lẽ.

Từ lúc khởi binh đến nay, thân trải trăm dặm, sùng chuộng võ uy. Chưa chắc đã khỏi làm việc bất nghĩa, giết kẻ vô tội để lấy được đất nước. Ấy là lẽ thứ hai.

Mời kẻ hiền, tuy là thành tâm sai sứ đến nhà, nhưng không chịu thân hành đến chào đón. Đối với bậc xưa như kẻ chăm chăm ba lần tới đón, như kẻ thành cần ba

lượt tìm mời thì khác xa. Ấy là lẽ thứ ba.

Vì ba lẽ ấy mà phu tử không thềm đến. Thật là phải vậy. Nhưng vì gánh lấy việc binh dân nặng nề, công việc xếp đặt rất bề bộn: sự làm đúng hay sai quan hệ không phải là nhỏ. Nên suốt ngày quả đức không dám rời ra một bước. Đã không thể thân hành tới cửa tiên sinh mà đón, quả đức rất lấy làm ân hận. Điều ấy không phải là dối, bày đặt ra đâu. Mong phu tử lấy đạo rộng lượng xét cho thì may lắm.

Vả chẳng quả đức sinh ở chỗ hẻo lánh, học ở sự nghe trông. Gặp thời thế này, bắc đẩu dĩ phải khởi binh. Những người giúp việc trong nhất thời đều là kẻ chiến đấu mạnh bạo. Trong lúc dùng quân không thể không xâm chiếm, tàn phá. Đạo trị dân đại để có nhiều điều làm cứng cõi và phiền nhiễu. Tuy là tội ở những người ấy, nhưng kỳ thật là vì giúp việc chưa ai. Ấy

là tội quả đức chưa biết cầu hiền để giúp đỡ.

Kẻ danh thế thỉnh thoảng ra đời. Quả đức hăng nghi và mơ tưởng đến. Trong mười lăm năm đến bây giờ, chưa hề phút nào dám quên. Không ngờ nay, trông lên thành Lục niên có người tài đang ở đó. Ấy là Trời để dành phu tử cho quả đức vậy. Tuy phu tử không thêm tới, nhưng lòng dân đen trông ngóng. Phu tử nữ ngơ lãng được sao? Lòng cầu hiền, quả đức há dám sinh bụng đầu siêng sau lãng đầu.

Nay riêng sai... kính cần mang thư lại đón. Mong phu tử soi xét đến tấm lòng thành, vụt dậy mà đổi bụng, lấy lòng vì Nghiêu Thuấn quân dân mà dạy bảo, giúp đỡ. Quả đức xin im nghe lời dạy bảo, khiến cho quả đức thỏa được lòng ao ước tìm thấy, và đời này được nhờ khuôn phép của kẻ tiên giáo. Thế thì may lắm lắm.

Nay kính thư.

Thái đức năm thứ mười, tháng chín, ngày...” (1787) [Trích trong La Sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn, trang 105, 106, 107]

Trần Văn Kỷ đọc lại bản phác thảo một lần nữa, chữa lại các chữ không được rõ, xóa các chữ không được trang nhã. Ông tạm bằng lòng với bản nháp, lòng pha trộn lẫn lộn nào kiêu hãnh, nào phân vân. Lúc đó, Chính Bình vương đang to tiếng với Thuyên quang hầu:

– ...Này, ta nhắc lại cho ông nhớ một lần nữa, là từ nay về sau đừng quấy rầy ta về những chuyện lăng nhăng như thế. Bên bộ Hình các ông hết việc rồi chẳng? Bọn con cháu họ Nguyễn đã thôi xúi giục dân Thuận Hóa trốn lính chưa? Các chùa chiền đã hết giấu chuông chưa?

Bọn cướp của giết người đã hết quấy phá xóm làng chưa? Ngay ở kinh thành này, bọn bội phản nhị tâm còn bao nhiêu người? Ông trả lời đi!

Hồ Công Thuyên cúi đầu im lặng.

Nguyễn Huệ tiếp:

– Các ông lánh việc nặng, tìm việc nhẹ, nên chuyên bươi móc những cái lật vật để hại nhau. Hay chỉ vì chia chác không đều mà sinh chuyện?

Hồ Công Thuyên run run đáp:

– Bẩm Vương thượng, tôi cũng thấy chuyện này không quan trọng đến nỗi phải tâu lên làm rầy Vương thượng. ở Tàu vụ không có việc này thì việc kia. Đáng lẽ bộ Hình giải quyết được rồi. Nhưng ông Bùi Đắc Tuyên khuyên tôi nên tâu cho Vương thượng để đề phòng.

Ngoài vụ rắc rối ở Tàu vụ, hẳn còn lem nhem với các ghe buôn gạo nữa. Mới tháng trước đây...

Chính Bình vương mất kiên nhẫn, giọng thêm gắt gỏng:

– Nếu ông tiếp tục làm việc theo kiểu này, sẽ đến lúc vợ chồng người ta ghen tuông đập vỡ một cái chén cũng kéo nhau đến xin gặp quan thượng thư bộ Hình. Thôi, ông đem mớ giấy tờ này về. Ông có thể lui được đấy.

Chợt thấy Trần Văn Kỷ tiến về phía mình, Nguyễn Huệ vội chữa:

– Không. Ông rảnh quá thì ta giao việc cho ông làm đây. Xong rồi chưa quan Trung thư? Cho ta xem nào. Dài nhỉ. à này, quan Hình bộ chịu khó ra ngoài tiền sảnh đợi ta một chút.

Chờ cho Hồ Công Thuyền ra khỏi,
Chính Bình vương mới hỏi Trần Văn Kỷ:

– Chuyển này giao cho Thuyền quang
hầu cầm thư ra Nghệ An, được không?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Lần trước, giao việc cho Danh
phương hầu và Giác lý hầu. Một vị là
lưu thủ, một vị là thị lang. Lần này cử
một quan thượng thư đi, tất nhiên La
sơn phu tử phải thấy rõ nhiệt tâm thiện
chí của ta. Chỉ sợ Thuyền quang hầu đa
đoan công việc.

Nguyễn Huệ không đáp, cúi xuống
chăm chú đọc thư. Đọc một lúc, Nguyễn
Huệ ngược lên hỏi:

– “Những tảng lòng cảm thấy vận
hội năm trăm năm trước, năm trăm năm
sau sắp tới nơi”. Nghĩa lý thế nào?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Bẩm do câu: “Sông Hoàng hà cứ năm trăm năm nước lại trong một lần. Lúc ấy trong nước có thánh nhân sinh ra”.

Chính Bình vương gật gù, rồi chăm chú đọc tiếp. Trần Văn Kỷ hồi hộp thấy nét mặt Nguyễn Huệ đăm chiêu, hai lông mày nhíu lại như khó chịu, rồi bần khoăn. Vương định nói gì đó, nhưng đổi ý, tiếp tục đọc xuống đoạn dưới. Nét mặt vương tươi dần, gật gù, tỏ vẻ khoái chí. Đột nhiên Nguyễn Huệ đập tay xuống mặt sập, hớn hờ nói:

– Hay lắm. Ông lão đã kể ba lẽ không ra, nay ta gán cho ba lẽ khác mà ông lão không thể nhận. Giọng thư vừa thành thực để cảm động được lòng ông lão, vừa mỉa mai để ông lão phân vân. Ta cố

ý làm sao cho ông lão núng lòng, trả lời không được. Gán cho ông lão ba lẽ mà ông lão phải chối, mà chối những lẽ ấy, tức là phải nhận ra hợp tác với ta là lẽ phải. [Theo ý của Hoàng Xuân Hãn trong La sơn phu tử, trang 107.]

Nguyễn Huệ đọc lại một lần nữa, lâu lâu mỉm cười liếc về phía Trần Văn Kỷ để tỏ lòng hân hoan, khen ngợi. Đột nhiên, Nguyễn Huệ mím môi suy nghĩ, rồi ngược lên hỏi:

– “Anh em quả đức, nguyên chỉ trợ trọi là những người áo vải, chân đất nổi lên ở phương Tây”. Ông thấy đã chinh chưa? “Áo vải, chân đất” đó là chúng tôi tự hãnh diện mà xưng vậy, chứ đối với sĩ phu Bắc Hà, họ thâm nghĩ anh em chúng tôi là một tội mán mọi, một tội ấp trướng. Không nên né tránh, quan Trung thư ạ. Cứ viết thẳng thừng những

gì họ nghĩ. Chữa lại đi. “Anh em quả đức nguyên chỉ trơ trọi là một tội ấp trứng nổi lên ở phương Tây”. Cứ viết như vậy đi! Còn phần cuối thì điền tên quan thượng thư bộ Hình Thuyên quang hầu vào. Ngày tháng để ngày hôm nay. Mười ba rồi phải không. Vâng, để ngay hôm nay. Ông cho chép lại gấp đi, sẵn tiện ông báo cho Thuyên quang hầu biết, để sứ bộ khởi hành ngay sáng mai.

✱

Hồ Công Thuyên ngồi chờ trên cái ghế gỗ đặt sát bức tường ván đánh bóng của tiền sảnh, lòng thắc thỏm không yên. Thấy tên lính hầu lâu lâu liếc về phía mình, quan thượng thư ngồi ngay người trên ghế để giữ thể diện, hai bàn tay đặt lên đầu gối, mắt nhìn thẳng tới trước.

Nhưng chẳng bao lâu, quan thượng thư quên hẳn việc giữ thể diện, ngồi chồm hủn về phía cửa vào văn phòng Chính Bình vương, bàn tay vo nhàu cả vạt áo triều. Quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ đi ra, nhìn về phía Hồ Công Thuyên mỉm cười. Quan Thượng thư hơi yên tâm, đã định chạy lại hỏi chuyện nhưng cuối cùng đã dần lại được, cố ngồi yên tại chỗ đợi Trần Văn Kỷ tới.

Trần Văn Kỷ đến ngồi trên chiếc ghế sát cạnh Thuyên, vui vẻ bảo:

– Ngày mai ông phải đi sớm đấy.

Thuyên giật mình, giọng hỏi hơi run:

– Vào Qui Nhơn hay Gia Định?

Trần Văn Kỷ cười nhẹ:

– Không. Ra Nghệ An!

– Sao lại ra Nghệ?

– Ông cầm đầu sứ bộ đi cầu hiền. La sơn phu tử ở Nguyệt ao, chắc ông đã nghe Giác lý hầu Lê Tài nói chuyện rồi chứ gì?

Quan thượng thư thành thật nói:

– Dạ không. Gần đây bộ Binh với bộ Hình có nhiều chuyện hiểu lầm. Mấy cái vụ khép án các tùy tướng của quan đô đốc Tuyết trong chuyện trưng binh, ngài biết rồi chứ.

Trần Văn Kỷ không biết gì cả, nhưng không muốn cà kê, vội đáp:

– Biết. Tôi cũng đang lo âu, nên hạ thấp giọng hỏi Trần Văn Kỷ:

– Chỗ thân tình, xin hỏi riêng ngài điều này, ngài đừng phiền nhé.

Trần Văn Kỷ xua tay nói:

– Không đâu. Giữa tôi với ông... Có gì, ông cứ nói.

Hồ Công Thuyên ghé sát tai Trần Văn Kỷ, hỏi thăm:

– Thời hàn vi, Vương thượng có mắc ân nghĩa gì với ông Lợi không?

Trần Văn Kỷ vội hỏi:

– Lợi nào?

– Lợi làm bên bộ Hộ ấy. Cái anh lạnh lẽo thường ra vào phủ nhiều lần lắm. Tôi có nghe nhiều người kháo nhau là chị vợ anh ta trước đây là...

– À, tôi biết rồi. Đúng. Anh ta giúp việc cho nhà vua từ lúc gia đình còn buôn trâu ở Tây Sơn. Chị vợ anh ta, bà An đấy mà, vâng, chị vợ anh ta... cũng đúng như

thiên hạ đồn. Nhưng có chuyện gì vậy?

Hồ Công Thuyền hơi ngả người về phía sau, giọng giải bày đượm vẻ thành khẩn, chua xót:

– Ngài tính, anh ta lanh quá, nên đơn khiếu tố anh ta lên cả chồng cao thế này này. Nhất là Tàu vụ trong cửa Hội, và bọn lái buôn giữa Hội An với kinh đô. Bên bộ Hộ cũng có nhiều thư nặc danh tố cáo anh ta đủ điều. Tôi có nghe phong thanh liên hệ giữa anh ta và gia đình... và hoàng gia, nên làm ngơ. Nhưng Ông Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) cứ thúc giục tôi, bảo phải báo động lên Vương thượng. Ông Tuyên là người nhà của Vương thượng, nên tôi mạnh dạn. Ai ngờ...

Trần Văn Kỷ hiểu hết chuyện, cười xòa, vỗ vai Thuyền an ủi:

– Thôi, chờ lúc khác đi. Hiện giờ Vương thượng bạn biết bao nhiêu việc, mà việc nào cũng là việc sinh tử cả. Ông gắng thành công chuyến này, mọi sự khác tất dễ dàng.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

– Nhưng... việc gì phải cầu khẩn ông già điên ấy thế? Ông ta có phép thần thông, hay là có thuật trường sinh?

Nói xong, Thuyên mới biết mình nói hớ. Trần Văn Kỷ nghiêm mặt đáp:

– Ông không hiểu hết việc lớn đâu. Chốc nữa, khoảng xế ông lại đăng tôi để nhận thư và lễ vật. Người tháp tùng thì tùy ông chọn. Tôi còn phải lo cho xong nhiều việc khác. Ông về nhé. Nhớ xế chiều đấy.

Chương 81

Sau khi Kiên bỏ nhà trốn đi, cả gia đình hết sức lo âu. Người lo hơn hết là Nguyễn Phúc Liệu. Lấy cớ đi thăm một người bạn bị bệnh nặng, Liệu trốn khỏi Bằng châu khoảng nửa tháng, khi biết chắc Kiên không đến tạm trú ở dinh Đông Định vương, anh ta mới trở về. Bấy giờ Liệu mới đoán rất chính xác rằng với bản tính thụ động, dè dặt, Kiên chỉ có thể trốn ở đâu đó mà thôi.

Liệu tính toán hơn thiệt, và mạnh dạn cho đàn em tung ra nguồn tin: trước

khi về núi (núi nào, không cần xác định) gặp tôn sư để nhận y bát, “thầy cả” có để lại một số câu sấm để “cứu đời”. Sấm bảo thế này, thế này... Mặc sức cho bọn Liệu lồng vào các câu thơ lục bát kém cỏi về vần điệu, mù mờ về ý nghĩa tất cả dụng tâm tạo loạn của mình. Bọn Liệu khỏi cần phải nhọc công đi đến các phiên chợ, bến đò để truyền bá các câu sấm giả. Họ chỉ cần ngồi nhâm nhi uống rượu ở quán. Ai đến tìm “ông đạo” họ lấy tư cách người nhà, hoặc học trò của ông đạo để ân cần tiếp đãi, xin lỗi về chuyện “Đức Thầy” phải tạm bế quan, sau cùng, họ ồm ờ như vô tình đọc cho “khách tầm đạo” nghe các câu sấm đã soạn sẵn. Kết quả thật quá sức mơ ước của Liệu: không đầy nửa tháng sau, khắp Qui Nhơn xôn xao vì “sấm đức thầy”. Những câu thơ lục bát sai vần, ý tứ mâu thuẫn điên rồ vốn là chất bài tiết của một lũ dốt,

lại có một sức cuốn hút ma quái. Trong cơn dao động thắc thỏm chung, người ta không còn tin ở những điều hợp lý, sáng sủa. Mà lời tiên tri bao giờ cũng bí hiểm. Cái quán rượu ở bãi tắm ngựa, một lần nữa, lại đông đúc. Thiên hạ đổ nhau về đây để nghe bọn Liêu bàn sấm. Tay chân của Liêu bàn sấm thì dở, mà uống rượu thì hay. Hơi men khiến chúng quên cả dè dặt, giải sấm quá rõ. Khách thập phương bắt đầu ngờ ngợ, cảm thấy có điều gì không ổn. Chẳng lẽ sấm đức thầy lại chỉ tiên đoán những điều vụn vặt, cụ thể như vậy hay sao? Một đám lửa ngờ mau chóng làm nên đám cháy. Bùi Văn Nhật ra lệnh bao vây am và tóm gọn tất cả bọn Liêu. Âm mưu bị phát hiện, lúc ấy cả triều đình mới sững sờ, kinh hãi trước hành động, toan tính táo tợn của Nguyễn Ánh. Dù chưa tìm ra tông tích Kiên, nhưng từ nhà vua cho đến Bùi

Văn Nhật đều ngờ Kiên là người của Gia Định. Bấy giờ, mặc sức thiên hạ bàn tán xôn xao, làm quà cho nhau bắt đầu bằng hai tiếng “hèn gì”.

– Hèn gì hấn bỏ không thềm làm việc quan, giả vờ đi tu. Hấn sợ Gia Định bắt tội ấy mà.

– Hèn gì hấn cố làm thân với Đông Định vương. Gớm thật, gài nội ứng tận trong ruột hoàng gia.

– Hèn gì mỗi lần gặp tôi, hấn không dám nhìn thẳng. Đôi mắt hấn quìn quịt, hoặc ngó xuống hoặc ngó lên trên cao. Mắt kẻ gian bao giờ cũng thế!

– Biết đâu cả họ nhà nó đều là nội ứng. Phải rồi. Vì sao không dựng đang làm quan lớn ở Phú Xuân, cả nhà bỗng bế nhau vào ăn ở cái xó An Thái? Nhất

định là triều đình Phú Xuân nghe được câu sấm “Tây khởi nghĩa, bắc trâu công”, sợ quá mới cho lão giáo Hiến vào đây dò xét trước. Ghê thật. Hèn gì lão giả vờ mở trường dạy học, để làm nhụt chí anh em hoàng thượng. Hèn gì...

Tin tức Qui Nhơn mau chóng bay ra Phú Xuân, theo đường các ghe buôn mắm. Lợi nghe được, sợ đến xanh mặt, vội về nhà gọi An đến bảo nhỏ:

– Nguy rồi em ạ. Phải tính chuyện trốn thôi!

An chưa hiểu chuyện gì nhưng cũng sợ đến ngọt thở. An đưa tay lên ngực, đôi mắt sợ hãi nhìn chồng:

– Việc gì thế anh? Sao em nghe Lãng nói lão Thuyên bị mắng cho một trận, rồi bị gửi ra Nghệ rồi!

Lợi thấy An run quá, thương hại, dìu vợ đến ngồi trên cái phản gụ, cố lấy hết bình tĩnh bảo:

– Không phải chuyện đó. Chuyện anh Kiên kia!

An càng hoảng sợ hơn:

– Anh Kiên làm sao? Anh ấy... anh ấy mất rồi à?

Lợi đang lo âu mà cũng phát bật cười:

– Không. Em quần trí rồi. Anh ấy chết thì việc gì ta phải trốn.

– Thế thì việc gì? Anh nói mau không em chết hoảng mất!

– Anh ấy dính vào một vụ mưu loạn trong Qui Nhơn.

An tức giận đến to tiếng:

– Vô lý. Hoàn toàn vô lý. Một người như anh Kiên thì...

Lợi cắt lời vợ:

– Nhưng để cho anh nói hết đã. Chuyện ông chủ ghe ruốc kể có đầu đuôi lắm, không vô lý đâu. Thế này nhé...

Lợi kể qua các tin tức Qui Nhơn cho An nghe. Lợi càng kể, An càng sợ hãi. Nguồn tin ấy đáng tin cậy vì quá hợp lý. Lợi kể xong, An run run hỏi:

– Họ đã bắt được anh Kiên chưa?

– Chưa. Hồi ghe khởi hành, thì chưa, không biết hiện nay thế nào.

– Hay họ đã bắt được, và đã giết anh ấy rồi. Lão Bùi Văn Nhật vốn không ưa gì nhà mình, phen này mặc sức!

Rồi An thút thít khóc. Chị vừa khóc vừa kể:

– Tội nghiệp anh ấy. Cả đời gặp toàn chuyện hẩm hiu, đến nỗi đi tu mà cũng không yên. Vợ con thì nhặt của thừa. Anh em xa cách, sống không ra sống. Nhất định lão Nhật sẽ hành hạ anh ấy để thỏa cái hận ngày trước. Khổ. Nhục. Chết không toàn thây.

Càng nói, An càng khóc lớn. Lợi can:

– Em đừng làm ầm lên. Phải bình tĩnh để còn gỡ rối cho mình nữa chứ.

An lại ngược lên hỏi:

– Lại còn chuyện gì rối nữa?

Lợi đưa tay choàng lên vai vợ, nói chậm rãi, gần như dỗ dành:

– Em quên là thế nào chuyện anh Kiên cũng đến đây à!

– Thì đã sao?

– Đúng là đàn bà. Đã sao ư? Lão Bùi Đắc Tuyên sẽ chộp lấy như bắt được vàng. Lần trước lão xúi bên bộ Hình hại anh mà không được. Cho người đến thương lượng để anh chia bớt mỗi buôn anh không chịu. Lão tố anh, anh lại không biết tố lão hay sao. Bằng có thiếu gì đấy. Nào vụ gạo, nào vụ muối. Lão không ra tay làm thì Đắc Trụ con lão làm, cũng thế thôi. Lão ý là anh ruột hoàng hậu, nhưng Bùi Văn Nhật trong Qui Nhơn cũng là anh ruột vậy. Thời thế đảo điên bát nháo, ruột rà đó rồi thành kẻ thù không đội trời chung với nhau đó. Cái gương trước mắt lão không thấy hay sao mà còn ý y vào tình ruột thịt.

– Nếu thế thì còn gì phải ngại?

– Không. Lần này nguy hiểm hơn. Lần trước lão chỉ nắm được vài cái chuyện vặt vãnh. Lần này, lão có thể xé chuyện anh Kiên ra thành chuyện lớn. Chẳng hạn từ chuyện anh Kiên, lão phao truyền là cả gia đình mình đều làm nội ứng cho Gia Định.

An tức tối nói:

– Lão muốn hại ai cũng được sao! Còn có anh Huệ đó, anh ấy tin được à!

– Tin được hay không còn tùy. Chẳng hạn nếu chỉ một mình lão Tuyên và tay chân lão tâu trình, thì anh ấy... thì Vương phải tin. Còn nếu cả em, anh và Lãng đều cố tìm cách đối phó, giải bày sự thật, thì trước khi tin Vương phải ngờ, đã ngờ phải tìm cho ra sự thật. Phải làm

sao tau trình việc này trước cả lão Tuyền.
Em làm được việc đó không?

An đỏ mặt nói:

– Làm sao em gặp anh ấy được.

Lợi cười, vỗ vai vợ nói:

– Gặp làm gì. Em chỉ cần đến thăm
Hoàng hậu, rồi qua thăm Công chúa.
Hình như Công chúa có con so nên bồi
rối lắm thì phải. Còn đối với Hoàng hậu
thì khó hơn. Nhưng tại sao em không
đem ngay chuyện Công chúa ra làm quà?
Đàn bà ai không ghen tuông. Sao em xịu
mặt xuống thế? Hãy nhớ đây là chuyện
sống chết của cả gia đình, của các con!

✱

Bùi Đắc Tuyên nhanh nhẹn hơn cả Lợi nữa!

Ngay sau khi được tin, Bùi Đắc Tuyên vội xin gặp Chính Bình vương. Nghe lính hầu báo Vương đang tiếp quan Trung thư, Tuyên sa sầm nét mặt. Ông vẫn thường phàn nàn với Hoàng hậu là Nguyễn Huệ đã quá tin ở tên thầy đồ Thuận Hóa, đã bị chữ nghĩa văn tự làm chóa mắt đến nỗi quên hết tình xưa nghĩa cũ, lơ là với những anh em đã từng vào sinh ra tử, bẻ củ khoai chia đôi, ôm nhau ngủ để quên lạnh. Bùi Đắc Tuyên còn thêm:

– Chú ấy mê chữ từ hồi nhỏ. Không vậy thì tại sao ra sức cứu mang lũ con cái bất tài của ông đồ Hiến. Ra đây, lại có ông đồ Kỷ. Không biết bao giờ mới diệt sạch được bọn mặt trắng tay không trói nổi gà mà mồm miệng cứ xoén xoét.

Chỗ anh em ruột thịt thì nói vậy, nhưng ra chỗ công khai, Bùi Đắc Tuyên phải vờ kính nể viên Trung thư lệnh. Trong thâm tâm, Tuyên cũng nhận rằng còn có nhiều điều mình chưa am tường, như kinh sách nhà nho, đạo trị nước, kinh nghiệm bang giao giữa nước này với nước khác... Thôi, tạm nhin vậy. Và Bùi Đắc Tuyên kiên nhẫn ngồi chờ.

Chờ mãi chờ hoài vẫn chưa thấy Trần Văn Kỷ ra. Bùi Đắc Tuyên sốt ruột, đứng ngồi cứ nhấp nhòm. Cuối cùng, quan Trung thư lệnh bước ra khỏi văn phòng Chính Bình vương, nét mặt dăm chiêu, trầm tư khiến cho điệu bước có vẻ uể oải, chậm chạp. Trần Văn Kỷ không trông thấy Bùi Đắc Tuyên ở tiền sảnh, nên sau khi hấp háy mắt cho quen với ánh nắng bên ngoài, quan Trung thư tiến thẳng ra

phía cửa lớn. Bùi Đắc Tuyên mím môi đứng bật dậy.

Ông bắt gặp Nguyễn Huệ đang chăm chú xem mấy tấm bản đồ. Trông thấy Tuyên, Chính Bình vương thân mật hỏi:

– Anh quê ở Duy Xuyên, có biết Bà Lỏa ở đâu không?

Bùi Đắc Tuyên quên cả nghi thức, hỏi lại:

– Bà nào vậy?

Nguyễn Huệ nói:

– Bà Lỏa, tên đất. Không phải tên người.

Tuyên lắc đầu, nỗi hận chưa chịu phai:

– Chịu thôi. Cả nhà tôi bỏ xứ vào Qui

Nhơn làm ăn đã lâu, không nhớ được gì ngoài Quảng hết. Gọi ông Kỷ vào tra cứu sổ sách là biết ngay, vì Duy Xuyên ở phía bên này Bến Ván, thuộc đất của ta.

– Ấy, tôi vừa cùng với quan Trung thư tìm khắp mà không được.

Bùi Đắc Tuyên định tìm một câu mỉa mai để hạ nhục Trần Văn Kỷ, nhưng tìm mãi không ra. Nguyễn Huệ không chú ý thái độ khác thường của ông anh vợ, nói tiếp:

– Hai tên phản trắc đó dám kéo quân ra Bà Lỏa ở Duy Xuyên để khiêu khích.

Tuyên vội hỏi:

– Ai thế?

Nguyễn Huệ cười nhạt, chậm rãi đáp:

– Một tên là Nguyễn Văn Duệ bỏ

trấn phủ Nghệ An trốn về Qui Nhơn. Một tên là viên hàng tướng bất tài Hộ bộ Bá. Chúng nó kéo quân Qui Nhơn ra khỏi ranh giới Bến Ván để mong chiếm lại đất Quảng Nam. Chúng nó không sợ chết hay sao chứ?

Mãi đến lúc đó, Tuyên mới tìm được một câu mỉa mai bọn đồ nho:

– Nguyên súy định bảo quan Trung thư thảo thư dụ hàng à?

Nguyễn Huệ không hiểu ý Tuyên, giận dữ nói lớn:

– Dụ hàng? Đánh cho chúng nó một trận, bêu đầu chúng nó ra chợ cho thiên hạ xem chứ dụ hàng! Tôi sắp giao việc này cho Võ Văn Dũng. Nhưng tội phản trắc này không đáng ngại. Chỗ đáng ngại là Gia Định. Thái bảo Sâm không cự nổi

với bọn tay chân tên Chủng đâu! Thanh thế nó đang lên. Chủng mà chiếm lại được Gia Định, thì cả Phú Xuân lẫn Qui Nhơn đều bị uy hiếp. Tôi định sai Phạm Văn Hưng đem vài trăm²⁰ chiến thuyền vào giúp Sâm. Chỉ sợ nhà vua thêm ngờ.

Bùi Đắc Tuyên không bỏ lỡ cơ hội tốt, vội nói:

– Vâng. Chắc chắn nhà vua phải ngờ.

Rồi vừa nói vừa dò phản ứng của Nguyễn Huệ, Tuyên tiếp:

– Không biết nhà vua có bệnh hoạn gì chẳng, hay là do tuổi già. Trước kia nhà vua sáng suốt biết bao! Giặc đã phục sẵn trong kinh thành, mà nhà vua còn sai thẳng Duệ đem quân ra Bà Lửa. Hay

20 Về số thuyền, các nguồn sử liệu ghi khác nhau: – Thực lục ghi ba mươi thuyền. – Letondal (RI, XIV, 1910, trang 53) viết thư ngày 7-11-1788 lại viết: Vào tháng 7-1788 viên bạo chúa ấy rất lo lắng về 300 hay 400 ghe mà ông gửi vào Đồng Nai.

là nhà vua bị bùng bít không biết được hết sự thực. Tôi nghi chính bọn nội ứng đã tìm cách xúi giục nhà vua chứ không ai khác.

Nguyễn Huệ đang đưa tay dò tìm gì đó trên bản đồ, vội ngừng lên nhìn Tuyên ngơ ngác. Vương do dự như chưa tin điều vừa nghe. Sau cùng, Vương hỏi:

– Bọn nội ứng ở Qui Nhơn? Anh nói gì thế?

Bùi Đắc Tuyên chỉ chờ có vậy. Ông kể thật tỉ mỉ vụ Nguyễn Phúc Liệu, không quên thêm thắt để biến Kiên thành kẻ chủ mưu kiên trì và quỉ quyết. Nguyễn Huệ lắng lắng ngồi nghe, lâu lâu đưa tay lên quệt đầu mũi. Tuyên nói xong, Nguyễn Huệ hỏi:

– Đã tìm được ông Kiên chưa?

– Chưa. Hắn để lại các câu sấm và một số câu hát ru em trước khi trốn đi. Không biết chừng hắn trốn ra đây rồi, vì hôm qua lúc đi ngang chợ, tôi đã nghe lũ trẻ hát mấy câu của hắn.

Nguyễn Huệ ngồi ngay dậy, tò mò hỏi:

– Câu gì vậy?

Bùi Đắc Tuyên cười nhẹ:

– Tôi đọc Nguyên súp đừng giận nhé!

Nguyễn Huệ sốt ruột:

– Sao lại giận. Anh cứ đọc tuốt hết đi, không nên e ngại gì cả.

Bùi Đắc Tuyên hắng giọng, làm ra vẻ sợ sệt, rồi nói:

– Chúng hát:

Tiệc thay cây quế giữa rừng

Để cho thẳng mán thẳng mừng nó
leo.

Nguyễn Huệ cười xòa:

– Câu này thì tôi đã nghe từ lâu, nghe từ ngoài Bắc Hà. Tôi chẳng giận gì cả, vì chính tôi cũng tự xưng là mán mọi. Còn câu nào khác không?

Bùi Đắc Tuyên cố giấu thất vọng, nói:

– Vài câu hát cổ ý xúi người ta đừng đi lính. Chẳng hạn câu:

Trời ơi sinh giặc làm chi

Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường.

Nguyễn Huệ lại cười lớn. Vương nói:

– Đàn bà thời nào chẳng thế. Anh

biết không, chính Công chúa cũng xúi
tôi học thuộc lòng Chinh phụ ngâm khúc
diễn nôm. Anh đã đọc khúc đó chưa.
Nhất định là chưa rồi. Thật tức cười. Làm
tướng xưa quân đánh nhau trăm trận mà
bị vợ bắt học nào những là:

*Quân trước đã gần ngoài doanh liễu
Kỵ sau còn khuất nẻo Tràng Dương
Quân đưa chàng ruỗi lên đường
Liễu dương biết thiếp đoạn trường
này chăng?*

Nào những là:

*Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn
Duy còn hồn mộng được gần
Đêm đêm thường đến giang tân tìm
người.*

Ngâm loại thơ đó lên cho quân sĩ nghe trước khi xuất quân, a ha, có lẽ không tên nào cảm nổi ngọn giáo nữa. Nhưng phải nhận thơ hay thật. Lệ thiếp nào chút vương bên khăn. Tội nghiệp quá. Lúc nào rảnh tôi sẽ đọc cho anh nghe thêm. Công chúa mang từ Bắc Hà vào đấy.

Bùi Đắc Tuyên khó chịu vì Nguyễn Huệ vô ý khen Ngọc Hân công chúa trước mặt mình. Tuyên cố lái câu chuyện sang hướng khác:

– Nhưng Nguyễn súp phải coi chừng bọn tay chân của Gia Định. Nguyễn Ánh đã cho người về đây lén lút xúi giục nổi loạn, trốn lính, loan tin thất thiệt. Luận điệu bọn này với bọn bị phát giác trong Qui Nhơn hoàn toàn giống nhau. Chúng nó là bà con thân thích với nhau cả.

Nguyễn Huệ bớt mơ mộng nên nhìn thẳng vẻ lo lắng trên khuôn mặt Tuyên. Vương vội hỏi:

– Đã tìm được manh mối chúng nó chưa?

Bùi Đắc Tuyên đáp ngay, như sợ không còn dịp nói nữa:

– Đã tìm ra rồi.

– Bọn nào thế?

– Ngay gần đây thôi. Chúng mai phục ngay trong lòng thành Phú Xuân này.

– Ai vậy?

– Thằng em rể của tên Kiên trong Qui Nhơn.

Nguyễn Huệ giật mình, nhìn đắm đắm vào mắt Bùi Đắc Tuyên hồi lâu. Bùi

Đắc Tuyên nhìn lại một lúc, bối rối, nhìn cao lên trần điện.

Nguyễn Huệ hỏi:

– Có bằng chứng gì mới không? Tôi nói “mới” vì trước đây bên bộ Hình cũng đã đưa lên một xấp đơn khiếu tố rồi.

Bùi Đắc Tuyên đáp:

– Lợi che chở cho bọn lái buôn Gia Định, mượn thế thần can thiệp vào việc riêng của Tàu vạ. Ai cũng biết hầu hết bọn lái buôn này là tay chân của Nguyễn Ánh. Lợi giàu có mau chóng nhờ thóc gạo Đồng Nai, và nhờ kho tiền Gia Định chu cấp.

– Còn gì nữa?

– Lợi lại là em rể Kiên.

Nguyễn Huệ gắt:

– Điều đó tôi biết rồi! Anh có dẫn ông thượng thư bộ Hình theo đấy không?

Bùi Đắc Tuyên ngơ ngác hỏi:

– Nguyên súy có cho gọi hấn đâu?

Nguyễn Huệ cười nhạt bảo:

– Hấn với anh cùng một nhóm mà!

Bùi Đắc Tuyên trở nên liều lĩnh, bạo dạn nói:

– Nếu Nguyên súy không tin, thì có đưa bao nhiêu bằng cứ cũng vô ích. Tôi nóng ruột trước đại cuộc, nên xin nhắc cho Nguyên súy rõ: bọn tay chân Nguyễn Ánh hiện có mặt tại Phú Xuân.

Nguyễn Huệ đáp cộc lốc:

– Cảm ơn. Tôi sẽ xem lại.

Bùi Đắc Tuyên thấy Nguyễn Huệ lại

tiếp tục xem tấm bản đồ, tự hiểu đã đến lúc cáo từ. Ông đứng dậy chấp tay vái chào Chính Bình vương. Nguyễn Huệ gật đầu chào lại, mắt không rời tấm bản đồ.

✱

Hồi đó Lãng thường đến nhà quan Trung thư lệnh Trần Văn Kỳ. Ban đầu, Lãng đến vì việc công. Khoảng mùa đông năm Đinh Vị (1787) và mùa xuân Mậu Thân (1788), Phú Xuân phải đương đầu với không biết bao nhiêu cuộc thử thách, chủ yếu là nỗi khó khăn về kinh tế và niềm thao thức tìm kiếm một trật tự mới trong mọi người. Kẻ nhận rõ tầm mức của khó khăn và thao thức hơn ai hết, là Chính Bình vương. Kẻ có đủ khả năng nhận thức để chia sẻ gánh nặng của mọi

thử thách vừa thực tiễn vừa trừu tượng này, kẻ có đủ điều kiện để hiểu rõ cả tốt xấu, vinh nhục của tầng lớp nho sĩ đồng thời còn có thể vượt ra khỏi ràng buộc của những câu “Khổng tử viết” không ai khác hơn là Trần Văn Kỷ. Trước sự ghen tị của các tướng lãnh, Trần Văn Kỷ mau chóng trở thành nhân vật số hai của Phú Xuân. Bùi Đắc Tuyên, Võ Văn Dũng, Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Tuyết có thể phải ngồi chờ hàng buổi ngoài tiền sảnh để gặp được Nguyễn Huệ. Trần Văn Kỷ thì không. Ông có thể xin gặp Chính Bình vương bất cứ lúc nào. Ngược lại, Chính Bình vương cũng có thể vờ ông vào cung bất cứ giờ nào. Nhiều hôm đã quá khuya, Lãng còn cưỡi ngựa đến mời Trần Văn Kỷ. Nhiều hôm khác, quan Trung thư lệnh phải nhờ Lãng về báo cho gia đình biết là tối hôm đó, ông phải ngủ đêm trong kinh thành để hoàn tất

cho xong một việc khẩn cấp, Lãng trở nên quen thân với gia đình Trần Văn Kỳ là nhờ vậy.

Dĩ nhiên đấy chỉ là cơ may thuận lợi ban đầu. Về sau, chính Lãng chủ động tạo cơ hội để được đến nhà Trần Văn Kỳ thường xuyên hơn. Anh xin được làm học trò của “cụ đồ Kỳ” để luyện thêm thi phú, vào những buổi chiều quan Trung thư không bận việc quan. Trần Văn Kỳ vui vẻ nhận lời, nhưng dặn trước:

– Đối với anh thì tôi chả cần phải khách sáo nhún nhường, hoặc phải làm cao một cách giả dối. Tôi không mê tín như các thầy đồ khác, đến nỗi một chữ của thánh hiền viết trên giấy hẩm cũng không dám vứt đi. Anh biết đấy (vì ông cụ nhà anh cũng đã từng làm thầy đồ rồi) người ta thường phải nhai giấy có chữ rồi nuốt đi chứ không dám vứt, sợ làm

bắn nỏ danh. Tôi cũng không giống các ngài võ tướng, điều này ta nói nhỏ để nghe rồi bỏ qua, tôi khác với các người mê cầm gươm trong triều. Chữ nghĩa cũng có công dụng của nó chứ. Nhưng công dụng đến mức nào? Cái khó là ở đó. Ông cụ nhà anh và tôi đã khổ vì hư văn nhiều rồi, nên tôi không muốn thấy anh dẫm lại lối cũ của chúng tôi. Luyện thi phú, học kinh truyện ư? Được lắm. Muốn vậy anh phải nhớ cho tôi hai điều:

– Thứ nhất, là anh phải giả định rằng bụng anh đã no, hoặc đã lưng lửng để chữ nghĩa khỏi nhòe nhoẹt đến nỗi hóa ra hư ảo. Bụng đói mà còn rán ê a những “chi, hồ, giả, dã” thì không điên cũng là khùng.

– Thứ hai, là anh phải giả định rằng chữ nghĩa người xưa ít ra cũng ghi lại một số kinh nghiệm đáng giá. Nếu không,

nếu anh cứ khẳng khẳng nghĩ rằng thời xưa khác bây giờ khác, hoặc thời xưa thế bây giờ không thế nữa, kẻ đi trước yếu hèn sai lầm chỉ có ta mới đúng, thì thôi, đốt hết sách vở đi. Cứ việc xắn tay áo lên để khỏi vướng cái chuôi kiếm, và đâm thẳng vào những gì mình chợt thấy ghét, giận, căm thù.

Lã xem những lời nói này là bài học khai tâm quý giá. Rồi do thời cuộc biến chuyển quá nhanh đặt ra cho họ những vấn đề cấp bách hơn, cả Trần Văn Kỷ lẫn học trò đã dẹp chuyện thi phú sang một bên lúc nào không hay. Trong các buổi học ít ỏi, thừa thớt và thất thường còn lại, họ chỉ bàn chuyện thời cuộc. Nói cho đúng ra, không có những cuộc bàn luận thực sự. Lúc nào Trần Văn Kỷ cũng giữ phần chủ động. Ông nói say sưa bằng cái giọng Thuận Hóa khao khao hơi khó

nghe, còn Lãng chỉ vâng dạ, lâu lâu đặt một câu hỏi để nhờ giải thích rõ hơn một chi tiết mù mờ. Dường như quan hệ giữa hai người không thuần túy là thầy trò. Bè bạn ư? Cũng không! Trần Văn Kỳ trở thành một vị cố vấn của Chính Bình vương, chia sẻ với Vương trách nhiệm quyết định nhiều vấn đề liên quan vận mệnh của cả nước. Cũng như Chính Bình vương, ông chưa được chuẩn bị trước để đảm nhận trách nhiệm ấy. Và cũng như Chính Bình Vương, ông có đủ sự nhạy bén và nghị lực, để can đảm nhận lãnh trách nhiệm, đủ thông minh để phán đoán, tìm phân biệt cho ra đâu là gốc đâu là ngọn, đâu giả đâu thực, và sự kiên quyết chọn lựa một giải pháp với bàn tay không run sợ. Những ý tưởng hiện ra trong óc Trần Văn Kỳ坎 trải qua một quá trình hình thành, đôi lúc có những ý nghĩ độc đáo nảy sinh đột ngột

ngay đoạn cuối của quá trình ấy. Những người làm thơ phú hiểu rõ điều này. Và một tư tưởng phức tạp, lộn xộn trở nên sáng sủa, nhất quán, sau khi được nói lên, hoặc viết ra. Lãng là người được chọn để nghe những phát biểu đang thành hình ấy. Anh là học trò ông đồ? Không. Là bạn tâm tình? Không. Anh chỉ là một người làm chứng lý tưởng cho ông đồ Kỷ thai nghén (trong do dự, lầm lẫn trước khi lựa chọn) một ý tưởng đúng. Lý tưởng vì cả tuổi tác lẫn địa vị xã hội, Lãng hoàn toàn vô hại đối với ông, như một đóa hoa vô hại đối với một con ve đang lột xác.

✱

Trong một buổi học theo kiểu mạn-đàm-một-chiều như vậy, quan Trung thư lệnh thử đem trường hợp Nguyễn

Hữu Chinh ra đối chiếu với luận thuyết “chính thống” của ông. Lúc đầu giọng ông có vẻ chán nản, rụt rè. Nhưng càng về sau, Trần Văn Kỷ càng say sưa, đến nỗi đôi câu nói trở nên cà lăm, hoặc tiếng sau chập mất tiếng trước:

– Cậu đã biết La sơn phu tử lại từ chối lời mời của Vương thượng rồi chứ? Ba lần gửi thư và mang lễ vật cầu hiền, ba lần về tay không. Nghĩ đơn giản, có thể bảo ông lão xứ Nghệ là hạng cố chấp, hoặc điên khùng. Giữa tôi với cậu không cần gì phải giấu giếm: tuy tôi luôn luôn thúc giục Vương thượng phải mời cho được phu tử, nhưng tôi biết trước là ngoài việc trải chiếu hoa trên nền “nhà quốc học” để mời cụ ngồi xơi trà, uống trà; mời cụ đến dự lễ động thổ xây cất Văn miếu; hoặc để chữ cho một ngôi đình mới xây, Vương thượng không thể giao cho cụ

việc nào khác đâu. Vâng, vâng. Cậu định hỏi thế thì tại sao lại mất công mời mọc làm gì? Đúng thế không nào? Tôi hiểu ý cậu. Đơn giản thôi. Ta phải làm vậy vì La sơn phu tử là một người rất cần thiết cho lẽ “chính thống”.

Nó là cái gì? Cậu có nghe kịp không? Tôi muốn hỏi “chính thống” là cái gì? Là cái khuôn để phân biệt trong ngoài, tốt xấu, chân ngụy. Cậu vẫn còn nghe tôi nói đấy chứ?

– Vâng ạ. Thầy đang nói đến chân ngụy.

– Không. Tôi đang nói đến cách định chân ngụy, cái khuôn mẫu phân biệt chân ngụy để định giá một người. Sao hôm nay cậu có vẻ lơ đãng thế?

– Không ạ. Con vẫn lắng nghe lời

thầy. Chỉ hơi phân tâm một chút vì vườn cải nhà thầy ra hoa đẹp quá.

Quan Trung thư nhìn ra phía vườn cải. Hoa vàng quuyến rũ cả một đàn bướm trắng. Phía cuối sân, khuất sau một khóm cải giống có ngòong cao lắt lay theo gió, cô con gái út của quan Trung thư đang ngồi vun gốc rau. Trần Văn Kỷ bối rối như chính mình phạm lỗi. Ông cố lấy giọng hùng hồn để khóa lấp tình cảm riêng:

– Phải phân biệt chính thống theo từng thời kỳ của sử ký. ở vào thời bình, trên có vua hiền, dưới có tôi sáng, thiên hạ an cư lạc nghiệp, cái thời bậc quân tử có thể “tắm mát ở sông Nghi, rồi lên hứng gió ở nền Vũ vu”, như Đức Khổng phu tử mơ ước, ở vào thời đó thì chính thống là cái nếp có sẵn, cứ như vậy mà bước theo. Cha truyền ngôi cho con.

Bề tôi trung với vua, đơn giản lắm. Tự nhiên lắm. Mà làm cho đúng lễ chính thống tự nhiên là dễ như người ta thở. Khó luận cho ra lễ chính thống là vào thời loạn. Cúi đầu tuân theo trái chứng của một ông vua ươn hèn, hay là mạnh dạn phát cờ lật đổ vương triều thối nát đó để dựng một vương triều khác? Cậu nghĩ mà xem, khó trả lời lắm chứ. Cậu trả lời được không?

Lãng ngẩn ngừ, rồi đỏ mặt xấu hổ. Quan Trung thư vừa bắt gặp anh nhìn trộm về phía cuối sân. Bây giờ Trần Văn Kỷ bắt đầu giận dữ. Ông gọi con gái:

– Cúc ơi! Vào bếp bảo pha cho cha ấm trà.

Cô con gái Trần Văn Kỷ đáp từ xa:

Dạ. rồi đứng dậy, tay bưng một rổ

rau dền. Lãng chỉ kịp ngấm được một mái tóc thề, và dáng đi tha thướt. Trần Văn Kỷ hỏi gặng:

– Cậu nghe đã mệt chưa?

– Thừa không mệt chút nào ạ. Thế thì làm sao định được lẽ chính thống ở thời loạn, thừa thầy?

– Khó lắm. Mỗi người tùy vị trí của mình mà nghĩ. Bọn hủ nho cố chấp thì khẳng khẳng một mực tuân phục tên hôn quân, bạo chúa. Người thức thời thì bản khoán. Xóa bỏ một thói quen mấy trăm năm đâu phải dễ. Cho nên muốn lập một thứ chính thống mới cần phải có sức mạnh để buộc mọi người tuân phục trật tự mới, và cần duy trì trật tự mới ấy đủ lâu để thành cái nếp nghĩ tự nhiên. Cậu xem, đời thuở nhà ai có cái lệ một nước hai vua. Thế mà Bắc Hà có

chuyện ấy đấy. Bên cạnh vua Lê có thêm phủ chúa. Cái lệ ấy hợp lẽ phải chăng? Không. Nhưng nhờ họ Trịnh có đủ sức mạnh nắm quyền, và duy trì quyền lực đến hai trăm năm nên có được lẽ chính thống. Nhà Trịnh đổ, cũng có những kẻ sẵn sàng tuấn tiết như Lý Trần Quán.

Lãng chú tâm vào câu chuyện hơn trước nên hỏi:

– Thưa thầy, như vậy những nhà sáng nghiệp phải làm sao để có được lẽ chính thống?

Trần Văn Kỷ vui mừng thấy Lãng hiểu mình, vội đáp:

– Ấy đấy! Đúng là điều ta quan tâm. Tôi nói gọn thế này. Phải tạm dựa vào cái truyền thống cũ trong khi dùng sức mạnh gây dựng một truyền thống mới.

Phải thật khéo léo điều hòa hai công việc ấy cho đến khi... cho đến khi truyền thống cũ hư nát, suy sụp hoàn toàn. Cứ đem trường hợp Bằng quận công (Nguyễn Hữu Chỉnh) ra xét thì rõ. Bây giờ ông ấy chết rồi, “cái quan luận định” phải không? Bị Vương thượng bỏ rơi lại Nghệ an, ông Bằng phải tự lo lấy thân. Không có quân trong tay thì thân còn chưa giữ được, huống chi danh. Ông ấy truyền hịch chiêu binh. Kẻ nào do dự hoặc tỏ ý chống báng, giết ngay. Nhờ thế trong vòng mười ngày đã được hơn một ngàn quân. Có sức mạnh rồi, phải trương cờ truyền thống lên chứ. Ông cho người liên lạc ngầm được với Chiêu Thống, rồi khoa trương cái chiếu tướng tượng để dân Nghệ An bỏ phe chống đối theo ông.

Có đủ hai điều kiện cốt yếu ấy, ông

Bằng có đủ sức mạnh để bắt sống Phạm Huy ích, giết Lê Trung Nghĩa, đuổi Trịnh Bồng ra khỏi phủ chúa; bắt sống Dương Trọng Tế ở Gia Lâm và Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây đem về xử tử. Đánh tan quân Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương. Nhất định phải có kẻ nói ra nói vào, nhất là bọn nho thần vẫn quen phủ phục ở phủ chúa. Nghe nói một hôm có người đã lén dán ở cửa Đại hưng hai câu sau đây nhân việc nhà vua cho đốt phủ chúa và ông Bằng ra lệnh tịch thu chuông chùa về đúc tiền:

Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc ở đâu được?

Hoàng thượng đốt phủ chúa, phủ đốt, điện cũng tro thôi!

Ha ha! Đúng là miệng lưỡi của đám bạn bè Lý Trần Quán! Hữu quân (Chức

vụ của Nguyễn Hữu Chỉnh lúc còn ở với Tây Sơn), chỉ có thể thành công được một thời gian ngắn, lúc thiên hạ còn hoang mang chưa làm chủ được tâm thần. Lâu dài về sau, tất nhiên, ông phải thất bại. Cậu có biết vì sao không?

Lãng rụt rè nói:

– Có lẽ vì ông ấy nổi tiếng gian hùng, lòng dân Bắc Hà không phục. Cách hành động lại tàn nhẫn quá. Nghe nói tiền bạc trong nước phần nhiều bị nhà giàu cất giấu, nhân dân đói khổ vì nạn khan tiền, vật giá đắt lên vùn vụt. Ông Bằng bèn xin với triều đình ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về kinh sư mở lò đúc tiền. Rồi ông ấy thả cho thủ hạ đi khắp tứ phía cướp bóc chuông, tượng của các làng xóm. Người nào dám giấu giếm, tức thì bị chúng bắt đem về khảo đả nghiêm trị.

Trần Văn Kỷ lắc đầu chậm chậm, cười mỉm khoan dung:

– Không phải thế đâu. Thu hết tượng đồng, đúc tiền đúc súng, ông Bằng bắt chước ta đấy. Còn bọn thủ hạ nhân cơ hội cướp bóc thì ở đây cũng có. Lý do chính khiến hữu quân thất bại đến nỗi chết không toàn thây, tan xác như cái pháo trong bài thơ quốc âm của ông ấy, là cả sức mạnh lẫn truyền thống ông ấy dựa vào đều không có nền vững. Chúng ta cũng tận dụng sức người và của cải dân Nam hà để làm thành sức mạnh, nhưng căn bản của sức mạnh ấy là niềm khao khát được sống no ấm, được sống khá hơn của đám đông những người mặc áo vải đi chân đất. Anh em Vương thượng cũng là dân áo vải chân đất như đám đông, nên chính ngọn cờ Tây sơn đã là niềm tin rồi. Sức mạnh của Hữu quân

chỉ do đe dọa và lừa dối. Còn cái truyền thống ông ấy dựa vào là nhà Lê chỉ là một bức tường đang đổ. Dựa vào đó đã không có thêm sức mạnh, mà ngược lại thêm mang lụy. Vua Lê không giữ được nước đâu, kẻ thức thời phải thấy điều đó.

Lãng thác mắc hỏi:

– Tại sao một bậc túc nho như La sơn phu tử vẫn chưa thấy điều đó, vẫn còn lấy niên hiệu Chiêu Thống để ghi ngày tháng, vẫn còn viết “quí quốc”, “bản triều”? Chẳng lẽ phu tử không thức thời?

Trần Văn Kỷ kiêu hãnh đáp:

– Dễ gì đạt được cái minh triết của kẻ thức thời! Người ta dễ trở thành cái tráp đựng mấy cuốn sách mọt, hoặc con hạc gỗ trong cái miếu xưa.

Vừa lúc đó, tên tiểu đồng khệ nệ bưng

lên khay nước trà. Lãng nhận chén trà thơm do quan Trung thư ân cần mời, hai bàn tay ôm lấy chén trà nóng để hưởng hơi ấm. Mùi trà có phảng phất mùi hoa cúc. Lòng Lãng lâng lâng như đang bay theo hơi nước trà, vươn lên cao, lên cao.

Chưa bao giờ Lãng thấy cuộc đời đẹp như hôm ấy!

*

Ra khỏi nhà Trần Văn Kỷ, Lãng tìm những con đường vắng vẻ để được tận hưởng cảm giác ngây say của hạnh phúc.

Anh đi giữa những hàng tre xanh, trước mắt mọi vật trở nên rộn rã, hớn hởi khác thường. Dòng sông xanh hăm hởi chảy ra biển cả. Con đường anh đang đi thì tin cậy chạy theo dòng sông. Tre

xanh trùu mển che nắng cho con đường, còn gió thì mơn man ve vuốt lên hàng tre, khiến lá xì xào khúc khích. Đời đẹp quá! Kể cả những chiếc lá rụng hình như cũng xem phút lìa cành là bắt đầu của một cuộc rong chơi mới, nên chao liệng nhào lộn đẹp mắt trước khi gửi thân lên mặt đất.

Con đường ấy dẫn anh đến chỗ dòng sông phân đôi. ở ngã ba, lòng sông mở rộng giống như người mẹ đang dang tay chờ đón một đứa con sắp về từ biển cả. Nước sông trong xanh, mặt sông phẳng lặng. Lãng nghĩ:

– Từ trên bờ cao này, nếu ta quăng một hòn sỏi nhất định thế nào cũng đến tận giữa sông.

Anh thực hiện ngay điều vừa nghĩ. Hòn sỏi rơi đâu đó, trong một bụi dây

leo mọc hoang trên bờ. Lãng cười một mình, chế giễu lòng tự cao tự đại bất chợt của mình. Anh bỏ con đường dọc bờ sông để rẽ vào một con đường rợp khác ở phía trái. Bước chân anh chậm lại. Không chú ý đến cảnh vật trước mắt, Lãng vừa đi vừa suy nghĩ:

– Mình có hy vọng gì không? Trời, hôm nay nàng đẹp quá. Thế nào lúc núp sau mấy luống cải trở hoa nàng cũng lắng nghe xem ta nói gì. Mà mình đã nói được gì nào? Toàn những vâng dạ nhát gừng, không nói được câu nào ra hồn. Vả lại ông cụ giành nói một mình, thao thao bất tuyệt về lẽ chính thống từ đầu chí cuối, mình có muốn nói cũng không có dịp. Nàng phải hiểu như vậy chứ! Nhưng tại sao lúc quay vào bếp, nàng không nhìn về phía ta? Bước chân cũng gấp gáp nữa. à, phải rồi. Nàng vội vàng

vì sợ ta khát. Trà có hương hoa cúc nên thơm làm sao! Mọi lần hình như trà ướp hoa ngâu chứ? Không. Mọi lần vẫn ướp cúc. Mình lầm rồi. Phải ướp hoa cúc mới có ý nghĩa thâm kín. Nhớ lại lần đầu tiên được trông thấy nàng, mình xúc động đến choáng váng. Hôm ấy, nàng mặc chiếc áo lụa hồng, nên hai má nàng cũng hồng ửng như cánh hoa đào buổi sớm. Đôi mắt đen, mái tóc mượt. Đôi môi mím ngượng ngùng. Trước sau mình chưa được nghe nàng nói lời nào. Nhưng cái e lệ cuống quýt ấy nói được nhiều điều lắm. Không hiểu sao Chính Bình vương cũng biết mình mê nàng. Ai thuật lại cho Vương biết? Không lẽ quan Trung thư! Mà quan Trung thư có biết mình thương yêu nàng không? Còn nàng, nàng đã biết ta thương yêu, ta say đắm nàng chưa? Còn phải hỏi! Nhất định nàng phải biết trước ai hết. Đàn bà họ nhạy lắm. Chỉ

cần liếc qua vẻ mặt ngơ ngẩn thất thần của mình, nàng hiểu liền. Đôi má hồng ửng vì e thẹn chứng tỏ nàng hiểu lòng mình, và về phần nàng, chắc nàng không hề hững vô tình. Chạm mặt một kẻ xa lạ, hoặc đứng trước một pho tượng gỗ mít, thì việc gì phải đỏ mặt! Mình không xa lạ, không phải là pho tượng gỗ mít... Rõ lẫn thần! Thôi, đừng nghĩ quanh quẩn nữa. Nhất định Cúc đã thương ta. Nhất định Cúc đã thương ta. Nhất định. Nhất định!

Lãng đi qua một cái chợ nhỏ, hụp dưới tàn cây đa rậm lá. Anh vuốt tóc một bé gái bán ổi, mua giùm cho nó vài quả. Một chị đàn bà bán cam đưa cái mẹt hàng ra mời Lãng. Trên mẹt chỉ còn lại hai trái cam hôi, da nhăn nheo như chín hóp. Lãng lắc đầu, biểu chị mấy đồng tiền kèm. Chị đàn bà trố mắt nhìn Lãng, rồi

cuống quít mừng rỡ. Lãng hỏi:

– Chị có hạnh phúc không?

Chị hàng cam ngơ ngác hỏi lại:

– Anh hỏi gì ạ?

Lãng nhắc:

– Tôi hỏi: Trong đời chị, chị có sung sướng không?

Chị hàng cam thật thà đáp:

– Tôi không biết có hay không nữa!

Những người bán hàng quanh đó cười rộ vì câu trả lời ngớ ngẩn. Lãng cũng cười, hỏi tiếp:

– Có lúc chị buồn, nhưng phải có lúc chị vui chứ?

– Vâng, có ạ!

– Lúc nào thế?

– Lúc bán hết được hàng và có chút lời thì vui. Không bán được phải mang về thì buồn.

– Chị có mong ước gì không?

– Ngày nào cũng mong bán hết mẹt cam.

Lại có nhiều tiếng cười khúc khích, bàn tán chung quanh:

– Mụ này khôn đáo để. Nói xa nói gần cuối cùng cũng trở lại nài nỉ bán cho xong mấy trái cam héo.

– Anh mua quách cho mụ ấy hết quanh co.

– Nếu không, mua giùm già trái mít này. Ngon và rẻ lắm.

Lãng cố lách ra khỏi đám đông mỗi lúc một nhiều đang bu quanh anh để mời hàng. Hạnh phúc. Phải. Hạnh phúc cũng đơn giản thôi. Chị hàng cam thành thực đấy chứ. Vui buồn của một đời người vốn cũng bình thường như mưa nắng. Ai không từng có lần dạt dào cuống quýt? Không được như vậy thì làm sao đủ sức chịu đựng bao nhiêu đau thương, rủi ro sau đó?

Đột nhiên Lãng bất mãn với chính anh:

– Không. Họ khác ta khác. Chưa có ai may mắn như mình. Chưa có ai say mê cuống nhiệt như mình. Trời! Ta sung sướng quá. Sung sướng nhất trên đời!

✱

An tìm Lãng khắp nơi, cuối cùng gặp Lãng vừa đi vừa nói một mình trên một đoạn đường vắng gần chùa Thiên Mụ. Nét mặt Lãng vừa hớn hở lại vừa ngây dại như nét mặt một người vừa bước ra khỏi một tiệc rượu vui. An kêu lên:

– Trời ơi! Em lại bày vẽ rượu chè đấy hả?

Lãng vui vẻ bảo chị:

– Em đang say đây. Nhưng không phải bị ma men hành hạ đâu. Chị đi đâu thế?

An mếu máo:

– Chị lên chùa cầu Phật phù hộ cho tai qua nạn khỏi. Khổ lắm, chị tìm em mấy hôm nay.

Lãng phát hoảng, vội hỏi:

– Nhà có việc gì thế? Lũ nhỏ đau ốm gì à?

An bắt đầu rơm rớm nước mắt:

– Không. Vẫn chuyện anh Lợi. Lần này nguy thôi, em ạ. Lão Tuyên đã tâu lên trên rồi. Lão ghép vụ anh Kiên thêm vào cho nặng tội.

Lãng không hiểu đầu đuôi gì cả, lại hỏi:

– Sao lại có anh Kiên vào đây?

– Thế em chưa biết gì à?

– Chuyện gì vậy?

– Hôm kia em có thấy Bùi Đắc Tuyên vào phủ không?

– Có.

– Sau đó... sau đó (An định nói

anh Huệ, nhưng do dự, rồi tiếp) Vương thượng có nói gì với em không?

– Không. à có. Có lệnh triệu ông Dũng đến để giao việc khẩn cấp trong Duy xuyên.

An suy nghĩ, giọng rời rạc:

– Là nhĩ.

– Nhưng việc anh Kiên là việc gì?

An kể lại chuyện Qui Nhơn cho em nghe, cố trình bày cho Lãng thấy mối đe dọa mà cả gia đình phải đương đầu. Lãng cũng dần dần cảm thấy lo âu. Anh hỏi:

– Anh Lợi đã tính được gì chưa?

– Có. Lão Tuyên quyết tâm hại cho được anh Lợi, nên cả em lẫn chị phải cố mới hy vọng gỡ được. Chị đã xin ra mắt Hoàng hậu, nhưng hình như lão Tuyên

có nói trước chuyện này với Hoàng hậu rồi. Thái độ Hoàng hậu lạ lắm. Chị vào cung biết bao lần, thế mà lần này Hoàng hậu khách sáo xem chị như khách lạ. Chị chạy qua phía Công chúa. Lính hầu không cho vào vì con trai đầu lòng của Công chúa khó ở, ngũ y đang chẩn bệnh. Hình như Trời Phật không còn thương chị nữa. Chị rối trí quá. Chị thơ thần như người mất hồn, cuối cùng mới nghĩ phải lên cầu ở đây. Em cố gắng nói vài lời giúp chị với!

Rồi An mếu máo khóc, Lãng lương cuống an ủi:

– Được, được. Chị đừng cuống lên. Không phải đây là lần đầu anh Lợi bị người ta rắp tâm hãm hại. Bộ Hình đã tâu một lần năm trước rồi. Năm nay có tâu thêm chưa chắc đã hại được anh Lợi, vì anh Huệ càng ngờ bên trong có việc phe

cánh âm mưu hãm hại lẫn nhau. Chuyện về tội gán cho anh Lợi chắc không có gì mới. Ghép vụ Qui Nhơn vào đây càng vô lý hơn. Vả lại không dễ gì lừa dối được anh Huệ đâu.

An hơi yên tâm, nhưng vẫn ngập ngừng bảo em:

– Nghe em nói, chị đã vững dạ. Nhưng anh Lợi... em biết rồi...

An bỏ lửng câu nói. Lãng hải:

– Chị nói gì ạ?

An bối rối, do dự, rồi đập nhẹ tay em, bảo:

– Thôi, chị lên chùa đây. Em về phủ ngay, thử xem có nói chuyện được với “anh ấy” không. Rán cứu chị với. Chị van em. Lần này có vẻ gay go, vì hôm qua bộ

Hình đã bắt giam các chủ ghe Đồng Nai để tìm manh mối hại anh Lợi. Cứu chị với! Nếu anh Lợi có chuyện gì, làm sao chị nuôi nổi các cháu!

An lại khóc!

Chương 82

Bọn thầy pháp và bọn lang băm thường gồm có hai loại: một loại luôn phun ra những tiên đoán độc địa ghê rợn để đe dọa những người yếu bóng vía, buộc họ phải bám lấy mình van xin cứu chữa hoặc trừ tà, tốn bao nhiêu tiền của cũng không tiếc, loại kia chuyên kê thuốc bổ và hết lời khen ngợi phước đức. Kẻ yếu đuối thể xác hoặc tinh thần chạy đến họ không phải vì muốn biết sự thực. Họ làm nghề bán hy vọng theo những phương pháp khác nhau: bán ngay bằng thứ thuốc vô thưởng vô phạt, hoặc tính

kế lâu dài bằng cách kèm theo những liều độc được để nuôi bệnh. ở An Thái, Kiên thuộc vào loại ăn xối hiên lành ấy! Về An Thái chẳng bao lâu, cái tin có một ông đạo lập am tại gò Miếu mau chóng lan truyền khắp vùng. Hơn hai mươi năm đã qua, kể từ thời gian gia đình ông giáo Hiến về lập nghiệp tại đây. Số dân An Thái thời đó nay đã lưu tán quá nhiều, không mấy người còn biết đến gốc gác của Kiên, vả lại, nét mặt Kiên đã thay đổi, từ một thanh niên mạnh khỏe biến thành một đạo sĩ đạo mạo, khắc khổ. Kiên cũng đủ khôn ngoan để giấu kỹ lý lịch của mình. Nhờ thế, đối với những người đến gặp ông đạo, Kiên có đủ cái bề ngoài huyền bí, thiêng liêng bảo đảm cho các câu tiên đoán. Họ lũ lượt kéo đến gò Miếu, nét mặt người nào cũng buồn rầu, lo lắng. Và họ trở về với nụ cười trên môi. Kiên có nhiều “khách” đến nỗi một chị bán

nhang, một bà hàng nước và một bé gái bán hoa quả lật vật dăm bỏ chỗ bày hàng ở chợ An Thái, vào gò Miếu kiếm sống.

Một hiện tượng như vậy dĩ nhiên không thể ở ngoài tầm chú ý của các chức sắc địa phương. Cho nên khi triều đình phát lệnh tầm nã, Kiên bị bắt ngay. Anh bị đóng gông giải về Qui Nhơn vào ban đêm để khỏi “xao động nhân tâm”. Buổi sáng hôm sau, khách thập phương đến gò Miếu chỉ thấy cái am trống. Kiên đến và đi bất chợt. Không biết ông đạo từ đâu đến, và đã về đâu. Vì vậy, trừ các chức sắc An Thái đã nhận được lệnh phải tuyệt đối giữ kín việc bắt giữ, đa số dân An Thái càng tin rằng Kiên không phải là người đời. Ông đạo là người Trời, vâng lệnh Tôn Sư từ một đỉnh núi heo hút chót vót nào đó xuống đời giúp dân rồi lại trở về núi. Những người đến chậm

vì đường xa hoặc do đa nghi có thêm một nỗi ân hận trong đời, ân hận không được nghe những lời nói chân lý!

*

Giống như hơn hai mươi năm về trước, Kiên lại trở thành người tù quan trọng của thành Qui Nhơn. Những kẻ giam anh không phải ai xa lạ. Anh thuộc nằm lòng khuôn mặt, thói quen, giọng nói, kể cả những cái tật xấu lật vạt của họ, và ngược lại. Con đường họ dẫn anh đi, cửa thành, lầu đài, cung các, trạm lính canh, cửa nhà giam, nét mặt lầm lì của tên cai ngục, cây thước bản trên tay người lính gác, hành lang hẹp và ẩm giữa hai hàng ngục tối, tiếng rên siết đau đó...; tất cả vẫn vậy. Anh có cảm tưởng chỉ vừa được quân khởi nghĩa Tây Sơn

giải thoát ngày hôm qua thôi. Hệ thống các dây nhà giam thời tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên kiên cố và qui mô quá, nên những người chủ mới không cần phải thay đổi hoặc sửa sang gì nữa. Sửa lại bất cứ cái gì đều tạo dịp may đào thoát và giảm bớt nỗi đau đớn của phạm nhân. Nhờ thế Kiên có ảo tưởng mình trẻ lại sau hai mươi năm. Anh đi tới một cách tự tin mạnh dạn, quen thuộc đường lối như một người trở về. Nét mặt anh cũng không tỏ dấu phiền muộn hay sợ sệt, mặc dầu cái gông bằng gốc tre già đóng vội đè nặng lên hai vai anh, những mắt tre cạ vào da cổ làm xây xát rướm máu, hai bắp chân mỏi rần vì đường xa.

Kiên chỉ kinh ngạc về sự thay đổi của con người!

Đa số những người anh gặp đều là người quen cũ. Nhưng anh ghi nhận ở

thái độ và hình dáng của họ hai điều: thứ nhất, họ già nua, xơ xác quá. Tóc họ lốm đốm bạc, mắt mệt mỏi đến đờ đẫn; thứ nhì: họ cư xử với anh hết sức khác thường, gần như họ vừa thù ghét vừa kinh sợ anh. Khi còn lại một mình trong ngục tối, Kiên băn khoăn tự hỏi:

– Vì sao họ lấm lét sợ ta? Đáng lẽ ta phải sợ họ chứ? Vì sao? Hay là... theo những điều họ nghe được thì tội của ta phải đưa ta đến chỗ chết. Có thể là chết thảm, xác bị phanh làm trăm mảnh, đầu bị bêu giữa chợ. Họ nhìn ta không như nhìn một kẻ đang sống, sẽ sống như họ, mà như một kẻ đang đi đến cõi chết, một kẻ sắp thuộc vào một thế giới khác mà họ kinh sợ đến hãi hùng. Phải. Trong các cuộc hành quyết, những kẻ tò mò cũng nhìn tử tội trên đường chịu nạn với cái nhìn ấy.

Vì nghĩ như vậy nên Kiên không thắc mắc tự hỏi tại sao từ lúc cánh cửa ngục đóng lại, không ai hỏi han đến anh. Ngày hai bữa, anh được nghe bước chân nặng kéo lê trên nền ngục của người lính phụ trách đưa cơm tù. Thế thôi. Không có tra khảo, thẩm vấn. Việc gì phải lôi thôi! Tội rõ ràng rành ra đấy, chỉ còn thời gian vây quét cho hết lũ đồng lõa để đưa một lượt ra pháp trường. Một hồi trống giục. Chém. Thế là xong!

Đôi lúc Kiên cũng có đôi chút nuối tiếc. Cuộc đời của anh, anh tiếc là đơn giản quá. Chưa được cái gì tạm gọi là hoàn tất. Mọi sự cứ lơ lửng nửa chừng ngoài ý muốn của anh. Người thân khổ vì anh, và anh biết chắc sau khi lãnh án tử, họ còn phải khốn đốn vì anh nhiều hơn nữa. Vợ anh, mấy đứa con riêng của vợ, đứa con gái của anh... bây giờ họ thế

nào? Còn Nguyễn Phước Liệu? Anh kinh ngạc không thấy mình oán trách kẻ gieo họa, sau đó vui mừng vì nghĩ rằng dù sao, mình cũng đạt được đôi chút thành quả trên đường tầm đạo. Không có Liệu thì có Liệu khác, mọi sự diễn tiến như phải diễn tiến.

Khác với hai mươi năm trước, lần này Kiên không chờ đợi gì. Không hy vọng gì. Anh không ghi ngày tháng, không hồi hộp lúc nghe tiếng chân người hoặc rạo rức nôn nao trước mọi dấu hiệu của sự sống, như tiếng ho ở một hầm ngục khác, tiếng muỗi vo ve, tiếng chim trên mái ngục. Cho nên hôm cửa ngục mở vào một giờ thất thường, Kiên chóa mắt vì ánh sáng và bị choáng ngợp không khí, nhưng lòng anh bình thản. Hôm ấy Đông Định vương đến tận ngục thăm anh.

Vì chóa mắt và ngược hướng ánh sáng, Kiên không nhận ra được Nguyễn Lữ. Anh nghĩ: Đã đến lúc rồi. Ta sửa soạn gì không? Khởi cần. Họ bảo làm gì thì cứ tuân theo. Như thế dễ cho họ hơn!

Nguyễn Lữ thấy Kiên không đứng dậy vái chào, tưởng anh giận, vội nói:

– Đáng lẽ tôi đến thăm anh ngay buổi sáng hôm ấy, nhưng nhà vua không cho phép. Anh không nhận ra tôi sao?

Bấy giờ Kiên mới biết người đến gặp mình không phải là viên cai ngục. Anh đứng dậy chấp tay chào Nguyễn Lữ, gối hơi run.

Nguyễn Lữ tiếp:

– Trông anh tiêu tụy quá. Không. Chúng ta đừng đả động gì tới chuyện lôi thôi đó. Thôi, coi như bị dính vào một

tai nạn khó chịu, cái tai nạn dai dẳng kéo dài từ lúc ra đời cho đến... cho đến lúc nào, anh biết không? Anh ốm và xanh quá. Anh có đau yếu gì không?

Nguyễn Lữ run giọng, rồi bắt đầu thút thít khóc, nghẹn lời không nói được nữa, Kiên thân nhiên đáp:

– Chính ngài đang bị yếu sức khỏe đấy.

Nguyễn Lữ cố dần cơn uất, đáp:

– Vâng. Độ này tôi đau yếu luôn.

Kiên nói:

– Nghe giọng ngài nói, lại thấy ngài khóc, tôi đoán được hết. Ngài dễ xúc động quá. Ngài sợ cái gì vậy?

Nguyễn Lữ quay bảo hai tên lính canh:

– Cho phép tụi bây ra ngoài cửa đứng cho mát.

Một người lính lễ phép đáp:

– Dạ bẩm... lệnh của quan Hình bộ là phải đứng canh ngay tại đây.

Nguyễn Lữ chua chát bảo Kiên:

– Anh thấy không? Tôi cũng chỉ là một tên tù như anh thôi. Không biết tôi có cứu được anh không. Bây giờ tôi như người thừa ở kinh thành này. Không ai thèm nghe tôi cả. Nếu không cứu được anh, tôi sợ hai ta không còn dịp nào để đàm đạo với nhau nữa. Tôi muốn được nghe anh nói. Mỗi lần gặp anh xong, lòng tôi bình an. Anh nói gì đi!

Kiên nói:

– Lúc này tôi hỏi ngài đang sợ cái gì?

Nguyễn Lữ ngập ngừng một lúc, rồi đáp:

– Tôi sợ chết.

– Ngài tưởng tôi giải tỏa được nỗi sợ hãi của ngài sao?

Nguyễn Lữ vô vập nói, như sợ hai tên lính không cho nói hết lòng mình:

– Tại sao anh lại hỏi như vậy? Anh giận tôi à? Tôi không tin anh thì còn tin ai! Trên đời này có ai hiểu tôi đâu! Chỉ có anh mới biết, mới hiểu những điều tôi thao thức. Anh nghĩ mà xem. Độ này không đêm nào tôi chợp mắt được. Sức khỏe tôi giảm sút từng ngày. Tôi biết giờ quyết định, cái ranh giới của sinh tử đã gần kề rồi. Vâng, tôi sợ. Anh nghĩ mà xem. Đi đường vấp ngã chỉ trầy mất một mảng da ta còn thấy đau nhói, huống

chi đột nhiên cả cả cái thân thể ta, cả đầu óc trí não ta từ có thành không. Tất cả ngưng lại hết, và ta không còn được quyền, không còn đủ sức tham dự vào những gì xảy ra sau đó. Người ta gọi một lũ thối kèn, kéo nhị tới ỉ ôi nhức óc. Tôi ghét nhất cái điệu kèn rên rỉ đó. Nhưng họ cứ thối, tôi làm gì được. Họ thối cho tôi nghe đấy, cho tôi vui lòng ngậm cười ở dưới tuổi vàng đấy. Anh nghĩ mà xem. Độ này tôi không chớp mắt nổi. Trầy một mảng da ta còn thấy xót, huống chi đột nhiên cả cái thân này, cả trí óc này...

Kiên nhận thấy Lũ đã mất hẳn bình tĩnh, Đông Định vương luống cuống lăm lăm ngay trong cách nói, những điều vừa thốt ra đã quên nên lặp lại lần nữa, rồi lần nữa... Kiên đáp:

– Tôi cũng yếu đuối, mê muội như ngài mà thôi. Cả hai chúng ta chơi trò

cút bắt với cái bóng của mình, phải, chúng ta như lũ trẻ nít mãi mê nhìn cái bóng mình nên đi đứng chệnh choạng, nói năng ngu ngơ, đập gai mà không biết đau.

Nguyễn Lữ thất vọng, vội hỏi:

– Nhưng anh phải biết bên kia cái chết là cái gì chứ? Anh không bận việc đời, tay không đụng đến chuỗi kiếm, tất có nhiều thì giờ tìm ra cái lẽ phải hơn tôi. Chỉ cần thấy anh điềm tĩnh được trong cái xó ngục này, tôi đã biết anh giải đáp được. Lần trước tôi có hỏi, nhưng anh chưa chịu trả lời. Anh nói đi. Tôi sắp về đâu?

– Đáng lẽ tôi hỏi ngài mới đúng. Tôi ra đi trước ngài mà!

Nguyễn Lữ tưởng Kiên trách móc, vội đáp:

– Dù sao tôi cũng cố xin nhà vua xét lại cho anh. Những điều tên Liệu khai mơ hồ và mâu thuẫn lắm. Khi hấn khai trước khi ra đây hấn chưa biết có gia đình chị dâu ngoài này. Khi hấn khai tên Chung truyền cho hấn phải tìm đến nhà anh trước. Vả lại, những câu sấm ấy kém cỏi quá. Tôi biết ngay không phải của anh. Anh cứ yên tâm. Ngày mai tôi sẽ vào cung. Mấy hôm nay nhà vua không được khỏe. Đã thế, cái tin thằng Duệ bị giết ngoài Quảng Nam càng làm nhà vua rầu rĩ. Nếu nhà vua hỏi tôi, tôi đã can không cho Duệ đem quân ra Duy Xuyên. Cơ trời đã rõ rồi, cưỡng lại có ích gì!

Kiên nói:

– Đấy. Chính ngài đã tìm ra câu trả lời mà ngài không biết. Nếu ngài hiểu được cơ trời, thì tất cả những gì còn lại đều được sáng tỏ.

Nguyễn Lữ trầm ngâm gật gù, nhưng nét mặt vẫn chưa vui.

✱

Hôm nay là ngày thiết triều nên từ sáng sớm, cửa Nam lầu đã mở. Những người lính trong đội cấm vệ chia nhau quét dọn cả trong chính điện lẫn con đường lát gạch bát tràng từ cửa Nam lầu vào. Viên cai cơ đội trưởng mặt hầm hầm vì vừa phải lớn tiếng dàn xếp một cuộc tranh tụng nhỏ. Lâu ngày nhà vua không thiết triều nên ở chính điện, bụi bặm quá nhiều. Bọn lính ngại khó giành nhau lãnh phần quét dọn sân triều và trang hoàng cờ phướng. Viên cai cơ lo âu và giận dữ vì đã gần đến giờ thiết triều mà việc chuẩn bị vẫn chưa xong. Mặc cho ông trương cổ hò hét, bọn lính cứ ưỡ

oải, chậm chạp. Viên cai cơ hét:

– Quan Lễ bộ tới mà tụi bây làm chưa xong, tao trình cho đóng gông tụi bây hết!

May cho ông, quan Thượng thư bộ Lễ tới trễ. Quan nhìn quanh một vòng, khiển trách viên cai cơ vì vài lá cờ nhăn nhoe, bằng cái giọng ngái ngủ. Viên cai cơ lo ngại quan Lễ bộ nổi giận. Nhưng không. Quan chỉ khiển trách nhẹ nhàng, giọng rủ rủ như đang khuyên răn cấp dưới. Viên cai cơ muốn tỏ lòng biết ơn, bằng cách nhắc nhở quan Lễ bộ rằng cái mũ trên đầu quan hơi lệch sang trái, nhưng do dự hồi lâu, viên cai cơ không dám lên tiếng. Rồi lần lượt các quan ở lục bộ đến, người nào cũng mặc triều phục sắc sỡ. Quan thượng thư bộ Công hỏi quan bộ Lễ:

– Hôm nay có thiết triều không?

Quan Lại bộ cũng hỏi theo cách khác:

– Hoàng thượng đã mạnh chưa?

Quan Lễ bộ lúng túng không biết đáp thế nào, vì cho đến lúc đó, cửa Tử cấm thành vẫn đóng. Quan đáp liêu:

– Có chứ. Vẫn thiết triều như thường chứ! Ai bảo các ông hôm nay không thiết triều.

Không có ai dám trả lời câu hỏi khó của quan Lễ bộ. Bỏ mặc ông già khó tính với đám cấm binh của ông, các quan khác kéo nhau ra sân điện tụ năm tụ ba xì xầm to nhỏ. Câu chuyện họ trao đổi không tiện ở chỗ công khai nên lâu lâu phải có người dáo dác nhìn quanh rồi mới chụm đầu nói tiếp:

– Hình như đêm hôm kia Hoàng thượng có gọi quan Binh bộ vào cung. Ông đi lại thân thiết với ông ấy, có nghe ông ấy nói gì không?

– Sao quan bác lo lắng vậy? Việc gì đến bộ Hộ của bác!

– Nói thế mà nghe được! Vận lương thực cho quân sĩ là phận sự ai? Của Giáo phường nhà ông à?

– Biết đâu được! Nhiều khi đưa Giáo phường ra trận quân lính lại thú hơn ăn cơm. Tôi nói đùa đấy thôi. Vâng, quả là có nhiều chuyện đáng lo. Này, tôi nói quan bác đừng nói lại với ai nhé. Hoàng thượng đang chọn người đưa quân vào tiếp viện cho Phạm Văn Sâm đấy. Bên Bộ binh than các tướng quen trận mạc đã ở lại Phú Xuân cả, nên Hoàng thượng có ý chọn người ở lục bộ. Quan bác vẫn

võ kiêm toàn, không chừng được hân hạnh...

– Ông ấy nói thật thế à? Thôi rồi, chắc là do vụ tôi hục hặc với bộ Binh năm trước. Gớm thật, con người đâu mà tiểu tâm! Ông ấy không tau thì làm gì Hoàng thượng biết tôi cũng có võ vẽ tí võ nghệ. Tôi phải hỏi cho ra lẽ. Ông ấy đâu rồi?

– Thôi, tôi van quan bác. Chuyện đâu còn có đó. Với lại đã chắc gì Hoàng thượng muốn tiếp viện. Vừa đem quân ra gây sự với Chính Bình vương ở Bà Lỏa xong, ông Duệ chết thảm, Hoàng thượng cũng phải đề phòng Phú Xuân thừa thắng trả đũa chứ. Còn bao lắm quân, thuyền mà gửi cho ông thái bảo (Phạm Văn Sâm).

– Biết đâu được!

– A ha, quan bác lại lấy cái tật hay nói “biết đâu được” của tôi rồi. Hồi còn đóng vai hề đồng, tôi pha trò bằng cách chuyện gì cũng chêm “biết đâu được”. Bây giờ từng trải việc đời, mới biết câu pha trò lúc trẻ thế mà thiêng. Quả là việc đời đảo điên, không còn biết đâu mà lần. Tôi đến chóng mặt!

Ở một nhóm khác, câu chuyện xoay quanh cái chết của Nguyễn Văn Duệ.

– Chắc phải có một buổi tế đấy nhỉ!

– Chưa chắc đâu.

– Bộ Lễ của cụ phải biết chắc việc này chứ. Chết như thế mà không được một buổi tế hay sao! Ở bộ của cụ hết nhang hay thiếu người thảo văn tế. Mãi đến giờ vẫn chưa thấy động tĩnh gì cả. Hay Hoàng thượng còn “bất an”?

– Để tôi vào lãnh chỉ của Hoàng thượng.

– Xin can cụ. Cụ không nhớ lần trước hay sao. Bị mắng cho một trận không kịp vuốt mặt. Từ lúc kinh thành bị vây đến giờ, Hoàng thượng không được vui. Thời trước, buổi chiều nào cũng rộn rã. Phải nhận là Hoàng thượng pha trò hay thật!

– Phần tôi, tôi biết chắc chắn sẽ không có lễ tế. Các người có biết vì sao không?

– Biết thì ông còn làm bộ làm tịch sao được. Nói quách ngay đi. Đây, cửa Tử cấm thành mở rồi kìa. Cụ chạy vào hỏi để chúng ta còn về bộ. Ổn trời! Phải chờ ông cụ đi xong tôi mới dám nói. Ông cụ không ác, nhưng già rồi, nói trước quên sau. Vào chiều, ông cụ buột miệng khai hết, thì không còn chỗ đội mũ nữa. Tôi

nghe nói Hoàng thượng nhất định không cho làm lễ tế ông Duệ, cũng không bằng lòng cấp lộc cho vợ con ông ấy.

– Tôi không tin. Ai nỡ thế!

– Có cái lý trong đó chứ. Này nhé. Bây giờ không ai dám tin ai nữa. Mọi sự thật giả, đen trắng, bạn thù lẫn lộn hết. Phò mã Nhậm chịu làm tướng cho Bắc Bình vương. Nguyễn Đăng Vân con nuôi của Bắc Bình vương trốn vào Gia Định. Tướng tá Qui Nhơn do Hoàng thượng cử đi bắt phạt ở lì ngoài Phú Xuân không chịu về. Phú Xuân vào vây Qui Nhơn, đặt súng lớn bắn vào đây ầm ầm. Này, hôm đó bác trốn ở đâu?

– Nói tiếp đi. Cà kê mãi không khéo lại đến giờ châu!

– Xin vâng. Ông nghĩ xem, Hoàng

thượng trải qua những kinh nghiệm đó, làm sao dám tin một người trấn thủ Nghệ An vượt đường rừng về hàng Qui Nhơn? Lỡ ông Duệ trá hàng để nội công ngoại kích thì sao? Cho nên hoàng thượng phải gửi ông ấy ra Duy xuyên, như dùng lửa thử vàng vậy mà.

– Ông nghĩ ghê gớm quá. Có thể lắm. Mà cũng nguy hiểm lắm.

– Nguy hiểm hay không là do ở miệng ông. ở đây chỉ có hai người. Tôi tin ông nên mới dám nói. Có ông cụ bộ Lễ tôi đâu dám hé răng. Ông nhìn kìa! Ông cụ bộ Lễ tươi cười, có nghĩa là Hoàng thượng lại cho bãi châu, à quên, miễn châu. Ông về đảng tôi nhắm rượu nhé. Hay là ông nghi tôi bỏ thuốc độc vào rượu để tranh cái chức thị lang.

Có nhiều tiếng cười thoải mái đây

đó khắp sân điện. Đội cấm vệ bắt đầu dẹp cờ phướng. Lần này, bọn lính nhanh nhẹn, khác hẳn lúc treo cờ.

*

Đông Định vương phải khó nhọc lắm mới xin gặp được vua anh. Nghe các quan đại thần cho biết nhà vua miễn triều, Nguyễn Lữ đoán vua anh bị mệt, nên vào thẳng hoàng cung. Hoàng hậu lại cho biết nhà vua vừa ra Từ đường. Nguyễn Lữ trở ra cửa Nam lâu. Cửa Từ đường đóng kín, nhưng nhìn toán cấm vệ đứng nghiêm chỉnh trước Từ đường, Lữ biết chắc vua anh đang hành lễ phía trong.

Nguyễn Lữ bắt gặp nhà vua đang lăm răm khẩn vái trước bàn thờ cha mẹ. Từ đường kín cửa nên bên trong thiếu ánh sáng, Lữ không dám lên tiếng, đứng

chắp tay chờ anh hành lễ xong. Nguyễn Nhạc đứng lặng trước bàn thờ thật lâu, cuối cùng, nhà vua vái bốn vái, rồi đến cầm nắm nhang trên tay vào cái lư hương vàng chói.

Cắm nhang xong, nhà vua lại đứng lặng lẽ trước bàn thờ. Trong tù đường, trừ tiếng nến cháy lèo xèo, tất cả đều yên lặng. Đột nhiên, nhà vua hỏi em:

– Chú Bảy đấy hả?

Nguyễn Lữ đáp nhỏ:

– Dạ. Em đây.

– Chú có muốn khẩn cầu gì không?

Nguyễn Lữ e ngại không dám nói thật, nên đáp:

– Em vẫn khẩn cầu cha mẹ gia ơn phù hộ cho anh mạnh khỏe. Mấy lúc gần

đây, anh không được khỏe lắm.

Giọng nhà vua vừa chua chát, vừa bức tức:

– Nếu các em ta ai cũng biết điều như chú... Không còn gì nữa! Hết rồi! Thật hết rồi. Dám quay hòng súng bắn vào chỗ đặt bàn thờ cha mẹ. Trời xanh có mắt hay không? Nghe nói chú gác việc đời để tầm đạo. Chú tìm được gì rồi? Chú có biết trời ở đâu không? Trời đã mù hẩn chưa hay vẫn còn lòa?

Nguyễn Nhạc quay lại phía em. Nguyễn Lữ xót xa đến quặn lòng khi thấy nét mặt vua anh quá biến đổi, đôi mắt sâu lõm mờ mất hết tinh lực, hai má hóp khiến gò má nhô cao, râu tóc thưa thớt rụng. Nguyễn Nhạc đã trở thành một ông già khom rọm, lẩm cẩm và cáu kỉnh. Tự nhiên Nguyễn Lữ lo sợ vu vơ, khi nhà

vua tiến về phía mình. Nếu không có cây cột phía sau lưng, có lẽ Nguyễn Lữ đã bước lui vài bước. Đến cách em độ hai thước, nhà vua dừng lại. Hai anh em nhìn nhau, bỡ ngỡ, dò hỏi, xót xa pha lẫn hoang mang. Nguyễn Nhạc nói:

– Ta nhớ hồi mẹ hấp hối, lúc hai chân bắt đầu lạnh và miệng cứng không nói được nữa. Mẹ ú ớ muốn nói mà không thể thốt ra lời. Cổ cũng không còn cử động được. Trước đó mẹ còn lắc đầu khi ta hỏi mẹ có muốn uống nước không. Thấy mắt mẹ lảo liên, ta đoán mẹ muốn tìm ai đó. Mẹ còn muốn tìm ai trên đời này trước khi nhắm mắt, nếu không phải là tìm nhìn cho được các chú! Ta vội ra sân dẫn các chú vào. Chú vâng lời ngay, còn chú Tám thì phụng phịu. Mẹ thấy các chú, tự nhiên ánh mắt sáng lên. Hai bàn tay động đậy được. Hình như

mẹ muốn chống tay ngồi dậy. Ta ôm các chú vào hai cánh tay vừa khóc vừa thưa với mẹ: “Mẹ ơi, mẹ hãy yên tâm. Con xin thề với mẹ rằng suốt đời, con không bao giờ rời mắt khỏi các em. Con sẽ thay mẹ săn sóc, yêu thương các em, cho đến lúc không còn hơi sức nữa”. Chú biết không, mẹ nhắm mắt lại và cố mỉm cười. Nhưng môi mẹ đã cứng rồi. Ta vừa nhắc lại cảnh tượng đó trước bàn thờ mẹ. Mỗi lần ta đến đây, một mình cầu khẩn, ta đều hy vọng nghe được tiếng mẹ trả lời. Nhưng chỉ có im lặng. Chú có đạo tâm, chú thử cầu xem mẹ có đáp không.

Nguyễn Lữ xúc động nghẹn lời, không nói được tiếng nào. Nguyễn Lữ thấy cay cay ở khóe mắt. Hồi lâu, Lữ hứa:

– Em sẽ cầu khẩn như anh dặn.

Nguyễn Nhạc nôn nóng hỏi:

– Sao không cầu ngay bây giờ?

Nguyễn Lữ thu hết can đảm nói nhanh:

– Bây giờ em phải lo cứu một mạng người.

Nhà vua hỏi chậm:

– Ai vậy?

– Em xin đem tính mạng để chết thay cho anh Kiên.

Nguyễn Nhạc lại hỏi:

– Kiên nào?

– Kiên con ông giáo, người bị nghi oan có âm mưu với tên Nguyễn Phúc Liệu.

Nhà vua cố nhớ, nét mặt lạc thần. Lữ lo nhà vua không biết chuyện Kiên.

Nhưng đột nhiên Nguyễn Nhạc bảo:

– Thôi. Ta khỏi cần nhớ làm gì. Chú đã đem tính mạng ra đổi, thì được rồi. Hồi trước, mỗi lần đi đâu, mẹ bước rón rén, sợ dẫm phải kiến, sát sanh mang tội. Ta bằng lòng tha cho nó để vui lòng mẹ. Chú khỏi cần lạy tạ.

Chương 83

Lợi về đến nhà, bỏ mặc cho người lính hầu dẫn ngựa đi ăn thóc và uống nước chứ không đích thân chăm sóc con ngựa ô tốt giống như các lần trước, vội vã bước nhanh vào nhà. Cái khăn trên đầu bị lệch làm cho tóc xổ cả xuống trán. Nhưng Lợi không có thì giờ sửa khăn lại. Anh gọi các con. Chỉ có con Thái trả lời cha. Lợi nôn nóng hỏi:

– Mẹ đâu rồi?

Thái lo âu đáp:

– Mẹ đi tìm cha mà!

– Đi hồi nào?

– Dạ mới hồi nãy.

Lợi nhìn con, đo lường xem đứa con gái nhỏ có đủ sức hiểu việc người lớn hay không. Sau một lúc do dự, Lợi hỏi:

– Mẹ có nói gì với con không?

– Dạ không. Mẹ mếu máo khóc. Việc gì vậy cha? Con hỏi, mẹ lắc đầu không nói.

– Vậy con có nghe mẹ nói chuyện vào cung không?

Bé Thái mừng rỡ đáp, mắt đỏ vì thương mẹ:

– Dạ có.

– Vậy mà lúc nãy con bảo mẹ không

nói gì!

– Mẹ nói cả buổi sáng châu chực xin gặp Hoàng hậu mà không được. Chiều nay mẹ đi lần nữa. Hoàng hậu cho người ra cổng bảo Hoàng hậu khó ở, không tiếp khách.

Lợi thấy cách ăn nói của con gái khôn ngoan rành mạch như người lớn, kéo con vào lòng vuốt tóc nó. Anh ngồi tần ngần, không nói năng gì, khiến Thái cứ nơm nớp không biết có nên nói thêm vài câu để cha vui lòng hay không. Một lúc sau, Lợi hỏi:

– Mẹ đi về phía nào con biết không?

Thái đáp:

– Dạ không. Lúc đi, mẹ có hỏi anh hầu: nhà riêng của quan Trung thư ở phía nào.

Lợi quên mình đang nói chuyện với con, gắt gỏng:

– Sao lại đến nhà ông đồ Kỷ?

Thái sợ, không dám nói gì nữa. Lợi hỏi:

– Đến nhà quan Trung thư? Hồi này con bảo mẹ đi tìm cha?

Giọng Thái run run:

– Con tưởng cha lại đăng đó. Hay... hay là mẹ đi tìm cậu Lãng, thừa cha?

Lợi thấy dự đoán của con rất hợp lý. Gần đây Lãng thường tìm có đến nhà quan Trung thư luôn, đến nỗi mỗi lần Lãng ghé tạt về đây, cả An lẫn cháu đều đem chuyện đó ra làm đề tài trêu chọc Lãng. Lợi thấy không còn giải pháp nào thích hợp hơn là kiên nhẫn ở nhà đợi vợ.

Bây giờ anh mới thấy khát. Lợi bảo:

– Con vào rót cho cha chén nước.

Thái gỡ tay cha đứng dậy đi rót nước. Lợi lấy khăn lau mồ hôi trên trán, lúc đó mới chú ý đến cái khăn lệch. Anh đưa tay vuốt tóc để đội khăn cho ngay ngắn. Một sợi tóc bạc dính vào lòng bàn tay ươn ướt mồ hôi. Lợi chợt nghĩ: tóc mình bắt đầu bạc hồi nào? Bốn mươi tuổi đã là bao. Trong các tiệc rượu, bọn ca nhi tuổi cập kê vẫn thường gọi ta là “anh” và nhất định không chịu tin ta đã bốn mươi tuổi. Vậy thì tóc ta bạc từ lúc nào? Thôi, phải rồi! Tất cả đều do bọn tay chân Bùi Đắc Tuyên. Những chủ ghe Đồng Nai lo cho ta từng cái khăn đội đầu, cái dây thêu đựng thuốc. Họ dám dốc hết túi để giúp ta. Không biết khi bị tra khảo, họ có khai bậy gì cho ta không?

Lợi lại đâm lo. Con Thái đặt khay nước trà xuống cái bàn chân nai trước mặt cha. Lợi quên cả khát, nét mặt bồn thần. Thái phải nhắc:

– Cha uống nước ạ! Con đi lấy cái quạt lông công cho cha nhé. Cha uống nước đi.

✱

Nghe tiếng An ngoài cửa, Lợi vội bỏ chén nước đang uống dở, đứng bật dậy. Chén nước bị đặt ngoài mép khay nên nghiêng đổ cả nước trà ra bàn. Mặc cho con gái xếp lại chén và lau chùi nước vung vãi, Lợi chạy ra gặp vợ. An chưa kịp nói gì, Lợi đã hỏi:

– Thế nào?

An mếu máo định nói, nhưng thoát thấy con gái đứng bên cạnh, khuôn mặt trẻ thơ đầy lo âu, An mím môi yên lặng. Lợi hiểu ý, không hỏi thêm gì nữa. Vào nhà rồi, An hỏi con:

– Có ai hỏi mẹ không?

– Dạ không. À có. Có một bà thấp người, có nốt ruồi lớn trên cằm hỏi mẹ có lấy xấp nhung tàu không?

Lợi cần nhằn:

– Nhưng với gấm. Đến nước này mà em còn...

An bực dọc gắt:

– Còn thế nào? Chính anh nhờ em mua nhung để biếu cho bà đô đốc.

Lợi biết mình nói hớ, không nói gì nữa, nhưng nét mặt vẫn cứ hằm hằm.

An hỏi bé Thái:

– Nước trà ở đâu tung tóe khắp nhà vậy?

Thái liếc về phía cha, đáp nhỏ:

– Con vô ý, xin lỗi mẹ!

An bảo:

– Con rót thêm cho mẹ chén nước. À thôi, con lấy dao cắt cam cho cha ăn luôn thể.

Con bé đi rồi, Lợi vỗ vạt hỏi An:

– Không được gì cả phải không?

An mếu máo khóc:

– Chưa bao giờ em nhục như vậy. Người ta cho con hầu ra đuổi em như đuổi chó.

– Còn về phía Công chúa?

An thở dài chán nản:

– Cũng chẳng được tích sự gì. Mới đầu vào cung, thấy Công chúa mừng rỡ đón tiếp, em đã mừng. Hình như Công chúa đang chờ em lắm. Nhưng vừa ngồi xuống, Công chúa gục đầu vào lòng tràng kỷ thút thít khóc. Công chúa khổ tâm quá, không biết thổ lộ cho ai mỗi khổ tâm nên gặp được em như bắt được vàng. Công chúa cứ cầm tay em, ray rứt hỏi: “Có đúng thế không? Có đúng như lời thiên hạ đồn đãi là tướng công đã ra lệnh đục thuyền chìm chết hoàng thân Lê Duy Án? Ai nỡ làm vậy! Nhất định những kẻ ghen tị, thù hận tướng công đặt điều nói xấu mà thôi, phải thế không? Sao họ lại có thể dối trá như vậy được? Đem điều ác gán cho người ta, họ không thẹn với lương tri hay sao? Tướng công làm việc

gì cũng quang minh chính đại, muốn giết thì giết, việc gì phải hại ngầm. Mà tại sao người ta lại thù hận, ghen tị được với một người như tướng công? Họ phao truyền toàn những lời độc địa. Họ còn bảo đáng lẽ tướng công đích thân cầm quân ra bắc diệt tuyệt họ Lê nhưng sợ sĩ phu Bắc Hà, nên mới sai đến tiết chế Nhậm. Nhậm là phò mã của hoàng đế, nên nhân cơ hội làm quá đi để bêu riếu tướng công trước dân Bắc Hà. Tôi nghe mà sững sờ. Muốn bịt tai lại để khỏi biết những điều độc ác, nhưng tò mò nên cố dần lòng để nghe cho biết. Sao thiên hạ đặt điều lắm chuyện thế hở chị? Họ nói dối, phải không chị? Chị trả lời cho tôi biết đi. Chị quen biết tướng công từ thời khởi nghiệp, chị có hiểu tướng công đã làm gì mất lòng người ta để họ vu oan giá họa như vậy?” Đây, từ đầu chí cuối Công chúa vừa khóc vừa hỏi, không cho

em có thì giờ trả lời nữa. Em muốn nói chuyện mình, mà không thể mở miệng được.

Lợi tức giận:

– Sao lại không?

An đáp liền:

– Em thì chịu. Nói điều gì, chẳng khác nào nhè nhà có tang mà đến mượn tiền.

– Chính vào lúc đó mới dễ nhờ vả, vì người ta đang bối rối.

An đang cúi mặt vuốt lại nếp áo, nghe chồng nói vậy, vội ngược lên nhìn Lợi. An cảm thấy ngao ngán, cay đắng, thất vọng. Trong nỗi lo lắng, hoang mang, Lợi không nhận ra được nét biến đổi trên gương mặt vợ. Lợi trách:

– Vậy là mất toi cả buổi sáng. Rồi em có tìm được cậu Lãng không?

– Không. Buổi chiều nó không đến, vì đã ở đằng đó cả buổi sáng rồi. Nhưng lúc em cố xin vào gặp Hoàng hậu một lần nữa, con hầu có nói bóng gió một chuyện ghê gớm lắm. Anh, hình như bọn chủ ghe đã khai điều gì đó.

Lợi giật mình như vừa ngồi phải lửa:

– Nó nói gì mà em đoán thế?

Bé Thái bưng đĩa đựng tám miếng cam cắt khéo ra cho mẹ. Hai vợ chồng ngưng câu chuyện, nhìn nhau buồn rầu. Thái làm bộ xin lỗi:

– Con dao không được bén, nên con cắt vụng.

An cảm động nhìn con, dịu lời bảo:

– Con khéo lắm. Mẹ cắt cũng không được như con đâu.

Thái ngún nguẩy:

– Mẹ chỉ nói!

– Nhưng con tính vụng rồi. Một trái không đủ đâu. Con vào cắt thêm cho mẹ trái nữa.

Chờ cho con đi khỏi, Lợi vội hỏi:

– Con thị nữ đằng chỗ Hoàng hậu nói gì?

– Nó cười mỉa, rồi vờ như không biết em là ai, quay lại nói với con bạn: “Không biết ông Lợi ông Lộc nào đó làm chuyện gì mà quan thái sư (Bùi Đắc Tuyên) ghét hẳn thế. Trước lúc ra về, ông ấy còn ng-
hiễn rằng đe dọa: “Cứ đánh cho nát thân tất nhiên chúng nó phải khai. Một đứa

đã thú có mưu với thằng Lợi, mấy đứa kia chối sao được”. Tao nghe cứ rợn cả xương sống, tưởng ông ấy đang đe tao”.

Lợi sợ hãi đến líu lưỡi, phải trấn tĩnh thật lâu mới thì thào bảo vợ:

– Như vậy là nguy lắm!

An cũng hạ thấp giọng, run run đáp:

– Mấy đêm nay em có ngủ được đâu. Trước kia em đã bảo...

Đột nhiên Lợi quát:

– Bảo cái gì? Bây giờ còn định...

Thấy con gái bước ra, Lợi bỏ dở câu nói. Thái ngơ ngác nhìn cha rồi nhìn mẹ. Nó đủ thông minh để đoán biết nhà đang gặp nạn lớn. Thái đặt đĩa cam xuống bàn, rồi òa lên khóc tức tưởi. An phải ôm lấy con, dỗ dành:

– Kìa, sao lại khóc? Con ngoan của mẹ, không có gì đâu. Mẹ với cha chỉ cãi nhau vì chuyện vặt mà thôi. Đã bảo! Nín đi. Nín đi con. Vào đây mẹ lấy khăn lau mặt mũi cho. Chừng này tuổi mà còn khóc nhè, xấu lắm.

Tuy nói thế, nhưng chính An cũng khóc lúc nào không hay biết!

*

Hai vợ chồng cùng dậy sớm để nhìn vẻ xơ xác của nhau. Khuôn mặt An gần đây vốn đã ốm, đầu tóc lại không chải, nên Lợi càng thấy vợ già. Anh nghĩ “bọn ca nhi nói đúng thật. An chẳng khác gì chị cả của mình”. Ý nghĩ đó khiến Lợi xấu hổ, nhưng nó cũng thôi thúc Lợi nói với vợ điều anh ngẫm nghĩ đêm qua. Lợi nói:

– Em này!

An hỏi bằng giọng rã rời, hơi khao khao:

– Cái gì anh?

Cái nhìn của vợ khiến Lợi e ngại, xấu hổ. Lợi nói tránh:

– Hình như đêm qua thằng Phát về khuya đấy. Lúc đó em ngủ chưa?

– Còn thức.

– Em không mắng cho nó một trận. Nó chơi ở đâu vậy?

– Em không hỏi.

– Sao lại không hỏi. Độ này nó không chịu động đến cái bút, cái nghiên. Hư quá rồi.

– Tại anh đấy.

– Sao lại tại anh?

– Cho nó tiền nhiều, tất phải hư.

– Con nhà quan hư hết sao? Con hư tại mẹ.

An không muốn cãi vã, chán nản nói:

– Vâng. Tại mẹ.

Lợi không ngờ An trả lời gọn như vậy, bật cười. An cũng mỉm cười, tự thấy hai vợ chồng đều ngớ ngẩn. Lợi không bỏ qua cơ hội, lại nói:

– Em này!

– Anh bảo sao ạ?

– Cả đêm qua anh tính lui tính tới, thấy chỉ còn một cách.

An đưa mắt dò thăm ý chồng. Lợi rụt rè trước khi tiếp:

– Anh phải trốn thôi. Trốn trước khi quá muộn!

An giật mình, thẳng thốt hỏi:

– Trốn đi đâu? Gia đình đùm đê thế này!

Lợi lấy bạo, nói điều khó nói nhất:

– Chúng nó chỉ nhắm vào anh, nên tạm thời anh phải lánh mặt đi.

– Nhưng đi đâu?

– Vào Gia Định.

An hoảng hốt hỏi:

– Còn mẹ con em ngoài này làm sao? Vả lại, đã chắc gì Đông Định vương giúp

anh. Rồi xa xôi cách trở thế, chắc gì còn có ngày còn gặp lại nhau.

An thút thít khóc. Lợi không muốn để cho xúc động ngăn anh nói ra điều quan trọng hơn hết, nên cười nhạt một tiếng, bảo vợ:

– Em tưởng anh vào đó làm tôi mọi cho “chú Bảy” ư? Không, làm tôi cho ba anh em nhà họ bấy lâu đủ rồi!

An ngơ ngác hỏi:

– Vậy anh định làm gì trong Gia Định?

– Anh vào đó với ông Chung (Nguyễn Ánh).

An hoảng sợ, không dám tin những điều vừa nghe là có thật. Chị cứ nhìn đắm đắm vào mặt chồng, cố hy vọng chồng

nói đùa, hoặc lỡ lời trong một lúc phần chí. Nhưng không, Lợi nói tiếp:

– Nhà Tây Sơn sắp đổ rồi. Anh em đánh nhau như vậy thì vững sao được. Ai nhìn xa trông rộng cũng thấy điều đó. Chỉ vì mọi người đều sợ khó, sợ nguy, buông tay để mặc cho thế cuộc đua đẩy, nên không ai dám đi trước. Mình hơn thiên hạ ở chỗ dám làm trước mọi người. Kể ra cũng không phải là người đầu tiên, vì trước đây đã có Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đăng Vân. Nhưng mình vào lúc này chưa phải là chậm. Anh vào Gia Định nhiều lần nên anh biết. Đất trong đó rộng, đủ chỗ cho mình, ở đây chật hẹp quá.

An qua được cơn xúc động ban đầu, chậm rãi trách chồng:

– Anh tính chuyện riêng của anh thông suốt, đơn giản lắm. Nhưng anh có nghĩ khi anh làm phản rồi, mẹ con em sẽ ra sao không?

Lợi lúng túng, nói lắp:

– Chẳng lẽ Chính Bình vương nỡ quên tình nghĩa thầy trò, quên... quên... (Lợi muốn nhắc đến mối tình cũ của Nguyễn Huệ, nhưng không dám) tình bạn bè, đến nỗi ra lệnh hại em và các con? Vả lại, Bùi Đắc Tuyên đã bắt đầu ngờ vực anh rồi, trốn cả nhà sao được. Hôm trước anh xin theo đoàn thuyền của Phạm Văn Hưng để vào Gia Định, lão ta bảo bộ Binh bác ngay. Một mình anh thì có thể tìm cách lừa tay chân của lão...

An cắt lời chồng:

– Thôi, anh đừng nghĩ quần nữa. Chưa có gì tuyệt vọng đến nỗi phải tính tới chuyện ghê gớm ấy. Lão Tuyên có làm gì mặc kệ, quan trọng là ở Chính Bình vương. Anh không thấy hai lần trước ông ấy mắng mỗ bộ Hình hay sao. Mình gặp thằng Lãng hỏi cho rõ, rồi hãy tính. Đừng phần chí liều lĩnh, anh. Có làm gì, có định làm điều gì, cũng phải nghĩ đến em và các con. Nhất là các con. Chúng nó có tội tình gì...

An ghen lời, không nói hết được điều khủng khiếp, bi đát chị vừa tưởng tượng ra cho tương lai các con. Lợi không biết nói gì thêm, bắt đầu sợ chính ý nghĩ của mình.

*

Những ngày sau đó, ý định táo bạo của Lợi trở thành nỗi ám ảnh hãi hùng của An. Càng nghĩ, chị càng thấy lo. Chị biết lắm. Lợi không phải là người dễ dàng chịu nhận sự rủi ro, thua thiệt về phần mình, Lợi có thể làm bất cứ việc gì. Cho nên An không cho Lợi đi đâu cả. Ban đầu Lợi còn ngoan ngoãn. Về sau, cuồng cẳng, Lợi xin đi uống rượu để quên. An bắt chồng thế không được đến nhà bạn bè, hoặc tới chỗ hẹn với bọn các lái. Cứ đến quán rượu đi. Từ đó chiều nào Lợi cũng trở về nhà với bộ mặt đỏ gay, ăn nói lè nhè, đôi bữa chủ quán phải cho người dìu Lợi về. An lo thay quần áo, lau chùi các chỗ Lợi ới mưa vung vãi, tuy hết sức phiền muộn nhưng không dám trách cứ chồng một lời. Thà Lợi nát rượu còn hơn để cho anh tỉnh táo suy nghĩ đến những chuyện động trời.

An đặt hết hy vọng vào Lãng vì Lãng làm việc gần gũi được cả Chính Bình vương lẫn Trần Văn Kỳ. Chiều nào chị cũng thấp thỏm chờ Lãng đến, lo sợ nhiều hơn là hy vọng. Lãng khổ tâm thấy chị đứng ở cổng chờ mình, đôi mắt hốt hải, môi run run lập cập thốt lên câu hỏi quen thuộc:

– Thế nào, họ đã trình lên rồi phải không?

Anh thương chị, xót xa cho hoàn cảnh chị, đồng thời cũng băn khoăn tự hỏi làm sao chị mình lại có thể gần bó tha thiết với một người chồng tầm thường như vậy. Thà An đau đớn da diết vì một cái gì cao cả Lãng còn đỡ hận. Đằng này... Lãng chịu thua, không hiểu nổi đàn bà. Một lần Lãng thử kể chuyện Chính Bình vương bị bệnh không thể thiết triều xem thử phản ứng của An thế nào. Anh thất

vọng nào nề. An dừng dừng, chỉ bảo:

– Thế à. Còn việc anh Lợi?

Lãng hoang mang không hiểu cái gì mới là cái xương sống để tình yêu đứng được với thời gian: sự cảm thông giữa hai tâm hồn? Sắc đẹp? Tiền tài? Đời sống chăn gối? Nghĩa vụ đối với con cái? Hoặc tệ hơn nữa, là sự kiên nhẫn chịu đựng cái tầm thường yếu đuối của nhau? Lãng xót xa so sánh người chị thời An Thái với người đàn bà nạ dòng mặt mũi hốc hác, đầu bù tóc rối, đang cuống quýt than thở bên cạnh anh chồng say, lòng thất lại. Giá anh có thể mang đến một tin vui cho chị đỡ khổ. Mọi việc đều ở ngoài tầm tay Lãng. Anh chỉ có thể báo tin mà thôi, còn bao nhiêu âm mưu phức tạp, bao nhiêu sự kiện đang xảy ra trong cái guồng máy khổng lồ khó hiểu để đẻ ra cái tin dữ hay tin lành cho An, thì Lãng chịu!

Nhưng khoảng đầu tháng ba năm đó, Lãng hớn hở về nhà chị với một tin vui. Không để cho An kịp hỏi, Lãng nói trước:

– Tạm yên rồi chị ạ. Vào đây em kể cho nghe.

An reo lên, hai tay bầu lấy vai em:

– Thật sao Lãng? Nhưng... nhưng cái gì tạm yên?

Lãng không muốn cho chị hồi hộp, lo âu vô ích, đáp liền:

– Vụ anh Lợi ấy.

An lúu cả lưỡi, bắt em dừng lại:

– Em có nói dối với chị không? Dừng nói dối cho chị vui, tội nghiệp. Em kể liền cho chị nghe đi. Nhưng thôi, em vào đây kể cho anh Lợi nghe luôn. Vào

đây đi. Này chú, dắt ngựa cho uống nước nhé. Em đưa cương cho chú ấy. Nhớ cho nó ăn thóc nhé. Em vào lối này. Chỗ cửa có một chỗ anh Lợi ới mưa đêm qua chị chưa kịp sai chúng nó dọn. Ủa, anh Lợi đi đâu rồi? Lại đi. Tội nghiệp. Anh ấy lo đến nỗi không ăn ngủ gì được. Họ dựng lên những chuyện tà trời, ai không lo. Ngồi xuống đây. Khỏi cần nước nôi gì nhé? Kể cho chị nghe đi.

Thấy chị mừng rỡ cuống quít, Lãng vui lây. Anh cố ý khề khà chậm rãi để kéo dài chút vui hiếm hoi:

– Việc chúng nó muốn gán cho anh Lợi ấy mà. Nhất là sau khi một tên chủ ghe Đồng Nai nhát đòn chịu khai theo ý chúng nó...

An mất kiên nhẫn, giục:

– Biết rồi. Sau đó chúng nó... Sau đó họ làm gì nữa?

– Chúng nó ăn ý với bộ Hình, cố tra khảo để bọn còn lại chịu khai đã nhận lệnh của Gia Định ra đây nhờ anh Lợi làm nội ứng. Nhưng bọn này khôn hơn tên chết nhất kia: nếu khai như vậy, chính bọn họ cũng phải tội chết. Cuối cùng chỉ được lời khai của một tên mà thôi.

– Chuyện đó chị cũng biết rồi.

Lãng ngạc nhiên hỏi:

– Làm sao chị biết?

– Lão Tuyên tâu với Hoàng hậu, bọn thị nữ nghe được, kháo chuyện với nhau. Nhưng sau đó, họ làm gì?

– Chúng nó cứ trình cả lời khai ấy lên, với các đơn tố cáo bên bộ Hộ và Tầu

vụ. Lập luận của chúng là anh Lợi được phân cho nhiệm vụ rất hệ trọng là tìm cách triệt lương của Phú Xuân. Dĩ nhiên công việc này chỉ là dự tính về sau, khi Gia Định đủ mạnh để mang quân ra đây. Trước mắt, anh Lợi phải nắm cho được các nguồn tiếp tế lương thực như Tàu vụ, các đoàn buôn gạo từ Đồng Nai, các kho chứa thóc, các mối hàng xáo... Về điều này, chúng nó có đủ bằng chứng.

An nóng nảy phản đối:

– Nhưng đó là công việc bộ Hộ giao cho anh Lợi kia mà!

– Bộ Hộ lại trình là anh Lợi làm quá nhiệm vụ được giao để thủ lợi riêng. Về việc này... về việc này...

An hiểu vì sao Lãng do dự không nói hết ý, vội khóa lấp:

– Dù có trình thế nào rồi cũng không qua được mắt Chính Bình Vương. Anh ấy... ông ấy nghe tau như vậy, đã quyết định thế nào?

– Lần này, anh Huệ không gay gắt với chúng nó như hai lần trước. Anh ấy chịu ngồi nghe tau hết từ đầu chí cuối, hỏi rõ tại sao chỉ có một tên chịu khai trong khi các tên buôn gạo khác đều phủ nhận. Anh ấy còn hỏi bằng cứ để chứng minh việc anh Lợi làm có liên quan đến lời khai kia. Chúng nó ú ớ, đáp không xuôi. Anh Huệ nói: “Thôi được. Nếu quả đúng như các ông trình thì vụ này cũng quan trọng đây. Nhưng hiện ta còn nhiều việc phải lo trước. Các ông đã nghe phò mã (Vũ Văn Nhậm) ở Thăng Long đã tự chuyên, làm nhiều điều thất nhân tâm như thế nào rồi. Tiếng oán than đã vào thầu đây, ta không đích thân ra đó gỡ

giúp cho phò mã không được. Phò mã xuất thân võ biên không thạo các điều lắt léo của việc cai trị, tính lại hay tự kiêu, tham lam. Khổ thế! Nếu ta làm ngơ để mặc cho hấn sa lầy, Hoàng đế lại nghi ta đưa hấn vào chỗ chết vì hiểm khích. Các ông tạm thay ta lo việc Phú Xuân ít lâu. Không. Quan Trung thư sẽ cùng đi với ta ra Bắc. Lúc về ta sẽ xem lại vụ này. Nếu các ông không có bằng cứ gì thêm cho xác đáng, thì bắt buộc ta phải nghĩ các ông cố ý hại người vì tư thù. Độ này Đắc Trụ làm gì vậy ông Tuyên?”. Chị biết không, đột nhiên anh ấy hỏi thế, khiến Bùi Đắc Tuyên giật mình, ấp a ấp úng. Anh ấy biết hết mọi việc làm của cha con nhà ấy, làm sao qua mắt anh ấy được.

An vẫn lo âu:

– Như vậy câu chuyện vẫn chưa ngã ngũ gì cả!

– Chị còn đòi gì nữa. Anh ấy nói như vậy là rõ rồi.

– Chị có nghe em thuật là ông ấy... anh ấy nói anh Lợi vô tội đâu? Chỉ gác lại để sau này xét mà thôi.

Giọng Lãng hơi bức:

– Nhưng chị quên ông Tuyên là anh ruột Hoàng hậu. Anh ấy phải tìm lời khéo léo để khỏi làm mất thể diện ông ta chứ. Với lại...

An vững tâm hơn, cười bảo em:

– Chị lo âu quá, mất cả sáng suốt. Như vậy là tai qua nạn khỏi rồi chứ, Lãng?

– Vâng.

– Sao chị thấy em không được vui?

Lãng không muốn nói rõ những điều mình nghĩ về Lợi, nói tránh đi:

– Không. Em có điều gì buồn đâu.

An muốn lấy lòng em, đùa:

– Hay vì mãi lo chuyện chị, không có thì giờ tìm gặp nàng?

Lãng đỏ mặt, chối:

– Không đâu. Chưa có gì đâu.

Bây giờ An ở vào thế chủ động, tự tin. An tra vấn Lãng:

– “Chưa có gì đâu” mà ngày nào cũng tìm cách đến nhà quan Trung thư?

Lãng chống chế yếu ớt:

– Em đến để học thêm đây chứ!

– Học cái gì? Học làm Tư Mã Tương

Như phải không? Liệu nàng Văn Quân nói tiếng Thuận Hóa này có chịu trốn theo chàng Tư Mã không?

Lãng hơi chột dạ, hỏi chị:

– Sao chị lại so sánh như vậy?

An đáp:

– Không giống hẳn nhưng cũng hơi hơi đấy chứ. Chị chưa gặp được cô ấy. Nhưng nghe đâu cô ấy cũng đẹp như Văn Quân (An cười khúc khích). Thật ra chị cũng không biết Văn Quân đẹp thế nào. Nhất định là đẹp lắm. Cô ấy cũng bị dở dang như Văn Quân.

Đây là lần đầu tiên Lãng nghe một điều bất thường về cô con gái Trần Văn Kỷ. Anh không giấu được xúc động, hỏi An một cách thẳng thốt:

– Dở dang ư? Chị nghe ở đâu thế?

An cũng kinh ngạc:

– Em không biết chuyện đó à?

– Chuyện gì?

– Chuyện cô ấy được một đám đến dạm hỏi. Mọi sự gần như xong xuôi, dùng một cái bên nhà trai xin thôi. Không biết vì lý do gì. Cô ấy đã trên hai mươi rồi phải không.

Lãng thành thực nói:

– Em chưa biết chuyện này. Có thật không chị?

– Lại không thật! Nhiều người nói lắm, không phải người nào cũng ganh tị với quan Trung thư đâu.

– Thế tại sao quan Trung thư không nói gì với em cả?

– Ai lại đem chuyện buồn trong nhà ra nói với người ngoài! Còn cô ấy?

– Chị hỏi sao?

– Chị hỏi cô ấy có nói với em chuyện đó không?

Một lần nữa Lãng thành thực với chị:

– Em có được nói chuyện với cô ấy lần nào đâu?

An trở mắt nhìn em:

– Đến lúc này mà em còn giấu chị à?

– Em nói thật.

An bật cười:

– Vậy làm sao em biết cô ấy có cảm tình với em mà tiến tới!

– Em chỉ đoán.

An cười to hơn:

– Dựa vào đâu mà đoán?

Lãng đỏ mặt, lúng túng:

– Lúc nào em đến, cô ấy cũng tìm việc để hoặc hái rau, hoặc đi ngang qua nhà học để em trông thấy cả.

– Em trông thấy được gì nào?

– Khuôn mặt nàng thanh tú và buồn buồn. Làn da trắng, hai má hồng ửng. Dáng người thon mà không yếu đuối.

– Quan Trung thư có biết em... em thương con gái không?

– Có lẽ biết.

– Quan có nói gì không?

Lãng suy nghĩ một lúc, đáp lơ lửng:

– Hình như không.

An bắt đầu lo ngại:

– Như vậy có thể thiên hạ đồn đãi đúng.

Lãng vội hỏi:

– Họ đồn gì thế chị?

An không muốn em buồn, nói dối:

– Thì họ đồn em định làm rể quan trung thư.

Rồi An cười thật lớn để che giấu sự bối rối. Lãng ngờ ngợ có điều gì chị giấu mình, nhưng không dám hỏi. Anh hoang mang, buồn rầu bảo An:

– Thôi, dẹp chuyện lắm cẩm đó lại. Chị cho em về. Không biết chừng ít hôm nữa em sẽ theo Chính Bình Vương ra

bắc. Em sẽ tìm cách mua lụa tốt Thăng Long về biếu chị.

Chương 84

²¹Khi Chính Bình vương sai Vũ Văn Nhậm kéo quân ra Bắc diệt Chĩnh, tuy do mệnh lệnh đã định từ trước nhưng trong lòng thì Vương cũng hơi nghi ngờ. Vì vậy, mới sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân theo làm tham tán quân vụ để chia bớt quyền của Nhậm. Lúc họ ra đi, Nguyễn Huệ có bảo ngầm Sở:

– Nhậm là con rể của anh ta. Nay ta với nhà vua có sự xích mích, lòng hăn chắc cũng không yên. Chuyến này hăn

21 Toàn tiết 1 lấy y trong Hoàng Lê nhất thống chí. Ngô Tất Tố dịch, từ trang 241-246

cầm trọng binh vào nước người, diễn biến thế nào không thể lường trước được. Ta không lo Bắc Hà, chỉ lo về hãn mà thôi. Người phải dò xét cho kỹ, hề thấy cái gì khác ý thì báo ngay cho ta. Ví như lửa vậy, dập tắt từ khi mới bén thì còn dễ dàng.

Nhưng Vũ Văn Nhậm không biết vậy, lúc đã thừa thắng kéo tràn ra Bắc như vào một làng bỏ không, chẳng ai dám chống cự. Nhậm liền dương dương tự đắc. Tối khi bắt được Nguyễn Hữu Chỉnh thì Nhậm cho rằng uy vũ của mình đã đủ khiến cho người ta phải phục. Cái xứ Bắc Hà còn con, không có việc gì khó. Khi nghe Lê Chiêu Thống chạy lên phía bắc nương tựa vào Nguyễn Trọng Ninh, Nhậm liền gửi thư bắt Ninh đem vua ra nộp. Rồi cho đòi các tôn thất, quan văn quan võ đến cửa quân chờ hầu, sai bằng

cầm, khiến bằng ý, chẳng ai dám không theo.

Chẳng ngờ về sau Ninh không về, các quan chẳng có ai tới, lại thêm Trần Quang Châu ở Kinh Bắc, Hoàng Việt Tuyền ở Sơn Nam, Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương, ai nấy cầm quân giữ đất và phao truyền khắp nơi rằng: bắt nạt các đạo sẽ họp ở ngoài kinh thành cùng Nhậm quyết chiến.

Rồi thì quân Tây Sơn kẻ nào đi ra khỏi thành đều bị bọn dân hào giết chết. Giặc cướp nổi lên khắp nơi, những đám khói lửa luôn luôn kéo từ làng nọ đến làng kia.

Bấy giờ Vũ Văn Nhậm mới có ý lo sợ, liền bắt hết dân kinh sư đắp lại vòng thành Đại La, ngày đêm đốc thúc không cho nghỉ. Dân phu đói khát mệt nhọc, có

kẻ đang đội thúng đất mà ngã sắp xuống. Bởi vậy ai cũng la oán.

Chợt có tin mới. Người của Trần Quang Châu đã lọt vào được trong thành để làm nội ứng. Họ hẹn Hoàng Việt Tuyền đem binh thuyền theo dòng Phú Lương (Nhị Hà) ngược lên để làm ngoại công. Nhậm bèn hạ lệnh lùng khắp kinh sư, những người đến trọ ở các phường phố đều phải bắt chém.

Ngô Văn Sở can:

– Mình cứ ngồi vững có sợ gì họ? Nếu mình tự làm rối trước, thì còn trấn áp thế nào được người. Chi bằng tha họ cho yên lòng dân.

Nhậm không nghe. Tình cờ có người ở làng Cơ Xá xưng tên là Trần Đình Khôi, trước có làm chức thiêm sự của nhà Lê xin vào ra mắt. Nhậm cho mời vào hỏi:

– Trước đây Chỉnh là kẻ vong mạng
vớ được địa vị cao, làm tàn hại nhân dân,
thiên hạ ai cũng căm giận. Người Bắc Hà
ai cũng muốn giết hắn mà không giết
được, lại bị hắn hại. Nay ta trừ hắn đi
cho, đáng lẽ dân Bắc Hà cảm ơn ta mới
phải, có sao ta cho vời mà không ai đến?

Khôi đáp:

– Ngài có thể quyết sự thắng trận
ở ngoài nghìn dặm, lẽ nào không thấy,
dù người Bắc Hà thâm oán cố Chỉnh,
nhưng lòng thương nhớ nhà Lê vẫn
chưa nguôi. Ngài giết được Chỉnh, người
xa người gần cũng đã mừng rồi. Nhưng
vì ngài chưa bàn đến việc phò Lê, cho
nên người ta hãy còn đứng trông ngóng,
chưa dám đến vội. Nay đấng Tự quân đã
bỏ nước nhà mà đi, đành không có lẽ lại
đem về được. Vậy có Sùng nhượng công
Lê Duy Cẩn, lúc Tiên đế còn đã ở ngôi

Đông cung, sau gặp quốc biến Nhâm dẫn mới bị kiều binh truất bỏ. Nếu ngài khôi phục ngôi đó cho Sùng nhượng công để người ở ngôi giám quốc, rồi đem ý đó bảo rõ kẻ trong người ngoài, và yết cáo ra cửa Đại Hưng, thì chẳng bao lâu các quan văn võ sẽ đến họp cả. Bấy giờ việc trong thiên hạ ai ai cũng phải nghe ngài, ngài muốn làm sao thì được vậy, dễ như trở bàn tay, lo gì không xong.

Nhậm gật đầu nói:

– Ông nói có lý. Ví như mổ trâu, cắt đúng đường gân khớp xương của nó, thì các thớ thịt sẽ phải đứt ra.

Tức thì Nhậm sai đón Sùng nhượng công vào phủ và tiếp đón bằng lễ đãi bậc thượng tôn. Nhậm bảo Sùng nhượng công:

– Thiên hạ vẫn là thiên hạ của nhà Lê. Tự hoàng bỗng bỏ mà đi, trong nước hiện không có ai làm chủ. Ông vốn là đấng thái tử đã có chiếu mệnh rõ ràng. Bây giờ nổi lại ngôi đó, ngoài ông ra thì còn ai nữa?

Sùng nhượng công nói:

– Nước tôi chẳng may mất cả giếng mối, đã nhờ Chúa thượng gây dựng lại cho. Không ngờ trời chưa thôi tai vạ, cho nên Tự hoàng đang lúc trẻ đại bị lầm về tội loạn thần, tự rước lấy sự bại vong. Nay được Thượng công chưa nỡ bỏ muốn nổi lại cái dòng đã tuyệt, thật là may cho nước tôi. Chỉ hiềm tôi không có đức, nếu ở ngôi cao, thì những công việc chinh đồn trong nước xin ngài giúp đỡ cho.

Nhậm cười bảo:

– Ông cứ làm, không cần phải lo xa quá. Có tôi ở đây, bọn gian hùng dù muốn làm gì đến ông, cũng phải sợ tôi, không dám đâu. Đợi khi Chúa công ra đây tôi xin nói giúp, thì ông sẽ là vua thật.

Sùng nhượng công nghe nói mừng lắm, bèn sai sửa lễ cáo ở nhà Thái miếu rồi vào trong gian nhà phía tả điện Cần Chính, và cho Khôi đi tìm kiếm các quan ngày xưa để cùng bàn việc. Đầu tiên, Khôi đến nhà Phan Lê Phiên. Phiên mắng:

– Vua phải chạy, đã không đi theo lại theo người ta mà lập vua khác, thế mà cũng nói được ư? Nếu người còn đến lần nữa, ta sẽ đi trốn lập tức.

Khôi trở ra, lại tìm đến nhà Bùi Huy Bích. Bích chối không được, phải vào ra mắt Sùng nhượng công và thảo tờ dụ

các quan, đại ý nói rằng: “Năm xưa đã nhường ngôi vua, vốn không tham gì nước nhà. Ngày nay tạm coi việc nước, chỉ mong giữ lấy việc tế tự. Nếu ai có thể xét rõ ý đó, thì nên tới họp cả trong triều”. Nhưng các quan cũng không ai tới. Khôi biết công việc không thành, nên đem việc nói với một người bạn. Người ấy đáp:

– Anh là một người nộp tiền để mua lấy đường xuất thân, triều không ngồi, yến không dự, mất nước không phải tội anh, lấy lại nước không phải trách nhiệm của anh, chẳng qua anh muốn nhân lúc loạn lạc cầu lấy phú quý mà thôi. Nhưng Sùng nhượng công không phải là “của lạ” có thể buôn được. Văn Nhậm lại là kẻ đã tâm khó tin. Một khi Bắc Bình vương đến, chưa biết tai vạ thế nào. Mà sau này, nếu vua Chiêu Thống trở về, thì anh không còn chỗ nào mà dung thân nữa. Ngạn

ngũ có câu: “ở yên không sao, chui đầu vào chum để mua lấy vợ”, ấy là anh đó.

Khôi sợ quá, trốn biệt.

Sùng nhượng công ngồi trơ trong điện, chỉ có vài người hoàng thân, bốn viên võ biên, sớm tối quanh quẩn với nhau, hết thấy các việc không ai hỏi han gì đến. Hàng ngày, Sùng nhượng công lẻo đẻo đi bộ đến chỗ Nhậm ở. Nhậm cũng không biết xử trí ra sao. Dân kinh đô gọi Sùng nhượng công là “giám quốc lại mục”. Lúc ấy Ngô Văn Sở bảo Nhậm:

– Chúng tôi vâng mệnh theo ông đánh dẹp, giặc Chĩnh tuy đã bị giết nhưng dư đảng của y ở miền đông nam vẫn chưa dẹp yên, vua Lê lại chạy ra ngoài, các bề tôi trốn nấp không đến. Ông dùng Sùng nhượng công làm giám quốc, nhưng tôi xem ra lão già đó chỉ là cục thịt trong cái

túi da, sai khiến sao được kẻ khác. Từ khi có nước Nam đến giờ, triều đại thay đổi không biết mấy lần, thiên hạ không phải của riêng một nhà ai, liệu có thể lấy thì cứ lấy đi, rồi thì đặt quan chia chức để dựng phen tường, cho lối nhìn, cách nghe của mọi người đều đổi mới một lượt. Nếu có kẻ trộm cắp danh hiệu thì cứ gọi luôn là giặc, rồi đem quân đánh, ai dám chống lại! Can chi phải mượn đưa tôi mọi kẻ chợ lên làm giám quốc để hẳn đóng vai “ông chủ tượng gỗ” trong nước, mà mình thì cứ ở mãi trong thành làm tụi quân khách trọ ở nước ngoài?

Nhậm nói:

– Bọn Nhuỡng và Tuyền nay đã hơi tàn thoi thóp, nắm tay kéo đến, tự nhiên phải lại. Vả lại xem các bề tôi nhà Lê chẳng có mặt nào được như Điền Đan nước Tề, Vân Tường nhà Hán, chẳng

qua chúng sợ binh uy của ta nên còn rụt rè đó thôi. Nay mai, nếu ta treo một cái bảng, hẹn ngày cho họ phải tới cửa quân, không tới thì chém, chắc là họ sẽ làm như Liêm Pha, bỏ trần tay áo vác roi mà đến. Điều đó không phải là việc đáng lo. Chỉ vì nhân tâm Bắc Hà còn nhớ họ Lê, bất đắc dĩ nay hãy theo lòng mong mỏi của dân, mượn hân đến đây làm ông tượng gỗ để chia bớt đảng Chiêu Thống và ràng buộc lòng dân Bắc Hà đó thôi. Chỗ đó, các ông không thể biết tới. Bọn các ông có việc đánh nhau, ta sẽ ủy cho các ông chia đại binh đi đánh các nơi rồi giữ lấy đất, làm bức tường thành cho ta, há chẳng mạnh à? Tới lúc đó thiên hạ sẽ có rất nhiều việc hay. Cái người chễm chệ làm chủ, chẳng ta thì còn ai, có sao lại bảo là khách?

Ngô Văn Sở nín lặng không nói gì nữa. Khi về, Sở bảo với Phan Văn Lân:

– Tiết chế thật khinh người quá. Hãn có tài đức, trí lược gì mà dám coi chúng ta là tụi võ biên chỉ biết đánh nhau? Từ khi vào thành đến giờ, xem hãn đã làm được những gì nào? Bắt gấp dân chúng đắp lũy và phò Duy Cẩn lên làm giám quốc đều là sắp sẵn cơ mưu làm phản để hòng tranh hành với chúng ta. Hãn không lấy giặc Chỉnh làm gương, lại còn định bắt chước y. Hãn không muốn sống, chỉ muốn chết. Thì cứ để hãn đi theo thằng Chỉnh, để răn kẻ khác.

Sở liền đem hết việc làm của Nhậm làm bản cáo phản, bắt Lân làm chứng, rồi ngấm sai người đem về Phú Xuân báo tin cho Chính Bình Vương.

✱

Trước khi khởi hành ra Thăng Long, Chính Bình Vương đã viết thư sai Cẩn tín hầu Nguyễn Quang Đại mời La Sơn phu tử đến đại doanh ở núi Nghĩa Liệt, gần bến Phù Thạch để Nguyễn Huệ được gặp mặt. Thư viết như sau:

“Gửi cho La Sơn phu tử được hay,

Nay thiên hạ khốn khổ, không cùng phu tử mà cứu gỡ thì không biết cùng ai. Quả đức thân hành qua hạt. Đặc sai văn binh phiên phó tri phiên Cẩn tín hầu Nguyễn Quang Đại lại vấn an và mời phu tử tới, ngõ hầu được nghe lời phu tử dạy bảo. Thế là may cho quả đức và may cho thiên hạ lắm.

Nay gửi thư.

Thái Đức ngày 18 tháng 3, năm thứ 11 (1788)²².

²² La Sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 110-111.

Lãng cùng đi với Cẩn tín hầu ra Nghệ An trước, để sắp xếp cho cuộc hội kiến lịch sử giữa một võ tướng Nam Hà trẻ tuổi và một văn thần Bắc Hà được giới sĩ phu vị nể.

Cẩn tín hầu lo một, quan trấn thủ Nghệ An lo hai, tri huyện La Sơn lo bốn vì mọi người đều biết cách hành binh thần tốc của Chính Bình Vương, nên cuối cùng, La Sơn phu tử được mời tới đại doanh ở núi Nghĩa Liệt quá sớm. Nguyễn Thiếp đợi gần một ngày Chính Bình Vương mới ra tới nơi hẹn. Vừa gặp cụ, Vương đã trách:

– “Đã lâu nghe đại danh, cho nên muốn cùng nhau gặp mặt. Tiên sinh thoái thác không tới. Ý tiên sinh cho quả nhân là thằng giặc nhỏ, không đủ làm kẻ anh hùng trong thiên hạ hay sao?

La Sơn phu tử đáp:

– Hơn hai trăm năm nay, quyền hành đất Bắc thuộc về tay họ Trịnh hung bạo. Tướng quân đánh một trận mà dứt được, lấy đất đai mà trả lại cho nhà Lê. Như thế ai nói là không phải đáng anh hùng. Còn nếu nhân người nguy, lợi dụng tai họa của người, trước vì nghĩa mà sau vì lợi, thì là gian hùng²³”.

Nguyễn Huệ mím môi lại, liếc về phía Trần Văn Kỷ rồi liếc nhìn vết sẹo trên cánh tay trái của mình. Chỉ một thoáng, Vương đã trấn tĩnh được ngay. Nguyễn Huệ tươi cười, ngồi dịch lại gần La Sơn phu tử, vui vẻ nói:

– Thật là một lời dạy bảo chí tình. Bấy lâu quả nhân nghe nói hoài đến khí

23 Trích phối hợp gia phả họ Nguyễn La Sơn, Lê mặt tiết nghĩa lục và Lê quý ký sự trong La Sơn phu tử của Hoàng Xuân Hãn, trang 111-112.

tiết kẻ sĩ, nhưng chỉ gặp được những kẻ cố chấp, câu nệ từ chương. Nay mới hân hạnh...

Câu chuyện sau đó tuy thân mật nhưng quanh quẩn trong việc thăm hỏi sức khỏe, khí hậu, mùa màng... Chính Bình Vương đã biết điều muốn biết là cách nghĩ của La Sơn phu tử đối với hai chữ “chính thống”, và đã dừng lại đúng lúc để khỏi gây những đổ vỡ không cần thiết. Phần La Sơn phu tử, cụ cũng đã nói một mạch điều tâm niệm của cả đời, qua được cuộc thử thách mà cụ biết sẽ gây tiếng dội đến Thăng Long và đời sau.

✱

Tiền đưa La Sơn phu tử về xong, Chính Bình Vương vội ra lệnh khởi

hành, tuy trời đã xâm xẩm tối. Trần Văn Kỷ cố quan sát xem nét mặt Nguyễn Huệ vui buồn thế nào, nhưng chịu! Quan Trung thư không thể đoán được Vương đang nghĩ gì sau cuộc hội kiến mà hai người hăng mong đợi. Nguyễn Huệ cho ngựa chạy thong thả, dáng ngồi thẳng, hai vai rộng nhấp nhô đều đều theo nhịp vó. Trần Văn Kỷ giữ cho ngựa mình chạy sau ngựa Chính Bình Vương một khoảng khá xa. Kỷ e ngại phải nói chuyện với Nguyễn Huệ ngay lúc này, vì trong thâm tâm, ông tự cảm thấy mình có phần trách nhiệm về cuộc hội kiến bất như ý. Chính ông đã đề cao Nguyễn Thiếp nhiều lần trước mặt Nguyễn Huệ, cũng như đã cố thuyết phục Huệ hy vọng vào lớp nhà nho thức thời của Bắc Hà.

Qua khỏi một cánh đồng vừa gặt xong, mặt ruộng chỉ còn trơ gốc rạ, thì

đoàn người ngựa đi vào một xóm quê có nhiều tre xanh. Trời tối, đường cái nhấp nhô khó đi. Chính Bình Vương ra lệnh dừng quân nghỉ đêm. Trần Văn Kỷ áy náy vì thấy việc Chính Bình Vương không chịu nghỉ đêm tại đại doanh ở Nghĩa Liệt, vội vã rời khỏi nơi đó để đến nghỉ đêm tại cái xóm hẻo lánh này là dấu hiệu thất thường. Một sự bực dọc, bất bình chẳng hạn. Lúc cả đoàn giở lương khô ra ăn thay bữa tối, Trần Văn Kỷ cũng tránh né để khỏi phải ngồi gần Nguyễn Huệ. Họ qua đêm ở đó, không tìm dịp nói chuyện với nhau. Mãi đến sáng hôm sau, Vương mới gọi quan Trung thư thúc ngựa lên đi bên cạnh mình, mỉm cười hỏi:

– Đêm qua ông ngủ ngon chứ?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Cảm ơn Vương thượng, tôi đã cao tuổi, nên...

Nguyễn Huệ cắt lời Kỷ:

– Đêm nào ông cũng trần trọc thế ư?

– Bẩm có lẽ vì không quen đi xa.

Nguyễn Huệ cười nhẹ, nói nhanh:

– Ta cũng không ngủ được như ông. Ta nghe tiếng ông ho vào đầu canh ba. Lại một điều là cái xóm ta qua đêm ít có tiếng gà gáy quá. Ông có biết vì sao không?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Vùng này đất cát cằn cỗi, bao năm nay chiến tranh chà xát liên miên nên thóc lúa thiếu hụt. Người còn thiếu ăn, huống chi gia súc.

– Nhưng đây là đất phát sinh anh tài.
Ông đừng quên quê hương tổ tiên ta là
Hưng Nguyên xứ Nghệ.

Rồi không cần chuyển mạch gì cả,
Nguyễn Huệ hỏi liền:

– Ông nghĩ sao về cuộc hội kiến hôm
qua?

Trần Văn Kỷ cố giấu bối rối bằng
cách đáp thật chậm chạp và lơ lửng:

– Đã lâu rồi, từ thời phu tử còn trẻ,
một hôm lên chơi núi Nghĩa Liệt, phu tử
có viết:

Kìa người qua lại, đây không bụi.

Mặc kẻ hay chăng, nước thuận dòng.

Sớm tối lều gianh ta tạm ẩn.

Ngắm buồn theo gió nguyệt đây
sông²⁴

24 Trích trong La Sơn phu tử, trang 46.

Xem thế thì cái chí ẩn dật La Sơn phu tử đã có từ thời trẻ, chứ không phải là cái có nạy ra để lánh việc đời.

Nguyễn Huệ không giấu bực dọc, nói:

– Gió trăng, cây cỏ, có tội tình gì mà bắt chúng nó che đậy sự hèn nhát của các ông! Các ông khôn lắm, khi xăn tay áo lặn ra đời thì dựa dẫm nào Khương Tử Nha, Y Doãn. Khi thua thiệt về vườn thì che giấu thất vọng bằng phú Đào Tiềm, Tô Thức. Người dốt nát như dân áo vải, chân đất chúng tôi ngơ ngác như đứng trước đám khói, không biết các ông phải trái thế nào nữa. Các ông chịu ra giúp đời, đáng khen lắm, mà các ông khoanh tay ở ẩn, cũng đáng khen nốt. Các ông chiếm hết tiện nghi. Khổ cực, chết chóc, lam lũ, lầm than, rối cuộc chỉ có dân đen dốt nát chúng tôi chịu.

Trần Văn Kỷ nhận thấy đây là lúc không thuận lợi để bàn luận thẳng thắn với Chính Bình Vương, nên chỉ đáp:

– Vì vậy kẻ chính nhân quân tử thì ít, bọn cố chấp hẹp hòi thì thời nào cũng đông đảo. Hiểu cho đúng được lẽ trung dung, thật khó lắm.

Không ngờ Nguyễn Huệ càng nổi giận:

– Các ông thường nói như vậy để làm gì? Để lòe bọn vô học chúng tôi chăng? Hay là nài có khó để không ai còn dám chê bai các ông cả. Ông hãy nhìn vết sẹo trên cánh tay ta đây. Ai muốn giết ta, ông biết không? Một kẻ tự xem là đại trượng phu lấy trung hiếu làm đầu đấy²⁵. Hắn liều chết để vẹn chữ trung với nhà Nguyễn cũng như Lý Trần Quán tự chôn

25 Xem lại chương 43.

mình để vẹn chữ trung với nhà Trịnh. Nhưng cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn là gì? Nếu công nhận họ nhà Lê chính thống thì hai họ đó là bọn phản tặc. Hơn hai trăm năm nay, nhà nho các ông đã làm gì chống lại bọn phản tặc đó để vẹn chữ trung với vua Lê chưa? Các ông làm như không thấy, không nghe, không biết. Bây giờ họ Trịnh, họ Nguyễn bị ta diệt rồi, các ông không biết bám vào đâu nên cố vúi vào vạt áo rách của nhà Lê. Đến lúc nào các ông mới dám soi gương nhìn thẳng vào bộ mặt thực của mình? Đến lúc nào? Ông cùng xuất thân như họ, chắc ông trả lời được. Lúc nào? Lúc nào?

Trần Văn Kỷ im lặng. Thành thật mà nói, quan Trung thư không tìm được câu trả lời.

✱

Suốt cuộc hành trình còn lại, Nguyễn Huệ và Trần Văn Kỷ đều tránh né, không muốn nhắc đến vấn đề gai góc ấy. Ngay buổi chiều, Nguyễn Huệ đã cười nói bình thường, như không có việc gì xảy ra cả. Vương đem chuyện Lãng ra bông đùa, khiến cả Lãng lẫn quan Trung thư đều bối rối. Nhất là Trần Văn Kỷ. Dường như ông có điều gì thật quan trọng muốn thổ lộ, muốn cải chính, nhưng ông không dám nói ra. Nguyễn Huệ tưởng rằng Trần Văn Kỷ sợ Vương nghi mình cố ý muốn kéo vây cánh để củng cố địa vị, nên chỉ đùa qua rồi thôi. Những lúc đi bên nhau, Vương thường hỏi Kỷ về phong thổ, tập tục, đời sống dân chúng và nhân tài của các vùng họ đang đi qua. Một lần đoàn qua một cánh đồng, vào lúc dân chúng đang gặt lúa. Nguyễn Huệ hỏi Trần Văn Kỷ:

– Ông thấy thái độ dân quê mỗi lần đoàn chúng ta đi qua có gì lạ không?

Trần Văn Kỳ ngẫm nghĩ một lúc rồi đáp:

– Bẩm... hình như các quan địa phương không kịp báo cho dân biết có Vương thượng vi hành, nên dân họ có vẻ ngơ ngác. Tuy vậy, hình như họ cũng đoán được Vương thượng là ai. Thái độ của họ tỏ ra kính nể, hân hoan.

Nguyễn Huệ cười lớn, lắc đầu:

– Ông muốn làm cho ta vui lòng. Cảm ơn ông lắm. Ta nhận ra nhiều điều khác ông. Quả thực ban đầu họ có vẻ ngơ ngác, tò mò thật đấy. Nhưng sau đó, họ dừng dừng. Có lẽ họ tự hỏi: “Đám quan nhân nào vậy cà? Gớm, bao nhiêu là người, ngựa! Không biết có dừng lại ở

trấn phủ để bắt thêm lính, lấy thêm gạo không? Cầu Trời cho họ đi thẳng. Còn bao nhiêu là ruộng phải gặt dần, để còn cày trở. Giá mình được bấy nhiêu ngựa để thổ thóc về nhà nhỉ?”

Trần Văn Kỷ vui lây vì cách tưởng tượng lý thú của Chính Bình Vương, nên bạo dạn đáp:

– Đa số dân chúng đều có thể nghĩ vậy. Những chuyện phế lập nơi cung phủ nhiều lúc không quan trọng bằng một cơn mưa.

Nguyễn Huệ nói:

– Hồi nhỏ, mỗi lần thấy bọn lính phủ kẻ đao người thước ập vào làng để tróc nã người chưa kịp nộp thuế, ta nghĩ: “Giá đừng có bọn vua quan, thì dân sống sung sướng, an vui biết chừng nào”. Ta

thầm trách anh ta nhận chỉ cái chức biện lại Vân Đồn. Ông nghĩ mà xem, đến lúc đời này không cần bọn vua quan nữa, ai nấy được ăn trọn hạt lúa mình trồng, con cá mình lưới được, không mất thứ gì.

Trần Văn Kỷ nhận xét:

– Đến lúc đó thì còn lâu lắm, vì lúc nào cá lớn cũng muốn nuốt cho được cá bé. Không có luật lệ, lễ nghi, đạo đức, con người sẽ sống như loài dã thú trên rừng.

Nguyễn Huệ mỉm cười hỏi:

– Có thật thế không? Hay đó chỉ là cái cớ để dân làm ruộng và chài lưới nai lưng nuôi thêm mấy ông đi vớng mặc áo gấm, và bọn mặt trắng cầm bút lông.

Hai người lại thấy họ sắp trở về chỗ tranh luận gai góc, nên kịp dừng lại.

Sau hơn mười ngày, Chính Bình Vương đến Thăng Long vào đúng canh tư. Vương giải quyết nhanh gọn mọi điều phức tạp của Bắc Hà: vừa tới nơi, Nguyễn Huệ đến thẳng dinh Vũ Văn Nhậm, sai một võ sĩ đâm chết Nhậm lúc hắn đang còn ngủ say rồi cho khiêng xác ra sau phủ đường²⁶. Mờ sáng, Vương

26 Về cái chết của Nhậm, sử liệu không đồng ý với nhau:

a. Cái chết lúc đang còn ngủ say là theo Hoàng Lê nhất thống chí.

b. Cương mục lại chép: “Văn Nhậm ra đón, Nguyễn Huệ vỗ về yên ủi bằng những lời ôn tồn, rồi sai đem ngựa đang cưỡi và lọng đang che nhường cho Văn Nhậm. Khi đã vào đến trong thành, Nguyễn Huệ sai người trói Văn Nhậm ngay ở trước sân. Tra khảo, xét hỏi tuy không có chứng cứ thực sự, nhưng Nguyễn Huệ vẫn nói một cách quyết đoán rằng: “Không cần nói nhiều. Mày có tài trội hơn ta, thì không phải là người mà ta dùng được”. Nguyễn Huệ liền sai đem chém”. VSTGCM chính biên, tập 20. Nhà xuất bản Sử học Hà nội trang 1974.

c. Lịch sử nội chiến ở Việt Nam của Tạ Chí Đại Trường dựa vào tài liệu các giáo sĩ lại viết: “Đại binh với một đoàn hộ

phong cho Ngô Văn Sở làm đại tư mã coi cả đạo quân Tây Sơn ở Bắc, đoạn xếp đặt lại quan chức các trấn:

– Ở Sơn Nam, Hòa làm trấn thủ, Giác làm hiệp trấn.

– Ở Sơn Tây, Điện làm trấn thủ, Chinh làm hiệp trấn.

– Ở Kinh Bắc, Nguyệt làm trấn thủ, Ước làm hiệp trấn.

– Ở Hải Dương, Ham làm trấn thủ, Lợi làm hiệp trấn.

– Ở các phủ, huyện, châu, Ngô Văn Sở sẽ tùy tài xếp đặt sau.

Đối với Sùng nhượng công, Nguyễn
giá gồm 150 voi, 100 người nằm vồng, nhiều kiệu thếp vàng, Ngọc Hân, Bắc Bình Vương tiến vào thành Thăng Long với uy thế khiến Vũ Văn Nhậm không dám chống cự. Ông bị bắt tức khắc. Hôm sau (5-5-1788) ông bị trói phơi nắng ngoài pháp trường một ngày cho dân chúng coi rồi bị xử trảm (trang 163).

Huệ không bằng lòng với ý kiến hấp tấp của Sở. Vương sai thảo một tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc để thăm dò dư luận. Nội dung chỉ dụ như sau:

“Chỉ dụ cho thần dân trong thiên hạ biết:

Trẫm kính vâng uy Trời, dẹp trừ họa hoạn, lo vớt kẻ chết đuối, cứu kẻ bị cháy, nâng đặt nhân dân lên trên chiếu chăn. Nay đương lúc vận nhà Lê đã hết, đạo trời mới đổi, Trẫm dám đâu không kính sợ Trời để cùng thiên hạ đổi mới. Nghĩ việc “dựng nên cái đã bị đứt, nối lại cái đã bị đứt²⁷”, ấy là thực lòng chí nhân chí nghĩa của bậc thánh vương thời xưa.

Vì thế, đặc ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc để phụng thờ tôn miếu

27 Lời Tư Mã Thiên trong Tựa của Sử Ký.

nhà Lê. Còn như những việc binh dân trong nước, Trẫm đều đã sai quan chia nhau trông coi, mỗi việc đều có người chuyên trách, để tỏ sự thống nhất, làm rõ chính trị buổi ban đầu.

Hỡi các quan và dân chúng, hãy ngược trông lên mà thể hội ý ấy, sao cho ai nấy an phận, yên ổn làm việc để cùng hưởng phúc thái bình. Nếu có kẻ nào tung tin thất thiệt làm mê hoặc dao động lòng dân, phạm đến phép Trời thì vương pháp rất nghiêm, quyết không dung thứ. Phải kính tuân tở đặc dụ này²⁸!”

Công bố tở chỉ dụ xong, Nguyễn Huệ mới cho đòi các quan cựu triều đến bộ Lễ trình diện, để lễ quan Vũ Văn Ước đưa vào yết kiến. Lấy kinh nghiệm từ cuộc hội kiến với Nguyễn Thiếp ở chân núi

28 Trích trong Hàn các anh hoa. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, nxb. KHXH 1978, trang 102, tập 2.

Nghĩa Liệt, Vương không muốn giới sĩ phu Bắc Hà lơ lửng sống trong ảo tưởng phò Lê. Vương nói trắng cho họ biết từ lúc đầu rằng: vận nhà Lê đã hết, đạo Trời đã đổi mới. Đã đến lúc họ phải dứt khoát chọn lựa chỗ xếp hàng.

Chương 85

Suốt thời gian mấy tháng Vũ Văn Nhậm cai trị Thăng Long, bộ Lễ không có việc gì để làm nên ngôi công quán dành cho bộ Lễ trở nên tiêu điều. Khi Vũ Văn Ước cùng hai người lính đến nơi làm việc, họ buồn rầu như bị xem nhẹ hoặc thất sủng. Công đường của Lễ bộ đây ư? Một ngôi nhà đột nát, cửa ngõ đã bị tháo gỡ gần hết. ở chái đông, mái nhà bị thủng một lỗ lớn gần bằng cái nong, mái vỡ, rui mè gãy mục vẫn còn vương vãi trên khoảng nền thấp úng thủy. Không khí bên trong nồng nặc mùi

phân dơi, và khó thở vì quá ẩm ướt. Bàn ghế không còn gì ngoài vài ba cái đã gãy chân nằm lăn lóc trong xó.

Quan Lễ bộ phải xắn tay áo lên phụ lực với hai người lính dọn dẹp lại, mới có thể xếp đặt chỗ làm việc được. Mặt khác, ông cầu cứu quan đại tư mã Ngô Văn Sở về khoản bàn ghế. Vũ Văn Ước sai một tên lính đi rồi, lòng dạ cứ nôn nao thắc thỏm. Ông chỉ sợ các quan cự triều lũ lượt kéo nhau đến mà ông chưa có đủ nghi vệ tối thiểu. Một lúc sau, Ngô Văn Sở cho chở tới một cái bàn cần xa cừ khá cao (vì được dùng làm hương án) một cái ghế gỗ tốt, chạm trổ vụng về, một cái ghế mây đã thủng ở chỗ tựa lưng, và một cái đôn sứ hình con voi. Quan Lễ bộ vội cho kê chiếc bàn ngay chính giữa công đường cho đúng lệ, dù chỗ đó nước mưa làm nền ẩm ướt và lấm láp. Sau

cái bàn, hướng về phía cổng chính, Vũ Văn Ước đặt chiếc ghế gỗ và cái đôn sứ. Giấy tờ, nghiên mực, ống bút thì đặt tạm trên chiếc ghế mây. Quan Lễ bộ đặt hai chiếc ghế, vì đề phòng quan Trung thư Trần Văn Kỷ có thể đến bất ngờ để tiếp chuyện giới sĩ phu Bắc Hà. Hai tên lính theo hầu thì được phân công như sau: một tên cầm giáo đứng gác trước cổng, một tên đứng ngay trước thềm để hướng dẫn từng người vào gặp quan Lễ bộ rồi đưa người đó ra để đến lượt người khác.

Mặt trời lên được một con sào, giấy mực đã bày sẵn trên bàn mà vẫn chưa có ai đến trình diện. Vũ Văn Ước lấy làm lạ, ngờ rằng các quan cự triều chưa biết chỗ phải đến. Ông sai một người lính đem dán tờ “chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc” lên tấm bình phong trước cổng, rồi sai người lính kia đến

các đường phố trước công đường xem chừng. Người lính dựng cây giáo vào xó công đường, chạy đi một lúc, trở về bẩm rằng có nhiều người đương tụ năm tụ ba trước đường cái, già có, người nào cũng khăn áo chỉnh tề đúng cách nhà nho nhưng thái độ cử chỉ thì rụt rè lắm.

Quan Lễ bộ Vũ Văn Uớt mỉm cười, kéo cái ghế sát vào bàn để ngồi thẳng lưng, chờ đợi.

Ông phải chờ thật lâu. Một lúc sau, đã có tiếng chân rào rạo trên đường rải sỏi. Vũ văn Uớt sửa lại thế ngồi, hai cánh tay khuỳnh ra, hai bàn tay đặt lên mép bàn cho thêm oai vệ. Tiếng chân bước nhẹ ở thêm. Một nhà nho mặc áo lương đen khoảng 40 tuổi, có đôi mắt sâu, ánh nhìn mỗi mệ, cái mũi thẳng, chòm râu đen thưa, tiến về quan Lễ bộ. Tự nhiên Vũ Văn Uớt cảm thấy ngại ngùng. Đôi

mắt ấy có vẻ tự tin của người quen nắm quyền thế, lại vừa có vẻ trách móc hờn dỗi, như cách nhìn của một vị vương tử nhân từ trách một người hầu cận sơ ý lầm lỗi. Quan Lễ bộ muốn ngồi rán theo tư thế cũ để hỏi danh tính chức vị người khách đầu tiên, nhưng có cái gì còn mạnh hơn cả ý chí buộc ông đẩy ghế đứng dậy. Trong trí ông, một ý tưởng thoát đến: Hay đây là một hoàng tử của họ Lê? Phải rồi, nếu không phải cành vàng lá ngọc thì không dám ngạo nghễ vào đây một mình như vậy. Bọn quan lại cựu triều vẫn còn đứng khép nép ngoài kia, kẻ này chờ kẻ nọ đi trước để dò đường. Đúng là phong thái của một vị vương tử”. Người khách đã đến trước mặt Vũ Văn Ước. Quan Lễ bộ chấp tay vái chào. Người khách hơi ngõ ngàng, sau đó mỉm cười, chấp tay chào lại. Vũ Văn Ước vui vẻ trở chiếc đôn sứ mời:

– Thật hân hạnh quá. Chúng tôi biết thế nào ngài cũng đến. Mời ngài ngồi tạm xuống đây. Bộ Lễ lâu ngày bỏ không, nên ngài thấy đấy... Nhưng, đây chỉ là chỗ hẹn để chúng tôi làm quen với các tôn thất sĩ phu Bắc Hà, vì quan Trung thư sẽ xin tiếp kiến quý ngài ở một nơi khác gần đây. Mời ngài ngồi!

Ngô Thì Nhậm ngồi xuống cái đôn sứ, hơi ngạc nhiên vì cách đón tiếp niềm nở vượt quá mong ước của mình.

✱

Vừa lúc đó Phan Lê Phiên và Nguyễn Hoàn đang được hai người trai trẻ dìu từng bước lên thêm. Quan bình chương sự (Phan Lê Phiên) dẫn tên hầu đi theo. Hoàn quận công (Nguyễn Hoàn) tuổi già sức yếu, nên có người con trai đi theo

chăm sóc. Thực ra, ngoài lý do sức khỏe, hai quan đại thần đã cao tuổi còn tính phòng xa: nếu vạn nhất có bị quân Nam Hà bắt giữ, thì còn có người chạy về thông báo cho gia đình kịp lánh nạn. Để phòng kỹ lưỡng như thế, lại thêm ý vào cái tuổi già gần đất xa trời, hai vị đại thần đã bạo dạn vào bộ Lễ trước nhiều người.

Vũ Văn Ước thấy hai ông già đi đứng lẩy bẩy, nét mặt không có nhiều khí sắc linh hoạt, ăn mặc bình thường như các cụ đồ già ở thôn quê, nên ngồi yên trên ghế, hỏi từ xa:

– Các ông là quan cữu triều phải không?

Phan Lê Phiên liếc nhìn Nguyễn Hoàn, có ý nhường cho người lớn tuổi hơn. Hoàn quận công đang húng hắng ho, nên Phiên đáp:

– Thưa vâng.

Vũ Văn Ước hỏi tiếp:

– Các ông đã đọc kỹ tờ chỉ dụ của Chúa Thượng rồi chứ?

Văn Phan Lê Phiên đáp:

– Thưa đã đọc kỹ.

Vũ Văn Ước với tay kéo thếp giấy và cái bút lông gần phía mình, chấm đầu bút vào nghiền mực sẵn sàng viết, và hỏi:

– Hai ông cho biết tên họ và chức tước.

Quan lễ bộ liếc nhìn Ngô Thì Nhậm, không nhận ra vẻ lúng túng của viên cựu hữu thị lang bộ Công, mím môi viết số thứ tự lên tờ danh sách rồi chừa trống dòng đầu, chờ ghi tên hai đại thần vào hàng thứ hai và thứ ba. Phiên nói lớn:

– Tôi là Phan Lê Phiên, trước làm bình chương sự.

Hoàn quận công nói:

– Tôi là Nguyễn Hoàn.

Vũ Văn Ước chờ lâu chưa thấy Hoàn xưng chức tước, ngược lên hỏi:

– Làm gì?

Quan lễ bộ ngơ ngác vì thấy Ngô Thì Nhậm đã đứng dậy len lén đi ra phía cửa. Vũ Văn Ước nghĩ: “Chắc vương tử mắc đi giải”. Ông mỉm cười, hỏi Nguyễn Hoàn:

– Ông hãy thành thật khai chức tước cao nhất. Không việc gì đâu. Chúa Thượng muốn dùng người tài đất Bắc, chứ không làm hại đâu mà sợ.

Nguyễn Hoàn đáp:

– Trước khi cáo lão, tôi đã từng làm tham tụng.

Vũ Văn Ước vội ngừng lên nhìn hai ông khách. Chúc bình chương sự nghe mới mẻ lạ tai nên quan Lễ bộ chưa hiểu thấp cao, nhưng chúc tham tụng thì ông biết rõ. Trong một thoáng, ông nhìn hai người một cách khác. Vũ Văn Ước đứng dậy lễ phép nói:

– Quý ngài cảm phiền chờ cho một chút. Vương tử trở lại, tôi sẽ đưa cả ba vị qua gặp quan Trung thư lệnh. Không biết vương tử đi đâu lâu vậy?

Thấy Vũ Văn Ước dáo dác tìm, Phan Lê Phiên thắc mắc hỏi:

– Ngài vừa nói đến vị vương tử nào?

Vũ văn Ước đáp:

– Vị ấy vừa ngồi đây với tôi.

Phiên hiệu sự lầm lẫn của Vũ Văn Ước, nhưng chưa hiểu vì sao Ngô Thì Nhậm phải đánh lừa quan Lễ bộ Tây Sơn, nên dè dặt nói:

– Có lẽ Hoàn quận công đây biết rõ người vừa ngồi với ngài.

Wũ Văn Ước hấp tấp hỏi:

– Thưa, vị nào thế ạ?

Nguyễn Hoàn đáp:

– Ông ta là Ngô Thì Nhậm, trước đây có làm hữu thị lang bộ Công, sau đó bị cách đến năm, sáu năm rồi.

Wũ Văn Ước nổi giận vì nghĩ mình bị lừa dối. Ông run run nói:

– Té ra hấn lừa tôi. Quá lắm rồi. Phải

bắt đóng gông hãm lại mới được. Xin lỗi hai ngài chờ tôi một chút. Lính đâu, chạy theo bắt hãm lại.

Người lính đứng chỗ cửa chùa hiểu phải bắt ai, thì Vũ Văn Ước đã chạy đến lôi anh ta đi theo mình.

Bốn người còn lại trong công đường thở phào nhẹ nhõm vì khỏi cần phải giữ ý tứ với ai nữa. Nguyễn Hoàn cười bảo Phan Lê Phiên:

– Thế mà tôi tưởng cái tên “sát tứ phụ nhi thị lang” ấy đã ngâm liên lạc trước với Tây Sơn rồi chứ²⁹!

Phiên cũng cười ra vẻ hả hê, đáp lại:

29 Năm 1780, Trịnh Tông lập mưu diệt trừ phe cánh Đặng Thị Huệ để giành ngôi chúa với Trịnh Cán. Âm mưu bị lộ, dư luận đương thời bảo do Ngô Thì Nhậm cùng với Nguyễn Huy Bá tố cáo. Trịnh Sâm trừng phạt nặng nề những đại thần liên can: Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán bị buộc uống thuốc độc chết. Sau đó, Nhậm được thăng: công bộ hữu thị lang.

– Hắn vào đầu tiên. Không biết hắn ba hoa thế nào mà viên lễ quan lại lằm ra một vị vương tử họ Lê.

Nguyễn Hoàn nói:

– Hay hắn tưởng bọn mình không ai dám vào, nên mặc sức nói khoác.

Phan Lê Phiên hỏi người con trai Hoàn quận công:

– Đêm qua Kế liệt hầu (Bùi Huy Bích) nói với cháu thế nào, mà hôm nay không thấy ông ta?

Người con trai của Hoàn lễ phép đáp:

– Dạ chính Kế liệt hầu đưa cháu ra ngõ. Cháu đã đi một đoạn, hầu còn kêu lại dặn thưa với cha cháu là sáng nay phải đi cho đông đủ để họ khỏi xé lẻ ra hiếp đáp.

Nguyễn Hoàn nói:

– Ông ấy chịu khó lặn lội từ Thanh Trì lên kinh, tức là đã chịu “ngược trông lên mà thể hội ý ấy³⁰” (cả bốn người trong công đường đều cười). Hay vì có người dọa non dọa già, nên nửa chừng ông ấy sợ.

Phan Lê Phiên nói:

– Dọa được non, chứ dọa sao được bọn già. Đến chết là cùng chứ gì.

Nguyễn Hoàn nheo mắt hỏi:

– Nếu họ buộc ta ra, ông tính sao?

Phan Lê Phiên ngáp ngừng, rồi hỏi lại:

– Bác tính sao?

30 Hoàn quận công nhại lời chỉ dụ của Nguyễn Huệ.

Nguyễn Hoàn không trả lời, đặt câu hỏi khác:

– Vận nhà Lê đã hết rồi chẳng?

Không ai nói gì nữa sau câu hỏi khó ấy. Một miếng rui mục tự nhiên rơi xuống chỗ nền úng thủy, gây một tiếng động lẻ loi.

*

Ngô Thì Nhậm biết trước thế nào Vũ Văn Ước cũng sai quân lính đuổi theo bắt mình, nên trốn nấp ở nhà một người quen cũ ở gần đó, suốt ngày không dám ra khỏi cửa. Đến tối, ông mới đến chỗ quan Trung thư Trần Văn Kỷ ở, xin được tiếp kiến.

Ban đầu, lính canh nài quân luật

ng nghiêm nhậ, nhấ định khỏn cho ông vào. Chắg nhữn g thế, mộ người lĩn trẻ nỏi tiếg Thuậ Hỏa cỏn dọa đớg gỏn Nhậm vì tội gắy rỏi. Ngỏ Thì Nhậm phải xũn g tẻn và nỏi đới cỏ hẻn trước với quan Trung thũ. Bỏn lĩn nửa tin nửa ngờ, tuy vẫ dậ dọa vậi cậu nhữn g mộ anh (chĩn g người lĩn Thuậ Hỏa) vội vẫ chạy vào trỏn g bắm bắo với Trầ Vẫ Kỷ. Quan Trung thũ đặg uốg trầ, nẻn gẻn Ngỏ Thì Nhậm vội bỏ chẻn trầ uốg dỏ, xỏ gỏc chạy ra cỏg. Trỏn g lứk vội vặg, Trầ Vẫ Kỷ mang gỏc trỏi, nhữn g ông cú để mặ nhữ thế khỏn g kíp sữ lặi. Vừ để cỏg đĩn g, Trầ Vẫ Kỷ đầ lỏn tiếg hỏi:

– Quan hữu thĩ lặg đầu rỏi?

Ngỏ Thì Nhậm tiế ra chỗ cỏ ánh đườc chểu sắg lể phếp đắp:

– Xin lỗi quan Trung thư, tôi đến làm phiền giấc nghỉ của ngài.

Trần Văn Kỷ mừng rỡ, rồi rít bảo:

– Không. Không đâu. Nghe danh ông đã lâu, nay mới được diện kiến. Thật hân hạnh lắm. Mời ông vào. Xin theo lối này. Coi chừng chỗ nước bắn. Các chú giờ đuốc lên cao soi đường cho quan thị lang. Cơn mưa đêm qua lớn quá làm ngập cả vườn, mãi đến gần sáng nước mới rút hết. Chỗ này có một vũng nước nữa. May đêm nay trời tạnh. Xin theo lối này.

Trần Văn Kỷ đi trước dẫn Ngô Thì Nhậm vào nhà khách. Quan Trung thư nói luôn miệng, trong khi Nhậm im lặng theo gót chủ nhân, tuy trong lòng vui mừng. Vừa mời khách ngồi xuống sập, Trần Văn Kỷ đã bảo:

– Trưa nay tôi vừa được một người bạn Bắc Hà cho mượn đọc bài Mộng Thiên Thai phú của ông. Không ngờ trưa xem văn thì tối đã gặp được người. Bài phú hay quá. So với Tiền Hậu Xích Bích phú của Tô Tử không thua chút nào. Nhất là lời ca ở cuối bài. Tôi vẫn còn giữ bài chép đâu đây.

Trần Văn Kỷ đi lại chỗ án thư lục tìm trong chồng giấy tờ bừa bộn bài phú của Ngô Thì Nhậm. Nhậm nghĩ: “Có lẽ ông ấy chưa hề đọc bài phú của mình, chỉ được nghe nhắc tới tên bài phú mà thôi. Nhưng ông ấy cứ giả vờ như đã đọc, để làm quà tiếp khách văn”. Phía án thư, Trần Văn Kỷ lẩm bẩm:

– Quái. Mới để đâu đây mà tìm không thấy. Tôi cứ ngâm nga đoạn “ca rằng” cả buổi trưa. Để tôi cố nhớ xem. Chậc, đã học thuộc bây giờ lại quên.

Ngô Thì Nhậm nhắc:

– Có phải ngài muốn nói đến đoạn ³¹

*Cất chén mời khách uống, gõ án mà
ca rằng:*

Chơi Đào nguyên chừ, hẹn Thiên thai.

Hẹn Thiên thai chừ, ta chữa tới nơi.

*Ta chữa tới nơi chừ, lòng nhớ khôn
ngươi.*

Lòng ta gửi man mác

Núi này mãi cao vời..

Trần Văn Kỷ reo lên:

– Đây rồi. Tôi cẩn thận cất kỹ vào
quyển thơ nên tìm không ra. Ông để tôi
đọc tiếp nhé.

31 Trích lại trong Tuyển tập thơ Ngô Thì Nhậm, trang 42, tập 2, Nxb KHXH 1978

*Mong người tri kỷ chừ một phương
trời*

Lòng ta, lòng ta chừ, tri âm ai người?

Lòng ta với vợ chừ đối mệnh mông.

*Nhìn bóng nhìn áo chừ không thẹn
thùng*

Mong buổi chơi núi chừ hát bài ca núi

*Hát xong một khúc chừ rót thêm một
chung*

*Lòng ta phẳng lặng chừ, mệnh ta yên
ổn.*

Mệnh ta yên ổn chừ, ta vui trong lòng.

Tuyệt diệu. Lời văn hoa lệ mà không phù phiếm, nhìn rõ cuộc thế nhưng không có chút “oán thiên, vưu nhân”. Tuyệt diệu.

Ngô Thì Nhậm rộn rã cả lòng vì bất ngờ gặp được người tri kỷ, nhưng vẫn cố nhún nhường.

– Ngài mẩn chút tài mọn nên quá khoan dung đó thôi.

Trần Văn Kỷ hăng hái nói:

– Không đâu. Giữa ông với tôi, khách sáo chỗ đâu moi chót lưỡi làm gì! Lại còn mấy câu này nữa:

Khắp vùng vũ trụ nhà ta đó

Đôi cánh chim hồng buộc được nao?

Núi này xin dành lại

Đội ta về tiêu dao.

Đời người gặp gỡ do tiền định

Há chỉ Đào nguyên mới gặp đào?

Tiêu dao phóng dật mà vẫn giữ nguyên phong thái thung dung tự tin của nho gia! Đọc xong không ngậm ngùi như đọc phú Xích Bích. Ngược lại, ta khinh khoái, say mê cuộc đời đến độ điên cuồng. Như thế mới đúng “đường danh giáo”, phải không ông?

Giọng say sưa nhiệt tình của Trần Văn Kỷ cuốn hút được kẻ thất chí. Ngô Thì Nhậm quên cả dè dặt. Hai người bàn sa đà hết chuyện văn chương đến đạo học, quên cả mấy chén nước trà đã nguội trên bàn khách. Ngô Thì Nhậm nhớ đến mục đích của mình, nhưng câu chuyện đang sôi nổi quanh các vấn đề cao xa tít mù, làm sao chuyển mạch để nhờ vả những điều tầm thường? Cũng may giữa lúc Trần Văn Kỷ đang nói đến Phật pháp, đột nhiên quan Trung thư khượng lại, bối rối, nhìn về phía Nhậm, áy náy hỏi:

– Tôi lơ đãng quá lắm. Chắc ông đến đây vì có điều gì cần chỉ giáo?

Ngô Thì Nhậm lúng túng, nhưng cũng gắng đáp:

– Thưa vâng. Quả thực tôi có việc cần nhờ ngài giúp đỡ.

Rồi Nhậm kể một mạch vụ rắc rối ban sáng ở nhà Lễ bộ. Trần Văn Kỷ mau mắn đáp:

– Từ lâu “tôi đã nghe ông là bậc kỳ tài, chẳng may bị tiếng dèm pha, phải trốn tránh hơn năm sáu năm, sự súc tích của ông chắc cũng tinh túy thêm nhiều. Ngày nay, đã đến lúc ông nên ra cho đời dùng. Tôi đã có đem tên ông trình với Chúa Thượng, và khen tài ông có thể dùng vào những việc to lớn. May thay Chúa Thượng trông xuống, có lòng mến

tiếc. Thế này là tôi tìm đến ông, ông không phải cần gì đến Vũ Văn Ước nữa”
.[Hoàng Lê nhất thống chí, bản Ngô Tất Tố, trang 248.]
Thảo nào hôm nay ông ấy đưa các quan sang đây gặp tôi nhiều bận, nhưng không nhắc nhở gì đến ông cả.

Ngô Thì Nhậm tò mò hỏi:

– Tôi hỏi điều này chắc không phải phép, xin ngài miễn chấp cho.

Trần Văn Kỷ ân cần đáp:

– Được, được. Ông cứ tự nhiên.

Ngô Thì Nhậm nói:

– Thưa từ sáng đến giờ, những vị nào đã được ngài tiếp kiến?

Trần văn Kỷ đáp:

– Đầu tiên có Hoàn quận công

(Nguyễn Hoàn) và Kiến Xuyên hầu. Sau đó có thêm các ông Phan Huy ích, Hiến sát sứ Thanh Hoa, Ninh Tồn Bồi tụng, Nguyễn Bá Lan Phủ doãn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Du... Ngoài ra có thêm vài vị khác làm chức nhỏ hơn, tiếng tăm trong sĩ giới chưa được rộng nên tôi không nhớ hết. à này, ông có biết Nguyễn Huy Trạc không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

– Thưa biết. Ông ấy làm tham tri chính sự.

Trần Văn Kỷ nhìn thẳng vào mắt Ngô Thì Nhậm, chậm rãi nói:

– Ông Trạc nghe lệnh triệu có đến kinh, nhưng đã tự tử ở đài ngự sử đêm qua.

Ngô Thì Nhậm hơi kinh ngạc, nhưng

trấn tĩnh ngay, đáp chậm và nhỏ ra về than tiếc:

– Việc gì đến nỗi thế! Đáng thương, mà cũng đáng giận thay!

Trần Văn Kỷ reo lên:

– Đúng. Những người như vậy vừa đáng thương vừa đáng giận. Ông thật là người hiểu đời. Thật là Trời đã run rủi cho tôi và Chúa Thượng được gặp ông. Tôi phải đưa ông đến ra mắt Chúa Thượng ngay. Nhưng sợ quá khuya rồi chẳng? Thôi, sáng sớm mai ông đến đây nhé. Tôi cũng đã hẹn các quan cựu triều và tôn thất là chiều mai Chúa Thượng sẽ tiếp họ.

Sáng hôm sau, Trần Văn Kỷ đưa Ngô Thì Nhậm ra mắt Chính Bình Vương. Nguyễn Huệ nghe quan Trung thư giới thiệu Nhậm, vui mừng nói:

– “Người ngày trước vì bị chúa Trịnh không dung, một thân một mình phải bỏ nước mà đi. Nếu như ta không đến đây, bao giờ người mới được thấy bóng mặt trời? Có lẽ ý Trời muốn dành nhân tài riêng cho ta dùng. Người nên cố gắng để lo lấy đường báo đáp.

Ngô Thì Nhậm rập đầu lạy tạ.

Nguyễn Huệ ngoảnh lại phía Kỷ, bảo:

– Người này đã do ta gây dựng lại, nên thảo ngay một tờ chế phong làm Lại bộ Tả thị lang, tước Tình thái hầu, cùng với Vũ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ nhà Lê.

✱

Lãng xin phép được ra phố để tìm mua lựa làm quà cho chị và... Lãng không dám nghĩ tiếp, mặt đỏ vì tự thẹn với mình. Tặng cho nàng xấp lựa Bắc có tiện không? Quan Trung thư sẽ nghĩ thế nào? Lấy “danh nghĩa” gì để tặng? Lãng không tìm được câu trả lời thỏa đáng, nhưng cái ý mua lựa làm quà khiến anh rộn rã vui sướng. Anh tự nhủ: nhận hay không là việc về sau. Bây giờ hãy cứ mua hai xấp lựa thật đẹp, thật tốt cái đã!

Rút kinh nghiệm lần trước, Lãng không mặc binh phục Tây Sơn. Anh ăn mặc giống y một anh tú tài Bắc Hà để đi lại được tự do thoải mái, khỏi bị dân Thăng Long e ngại, cảnh giác.

Lãng hỏi khắp nơi không tìm đâu ra lựa để mua. Người ta nhìn anh như nhìn một hiện tượng lạ. Một chỗ, người ta trợn mắt hỏi Lãng:

– Cái gì, anh hỏi lụa à? Mua về cho vợ may áo à? Anh có muốn chúng nó rình ngay đầu ngõ nhà anh lột trần vợ anh để cướp áo lụa hay không? Hôm kia, bọn vô lại bịt miệng chị hàng cau ở bến đò để cướp cái váy vải xô cũ, bỏ chị chàng tổng ngồng giữa thanh thiên bạch nhật, anh chưa biết ư?

Chỗ khác, người ta bảo:

– Thời buổi này mà anh còn hỏi mua lụa, lạ thật! Không lo mua ít gạo để dành đó, ít bữa nữa đói nhả răng ra. Mặc áo lụa có quên cái bụng rỗng được không?

Người tử tế thì khuyên Lãng:

– Anh không nên hỏi thế nữa. Bọn trộm cướp nghe được, đoán thế nào anh cũng có nhiều tiền. Nguy lắm. Thời buổi này, cẩn thận thì hơn anh ạ.

Lăng chán nản, lang thang giữa các dãy phố kín cửa. Ngoài đường, người đi lại lác đác, phần lớn là đàn ông. Họ đi vội vã, nếu có bạn đồng hành thì câu chuyện trao đổi với nhau có vẻ bí mật do lối nói thì thào, lối nhìn dáo dác như sợ có người lạ nghe thấy. Đi một lúc, Lăng mới nhận thấy nhiều người đi về một hướng. Anh đi theo họ. Hóa ra dân Thăng Long kéo nhau đến cửa Đại Hưng để nghe ngóng tin tức.

Lăng thấy họ chen chúc nhau, xô đẩy nhau để vào được sát cửa đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc. Các lời bàn tán quanh Lăng thật lắm vẻ:

– Sao, bác? Ông ấy vẫn được giữ lại làm ông tù giữ đèn chứ?

– Thì vẫn!

- Thế sao chỉ dụ dài thế?
- Ông không chen vào xem à?
- Cái áo tôi cũ quá, sợ rách về nhà mẹ nó la lối om sòm lên.
- Rách cũng bỏ công. Nhiều chuyện hay đáo để.
- Ô kìa, sao bác bỏ đi!
- Ông nhắc tôi mới thấy lạnh ở lưng. Cái áo tôi bị rách toác một đường dài. Ông chen vào xem nhé. Tôi phải về thay áo đây.

Ở một đám khác:

- Thôi, chuyến này thì nhà Lê đi đứt rồi. Không còn ngờ gì nữa!
- Nhà vua đi thì đã có giám quốc. Ông chú còn chín chắn hơn cháu nhiều.

– Ồi dào! Giám quốc! Chỉ “giám” được lũ vàng hương với bấy hạc gỗ. Ông không đọc kỹ câu thứ ba ư?

– Câu nào?

– Thì cái câu: “Nay đương lúc vận nhà Lê đã hết, đạo trời mới đổi, trăm dân đâu không kính sợ Trời để cùng thiên hạ đổi mới”.

– Gớm thật! Ông đọc vanh vách, giọng hùng ghê! Xứng trăm y như bậc đế vương.

– Biết đâu đấy!

– Chỉ nói đại. Ông nên coi chừng cái mồm của ông. Ông nhớ câu thứ ba mà không chịu nhớ câu cuối: “Phạm đến phép Trời làm mê hoặc dao động lòng dân thì vương pháp rất nghiêm quyết không dung thứ”.

– Vì hiểu rõ lòng nhau tôi mới ba hoa cho vui thế thôi. Bác khuyên chí phải. Ta nên về thôi!

Lãng đến gần một nhóm nhà nho đứng tuổi:

– Thế mới xứng đáng chứ. Ít ra còn được một người dám chết cho đại nghĩa. Chẳng lẽ phủ chúa sập có được một Lý Trần Quán, lần này điện vua sập lại chẳng có ai tử tiết. Ông ấy rửa mặt giùm cho tất cả bọn nhà nho Bắc Hà đấy!

– Chọn ngự sử đài làm chỗ tử tiết, thâm nhĩ!

– Nhất định rồi! Chẳng lẽ tự vẫn trong buồng vợ.

– Bác ăn nói thế mà nghe được à?

– Chết là hết. Chắc gì quan tham

tri (Nguyễn Huy Trạc) đã nghĩ như bác nghĩ.

– Đừng lấy cây gậy lão của mình đo khí tiết bậc quân tử. Không nên đâu. Sĩ phu Bắc Hà không thiếu gì kẻ trung quân. Tôi nghe nhiều người không thèm đến ra mắt Chính Bình Vương, như quan phó đô ngự sử Nguyễn Đình Giản, quan tham tri Lê Duy Đản, quan thiêm sai Phạm Quý Thích, quan khu mật viện Nguyễn Duy Hợp. Quan tham tụng Bùi Huy Bích cũng không đến.

– Này, phủ doãn Nguyễn Bá Lan có đến không?

– Hình như có thì phải.

– Nếu thật thế thì quá lắm. Hoàng thượng đã gia ân đặc cách tha tội cho ông ấy, bây giờ trả ân như thế hả³²?

32 Tháng giêng mùa xuân 1787. Theo lệ cũ khi tế giao, xa

Lãng chán nản bỏ cửa Đại Hưng trở về đường cũ. Anh đi về phía đê sông Phú Lương. Càng đi xa phố phường, anh càng thấy cuộc sinh hoạt của dân chúng êm ả, đơn giản hơn. Đường như ngoài kinh thành, cuộc sống trở nên rộng rãi, menh mông. Gió thổi trên đồng lúa vàng. Buồm căng đưa thuyền lướt êm trên mặt sóng. Trẻ chăn trâu nằm dài trên lưng trâu, để mặc cho trâu thông thả gặm cỏ dưới chân đê. Lãng cảm thấy lòng lâng lâng, anh ngừng mặt hít mạnh hơi thơm của đồng ruộng. Lãng hối tiếc không có người nào bên cạnh để anh san sẻ niềm vui trịnh khiết mới mẻ ấy.

✱

giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mở đóng cửa này do phủ doãn phủ Phụng thiên giữ chìa khóa. Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn theo ngự giá nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua hồi cung phải chờ chìa khóa hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan nhưng nhà vua đặc cách tha cho. (Cương Mục, quyển 47-1)

Cũng vào buổi chiều hôm ấy, Chính Bình Vương tiếp các quan văn võ cự triều ở điện Chính Trung. Lễ quan Vũ Văn Ước và Ngô Thì Nhậm chịu trách nhiệm hướng dẫn các quan vào lạy chào. Vũ Văn Ước hơi ngượng với Nhậm vì hành động nóng nảy hôm trước, nên cứ tránh né không muốn đứng gần Nhậm. Phần Ngô Thì Nhậm thì hơi nhột nhột trước cái nhìn dò dẫm và các lời thì thào của các quan cự triều, thái độ mất cả tự nhiên. Do đó quan Trung thư cáng đáng phần lớn việc thù tiếp. Chính Trần Văn Kỷ đứng ra giới thiệu tên tuổi, chức tước của từng người cho Chính Bình Vương biết. Mỗi lần có một người vào lạy mừng, Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu chào lại:

– Không dám. Xin mừng ông.

Đến lúc các quan ra mắt xong, Chính Bình Vương đòi hết lên thêm vào bảo:

– Ta mừng các ông, vì các ông đến đây đều là kẻ thức thời. Các ông đã hiểu vận nhà Lê đã hết. “Tự hoàng nhà Lê chính do ta lập nên. Nhưng ông ấy là người tối tăm, nhu nhược không thể gánh nổi việc nước, cho nên sau khi ta về nam, liền bị Nguyễn Hữu Chỉnh sai khiến, đến nỗi tự rước lấy vạ bại vong. Ta không tham đất Bắc Hà, nay mai ta lại sắp về nam. Sở Tự hoàng và Giám quốc lại tranh giành nhau gây ra loạn, ta phải để đại tư mã Ngô Văn Sở lại đây chủ trương việc binh. Đợi đến khi bốn cõi tạm yên, ta sẽ gọi về”³³.

Rồi Vương loan báo ngay những quan lại cựu triều được tin nhiệm giao phó các trọng trách mới: Phan Huy Ich

33 Hoàng Lê, trang 249.

được chức Hình bộ thị lang tước Thụy nam hầu; Ninh Tồn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du đều nhận chức Hàn lâm trực học sĩ.

Vài hôm sau, trước khi về nam, Nguyễn Huệ gọi đại tư mã Ngô Văn Sở, nội hầu Phan Văn Lân, chưởng phủ Nguyễn Văn Dựng, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ Trần Thuận Ngôn và Ngô Thì Nhậm đến giao cho trách nhiệm cùng nhau cai trị Bắc Hà. Để cho họ giữ tình đoàn kết, Vương bảo:

– “Sở, Lân là nanh vuốt của ta. Dựng, Ngôn là tâm phúc của ta. Tuyết là cháu ta. Nhậm vừa là bề tôi vừa là khách của ta, vả lại thuộc dòng văn học Bắc Hà, rất am hiểu việc đời. Nay ta giao các người cả 11 trấn, những việc quân quốc quan trọng cho phép các người tùy tiện mà làm, nhưng phải họp nhau bàn bạc, khô-

ng được vì kẻ cũ người mới mà chia rẽ. Ai nấy đều phải đồng lòng hợp sức cho xứng đáng với kỳ vọng của ta³⁴”.

Sắp xếp xong mọi công việc, Chính Bình Vương rời Thăng Long trở về nam.

34 Hoàng Lê, hồi 13, tờ 19a. Liệt truyện quyển 30, tờ 29a.

Chương 86

Đây là lần thứ hai Phan Huy Ích vào thành Phú Xuân!

Mười một năm về trước, ở cái tuổi hai mươi sáu phơi phới danh vọng, ông đã được Tĩnh vương Trịnh Sâm giao trọng trách vào Phú Xuân giải quyết vấn đề biên giới với Tây Sơn [Theo “nguyên dẫn” của chính Phan Huy Ích trong bài thơ Phụng mệnh nam hành (Nam trình tạ vịnh)].

Giữa mùa thu (Bính thân 1776), sứ giả Tây Sơn đến trấn Phú Xuân, dâng trình tờ biểu, đồng thời tiến sản vật quý của địa phương để cầu được giao hảo, trong đó có nhiều uẩn khúc khó phân biệt được thực hay giả. Theo chỉ dụ thì phải chọn một quan văn mẫn cán xứng đáng để sai đi cùng các

quan địa phương giải quyết vấn đề ở biên giới. Lúc đó thân phụ tôi làm việc ở đồn Động Hải, chính phủ định tuyển vào chức đó. Khi trình lên, Bề Trên đặc biệt đổi tên thân phụ tôi ra tên tôi, lại triệu tôi vào để dặn dò công việc, khi vào xong việc phải về triều trình bày, lại được tiện đường về thăm phụ thân, như vậy càng thỏa đáng đôi đường. Tôi mới nhận chức thêm sai hơn một tháng, nhiều lần được gọi vào hầu để chỉ bảo phương lược, được Trên ban cơm, khen thưởng yên ủi đầy đủ, và truyền xuống để cho các trấn cử quan binh lần lượt bảo vệ nghinh tiếp. Ngày 2 bắt đầu ra đi, cả đi lẫn về gần ba tháng có tập thơ Nam trình tập vịnh.

(Thơ văn Phan Huy Ích tập 1. Dụ am ngâm lục. Nhà xuất bản KHXH Hà Nội 1988, trang 70-71)

Tiếp theo đó, trong nguyên dẫn bài Đáo Phú Xuân thành, Phan Huy Ích viết: “Tôi xuất phát từ kinh thành, qua các trấn Sơn Nam, Thanh Hoa, Nghệ An, đến đâu cũng được các trấn giao cho hai viên thuộc tướng đem 50 người lính mang theo vũ khí, đội tiền, lại bắt dân phu ở dọc đường thay nhau gánh hành trang qua các trạm. Đến địa giới Thuận Hóa, quan trấn thủ trước đó đã lấy dân phu ven đường san bằng đường xá, giao cho thuộc tướng đem binh và voi chờ đón. Lính ở cơ Trung bố của đồn Động Hải, lính hai cơ Tả nhuệ, Trung kiên ở đồn Cát Doanh đi từ sông Bái đáp vào. Lính mười cơ của bản đạo chinh đồn binh khí đợi để đón rước. Đến ngoài cửa thành Phú Xuân, quan đốc suất đại tướng là Tạo quận công, quan đốc lĩnh phó tướng là Dĩnh quận công, quan đốc thị là Nguyễn Mậu Dĩnh, quan hiệp đồng là Nguyễn Lệnh Tân cùng người cũ vua sai là Phan Trọng Phiên khi ấy đã được chỉ vua gọi về, nhưng lại được lưu lại cùng tôi làm

việc. Ông đem theo thuộc tướng là Trần quận công, thuộc sai Cấp sự trung là Phạm Nguyễn Du ra đón vào thành, đến gác Triều Dương nghỉ ngơi cùng nhau bàn tính công việc. Lúc đó, tôi nghe vua ban ba đạo sắc có ấn sẵn và hai đạo lệnh dụ đóng dấu sẵn, cho tôi được quyền tùy tiện xử trí. Nhân đó, tôi đi vào sắc lệnh ban xuống phong cho trưởng hiệu Tây Sơn là Nguyễn Nhạc làm lưu thú Quảng Nam, tước Cung quận công. Người được phái đến là Đỗ Phú Tuấn làm hộ bộ lang trung, Nguyễn Mân làm binh bộ viên ngoại lang. Lại viết lời dụ cùng các hạng kiếm vàng, chiêng vàng của vua ban, giao cho các sứ giả đem về. Qua mười ngày thì xong việc. Nhân lúc rỗi đi thăm các cảnh ở Thiên Mục, Hà Khê, Phủ Cam, Phố Lũ. Mồng một tháng chạp thì từ chỗ đóng quân về triều.

Đáo Phú Xuân thành

Mãn lộ biên thân nhạ sứ huy

Triều Dương các thượng thụ cơ nghi

Địch tình vị tất thâm cung thuận

Thần toán như kim trọng phủ tuy

Vạn lý ân luân dao quản thúc

Tam đông sứ tiết cố uy trì

Xuân thành sơn thủy đa giai cảnh

Công hạ, thường cung phóng lãm kỳ.

Dịch nôm:

Đây đường các quan văn võ đón cờ sứ thần
 Trên gác Triều Dương được tùy cơ làm việc
 Quân địch chưa chắc đã thật lòng kính thuận
 Ý muốn của vua là coi trọng việc võ yên
 Lời vua lo khổng chế ở ngoài muôn dặm
 Cờ sứ phải chần chờ suốt ba đông
 Non nước thành Phú Xuân nhiều cảnh đẹp
 Rồi việc công, thường được đi xem cảnh lạ.

(Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 76, 77)].

Bây giờ sau mấy năm chán chường vì hoạn lộ thăng trầm, gần kề cái tuổi “tứ thập nhi bất hoặc”, ông trở lại Phú Xuân với mái tóc đốm bạc và đôi mắt mệt mỏi.

Trong nhóm nho sĩ Bắc hà theo Chính Bình vương về Phú Xuân lần này, Phan Huy Ích là người có kiến thức và danh vọng cao nhất. Bạn bè xét nét ông để tìm một lối cư xử vừa đỡ mất thể diện

“ông nghề Đàng Ngoài” vừa khỏi nguy hiểm. Các quan văn võ Phú Xuân thì đẩy đưa với ông, luôn luôn giữ một khoảng cách vừa phải nào đó trong giao tiếp để ông nhớ rằng dù được vương thượng cho làm tả thị lang bộ Hình tước Thụy nam hầu, ông vẫn cứ là người ngoài như thường. Ông không đến nỗi lơ láo như một hàng thần, nhưng, giữa cảnh xe ngựa rộn rịp nghi vệ oai dũng hơn cả Phú Xuân năm Bính thân, Phan Huy Ích cảm thấy lạc loài. Ngôi nhà vắng chủ nằm sâu trong khu vườn chuối xanh um ở Phủ Cam dành riêng cho nhóm nhà nho Bắc hà, công đường của bộ Hình, điện Triều Dương nơi ông được Vương thượng vời đến hỏi han công việc, cái bến đá bên bờ sông đào nước xanh màu rêu thẫm nơi ông thường đến mỗi chiều để nhớ tiếc da diết cái thời làm quan ở trên

mặt sông³⁵, không chỗ nào Phan Huy Ích thấy là “của ông” cả. Điều ông khổ tâm là không tìm ra được lý lẽ xác đáng để giải thích tâm trạng lạc lõng ấy. Ông nhớ tiếc thời vàng son cũ chẳng? Không. Ông đã bị thất sủng ngay từ khi vua Lê chúa Trịnh còn tại vị, khiến ông chán nản đến nỗi không thềm ngó ngang gì đến việc quan, không tới dinh làm việc mà ghép mấy chiếc thuyền bè làm nhà ở, trên bờ dựng vài gian cho nha lại lính tráng đóng, văn án không tra xét, chỉ khi nào có việc quan trọng mới đến giải quyết³⁶. Ông ray rứt khôn khổ vì lòng trung chẳng? Có lẽ không, vì nếu vậy ông đã hành động cần vương dứt khoát như bọn Nguyễn Đình Giản, hoặc bạo hơn nữa như Nguyễn Huy Trạc. Ông bắt

35 Xem nguyên dẫn bài thơ Giang Cư Tích Sự, Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 112

36 Bản dịch bài phú của Phan Kế Bính (Đông Dương tạp chí, bộ mới số 63)

phục chế độ mới chẳng? Cũng không. Dù tìm thấy ở cung cách hành động, cử xử của quan lại Tây Sơn nhiều điều thiếu văn nhã, Phan Huy Ích cũng phải thâm kính phục sự quyết đoán, tài thao lược, và tâm hũu hiệu của họ. So với bọn tham tụng, bồi tụng, thị lang, thiêm sai đồng liêu của ông trước đây, các quan văn võ Phú Xuân tự tin và khí khái hơn nhiều. Vậy thì tại sao ông lạc loài? Một hôm đứng bên bờ đá, ông thấy đám con nít bơi lội, té nước vui vẻ với nhau dưới sông, và các cô gái nhà nghèo tíu tít đem đồ giặt xuống bến cười nói luôn miệng, ông chợt nghĩ mình bị cuộc sống hỗn nhiên rộn rã (cuộc sống tiến về phía trước như thời gian, vươn lên cao như khói tỏa) bỏ lại đằng sau, phía dưới, nên mới lạc lõng hoang mang vì sự yếu đuối. Đó là nỗi lạc loài của kẻ chồn chân mỗi gỗi đứng nép bên lề nhìn kẻ đi người lại tấp nập trước

mặt mình. Ý nghĩ đó khiến Phan Huy Ích khổ sở hơn. Ông thầm ao ước được dứt khoát chọn phía như Nguyễn Đình Giản hoặc Ngô Thì Nhậm anh vợ của ông. Chọn một lần rồi thôi, sau đó mạnh bạo, tự tin, nếu cần thì quyết liệt hành động để tiếp tục phụng sự cho mục tiêu đã lựa chọn. Ông cũng có lựa chọn đấy. Nghe lời tuyên triệu, ông cũng đã vội vã rời Phương Liệt ra Kinh trình diện với Chính Bình vương. Nhưng ra đi trong dửng dăng, ra mắt giữa lúc rứt rứt và giờ đây, về Phú Xuân trong lạc loài.

Ông tiếc Ngô Thì Nhậm phải ở lại Thăng Long, không được về đây với ông. Nhậm đối với ông có cái gì hơn cả một người bạn học, một người anh vợ, một đồng liêu, một văn hữu. Do tuổi tác, kiến thức, tài năng, nhất là do sức mạnh của ý chí, Nhậm là cái mẫu hiển hiện gần

gửi (phải, gần gửi đến nỗi Phan Huy Ích tưởng chỉ cần cố thêm một chút nữa thì thế nào cũng theo kịp Nhậm) của Ích. Là chỗ dựa êm ái của một phút mệt mỏi, là cái lều đủ tạm tránh gió. Ngô Thì Nhậm không vượt hẳn lên cao, khoảng cách nhỏ nhoi giữa ông và Nhậm mới nhìn tưởng không quá cái nhón gót. Thế mà... Phan Huy Ích tự thẹn với mình.

✱

Cả nhu cầu việc công lẫn tâm tư riêng đều thúc đẩy Phan Huy Ích gần gũi Trần Văn Kỳ. Ông có quá nhiều điều để nói với quan Trung thư: những gợi ý rút rè về cách tổ chức chưa được hợp lý ở các bộ; những lời tự khai dè dặt về vai trò của mình trong chuyến công cán vào Phú Xuân năm Bính thân (để phòng

trường hợp một vài chức sắc Thuận Hóa còn nhớ cảnh đưa rước rầm rộ mười mấy năm trước nên tâu trình nói xấu Ích), những suy nghĩ về văn chương, đạo học giữa thời loạn; những bài thơ vừa làm xong cần một người đồng điệu thẩm định giá trị... Cuối cùng, vào những lúc hiểm hoi, cả hai quên vị trí xã hội của mình, Phan Huy Ích có thể thổ lộ với quan Trung thư những cảm giác hoang mang chưa định, những nỗi buồn vô duyên cớ, những yếu đuối đẩy đưa đến tâm trạng lạc lõng, nói chung là những tình cảm xa lạ với cảnh rộn rã lạc quan chung của Phú Xuân. Có một đề tài hai người rất thích thú khi bàn luận với nhau là thơ văn Ngô Thì Nhậm. Phan Huy Ích giữ được khá nhiều các bài đường luật, phú, ký của Ngô Thì Nhậm. Trần Văn Kỳ rất thích bài Mộng Thiên Thai phú, nên muốn được đọc phần trước tác còn

lại của tác giả. Kỷ không thể tìm được một người sưu tầm, diễn giải, phê bình văn chương Ngô Thì Nhậm nào thích hợp hơn viên tân thị lang Hình bộ. Cho nên hễ gặp nhau là họ có sẵn những điều cần nói cho nhau nghe. Một lần sau buổi chiều, Trần Văn Kỷ vội vã tìm cách gặp cho được Phan Huy Ích để hào hứng bảo:

– Đêm qua tôi ngồi một mình đến quá khuya để đọc đi đọc lại mãi tập phú của ông Hi Doãn. Thật lạ lùng. Ông có nhớ bài Lâm Trì phú không?

Phan Huy Ích mỉm cười lễ phép đáp:

– Thưa quan Trung thư, nhớ ạ.

– Lâm Trì ở đâu thế? Tôi nghe đây chỉ là cái tên mượn.

– Thưa không ạ. Theo ông Hi Doãn (Ngô Thì Nhậm) cho biết, thì ao này ở

làng Đông Nhuế, vùng Vũ Thư, trấn Sơn Nam.

- Ông ấy làm bài này lúc nào?
- Lúc đi lánh nạn, sau vụ án Canh tý.
- Tôi cũng đoán thế, nhờ dựa vào các câu như:

*Dựa cành cây chừ, cho qua ngày
Mong người đẹp chừ, chưa thấy được.
Đạo lớn mất chừ, về đâu?
Cá trong chậu chừ, cạn nước
Ý tạo hóa chừ, mông lung
Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc
Ôi! Tháng ngày như quán trọ
Trời đất chiếc bè trôi
Cứ gì quê ta nhỉ?
Cảnh đẹp ở nhà ai?*

(Bài dịch của Ngô Linh Ngọc trong Văn thơ Ngô Thì Nhậm.)

Ông thấy không? Tôi đọc mãi đến thuộc lòng cả bài. Phong vị giống y như phong vị Tiên Xích Bích phú.

Phan Huy Ích thấy các quan khác đã về gần hết, nên đối đáp về văn chương trở nên thoải mái, tự nhiên hơn. Ông nói:

– Thưa đúng như vậy. Quả là có phong vị Xích Bích phú, nhưng Lâm Trì phú không phải là bản sao chép nhập nhèm của Xích Bích phú. Đọc kỹ, ta thấy có cái gì ấm cúng, gần gũi.

Trần Văn Kỳ thích thú đến nỗi reo lớn tiếng:

– Đúng đấy. Tôi cũng cảm thấy như thế mà không nói được gãy gọn chính

xác như ông. Hai câu của Tô Đông Pha:

Điều điều hê dư hoài

Vọng mỹ nhân hê thiên nhất phương.

về ý cũng giống như hai câu của ông Hi Doãn:

Ý thụ chi dĩ di thời

Vọng mỹ nhân hê vị kiến

Cũng là “vọng mỹ nhân”, nhưng một bên thì canh cánh hoang mang, một bên thì như tần ngần, hay cái gì tương tự như thế.

Phan Huy Ích nói:

– Tôi có được nghe ông Hi Doãn giải thích về điều này. Cái ý muôn thuở vẫn là cuộc phù sinh. Tô Đông Pha được cái may mắn thả thuyền trên dòng Xích Bích,

nên cảm giác bập bênh trôi nổi dễ diễn tả bằng sự hoang mang bé bỏng trước trời đất vô cùng. Ngài có nhớ cả một đoạn dài sau hai câu thơ của Tào Mạnh Đức không? Vâng, hai câu: “Nguyệt minh tinh hi, ô thước nam phi” (nghĩa là trăng sáng sao thừa, quạ bay về nam). Sau hai câu thơ đó, Tô Đông Pha viết: “Đương khi Tào Mạnh Đức phá đất Kinh Châu, xuống thành Giang Lăng, thuận dòng mà sang mặt đông, tàu bè muôn dặm, cờ tán rợp trời. Rót chén rượu đứng trên mặt sông, cầm ngang ngọn giáo ngâm câu thơ, đó thực là anh hùng một đời, mà nay thì ở đâu? Huống chi tôi với bác đánh cá kiếm củi ở trên bến sông này, kết bạn cùng tôm cá, chơi bời với hươu nai, bơi một chiếc thuyền nho nhỏ, nhắc chén rượu để mời nhau, gửi thân phù du ở trong trời đất, nhỏ nhặt như một hạt thóc ở trong bể xanh, thương cho sự

sống của ta không bao lâu mà khen cho con sông này dài vô cùng” (3) Ông Hi Doãn thì chỉ được ngồi “tần ngần”; đúng như ngài nói vừa rồi, là tác giả ngồi tần ngần bên bờ ao hẹp, nhưng vẫn phải làm thế nào viết được cái ý phù du. Chờm ngợp trước trời đất bao la, hay cảm thấy cùng quẫn trong cảnh tù túng chật hẹp, vẫn thế thôi. Chẳng những thế, ông Hi Doãn vẫn cố nói được cái lớn qua cảnh chật hẹp:

Đạo lớn mất chừ, về đâu?

Cá trong chậu chừ, cạn nước!

Ý tạo hóa chừ, mông lung

Nhớ thánh hiền chừ, xa lắt

Ôi, tháng ngày như quán trọ

Trời đất chiếc bè trôi!...

Trần Văn Kỷ cắt lời Ích:

– “Đạo lớn mất chừ, về đâu? Nhớ thánh hiền chừ, xa lắc!” Không được. Có dịp gặp lại ông Hi Doãn, tôi sẽ nói thẳng cho ông ấy biết là ý hai câu này không được. Đã là đạo lớn thì không bao giờ mất. Còn thánh hiền xa hay gần là tùy ở ta. Có những kẻ thuộc lâu tứ thư lục kinh, nhưng xa thánh hiền vì không thể hiểu được lời dạy của thánh nhân. Đọc bài phú Lâm Trì đến chỗ này tôi khựng lại, hơi thất vọng cho ông Nhậm. Nhưng đọc tiếp sang đoạn cuối thì mới biết ông ấy đánh lừa mình. Không. Hoang mang thất vọng chỉ là tâm trạng yếu đuối của một vài khắc chán nản. Phần còn lại của nhà nho ta vẫn là trọn tin ở thiên mệnh, vững chãi, sáng suốt “kiến cơ nhi tác”. Phần kết đầy cả nao nức. Tôi còn nhớ được mấy câu:

Ta đứng ngắm ao

Lòng vui chẳng ngớt

Gió thoảng mát chừ hiu hiu

Sóng gợn vân chừ lớp lớp

Chẳng có gương mà sáng ngời

Không có lầu mà cao vót

Không hư sự vật suy rành

Máy tạo xưa nay tỏ rạng.

Phan Huy Ích cũng hứng thú đọc
nổi:

Tắm sông Nghi³⁷ chừ, ai kia?

Ở ngõ hẻm³⁸ chừ, sá quán.

Huống đây ao nước trong ngời

37 Chỉ Tăng Điểm, học trò Khổng Tử, tính tình phóng khoáng.

38 Chỉ Nhan Hối, học trò Khổng Tử, nhà nghèo.

Rửa muện giúp ta thanh thân.

*Chương cuối Thiên Hương đang giờ
xem*

Thời vậy thay!

Thời vậy thay

Kêu ba tiếng, rồi chim bay đi³⁹

Cả hai không hẹn mà cùng reo lên “Thật tuyệt” rồi cười lớn. Vài viên quan nhỏ, thuộc hạ của Trần Văn Kỷ nghe tiếng cười ồn, quay lại ngơ ngác. Quan Trung thư vẫn cười tự nhiên, nhưng Phan Huy Ích thì làm mặt nghiêm, bối rối như vừa làm điều quấy.

✱

39 Khổng Tử khen con chim trĩ biết thời nên bay, nên đậu. Tử Lộ không hiểu, muốn bắt con chim ấy, con chim liền kêu lên ba tiếng, rồi bay đi. Đó là chỉ con chim kia còn biết “kiến cơ nhi tác” nữa là người mà lại không biết lẽ nên đi, nên ở sao? (Thiên Hương đang, Luận Ngữ)

Điều đáng tiếc là tại bộ Hình, nhiệm sở của Phan Huy Ích, không bao giờ có những khắc thoải mái như vậy.

Hình bộ thượng thư Hồ Công Thuyên không giao cho quan Hình bộ tả thị lang Phan Huy Ích công việc gì cụ thể. Cách đối đãi, cư xử của Thuyên thật hòa nhã, kính cẩn. Không thể chê trách điều gì được. Ngay sau khi Phan Huy Ích đến bộ Hình, Thuyên bắt các quan lớn nhỏ trong bộ vào lạy ra mắt quan Tả thị lang. Sau đó là một tiệc rượu linh đình. Thuyên nhường cho Ích chỗ ngồi vinh dự nhất trong tiệc rượu. Vài hôm lại có lính bộ mang đến chỗ Ích ở quà biếu của quan thượng thư, nào trà tàu thơm, rượu ngon, nào gạo trắng, thịt, tôm, cá tươi, đồ sứ pha trà, ống nhổ thau, chiếu hoa... Có thể nói suốt cuộc đời làm quan của

Phan Huy Ích, chưa bao giờ ông được trọng vọng, cung phụng đầy đủ như thế. Nhưng ngoài tiện nghi xa hoa đó, Thuyên không giao cho Ích việc gì cả. Phan Huy Ích có mạnh dạn đề nghị vài điểm cần sửa đổi trong cách tổ chức nhân sự, hoặc trong thủ tục ngục tụng, cốt làm sao cho việc xét xử được nhanh chóng hơn. Quan thượng thư chăm chú lắng nghe, rồi cảm ơn rối rít. Ngày hôm sau, hôm sau nữa, Hồ Công Thuyên không hề nhắc lại câu chuyện trao đổi hôm trước, giả lơ như chưa bao giờ họ nói chuyện với nhau. Mỗi lần Phan Huy Ích lấy bạo nhắc lại, Hồ Công Thuyên hơi nhú mày, rồi hỏi:

– Nhưng ông đã nói với quan Trung thư lệnh chưa? Nói với ông ấy đi. Tôi thì... ông thấy đấy, tôi có quyền hành gì ở đây đâu. Có phải quan Trung thư tâu với Chúa thượng bố ông về bộ Hình không?

Tại sao không bỏ về bộ khác mà lại bỏ về bộ Hình? Có phải quan Trung thư nghĩ rằng tôi đã già yếu (Thuyên cười, trở lên mái tóc dày và đen mượt của mình), tóc sắp bạc hết, nên phải gửi một nhân tài Bắc hà đến giúp sức? Ông đã từng vào Phú Xuân, từng đảm đương nhiều việc lớn, thì cái bộ Hình tôi tàn nhỏ xiu này đâu phải là chỗ xứng đáng. Hay là vì chức Trung thư lệnh không có cấp phụ tá?

Càng nói giọng Hồ Công Thuyên càng mỉa mai, cay đắng. Phan Huy Ích không dám nói thêm gì nữa, cũng không dám léo hánh đến bộ Hình. Ngoài các buổi chiều, ông chỉ nằm khoèo ở nhà đọc sách hoặc thơ thần bên bờ sông. Ông bắt đầu thấy những điều phức tạp của triều đình Phú Xuân như đã thấy các cuộc tranh chấp điên đảo ở Thăng Long. Phan Huy Ích có thừa khôn ngoan để dè dặt,

cố đứng ngoài các cuộc tranh chấp.

Nhưng người ta không để cho ông yên. Một hôm Lại bộ Hồ Đồng tìm đến hỏi Ích:

– Lâu nay ngài vẫn đi lại với quan Trung thư đấy chứ?

Phan Huy Ích đáp lơ lửng:

– Chỉ thỉnh thoảng thôi. Quan Trung thư có mượn tôi tập thi tuyển của các danh sĩ Bắc hà.

Hồ Đồng cười, ranh mãnh hỏi:

– Thảo nào sau mỗi buổi chầu, các ngài cứ quần lấy nhau để xướng họa, không thấy gì đang xảy ra chung quanh cả. Ngài đã đến thăm tư dinh Bùi tướng công chưa?

Phan Huy Ích ngơ ngác hỏi:

– Tướng công nào họ Bùi đấy ạ?

Hồ Đồng cười to:

– Tôi biết thế nào ngài cũng hỏi câu ấy, nên mới đến đây. Tôi dốt nát vô học, nhưng cũng có nghe thiên hạ trầm trồ tài học của ngài, nên tuy chưa thân đã kính phục. Ngài có biết không, mỗi lần ngài nói chuyện với quan Trung thư, ông Bùi Đắc Tuyên đều cố ngồi nán lại để... để làm gì, chắc ngài đã đoán biết.

Phan Huy Ích lo sợ hỏi:

– Thật thế ư? Thật thế ư?

Hồ Đồng nghiêm nét mặt, hạ giọng nói:

– Chỗ thân tình, tôi khuyên ngài nên chăm thăm hỏi Bùi tướng công hơn. Dĩ nhiên đồng thời ngài nên bớt thân thiết

với quan Trung thư. Ngài không cần hỏi vì sao, vì thế nào ngài cũng phải biết điều rắc rối phức tạp đó rồi. Chúng tôi ở bên bộ Lại nên biết được nhiều việc ở các bộ khác. Có phải lâu nay ngài rảnh rỗi lắm phải không?

Phan Huy Ích hơi khó chịu, hỏi lại:

– Ông hỏi làm gì vậy?

Lại bộ Hồ Đồng cười, không chút bối rối:

– Dĩ nhiên không phải tự ý tôi đến đây. Tôi đang làm việc quan đấy, vì “an nguy của xã tắc” đấy. Ngài thử nghĩ mà xem: nếu không khéo có thể vì sự sơ ý của ngài mà thành Phú Xuân bị xẻ làm hai, làm ba. Ngài không nghe người ta xì xào rằng Chúa thượng bắt đầu “mê hát chèo” rồi hay sao (Hồ Đồng lại cười).

“Mê hát chèo!” Miệng lưỡi thiên hạ thật là... thật là phi thường. Không có cách ví von nào hay hơn! Ngài nên giữ ý tứ, nếu không người ta sẽ nghĩ là ngài cũng thuộc gánh hát chèo Bắc hà đấy!

✱

Phan Huy Ích vào Phú Xuân vào đầu mùa thu. Mãi đến khoảng giữa mùa thu, bộ Hình mới tìm được việc để giao cho ông. Thượng thư Hồ Công Thuyên mời Phan Huy Ích đến bộ hỏi:

– Hình như trước đây ông đã từng làm thêm sai tri hình ở phủ Chúa thì phải?

Phan Huy Ích đáp:

– Vâng. Tôi về triều thay cho Phạm Nguyễn Du đi án sát Kinh Bắc.

Hồ Công Thuyên thắc mắc:

– Làm đốc đồng Thanh Hoa sướng hơn chứ, sao ông lại xin về triều? Thanh Hoa không khổ vì việc phòng vệ như Nghệ An, cũng không quá gần mặt trời. Tôi nghe nói được về làm quan ở Thanh Hoa, người nào cũng “đẩy đà” lên.

Phan Huy Ích mím môi không nói gì. Quan thượng thư thấy Ích bất bình, nên vội chuyển sang chuyện khác:

– Tôi mời ông tới vì bộ Hình ta đang gặp khó. Việc này ngoài ông ra, không ai kham nổi đâu. Xin ông chớ khiêm nhường. Sự thật đúng như vậy. Không phải các quan Hình bộ đều là hạng thiếu khả năng đâu. Họ xuất thân võ biên, nên có điểm hơn các văn thần là dám mạnh bạo. Bộ ta chuyên coi các án tụng, hình ngục, thì sự cương quyết, mạnh bạo càng

cần hơn nữa. Tuy vậy, riêng vụ án này thì chỉ có ông mới giải quyết được.

Phan Huy Ích nói:

– Tôi sợ vì mới chân ướt chân ráo vào đây...

Hồ Công Thuyên cắt lời:

– Chính vì thế mà được việc. Nói thật với ông, vụ này dây dưa lâu rồi vẫn chưa ngã ngũ. Kẻ liên can có nhiều thế lực che chở, nên nhiều lần bộ Hình định làm án mà không xong. Chúng tôi hiện đang ở cái thế tiến thoái lưỡng nan. May mắn có ông vào kịp thời. Ông nhận xét án thì không ai dám bảo ông thiên vị bên nào cả.

Rồi Hồ Công Thuyên thuật sơ lược vụ Lợi liên can với các ghe buôn Đồng Nai. Phan Huy Ích thắc mắc:

– Hắn chỉ là một viên quan nhỏ bộ Công, lẽ nào hai ba lần bộ Hình làm án mà không được? Hắn là hoàng thân quốc thích chẳng?

Thượng thư Hồ Công Thuyên lắc đầu đáp:

– Không. Nhưng hắn giúp việc buôn trâu của nhà vua thời hàn vi. Vợ hắn cũng không xa lạ gì với Vương thượng.

Phan Huy Ích vỗ lẽ, nói:

– Thế à!

Thuyên cười nhỏ một tiếng, mắt liếc tinh ranh:

– Ông sợ rồi phải không? Sĩ phu Bắc hà mỗi lần gặp trường hợp cạy thế lộng hành như vậy thì làm gì?

Phan Huy Ích lừ mắt nhìn Hồ Công Thuyên, hỏi lại:

– Các quan bộ Hình đã làm đến đâu rồi?

Hồ Công Thuyên không hiểu thâm ý câu hỏi đó, với tay lấy xấp hồ sơ vụ án gáo Đồng Nai đưa cho Ích:

– Bộ Hình đã tra án mấy lần, được bao nhiêu đây. Nếu ông muốn tự mình xem xét từ đầu, thì cứ ra lệnh. Vụ này liên quan đến Qui Nhơn và Đồng Nai, nếu ông làm sáng tỏ thì công lao không phải nhỏ. Nhưng chỗ đồng liêu tôi có điều này nói riêng với ông, là ông không nên nói gì với quan Trung thư cả. Cứ lảng lạng làm việc. Chắc ông đã hiểu vì sao rồi!

Phan Huy Ích chỉ hiểu lơ mờ, nhưng

Hồ Công Thuyên đã đứng dậy để tiễn khách nên ông không thể hỏi gì thêm.

Ngay buổi chiều hôm đó, Phan Huy Ích ra lệnh cho quan giữ ngục giải từng tên lái buôn Đồng Nai lên bộ Hình để hỏi cung. Không cần tra khảo gì cả, quan Tả thị lang cho phép các tội phạm được ngồi đối diện với mình, mời uống trà, ăn trầu, và từ tốn hỏi thăm công việc buôn bán của họ. Ông ghi nhận được một điều đáng ngờ: số gạo bọn lái buôn đã bán cho Phú Xuân quá lớn, so với trọng tải các ghe bầu. Phan Huy Ích cho đòi các chức sắc phụ trách việc nhập kho để hỏi thể thức nhập kho thế nào. Thủ tục xuất nhập có nhiều sơ hở, khiến việc kiểm soát số lượng chỉ có giá trị tương đối. Lần tìm người chịu trách nhiệm các sơ hở đó, Phan Huy Ích nhận thấy cách tổ chức luộ̣m thuộ̣m không do sự dốt nát, mà do

có chủ ý. Ông không thể đi sâu thêm nữa vì các chức sắc từ chối xuất trình tất cả sổ sách, lấy cớ chưa được quan thượng thư bộ Công chuẩn y. Ngay Hồ Công Thuyên cũng nói xa gần khuyên Phan Huy Ích chú ý đến các tội nhân, đừng tra hỏi các quan bộ Công gây nên bất hòa giữa hai bộ.

Phan Huy Ích lại thẩm vấn các con buôn, chất vấn họ vì sao có sự chênh lệch giữa khả năng vận tải tối đa của đoàn ghe bầu và số gạo nhập kho. Ban đầu họ chối. Về sau, Phan Huy Ích hỏi họ có dám trở về Đồng Nai trên một chuyến ghe đã chở từng ấy gạo đúng như lời họ khai hay không, thì cả bọn do dự. Cuối cùng họ thú nhận đã dùng gạo rải đều từ bến lên kho nên phải thông đồng với các quan bộ Công khai dôi số gạo bán. Họ phải làm như vậy, nếu không phải lỗ vốn

vì chi phí chuyên chở cao, chi phí giao tế lại càng cao hơn nữa. Phan Huy Ích hỏi họ đã hối lộ cho ai, và hối lộ bao nhiêu để việc buôn bán được thuận lợi suốt mấy năm liền. Họ từ chối trả lời, khai rằng đã thú hết với quan thái sử Bùi Đắc Tuyên. Phan Huy Ích không tìm thấy tờ tự khai này trong xấp hồ sơ.

Không còn cách nào khác, Phan Huy Ích phải gặp Trần Văn Kỷ để xin lệnh của Vương thượng cho phép bộ Hình được kiểm soát tất cả sổ sách xuất nhập kho của bộ Công. Ông nhớ lời dặn trước của thượng thư Hồ Công Thuyên, nhưng tự ái của một viên đại thần không cho phép Phan Huy Ích dừng lại ở lưng chừng. Ông ngờ ngợ hiểu rằng chẳng những đây là một cuộc thử thách cho ông, mà còn là cuộc thử thách cho tất cả các quan văn võ cự triều, về khả năng lấn ý chí. Ng-

hĩa là Phan Huy Ích không có một con đường nào khác, ngoài việc bậm môi chấp nhận cuộc thử thách!

*

Thái bảo Phạm Văn Hưng vừa ở Gia Định về, chưa kịp ghé qua tư dinh đã có lệnh triệu vào chầu ngay. Đích thân quan Trung thư lệnh và thượng thư bộ Binh chờ Hưng ở bến thuyền để đưa viên tướng vừa viễn chinh vào gặp Nguyễn Huệ.

Biết chủ tướng nóng lòng muốn biết tình hình Gia Định, nên vừa sụp xuống lạy Chính Bình vương xong, Phạm Văn Hưng đã nói:

– Tàu Chúa Thượng, tình hình trong đó...

Nguyễn Huệ xua tay nói:

– Không việc gì phải vội. Bọn thằng Chung có theo sát thuyền ông về đây ta vẫn còn thì giờ uống với nhau một chén trà thơm. Đi đường có nhọc không, hãy ngồi xuống đây đã.

Phạm Văn Hưng ngồi ghé vào góc chiếc sập Chính Bình vương đang ngồi. Vương quay về phía Trần Văn Kỷ và quan thượng thư bộ Binh:

– Các ông kéo ghế ngồi dịch lại đây.

Hai người vâng lời Nguyễn Huệ, nâng hẳn hai chiếc ghế khảm xa cừ nặng lên, đem đến đặt nhẹ sát chiếc sập thếp vàng, để khỏi gây tiếng ồn. Trong phòng không ai nói với ai lời nào. Chính Bình vương chăm chú rót nước ra bốn cái chén nội phủ bịt vàng. Tiếng nước thanh

và ấm. Rót nước xong, Nguyễn Huệ đẩy cối trầu về phía Phạm Văn Hưng:

– Ông ăn trầu đi đã.

Phạm Văn Hưng không khách sáo, lắc đầu từ chối:

– Xin Vương Thượng ban cho chén nước.

Nguyễn Huệ cười:

– Miếng trầu của các cô các bà trong Gia Định tèm khéo hơn hay sao? Ông già đi đấy. Má hóp, mắt thâm quầng.

Phạm Văn Hưng tưởng đã đến lúc phải bấm báo tình hình trong nam, ngồi ngay người thưa:

– Tàu Vương Thượng, khi chúng tôi vào đến Gia Định...

Một lần nữa, Nguyễn Huệ cười lớn, cảm lại:

– Chưa cần bấm báo vội. Ông uống cho hết chén nước này đi!

Phạm Văn Hưng vâng lệnh Chính Bình vương, một tay che mặt, một tay nâng chén nước lên uống cạn. Nguyễn Huệ chú ý thấy cánh tay áo của Phạm Văn Hưng bị cháy xém vì thuốc súng. Vương cảm động, giọng nói hơi run run:

– Ta trông tin ông còn hơn trẻ con trông mẹ về chợ. Thấy ông và anh em trở về mạnh khỏe ta rất mừng. Quan Trung thư lấy giùm cho ta tấm bản đồ Gia Định. Cuốn giấy cứng cao nhất trong cái lọ sứ ấy. Không phải, cuốn kia kìa. Đúng rồi. Quan thái bảo khỏe rồi chứ?

Cả bốn người quây quần quanh tấm

bản đồ. Nguyễn Huệ ngồi thẳng lưng trên sập, tay cầm một thanh gỗ mun đen hai đầu có bịt bạc dùng để chần giấy, nghiêm mặt theo dõi báo cáo của Phạm Văn Hưng. Hưng dùng ngón tay trỏ chỉ lên bản đồ nói:

– Lúc tôi vào tình thế đã khá nguy ngập rồi. Thượng Sâm phải một mình chống cự với thuộc hạ của tên Chung tử khi Đông Định vương bỏ về Qui Nhơn. Tháng 10 năm trước, Hồ Văn Lân đánh ở sông Lương Phú, đô đốc Nguyễn Văn Mân không cự nổi phải rút về giữ Thang Trông. Chưởng cơ Chân, tả hiệu Huấn đầu hàng giặc rồi làm tiền phong cho chúng.

Nguyễn Huệ hỏi:

– “Thang Trông”? Bản đồ ghi “Thán Lung” mà?

Phạm Văn Hưng nói:

– Tàu chúa thượng, “Thán Lung” là tên chữ, dân địa phương gọi theo cách nôm là “Thang Trông”. Vâng, chỗ đó thuộc Bến Tranh tên chữ là Tranh Giang, Định Tường. Trong lúc đó thì Nguyễn Văn Trương, Đỗ Văn Hựu đánh tập hậu ở sông Mỹ Lung, đuổi chưởng cơ Từ khởi Mỹ Lung. Bộ hạ của chưởng cơ đầu hàng, đem theo cả mấy mươi chiến thuyền. Giặc cứ tiến dần, tiến dần như tầm ăn dâu. Thượng Sâm rút về sông Mỹ Tho, rồi lại phải rút về Sài Côn, vì Nguyễn Phúc Hội đã chiếm Ba Giồng; Hoàng Văn Khánh, Trương Phú Ngan, Nguyễn Văn Trương, Tô Văn Đoái đắp lũy ở Nước xoáy⁴⁰. Cho đến đầu năm nay (Mậu thân 1788), giặc đã chiếm giữ vùng

40 Tức là Hối Oa của Thực Lục. Đó là địa điểm Vàm Nao ở Tân Châu (chú thích của Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử nội chiến ở Việt Nam trang 191).

Trà Lọt, giếng Triệu, giếng Sao. Ta chỉ còn kiểm soát được vùng Sài Côn, Mỹ Tho.

Nguyễn Huệ nóng ruột, dùng cây thước mun chỉ lên bản đồ hỏi:

– Còn phía dinh Trấn Biên?

Phạm Văn Hưng buồn rầu đáp:

– Lưu Thủ Khoa, bộ hạ tên Chung đã chiếm mất rồi. Thượng Sâm chỉ còn biết dựa vào thủy binh làm lực lượng phòng ngự chính yếu.

Nguyễn Huệ dăm chiêu bần thần không nói gì, cả phòng hoàn toàn yên lặng. Một lúc sau, Vương nói:

– Mất Ba Giồng với Trấn Biên là đường bộ đã bị cô lập rồi. Khi thủy binh của ta kéo vào, tình thế có gỡ được rồi không?

Phạm Văn Hưng nói:

– Bẩm có. Cả bọn địch lẫn Thượng Sâm đều hoang mang không hiểu ta vào làm gì. Ban đầu chúng tưởng Qui Nhơn đưa viện binh vào. Thượng Sâm cũng tưởng thế. Sau biết là thủy binh Phú Xuân, Thượng Sâm lo ngại. Ông ấy đóng chặt cửa thành không cho tôi vào. Nhiều lượt thư qua thư lại, kèm theo thể thốt, ông ấy mới tin là tôi vào để cứu viện. Ông ấy rơm rớm nước mắt nói với tôi: “Đông Định vương ngờ tôi làm phản nên mới bỏ về Qui Nhơn. Hoàng thượng có lẽ cũng ngờ tôi nết. Tôi mà có lòng nào thì Trời tru đất diệt ba họ nhà tôi. Tình thế nguy ngập thế này mà Bề Trên không trọn tin thì làm sao chống giữ được đất Gia Định. Tôi còn biết trông chờ về phương nào đây?”

Nguyễn Huệ hấp tấp hỏi:

– Lúc ông về tình thế đã tạm yên chưa?

Phạm Văn Hưng không giấu được bối rối khi đáp:

– Bẩm chưa ạ. Giặc vẫn cố thủ ở các điểm quan yếu như Ba Giồng, dinh Trấn Biên. Thủy binh của ta có làm cho chúng nao núng, nhưng về sau có một thổ hào người Gò Công (Võ Tánh) đem thuộc hạ đông cả vạn quân lên giúp tên Chủng. Chúng loan truyền trong dân chúng cái tin sẽ hạ thành Gia Định vào tháng 6 này.

– Dân có tin lời chúng phao truyền không?

– Tàu Chúa thượng, lòng dân Gia Định dao động lắm. Tên Chủng cho tay chân rao khắp nơi: ai nuôi một lính Tây Sơn bỏ chạy về làng thì binh dịch được

miễn một nửa, hai người thì được miễn hết, ba người trở lên thì được thưởng. Đối với binh lính gốc Thuận Hóa thì bọn chúng nhắc nhở đến dòng họ Nguyễn Gia Miêu để vượt ve tự ái địa phương. Ai muốn mau về xứ thì nên đầu hàng bọn Chúng, lập công phò tá để chóng về đất cũ.

Nguyễn Huệ quay về phía Trần Văn Kỷ nói:

– Lại vẫn cái chiêu bài chính thống! Các ông thấy không, muốn gỡ rối ở Gia Định lẫn Bắc hà chỉ còn một cách là làm sao cho dân hiểu rõ rằng mệnh Trời đã đổi. Rằng bọn ruồi nhặng từng rước quân Xiêm về dày xéo Gia Định lẫn bọn con cháu họ Trịnh họ Lê ở Bắc hà đều là những thân cây mục, không còn dùng làm gì được nữa. Ta biết thuyết phục cho được điều đó, không phải dễ. Phía nam,

ta còn vương Hoàng đế thành. Phía bắc, các ngài khoa bảng thuộc lâu kinh truyện còn ôm khư khư lấy chữ “trung quân”. Ta có nghe báo lại các lời bàn tán của giới sĩ phu Bắc hà, khi họ đọc tờ chỉ dụ ủy cho Sùng nhượng công làm giám quốc dân tại cửa Đại Hưng. Ta không ngạc nhiên, cũng không vội vã nôn nóng. Cái gì mục nát tất nhiên phải gãy đổ. Có chút gió thổi thì đổ nhanh hơn. Thế thôi. Chẳng lẽ các ngài cứ khư khư bám lấy những điều lỗi thời, thậm chí còn chết đại như bọn Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc. Phải có người thức giấc chứ! À này, lâu nay mấy ông nghề Đảng Ngoài làm việc thế nào, quan Trung thư? Ông đã sai đem biểu quế cho La Sơn phu tử chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Thưa đã gửi quế cho quan trấn thủ Nghệ An rồi ạ.

Trần Văn Kỷ tránh trả lời câu hỏi thứ nhất, vì không dễ gì trả lời cho đúng và gọn một vấn nạn quan trọng như thế. Nguyễn Huệ cũng quên ngay câu vừa hỏi, quay về phía Phạm Văn Hưng ân cần dặn:

– Bây giờ ông về gấp cho gia đình mừng. Khao thưởng số anh em vừa vào Gia Định cho xứng đáng. Việc này quan trọng thư bộ Binh sẽ lo. Ông gây hấn đi, thế nào bà vợ ở nhà cũng oán ta.

Cả Nguyễn Huệ lẫn Phạm Văn Hưng đều cười. Vương tiến quan thái bảo đến tận thêm diện Triều Dương. Lúc quay vào, Nguyễn Huệ đã thấy Phan Huy Ích chờ đợi từ lâu ở tiền sảnh để được châu hầu.

✱

Chỉ còn lại Chính Bình vương, Trần Văn Kỳ và Phan Huy Ích trong văn phòng. Trần Văn Kỳ thắc mắc không hiểu do đâu quan Tả thị lang xin ra mắt Chính Bình vương mà chưa hỏi gì ông cả. Nguyễn Huệ thì thích thú, nhớ lại câu mình vừa hỏi quan Trung thư về các ông nghề Đàng Ngoài. Vương nghĩ: “Sẵn tiện hỏi thẳng xem các ông nghĩ sao trước vận hội mới”. Trần Văn Kỳ cố giữ thể chủ động, ân cần mời Phan Huy Ích ngồi lên chiếc ghế cầm xa cù gần sập ngự, rồi thưa với Nguyễn Huệ:

– Tàu Chúa thượng, từ lâu quan tả thị lang vẫn có ý xin được riêng ra mắt Chúa thượng để tạ cái ơn tái tạo...

Nguyễn Huệ gạt phắt cung cách khách sáo của quan Trung thư:

– Thôi, ân với huệ cái gì! Chính ta cũng muốn được gặp riêng các ông để nghe những lời nói thẳng thắn, chín chắn, nhìn xa trông rộng. Nhất là những ông nghề Bắc hà am hiểu việc đời như quan thị lang đây.

Phan Huy Ích nhún nhường đáp:

– Vương thượng dạy quá lời. Chúng tôi chỉ vớ vẩn được vài ba câu kinh truyện, thi phú, làm sao am tường được hết nhân sinh như Vương thượng. Giữa sách vở với cuộc thế, khoảng cách thật khôn lường, vì sách vở chỉ ghi những điều con người mơ ước, chứ không phải những gì sẽ xảy ra để ứng phó.

Nguyễn Huệ gật gù, rồi hỏi Phan Huy Ích:

– Xưa nay thiên hạ không phải của

riêng một dòng họ. Ở nước ta, mệnh trời chuyển từ họ Ngô, Đinh đến Tiền Lê, từ Tiền Lê đến Lý rồi đến họ Trần. Họ Trần suy vi để cho họ Hồ chuyên quyền, đất nước suy yếu dẫn đến cái họa bị quân Minh xâm lược. Lê Thái Tổ đánh đuổi giặc Minh sáng lập nhà Hậu Lê. Ta không đọc sách được nhiều, nhưng cũng dám lấy bạo đoán già đoán non rằng, mỗi lần thay đổi triều đại, không thiếu gì kẻ bất chước Bá Di, Thúc Tề trốn lên núi Thù Dương để khỏi ăn thóc nhà Châu. Trong bọn đó, có bậc hiền triết, cũng có bọn ngu xuẩn. Có thời mệnh Trời chuyển mà nhân tâm ít động. Có thời dao động dữ dội. Ông đọc sách nhiều, có hiểu vì sao hay không?

Phan Huy Ích suy nghĩ một lúc mới đáp:

– Một vương triều đổ xuống, cho một

vương triều khác dựng lên, tất nhiên phải gây dao động. Phải có kẻ mất quyền lợi đâm oán hờn và kẻ trở nên phú quý giàu sang nhờ vận hội mới. Điều đó không tránh được. Sự dao động nhiều hay ít là tùy cái được và cái mất mà vương triều mới đã đem đến cho thiên hạ. Sự so sánh này thực khó khăn. Những kẻ càng có học thức bao nhiêu càng dễ lằm lẩn trong việc cân đo đong đếm.

Nguyễn Huệ thích thú cười to:

– Ông nói hợp ý ta. Đúng lắm. Kinh truyện dễ khiến cho các ngài đâm ngờ mọi sự, đến nỗi các ngài sợ sự thay đổi như người bệnh sợ gió. Cuộc đời đổi thay thì các ngài không còn yên tâm với chữ nghĩa nữa. Cái gì cũng phải đặt lại từ đầu và tự mình quyết định điều đáng làm và không đáng làm. Các ngài run tay và khổ sở. Bọn chân đất chúng tôi cư xử

đơn giản hơn. Ai đem đến cho chúng tôi cơm ăn áo mặc, cho chúng tôi được hy vọng sẽ sống khá hơn, kẻ đó xứng đáng được tôn vương.

Phan Huy Ích nói:

– Tàu Chúa thượng, ở các buổi giao thời, không bao giờ nhà sáng nghiệp có khả năng đem ngay cơm no áo ấm đến cho thiên hạ. Họ chỉ phá tan được cái ách đè nén thiên hạ, chứ chưa cải thiện ngay được đời sống thiên hạ. Đôi khi do đổi đời mà thiên hạ phải đóng góp sức lực, của cải nhiều hơn cả thời trước, nói trắng ra là khổ hơn thời trước. Nhưng cái mà nhà sáng nghiệp như Lưu Bang đem lại cho thời đại là nguồn hy vọng được sống khá hơn thời bạo Tần. Và vì mới chỉ là một nguồn hy vọng, chưa có gì cụ thể, nên sự so sánh được mất trở nên khó khăn. Đối với hạng người được triều

cũ ưu đãi, thì cái mất quá lớn lao, còn cái được thì nhỏ nhoi, bẽ bàng. Quan lại, nhà nho, tôn thất, dễ hoang mang dao động hơn bọn con buôn và người lao động là vì vậy.

Nguyễn Huệ liếc về phía Trần Văn Kỷ mỉm cười. Trần Văn Kỷ hiểu ngụ ý của cái nhìn ấy, hiểu quan thị lang đang bộc bạch tâm sự thâm kín của mình và các quan lại cựu thần nhà Lê. Trần Văn Kỷ chen vào hỏi:

– Có lúc nào phần được phần mất chênh lệch rõ ràng đến nỗi ai ai cũng hân hoan chào đón vận hội mới không?

Phan Huy Ích do dự một lúc lâu mới đáp:

– Khó lắm. Ngay cả bọn hôn quân như Kiệt, Trụ vẫn còn có bọn bề tôi cố chấp như Bá Di, Thúc Tề.

Nguyễn Huệ vui vẻ nói lớn:

– Có chứ. Ông nghề quên mất trường hợp các nhà sáng nghiệp giành đất nước, thiên hạ lại từ tay bọn xâm lăng, như Lê Thái Tổ chẳng hạn. Lúc đó thì sự được mất thật rõ ràng. Mất gì? Mất ách nô lệ, mất cái nhục làm tôi mọi cho ngoại bang. Được gì? Được tất cả. Trời đất, cây cối, nhà cửa, ruộng vườn, cả đến câu ca, lời hát, kiểu áo mặc, kiểu đội khăn, trở thành của ta. Lúc đó, cả thiên hạ làm thành một khối sức mạnh vô địch. Ta đã nghiệm ra được điều đó khi cầm quân diệt bọn Xiêm La ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Ta nghĩ trong Bắc sử, Nam sử còn nhiều trường hợp chứng minh điều đó.

Trần Văn Kỷ và Phan Huy Ích thật sự bị ý tưởng của Nguyễn Huệ thuyết phục, nên từ đó về sau họ lục hết sử sách để tìm bằng chứng sức mạnh của một dân

tộc bị ngoại xâm lúc một bậc anh hùng hô hào toàn dân đứng dậy đánh đuổi bọn xâm lược. Họ nói nhiều đến Lê Thái Tổ và Nguyễn Trãi. Đà câu chuyện đưa đẩy họ quay sang bàn đến sức mạnh của những áng văn như Bình Ngô đại cáo. Phan Huy Ích sung sướng tìm được các lý lẽ đủ nâng cao địa vị nhà nho trong thời loạn, càng nói ra càng quên được những bực dọc, bẽ bàng trong mấy tháng qua. Ông chỉ bút rút khi nhớ lại mục đích buổi chiều này. Làm sao quay trở lại một điều tâm thường vụn vặt như vậy? Phan Huy Ích nhất định chờ dịp khác, và chỉ nên gặp riêng Trần Văn Kỷ cũng đủ. Nhờ thế về sau, ông nhớ buổi chiều hôm ấy như một kỷ niệm đẹp nhất của đời ông, vì chưa lúc nào ông được hào hứng bênh vực cho tầng lớp nho sĩ, cho văn chương, cho đạo học như vậy!

Chương 87

Điều dễ đoán là từ khi quan Tả thị lang Phan Huy Ích trực tiếp tra xét vụ án gao Đồng Nai, Lợi theo dõi diễn tiến vụ án được dễ dàng hơn. Nó không còn là việc nhà của Bùi Đắc Tuyên nữa. Phan Huy Ích biết rõ những nguy hiểm mình phải đương đầu, nhất là những lời xuyên tạc về đức liêm khiết và vô tư của mình nên làm việc gì cũng thận trọng. Ông công khai hóa tất cả việc điều tra. Dù đã xin được lệnh của Chính Bình vương cho phép bộ Hình kiểm soát sổ sách xuất nhập của bộ Công, Phan

Huy Ích còn cẩn thận đến mức cho lập hẳn một ban xét cung nhỏ nhỏ, gồm đủ đại diện của bộ Hình, bộ Công, Tào vụ và Trung thư đường. Lợi không cần nhờ đến Lãng cũng theo dõi từng ngày công việc của tiểu ban ấy.

Mấy hôm đầu, Lợi hí hửng về khoe với vợ:

– Xong rồi. Chúng nó có độn thổ cũng không khỏi được nhục. Có thể chứ. Dù sao người có ăn học vẫn biết điều hơn bọn võ biên tham lam nhà nó. Ha ha! Cứ tưởng tượng bộ mặt bí sị của chúng nó là không nín được cười.

An mừng rỡ hỏi:

– Thật không mình? Nhưng đầu đuôi ra sao kể em nghe với.

Lợi cười ha hả, đáp lời vợ:

– Lại không thật! Chúng nó cố ép cho anh cái tội làm phản. Hết dọa nạt đến dụ dỗ, cuối cùng mới ép được một tên lái buôn ký vào tờ khai viết sẵn như em đã biết. Nhưng nội vụ chuyển qua tay Tả thị lang, thì tên kia phản cung. Chẳng những thế, hắn còn khai rành mạch ai dọa những gì, ai hứa những gì, tờ thú tội do ai đưa tới, hắn ký vào đó lúc nào. Nghe nói tay chân lão Tuyên nhí nhồm như đĩa phải vôi, mắt lườm tên lái buôn hòng cứu vãn tình thế. Cứu thế nào được. Giấy trắng mực đen rành rành ra đó. Anh chỉ sợ chúng vu cho cái tội làm nội ứng cho Gia Định. Còn những chuyện khác, thăm gì! Tay ai cũng dính chàm cả. Chúng nó khai ra, có khác nào “lạy ông tôi ở bụi này”.

Hôm sau, Lợi vui hơn nữa:

– Anh đoán như thần, anh đi guốc trong ruột chúng nó, đoán không đúng sao được. Bọn con buôn có khai vục nhập kho như anh đoán, không khai làm sao gỡ tội! Quan Thị lang đòi xét sổ sách. Ha ha, có cho kẹo chúng nó cũng không dám trình sổ sách ra. Mình khỏi cần làm gì cả. Bây giờ chính chúng nó phải cứu hỏa. Chúng nó...

An sốt ruột chen vào hỏi:

– Tại sao họ lại sợ trình sổ sách. Sổ sách trong tay họ, họ vẽ thế nào chẳng được. Anh coi chừng họ gài bẫy đấy.

Lợi nhìn vợ, cười khinh nhờn:

– Đúng là trí óc đàn bà “sâu thẳm như cõi đặng trầu”. Vẽ! Em tưởng vẽ dễ lắm sao! Sổ sách có mù mờ lộn xộn thì mới đổ thừa cho bọn thừa hành kém cỏi,

bê trễ được. Kém cỏi đâu phải là cái tội đáng đóng gông.

– Nhưng họ làm gì được?

– Chúng nó làm khó, làm dễ quan Thị lang. Chúng nó phao lên nào ông ấy ăn không bao giờ biết no, nào ông ấy từng bị Nguyễn Hữu Chỉnh đem nhốt vào cái trống rồi cho quân lính đánh vào mặt trống liên hồi, đến nỗi ông ấy hóa ngớ ngẩn, nhút nhát. Ôi thôi, không biết bao nhiêu chuyện bịa đặt để bêu xấu quan Thị lang. Nghe đâu chúng nó đang vận động để bộ Công từ chối cung cấp sổ sách cho bọn xét án. Quan thượng thư bộ Hình cũng nói xuôi. Không biết chừng chúng nó muốn cho vụ này chìm xuống, vì muốn hại anh, chúng nó cũng không thoát nạn. Đáng đời bọn nham hiểm. Sao anh ghét cha con lão Đắc Tuyên, Đắc Trụ thế!

Hai hôm sau, Lợi đi dò tin, trở về không nói năng liếng láu như trước. Anh tránh gặp vợ, lặng lẽ vào nhà nằm một mình trên sập, gác tay lên trán. An lo lắng nhón chân lên chỗ sập chồng nằm, hỏi nhỏ:

– Mình.

Lợi vờ ngủ không trả lời. An hỏi tiếp:

– Mình đau phải không?

Lợi giả vờ uốn mình khó chịu, nhăn nhó đáp:

– Ủ. Có lẽ anh bị cảm gió. Nhức lưng ghê.

An không kiên nhẫn được nữa, hỏi:

– Có chuyện không hay phải không?

Lợi giật mình, chống tay ngồi dậy, bối rối:

– Có gì đâu. Em chỉ được nghĩ quần. Bảo tụi nó nấu cho anh nồi nước xông đi.

An ngồi hằn xuống góc sập cạnh chông, giọng nói đã run run:

– Không. Anh không nên giấu. Có phải chuyện mình gặp chỗ nguy không? Đừng giấu em.

Lợi vuốt tay vợ, cúi mặt đáp:

– Ủ. Không xong rồi em ạ. Có lẽ anh nên trốn thôi!

An mếu máo khóc:

– Nguy đến thế sao anh? Có thật không? Kể cho em nghe đi.

Lợi sửa lại thế ngồi, cầm hai tay vợ để lấy thêm hơi ấm can đảm:

– Ông ấy đã xin được lệnh của Vương thượng để bộ Công trình hết sổ sách.

An cố bám vào một chút hy vọng:

– Nhưng hôm trước chính anh bảo là nếu xét đến gốc ngọn, thì chúng nó cũng bị tội mà! Chẳng lẽ Hoàng hậu để mặc cho cha con Đắc Trụ mang gông!

– Làm sao lão Trụ mang gông được. Có dính chăng là thằng Đắc Trụ con lão.

– Vâng, Đắc Trụ cũng vậy. Anh... (An định nói “anh Huệ” nhưng kịp dừng lại)... Vương thượng muốn cứu Đắc Trụ thì phải cứu luôn anh.

Giọng Lợi tuyệt vọng, trở nên lời rên rỉ:

– Nhưng Đắc Trụ đã đi mất rồi!

An hoảng hốt hỏi:

– Trốn đi đâu?

Lợi đau khổ đáp:

– Chúng nó lấy cơ vùng Duy Xuyên chưa yên, nên cho Đắc Trụ vào đó. Lão Tuyên chỉ nói với bộ Hình một tiếng là mọi việc xong xuôi. Chỉ còn một mình anh ở đây gánh hết tai vạ.

An uất ức lớn tiếng:

– Chúng nó xảo quyết như thế mà Trời để yên hay sao! Quan Thị lang đâu phải người mù. Cả... cả anh Huệ nữa, chẳng lẽ anh ấy không biết hành tung của cha con lão Tuyên. Nếu thật sự anh ấy chưa biết thì em phải cho anh ấy biết. Em liều vào cung nói hết, nói hết. Không thể như thế được!

Lợi thấy vợ dợm đứng dậy, vội níu tay An lại, cố can ngăn:

– Em đừng nóng. Anh chỉ mới nghe như thế, sự việc chưa chắc đã hoàn toàn tuyệt vọng. Em nóng quá, đôi khi anh càng bị vạ.

An nhìn vẻ sợ hãi của chồng, trong lòng cảm thấy khinh khi Lợi. An cười nhạt hỏi:

– Vậy anh muốn em làm gì?

Lợi buồn rầu suy nghĩ, rồi đáp:

– Hay là anh đi trốn.

An tức giận nói:

– Dù có trốn cũng phải làm cho sáng tỏ, để em và các con còn dám nhìn thiên hạ chứ.

Lợi nói nhỏ:

– Làm cho sáng tỏ? Em nói gì thế?

Bấy giờ An mới thấy mình vô lý. Chị cảm thấy hổ thẹn, tủi nhục. An bật khóc. Lợi không biết nói gì, cũng không biết làm gì, ngồi trôn nhìn vợ gục đầu vào đầu gối, đôi vai run theo từng tiếng nấc. An vừa khóc vừa nói:

– Bấy lâu nay em cứ lo sẽ đến ngày như hôm nay. Bao nhiêu lần em can anh, anh cứ bảo không hề gì. Của phi nghĩa, em biết! Đã đành anh lo lắng cho vợ con, nhưng ăn bát vàng mà lòng dạ thế này thì thà ăn cơm hẩm bằng chén đất.

Lợi bực dọc, nói:

– Khóc có ích gì!

An không đáp, tiếp tục gục đầu vào gối thút thít. Lợi e dè hỏi:

– Hồi sáng Lãng nó có ghé đây không?

An vẫn gục đầu, đáp qua tiếng nấc:

– Không.

– Em rán tìm cho được Lãng. Còn nước còn tát. Có lẽ không ai muốn cho vụ này lở rộng ra đâu.

An hơi nghiêng mặt liếc nhìn chồng. Thấy vẻ mặt Lợi khổ sở, đôi mắt Lợi van lơn, An đâm thương hại. Đưa tay áo gạt bớt nước mắt trên má, An nói:

– Để em đi tìm nó ngay. Anh đừng đi đâu cả. ở nhà chờ em về. Cũng đừng nghĩ quẩn làm điều dại dột. Rán chờ em.

✱

Từ lúc vụ gao Đồng Nai vỡ ra, thành cái bung xung cho cuộc tranh chấp giữa các phe phái ở thành Phú Xuân, Trần Văn Kỷ tìm cách xa dân Lãng. Nại có quá bận việc quan, Kỷ nói thẳng với Lãng là ông không có thì giờ dạy thêm thơ phú sử truyện cho anh nữa. Vài lần Lãng tìm có đến nhà quan Trung thư “vì chính việc quan”, ông đồ Kỷ bảo gia nhân ra tạ khách, nói dối hoặc quan đang ngủ, hoặc quan vừa đi vắng.

Lãng đau khổ, ray rứt, cố nghĩ xem mình có làm điều gì phật lòng quan Trung thư hay không. Anh chỉ nhớ được những điều lặt vặt như một lần tan châu Lãng vô ý đi trước Trần Văn Kỷ không tránh đường nhường lối cho vị lão thần, một lần anh nghĩ vợ vẫn không đáp ngay câu hỏi của quan Trung thư, một lần khác anh đem trả cuốn Tổng thi cho

ông đồ trước buổi châu hầu làm cho bọn võ quan ít học khó chịu. Lãng không tin những chuyện vụn vặt ấy khiến cho Trần Văn Kỳ lạnh nhạt với mình. Anh bần khoản, đào bới trí nhớ để tìm các lý do khác, đôi khi cố ý tô đậm những sự việc vụn vặt nhạt nhẽo để cố tin đó là duyên do. Công việc giả tạo ấy không thuyết phục được chính Lãng. Đến một lúc, Lãng nghĩ, rồi không dám nghĩ vì nó ghê gớm quá, rồi lại quyết đoán rằng chính vì cô con gái quan Trung thư “trở lòng”, nên bắt buộc Trần Văn Kỳ cũng phải “trở mặt” để Lãng khỏi hy vọng hảo. Lãng lẩm bẩm:

– Vô lý. Ta có làm gì cho nàng khó chịu đâu. Ta chưa hề được nói thẳng với nàng câu nào. Cũng chưa hề được nhìn thẳng vào mắt nàng để ngắm nàng e lệ bối rối, đôi má đỏ au vì thẹn thùng. Hay

là có kẻ xấu miệng nói ra nói vào? Phải, chúng nó, bọn tranh hôi, chúng nó phao truyền rằng nàng đã từng bị chồng chê không thềm cưới, thì về phía ta, nhất định chúng nó cũng đã đặt điều để khiến nàng hiểu lầm ta. Nhưng chúng nó là ai? Thì còn ai nữa? Bọn trai tráng của cả thành Phú xuân này đứa nào không mê nàng, và ghen tị với ta. Chính miệng lưỡi dơ dáy của chúng nó đã đặt điều chia rẽ ta với nàng. Không còn nghi ngờ gì nữa!

Lãng hơi yên lòng vì tin rằng đấy là duyên cớ chính. Anh như người lòa, không nhìn thấy gì khác ngoài tình yêu của mình. Anh không thấy được những sự thực đơn giản ai cũng thấy là: ở vào địa vị của Trần Văn Kỷ, quan Trung thư rất sợ bị xuyên tạc là cố ý bao che cho gia đình Lãng trong vụ gạo Đồng Nai.

Làm gì Trần Văn Kỷ không biết lý

lượn thâm độc mà phe Bùi Đắc Tuyên âm thầm loan truyền từ lâu để tìm cách bảo vệ quyền lợi và địa vị của phe nhóm mình. Ban đầu là những lời than vãn lơ lửng chen vào giữa cuộc rượu về thể thái nhân tình như “vắt chanh bỏ vỏ”, “tham đó bỏ đấng”. Về sau mức độ các lời bông đùa chua chát có tăng lên, thành lời trách móc, lo âu cho an nguy của xã tắc. Nếu Bê Trên cứ mê văn tự, thi phú, kinh sử, để cho gươm giáo rỉ mục, thì thế nào xã tắc cũng lâm nguy. Rồi đến các giai thoại kể rằng sau hai lần ra bắc, nhất là do những lời nỉ non bên gối của một nàng công chúa Đàng Ngoài, Bê Trên bắt đầu “mê hát chèo”. Bọn đào kép Bắc hà (lấy ranh giới là đèo Hải Vân) quây quần chung quanh Vương thượng ngày càng đông đảo, giọng hát Thuận Hóa phụ họa với giọng hát Thăng Long, ở ngoài triều hát vào, ở trong cung hát ra, khiến cho

Bề Trên mê mết điền đảo. Bằng chứng hùng hồn của bấy nhiêu xếp đặt điền đảo ấy, là Vương thượng đã giao vụ án gao Đồng Nai cho một “tên kếp Bắc hà”, để hấn bôi xấu “anh em chân đất từng theo Vương thượng từ thời củ khoai lùi bẻ làm đôi”. Nếu không có sự xếp đặt từ Thăng Long thì tại sao bổ hấn làm Hình bộ tả thị lang? Nếu không có một thế lực tối cao che chở thì làm gì một hàng thần dám mạnh dạn đòi xét sổ sách của bộ Công, hạch sách đủ điều? Một bà công chúa giỏi làm thơ, một quan Thị lang cũng giỏi thơ, một trung thư lệnh mê thơ phú, làm gì có sự trùng hợp hi hữu như vậy, nếu không phải do sự sắp xếp công phu lấy văn thơ làm chiêu bài che giấu âm mưu tiềm quyền?

Nguyễn Huệ cũng biết lối xuyên tạc đó, nên Vương nhất quyết muốn điều

tra tận gốc vụ gạo Đồng Nai. Cách lập hẳn tiểu ban tra xét và công khai hóa các cung từ của Phan Huy Ích rất hợp ý của Nguyễn Huệ. Công việc tiến triển đều đặn, đến lúc Bùi Đắc Tuyên gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên thì Vương phải xét lại vấn đề. Đã đến lúc mỗ cái ung nhọt này chưa? Tin tức Gia Định mỗi lúc mỗi thêm bi đát. Thành Gia Định bị vây chặt. ở Đồng Nai, quân của thái bảo Phạm Văn Sâm bị Nguyễn Văn Nghĩa phá tan. ở lũy Ngũ Kiều, đốc chiến Lê Văn Minh bị Nguyễn Phúc Hội vây chặt rồi lại phải thua trận hỏa công do thủy binh Nguyễn Ánh từ Ba Giồng tiến lên. Trận bao vây thành Gia Định bắt đầu. Nguyễn Ánh đóng binh ở rạch Thị Nghè trong khi Phạm Văn Sâm dàn binh từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung. Ánh sai Võ Tánh đi vòng phía nam đồng Tập trận thẳng tới bến Nghé để chặn đường lui

quân của Sâm. Hai bên giáp công, Phạm Văn Sâm không địch nổi phải bỏ chạy. Quân Nguyễn Ánh vào thành ngày đình dậu tháng 8 Mậu thân (7-9-1788)⁴¹. Phía Bắc, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đã dẹp được các đám cần vương, nhưng Chiêu Thống vẫn còn lẫn lút đầu đó chưa bắt được, đám quan lại và tôn thất nhà Lê đã trốn được sang Tàu, chưa biết họ đang mưu tính chuyện gì, và phản ứng của nhà Thanh thế nào. Nói chung tình thế đang bấp bênh, sự im lặng ở Bắc hà chẳng khác nào không khí căng thẳng trước một cơn bão lớn sắp tới.

Đã đến lúc thích hợp để mở xẻ cuộc tranh chấp nội bộ nhỏ nhen ở đây chưa? Nguyễn Huệ chọn nhanh được một quyết định. Khi biết quan thái sử đã gửi Đắc Trụ vào Duy Xuyên, Nguyễn Huệ ra

41 Theo tóm tắt chiến sự của Tạ Chí Đại Trường trong Lịch sử nội chiến ở Việt Nam, trang 194.

lệnh cho Phan Huy Ích ngưng cuộc xét án lại.

✱

Lăng mù mờ không hay biết nhiều về những điều phức tạp, nguy hiểm đang xảy ra quanh mình. Anh không biết nhiều, rất nhiều người theo dõi thái độ của anh, ghi nhận từng cử chỉ, lời nói, ánh vui buồn trong mắt anh để suy đoán này nọ. Thấy anh ray rứt, thắc thỏm, ngơ ngẩn, đứng ngồi không yên, họ suy đoán rằng “phe hát chèo” đang lâm nguy. Mỗi lần Lăng tất tả lấy ngựa ra khỏi thành họ đều cho người đuổi theo để dò cho đích xác Lăng đi đâu. Họ kinh ngạc thấy Lăng không về nhà chị, cũng không đến tư dinh Trần Văn Kỳ. Lăng không đi đến đâu cả. Anh lang thang trên những bờ

sông, thả dây cương cho ngựa khỏe mặc sức thông dong đi đâu thì đi. Có khi Lãng phi ngựa lên các ngọn đồi, đứng trên đỉnh nhìn mông lung xuống các cánh đồng, các dòng sông, lòng hoang mang vô định. Những kẻ theo dõi anh cũng hoang mang không kém!

Một lần họ thấy anh giữ cương cho ngựa dừng lại ở ngã ba đường. Con ngựa dậm vó bức dọc còn Lãng thì ngẩn ngừ. Anh rẽ về phía tư dinh Trần Văn Kỳ. Bọn do thám mừng thầm. Có thể chứ! Có lẽ những lần trước hẳn biết chúng ta theo dõi nên đi lang thang để đánh lạc hướng. Nhưng Lãng đi được một đoạn lại dừng, rồi đi tiếp, rồi lại dừng. Lãng cột ngựa vào một gốc tre, lom khom chui qua nhiều lớp gai dại để đến một mô đất cao nhìn vào khu vườn nhà quan Trung thư. Thấp thoáng bên kia rào có bóng ai áo trắng.

Bấy nhiêu đủ rồi. Lãng trở ra đường, mỉm cười chào những người lạ mặt vì thấy họ có vẻ tử tế, đáng yêu quá chừng. Lãng nín một nhánh tre định rút đọt lá non để nhai khúc mềm nòn nà cho vui miệng, nhưng đến nửa chừng, bỗng thấy thương cho lá. Bọn người lạ vội vã trở về hướng chợ, Lãng cho ngựa bước chậm theo họ. Thân ngựa nhấp nhô đều đặn nhẹ nhàng ru ngủ tâm hồn anh. Lãng lim dim mắt, mỉm cười. Lúc ngựa phóng qua một chỗ lộ hẹp, suýt chút nữa Lãng ngã xuống đường. Rồi đột nhiên anh thấy nổi vui mong manh, vô nghĩa. Chẳng lẽ mãi mãi thế này sao? Nhìn trộm được một bóng áo trắng. Trời hỡi! Ba mươi tư tuổi đầu mà vẫn bông lông, phù phiếm như một đứa trẻ ham chơi! Lòng ta có gì thất thường chẳng? “Tam thập nhi lập” ta đã lập được gì? Lãng cảm thấy khổ sở y như lúc lấy ngựa ra đi!

Một lần khác, Lãng lấy bạo đón đường để gặp cho được cô con gái Trần Văn Kỷ lúc cô cùng đi chợ với hai đứa hầu gái.

Hôm ấy Cúc mặc một cái áo dài lụa màu hồng, chân đi guốc sơn, đầu đội chiếc nón mới còn muốt màu dầu. Lần đầu tiên Lãng được ngắm Cúc trọn vẹn, thỏa thuê. Anh núp sau một chái lều, nhìn Cúc đang xì xầm bàn luận gì đó với hai đứa hầu gái, dưới một mái lều khác. Hai đứa hầu gái có lẽ tính rất lí lắc và được cô chủ xem như người quyền thuộc, vì Lãng thấy cách ăn nói của họ tự nhiên, linh hoạt, lâu lâu cười thật lớn. Còn Cúc thì không chịu rời chiếc nón lá dù đứng dưới mái lều. Ba người nói với nhau một lúc, hai đứa hầu gái quàng vai nhau đi qua lều khác. Cúc ở lại giữ hai giỏ mây đã đầy rau quả và thức ăn. Lãng

ước mong Cúc quay mặt về hướng mình, nhưng anh thất vọng. Cúc không chịu bỏ nón. Người bán trầu thuốc thấy anh cứ đứng chùng chình mãi bên hàng mình, đuổi khéo Lãng bằng cách tươi cười mời chàng mua trầu. Lãng đỏ mặt, lí nhí đáp:

– Cảm ơn cụ. Tôi... tôi...

Bà cụ càng lấn tới:

– Thấy không mua cho già thì làm ơn tránh chỗ cho người khác mua.

Lãng đành phải rời chỗ núp. Anh sợ Cúc ngừng lên trông thấy anh, nên đi thật nhanh đến chỗ đang có nhiều người chen chúc. Bước vài bước, anh lại nghĩ: “Tại sao ta không dám đến nói chuyện với Cúc thử một lần? Ta sợ gì?” Chỗ đám đông đột nhiên ồn ào vì có đám cãi lộn. Những người đứng gần giạt ra vì sợ liên

lụy nếu có đánh nhau, trong khi những kẻ tò mò ở xa lại bu đến. Lãng lúng túng chưa biết xử trí ra sao. Đúng lúc đó, Cúc nhìn về phía anh. Không còn lối nào khác, Lãng phải đi về phía Cúc.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi được nhìn vào mắt Cúc, Lãng đọc thấy ở đó sự cuống quýt mừng rỡ, tiếp theo là vẻ hốt hải như mắt đứa trẻ chập chững đột ngột bị mẹ rời tay dịu dặt phải lo liệu lấy một mình. Lãng không hiểu vì sao Cúc thay đổi tình cảm lạ lùng như vậy. Anh cũng ghi nhận được làn da trắng, đôi má ửng, và chiếc nón quai nhung tím nâng lấy một cái cằm nhỏ. Chỉ được bấy nhiêu! Vì Lãng đến gần thì Cúc đã cúi đầu xuống, vành nón che hẳn khuôn mặt.

Lãng hồi hộp, hỏi:

– Cô Cúc đi chợ?

Đằng sau vành nón, có tiếng “dạ” nhỏ ngọt ngào. Lãng lúng túng không biết hỏi gì thêm. Trước mắt anh, Cúc đang dùng đầu guốc di di một cái vỏ bắp trên nền chợ. Lãng lại hỏi:

– Cúc thường đi chợ không?

Cúc vẫn giấu mặt sau vành nón đáp:

– Dạ ít lắm.

– Chắc chỉ đi chợ phiên thôi?

– Không phải thế ạ.

– Mọi lần đến nhà tôi vẫn thấy cô đi chợ đều đều.

– Dạ vì độ trước...

– Độ này tôi bận quá. Với lại... Muốn đến học thêm ở quan Trung thư lăm, nhưng...

Có lẽ Cúc chờ Lãng nói “nhưng” thế nào, vì chiếc nón thôi lay động. Lãng tưởng tượng phía sau chiếc nón đó có một nụ cười lém lỉnh, một đôi mắt chớp ngóng đợi. Anh bạo dạn hỏi:

– Nhưng... tôi đến Cúc lại phải lo trà lo thuốc, phiền lắm.

Tiếng Cúc đáp nhỏ:

– Không có đâu ạ.

Lãng không tìm được gì để hỏi thêm nữa. Anh nhìn hai chiếc giỏ, hỏi Cúc:

– Cô đã mua đủ thức ăn chưa?

– Gần đủ rồi ạ.

Lãng hơi bực vì Cúc chỉ trả lời cậm chừm, hỏi lại:

– Sao cô chẳng nói gì cả?

Có lẽ Cúc ngạc nhiên vì cái giọng hơi xằng của Lãng, nên một lúc sau, Cúc mới hỏi nhỏ:

– Dạ?

Lãng mím môi, cố gắng hỏi một câu cho xứng đáng. Anh tìm lời một lúc lâu khiến Cúc định ngừng lên. Vành nón hơi nghiêng, Lãng thấy được cả quai nón và cái mũi dọc dừa thanh nhã. Nhưng Cúc đã cúi xuống đúng lúc Lãng tìm được ý để hỏi:

– Đúng nói chuyện thế này, Cúc có phiền không?

Giọng Cúc hấp tấp như lo sợ:

– Không đâu ạ.

Lúc đó hai đứa hầu gái đã trở lại. Một đứa nhận ra được Lãng lễ phép chấp tay

chào, ánh nhìn dò hỏi, ngạc nhiên. Lãng áy náy, nói trước:

– Tôi có việc quan vừa qua đây. Thôi, tôi phải đi đây. Chào cô Cúc nhé.

Cúc vội ngừng lên, lí nhí:

– Dạ. Hôm nào...

Lãng lại được dịp nhìn thấy đôi mắt cầu khẩn, hoảng hốt và đôi má hồng ửng. Hai đứa hầu gái xách hai giỏ thức ăn đi trước. Cúc gật đầu chào Lãng rồi bước nhanh theo. Bấy giờ Lãng mới để ý thấy chân Cúc có quần xà cạp trắng, giống như những phụ nữ Tàu bó chân theo tục lệ nhà quyền quý.

✱

Vào những lúc hốt hoảng tuyệt vọng nhất, An không tìm được Lãng. Đến khi có tin vui (Chính Bình vương lại cho ngưng cuộc điều tra), Lãng lại ghé thăm nhà. An không dằn được giận dữ, hỏi em:

– Mấy hôm nay Lãng chui rúc ở xó nào vậy? Sợ liên lụy đến mình nên không dám bước chân đến đây phải không?

Lãng ngơ ngác không hiểu chị nói gì:

– Sợ liên lụy? Ai liên lụy ai? Chị nói gì em không hiểu.

An tưởng Lãng giả vờ, càng tức giận hơn:

– Chị em quý hóa chỉ vào những lúc hoạn nạn. Có thất thế mới biết lòng người. Em sợ chúng nó dọa, nên không dám đến đây, có đúng thế không?

Lãng thành thực hỏi:

– Chúng nó là ai mà em sợ?

An bắt đầu ngờ có điều hiểu lầm giữa hai chị em. An hỏi, giọng dịu dàng hơn:

– Thế mấy hôm nay em có vào triều không?

– Có chứ ạ.

– Nhưng em được giao làm những gì?

– Chẳng làm gì cả. Em vào, không thấy ai hỏi han gì tới nên lại về.

– Về đâu? Sao không về đây?

Lãng đỏ mặt:

– Em đi quanh quất.

An hấp tấp hỏi:

– Họ không nói gì với em cả à?

– Họ là ai?

– Cảnh Bùi Đắc Tuyên. Kể cả quan Trung thư nữa.

– Không. Thấy rộn ràng ra vào, chắc là có nhiều việc quan trọng. Hình như tin Gia Định xấu lắm. Và hình như các quan không muốn nhiều người biết chuyện cơ mật, nên em biết ý, lánh đi.

An thở ra, như trút được gánh nặng:

– Thảo nào. Nhà vừa trải qua một cơn phong ba chết người, em biết không?

Lãng giạt mình hỏi:

– Thật à? Chuyện gì vậy?

An lắc đầu chán nản, lòng còn sợ hãi:

– Vẫn chuyện ấy. Dây dưa không biết

lúc nào mới được yên.

– Chuyện gạo ấy à?

– Vâng.

– Chúng nó còn bịa thêm điều gì nữa?

– Không. Chúng nó không bịa. Chỉ có điều đáng sợ là càng ngày sự thực càng rõ hơn.

– Chị nói gì em không hiểu.

An kể lại diễn tiến vụ xét án. Lãng bản thần cả người, nói như người đang mơ:

– Thảo nào ông ấy tránh không muốn cho em gần gũi thân mật như trước. Mọi người đều không muốn nói chuyện với em. Em cứ tưởng vì việc Gia Định. Ai ngờ...

An căn dặn:

– Nhưng như em thấy đó, việc chưa êm đâu. Em phải chú ý mới được. Khổ. Nếu biết chồng con thế này thì...

An bắt đầu thút thít. Một lúc sau, An bảo em:

– Chị chẳng hiểu được đàn ông. Tại sao cuộc sống gia đình đơn giản như vậy, vợ chồng thương yêu nhau, con cái ngoan ngoãn, đủ ăn đủ mặc, họ còn đòi cái gì nữa. Kể cả em cũng vậy. Không bao giờ trong bữa cơm gia đình, các ông chú ý xem con cá con tôm vợ con kho thế nào, bát cơm có được thơm dẻo là nhờ ai. Hình hài thì tạm ở bên vợ con, mà trí óc thì chực dịp bay nhảy đến những chỗ độc địa, hiểm nghèo. Họ mê cái gì kia chứ? Chém giết nhau vì một chức vị, lừa lọc nhau do quyền hành. Năm quyền thì

được cái thú gì? Chỉ được người khác sợ. Thật nực cười. Được kẻ khác khiếp sợ là một cái thú hay sao? Chịu, chị không hiểu nổi bọn đàn ông.

Lãng không còn lòng dạ nào để tranh luận với chị như mọi lần, chỉ nói xuôi:

– Vâng. Kể ra cũng vô lý lắm.

An được khuyến khích, hăng hái tiếp:

– Cả em cũng thế. Chị có cảm tưởng cả đời, em chạy theo đuổi bắt một cái gì đó, cái gì phù phiếm vô cùng. Tại sao em không chịu lập gia đình? Em chờ cái gì? Lãng nghĩ lại xem, cả gia đình ta không ai được cái may mắn trọn vẹn, hạnh phúc. Anh Kiên nghe nói đã được tha, bây giờ làm thầy pháp, cái nghề trước đây chúng ta mỉa mai cười chê biết bao

nhiều. Anh Chinh chỉ còn nắm xương trắng, và khoảng thời gian ngắn anh ấy sống cũng không để lại được gì vẻ vang. Chị thì thế này, em thấy hết cuộc đời chị rồi, khỏi cần nói thêm nữa. Chỉ còn hy vọng ở em. Người nối dõi tông đường là con trai em. Người còn chút hy vọng tiến thân là em. Em để cho chị nói hết đã. Đừng khiêm nhường. Chị thấy trước thế nào anh Huệ cũng làm nên nghiệp lớn. Và chị hy vọng do tình thân thiết, em sẽ được cất nhắc. Cha có ngậm cười nơi chín tuổi là nhờ em, chỉ còn em thôi. Lãng đừng quên điều đó.

Lãng cảm thấy phần khởi vì thỏa mãn tự ái, trong lòng rộn rã. Anh quên cả dè dặt, khoe với An:

– Thì em vẫn có ý định lập gia đình đấy chứ. Hôm qua em có gặp cô Cúc.

An ngơ ngác hỏi:

– Cúc nào?

Lãng thấy mình vội vàng, bất cần, nhưng không còn lối lùi, đỏ mặt đáp:

– Con gái quan Trung thư Trần Văn Kỷ đó.

An hốt hoảng bảo:

– Chị đã bảo em lần trước, sao em còn...

– Chị có bảo gì đâu?

– Nhưng thiên hạ rì rầm khắp thành, em không nghe thấy sao?

– Chị muốn nói chuyện nhà trai hoãn lễ chứ gì?

– Vâng.

Lãng cười, thách đố cả thiên hạ:

– Nói xấu con gái nhà quan bằng chuyện lâm cảm đó... thật là... thật là...

– Nhưng vì sao có chuyện rắc rối, em biết chưa?

– Thì chuyện ganh tị.

An nhìn thẳng vào mắt em, không tin Lãng thành thực. Cuối cùng, chị nhất quyết nói, dù biết trước Lãng sẽ khổ sở:

– Thôi. Em chưa biết thì chị cho em biết. Cô Cúc bị ngờ có bệnh phong đấy. Hai má cô ấy đỏ au khác thường, vài người quen thân còn bảo vành tai cô ấy cũng đỏ và dày...

Lãng ngồi yên chờ chị nói hết. Anh chết lặng vì đột nhiên mọi sự trở nên rõ ràng, không thể nghi ngờ gì được. Đúng

như thiên hạ đồn, Cúc có dấu hiệu của bệnh phong. Anh nhớ lại thái độ khác thường của Cúc hôm gặp anh ngoài chợ, nhớ đến ánh mắt đổi từ vui mừng sang hốt hoảng chơi vơi. Nhớ cách nghiêng nón giấu mặt, nhớ đôi chân quần xà cạp...

An thấy em ngồi sững, tìm cách an ủi:

– Thôi, số phận cô ấy hẩm hiu thì còn biết làm gì nữa. Đầu tiên chị cũng tưởng thiên hạ ganh tị nên đặt điều. Về sau, chị mới biết tất cả sự thực. Em thương người ta, đôi khi càng khiến người ta tủi thân. Lãng nên nghĩ lại.

Lãng ngồi lặng lẽ thật lâu, mắt nhìn lên trần nhà như sợ phải nhìn thấy sự thực ngang tầm cuộc đời. An lảng lảng đi pha nước trà. Lúc trở lên, chị vẫn thấy

Lãng giữ nguyên cách ngồi ấy. An nhắc:

– Em uống nước!

✱

Lãng xấu hổ vì sự khác thường của mình.

Anh không hiểu người khác nghĩ về mình như thế nào, chứ riêng anh, anh không tìm được cái lý nào đủ vững để biện giải cho sự thờ ơ trước vận hội mới.

Làm sao quanh anh mọi người đang lảng xảng, cuống quít, đang dăm chiêu lo lắng, đang hăng hái rộn ràng, đang quần quai đau đớn mà Lãng không hay biết gì? Giá anh xa lánh chỗ ồn ào bụi bặm, sống riêng biệt nơi một chùa vắng chỗ hang núi thì còn hiểu được. Đàng này anh vẫn

chạm mặt họ hàng ngày. Nói cười với họ. Chịu đựng các va chạm với họ. Phải nghe tiếng lao xao của một cuộc sống lúc nào cũng hối hả, hoặc ngửi mùi mồ hôi của đồng loại. Tự nhiên trước mắt anh mỗi người không còn giữ được những nét riêng biệt, sắc sảo đủ để phân định rõ ràng người này với người khác. Họ nhòa đi, nhập thành cái gì trừu tượng, trở nên một ý niệm chung chung. Đối với Lãng chỉ có một điều cụ thể mà huyền diệu như một giấc mơ có thực: đó là tình yêu của anh. Phần còn lại nhòa đi như một ảo ảnh. Tình yêu ấy đã trải qua cơn thử thách tàn nhẫn, nghiệt ngã. Lúc An báo cho Lãng biết căn bệnh nan y của Cúc, Lãng chết lặng cả người vì điều bất ngờ. Nhưng buổi tối hôm ấy nằm một mình suy gẫm về mình, Lãng vẫn thấy lòng mình không đổi. Hơn thế nữa, hình như màu sắc của mối tình ấy đậm lại do

cách trở không thể vượt nổi, và lạ lùng thay, cảnh huống éo le ấy khiến Lãng ngây ngất như uống rượu say. Anh đã nếm qua cảm giác say đại ấy một lần, lúc gặp Thọ Hương ở nhà chị. Lần này Lãng tìm lại đầy đủ niềm khoái lạc trước kia. Anh tự hỏi: Thế là thế nào? Ta thực sự yêu người, hay chỉ yêu một hình bóng? Ta mơ ước đoàn tụ, hay ta yếu đuối đến nỗi sợ chạm trán với thực tế, quay sang thờ phượng cách trở? Ta có bình thường như mọi người hay không?

Sau hôm gặp chị, Lãng tránh né không dám trở lại nhà An. Anh vẫn lén lút nhìn trộm bóng Cúc bên kia vườn. Hình như chuyện đó bị khám phá nên về sau, Cúc chỉ ở trong nhà. Anh phải tháp tùng viên Thị lang bộ Lễ ra Nghệ An biếu quà cho La Sơn phu tử mất nửa tháng. Trở về Phú Xuân, anh được tin bệnh của

Cúc phát nặng. Vết lở ở chân loang ra làm co rút mấy ngón, da mặt sưng sần, mí mắt bắt đầu húp. Trần Văn Kỷ khổ sở, và mỗi lần gặp Lãng, quan Trung thư nhìn anh vừa xót xa vừa ái ngại. Nhưng tuyệt nhiên họ không nói xa nói gần gì đến chuyện Cúc. Lãng nhận thấy cách đối xử của Trần Văn Kỷ đối với mình đổi khác, gần như thân ái bao dung như cha đối với đứa con bất hạnh. Quan Trung thư trở lại bàn luận với Lãng về văn chương, về đạo học, về tình thế. Đi xa hơn nữa, ông dám thổ lộ với Lãng nhận xét của ông về các quan trong triều. Lúc đó, Lãng mới ý thức trở lại tất cả sự phức tạp của đời sống, sự bất trắc của đường đời, và gần hơn hết là dấu hiệu báo trước những biến cố vĩ đại sắp xảy đến như cơn bão làm đảo lộn toàn cõi đất nước. Như người vừa đau dậy, Lãng nao nức được sống trọn vẹn, được tham dự, được

xông pha giữa cõi bất trắc. Nhớ đến lời An hôm trước, Lãng tự hỏi: “Ta sắp đuổi theo cái gì nữa đây?” Anh không vội tìm câu trả lời, nhưng đã tự tin hơn nhiều. Như một kẻ có khả năng đoán trước thời tiết, anh tin sẽ có cái gì mới mẻ, vĩ đại, đẹp đẽ, trọn vẹn, như một giấc mơ có thật đang thành hình. Đó là tâm trạng của Lãng khi mùa đông Mậu Thân bắt đầu.

Chương 88

Khoảng đầu mùa đông năm ấy, theo đề nghị của Trần Văn Kỳ, Phan Huy Ích được trở ra Thăng Long giúp đỡ Ngô Thì Nhậm trong việc bang giao với triều đình phương Bắc⁴².

Trước ngày lên đường, ông đã phải dự liên tiếp các cuộc đãi đằng, thơ và rượu đồ vung vãi trên mâm tiệc. Tất nhiên ở

42 Theo Nguyên dẫn bài thơ Tây trình lữ muện , Dụ am ngâm lục tập 1, trang 170: “Đầu thu tôi phụng mệnh vào Phú Xuân, đến đầu mùa đông ra Bắc thành ứng đáp văn thư với triều đình phương Bắc. Giữa mùa đông thì quân Thanh đưa Chiêu Thống về phục quốc, vì thế tôi phải lánh về chốn lâm dã, có làm tập Vân sơn khiến hứng lược ghi vào đây”.

các cuộc thù tiếp giả tạo ấy, dù rượu có ngon, ông vẫn cảm thấy nhạt nhẽo, và thi từ ứng đối thì càng nhạt nhẽo hơn. Về sau nhớ lại cái thời bế bàng lơ lảo ấy, Phan Huy Ích chỉ xúc động ngùi ngùi vì ba cuộc tiễn hành: bữa rượu tiễn ng-hèo nản lạng lẽ của các ông nghè Bắc Hà cùng vào Phú Xuân với ông, bữa tiệc ở nhà Trần Văn Kỳ, và hôm đến lạy chào Chính Bình vương để phụng mệnh trở ra Bắc.

Bạn bè cùng chung nhà với ông lấy bữa cơm cuối cùng làm tiệc tiễn hành. Sở dĩ được gọi là tiệc, vì ngoài thức ăn đạm bạc thường ngày, có thêm một đĩa gà luộc và một nậm rượu. Năm ông nghè ngồi vào chiếu rượu đã lâu, mà chưa ai nói với ai lời nào. Mãi về sau, người phụ trách luộc gà gấp miếng gan bỏ vào bát Phan Huy Ích vừa cười xởi lởi vừa nói:

– Ông xơi miếng này. Hình như thịt chưa được mềm lắm. Củi bị mưa tạt ướt cả, các bác ạ. Mai ta chịu khó dọn hết vào phía trong đi. Tôi thổi mãi, bụi tro bay mù mà lửa cứ liu riu. Cháy hết một vạt râu đây rồi!

Ông đồ già cười, một mình. Một người bạn khác hỏi:

– Ngày mốt bác đi sớm không?

Phan Huy Ích đáp:

– Vào triều lạy chào Chúa thượng xong, tôi khởi hành ngay.

– Tiếc quá, giá như...

Ông nghề người Bắc Ninh không nói hết câu. Người này liếc nhìn người kia, mỗi người suy nghĩ giả thiết của người nói theo một cách. Ông nghề Bắc Ninh

bần thần một lúc, rồi cầm chén rượu lên mời:

– Các bác bắt đầu uống đi chứ.

Ông đưa chén rượu lên môi trước. Chỉ có Phan Huy Ích nhấp rượu cho vui lòng ông. Ông nghe Hải Dương nói:

– Giá có đậu phụ rán và mắm tôm nhỉ!

Ước mong đơn sơ ấy giúp cả mâm tiệc cười vui một lúc. Họ đưa nhau so sánh cách nấu món ăn nhắm rượu của Bắc Hà và Thuận Hóa. Ai cũng đồng ý món nhắm miền trong có nhiều thịt hơn, mỡ đến béo ngậy, nhưng lạ quá, mọi người vẫn không thấy thú bằng nhắm rượu với miếng đậu phụ rán chấm mắm tôm. Rồi có người so sánh mắm tôm Thuận Hóa với mắm tôm Bắc, tranh luận dài dòng

để tìm hiểu vì sao người nam gọi mắt tôm là mắt ruốc, và cách gọi nào đúng. Ông nghè Thanh Hoa nói:

– Gọi mắt ruốc đúng, nhưng không trang nhã. Dù thế nào chẳng nữa, điều quan trọng là cốt cách văn nhã, chứ không cần thực vị.

Nhưng dù tìm đề tài nào để nói, nói, nói, trong lòng mỗi người vẫn canh cánh một mối buồn rầu. Họ khổ sở tránh né, cho nên vị rượu có gì đắng đắng. Nhấp một hớp nhỏ, cổ nuốt chút rượu vào cổ cho lòng thêm ấm áp nhưng rượu không chịu xuống. Gần cuối tiệc, có người hỏi:

– Bác về Thăng Long chắc bận nhiều việc. Giá về được các trấn thì chúng tôi gửi được vài chữ cho gia đình.

Phan Huy Ích sốt sắng đáp:

– Các bác cứ gửi thư. Tôi không đích thân đem tới được thì nhờ người quen chuyển lại.

Ông nghề Thanh vui mừng hỏi:

– Bác ghé Thanh Hoa chứ?

– Vì tôi theo đoàn lính trạm đem văn thư ra Bắc thành, nên có lẽ không được tùy tiện.

Ông nghề Bắc Ninh nói:

– Bốn chúng tôi đã viết thư sẵn cả rồi. Giá ông gặp được gia đình để kể rõ chuyện ăn ở trong này nhĩ.

Phan Huy Ích hỏi đùa:

– Nếu tôi có dịp tìm đến tận nhà, thì các bác hẳn những gì?

Bốn ông nghề nhìn nhau, ngơ ngẩn

chưa tìm ra câu đáp. Gương mặt họ bồn thần, ông nghe Bắc Ninh nói:

– Phần tôi, tôi chỉ nhản thẳng trưởng nam nên cố mà chăm sóc việc giỗ kỵ. Chúng tôi gửi thân nơi xa xôi này, biết lúc nào...

Ông nghe già nghẹn lời. Mọi người im lặng. Chỉ có ngọn đèn dầu cháy lèo xèo, lâu lâu quẩn quại ngả nghiêng vì gió lọt vào phen trúc thưa.

✱

Trần Văn Kỷ mời rượu Phan Huy Ích vào chiều hôm sau. Trong nhà khách rộng rãi, sang trọng, bàn kỷ toàn bằng gỗ gụ khảm xa cừ, câu đối, liễn trưởng thêu bằng kim tuyến trên nhung quý, chỉ có hai người là chủ và khách. Phan Huy

Ích không đến nổi ngỡ ngàng giữa cảnh quyền quý, nhưng khung cảnh ấy đã khiến hai người loanh quanh mãi trong chuyện khách sáo, đãi bôi. Trần Văn Kỷ nói nhiều đến sự thất bại của các đám cần vương Bắc Hà, chê trách các sĩ phu không thức thời, khen ngợi thái độ quả cảm và sáng suốt của Ngô Thì Nhậm. Quan Trung thư nói say sưa, đến nỗi không thấy được phản ứng của người đối diện, khi thì áy náy, khi thì dọ dẫm hoài nghi. Họ chỉ thực sự “đối thoại” với nhau khi câu chuyện xoay qua văn chương. Trần Văn Kỷ gửi trả hai tập văn, thi tuyển cho Phan Huy Ích, hãnh diện nói:

– Tôi đã sai thư ký chép hết hai tập này lên giấy hoa tiên. Hiện chỉ chép vội được một tập lưu. Thế nào tôi cũng cho sao làm nhiều bản, để gửi biếu ông và

ông Hi Doãn mỗi người một tập. À, tôi có cho chép riêng bài thơ Văn Khiển Cảm Tác để tặng ông đây [Bài thơ Phan Huy Ích làm năm Mậu Thân như sau:

Văn Khiển Cảm Tác

Hối bất ly trần tảo bính cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư

U trung Phú nghĩa phần hương xú

Cơ lệ Trung hòa phát trạo sơ

Thánh độ bao hàm khoa phủ chất

Nho y phiêu đảng lữ canh sừ

Tâm thân chính kiến cầu biên lệ

Ban vũ nhàn lai thảo cổ thư.

Cảm khái khi nghe tin bị khiển trách

Tự hối không biết sớm rời cảnh trần đi ở ẩn

Vào nơi sông nước sao bảo không phải là người câu cá?

Tâm tình u uất, là lúc thấp hương trong đèn Phú nghĩa

Giọt lệ tha hương khi mới nhổ neo bến Trung hòa

Độ lượng thánh thượng bao dung tha cho rìu búa
Áo nhà nho phiêu giạt bạn với cày bừa
Lòng này thân này chính cần tìm phương rèn dũa
Múa chiếc áo sắc sỡ, lúc nhàn thì nghiêng ngả cổ thư
(Dụ am ngâm lục, tập 1, trang 181, 182)]

Trần Văn Kỷ đến chỗ án thư lục tìm một lúc, đoạn đem đến cho Phan Huy Ích tờ giấy hoa tiên màu vàng nhạt có chép bài thơ cảm tác của ông. Nét chữ chép thơ chân phương mà uyển chuyển, cách bố trí hài hòa. Phan Huy Ích run tay vì xúc động khi nhận bản sao bài thơ của mình, không tìm được lời nào để cảm ơn quan Trung thư. Ông bối rối vì những điều phức tạp đang hiện ra trong trí ông: ông có niềm hãnh diện của người sáng tạo đã tìm được kẻ hiểu mình, lại có nỗi xấu hổ của một kẻ trần truồng không nơi ẩn núp. Ông vừa hân hoan vừa chối

với, hay nói cho đúng hơn, Phan Huy Ích chới với giữa một nỗi hoan lạc đang cay.

Giọng Trần Văn Kỷ trách móc nhẹ nhàng:

– Ông kín nhiệm quá lắm! Không bao giờ đem những bài cảm tác liên quan đến thời thế ra bàn luận. Nếu tôi không chịu đọc cả toàn tập...

Phan Huy Ích bối rối đáp:

– Văn chương làm trong lúc xa quê, không hưng phấn được ai, thì làm sao dám khoe.

Trần Văn Kỷ liền nói:

– Nhưng nó quý ở chỗ thực⁴³. Đầu

43 Nguyên chú bài Văn Khiển Cảm Tác của Phan Huy Ích: “Tháng sáu mùa hạ, tôi được vua Quang Trung triệu về Phú Xuân, đến doanh Cầu thì cáo bệnh rồi ủy người vào nam xin lưu lại Nghệ An để điều dưỡng, lúc đó tôi vẫn trú tại lữ điểm chợ Cầu đợi mệnh và thường đến thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu khẩn mong được như sở nguyện. Sau đó ít lâu,

mùa thu vừa qua nghe ông cáo bệnh lưu lại doanh Cầu ít lâu, tôi đã nghĩ đến căn bệnh của ông. Đó là căn bệnh chung của Bắc Hà. Căn bệnh của buổi chuyển, buổi nổi nên đẩy cả khúc mắc, mâu thuẫn. Hãy đọc lại hai câu đề của ông:

Hối bất ly trần tảo bình cư

Nhập giang ninh đắc vị phi ngư?

Thật đúng quá! Câu phá khiến cho bước chân phía trái của ông chùn lại. Nhưng câu thừa lại thúc chân phải dậm bước. Một chân chùn, một chân dậm bước, nên ông bất đắc dĩ phải quanh quẩn ở doanh Cầu. Có điều tôi chưa hiểu, là mấy chữ Phú nghĩa và Trung hòa trong hai câu thực.

Phú Xuân lại xuống chiếu sai lính ra doanh chợ Cầu hộ tổng về kinh và không được chậm trễ. Lúc đó tôi đành dứt tình lên đường, bồi hồi ngoảnh lại. Khi tới bến Trung hòa vượt sông Gianh, trong lòng bỗng xúc cảm giữa cảnh lũ thứ, bất giác rơi lệ. (Dụ am ngâm lục, quyển 1, trang 182).

Phan Huy Ích hơi do dự trước khi đáp:

– Lúc đợi mệnh ở doanh Cầu, tôi thường đến đền Thánh tiên xã Phú nghĩa đốt hương cầu được như nguyện. Đến khi nhận thánh chỉ, tôi vội rời bến Trung hòa trên sông Gianh để vào nam. Lúc qua đò, tự nhiên lòng bồi hồi xúc động...

Trần Văn Kỷ vội nói:

– Đó cũng là lòng chân thực. Tôi hiểu ông. Nhà nho cũng có lúc yếu lòng phải đến thắp hương ở đền Thánh tiên, tôi cũng đã trải qua kinh nghiệm ấy. Chẳng qua chỉ vì trong lòng ông còn có sông Gianh. Khi người chèo đò nhổ sào ở bến bắc và giơ mái chèo khua nước, cả lòng ông là bão tố, như lòng một quả phụ phải tục huyền vậy. Ông không có

cảm giác ấy lúc vượt sông Phú Lương [Tên cũ của sông Hồng Hà.] hay qua sông Lam. Có đúng thế không ạ?

Phan Huy Ích gật đầu, nụ cười ngượng ngịu. Trần Văn Kỳ hăng hái tiếp:

– Chung qui không có gì ngoài hai chữ “chính thống”. Nó đã thành một nếp suy nghĩ quen thuộc của các ông, đến nỗi trở thành hiển nhiên. Nhưng có thật hiển nhiên không? Ông nghĩ lại xem. Lúc Tĩnh vương Trịnh Sâm xua quân vượt Lũy Thầy vào chiếm kinh thành Phú Xuân này, hơn mười năm về trước, có nhà nho Bắc Hà nào rơi lệ lúc qua đò Trung hòa? Tôi chưa có thì giờ đọc hết sách của ông Quế Đường (Lê Quý Đôn) nhưng biết chắc rằng ông không có chút mảy may áy náy khi vào làm hiệp trấn tại kinh đô họ Nguyễn. Vì sao vậy? Vì

các ông cho rằng Thuận Hóa là đất cũ của Bắc Hà thuộc Thăng Long tận thời còn mang chữ Ô châu, Lý châu, nay Tĩnh vương có lấy lại là lẽ đương nhiên. Cũng như khi chính ông mang sắc chỉ của Tĩnh vương vào đây phong cho “hoàng đế” làm Quảng Nam trấn thủ, có lẽ ông cũng không thấy điều gì khác thường. Ranh giới Nam Việt với xứ Chàm ở tận dãy Thạch bi cơ mà. Phải chờ đến lúc Vương thượng đem quân đánh Phú Xuân, tiến thẳng ra Thăng Long diệt Trịnh và nhà Lê yếu đuối không giữ được nước, các ông mới chịu nhớ tới cái ranh giới sông Gianh thời xa xưa. Lúc mạnh, các ông đem ranh giới Nam Việt vào tận Thạch Bi hay Hà Tiên. Lúc yếu các ông mới chịu trở lại sông Gianh. Những đổi thay đó, các ông có lưu ý không? Xoay ngược cái hiển nhiên, các ông sẽ thấy lẽ bất thường. Nhưng được mấy người chịu nhìn ngược

để thấy sự thực trọn vẹn? Máy người?

Phan Huy Ích bắt đầu cảm thấy hai thái dương nóng bừng. Lúc ấy Trần Văn Kỷ đang mỉm cười kiêu ngạo, nhìn thẳng vào mắt ông, thách đố ông trả lời. Phan Huy Ích đáp:

– Thưa, ít lắm. Người ta thường thấy rõ sắc diện kẻ khác, thấy từ trước mặt ra đến sau ót, nhất là lúc người ta có quyền bắt kẻ khác xoay đủ bốn hướng để quan sát cho rõ. Nhưng, cùng lúc đó, người ta không chịu soi gương để nhìn sơ qua khuôn mặt mình.

Trần Văn Kỷ kinh ngạc, dăm dăm nhìn Phan Huy Ích. Ông hy vọng những câu vừa nghe không có thực. Nhưng Phan Huy Ích đã tiếp:

– Ngài có cho phép tôi được nói thẳng những gì tôi suy nghĩ hay không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Có chứ. Sao ông hỏi thế! Tôi vẫn lấy làm tiếc là mấy tháng qua do địa vị của tôi, do bắc nam cách biệt mà tôi với ông chưa bao giờ được thành thực trọn vẹn với nhau. Nhất là ông. Lúc nào ông cũng gật gù chấp thuận, tuy mắt ông buồn rầu đăm chiêu. Hôm nay chỉ có ông với tôi ở đây. Ngày mai ông đi rồi, biết chúng ta có còn duyên gặp nhau trở lại không. Xin ông cứ nói thẳng những điều chân thật. Cũng như khi tôi đọc bài Văn Khẩn Cảm Tác, tôi chỉ đọc bốn câu đầu. Những câu còn lại chỉ là ước vọng, hoặc là sự sợ hãi diễn ra thi ca.

Phan Huy Ích nói:

– Tôi cũng mong ước những giờ khắc nói sự thật như vậy. Ngài cho phép thì tôi xin hỏi: Ngài trách chúng tôi đứng ở Thăng Long để nghĩ về hai chữ chính thống. Ngài còn trách chúng tôi dựa vào mấy trăm năm để tự lừa dối mình, an tâm sống bằng những ý niệm, nguyên tắc có vẻ hiển nhiên. Bây giờ tôi xin hỏi ngài: Ngài đứng ở đâu để nhìn lẽ chính thống? Gia Định? Qui Nhơn? Phú Xuân?

Trần Văn Kỷ đáp ngay:

– Dĩ nhiên là từ Phú Xuân.

Phan Huy Ích hỏi tiếp:

– Họ Nguyễn Gia Miêu cũng đứng từ Phú Xuân như ngài. Họ còn được dựa dẫm vào thời gian hơn hai trăm năm, từ thời Đoan quận công vào làm trấn thủ Thuận Hóa (1558). Nghĩa là nền chính

thống của họ đã dày những 200 năm như chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Thời khởi nghiệp, chính Trung ương hoàng đế (Nguyễn Nhạc) cũng phải xưng là “họ ngoại của chúa Nam Hà” cho dễ thu phục lòng người. Liệu ngài có thể cùng đứng ở Phú Xuân để tranh danh vị chính thống với họ Nguyễn chăng?

Trần Văn Kỷ cười nhỏ một tiếng, đáp chậm và chắc:

– Được chứ. Thứ nhất: là vì những con cháu họ Nguyễn, họ Trịnh và cả họ Lê nữa, hiện nay chỉ là những thân cây mục nát vật vờ. Cả Trời lẫn người đều bỏ họ. Điều đó ông đã tận mắt chứng kiến. Thứ nhì: chúng tôi (Trần Văn Kỷ cười e dè, rồi tiếp), chúng ta có một thế dựa vững chắc hơn hết, đó là lòng dân. Chúng ta đem tới cho họ một niềm hy vọng lớn lao, giúp họ thêm sức mạnh để

sống: hy vọng mọi người – kể cả những người chân đất, nhất là những người chân đất – đều được no ấm, con cái được vui chơi, người già được an dưỡng. Chưa bao giờ họ Trịnh, họ Nguyễn đem đến cho dân nghèo niềm hy vọng đó.

Phan Huy Ích liền hỏi:

– Có thể thực hiện được điều hy vọng đó không?

Trần Văn Kỷ cười to vì đã đến được điều chính yếu:

– Tôi tin chắc chắn. Còn ông thì, thành thực mà nói, còn ngờ vực lắm. Mấu chốt ở chỗ đó. Ông chưa tin cái mới, mà cũng không tin cái cũ, nên phải cầu nguyện ở đền Phú Nghĩa, nhỏ lệ lúc người chèo đò nhỏ sào tại bến Trung hòa, dùng dằng cả bước chân đi. Cầu

chúc chuyến này về Bắc thành gần gũi với ông Hi Doãn, ông được vui vẻ thoải mái hơn. Nào, ông cạn với tôi chén rượu tiễn này!

✱

Như đã ấn định trước, sáng hôm sau, thượng thư Hồ Công Thuyên dẫn quan thị lang Phan Huy Ích vào lạy từ biệt Chính Bình vương tại điện Triều dương.

Nguyễn Huệ sai Trần Văn Kỷ đến nâng Phan Huy Ích dậy, ân cần mời ngồi ở cái đôn sứ đặt sát tám bình phong bằng gỗ vàng bóng loáng. Hồ Công Thuyên theo nghi lễ cũng ngồi ở cái đôn sát bên Ích. Nguyễn Huệ hỏi:

– Các ông đã sẵn sàng lên đường chưa?

Hồ Công Thuyên thay Phan Huy Ích
đáp:

– Tàu Vương thượng, mọi sự đã xong.
Chỉ còn chờ lệnh của Vương thượng.

Nguyễn Huệ hơi nhúu mày khó chịu,
cố ý hỏi thẳng quan thị lang:

– Các ông nghề Bắc Hà cùng ở với
ông thế nào? Có nóng ruột không?

Phan Huy Ích đáp:

– Tàu Vương thượng, tuy nặng lòng
quê hương nhưng người nào cũng mong
lập chút công để khỏi phụ ơn tái tạo của
Vương thượng.

Nguyễn Huệ cười, nói đùa:

– Các nhà khoa bảng Bắc Hà khéo
nói lắm. Các ông lạc lõng, khổ tâm ở đây,
ta biết. Không phải lỗi ở các ông cả đâu.

Suy cho cùng, phần lỗi chính là ở Phú Xuân. Các ông suy nghĩ, làm việc mà lòng còn thấp thỏm, chưa được trọn tin ở mình. Ngược lại, các quan ở đây cũng còn rụt rè dò chừng, chưa dám giao việc. Đôi bên chưa tin nhau. Phần lỗi thuộc về chủ hơn là khách, vì chủ có thành thực mới mong khách tự nhiên thoải mái, sau đó tận tình đóng góp. Ta mong có ngày khỏi cần phân biệt chủ khách nữa. Ngày ấy gần kề rồi. Tuy vậy, ông về Bắc thành làm việc với Ngô thị lang chắc được việc hơn ở đây. Ngoài đó các ông không thể làm khách được. Các ông phải tự lo liệu lấy mọi việc cùng quan đại tư mã Ngô Văn Sở, vì là quê hương của các ông. Dân chúng ngoài đó là bà con của các ông, là học trò của các ông. Mỗi quyết định của các ông trực tiếp làm cho họ vui hay buồn, cho nên mọi người đều xét nét việc các ông làm. Các ông khỏi phải

lạc loài giữa người lạ như ở đây, nhưng chắc chắn là không thoải mái đâu.

Quay về phía quan Trung thư lệnh, Nguyễn Huệ hỏi:

– Các chỉ dụ đã xong xuôi cả chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Tâu Vương thượng, đã xong cả ạ.

Nguyễn Huệ cười, bảo Trần Văn Kỷ:

– Cái nợ văn chương với Phan thị lang, ông đã dứt được chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Tâu Vương thượng, còn nhiều vấn vương lắm.

Cả bốn người trong điện Triều dương cùng bật cười. Không khí bớt nhạt nhẽo vì nghi thức triều đình. Vương lại quay

sang phía thượng thư bộ Hình hỏi:

– Còn bộ Hình? Phan tiên sinh còn nợ gì không?

Hồ Công Thuyên không dám đối đáp tự nhiên như Trần Văn Kỷ, chấp tay thưa:

– Tâu Chúa thượng, quan thị lang đã hoàn tất cuộc xét án.

Nguyễn Huệ nói ồm ờ:

– Nhưng nội chuyện ông ấy đòi về Bắc là đầu dây mối nhợ cho một vụ án mới đây.

Hồ Công Thuyên hơi xanh mặt, liếc nhìn Chính Bình vương dò dẫm, Nguyễn Huệ vội nói:

– Ta đùa cho vui đấy thôi. Ông thay ta đưa tiễn quan thị lang đến cửa thành

nhé. Chúc ông thượng lộ bình an. Cho ta gửi lời vãn an ông Nhậm.

Nguyễn Huệ đưa Phan Huy Ích ra đến thêm điện. Theo sau là Trần Văn Kỳ. Chờ cho Hồ Công Thuyên và Phan Huy Ích đi khỏi cửa điện, Chính Bình vương mới nói với Kỳ:

– Ta đã quen với cái vẻ tần ngần dăm chiêu, với thái độ dửng dăng của các ông nhà nho lắm rồi. Thêm một người nữa, cũng thế thôi. Dĩ nhiên nếu bớt được một ông nghè lưng khùng, lòng ta sẽ vui. Xưa nay ta ghét cay ghét đắng những kẻ lưng khùng. Cuộc đời không bao lâu, chỉ do lưng khùng mà mọi việc bê trễ, cái xấu cứ bám được vào đời ta như loài đĩa. Thế mà bây giờ ta phải chịu đựng họ. Ta bắt đầu ngờ rồi đó. Chẳng lẽ sự an nguy của xã tắc tùy thuộc vào những kẻ cần thận rẽ cỏ trước khi đặt bước đó hay sao?

Trần Văn Kỷ không biết trả lời thế nào, đành hỏi lại:

– Tàu Vương thượng, nếu không tin cậy vào nho sĩ để trị nước thì tin ai? Chẳng lẽ cứ ngồi mãi trên lưng ngựa để thiết triều?

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo:

– Thuở niên thiếu, thầy ta – ông đồ Hiến – dạy riêng cho ta cách nghi ngờ những giá trị có sẵn. Ông đọc “bài tựa truyện du hiệp” trong Sử Ký Tư Mã Thiên rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Tàu vâng ạ. Nhưng ông Tử Trường uất hận vì cái vạ Lý Lăng, nên đây đó trong sách Sử ký vẫn có vài đoạn thiếu

bình tĩnh, hoang mang giữa phải trái, sáng tối...

Nguyễn Huệ hơi giận, cắt lời Kỷ:

– Ông nói gì thế? Chính nhờ cái vạ Lý Lăng mà Tư Mã Thiên thoát được cái câu chấp của bọn hủ nho. Phải trái, sáng tối? Lấy gì để biện biệt những cái quan hệ ấy? Lấy cái gậy của kẻ già nua để đo chằng? Hay lấy cặp mắt của kẻ không dám ra khỏi bốn bức tường giam? Ta không nhờ những lời phẫn nộ của Tử Trường, thì đến nay vẫn đi thu thuế giùm cho ông biện lại Vân Đồn. Ta nhớ đã đọc ở đâu đó câu: “Biết ngờ là gốc của trí”.

Trần Văn Kỷ đánh bạo hỏi lại:

– Vương thượng ngờ vực khả năng của nhà nho, thì tin ở ai?

Nguyễn Huệ đáp:

– Thuở khởi nghiệp, các nhà nho không giúp ta. Bao nhiêu năm gian khổ đánh nam dẹp bắc, ta gặp một số nhà nho chết đại như Nguyễn Đăng Trường, Lý Trần Quán, Nguyễn Huy Trạc, số còn lại phần lớn đều giống như Phan Huy Ích, La sơn phu tử. Được như ông hay Ngô Thì Nhậm chỉ đếm đủ trên đầu ngón tay. Nhờ ai mà ta dựng được nghiệp? Càng ngày ta càng thấy rõ: nhờ những anh em đi chân đất, mặc áo vải như ta trước đây. Chính họ mới là những kẻ quyết định sự an nguy của xã tắc. Ta nói đi nói lại mãi điều này hóa nhàm tai ông, phải không?

Trần Văn Kỷ vội đáp:

– Vương thượng dạy quá lời.

Nguyễn Huệ nói:

– Ta mong đến ngày chứng nghiệm sức mạnh của anh em chân đất. Thế nào rồi thiên hạ cũng phải thấy sức mạnh ấy thôi. Nhất là các nhà nho lừng khừng.

Chương 89

Chỉ mới cách nhau có hơn ba tháng mà khi gặp lại, Phan Huy Ích thấy anh vợ của mình đổi khác. Khuôn mặt Ngô Thì Nhậm ốm hơn, hai gò má nhô cao bên đôi mắt sâu. Hai nếp nhăn chạy dài từ chân sống mũi xuống hai bên hàm. Tóc trán rụng nhiều khiến cho khuôn mặt vuông vức thời trẻ biến thành hình lưỡi cày. Đôi môi hơi thâm thường mím lại khi nghe người khác nói. Những nét khắc khổ đó, Phan Huy Ích đã thấy trên gương mặt Ngô Thì Nhậm sau vụ án năm Canh Tý. Cuộc sống

kham khổ và phiền muộn của mấy năm trốn nấp lao đao hằn dấu lên khuôn mặt Nhậm thật sâu, vài ba tháng chưa đủ để xóa hết được.

Nhưng chính đôi mắt Ngô Thì Nhậm đã khiến cho Phan Huy Ích ngỡ ngàng. Lúc bình thường, đôi mắt ấy hơi lơ đãng mệt mỏi gần như dại đi vì làm việc quá sức. Nhưng khi Ngô Thì Nhậm nói thì bỗng chốc vẻ mệt mỏi biến mất. Một thứ đam mê nhiệt tín ngời sáng ở đó. Ánh nhìn thách đố không nhượng bộ, liễu lĩnh đến hung bạo của Nhậm làm cho Phan Huy Ích lo ngại. Ích tiếc nuôi cái nhìn dịu dàng hiền hòa của người bạn học, người anh vợ, bạn đồng liêu trước đây, cái thời mỗi lần đọc thơ cho Phan Huy Ích nghe, Nhậm còn giữ nụ cười ngượng nghịu và đôi mắt rụt rè, như muốn xin lỗi trước về sự vụng dại lãng mạn của mình. Cách

nói của Nhậm cũng đổi. Ông nói nhanh hơn trước, vội vã, hấp tấp như sợ không đủ thì giờ nói hết, hoặc chưa nói đủ để Phan Huy Ích hiểu mình. Quan nội hầu Phan Văn Lân vừa bước khỏi phòng, Ngô Thì Nhậm đã nói:

– Chú khỏi cần than vãn tôi cũng biết ở trong đó chú lạc loài. Chú tưởng ở đây thiên hạ dang tay chờ chú về như mẹ hiền chờ con hay sao? Không. Tôi báo trước để chú khỏi thất vọng. Các ông ấy hầu hết là con nhà võ. Ăn nói được như quan nội hầu Lân lúc này, thực quá sức bình sinh của họ rồi. Vả lại, thú thực với chú qua bao nhiêu biến đổi, nay tôi thích những lời bộc trực nôm na như thế hơn là những lời hoa mỹ giả dối. Chú làm việc ở đây ít lâu, chú sẽ thấy: Chúng ta lạc loài cô độc giữa bà con, anh em Bắc Hà chúng ta hơn là giữa các quan văn

võ Nam Hà. Tại sao chú nhìn tôi như vậy? Chú không tin ư? Thôi được. Chú đọc hộ tôi hai lá thư của ông chú ruột chúng ta, của chú Ngô Tưởng Đạo đấy. Chú ngồi tạm lên cái ghế đầu này. Văn phòng mới dọn nên bàn ghế còn thiếu. Chú đọc đi. Tôi sẽ tự tay pha trà ngon đãi chú, rồi còn hỏi chú nhiều việc nữa. Tin nhà, tin Phú Xuân, nhận xét của chú về dân tình dọc đường quan lộ. Ôi thôi không biết bao nhiêu chuyện quan trọng cần kíp! Chúng ta sắp chứng kiến nhiều điều ngoạn mục, tôi dám nói với chú là chưa bao giờ có trước đây và sẽ không bao giờ có sau này. Sử ký sẽ không phẳng lặng nhàm chán với những chuyện cảm mạo ho hen của các ông hoàng bà chúa. Sử quan sẽ không tiếc giấy mực cho giai đoạn sắp tới. Từng chữ, từng dòng đều ghi bằng máu. Lật một trang giấy chép sử giai đoạn này chú sẽ nghe được tiếng

reo hò, tiếng súng nổ, tiếng gào thét. Nhưng thôi, tôi làm cho chú quay cuồng điên đảo mất. Hầy từ từ. Chúng ta sẽ còn nhiều thì giờ để bàn với nhau. Ngay bây giờ tôi cũng chưa có thể xếp đặt ý tưởng cho có đầu đuôi. Tôi làm việc không biết mệt, đêm ngủ ít, nhiều hôm quên cả bữa ăn. Chú thấy đấy, mắt tôi thâm quầng. Giá không phải nhận những bức thư như hai bức thư này, tôi đã có thể tự hào là sống trọn vẹn, đầy đủ, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Thật đáng buồn, chú ấy còn không hiểu mình, làm sao thiên hạ... Nhưng thôi, chú đọc đi đã. Tôi đi sai chúng nó nấu nước sôi đây.

Ngô Thì Nhậm nói một thôi dài, rồi đột ngột ra khỏi phòng. Phan Huy Ích tò mò nhìn quanh căn phòng bày biện đơn sơ của Ngô Thì Nhậm: một cái chõng tre đan trải chiếu trắng, cái gối vuông cũng

đan bằng mây, khay trà bằng gỗ có đặt bốn cái chén nhỏ bằng đất nung, một cái bàn vuông thấp la liệt đủ loại giấy tờ, ba cái ghế đầu... nói chung, cách bày biện chứng tỏ chủ nhân không chú ý gì đến những tiện nghi của cuộc sống thường ngày. Sợ Nhậm trở lại sớm, Phan Huy Ích cúi xuống đọc vội hai lá thư của Ngô Tường Đạo. Lá thư trước đem cuộc đời của Khổng phu tử ra bàn về hai chữ “sự thể” để trách móc Ngô Thì Nhậm theo “giặc” làm hại đến danh giáo. Lá thư sau dài hơn, dẫn lời Tả Khâu Minh và Mạnh Tử để khuyên cháu nên sáng suốt phân biệt được họa phúc ở đời, cuối thư nhắc nhở Ngô Thì Nhậm phải giữ đạo hiếu, phải mở mang gầy dựng cho gia phong, đừng làm hoen ố danh dự gia đình. Lời lẽ tuy cố giữ ôn tồn chừng mực nhưng Ngô Tường Đạo không giấu được sự tức giận gay gắt.

Phan Huy Ích vừa đọc xong thì Ngô Thì Nhậm trở về. Thấy Ích băn khoăn, Nhậm hỏi:

– Chú đã chùn bước chưa?

Phan Huy Ích không dám nói thật cảm tưởng của mình, hỏi lại:

– Anh đã phúc đáp chưa?

Ngô Thì Nhậm chợt nhớ ra, vui mừng nói:

– Chú nhắc tôi mới nhớ. Đã viết rồi nhưng chưa gửi. Viết một lượt với lá thư gửi ông hoàng giáp Bảo triện (Trần Danh Ấn). Tôi viết một mạch cả hai lá thư trong vòng một đêm. Chú muốn đọc không?

Tuy hỏi thế, nhưng Ngô Thì Nhậm đã đến chỗ bàn giấy lục tìm lá thư trả

lời đưa cho Phan Huy Ích. Trong lúc ích đọc, Ngô Thì Nhậm bút rút đi đi lại lại trong phòng, cố gắng chờ người em rể đọc xong để nói cho hết những điều dang dở.

Phan Huy Ích đọc lá thư gửi Ngô Tưởng Đạo.

“Cuối thu đầu đông, cháu nhận liên tiếp được hai lá thư của chú gửi đến dạy bảo.

Bàn về hai chữ sự thế, chú có nhắc tới thánh nhân dứt khoát đảm đương việc đóng quân ở ấp Lai, đẩy lùi ấp Phì, nhưng lại bị tuyệt lương ở đất Trần, mặc áo thường qua nước Tống, cũng không phải là điều không thể xảy ra. Ý chừng chú có điều muốn so sánh. Lời bàn này rất rõ ràng, thấu lý, cháu đã kính cẩn ghi dạ.

Thư sau bàn tới hai chữ họa phúc, cháu đã suy đi nghĩ lại, đại để trong sách các học giả đem họa phúc bàn về con người, trong đó có nhiều chỗ sai. Cháu trộm thấy Chu tử bàn về Tả truyện nói tác giả sách đó là người hiểu rõ lợi hại, thì đại khái cũng chỉ nói được những lời họa phúc lợi hại rõ ràng mà thôi. Chú lại nói rằng: Tác giả sách ấy là người thích lấy việc thành bại để đánh giá con người. Gặp lúc họ làm được điều tốt liền bảo họ là người tốt, gặp lúc họ làm điều không tốt liền bảo họ là người không tốt, chứ không phân tích được cái lý phải trái, đó là cái bệnh lớn của ông. Chú lại nói đến cái thuyết “Cong một thước để đuổi một tầm” của Mạnh tử. Nói chung, người ta làm việc phần nhiều chỉ xông vào cái lợi mà tránh cái hại, không hiểu rằng hễ có cái lợi liền có cái hại, tuy ta nắm được mười phần lợi nhưng vẫn có cái hại theo

sau, không bằng hãy xét nó trên mặt nghĩa lý. Đó là thánh hiền đem họa phúc của họa phúc gác ra một bên, chỉ nhìn họa phúc trên mặt nghĩa lý mà thôi. Thí dụ như vua nhân, tôi trung, tam cương chính cử trù thuận, thế là cái phúc của nước; cha hiền con thảo, anh kính em nhường, chồng hòa vợ thuận, thế là cái phúc của nhà. Trái những điều đó là họa. Bọn nhà nho chúng ta nên thể nhận cho rõ điều này, mới thấy được thấu suốt việc lánh họa tìm phúc. Sự mất còn nào đó, mặc cho sự gió bụi nào đó; sự sống chết tất nhiên phó cho buổi sớm tối tất nhiên, thì sự vật sẽ đều lâng lâng.

Cháu gần đây ăn náu nơi bóng tối mới lý hội được ý ấy. Riêng nhà ta gặp vận tai ách, chú cháu, anh em đương ở lúc sợ sệt, lo âu. Kinh Thi nói: “Cầu phúc, phúc không trở lại” thật có ý vị. Những

lời bàn trong thư gửi tới đều là những lời mở mang gây dựng gia phong, thật đúng là những điều cốt tử, mở rộng ra và làm cho sung túc thêm, khai mở tấm lòng thành, công bố cái đạo chung, đó là sự dạy bảo ngày nay của chú. Người đi trốn còn cái gì là quý, nhân với người thân mới quý. Đó là bài học ngày nay của cháu. Yêu người thân, kính kẻ trưởng, tĩnh tâm đọc sách, ở trong cái kiệm ước, làm sáng tỏ điều thiện, là việc làm ngày nay của các em. Gia đình lấy đấy khuyến khích nhau, thì cái phúc ở trong đó. Trong Kinh dịch quẻ Vị tể ở sau quẻ Ký tể. Thoán nói rằng: “Vị tể thì hanh thông”. Cái nghĩa hanh thông này bao quát rất rộng, chớ đem cái hanh thông của Ký tể mà cho là hay hơn cái hanh thông của Vị tể.

Đó là sở kiến ngu hèn nông cạn của

cháu. Kính mong chú chỉ giáo cho⁴⁴.”

Phan Huy Ích đọc xong nhưng chưa vội ngừng đầu lên. Ngô Thì Nhậm thấy hướng nhìn của em rể đã đổi, bước lại gần nôn nóng hỏi:

– Chú thấy thế nào? Điều quan trọng hơn hết là... nhưng chú đã đọc cả lá thư tôi viết gửi cho Trần Danh Ấn rồi chứ? Ngắn thôi, chú đọc rồi chúng ta hãy bàn. Chú uống nước đi đã.

Phan Huy Ích hớp một ngụm nước trà ướp sen, rồi cúi xuống đọc tiếp lá thư của Nhậm.

Thư trả lời hoàng giáp họ Trần ở Bảo triện:

“Tuởng ông nhớ tôi, cũng như tôi nhớ ông. Tóm lại không phải là những

44 Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập 2, trang 220

kẻ lia đàn, nhưng xa nhau lâu thì nhớ nhau càng đậm. Những điều ngày nọ ông dặn cháu nói với tôi v.v... Kinh Dịch nói rằng: “Quẻ Khuê tượng trưng cho cô đơn. Thấy con lợn lấm bùn, chở một xe ma. Lúc đầu trương dây cung định bắn nó, sau lại buông dây cung ra, không phải là thù địch mà là thông gia. Khi đi gặp mưa thì tốt lành”. Có lẽ người ở vào cảnh chia lìa và ngờ vực, không ai là không thể. Nhưng lòng tôi ưa “cái cung” tức là tôi đi sẽ “gặp mưa”, dù kẻ khác có cái ý “ma, lợn”, tôi vẫn cứ vững tâm; hướng chỉ loài ma lợn vô hình, thì hơi đâu mà đem cái nhìn của quẻ Khuê mà nhìn nó. Đó là điều bậc đạt nhân tự nên thấu suốt. Tôi đã dặn cháu về thưa lại tất cả mọi điều. Tháng hoa lan trông ngóng, mong được gặp nhau, nhà rách thư nhàn, quét ngõ chờ đợi. Ngoài ra không nói được hết⁴⁵.

45 Mai Quốc Liên dịch. Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm tập

Phan Huy Ích không chờ Nhậm hỏi, đã nói trước:

– Anh có đưa những bức thư này cho họ xem không?

Ngô Thì Nhậm ngạc nhiên hỏi:

– Đưa cho ai?

Phan Huy Ích đáp:

– Cho mấy quan đại tư mã, nội hầu.

Ngô Thì Nhậm trố mắt nhìn em rể, mãi một lúc sau mới hỏi lớn tiếng:

– Chú nói gì thế? Việc gì phải đưa.

– Anh giao thiệp với bạn bè Bắc Hà, thư từ qua lại, họ không ngờ vực ư?

Ngô Thì Nhậm bật cười, điệu khinh bạc:

– À, ra chú đã nghĩ như vậy! Tôi hiểu rồi. Tháng trước tiếp được thư chú, tôi đã thắc mắc tự hỏi không biết vì sao chú đặt bút viết được câu: Nho y phiêu đảng lũ canh sừ (áo nhà nho phiêu giạt, bạn với cày bừa – Bài Văn Khiển Cảm Tác). Phiêu đảng, lạc loài, lũ thú, cô đơn! Chú chỉ toàn rên rỉ. Vì sao chú biết không? Vì chú cảm thấy xa lạ với họ. Vì sao chú cảm thấy xa lạ với họ? Vì chính chú thiếu lòng tự tin. Đưa những lá thư của chú Ngô Tưởng Đạo và Trần Danh Ấn cho họ xem, phần mình, mình đã nghĩ: “Này nhé, các ngài rộng xét cho nhé, họ viết thư chửi tôi chứ không phải liên lạc nội ứng gì đâu”. Phần họ, họ sẽ nghĩ thầm: “Biết đâu hắn không giấu những lá thư khác. Nếu không tại sao hắn có vẻ bối rối thế kia”. Còn đưa thư phúc đáp cho họ xem thì chắc chắn họ sẽ nghĩ tệ hơn nữa. Lòng ta ngay thẳng, chí ta bền, ta cứ tự

tại thung dung mà làm những điều phải làm. Đó là phương châm của tôi.

Phan Huy Ích hơi chột dạ, chuyển sang chuyện khác:

– Ông hoàng giáp Bảo triện dám viết bằng giọng mạ lỵ như thế sao? Ông ta sai con đến nói với anh những gì?

Ngô Thì Nhậm cười chua chát:

– Chú đoán cũng dễ thôi. Chú ở ngoài này ít lâu sẽ thấy thấm thía thế nào là cô đơn ở ngay trên quê hương mình. Ta vừa giận, vừa thương cho những kẻ mê muội đó. Biết làm sao được. Viết cho chú Đạo như thế là tận ngôn rồi. Còn đối với Trần Danh Án, chú thấy đấy, tôi thách thức. Chẳng còn bao lâu nữa lịch sử sẽ chứng tỏ cho nhà nho chúng ta thấy ai là “ma lợn”. Gần kề lắm rồi. Chúng ta sắp được

chúng kiến những đảo lộn dồn dập, từng bùng, đủ để tỉnh ngộ những kẻ mê ngủ. Chiều nay dự lễ tiếp chỉ xong, tôi sẽ cho chú biết tình hình Bắc Hà hiện nay. Chú nằm đây nghỉ tạm cho khỏe đã!

✱

– Tôi vô tâm quá. Đáng lẽ phải hỏi thăm chú xem cô và các cháu thế nào. Có được mạnh khỏe không? Chú có được ghé thăm nhà trước khi lên đây không?

Ngô Thị Nhậm vừa hỏi vừa cười bẽn lẽn, như muốn xin lỗi. Phan Huy Ích sung sướng tìm lại được nụ cười hiền hậu ngày xưa của anh vợ. Ích đáp:

– Vâng. Em có ghé ấp Tả⁴⁶ được một buổi. Các cháu vẫn mạnh. Riêng thằng thứ ba sinh năm Nhâm dần (1782), 46 Làng Tả thanh oai, quê vợ của Phan Huy Ích

thằng Chú (Phan Huy Chú) đấy, anh còn nhớ không, nó kháu và thông minh đáo để. Em có chấm số tử vi, thấy lá số của nó giống y lá số ông nội. Chắc chắn sau này nó làm rạng rỡ được nghiệp nho chứ chẳng không.

– Còn cô thế nào?

Phan Huy Ích buồn rầu đáp:

– Nhà em độ này ốm hản đi. Một mình lo cho bao nhiêu miệng ăn, anh tính...

Ngô Thì Nhậm vội bảo:

– Bên tôi cũng thế. Tiếc là mình ở ngay đây mà không giúp gì được. Mọi người đều khổ. Mùa màng thất bát. Vả lại, mở miệng nói chuyện áo cơm, sao mà khó khăn. Thôi, đừng nói chuyện ấy nữa.

Rồi đột nhiên, Nhậm đối qua giọng nghiêm nghị:

– Vương thượng đoán trước cuộc biến sẽ diễn ra ở Bắc Hà, nên gửi chú ra giúp tôi. Gần như Vương đoán trước được nét chính của tình thế. Lạ thật. Trong tờ dụ, có nói thế nào nhà Thanh cũng lấy cớ Tự hoàng trốn đi để can thiệp, hoặc cách này hay cách khác. Đúng y như vậy. Chú biết không, hiện hai đoàn cầu viện đã qua “nội địa”. [Tức là đất Trung Quốc, theo cách nói thời đó.] Một đoàn đưa Hoàng thái hậu từ Cao bằng qua hiện ở Long châu, gồm đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Hoàng Ích Hiển, Nguyễn Đình Quân, Nguyễn Quốc Luyện, Nguyễn Đình Mai. Đoàn kia do Tự hoàng cử đi, gồm tham tri chính sự Lê Duy Đản và cái ông nhà nho “ma lợn” Trần Danh Án, đi qua phủ Thái Bình Quảng Tây. Lâu nay nhà Thanh

vẫn nhòm ngó Nam Việt, chờ mong có cơ hội xâm lấn để biến nước Nam trở thành quận huyện của Thiên triều như thời Bắc thuộc. Có bọn tôn thất và quan lại cự triều đại diện nhà Lê sang van xin, cầu khẩn, chắc thế nào nhà Thanh cũng chộp lấy cơ hội tốt. Cảnh núi xương sông máu không tránh khỏi.

Phan Huy Ích lo lắng hỏi:

– Đã có kế chống giữ nào chưa? Phú Xuân có biết rõ không?

Ngô Thì Nhậm cười:

– Dĩ nhiên phải có. Quan đại tư mã Ngô Văn Sở giỏi cầm quân, điều đó chú biết rồi. Ông ấy có thêm một đức quý khác là sẵn lòng nghe lời bàn luận không giống mình. Chỉ vài tháng thôi, ông ấy đã xếp đặt việc văn võ Bắc Hà đầu vào đó.

Ngày nhàn rồi, ông ấy thường cưỡi ngựa đi rong ngoài phố cho vui. Ông ấy cũng mắc cái chứng thường thấy ở con nhà võ là dễ tự đắc. Một hôm, ông ấy họp các quan ăn tiệc ở nhà hiệp nghị. Giữa tiệc, ông ấy bảo với nội hầu Lân và đô đốc Tuyết: “Chúa công đem một thành phố lớn giao phó cho ta, cũng như sai kẻ thợ may cắt cái áo gấm mà chưa tin hẳn đã biết cầm kéo hay chưa. Các ông coi thử ra sao. Nếu có Tể Thiên đại thánh ở trên trời xuống, hay Diêm vương ở dưới đất lên, ta chỉ vét một mẻ lưới là hết. Huống chi cái lũ tẹp nhẹp chẳng qua chỉ để cho người ta thử gươm xem có sắc không, chứ làm được gì!” Rồi ông ấy ngoảnh lại bảo tôi: “Quan thị lang thật giỏi nghề văn mực, không biết có quen việc cung kiếm hay không?” Tôi đáp: “Có văn thì có võ, văn võ không phải hai đường. Nhưng cổ nhân hành binh vẫn thường “tới việc

mà lo” sao ngài lại cho việc binh là trò đùa mà coi thường? Tôi nghe trong bọn quan lại cựu triều chạy sang Tàu cũng có kẻ muốn dắt họ sang xâm lấn bờ cõi gây ra binh đao. Ngài đã nhận ký thác việc ngoài cửa, không khỏi có phen phải lo đến đầu bạc. Lúc ấy ngài sẽ nghĩ lại lời tôi nói hôm nay”. Ông ấy cười và nói: “Khi ấy sẽ phải phiền ông làm một bài thơ để đuổi quân giặc. Nếu không được, thì túi dao bao kiếm vẫn là phận sự của con nhà võ, can chi ông phải quá lo!” [Hoàng Lê, trang 286, 287.]. Nói thế nhưng ngay hôm sau, ông ấy đã mời tôi đến bàn cách mời thêm các văn thần cựu triều ra giúp việc nước.

Phan Huy ích vội hỏi:

– Anh dám nói thẳng như thế sao?

Ngô Thì Nhậm lại kinh ngạc nhìn Ích:

– Tại sao chú hỏi vậy? Đó là việc của tất cả chúng ta mà! Quân Thanh tràn qua đây thì tất cả nước Nam này trở lại cảnh lên rừng tìm ngà voi xuống biển mò ngọc trai, đâu có phân biệt Đảng Trong hay Đảng Ngoài.

Một lần nữa, Phan Huy Ích cảm thấy hổ thẹn. Cái ý định buổi trưa của Phan Huy Ích (ý định đem cảnh bề bàng lạc lõng của mình ở Phú Xuân tâm sự với Ngô Thì Nhậm, mong ước được chia sẻ niềm lạc loài, được cảm thông sự dè dặt bất quyết) bây giờ ông mới thấy không thích hợp. Ông định ra đây để tìm một người cũng yếu đuối như ông để cùng dìu nhau mà đi. Phan Huy Ích lầm. Ông thấy rõ mình cách biệt Ngô Thì Nhậm không phải một tầm tay, một

nhón chân, mà hàng dậm. Ông có vượt qua dậm đường nhấp nhô gai góc ấy được không?

Phan Huy ích chưa dám trả lời.

Chương 90

Trước hôm nhận được tin quan đại tư mã triệu gấp các quan văn võ cựa triều lên kinh đô, ông nghề chế khoa (khoa Đinh mùi 1787) Trần Bá Lãm ở Vân Canh có nhận được một bức thư của quan thị lang Ngô Thì Nhậm. Thư như sau:

Thư gửi chế khoa Trần hầu ở Vân Canh.

Đạo chỉ có một mà thôi, khi nên làm quan thì làm quan, khi nên nghỉ thì nghỉ. Người quân tử phải tìm cái chỗ đúng nhất

của nghĩa này. Hiền hầu là người trong khoa bảng, tất nhiên tự mình có chủ kiến. Người sĩ quân tử ở vào thời kỳ đại quá nên cân nhắc cho đúng về mặt nghĩa lý. Có người có thể đứng một mình không sợ; trốn đời không buồn, được thua còn mất, gian dối dữ lành không mảy may để bụng, sống chết bằng cái đó cũng là một lý. Còn như kẻ tự cho mình là làm theo việc nghĩa nhưng lại còn muốn lưu tấm thân này để mưu cái lợi về sau, thì tất nhiên đứng một mình mà có lòng lo sợ, trốn đời mà có lòng buồn, kẻ sĩ cao minh há không thấy điều đó sao? Xét ở bậc tiền bối trốn đời như tiến sĩ họ Cao ở Phú Thị, coi khinh giàu sang mà tiêu dao tự tại, đó là trốn đời mà không buồn; đứng một mình như đại vương họ Trần ở Vân Canh, có con đường có thể sống mà ung dung đi con đường chết vì nghĩa; như thế là đứng một mình mà không sợ. Những bậc khoa bảng triều

trước, hai vị này là những người không thể sánh kịp. Nếu không được như vậy mà còn muốn lưu tấm thân ở đời, gửi dấu ở suối rừng, làm thầy thuốc, thầy bói, đó cũng chỉ là lấy cái ở ẩn để làm cái cơ may xuất hiện. Phàm đã ôm cái cơ may trong lòng thì thường ngay ngáy với cơ may, cơ may đó là cửa quan ải của lợi hại, khe hở không lọt sợi tóc.

Đại phàm kẻ đứng một mình, điều đáng sợ là hiềm nghi, kẻ trốn đời điều đáng buồn là gian khổ. Náu mình giấu họ nương tựa người, tình cảnh này tôi từng chịu đựng. Nhưng, thời thế lúc ấy sự thể của tôi không cho phép tự đứng vào danh nghĩa gì. Ở vào thời tiểu quá, cố nhiên không khác gì con chim bay trốn tránh.

Ngày nay, cái mà hiền hầu bảo là “độc lập”, “trốn đời”, thì lại khác hẳn thế. Hiền hầu nói rằng “nghĩa phải bảo tồn nước

cũ”, rằng “không thờ hai họ”, rồi đem cái đó khích động lòng người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt. Thực là khó biết con người mà hiền hầu nương tựa có quả thực không cho hiền hầu là món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ, cá lười, chim cung hay không? Nếu vậy thì sợ lại càng sợ, buồn lại càng buồn, tôi e rằng sự tính toán của hiền hầu có phần lầm lẫn.

Tôi cùng hiền hầu đã từng có lúc bàn thơ ở trước lầu Ngũ Long. Tôi thấy hiền hầu là người cao minh lanh lợi, cho nên việc sứ mệnh năm trước mời hiền hầu cùng đi một thể. Bản ý hiền hầu là người ra ứng dụng với đời, chứ không đem cái cục diện của hai vị hiền giả ở Phú Thệ và Vân Canh làm kim chỉ nam cho mình. Nay hiền hầu còn đó, thì kim chỉ nam lấy lưu tẩm thân mình làm phương Tý Ngọ.

Vì sao không dốc hết tâm lực của mình đối với sự biến hóa của khí vận là nơi bền vững nhất của việc tàng thân? Ôi! đời giường để xa khách, khách có thiệt thời gì đâu, nhưng chân giường bị xước. Nếu quả lấy việc ngoảnh lưng lại với đời làm cái lợi lưu lại tấm thân, thì so với cái hại tránh khách xước chân giường cũng không xa là mấy. Kẻ hiền đạt ăn ở với nhau, nên bảo cho nhau bằng điều tâm huyết, đâu phải là đem chuyện hình hài mà trói buộc lẫn nhau? Mặc dù vụ án năm trước, hiền hầu có lúc dùng lời không đẹp gán cho bản chức, việc đó nếu đặt mình vào địa vị ấy, thì từ xưa vẫn có. Bảo tử há cho Quản tử là người tham và nhát mà thay đổi cái nghĩa tương tri? Riêng nghe quan bộ Hình gửi thư kính mời, rốt cuộc hiền hầu vẫn chưa dám tới.

Hoặc có người cho rằng: Hiền hầu và

bản chức có chỗ nghi ngại, đủ làm cho hiền hầu sắp đi tới mà lại chân chừ. Ý tôi cho rằng không phải như vậy. Đó ắt là hiền hầu đã có chủ kiến đối với thời cơ tiến lui xuất xử, cho nên thác ra như vậy để làm điều từ chối.

Xa nhau lâu ngày, nghe nói chỗ hiền hầu lui tới có nhiều bậc hiền nhân quân tử, tôi tạm thổ lộ tâm can, xin hiền hầu nên đem điều đó trao đổi với các bạn hiền đạt mới được. Quan Hình bộ là người hiền hòa độ lượng, ông đối với bọn ta mọi việc đều làm chu đáo lắm. Nếu như gặp mặt, hẳn hiền hầu không cho thiên nghị luận này của bản chức là điều vu khoát. Mong hiền hầu mau ứng nhận mệnh vua, sớm tới thêm hòe, tay bắt mặt mừng, dù bao nhiêu tặng vật cũng chưa đẹp bằng.

*Nhấn nhủ tha thiết, trông đợi ân cần.
Nay kính thư⁴⁷.*

Trần Bá Lãm nhận được thư, đọc đi đọc lại nhiều lần nhưng giấu không cho các bạn bè biết. Đọc lần đầu, ông giận đến nỗi lá thư run rẩy trên tay. Lòng tự ái của ông bị tổn thương trầm trọng, vì chưa, phải, chưa có ai dám nói những điều trắng trợn như vậy về ông: “... khích động lòng người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt”, “món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ”. Ông định xé ngay lá thư, nhưng kịp nghĩ lại, ông xếp thư cẩn thận cất riêng một chỗ. Ông nghĩ: “Phải cho các bạn ta xem, để họ biết miệng lưỡi độc địa của tên “sát tứ phụ nhi thị lang”. Xác

47 Mai Quốc Liên dịch, Tuyển tập thơ văn Ngô Thời Nhậm, tập 2, trang 214, 215, 216.

láo, tự cao, tự đại đến thế là cùng”. Ở thi xã bạn bè ông tụ họp để ngâm thơ vịnh nguyệt, để nhớ tiếc “cố quốc”, để so sánh trước kia và bây giờ, để mỉa mai các quan Tây Sơn méo miệng mím môi mỗi khi cầm cái quản bút, để kể đủ thứ chuyện tiểu lâm bù khú về chế độ mới, Trần Bá Lãm đã nhiều lần định rút lá thư ra, lại do dự, rồi lảng lảng ấn vào đáy túi. Ông tự giận mình, đêm khuya, đem lá thư ra đọc lại. Ông đối diện với chính ông, bình tĩnh, khách quan phán xét chính ông. Càng đọc ông càng thấm. Những điều chính ông sợ phải nghĩ đến vì nó quá thực, lạ lùng thay, Ngô Thì Nhậm đã nói đúng và gọn trong một vài câu. Bảo tồn nước cũ? Không thờ hai họ? Thử ngẫm cho cùng xem có thực ông tin còn có thể vực dậy một triều đại lão nhược mục nát như triều Lê Trịnh hay không? Ông vác lều chõng đi thi vào chế khoa Đinh

Mùi (1787), tận mắt chứng kiến cảnh xô bồ chen lấn của vài trăm sĩ tử trong sân điện chật hẹp để vớt vát chút danh cho đạo học ở buổi chợ chiều. Ông bóp trán chau mày trả lời các đối sách để làm gì, nếu không phải là để bôi phẩn cho Nguyễn Hữu Chỉnh! Mà Bằng quận công (Nguyễn Hữu Chỉnh) có thực bụng phù Lê không? Ngô Thì Nhậm đã nói những điều mà nếu ông, Trần Bá Lãm, can đảm soi gương thật gần để nhìn cho rõ gương mặt mình, ông cũng phải nói. Sự liêm khiết trí thức buộc ông phải công nhận cái sự thực phũ phàng ấy. Vâng, quả thực ông đã mượn tiếng phù Lê làm vốn liếng nhờ cậy, lừa mình và lừa người. Ông và bạn bè trong cái thi xã đã gian dối nhau để sống, thanh thoi trong giai đoạn khó khăn kham khổ chung. Từ đó, ông không thể sống tự nhiên như trước được nữa. Ông thấy các bạn ông cười nói, than thở,

thất vọng, hy vọng, mĩa mai, mừng rỡ, một cách giả tạo đến kịch cớm.

Ông càng tin ở nhận xét của mình hơn, khi từ Thăng Long, đưa tin về: đại tư mã Ngô Văn Sở triệu gấp các quan văn võ cộu triều lên kinh. Các tao nhân mặc khách trong cái thi xã hoài Lê ấy đột nhiên mất hết vẻ khí khái cao ngạo hoặc nét trầm tư ưu thời. Mọi người cuống quít lên, người này đổ lỗi cho người kia, hoặc dùng miệng lưỡi đùn cho kẻ khác các việc khó khăn. Một ông nghề, một ông làm chức viên ngoại lang, một tri phủ và một ông cử nhân thất chí hóa gàn vội vã ra bến tìm thuyền. Không có thuyền đi thẳng lên kinh, họ phải đi dò dục, rồi đi bộ, rồi lại thêm một chặng dò dục. Chặng vạng hôm đó, họ chờ dò dục mãi không thấy, phải vào trú đêm tạm trong cái quán tranh cất gần bến dò. Trần

Bá Lãm cũng ở trong số đó. Trong túi áo trong của ông, lá thư Ngô Thì Nhậm vẫn nằm yên dưới đáy túi.

*

Cái lều thấp lợp tranh, chung quanh dùng phen tre, mỗi bề gần bằng một con sào. Quầy hàng nước và vài thứ hoa quả vặt vãnh chiếm gần nửa căn lều hẹp. Phía sau chủ quán dựng tạm một cái nong rách làm bình phong, che lấy khoảng hẹp riêng tư làm chỗ nấu bếp và chỗ ngủ cho hai mẹ con. Đêm phủ xuống, buồn bã theo từng giọt mưa rả rích. Khách lữ đồ khá đông. Ngoài Trần Bá Lãm và ba người bạn, còn có ông đồ (hoặc thầy lang) lạ mặt vận áo the thâm, cặp tráp sơn then, bốn người đàn ông làm ruộng lên kinh tìm mua lưỡi cày ở phường đúc,

và hai người đàn bà ăn mặc khá tươm tất, mang tay nải ăn nói nhanh nhẹn đồp chát ra dáng con buôn. Hơn mười người phải ngồi qua đêm trong khoảng quán hẹp, bên ngọn đèn dầu lạc lù mù.

Người đàn bà chủ quán mừng rỡ được một món lời bất ngờ, vừa bưng đĩa cơm đến bán cho từng người, vừa suýt soa xin lỗi. Chỉ có năm người mua cơm của hàng quán, số còn lại hoặc nói dối đã ăn ở nhà, hoặc mua lấy một quả chuối cho phải phép. Chì hàng không lấy thế làm buồn. Thực ra, chì không có gạo để nấu đủ cho chừng ấy người. Thức ăn thì chỉ có dưa khú và tương. Để khách hàng khỏi xót xa về giá cả, chì chủ quán mau mắn nói:

– Các ông các bà hiểu cho. Độ này gạo thóc kém lắm. Mua đến khó quá đi mất. Không mấy khi các ông các bà ghé

đêm ở đây. Thôi thì tạm tạm cho qua bữa. Vâng, thêm chút dưa khú. Có ngay đấy ạ. Cả đến rau quả cũng đắt như vàng. Chùng này cũng khá tiền đấy ạ. Chị dịch vào đây, kéo mưa tạt. Cái Tẹo, đưa cho bu cái que khêu tim đèn nào!

Hai chị con buôn ăn hết hai đĩa cơm đây, uống cạn hai bát chè vối, rồi lấy trầu ra nhai ngon lành. Một chị nhổ toẹt cổ trầu qua tấm phen thưa, suýt chút nữa văng lên áo ông nghè Lãm. Ông nghè thu vạt áo lại, nhăn mặt khó chịu. Chị con buôn không thèm để ý thái độ ông nghè, quay sang phía bạn hỏi:

– Đi đồ dọc chuyển sớm có lên kịp chợ không?

Người kia đáp, sau một cái ngáp dài:

– Kịp chán. Định bê cả chợ kinh về hay sao mà lo thế!

– Mai hẹn nhau về một lượt nhé.

– Để xem đã, giá có các ông ở đây cùng về thì tiện nhỉ!

Chị con buôn kia phá lên cười, giả vờ trách:

– Ăn nói ý tứ nào! Các bác, các cụ đây toàn là nhà nho. Không được hỗn.

Chị kia nói giọng chán nản, khinh thị:

– Ối dào! Chỉ tổ dài lưng tốn vải.

Cụ cử gàn, bạn ông nghề Lãm bực tức gắt:

– Chị kia! Chị nói gì thử nhắc lại xem!

Hai chị con buôn tự cảm thấy đùa nghịch quá lỗ, không dám nói gì, chụm đầu vào nhau cười rích rích.

Ông cự tri phủ buột miệng than:

– Đúng như cổ nhân nói: “phụ nhân nan hóa”.

Ông đồ lạ mặt ngồi gần Trần Bá Lãm quay về phía ông nghe tìm nụ cười đồng tình. Ông nghe lắc đầu chán nản. Người kia được dịp nói nhỏ:

– Trước kia, phong hóa đâu có suy đồi như vậy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gạt đầu thay câu trả lời. Bác nông dân liếc thấy hai chị con buôn đã dựa lưng nhau bắt đầu ngủ gật, nên mạnh dạn nói đủ cho cả quán nghe:

– Hạng mua già bán non ấy thì lúc nào chả thế. Chỉ khác là bây giờ họ kiếm ra khối tiền.

Ông đồ lúc nãy nói:

– Ấy đấy, bọn lường đảo giàu có trong khi con nhà thư hương chúng ta đói dài mặt ra. Như thế là phong hóa suy đồi rồi. Cái thời kỳ cực chưa từng thấy, bác nhỉ!

Trần Bá Lãm gật đầu:

– Vâng. Kể cũng kỳ cực!

Ông đồ lạ mặt hớn hờ hỏi:

– Bác có đọc các tờ cáo của... của họ không?

Trần Bá Lãm kinh ngạc hỏi:

– Có điều gì mới à?

– Có... à... à không. Tôi chỉ muốn nói đến cách viết nửa nôm nửa chữ của họ. Giống y như gà què. Thà viết toàn nôm cho đỡ tức. Đằng này cứ pha phách phừa phứa, như trẻ con nói ngọng. Chúng nó dốt nát mà cứ tưởng...

Trần Bá Lãm lo sợ hỏi:

– Ông nói gì thế?

Người kia liếc quanh, thấy phần lớn đã thiu thiu ngủ, nên kể sát mặt ông nghe Lãm nói:

– Tôi trông qua, biết bác không ông nghe cũng là ông cống. Bác đừng nhún. Tôi cũng là người đồng hội đồng thuyền của bác, xin chớ ngại. Bác đã biết tin gì chưa?

Trần Bá Lãm giật mình hỏi:

– Tin gì vậy?

Người lạ mặt kể sát tai ông nghe thì thào:

– Sắp đổi đời rồi.

– Ai bảo bác thế?

– Thế bác chưa biết gì sao?

– Chưa biết gì cả. Chỉ biết phải lên kinh gấp, thế thôi.

– Sao lại lên kinh? À phải, lên kinh là phải. Ai cho người liên lạc với bác đây? Nhóm của bác được mấy người?

Trần Bá Lãm bắt đầu thấy có gì bất thường. Ông còn đang bắn khoản thì ông đồ bên cạnh đã kéo vạt áo the rút ra một tờ giấy:

– Bác đọc cái này chưa?

Ông nghe e dè hỏi nhỏ:

– Cái gì thế?

Người kia cười, bí mật:

– Cứ đọc đi đã. Thế mà tôi cứ tưởng bác đọc rồi mới rủ nhau lên đón ở kinh

thành. Để tôi ngồi tránh ra một chút cho sáng nhé. Phen này chúng nó lại trở về xử mán mọi thôi!

Trần Bá Lãm cố nheo mắt đọc thầm:
(dịch nôm)

“Dấy nước đã liệt, nổi giòng đã tuyệt, việc đáng làm chi kể mang hoang. Vớt người bị chìm cứu kẻ bị cháy, dùng chẳng được mới dùng binh cách.

Nay nghĩ họ Lê nước An Nam, vốn là cống thần của thiên triều, ba trăm năm vật phẩm tiến dâng tính theo chức phận; Mười lăm lộ đất phân chia cắt, gồm có nước nhà.

Thế mà khoảng năm Càn Long, tù trưởng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cất quân làm loạn, đánh úp La Thành, vua Lê trước vì lo sợ mà phải

qua đời, tự tôn là Lê Duy Kỳ đến nỗi phải xiêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn Huy Túc đem mẹ và vợ tự tôn chạy sang nội địa khẩn cấp cứu xin. Đã hỏi bọn Túc, Tự tôn hiện nay ở vùng Kinh Bắc, Lạng Sơn, tôi dân vẫn nhớ chúa cũ. Nguyễn Nhạc là dân mọi rợ như giống chó dê, quen thói hung tợn của loài chồn sói, đến đâu cướp đấy, trăm họ oán đến xương tủy. Tội một tên dân ở biên thùỳ dùng dùng nổi lên, phạm vào luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời đã không thể tha, lại dám hoành hành ở nơi nội địa tàn hại nhân dân, bạo ngược chúng thú, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đệ tâu và được Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho châu gieo lăm than. Ngài đã sai quan đốc phủ đeo ấn Chinh Nam đại tướng quân, đem 50 vạn binh mã thẳng tới La Thành, trừng trị tội ác bọn Nhạc, không cho lũ chúng trốn

thoát hình phạt của Trời. Nước Nam đòi đòi tôn đội vua Lê, nhờ ơn quyền luyện nuôi nấng đã lâu, trí năng còn chưa mất, cảm kích bởi trong lòng, không thể tự mình bỏ mất thiên lương của mình, đến nỗi quên vua theo giặc. Kẻ nào trước xưng tín nghĩa, tựa sức cứu giúp của thiên triều, tập hợp người đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, thì khi ải tía hát khúc khải hoàn, màn soái tính sổ quân công, sẽ được cắt đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước.

Hịch này đưa tới, đâu đó đều phải hăng hái, mài dũa gươm đao, chống lại kẻ thù nhà vua. Ai nấy một lòng giốc sức thì mới có công, mới được lĩnh thưởng ở trong quân, hưởng phúc ở trong nước. Hãy cố gắng lên⁴⁸”

48 Hoàng Lê, trang 284-285

Trần Bá Lãm đọc xong, phần nộ trộn lẫn với lo sợ, hỏi vội:

– Ông nhật thứ này ở đâu vậy?

Người đưa hịch không chú ý về khó chịu của ông nghe Lãm, trả lời bằng giọng khoe khoang:

– Chính tôi chép lại đấy. Nhận được tờ hịch, mỗi người chép lại mười bản để phân phát cho bè bạn, cứ thế mà loang rộng ra.

Thấy Trần Bá Lãm định trả lại tờ hịch, ông đồ lạ mặt vội xua tay:

– Không. Bác giữ lấy bản đó.

Rồi hãnh diện vỗ tay vào túi áo trong, ông ta nói:

– Tôi còn những bảy tờ. Vì tôi hứng chí chép ra đến hai chục bản. Bác lấy

thêm ít bản nữa, ngộ nhỉ...

Trần Bá Lãm cương quyết trả tờ hịch lại:

– Ông giữ lấy!

Người kia ngơ ngác hỏi:

– Bác sợ à?

Trần Bá Lãm nghiêm mặt đáp:

– Không. Cống rắn cắn gà nhà...

Ông đồ đưa hịch cướp lời ông nghe:

– Bác nói gì thế! Bọn mán mọi ở cái xó rừng Tây Sơn đem quân xâm lấn nước ta, thì ta phải nhờ thiên triều xua đuổi chúng đi. Đó chỉ là vạ bất đắc dĩ. Cũng là người ngoài, nhưng phía bắc còn có văn hiến, lễ nghĩa...

Trần Bá Lãm cương quyết nhét tờ

hịch vào tận tay ông đồ lạ, nói nhỏ nhưng dần từng tiếng:

– Ông giữ tờ hịch này để sau này có bằng cớ xin làm quan với bọn Tàu. Chép những hai mươi bản, ông xứng đáng lắm.

Từ đó hai người không nói với nhau gì nữa. Họ giả vờ ngủ. Lâu lâu hé mắt liếc về phía ông đồ lạ, Trần Bá Lãm bắt gặp ông ta cũng hé mắt dò xét ông nghe. Bị bắt gặp đang giả vờ ngủ, ông đồ lạ giờ tay đập muỗi, rồi thu vạt áo về, xoay lưng về phía ông nghe Lãm. Gió bên ngoài thổi lạnh buốt, lọt qua khe phen liếp tạo tiếng vi vu át mất tiếng ngáy của khách lỡ đường.

✱

Tình sương, hai chị con buôn dậy sớm nhất. Họ sửa soạn quang gánh lịch kịch bất chấp giấc ngủ của kẻ khác, nên mọi người phải thức dậy với họ. Trần Bá Lãm không thấy người đưa hịch tối hôm trước bên cạnh mình, đoán có lẽ ông ta ra phía sau đi giải. Đến lúc chị chủ quán tìm thấy một tờ hịch đặt dưới đĩa đèn và ông cử gàn tìm ra một tờ khác gài trên tấm phen trúc, ông nghe mới quyết là hẩn đã trốn rồi. Chị chủ quán thấy tờ giấy nhằng nhít những chữ, lo lắng hỏi:

– Có thầy nào quên tờ giấy ở đây?

Viên tri phủ lấy tờ hịch đem sát đèn để đọc. Ông cử cũng đã gỡ được tờ hịch gài trên phen cửa. Ông cử đến gần ông tri phủ hỏi:

– Có phải cùng một nội dung không?

Họ đọc vội vàng dòng đầu, rồi nói:

– Giống nhau mà!

Mọi người dù biết chữ hay không, đều đoán ngay hai tờ giấy kia nói những điều rất quan trọng, rất nguy hiểm, và tốt hơn hết là nên dè dặt. Do đó không ai bảo ai, những kẻ sốc nổi hiếu kỳ lần lượt tản xa chỗ đặt đĩa đèn. Ông nghè Lâm tự thấy phải có trách nhiệm trấn an mọi người. Ông nói:

– Có lẽ của cái ông khách khi hôm ngồi cạnh tôi. Sáng nay, ông ấy trốn đâu mất rồi.

Nhiều tiếng lao xao mừng rỡ, vì đã tìm ra kẻ chịu trách nhiệm về hai tờ giấy bí hiểm kia. Một bác nông dân mạnh dạn nói:

– Các thầy hay chữ, thử đọc xem

chúng nó nói những gì. Đi đứng mờ ám như vậy, tôi biết trước không phải dân lương thiện.

Viên cựu tri phủ rụt rè tiến thoái lưỡng nan, nửa muốn trở về chỗ, nửa muốn đọc tiếp vì tò mò. Cuối cùng, ông cử gàn đọc khá to cả tờ hịch. Mấy bác nông dân và hai chị con buôn đề nghị ông cử dịch lại sang tiếng nôm cho họ hiểu. Ông cử hỏi Trần Bá Lãm:

– Có nên không bác?

Trần Bá Lãm nói:

– Ông cứ dịch. Chuyện quốc sự đâu có dành riêng cho người biết chữ nho.

Ông cử vừa đọc vừa dịch cả bài hịch của triều Thanh. Ông đọc xong, cả quán đều lặng yên, như sống sờ. Chị chủ quán hỏi trước:

– Lại sắp có giặc phải không các thầy?

Một chị con buôn hốt hoảng kêu:

– Chết! Hay là ta quay về?

Chị kia bấu môi nói:

– Sao lại quay về? Hồi tháng chạp năm ngoái⁴⁹ có khối người mua được nhiều thứ rẻ. Cửa ăn trộm ở các nhà quan ấy mà. Các thầy, các bác tính, một cái tủ cần xa cừ mà giá chỉ bằng nửa thúng gạo. Lúc lên vác có một bao, lúc về phải thuê cả thuyền.

Chị chủ quán lại hỏi:

– Có sắp phải cấm sông không các thầy?

Ông cử cười đáp:

– Chị khỏi lo. Cấm sao nổi! Cấm

⁴⁹ Lúc Vũ Văn Nhậm đem quân ra giết Nguyễn Hữu Chỉnh

sông thì hai chị này lấy gì chở tử chề, phản gổ về quê.

Một bác nông dân bức dọc nói:

– Nông nổi này mà thầy còn đùa cợt! Giặc Tàu qua đây, thì thầy tính sao?

Ông cử gàn không chịu lép, quay sang phía bác nông dân cật vấn:

– Ấy chết! Sao bác dám gọi là “giặc Tàu”. Thiên triều chứ! Bác không muốn “hưởng chung phúc lộc với họ Lê như Trịnh đại gia ngày trước” hay sao?

Khi nhại y nguyên lời hịch, ông cử cố ý nói ngọng như cách nói của các khách trú Phố Hiến, khiến cả quán bật cười. Bác nông dân hiểu lập trường của ông cử, vui vẻ đáp:

– Vâng. Thì quân thiên triều. Các

ngài ấy kéo những 50 vạn sang ta thì lúa thóc đâu cho đủ cung phụng? Mùa màng cứ thế này, bọn nhà nông chúng tôi chỉ còn nước gặm đất cầm hơi!

Vấn ông cử tiếp tục đùa nghịch:

– À ra thế! Bác sợ thiên triều giành mất bát cơm hẩm. Đừng lo. Họ dần mất bát cơm của bác, nhưng trả lại một ông vua. Vua thật chứ không phải vua phờng chèo đâu nhé.

Viên ngoại lang từ nãy đến giờ giữ vẻ lầm lì, lúc đó mới nhắc khéo ông cử:

– Ông nên giữ mồm giữ miệng. Dù sao chúng ta cũng là con dân Bắc hà.

Trần Bá Lãm thấy cuộc bàn luận lan man trở nên nguy hiểm, nhất là bên ngoài trời đã sáng tỏ, trên đường đã có nhiều người qua lại, ông bảo các bạn:

– Chúng ta sắp sửa đi thôi.

Ông cử gàn không chịu nghe lời ông nghè Lãm, quay hỏi cả bốn bác nông dân:

– Các bác vẫn giữ ý định lên phường đúc đấy chứ?

Một người đáp:

– Vâng. Dù gì chẳng nữa, việc cày bừa không thể bỏ được.

Ông cử lại hỏi:

– Nhỡ giặc... “giặc thiên triều” đến thật thì các bác tính sao?

Mấy bác nông dân đáp:

– Thì đánh cho chết!

– Thì dẫn cho chúng một trận nên thân!

– Thì đem dao, rửa, gậy gộc ra đuổi chúng nó về.

Ông cử cười hể hả, nói thêm trước khi chạy theo các bạn:

– Nhớ rủ chúng tôi với nhé. Phải. Đánh cho chúng nó chữa cái thói tham. Giặc Tàu! Đúng là giặc Tàu.

Ra đến đường cái, ông nghề Lãm trách ông cử:

– Tôi xem tờ hịch thấy cũng có nhiều điều khả tín. Như việc quân Tàu đem vua Chiêu Thống về phục quốc chắc là có thật. Những người còn nhớ tiếc triều cũ còn đông lắm. Ông nên giữ gìn một chút.

Ông cử cự lại:

– Chúng nó rước voi về dày mà tổ mà các bác buộc tôi lễ phép!

Viên ngoại lang nói:

– Ông chỉ được cái gàn. Hơi đầu ăn cơm nhà vác ngà voi. Thiên triều dùng đến binh cách, thì đã có các ông nhà võ họ lo đối phó. Việc gì đến ông?

Viên cựu tri phủ thì bảo:

– Vả lại họ có giao việc cho mình lo đâu!

Ông nghề Lã thọc tay vào bọc áo suýt soa cho đỡ lạnh. Ông cử hỏi:

– Bác nghề nghề thế nào? Ta phải làm gì đây?

Trần Bá Lã bối rối:

– Hãy cứ lên kinh đã. Chắc gì thời thế đã đúng như lời hịch. Ối giời, rét! Đồ đọc xuống chậm quá nhỉ!

Ông thọc tay sâu vào túi áo. Mấy ngón tay phải chạm lá thư của Ngô Thì Nhậm. Trần Bá Lãm dớn dác nhìn quanh, nhột nhột như có đôi mắt vô hình nào đó đang chăm chăm nhìn vào gáy mình.

✱

Ở Lạng Sơn, bài hịch có sức tàn phá của một trận bão. Trong khoảng một ngày, quân lính trốn đi mất quá nửa. Tướng Phan Khải Đức sợ quá lén sai người đưa thư qua cửa ải xin đầu hàng. Trấn tướng còn lại là Nguyễn Văn Diễm người Quảng Nam cảm thấy cô thế: lính trốn, tướng đầu hàng, mình là người Đảng Trong dù có theo gót Phan Khải Đức cũng không ai dung. Cho nên ngay trong đêm, Diễm thu xếp binh mã rút lui về Kinh Bắc, cùng với Nguyễn Văn Hòa

hợp lực giữ thành rồi sai k binh chạy về Thăng Long cấp báo.

Đại tư mã Ngô Văn Sở nhận được tin, vội họp ban tham mưu lại để bàn kế chống giữ.

⁵⁰Chưởng phủ Nguyễn Văn Duyệt nói:

– Tôi nghe hồi cuối đời Trần, quân mạnh của phương bắc sang xâm lấn nước nam. Hoàng Phúc, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Liễu Thăng đều là những tướng hung tợn của Tàu; vua Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, cả thế và lực đều không thể địch lại chúng được. Nhưng nhờ hành binh quả quyết, không kiêu những sự quyền mưu, Thái Tổ đã khéo mai phục, rồi thừa cơ đánh úp quân giặc. Nhờ vậy, Ngài chỉ có ít quân mà thắng

50 Dựa theo Hoàng Lê, từ trang 287-289.

được kẻ đông quân, vây Vương Thông ở bến Đông Bộ, giết Liễu Thăng ở núi Mã Yên, chiến công rực rỡ, nghìn đời ngợi khen. Nay quân nhà Thanh ở xa đến đây, trèo đèo lặn suối cực kỳ khó khăn, ta nên dùng cách “dĩ dật đãi lao”, các chỗ quan yếu đều cho quân đi mai phục, chờ khi họ đến thì đánh. Như thế lo gì không được?

Ngô Thì Nhậm chờ các võ quan nói trước, nhưng từ Ngô Văn Sở đến Phan Văn Lân chưa ai có ý kiến nào rõ ràng. Vì thế Ngô Thì Nhậm bắt đầu nói:

– Tôi e ý kiến của quan chủởng phủ không được thích hợp. Quan chủởng phủ có nhắc lại cuộc kháng chiến chống giặc Minh của Lê Thái Tổ để minh chứng cho kế mai phục. Việc trong thiên hạ tình tuy giống mà thế lại khác, thì được hay hỏng cũng phải khác. Khi xưa, nước ta lệ thuộc

nhà Minh, người Tàu hết sức tàn ngược, cả nước ai cũng muốn đuổi họ đi. Cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng xa gần đều theo, hào kiệt trong nước như mây ùn ùn kéo đến. Mỗi lúc đánh nhau với giặc, người trong nước chỉ sợ quân mình bất lợi. Nghe tin mình thắng ai cũng vui mừng. Lòng người được như thế, cho nên hễ có phục binh núp ở chỗ nào, dân chúng giấu giếm thật kín, bên giặc không hề biết. Sở dĩ mai phục mà thắng là nhờ thế. Ngày nay, những bề tôi nhà Lê đi trốn đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghênh cổ mong ngóng. Sĩ dân cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng. Quân ta...

Chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng không kiên nhẫn được nữa, cắt lời Nhậm:

– Quan thị lang đã đâm ngại hay sao? Ông nhìn chuyện xưa đúng lắm. Giá khi

nhìn chuyện trước mắt cũng được như thế thì hay biết mấy! Tôi xin hỏi ông: căn cứ vào đâu ông dám bảo hiện giờ sĩ dân Bắc hà đều nghênh cổ ngóng quân Thanh, chờ dịp là cả nước tranh nhau chạy đi đón chúng?

Không khí trong phòng trở nên ngột ngạt. Mọi người dồn về nhìn ông. Ngô Thì Nhậm bình tĩnh hỏi lại:

– Các ngài muốn nghe những điều có thực, hay muốn nghe những lời đẹp lòng?

Ngô Văn Sở muốn giải hòa, tươi cười bảo Nhậm:

– Điều chân thực đều đẹp lòng cả. Tình thế khẩn trương thế này, ta phỉnh nịnh tâng bốc nhau làm gì! Ông cứ nói thẳng, khỏi cần quanh co gì cả!

Ngô Thì Nhậm sửa lại thế ngồi trước khi tiếp:

– Muốn biết sĩ dân Bắc hà nghĩ về chúng ta như thế nào, trước hết ta cứ thành thực xét mình, xem bao lâu nay ta đã làm những gì để thuyết phục họ. Tiết chế Vũ Văn Nhậm đã làm được gì, các ngài biết rồi: lòng xét khắp kinh thành để lấy của, bắt phu phen đắp thành lũy ngày đêm không nghỉ, dân họ chỉ sợ và oán chứ không phục. Đối với sĩ phu thì “truyền bằng mắt, khiển bằng hơi”. Ai lỡ ra giúp việc quan đều chán nản. Kẻ còn đứng ngoài lo trốn lánh, xem việc ra cộng tác với chế độ mới như một điều xấu hổ. Vì bấy nhiêu cái tội lớn lao ấy mà Vương thượng phải thân hành ra đây trị tội. Mấy tháng nay chúng ta gây lại được cái đổ vỡ, vá chỗ rách, dậm chỗ hỏ. Công phu đổ ra nhiều nhưng thời gian

còn ít quá, chưa đủ phục hồi lòng tin của sĩ dân. Đó là chưa kể: đối với bọn câu nệ hẹp hòi, thì Đảng Trong vẫn là nước ngoài.

Nội hầu Phan Văn Lân hỏi:

– Nếu sĩ dân Bắc hà còn nặng tình với Lê Trịnh, thì tại sao mấy lần chúng tôi kéo quân ra đây dễ dàng như vào chỗ không người? Tự tôn trốn tránh, cố dấy việc cần vương, nhưng ông thấy đấy, có làm nên cơm cháo gì đâu. Họ Lê tự mình đứng chủ trương còn thế, huống chi nay dắt quân Tàu về, rước voi dày mả tổ, thì còn chút chính nghĩa nào cho sĩ phu khắp nước “nghềnh cổ mà mong”. Ông có nghĩ quá đáng giùm cho họ chăng?

Ngô Thì Nhậm đáp:

– Đối với lớp nhà nho không dám

nghĩ gì ngoài kinh sử, thì không có gì quá đáng. Số lần tránh, trốn nấp chờ thời còn quá đông đảo. Những kẻ dạn dĩ hơn ra giúp việc nước, thì cứ nhấp nhੌm, đứng ngồi chưa yên. Dân chúng còn hoang mang. Thời thế hiện nay khác thời Lê Thái Tổ chính ở lòng dân còn bất quyết đó. Ta không thấy trước, cứ theo kế mai phục thì địa thế, quân số ta thế nào, bọn đón gió mang hết ra báo cho giặc để tâng công. Nhân kế của mình, mà thành kế của giặc, chúng chỉ việc vây kín bốn mặt mà bắt. Quân cơ của mình đã bị tiết lộ, tự nhiên mình phải mất tiện nghi, hãm mình vào chỗ chết, còn hòng đánh úp ai được! Binh pháp nói rằng: khéo mai phục thế nào cũng được, lăm mai phục thế nào cũng thua.

Ngô Văn Sở hỏi:

– Thế thì nên làm thế nào?

Ngô Thì Nhậm đáp:

– Trong phép dụng binh, có đánh có giữ. Bây giờ quân Thanh sang đây thanh thế rất lớn. Ngoài nước, những kẻ đi làm nội ứng cho giặc lại còn nói phao cho thanh thế của chúng to thêm, hòng làm kinh động lòng người. Quân ta hễ có việc gì, kẻ sai phái vừa ra khỏi thành liền bị bắt giết. Những người Bắc hà bị làm lính chỉ chực dịp là trốn. Đem hạng quân đó mà đánh nhau, không khác nào xua đàn dê đi đánh con cọp, không thua sao được? Còn muốn đóng cửa thành cố giữ, thì lòng người đã không vững rồi, cái lo bên trong chắc sẽ xảy ra, dầu đến Tôn Ngô sống lại cũng phải bó tay không tính được kể gì. Như vậy khác nào đem con trạch bỏ vào giỏ cua. Xin nghĩ cho kỹ lại xem, đánh chẳng được, giữ chẳng

được. Cả hai chuyện đánh giũ đều không phải thiện sách.

Ngô Văn Sở lo lắng hỏi:

– Chẳng còn kế nào khác ư?

Ngô Thì Nhậm nói:

– Bất đắc dĩ chỉ còn cách này: Sớm cho thủy quân chở thuyền lương lui về giũ Biện Sơn, bộ binh thì lui về giũ núi Ba Dội (Tam Điệp). Mặt thủy mặt bộ thông nhau giũ lấy chỗ hiểm cho vững thế thủ, rồi cho người chạy giấy về bẩm Chúa công. Thử coi quân Thanh đến đây cư xử với việc nhà Lê thế nào, vua Chiêu Thống sau khi phục quốc tính mưu kế gì nữa, đợi Chúa công ra sẽ đánh cũng chưa muộn.

Có nhiều tiếng xôn xao bất đồng trong phòng họp. Ngô Văn Sở ở vai chủ

tọa cũng cảm thấy tự ái bị thương tổn như các bạn nhà võ, nên lớn tiếng nói:

– Chúa công về nam, đem cả thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải quyết sống chết với thành. Có thể trên không then là bề tôi giữ đất, dưới không phụ với chức trách cầm quân. Chưa thấy bóng giặc đã trốn, bỏ thành cho giặc, thì chẳng những đắc tội với Chúa công mà dân Bắc hà còn coi ta ra cái gì nữa!

Ngô Thì Nhậm bị cả phòng phản đối vẫn không núng, ông đáp:

– Tướng giỏi thời xưa, thường phải lượng thế giặc mà đánh. Phải nắm phần thắng mới đánh. Theo thế lập mưu giống như đánh cờ vậy. Trước có nhin người ta một nước, sau sẽ hơn một nước, rồi đem nước sau làm nước trước mới là cờ cao. Nay ta cho toàn quân rút lui, không

bị mất một mũi tên, cho nó ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi đi, cũng như ngọc bích nước Tấn đem cho nước Ngụy rồi lại vẫn về nước Tấn, có mất gì đâu. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi dám xin đứng ra bạch rõ với Chúa công, chắc là ngài sẽ rộng xét. Xin các ông chớ ngại.

Ngô Văn Sở quay về phía nội hầu Lân hỏi:

– Ý ông thế nào?

Nội hầu Lân đáp:

– Tôi xin tuân lệnh quan đại tư mã.

Ngô Văn Sở lại hỏi chương phủ Dụng:

– Còn ông?

Nguyễn Văn Dụng đáp:

– Tôi đã trình bày từ đầu cái kế mai phục. Xin ngài cử ra lệnh.

Ngô Văn Sở mím môi suy nghĩ, rồi nắm chặt hai tay lại, ông nói chậm cho mọi người chú ý:

– Ta theo cái kế của quan thị lang. Ngay đêm nay, ta họp bàn kế hoạch rút quân. Phải làm thế nào cho an toàn, và nhất là không làm dao động nhân tâm. Các ông nhà võ biết rồi, bao giờ lui quân cũng nguy hiểm hơn là tiến quân. Không được sơ sót bất cứ điều gì. Các ông nhớ cho nhé!

✱

Sau khi Chính Bình Vương về nam, bộ Lễ được chuyển tới một ngôi nhà rộng rãi khang trang hơn, nhà khách có

chỗ chứa gần bốn mươi quan văn võ cựu triều đến trình diện theo lệnh triệu của Ngô Văn Sở. Sắc mặt người nào cũng lo âu. Có thể nói là lo âu gấp mấy lần trước. Đa số các quan đều đã đọc bài hịch của triều Thanh, nên cả quyết đây là biện pháp tập trung giới sĩ phu Bắc hà quản thúc một chỗ, đề phòng việc thành hình các nhóm nội ứng do nhà nho chủ xướng.

Có lẽ trước lúc ra đi đã có cảnh khóc lóc, dậm dò, trần trời, y như mọi cảnh tử biệt, sinh ly. Trên trán từng người có thêm nếp nhăn. Tóc bạc thêm dưới vành khăn xếp lệch. Áo quần vì vậy cũng nhếch nhác, thiếu vẻ tề chỉnh đáng lẽ phải có. Trước cổng bộ Lễ, sau khi các ông nghè, ông cống vào rồi, đám đông thân nhân lóng ngóng chờ tin dữ cũng đông đảo hơn lần trước. Đến mấy cậu

lính lệ lo việc canh gác cũng trở thành quan trọng. Người ta nịnh bợ, dâng bốc, sẵn đón, mời trầu các cậu, để moi vài cái tin mừng. Các cậu không biết quan đại tử mã mời các quan cự triều đến làm gì, ai hỏi thế nào cũng gạt dù ý trước mâu thuẫn ý sau. Đám thân nhân càng hoang mang, khóe mắt rớm đỏ.

Phần các quan khi vào nhà khách bộ Lễ mới tin được rằng người ta không triệu mình đến đây để bỏ tù. Nhà khách được trang hoàng uy nghiêm. Ngoài chiếc sập chạm dành cho quan chủ tọa, người ta đã trải chiếu trên sàn nhà, mỗi chiếu đặt sẵn khay nước trà và ống điếu thuốc lào. Tùy theo phẩm trật mà quan phụ trách Lễ bộ lễ phép mời quan khách lên ngồi ở chiếu trên hay chiếu dưới. Nói chung, cách tổ chức đón tiếp cực kỳ

trân trọng, không có vẻ nào đe dọa hoặc khinh thường.

Trần Bá Lãm và mấy người bạn đến khá sớm và tuy phẩm trật của họ khác nhau, cũng được lễ quan trân trọng mời ngồi chung ở hàng chiếu đầu. Họ khiêm nhường xuống ngồi ở hàng chiếu thứ hai.

Viên tri phủ thấy nét mặt ủ rũ hoang mang của các quan khác, nói thầm với ông nghè Lãm:

– Sao họ rũ ra như chiếc lá úa thối?
Đảng nào cũng phải giữ chút khí hạo nhiên chứ!

Ông cử nói khá lớn:

– Họ sợ bị đóng gông cả đấy.

Viên ngoại lang ngậy thơ hỏi:

– Có tội gì mà đóng gông?

Ông cử cười, hỏi lại:

– Không có gì sao lại triệu đến đây?
Cả nước này không triệu ai, chỉ triệu có chúng mình.

Ông cựu tri phủ thì thảo:

– Lúc nãy, tôi nghe hình như... hình như Lạng Sơn đã vỡ rồi. Trấn thủ phải chạy về ghé tạm ở Kinh Bắc. Không biết đúng như thế hay là phao ngôn. Gớm, thiên hạ bịa ra không biết bao nhiêu tin đồn nhảm. Nhiều khi vô lý không chịu được, nhưng nhiều kẻ có học văn sáng cả hai mắt hỏi đồn: “Thế à? Thế à?” Chỉ vì hợp với tì vị của họ mà!

Họ lục tục kéo vào khá đông, và không ai chịu ngồi vào các hàng chiếu đầu, dù những người đến muộn phải đứng, hoặc chen chúc tám, chín người trên

các chiếu cuối. Quan Lễ bộ đi đến từng nhóm, từng người mời họ lên trước. Ai cũng lễ phép gật đầu. Nhưng hàng chiếu đầu vẫn trống. Có lẽ đã quen với hiện tượng ấy, quan Lễ bộ không thèm mời mọc thêm, sai lính đến cuốn bớt những chiếc chiếu trống ấy đi. Nhóm Trần Bá Lãm bắt đầu dĩ trở thành hàng đầu, đối diện với sập chủ tọa.

Tiếng rì rầm trong nhà khách chỉ chấm dứt khi lễ quan lớn giọng báo có quan đại tư mã đến. Ngô Văn Sở mặc triều phục, chậm rãi đi vào, theo sau là nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm. Phan Văn Lân mặc nhung phục, còn Nhậm chỉ mặc cái áo tú tài đơn sơ. Sau khi chủ khách vái chào với nhau theo lối thông tục, Ngô Văn Sở cau mày hỏi viên lễ quan:

– Sao không có trầu cho các cụ?

Bị hỏi bất ngờ, viên lễ quan lúng túng đáp bừa:

– Bẩm... vì trầu-không độ này khó mua quá ạ!

Ngô Văn Sở tươi cười nói với mọi người.

– Thôi, các cụ chịu khó nhịn trầu cho một buổi sáng. Không, chỉ độ nửa buổi sáng mà thôi, vì tôi xuất thân ít học, cầm gươm thì thạo nhưng ăn nói thì dở lắm. Nói vài câu đã hết chuyện rồi. Do đó tôi phải nài cho được quan thị lang Ngô Thì Nhậm đi theo, để ngộ nhớ tôi nói cộc lốc trần trụi thì có ông nghề Nhậm gia giảm thêm bớt gia vị. Nếu tôi có lỡ lời, hoặc dùng chữ không đúng phép tắc, các cụ các bác tha thứ cho nhé.

Trong nhà khách nổi lên nhiều tiếng

cười nhỏ. Cử tọa chờ đón một thứ không khí nghiêm túc, căng thẳng, chứ không chờ đón cái giọng mộc mạc thân tình đó. Ngay các cụ khoa bảng ngồi ở hàng chiếu trước cũng thôi không thẳng lưng chấp tay ngay ngắn nữa. Vài người mạnh dạn rót nước trà ra chén. Ngô Văn Sở tiếp:

– Vâng. Quý cụ cứ dùng nước cho đỡ khát. Lúc chúng tôi đến đây, chúng tôi thấy các thân nhân của quý cụ, quý bác vẫn còn tụ họp lòng ngóng trước bộ Lễ. Hình như họ quá lo lắng cho quý cụ. Và tôi biết hiện quý cụ cũng băn khoăn tự hỏi: “Không biết ông Sở gọi mình lên đây làm gì?” Xin đáp ngay để các cụ rõ: đây là một cuộc hội nghị Diên Hồng thứ hai. Các cụ đã từng dự việc quan, lâu nay về ẩn cư gần gũi dân chúng, thế nào cũng hiểu rõ những điều phải làm khi nước gặp biến. Phải. Chúng ta đang

gặp cơn biến nguy hiểm chưa từng thấy, lớn lao chưa từng thấy. Quân Thanh sắp tràn qua đây, các cụ biết rồi. Quân số của chúng, theo như lời phô trương, lên đến năm mươi vạn. Mấy trăm năm nay nước ta độc lập, tự đứng chúng tràn qua đây chiếm nước người, đốt phá làng xóm, vơ vét tài vật, chẳng lẽ không tìm cái cơ gì để vin hay sao? Thừa có đấy. Bọn tôn thất, cựa thần nhà Lê, trước đây đã từng là bạn đồng khoa, đồng liêu của quý cụ, chính bọn công rắn cắn gà nhà đó đã dắt díu nhau qua Tàu gào khóc, van xin để các quan lớn thiên triều rũ lòng thương, cất công đem quân và phu qua đây vơ vét của cải, xâm chiếm làng xóm, quê hương mình. Tôi nghe ông nghe Nhậm đây thường nhắc đến hai chữ “danh giáo”, tôi còn nghe nói rằng đối với nhà nho, lẽ sống của mình là không làm nhơ danh giáo. Bọn chúng làm như vậy là đúng với

danh giáo chẳng, thưa quý cụ?

Cả nhà khách im lặng phăng phắc. Ngô Văn Sở nhìn khắp lượt, rồi nói tiếp bằng giọng ít gay gắt hơn:

– Đây không phải là lần đầu tiên Trung Quốc có tham vọng nhòm ngó, xâm lăng nước ta. Tôi không thuộc sử Nam, nhưng cũng nhớ lồm bồm được tên bọn cướp nước phương Bắc: bọn Tống đời Lý, bọn Nguyên Mông đời Trần, bọn Minh đời Hồ. Thời nào chúng cũng bị dân ta muôn người như một đứng lên cầm đao, cầm rựa, cầm cuốc, cầm cả guốc dép nữa, xua đuổi chúng đi. Thời trước oai dũng như thế, chẳng lẽ bây giờ gặp biến chúng ta lại hèn nhất? Quý cụ chịu khó đến đây, tức là đã trải nhiều đêm ngày suy nghĩ chín chắn và dứt khoát không theo bọn Lê Duy Ân, Nguyễn Huy Túc, Nguyễn Đình Giản

làm nhờ danh giáo rồi. Các cụ đứng về phía Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi. Các cụ không quen cầm gươm, nhưng các cụ có một vũ khí còn sắc bén hơn cả gươm giáo của bọn nhà võ chúng tôi, là trí óc và uy tín của các cụ. Các cụ nghĩ một khắc, bằng con nhà võ chúng tôi khổ nhọc mùa kiếm một năm (có nhiều tiếng cười). Quý cụ đừng cười nhũn. Thật vậy. Có những điều tưởng là khó nhưng thật dễ. Giặc đến ta làm gì đây? Câu hỏi đó ta tưởng khó nhưng dễ trả lời lắm. Con nhà võ chúng tôi đáp liền: Đánh. Chúng đến thì đánh đuổi chúng về. Vài người nhẹ dạ không tin ta mà tin địch; nên vài hôm nữa, chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc duyệt binh vĩ đại ở bãi sông, có đủ quân sĩ các trấn Kinh Bắc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Sơn Tây, Hải Dương, vừa để phô trương lực lượng khiến bọn hay khóc nhè thôi

làm ổn phố phường (có tiếng cười lớn), vừa để hợp lực đắp lũy đất ở sông Như Nguyệt. Còn một việc khác tưởng dễ mà thực ra quá khó, bọn võ biên chúng tôi không làm nổi.

Ngô Văn Sở quay về phía Ngô Thì Nhậm nói đùa:

– Tôi đem hỏi ông nghề Nhậm. Ông Nhậm bóp trán cũng không nghĩ ra cách nào thích hợp, mới gợi ý cho tôi mời các cụ đến hỏi. Câu hỏi thế này. Quan nội hầu, cho tôi mượn tờ hịch của “thiên triều”.

Phan Văn Lân cầm một tờ giấy đặt sẵn trên sập đưa đến cho quan đại tư mã. Ngô Văn Sở nói:

– Câu hỏi thế này: Theo bài hịch thì “Đại hoàng đế thương xót họ Lê tan nát,

không nỡ để cho châu gieo lầm than” nên mới phải chinh nam. Tự hoàng yếu đuối, hèn nhát đã trốn đi, nhưng họ Lê còn có Sùng nhượng công làm giám quốc. Chúng ta không sợ dùng binh cách, nhưng nếu có thể dùng lý để khởi động đến gươm đao thì vẫn hơn. Việc này thì con nhà võ chúng tôi phải khép nép rút lui để nhường cho quý cụ. Sĩ dân Bắc hà tránh được cảnh khói lửa hay không là nhờ cuộc họp mặt hôm nay. Các cụ có thể dùng tài lý luận để cản bước giặc hay không? Xin quý cụ bàn giúp cho.

Ngô Văn Sở dứt lời. Mọi người hoàn toàn im lặng. Các quan cựu triều hầu hết đều cúi mặt xuống như sợ phải thấy gánh nặng đột ngột của trách nhiệm đặt lên đôi vai hẹp của mình. Quan đại tư mã mỉm cười nhìn khắp cử tọa, nắm tay đặt chắc nịch trên mặt sập. Chờ một lúc

lâu như gắng thừa hưởng niềm khiếp phục sợ hãi của bọn nhà nho thất thế, Ngô Văn Sở mới nói:

– Bây giờ tôi có chút việc cần phải đi. Vả lại, tôi nán lại đây cũng bằng thừa vì có ích gì đâu. Quý cụ bàn thảo cho kỹ với ông nghề Nhậm. Tình thế gấp lắm, không cho phép chúng ta chần chừ nữa. Kính chúc các cụ khỏe để tận mắt chúng kiến ngày tàn của bọn cướp nước.

Không ai bảo ai, mọi người cùng đứng dậy chào từ biệt Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Hai võ quan đi khỏi, đột nhiên căn nhà khách bộ lễ ồn rộ lên. Mạnh ai nấy nói, quên mất quan thị lang Ngô Thì Nhậm.

*

Ngồi một mình ở góc sập chạm, nhìn cảnh xô bồ ồn ào trước mắt, Ngô Thì Nhậm cảm thấy chua chát, ngao ngán. Ông nghĩ: “Chẳng lẽ sĩ phu Bắc hà sa sút đến như thế này ư!” Ý nghĩ ấy ám ảnh ông suốt cuộc họp sau đó.

Ông không cố lấy lại uy quyền của người điều khiển, nên sau khi viên lễ quan lớn tiếng nhắc nhở mọi người giữ trật tự, dù nhiều người thiếu tự trọng tiếp tục cười đùa, Nhậm vẫn ăn nói nhỏ nhẹ chậm rãi. Ông kinh ngạc thấy trước mắt ông, các quan lại cự triều, các nhà nho ẩn dật được nhiều tầm tiếng trong văn giới đột nhiên biến dạng. Họ trở thành những cái hình nộm múa may vụng về, nhiều khi lố lằng, kệch cỡm. Ông nhìn họ khinh thị như đang xem một màn múa rối. Có người rụt rè mở lời, nhưng càng nói càng mê chính âm vang lời

mình, hứng chí phát biểu quá đà, cưỡng từ đoạt lý để thànhh trò cười cho cử tọa. Có người nói xong thì bẽn lễn như vừa phạm tội, mặt cúi gằm, hai tay cuống quít giấu sau vạt áo the cũ. Chung quanh Ngô Thì Nhậm, người ta đua nhau tranh khéo tranh khôn. Người ta dốc hết điển tích meo mốc trong cái trí nhớ mù mờ để đáp bồi thêm cho lập luận. Ông thấy rõ các lời lẽ om sòm ấy đều vô ích. Đều giả dối. Phí thì giờ. Ông chịu đựng hội nghị như là một thứ phiền nhiễu không tránh được trong công việc. Càng về sau, số người quay ra nói chuyện riêng càng nhiều. Cuộc bàn luận nhì nhằng trở nên trò chơi chữ nghĩa giữa những tay bạo mồm và những người thích tấn mẫn chẻ sọt tóc làm tư. Lâu lâu ông cử gàn trong nhóm Trần Bá Lãm nói được một câu dí dỏm nghịch lý, thế là cả nhà khách cười ầm, thoải mái.

Cuộc bàn luận hỗn độn cuối cùng cũng đến được một điểm cuối: tất cả các nhà nho hiện diện đều đồng ý nên soạn thảo một lá thư chung, xác nhận với nhà Thanh là sĩ dân Bắc hà đã tôn Sùng nhượng công lên làm giám quốc. Công việc nhỏ mọn còn lại là đề cử người soạn lá thư ấy. Chưa kịp nhìn quanh để tìm người đáng tin nhiệm, thì có người hỏi bấy nhiêu nhà nho có mặt đã đủ túc số đại diện tất cả sĩ dân hay không? Bắt đầu một cuộc bàn luận mới với đầy đủ các trò chơi chữ, chơi ý đố chát hoặc ranh mãnh. Giải quyết xong vấn đề đại diện, lại có người thắc mắc về nghi thức bang giao với nước ngoài, e rằng ngoài Sùng nhượng công ra, không ai đủ chính danh để gửi thư cho triều đình Trung Quốc. Danh không chính thì ngôn không thuận v.v... và v.v... Lại tranh khéo tranh khôn

om sòm về thuyết chính danh của Đức Khổng phu tử.

Gần giờ Ngọ, nhờ những tay hùng biện đều mệt lả và ruột bắt đầu cồn cào, nhờ các chuyện đầu cua tai nheo cạn dần, họ mới để cho cuộc hội họp đi đến một kết quả: các văn thân Nguyễn Quí Nha, Trần Bá Lãm và văn thuộc Vũ Huy Tấn được ủy nhiệm thảo thư. Phái bộ mang lên cửa ải trao cho nhà Thanh gồm ba nhà nho nói trên, cộng thêm võ thân Nguyễn Đình Khoảng, Lê Duy Chũ, và võ thuộc Nguyễn Đăng Đàn.

Chưa bao giờ Ngô Thì Nhậm xấu hổ cho nghiệp nho bằng buổi họp hôm ấy.

Chương 91

Khoảng cuối tháng 9, An được Ngọc Hân công chúa cho vời vào cung. Ân huệ bất ngờ đó khiến An lo lắng, không hiểu còn tai họa nào sắp ập lên đầu mấy mẹ con chị nữa. An như con chim sợ tên nên thấy cảnh cong nào cũng hốt hải, hoang mang. Lợi sáng suốt hơn, thấy đây là điềm lành. Quan thị lang bộ Hình (Phan Huy Ích) đã về bắc, vụ án gạo đã xếp lại. Tuy bộ Công không giao công việc gì cho Lợi cả, nhưng những chỗ quen biết đã bớt e dè khi giao thiệp với vợ chồng Lợi. Lần này cửa hoàng cung đã mở rộng

đón An, chứng tỏ trong cái guồng máy bí hiểm đáng sợ là hệ thống nha bộ ở kinh thành, đã có một quyết định nào đó về vụ Lợi, một quyết định thuận lợi, đáng mừng.

Ngọc Hân thân mật đưa An vào tận phòng mình, ái ngại bảo:

– Độ này chị ốm và xanh lắm.

An cảm động, rơm rớm nước mắt. Cố dần xúc động, An mỉm cười nói với Ngọc Hân:

– Còn Công chúa thì đẹp hẳn lên. Thoạt mới nhìn tôi phải kinh ngạc, ngỡ ngàng.

Ngọc Hân sung sướng đến hồng cả mặt, vội nói khiêm nhường:

– Không đâu. Tôi mãi lo con cái đến nỗi quên cả chải tóc.

Nói thế nhưng chính Ngọc Hân cũng biết mình đẹp. Sau kỳ sinh nở, dường như Công chúa hưởng được một nguồn sinh lực kỳ diệu đến nỗi mỗi sáng soi gương, Công chúa đều bẽn lẽn, mừng rỡ ghi nhận thêm nét đẹp mới. Đôi vai hẹp thời con gái bây giờ trở nên đầy đặn. Chiếc cổ cao và trắng có ngấn. Da mặt căng lên như đúc bằng sáp và đôi mắt lóng lánh một niềm hớn hở, xôn xao mỗi lần nhắc đến tên con. Hình như sau mười sáu năm âm thầm chờ đợi, người mẹ ẩn nấp trong tấm thân nhỏ nhắn của Công chúa đột nhiên thức dậy, hân hoan đón nhận thiên chức sáng tạo như những nhụy hoa mùa xuân run rẩy đón gió phấn. An vui lây trước niềm vui của Ngọc Hân, quên hết nỗi lo âu riêng. Công chúa đuổi hết thị nữ ra khỏi phòng, rồi mới bối rối nói với An:

– Chị phải vào giúp tôi mới được. Chúa công thật kỳ. Chúa công một mực bảo phải tự tôi khâu thì chiếc áo cổn mới mang may mắn. Chúa công còn tự vẽ lấy kiểu mũ miện nữa. Mồng ba⁵¹ tháng 10. Không kịp mất! Chị phải giúp tôi mới được.

Công chúa đem ra một chiếc áo bào đang khâu dở. An ngạc nhiên hỏi:

– Như vậy là thiên hạ đồn đúng, phải không thưa Công chúa?

Ngọc Hân vội hỏi:

– Họ đồn những gì?

51 Theo chú thích số 1 trong Lịch sử nội chiến ở Việt Nam của Tạ Chí Đại Trường: “Các giáo sĩ còn cho ta biết Quang Trung lên ngôi từ 3 tháng 10 Âm lịch (8-11-1788) chứ không phải như sử Việt chép là 24-11 Âm lịch (22-12-1788). Chắc ý định lên ngôi vốn có sẵn mà ngày làm lễ thì phải dời lại vì tin tức can thiệp của quân Thanh đưa về, khiến Huệ phải định tới ngày xuất quân mới làm cho long trọng một thể (trang 168 Lịch sử nội chiến ở Việt Nam).”

– Họ đồn Chúa công sắp tế cáo trời đất để đăng quang.

– Thật thế à? Sao họ nhảy vậy?

– Họ thấy quân lính đắp đàn ở phía núi Bân nên đoán như vậy. Nay nếu họ biết thêm chính Công chúa đang theo áo cổn thì...

Ngọc Hân vội xua tay, giọng lo ngại:

– Đừng. Chính Chúa công cũng dặn không nên để cho bọn thị nữ biết. Chúa công bảo muốn dành cho mọi người sự ngạc nhiên, nhưng tôi không dễ tin thế đâu. Việc đăng quang liên hệ vận mệnh của đất nước, đâu phải chuyện đùa mà làm lúc nào cũng được. Vả lại...

Nói đến đây, Công chúa do dự. An ngược lên nhìn Ngọc Hân chờ đợi. Ngọc Hân lúng túng vờ về một vật áo bào

đang đặt trên đầu gối, mãi một lúc sau mới hỏi An:

– Lâu nay chị có nghe bên Hoàng hậu nói gì không?

An thành thật đáp:

– Thưa không ạ. Hôm... hôm gia đình tôi gặp chuyện không may định vào cung cầu cứu Hoàng hậu, nhưng Hoàng hậu không tiếp.

Ngọc Hân vội hỏi:

– Chuyện gì không may thế? À, tôi nhớ ra rồi. Chính từ vụ đó mà có lời huyền truyền bảo rằng Chúa công bị tôi mê hoặc, bị tôi dẫn “đi xem hát chèo”. Miệng lưỡi con người thật là... Có lẽ vì vậy mà Chúa công không muốn ai biết chuyện thù oán cổ. Tôi nhờ chị, chị phải kín đáo cho nhé. Cứ bảo với mọi người

là vào đây để tôi hỏi thăm cách nuôi con nhé. À, chị cho tôi hỏi thăm chuyện nuôi con nhỏ luôn. Có phải mỗi khi sắp biết lật hoặc biết bò cũng như sắp mọc răng, đứa bé thường bị sốt phải không?

– Đúng thế ạ.

– Ngộ nhớ đúng vào lúc ấy nó bị bệnh thì làm sao biết mà chữa. Như bị cảm mạo chẳng hạn. Thấy nó nóng, mình cứ nghĩ sắp mọc răng, không lo chạy chữa...

An cười, cắt lời Ngọc Hân:

– Trong cung có ngự y, Công chúa đừng quá lo. Hơn nữa, trẻ con mạnh khỏe ít khi mắc chứng bệnh nào hiểm nghèo. Bị nóng mình hay đi tướt là chuyện thường.

– Nói thế chứ lúc con nó ấm mình, tôi không tài nào chợp mắt được. Lúc nào cũng nghĩ Trời không thương mình, không cho mình được thấy con lớn lên. Hồi mới có con, chị có thể không?

– Dạ ai cũng vậy.

– Thế mà tôi cứ tưởng Trời chỉ bắt tội một mình mình mà thôi. Chị tính, tôi vào đây như vào xứ lạ, Chúa công đa đoan công việc, chỉ còn niềm vui được đùa giỡn với con. Nhiều hôm thương nó quá, ôm chặt vào lòng đến nó phải khóc. Chị có như thế không?

An kiên nhẫn đáp:

– Dạ cũng thế ạ.

Ngọc Hân nhận ra điều lẫn lộn của mình, hơi ngượng, vội nói qua chuyện khác:

– Thôi, chị xem chuyện thêu thùa giúp tôi nào! Mẫu áo cổn và mũ miện đều do chính tay Chúa công vẽ ra đấy. Cũng hay hay đấy chứ. Nực cười thật. Chúa công bảo: “Việc gì phải bắt chước bọn Tàu. Ta tự tay dựng nước thì cũng phải tự tay vẽ áo cổn được”. Lúc đó, tôi muốn trêu: “Thì Chúa công hãy tự tay thêu áo mũ đi, sao lại nhờ người khác”, nhưng thấy nét mặt Chúa công nghiêm nghị quá, tôi không dám đùa.

An tò mò hỏi:

– Lúc bình thường, Công chúa có hay đùa cợt với Chúa công không?

Ngọc Hân đỏ mặt, khẽ đập vào tay An trách:

– Chị hỏi làm gì. Hãy liệu xem mẫu chỉ này viền tà áo cổn có thích hợp

không. Ba tháng Mười! Chắc không kịp đâu. Chị rán vào đây hằng ngày giúp tôi, may ra...

*

Thấy vợ đi đi về về mỗi ngày mà không nói rõ vào cung làm gì, Lợi càng sốt ruột. Lòng tự ái của đàn ông nổi dậy, sau nhiều lần tra gạn không kết quả, Lợi không thềm hỏi nữa. Anh xem như công việc của vợ không có lợi mà cũng không có hại gì cho mình. Đôi lúc anh ngờ vực vu vợ, hay hờn ghen bóng gió. Tự ái lại thêm bị va chạm. Lợi ray rứt trong cảnh không bạn bè, không công việc. Anh nhớ tiếc cái thời đi đâu cũng được người ta sẵn đón, chiều chuộng. Ngày nào cũng có một cuộc say. Cuộc đời trống rỗng, nhạt nhẽo. Lợi không phải là người dễ

dàng chịu nhận sự thiệt thòi với hai cánh tay xuôi. Anh không thể chịu đựng mãi cuộc sống vô định bấp bênh thế này. Ba lần anh bị mưu hại, ba lần thoát nạn. Nhưng vụ án gạo vẫn còn đó, lơ lửng như một lưỡi dao bén có thể bổ xuống đầu anh bất cứ lúc nào. Chỉ cần một cái gạt đầu, hoặc một cuộc vận động kín đáo nào đó của kẻ thù. Anh có thể nắm đằng lưỡi cái dao nguy hiểm đó chăng? Không. Anh nhắm mắt chờ đợi sự may rủi chăng? Không. Phải vùng vẫy, bằng cách nào đó.

Lợi nằm nhà tần mẩn nhổ râu một thời gian, rồi lại lân la tìm đến các chỗ quen biết cũ. Sự lạnh nhạt của đám bạn bè và mối lái làm ăn trước đây chẳng khác nào một gáo nước dội vào mặt Lợi. Anh choáng váng, lấm bầm chửi rủa thế thái nhân tình. Chỉ có đám thân nhân

các chủ ghe Đồng Nai bị giam bấy lâu, vì mới chân ướt chân ráo đến Phú Xuân, tưởng Lợi còn có thể lực nên tìm đến tận nhà để mong Lợi cứu giúp.

Lợi choàng dậy như có phép lạ. Anh vốn vãi chào đón họ, nhận lời họ mời đi chè chén, rồi như con ngựa lâu ngày cuồng chân trong chuồng hẹp được gập lại đường dài, Lợi huênh hoang hứa hẹn với họ đủ điều. Qua họ anh biết rõ thêm tình hình bi đát của thái bảo Phạm Văn Sâm ở Gia Định, cùng cuộc sống sung túc ở Đồng Nai. Cái ý tưởng phải vùng vẫy để thoát lầy nhiều lần hiện ra trong óc Lợi, giữa các tiệc rượu, hoặc sau khi tàn cuộc. Phải vùng vẫy! Phải làm cái gì cho “chúng nó” sống sờ! Từ đó Lợi thường bỏ nhà cho hai con và mấy đứa hầu gái (hai người lính Lợi đem về giữ cổng và tắm ngựa đã bị đòi lại), suốt ngày đi đâu

không ai biết. Lâu lâu có người lạ đến tìm Lợi, vẻ mặt dớn dác lo lắng. An nghe hai con thuật lại, nghĩ chồng bắt đầu gây dựng lại các mối làm ăn. Chị yên tâm cùng với Ngọc Hân chăm chút đường thêu trên tấm áo cổn, vừa làm việc vừa bồi ngùi nhớ lại các kỷ niệm cũ thời An Thái. Đôi lúc, An xúc động đến hoa mắt, phải dừng kim lại. Công chúa ngược lên dò hỏi. An giấu quanh chuyện lòng, nói với Ngọc Hân:

– Đang thêu, tôi chợt nhớ đến thời sinh tiền, cha tôi rất thích một bài thơ tứ tuyệt của sư Huyền Quang. Công chúa đã đọc bài thơ đó chưa?

Ngọc Hân cười đáp:

– Nhất định là chưa. Các nhà sư thời Lý Trần làm thơ tuyệt mệnh để truyền y bát, tôi đọc chả hiểu gì cả.

– Không. Bài này đơn giản lắm. Tôi đọc cho Công chúa nghe nhé:

Nhị bát giai nhân thích tú trì

Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly

Khả liên vô hạn thương xuân ý

Tận tại đình châm bất ngữ thì.

(Trên tay giai nhân mười sáu tuổi, đường kim bỗng chậm lại. Mấy chú hoàng anh thở thẽ trong lùm tử kinh hoa rộ. Thương quá đi, bao nỗi nhớ lòng thương xuân vô hạn đang trút cả vào giây phút ngừng kim và im phắc.)

Ngọc Hân Công chúa thích quá, reo lên:

– Thật hay quá. Có chắc là của sư Huyền Quang không? Chị thuộc thơ cũng nhiều lắm phải không? Thế mà tôi cứ tưởng...

Công chúa ngơ ngác, khi thấy An cúi gằm mặt xuống tấm áo bào, nước mắt nhỏ từng giọt.

*

Bấy giờ mùa mưa dầm đã bắt đầu ở Phú Xuân. Ở các công sở, người ta lo dọn lại các mái dột hoặc kê cao các rường gỗ dựng giấy tờ công văn. Những trận mưa thê thiết, dai dẳng biến các đường phố thành những vũng lội nhớp nháp. Đoạn nào có trái đá thì đỡ lồi lõm hơn, nhưng đất sét dẻo quánh cứ dính chặt vào đế guốc. Bước chân ra khỏi nhà là gặp nổi ngại ngùng. Quần áo ướt dính vào da thịt, gió lạnh thổi hết đợt này đến đợt khác, khiến các cậu lính lệ ở các chòi canh ủ rũ nhớ nhà.

Giữa cảnh mưa gió ấy, tin kho lúa Phủ Cam bị cháy chẳng khác nào một chuyện khôi hài khó tin. Kho này xây trên đồi đất cao, xa khu dân cư nên khó bị cháy lây vì sơ ý bếp núc. Quanh kho, hai ba lớp rào tre gai bao quanh, ngoài các quan quân bộ Công có phận sự, không ai được bén mảng đến gần. Thế mà cháy được! Khó tin lắm. Dân Phú Xuân đã quá chán cái cảnh nằm dí ở xó nhà nghe mưa rả rích trên mái tranh, nên nhiều người đội mưa lên Phủ Cam xem hư thực. Kho Phủ Cam bị cháy thật. Chưa kịp truyền hết cái ngơ ngác cho bạn bè để bàn tán quên rét, họ đã nghe thêm tin kho An Cựu cháy. Điều bất thường rõ ràng gặp nhiều bàn tán xôn xao. Và hoang mang. Từ khi tình hình Gia Định xấu, các ghe gạo Đồng Nai đã vắng trên bến sông Hương. Gạo Quảng Nam cũng không vượt qua đèo. Giá gạo

tăng vọt nhanh chóng, viễn ảnh trước mắt là ngoài cái lạnh ẩm ướt đã quen chịu đựng từ thuở lọt lòng, dân Phú Xuân sắp chịu thêm cái đói. Lâu nay kho gạo thường bình vắn bán nhỏ giọt cho dân để hãm bớt đà gia tăng của vật giá. Gạo ở thị trường khó mua, nhưng ai có tiền thì mua bao nhiêu cũng có, hoặc từ các kho gạo công rả rích tuôn ra mỗi đêm, hoặc từ các trại lính đóng quanh thành. Bây giờ hai kho gạo lớn liên tiếp cháy, báo hiệu cuộc biến nào đây? Ai đốt? Đốt để làm gì? Rồi triều đình sẽ có biện pháp nào để trấn an nhân tâm? Dưới những mái nhà thấp dột nát ẩm ướt, bọn đàn ông tụ họp nhau bàn cãi ồn ào quên phắt cả đói, rét. Bọn hiếu sự không sợ đường trơn và mưa ướt nữa. Họ chạy khắp nơi để săn tin. Ai đốt? Đốt để làm gì? Họ nghĩ nơi am tường hết thấy diễn biến phải là bộ Hình. Ngày nào trước cổng bộ cũng

có những đám đông lóng ngóng chờ tin. Họ không bỏ công chút nào. Những câu nói úp mở của các cậu lính lệ gác trước bộ Hình thật đáng gấp hai gấp ba cái giá túi trâu, cút rượu bọn hiếu kỳ phải trả. Đúng như mọi người dự đoán: có một âm mưu phá hoại các kho chứa thóc. Kẻ chủ mưu không ai khác là Nguyễn Ánh ở Gia Định. Bọn trực tiếp tổ chức phá hoại gồm vài tên đội lốt con buôn, vài tên thuộc hoàng tộc lâu nay giả vờ khoan tay rũ áo để che mắt quan quân Tây Sơn. Và điểm hấp dẫn nhất là bọn họ đã lôi kéo, mua chuộc được một số quan quân Tây Sơn làm nội tuyến. Một trong những kẻ phản trắc nguy hiểm đó là Lợi!

✱

Nguyễn Huệ gỡ xem các tờ biểu tấu từ Bắc thành vừa gửi vào. Liên tiếp mấy hôm nay làm việc quá sức nên Chính Bình vương uể oải lật xem mở công văn với đôi mắt ơ hờ. Chỉ có tờ mật tâu của đại tư mã Ngô Văn Sở báo cáo chi tiết hai đoàn cầu viện của Lê Chiêu Thống và bản thảo tờ chiếu lên ngôi do Ngô Thì Nhậm viết là được Vương chú ý. Nguyễn Huệ sửa lại thể ngôi, chăm chú đọc bản thảo bài chiếu Vương đã sai Ngô Thì Nhậm soạn cho phù hợp với tâm lý sĩ phu Bắc hà. Bài chiếu như sau:

“Trẫm nghĩ: Ngũ đế đổi họ chịu mệnh trời, tam vương nhân thời mở vận nước. Đạo có thay đổi, thời phải biến thông, nhưng đấng thánh nhân vâng theo đạo trời để làm vua trong nước, yêu dân như con thì cái nghĩa cũng chỉ là một.

Nước Việt ta, từ Đinh Lê Lý Trần mở

nước đến nay, bậc thánh minh dấy lên chẳng phải một họ. Nhưng phế, hưng, dài, ngắn, vận mệnh trời cho, chẳng phải sức người làm được.

Trước đây nhà Lê mất quyền, họ Trịnh và họ Nguyễn cũng chia nhau cương vực hơn hai trăm năm, giềng mối rối loạn, ngôi vua chỉ là hư vị, mỗi họ tự ý gây dựng bờ cõi riêng mình, kỷ cương trời đất một phen đổ nát không dựng lên được, chưa có thời nào quá quắt như thời này. Thêm nữa, những năm gần đây, nam bắc đánh nhau, dân sa vào chốn lầm than.

Trẫm là kẻ áo vải đất Tây Sơn, không có một tấc đất, vốn không có chí làm vua. Chỉ vì lòng người chán ghét loạn lạc, mong có vị minh chúa để cứu đời, yên dân. Cho nên tập hợp nghĩa quân, xông pha chông gai, phá núi mở rừng, giúp đỡ Hoàng đại huynh dong ruổi binh mã, gây dựng

nước ở côi Tây, dẹp Tiêm La, Cao Miên ở phía nam, rồi hạ thành Phú Xuân, lấy thành Thăng Long. Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai côi đất mà thôi.

Nhưng việc đời đời đổi, rốt cuộc trăm không được như chí nguyện. Trăm dừng lại nhà Lê, nhưng Lê tự quân để mất xã tắc, bỏ nước chạy trốn. Sĩ dân Bắc hà không theo về họ Lê lại dựa vào Trẫm. Đại huynh vì khó nhọc mà mỗi mệt, chỉ muốn giữ một phủ Qui Nhơn khiêm nhường xưng làm Tây vương. Mấy nghìn dặm đất ở côi nam thuộc về Trẫm cả. Trẫm tự nghĩ mình lượng bạc, tài đức không theo kịp cổ nhân mà đất đai rộng lớn như thế, nhân dân đông đúc như thế, nghĩ đến việc cai quản, lo sợ như cầm dây cương mục mà

giống sáu ngựa!

Vừa đây, tướng sĩ văn võ, thân lieu trong ngoài đều muốn Trẫm sớm định vị hiệu để thu phục lòng người, dâng biểu khuyên mời đến hai ba lần. Các tờ biểu vàng suy tôn, không hẹn nhau mà cùng một lời. Trẫm nghĩ: nghiệp lớn rất trọng, ngôi Trời khó khăn, Trẫm thật lòng lo không đương nổi. Nhưng ức triệu người trong bốn bể trông cậy vào một mình Trẫm. Đó là ý Trời, há phải việc người? Trẫm ứng mệnh Trời, thuận lòng người, không thể cố chấp nhún nhường mãi, lấy ngày ... tháng ... năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là... nguyên niên.

Hỡi trăm họ muôn dân các người!

Lời nói lớn lao của ngôi hoàng cực là lời giáo huấn phải thi hành [Kinh thư, Thiên Hồng Phạm.] Nhân, nghĩa, trung, chính là

đầu mối lớn của đạo làm người. Nay Trẫm cùng dân đổi mới, theo mưu mô sáng suốt của tiên thánh để trị và dạy thiên hạ!

Than ôi! “Trời vì hạ dân, đặt ra vua, đặt ra thầy là để giúp Trời vỗ yên bốn phương⁵²”. Trẫm có cả thiên hạ, sẽ dắt dìu dân lên con đường lớn, đặt vào đài xuân.

Hỡi thân dân các người!

Ai nấy hãy yên chức nghiệp, chớ làm những điều không phải đạo thường. Người làm quan hãy giữ phong độ hòa mục, người làm dân yên trong lệ tục vui hòa, trị giáo mở mang hưng khởi đến chỗ rất thuận, để văn hồi thời thịnh trị của Ngũ đế, Tam vương, khiến cho tông miếu xã tắc được phúc không cùng, há chẳng đẹp đẽ sao?⁵³”

52 Kinh thư, Thiên Thái Thệ.

53 Mai Quốc Liên dịch, Thơ văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 108.

Đọc xong bài chiếu, Chính Bình vương mỉm cười, gật gù một mình, rồi đọc lại lần nữa. Lần này vương đọc thật chậm, sau một câu dừng thật lâu để suy nghĩ rồi mới đọc tiếp câu khác. Đến đoạn “Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cõi đất” Nguyễn Huệ bật cười, đưa tay với bút son sổ dọc theo hai hàng chữ, miệng lầm bầm:

– Tay nhà nho này ranh ma lắm! Nói thế này con nít cũng không tin được. Nhưng phải nói, không nói không được. “Ung dung áo gấm hài thêu”! Hẳn tưởng ta đã chán cái yên ngựa! Phải nhận là hẳn viết khéo thật. Quả là Trời đã dành hẳn riêng cho ta dùng.

Nguyễn Huệ đọc tiếp xuống dưới. Đến chỗ Ngô Thì Nhậm chữa trống để vương tự định ngày lên ngôi cùng vương hiệu, Nguyễn Huệ bậm môi suy nghĩ thật lâu:

– Ngày mồng 3 tháng 10 chắc chắn là không được rồi. Kinh thành rối loạn thế này, mưa dầm thê thiết đến ê ẩm thân thể thế này, lòng dân lo rét, lo đói, lên ngôi sao được. Phải dẹp cho sạch bọn phá hoại đang gieo rắc hoang mang khắp Thuận Hóa, rồi sau hãy tính. Dẹp luôn cả những bọn tham lam, bọn nhị tâm chờ thời. Phải dời ngày xưng vương lại thôi. Còn vương hiệu thì đã chọn xong xuôi rồi. Quang Trung! Quang Trung! Nghe hơi êm ái, nhưng ta thích hai tiếng đó.

★

Đích thân thượng thư bộ Hình Hồ Công Thuyên dẫn giải Lợi vào thành trình diện với Nguyễn Huệ.

Mới bị giam vào ngục tối có hai ngày mà Lợi đã xơ xác thiếu ngủ như người từng bị giam tù lâu năm. Tóc Lợi bị xổ ra, bù rối và hôi hám, trên trán phía trái, một mảng tóc bị dính chặt vào một vết thương đã khô máu. Đôi mắt thảng thốt hốt hải. Khuôn mặt xanh tái hốc hác có nhiều vết bầm. Môi dưới sưng vều lúc bị tra khảo, khiến mới thoát nhìn, Nguyễn Huệ không nhận ra được Lợi. Hồ Công Thuyên cho tháo cái gông gỗ lim nặng lúc đến cửa thành, nhưng Lợi vẫn giữ dáng đi khom khom như lúc chưa thoát khỏi gánh nặng của tù tội.

Chính Bình vương muốn được nói chuyện riêng với Lợi, nên Trần Văn Kỷ và Hồ Công Thuyên vội vã ra khỏi phòng.

Nguyễn Huệ lừ mắt nhìn Lợi, hỏi gần:

– Sao lại trốn một mình?

Lợi vẫn cúi gằm mặt xuống, không đáp. Nguyễn Huệ tức giận hỏi:

– An có biết trước chuyện này không?

Lợi ngẩng lên, ánh nhìn cầu khẩn, sợ hãi. Cái môi sưng vù khiến anh chỉ trả lời phều phào được mấy tiếng:

– Dạ không biết.

Nguyễn Huệ hơi ngúi giận, giọng nói êm dịu hơn:

– Nếu “cô ấy” biết, “cô ấy” có để cho anh làm chuyện tà trời thế này không?

Lợi đáp liền vì đó là sự thực:

– Dạ không.

Nguyễn Huệ trầm ngâm một lúc, rồi buồn rầu nói với Lợi như với một người bạn:

– Ta tin lời anh. “Cô ấy” không khi nào chấp nhận một việc phản trắc hèn hạ như vậy. Cái gì cũng có cái mức của nó. Đây không phải là lần đầu, anh nhớ chứ? Tính tình của anh, ta còn lạ gì nữa. Nhưng lần này, anh quá quắt. Hôm qua cô ấy có khóc lóc xin vào ra mắt ta. Có lúc yếu lòng, ta muốn tiếp cô ấy. Nhưng nhờ ơn Trời! Ta sợ thấy cô ấy khóc.

Nguyễn Huệ nhìn lên trần điện khi nói với Lợi, nên không thấy nụ cười ranh mãnh méo xệch của người trọng phạm. Lợi rên rĩ:

– Xin Chúa công thương hại An và hai đứa bé. Tôi liều thân để tìm đất sống, chỉ vì thấy ở đây, tôi chỉ làm khổ An. Mọi

người xa lánh tôi. Tôi không dám gặp ai, chỉ biết quên bằng rượu. Tôi làm khổ An đã nhiều lắm rồi. Thà tôi chết đi, hoặc trốn biệt một nơi xa thật xa, cho khuất mắt nàng. Xin Chúa công thương lấy mấy mẹ con góa bụa, cô cút.

Nguyễn Huệ run giọng hỏi:

– Anh muốn trốn cứ việc trốn, sao lại còn dẫn đường cho chúng đốt kho? Để làm gì? Sao không cùng trốn đi với vợ con?

Lợi trở nên hoàn toàn bình tĩnh. Anh cân nhắc cẩn thận từng lời trước khi đáp:

– Chúa công lo đánh nam dẹp bắc, đâu còn thì giờ biết đến những chuyện đàn bà. Chúa công nghĩ lại mà xem. Nàng liều chết vượt biển ra đây, nên bây giờ chỉ có cái chết mới buộc được nàng rời

khỏi nơi đây. Tôi chỉ còn biết liều thân một mình.

Lợi liếc lên nhìn Nguyễn Huệ. Lúc ấy Chính Bình vương vẫn nhìn lên trần điện, nên Lợi không đoán được tâm trạng của Nguyễn Huệ. Anh chỉ thấy bàn tay phải của Vương bầu chặt vạt áo bào phủ trên đầu gối, sau đó mấy ngón tay duỗi ra, bàn tay xoa nhẹ nhẹ lên làn vải gấm. Hai người im lặng hồi lâu. Cuối cùng Nguyễn Huệ nói nhỏ và nhẹ, như tự bảo mình:

– Không còn cách nào khác. Ta lấy làm tiếc. Anh đâu biết rằng lúc nào ta cũng lo lắng cho gia đình anh. Đây không phải là lần đầu.

Đột nhiên Nguyễn Huệ đổi giọng, hỏi khá lớn và chậm:

– Lúc bị bắt, thuyền anh đã ra khỏi cửa xa chưa?

Lợi điềm tỉnh trả lời:

– Dạ họ chỉ có bốn tay chèo, nên mới cách cửa Thuận vài dặm.

– Chúng nó hứa với anh những gì?

Lợi cúi mặt đáp nhỏ:

– Dạ hứa là sẽ tận tình tiến cử lên ông Chủng.

– Anh đã khai hết cho bộ Hình rồi chứ?

– Dạ. Tôi không dám giấu điều gì nữa.

Nguyễn Huệ cười nhạt:

– Chỉ bấy nhiêu cũng quá đủ rồi.

Lợi bắt đầu sợ hãi. Giọng anh run rẩy:

– Lần cuối cùng, xin Chúa công nghị đến tình quen biết từ thời An Thái để tha tội cho tôi. Xin Chúa công cứu vớt gia đình tôi. Cảnh góa bụa! Chúa công chỉ cần gạt đầu một cái là mẹ con nàng được sống lại.

Nguyễn Huệ không nói gì, lừ mắt nhìn Lợi uốn éo cúi rạp người van xin được sống. Vương đánh mặt, nói:

– Đáng lẽ ta nên tiếp An hơn là gặp anh. Nhưng ta sợ tiếng khóc của đàn bà. Thôi, đủ rồi. Anh có thể lui.

Nguyễn Huệ khẽ đập lên mặt sập sồn sồn. Người lính hầu được lệnh đi mời quan thượng thư bộ Hình. Lợi bị đeo gông trở lại, và theo đường cũ, về

ngục. Lòng Lợi hoang mang, không biết cuộc gặp mặt ấy có chút mầm hy vọng nào không. Anh bắt đầu nghĩ đến điều ghê gớm nhất: cái chết.

✱

An sững sờ khi nghe tin dữ. Mọi sự vượt quá sức tưởng tượng của chị. Thấy chồng vắng mặt lâu ngày, An lo lắng, nhưng chỉ dám nghĩ đến một sự liều lĩnh buông thả có giới hạn. Tham dự vào vụ đốt kho thóc, rồi xuống thuyền trốn vào Nam với mấy tên phản loạn! Trời hỡi! Có thực không? Hay lại một trò vu cáo dê hèn của phe Bùi Đắc Tuyên? Lúc biết đích xác sự thật, An chết điếng cả người. Từ đó, ba mẹ con An trải qua một kinh nghiệm cô độc và tuyệt vọng chưa từng có.

Mọi cánh cửa đều đóng sập lại trước mặt chị. Hai đứa hầu gái trốn khỏi nhà chủ vì sợ liên lụy. Chị và hai con trở thành đối tượng căm thù và ghê tởm của hàng xóm, phố xá. Ban đầu An giao nhà cho hai con để chạy khắp nơi nhờ vả cứu vớt tính mạng của Lợi. Thằng Phát và con Thái đóng chặt cửa lại, sợ bộ Hình nhân lúc mẹ chúng đi vắng đến bắt giam chúng vào ngục để xử tội. Cửa lớn cửa sổ đóng kín nên bên trong tối om như giữa đêm. Con Thái sợ mọi thứ tiếng động. Bạo gan như thằng Phát mà cũng xanh xám mặt mày lúc nghe tiếng chân ngựa hoặc tiếng ồn ào phía trước đường. Tin tức loan truyền nhanh khắp kinh thành, nên chỉ nội hai hôm, nhiều người đã biết nhà của “tên phản trắc”. Đám đông ban đầu còn lảng vảng trước cổng để nhìn mặt vợ con tên phản trắc. Về sau, thất vọng vì thấy cửa đóng im ỉm, vài đứa

trẻ rần mắt nhặt đá chọi vào nhà. Rồi cả người lớn cũng bắt chước, xem đó là một trò chơi cảm thù. Hai đứa bé sợ quá, ôm lấy nhau chui đầu vào gầm bàn, mặt cắt không còn chút máu. Mỗi lần một hòn đá rơi xuống nóc nhà, Thái run lập cập, ôm chặt lấy anh, mếu máo nhưng không khóc được thành tiếng. An tuyệt vọng không tìm được cánh cửa nào chịu mở, thất thểu trở về thấy hai con gấn như mất hồn vì sợ. Con Thái thấy mẹ về, khóc nức nở không ai dỗ được. Thằng Phát thì ngồi gục đầu ở chỗ cửa ngăn, nơi một viên đá to bằng nắm tay rơi xuống làm thủng cả mái ngói.

Từ đó An không dám đi đâu nữa. Ba mẹ con ôm lấy nhau, tiếp tục chịu đựng cơn lốc phần nộ. Họ không dám ra khỏi nhà nên không biết có cuộc càn quét thanh trừng bọn tham quan và bọn tình

ngghi nội ứng cho Gia Định ở kinh thành Phú Xuân. Lửa cháy ở hai kho gạo lớn đã nhen nhúm lửa phần nộ của dân chúng. Phú Xuân hừng hực căm thù, mỗi người náo nức chạy quanh tìm kiếm một cái gì đó đáng ghét để thỏa sức hò hét, lăng mạ, chửi bới. Từ căn nhà kín cửa, ba mẹ con An hồi hộp theo dõi những tiếng chân bước rầm rập trước đường, tiếng la ó, cãi vã; dĩ nhiên họ vẫn tiếp tục nghe tiếng gạch đá rơi trên mái ngói.

Tình cảnh cô lập dù sao cũng tránh cho họ chứng kiến một cảnh đau lòng: cảnh hành hình các tử tội ở bãi đất bồi phía bắc sông Hương. An và hai con cứ tưởng nội vụ còn dằng dai, và tin rằng Lợi còn sống, dù là sống trong xó ngục sâu.

Lăng phải thay chị lãnh nhận cái xác chết chém của Lợi để tắm liệm, chôn cất.

Theo luật lệ, xác Lợi không được tẩm liệm một cách bình thường. Cái đầu bị chém không được thắp vào cổ, mà phải đặt xuống vị trí dưới háng. Lãng nhờ Trần Văn Kỷ xin được đặc ân cho phép liệm xác Lợi bình thường, và được chôn Lợi trong một huyệt riêng.

Khi Lãng trở về nhà An, anh thấy chị và hai cháu xanh mướt, đôi mắt lơ lảo mất hết ý thức về thực tại. Khi Lãng quanh co báo tin Lợi đã bị hành quyết, An không hiểu ngay. Lúc đó thằng Phát đã dẫn bé Thái lần xuống bếp để rót nước cho cậu. Lãng lay tay chị, dịu dàng nói:

– Chị chớ buồn. Chẳng qua cũng là số phận.

An ngơ ngác nhìn em như nhìn một người lạ. Lãng lo sợ hỏi:

– Lãng đây mà. Sao chị nhìn em thế?

An giật mình, mếu máo hỏi Lãng:

– Ở ngoài đường, họ còn vây nhà ta nữa không?

Lãng thương hại chị, đáp:

– Không. Đã cho dẹp cả rồi. Về phần anh Lợi, em đã...

Mãi đến lúc đó, An mới nhớ đến câu “Chẳng qua cũng là số phận” lúc nãy. An chợt hiểu. Lãng còn hoang mang lo lắng chưa hiểu chị sẽ phản ứng thế nào, thì An đã khụy xuống, như một thân cây non bị chém ở tận gốc.

Chương 92

Để tránh sự dòm ngó tò mò của hàng xóm, An bảo Lãng đưa mình đi thăm mộ chồng từ sáng sớm. Tối hôm trước, hai chị em giấu không cho các cháu biết tin dữ. Lúc An ngất đi, Lãng cuống quít gọi các cháu đến để sai đi tìm dầu. Hai đứa bé tưởng mẹ đã chết, ôm lấy mẹ khóc nức nở, vừa khóc vừa gọi “Mẹ ơi! Mẹ ơi!” Cả ba quá hoảng hốt không biết làm gì để lay tỉnh mẹ và chị, cứ xúm lại kêu khóc tuyệt vọng. Một lúc sau, An tỉnh dậy. Thấy các con nước mắt đầm đìa, An hiểu ngay điều phải làm.

Chị vuốt tóc, ngồi thẳng dậy, trách Lãng:

– Em đã... rồi phải không?

Lãng hiểu ý chị, lắc đầu đáp:

– Không. Chưa chị ạ. Chị có mệt lắm không?

Con Thái thấy mẹ còn sống, càng khóc to hơn:

– Mẹ! Mẹ đừng chết nghe mẹ. Mẹ chết, hai đứa con biết sống với ai đây! Mẹ hứa với con đi! Đừng chết nghe mẹ!

Phát đã thôi khóc, bậm môi đứng xa ra một chút, vì dần dần hiểu ra rằng khóc lóc là yếu đuối, không xứng đáng với “khách anh hùng”. An nhìn quanh thấy các con còn ngấn nước mắt trên má, xúc động sụt sùi. Con Thái van xin:

– Mẹ đừng khóc nữa mẹ! Ráng sống với các con nghe mẹ.

An gượng cười bảo Thái:

– Ủ! Mẹ sẽ sống để nuôi các con. Mẹ bỏ các con sao được! Rồi hướng về phía Lãng, An nói xa xôi:

– Mẹ có đi đâu cũng phải đi một lượt với các con. Các con muốn đi gặp cha với mẹ không?

Lãng giật mình, vội nói:

– Chị! Chị đừng nghĩ đại.

Hai đứa trẻ không biết cha đã bị hành hình, cùng mừng rỡ nói:

– Đi mẹ. Cho tụi con đi thăm cha với!

Lãng vội bảo hai cháu:

– Thôi, các cháu xuống bếp đun cho mẹ ấm nước. Đã ăn cơm tối chưa?

An buồn rầu bảo em:

– Mấy hôm nay, ba mẹ con chị có nuốt nổi cơm đâu.

Lãng liền nói:

– Nếu vậy thì hai cháu xuống nấu cơm luôn thể. Nhớ nấu nhiều nhiều cho cậu ăn với.

Chờ cho hai đứa bé đi khỏi cửa, Lãng mới bảo chị:

– Chị đừng bao giờ nghĩ quẩn như lúc này nữa. Chị nên nhớ hai đứa nhỏ không làm gì nên tội. Chúng nó được quyền sống, và sống sung sướng. Đừng bắt chúng nó gánh chịu tội lỗi của người lớn chúng ta.

An tức giận, hậm hực bảo em:

– Đến nước này mà Lãng còn nói cái giọng đó à? Tội lỗi? Lãng cũng đứng vào phe chúng nó để chửi rửa anh Lợi phải không?

Lãng vội vã bào chữa:

– Không. Ý em không phải thế. Em muốn nói tất cả người lớn đều quay cuồng trong tội lỗi vì danh, lợi, tự cao, ngu xuẩn, nên cả tụi trẻ con cũng phải vạ lây.

An nguôi giận, ngồi thừ một lúc, rồi nói như đang ở một mình:

– Chị biết thế nào cũng phải tới cái ngày này. Biết nhưng vẫn hy vọng mơ hồ, vẫn nghĩ Trời thường trớ trêu... Vâng, trớ trêu lắm! Hồi nhỏ, chị thường mơ ước được điều này, điều nọ, lúc ngồi một

mình cứ mím cười mơ màng, vì nghĩ mình không nói dối, không thù hận ai, không gian tham, không lừa đảo, thì nhất định Trời cao phải thương mình, cho mình ước gì được nấy. Chị lắm lần quá. Trời cao trở trêu lắm, không trở trêu sao lại đem quàng lên cổ chị... rồi bây giờ chính... Trời ơi, chị đến điên đầu mất thôi. Sao trời còn bắt chị sống, hờ Lãng?

Rồi đột ngột, An nhìn thẳng vào mắt Lãng hỏi:

– Anh ấy... anh ấy mất lúc nào?

Lãng rụt rè đáp:

– Hồi trưa hôm qua, chị ạ!

An mím môi một lúc, lại hỏi:

– Lúc ấy có em ở đó không?

Lãng thú thật:

– Em không dám...

An đưa tay lên bóp trán. Hai chị em ngồi lặng lẽ một lúc thật lâu. Phía dưới bếp, con Thái hỏi vọng lên:

– Có hấp trứng luôn thể không hở mẹ?

An không đáp, bàn tay vẫn che lấp hai mắt. Lãng đáp thay chị:

– Cháu hấp trứng luôn đi. Mẹ bảo vậy.

Lúc ấy, An mới hỏi Lãng, giọng lạc đi:

– Sao em không cố đến, xem anh ấy có nhắn gì không?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. An dặn Lãng:

– Em cố giấu đừng cho các cháu biết cha chúng nó bị... Dĩ nhiên thế nào sau này chúng cũng biết, nhưng lúc này... Cứ bảo là anh ấy bị chết bệnh trong ngục.

– Vâng ạ.

– Hoặc bảo cha chúng nó vì nhớ thương chúng nó mà sinh bệnh.

Lãng lo âu, hỏi nhỏ:

– Làm sao giấu chúng nó được mãi, hờ chị. Chỉ cần bước ra khỏi nhà, đã có người...

An hấp tấp cắt lời em:

– Không. Chị sẽ không để chúng nó ở đây. Chị sẽ...

Đến lượt Lãng hốt hoảng hỏi:

– Chị định đi đâu? Chị, đừng nghĩ

quần nữa. Em van chị. Dù sao, chị còn có em ở đây. Em sẽ về hẳn đây, dạy dỗ chăm sóc thêm cho các cháu.

Thấy nét mặt Lãng hốt hải lo âu, An gượng cười nói:

– Nhưng chuyện đó chưa chắc đâu. Vàng. ở đây còn có chị có em còn đi đâu thì... đi đâu bây giờ? Em nói phải. Chị sợ lũ trẻ hàng xóm không để yên. Em biết không, liên tiếp mấy hôm chúng nó quăng đá vào nhà. Em không thấy cảnh hai đứa mặt mày xanh lét, sợ hãi ôm lấy nhau... thương lắm. Sống ở đây không phải dễ như em tưởng đâu...

Và một lần nữa, An đột ngột chuyển hướng câu chuyện, hỏi Lãng:

– Chúng... họ chôn anh ấy ở đâu?

Lãng đáp:

– Chính em lo liệu việc tắm liệm và chôn cất anh ấy.

– Mai em dẫn chị đến đó nhé!

– Vâng. Nhưng chị phải hứa là...

– Cái gì chị cũng hứa cả. Em nói rất đúng. Chị phải rán sống để nuôi chúng nó, trừ trường hợp người ta... người ta muốn giết luôn cả mấy mẹ con chị.

– Chị nói gì thế?

An chua chát nói:

– Đã đến nước này mà em còn bênh vực chăm chập thế ư?

Lãng im lặng, không tìm được ý nào thích hợp để giải thích. An lại bắt đầu khóc. Lần này chị úp mặt vào đầu gối, nên Lãng chỉ thấy hai vai An run rẩy và chỉ nghe những tiếng nghẹn.

Họ thức dậy từ lúc gà gáy lần đầu. Hai đứa bé bị đánh thức bất ngờ nên nhướng đôi mắt ngái ngủ dò hỏi. Con Thái nhay hơn thằng anh, đoán trước sắp có điều gì bất thường, nên đến bên mẹ hỏi nhỏ:

– Sắp đi khỏi đây phải không mẹ?

An ôm lấy con cho nó khỏi thấy chị bối rối. Cổ họng An nghẹn lại. Con Thái không nghe mẹ trả lời, càng tin phỏng đoán của mình hơn. Nó lo lắng hỏi:

– Bỏ cha ở đây một mình sao, mẹ?

An òa lên khóc. Lãng phải tìm cách báo tin giùm chị:

– Các cháu đừng làm cho mẹ các cháu khổ sở thêm nhé. Cậu báo cho các

cháu biết tin này, nhưng các cháu phải bình tĩnh mới được. Tối hôm qua mẹ các cháu ngất xỉu, các cháu còn nhớ không?

Thằng Phát hỏi:

– Có phải chúng ta sắp đi trốn không hở cậu? Đi bằng thuyền như hồi trước phải không cậu?

Lãng chậm rãi đáp:

– Không. Cha các cháu không may đã bị bệnh nặng, vừa mất hôm qua.

Hai đứa trẻ không có phản ứng tức thì như Lãng chờ đợi. Cả hai đều im lặng, cái nhìn ngơ ngác, không hiểu hết được tầm quan trọng của chuyện tử biệt. Con Thái ngờ vực hỏi mẹ:

– Cha đau nặng thật hở mẹ? Hay là cậu nói thế để bắt chúng con phải đi?

An sụt sùi, nói trong nước mắt:

– Cậu nói thật, đẩy con. Bây giờ, chúng ta đi thăm mộ... cha con đây!

Từ đó cả bốn người đều lầm lũi chuẩn bị đi thăm mộ, không ai nói với ai lời nào. Thằng Phát chạy đi đóng lại cẩn thận các cửa lớn, cửa sổ. Con Thái theo sát bên mẹ, đôi mắt hốt hải theo dõi mọi cử chỉ của An, sợ mẹ vì đau đớn quá mà ngất đi. Trái với dự đoán của người lớn, con bé đột nhiên trở nên can đảm, cứng cỏi, vì tự nhận phải có trách nhiệm săn sóc, bảo vệ cho người mẹ bất hạnh. Nó theo sát bên An, hỏi luôn miệng:

– Mẹ có mệt không? Để con xách giỏ đồ cúng cho mẹ.

– Coi chừng vấp đó mẹ. Con đi trước dẫn đường cho mẹ nhé?

– Mẹ coi chừng! Ở đây có một vũng lầy!

– Mẹ bị lạnh hay sao mà tay run thế? Mẹ đi sát bên con cho ấm.

Thằng Phát cũng cố lấy giọng cứng cỏi, hỏi cậu:

– Cha con chết vì bệnh hả cậu?

Lãng nhìn cháu, đáp bừa:

– Ủ. Vì bệnh.

– Cháu không tin.

– Sao thế?

– Vì cha cháu rất ít khi bị bệnh. Quá lắm, cha cháu chỉ say rượu nằm một đêm lại đứng dậy đi đây đó. Cháu đoán được vì sao cha cháu chết rồi!

Lãng lo ngại hỏi:

– Ai nói cháu biết?

Phát càng tự tin thêm, kiêu hãnh nói:

– Cậu tưởng cháu không biết sao? Cháu không cần ai cho biết cả, cũng đoán ra được. Cha cháu dám đốt kho thóc, thì cũng phải dám đánh lại cai ngục. Cha cháu chẳng bệnh tật gì đâu. Cai ngục không cự nổi cha cháu, nên lên giết cha cháu đấy.

Lãng tò mò và thích thú, hỏi Phát:

– Hẳn dám giết tù mà không sợ tội chết hay sao?

Phát cười một tiếng nhỏ, mặt đành lại:

– Hẳn sợ chứ. Vì sợ nên mới giết lên, rồi báo lên quan trên là cha cháu bị bệnh nặng. Cháu đoán hẳn bỏ thuốc độc vào

cơm của cha cháu.

Lãng thấy lỗi hiểu của Phát thật tiện lợi, nên nói hàng hai:

– Ý của cháu đáng kể lắm. Để cậu xin bộ Hình xét lại. Đảng nào thì cha cháu cũng chết rồi. Từ đây, cháu phải ngoan hơn, đừng lêu lổng như trước, cho mẹ cháu khỏi buồn. Cháu có thương mẹ cháu không?

– Dạ, cháu thương mẹ cháu lắm chứ. Nhưng bây giờ cha cháu bị kẻ thù ám hại, cháu càng phải học thêm võ nghệ để trả thù cho cha cháu. ở nhà, cháu sẽ nhờ con Thái săn sóc giúp đỡ mẹ. Chốc nữa, cháu sẽ kể hết với nó.

– Tại sao lại phải chờ đến chốc nữa? Chốc nữa là lúc nào?

– Lúc ra thăm mộ cha. Cháu sẽ dặt

con Thái đến trước mộ, hai đứa lạy xong sẽ lần lượt thề trước mộ cha cháu.

Lăng bị cuốn hút bởi lòng tò mò, và những ý nghĩ lạ lùng của thằng bé 13 tuổi, nên hỏi:

– Cháu sẽ thề những gì? Nói trước cho cậu biết được không?

Phát ngược nhìn Lăng, hơi khinh nhờn:

– Hai đứa cháu chỉ thề trước mộ cha cháu mà thôi. Không ai được nghe những lời thề đó. Nhưng nếu cậu muốn biết, sau khi cha cháu nghe xong, cháu sẽ thuật lại.

Lăng cười nhỏ vì sợ chị nghe thấy, rồi nói:

– Cháu thề sẽ cắt đầu tên cai ngục để đem tế trước mộ cha cháu chứ gì?

Phát hô hoán:

– Sao cậu biết?

– Cái gì mà cậu không biết. Cháu đi chậm lại để chờ mẹ cháu và con Thái. Đến ngã ba phía trước thì rẽ phải.

– Chôn ở chân núi hử cậu?

– Ủ!

– Từ đây đến đó có qua nhiều trạm canh không cậu?

– Nhiều. Cháu hỏi làm gì?

– Không. Cháu hỏi cho biết thế thôi!

Phát đang nghĩ đến lúc sẽ dẫn tên cai ngục (đã bị bịt mắt, nhét giẻ vào miệng và trói tay bằng sợi dây thừng thật chắc), qua khỏi các trạm canh để đem giết trước mộ cha thay cho lễ vật.

– Cháu dừng lại đã, sắp đến trạm canh đầu tiên rồi đấy.

✱

Lúc trở về, Lãng ngạc nhiên thấy đường sá vắng hoe. Quân lính đi lại tấp nập, người nào cũng mang theo giáo mác và chiếu. Lãng theo theo kinh nghiệm đoán tình hình có điều gì nghiêm trọng nên việc bố phòng ở các điểm then chốt trên trục giao thông được tăng cường. Đưa chị và các cháu về đến nhà xong, Lãng vội vào thành. An còn dặn:

– Thế nào tối em cũng phải ghé về đây nhé!

Lãng tưởng chị sợ, vội nói:

– Vâng. Em vào xem có gì lạ, rồi trở về đây liền.

An hỏi:

– Có gì mà lạ?

– Em thấy các toán lính tỏa ra canh gác nghiêm ngặt lắm.

An ơ hồ như người ngoại cuộc:

– Thế à! Nhưng em đừng quên tối nay phải về đây nhé. Chị chờ em về mới ăn cơm tối đấy.

Lãng vào thành càng thấy không khí khẩn trương rõ hơn. Từng toán lính tùm nập tùm ba bàn tán, câu chuyện họ đang trao đổi có vẻ hào hứng vì họ vung tay và lớn tiếng cười cợt. Lãng hỏi một người quen, mới biết được hai tin quan trọng: Chiêu Thống đã rước quân Thanh vào Thăng Long, và Chính Bình vương sẽ chính thức lên ngôi vào sáng mai.

Lãng xúc động đến nỗi phải dừng bước, để lấy lại nhịp thở đều. Đầu anh nóng ran. Có thể như thế chăng? Có thể nào cái tin vui lớn và tin buồn lớn cùng rủ nhau đến một lúc, nhất là lúc này? Việc Nguyễn Huệ chuẩn bị lên ngôi để thống nhất đất nước thì Lãng đã nghe phong thanh từ hơn tháng nay. Ở chỗ chính thức, công khai, Lãng chưa hề nghe Nguyễn Huệ hoặc Trần Văn Kỷ nói đến việc ấy. Nhưng các dấu hiệu chuẩn bị thì rõ ràng lắm, khắp kinh thành ai cũng nao nức chờ đợi. Việc triều đình nhà Thanh có thể can thiệp cũng đoán trước được. Khoảng đầu tháng mười, tin tức từ Bắc hà đưa vào tuy thuộc loại cơ mật nhưng ở vào địa vị của Lãng, anh chỉ cần nghe các quan đại thần nói chuyện với nhau, hoặc nghe Nguyễn Huệ căn dặn Trần Văn Kỷ cũng có thể đoán được gần đúng. Có điều khiến Lãng choáng váng, là ước

mong được thấy Nguyễn Huệ chính thức lên ngôi, oái oăm thay, lại đến đúng vào lúc gia đình anh đang tang tóc, và nước nhà ở trong nguy cơ ngoại xâm. Phải chờ đến lúc nhận ra rằng chính vì nguy cơ ngoại xâm mà Nguyễn Huệ phải lên ngôi vào lúc dầu sôi lửa bỏng này, chính vì an nguy của xã tắc mà Nguyễn Huệ phải công khai và chính thức nhận thiên mệnh cao cả, đến lúc đó Lãng mới thực sự vui mừng.

Trong triều, không khí cũng khẩn trương rộn rịp như ngoài thành. Người lính cấm vệ đầu tiên gặp Lãng đã mừng rỡ reo lên:

– A, gặp ông đây rồi! Gớm, chúng tôi tìm ông khắp nơi. Có lệnh Vương thượng triệu ông vào gấp.

– Thật ư?

– Xin ông nhanh bước cho. Chúng tôi dám đùa vào lúc này sao!

Lãng vào điện Triều Dương đúng lúc quan trung thư, thượng thư bộ Lễ đang hầu chuyện với Nguyễn Huệ. Thấy Lãng vào, Nguyễn Huệ vội giục Trần Văn Kỷ:

– Ông đọc lại xem có cần thêm gì không?

Trần Văn Kỷ cầm tờ giấy lên đọc:

– Tàu Chúa công, bài chiếu có ghi thêm năm điều sau đây:

1- Các địa phương trong mười ba đạo, thuế ruộng, thuế thân, thuế lực dịch về vụ đông năm nay, mười phần tha cho năm phần, những nơi bị binh hỏa làm điêu tàn, thì cho các quan phân tri khám thực, tha miễn cho cả.

2- Quan dân triều cũ, người nào liên lụy vào tội đã bị án nặng, trừ những tội đại nghịch vô đạo, còn thì đều thả cả.

3- Các đền thờ bách thần mà là thờ nhảm, đều bị xóa bỏ thần hiệu trong tự điển [Sổ nghị sự trích các Thần được thờ.] , còn các thiên thần và tôi trung, con hiếu, đàn bà tiết nghĩa đã được các triều phong tặng thì nay đều cho thăng trật.

4- Quan viên văn võ triều cũ, người nào vì chạy trốn theo vua mà phải trốn tránh, đều cho về nguyên quán. Người nào không muốn ra làm quan, thì cho tùy theo chí của mình.

5- Quần áo dân gian ở Nam hà hay Bắc hà đều cho theo tục cũ, duy có áo chầu, mũ chầu thì nhất luật phải theo qui chế mới⁵⁴

54 Mai Quốc Liên dịch, Thi văn Ngô Thì Nhậm, quyển 2, trang 109.

Nguyễn Huệ suy nghĩ một lúc, rồi bảo cả hai quan đại thần:

– Thôi được. Cứ y như vậy mà làm. Bộ Lễ phối hợp với bộ Binh để làm thế nào lễ lên ngôi vừa trang nghiêm, vừa có cái uy dũng của cuộc xuất quân dẹp giặc xâm lăng. Quan Trung thư cho chép bài chiếu để ngày mai yết cáo khắp các nơi quan yếu. Các ông có thể lui được rồi!

Trần Văn Kỷ và viên thượng thư bộ Lễ vái lạy xin về. Nguyễn Huệ mỉm cười gật đầu nhận lễ, chờ họ ra khỏi điện, mới hỏi Lãng bằng giọng thân tình khác thường:

– Cậu vừa ở đằng nhà đến đây phải không?

Lãng tưởng Nguyễn Huệ trách mắng, vội đáp:

– Tàu Vương thượng, vâng ạ.

Nguyễn Huệ do dự khá lâu, mới rụt rè hỏi:

– Tình cảnh “cô ấy”... ta muốn nói “bà ấy”... cậu hiểu không? Hiện nay bà ấy ra sao?

Lãng buồn rầu đáp:

– Tàu Vương thượng, thần vừa đưa chị ấy và các cháu đi nhận mộ.

Nguyễn Huệ lại ngập ngừng hỏi:

– Bà ấy... cô ấy có trách ta không? Cậu phải hiểu ta không thể làm khác được. Tội lỗi ấy, nếu...

Nguyễn Huệ bỏ dở câu cuối. Lãng không nghe Nguyễn Huệ nói tiếp, ngừng lên chờ đợi. Nguyễn Huệ lúng túng, nói:

– Ta cũng muốn cho cậu dự trận về vang này để nhớ đời đời, nhưng... cậu phải ở lại vậy. Không thể bỏ cô ấy vào lúc này. Ta có nói gì chẳng nữa, cô ấy vẫn oán hận ta. Ta tiếc lắm. Ta cũng nói thẳng với hấn là ta tiếc lắm, không thể làm khác được. Cậu ráng tìm cách an ủi cô ấy. Hãy nói với cô ấy rằng, hấn đã đến tội rồi, cô ấy nên yên tâm để nuôi các con. Nếu cần... à không, ta biết cô ấy tự ái không bao giờ thềm nhờ vả ta điều gì. Cậu thay ta lo liệu đời sống cho cả ba mẹ con, trong thời gian ta vắng mặt.

Lãng xúc động đến nỗi nước mắt tự nhiên ứa ra đầy cả hai khóe. Anh cố giấu sự yếu đuối nên cúi gằm mặt xuống. Vì vậy, Lãng không thấy được nét mặt bản thân của Nguyễn Huệ. Hai người im lặng trước mặt nhau, người này không dám nhìn mặt người kia. Mãi một lúc

sau, Nguyễn Huệ mới nói:

– Có lẽ từ đây cho đến lúc xuất quân, ta không gặp được cậu. Bấy nhiêu lời dặn dò, cậu gắng nhớ cho.

Lãng biết đã đến lúc phải lui. Anh lạy tạ, lúc cúi xuống, Lãng cố đưa ống tay áo lên xóa ngấn nước mắt trên má. Nguyễn Huệ ngồi nhìn dáng đi chậm và mệt mỏi của viên thư ký thân cận, của người em bao năm nay Vương bảo bọc che chở, lòng cảm thấy ngùi ngùi.

✱

Chờ cho hai con ngủ xong, An mới rón rén đi ra phòng ngoài gặp em. Hai ngọn đèn sáp nhỏ trên bàn thờ Lợi tỏa ra một thứ ánh sáng vàng vọt, lung linh. Lãng ngồi yên trên phản gỗ, lưng dựa

vào vách tường vôi. An ngồi ghé xuống cạnh phản, cách chỗ em độ hai thước. Hình như Lãng đoán thế nào chị cũng ra nói chuyện với mình nên lúc quay về phía An, anh không có vẻ vô vậ mừng rỡ hay kinh ngạc. An hỏi cho có hỏi:

– Em chưa đi ngủ?

– Chưa, chị ạ. Các cháu đã ngủ cả rồi?

– Chúng nó mệt quá, thiếp đi.

– Chị cũng nên ráng ngủ bù lại sức. Chị gầy xẹp hẳn đi.

An không nói gì, nhìn về phía bàn thờ Lợi thật lâu. Lãng muốn chị khuây khỏa nỗi đau khổ riêng, nên hỏi:

– Lúc sáng chị có để ý cảnh lính tráng vác gươm vác giáo hấp tấp tỏa đi khắp nơi không?

– Có.

– Chị có biết chuyện gì đã xảy ra không?

An cười chua chát:

– Họ lại tranh ăn với nhau, chia bè chia phái để hãm he giết nhau chứ gì!

– Không. Chị bi quan quá. Quân Thanh đã xua quân xâm lấn nước ta.

An giật mình ngược lên nhìn Lãng, đôi mắt đầy ngờ vực:

– Chúng nó dám thế à? Nhưng thôi. Chuyện đó đã có người ta lo. Chị chỉ thấy trước lại có cảnh chồng xa vợ, mẹ mất con. Lại cảnh đâm chém nhau, dày xéo lên nhau.

Lãng không dẫn được bất mãn, bảo chị:

– Chúng nó vô cớ xâm lấn đất nước ta, phải đánh cho chúng nó chừa thói tham tàn chứ. Nói như chị thì...

An không muốn tranh luận, nên cắt lời Lãng:

– Phải. Chị đàn bà, chỉ thấy những chuyện mất mát trước mắt. Chuyến này em có phải đi không?

Lãng e dè vừa nói vừa dò phản ứng của An:

– Đáng lý em cũng phải theo quân, vì nghe đâu sau lễ đăng quang, sẽ xuất quân ngay.

– Lễ đăng quang? Lúc nào?

An hồi hộp, nhớ đến chiếc vương miện chính An đã thêu cho Nguyễn Huệ, nhớ đến những giọt nước mắt nuôi tiếc

nhỏ lên tấm áo cổn. Lãng thấy chị thảng thốt, càng thương hại An hơn. Anh không dám thuật lại những điều Nguyễn Huệ gửi gắm, Lãng chỉ nói:

– Ngày mai, chị ạ. Chính vì sự an nguy của xã tắc mà Chúa công phải lên ngôi để ràng buộc người trong nam ngoài bắc.

Giọng An càng cuống quýt hơn:

– Sao em không nói cho chị biết từ chiều. Ngày mai em đi rồi ư? Em đã soạn được gì chưa?

Lãng chậm rãi đáp:

– Không cần, chị. Em ở lại đây.

– Sao thế? Chẳng lẽ vì chuyện buồn của chị mà em...

– Không đâu. Em đã nghĩ kỹ rồi. Em

chẳng có tài cán gì, có em hay không có em, cũng thế thôi. Ra đi bỏ chị và các cháu trong tình cảnh này...

An cướp lời Lãng:

– Em đừng nghĩ vậy. Chị đã quen những điều bất hạnh. Chị ốm yếu thế, nhưng khi chị đã quyết điều gì, thì chị mạnh phi thường. Em đừng nghĩ phải ở lại đây để giúp đỡ, che chở cho ba mẹ con chị. Đừng. Nói thật điều này em đừng giận, nhiều khi em chỉ làm vướng chị mà thôi.

Lãng lo âu, thì thảo:

– Chị An. Chị tính gì vậy? Chị đừng nên liều thân. Các cháu có tội tình gì.

An cười nhẹ, trấn an em:

– Lãng tưởng chị chán nản đến nỗi

phải tự vẫn chứ gì? Em lắm, không bao giờ chị hèn nhát như thế đâu.

– Thế sao lúc này chị nói nhiều câu dễ sợ quá!

– Lúc nào?

– Hồi ăn cơm tối.

– Chị đã nói những gì?

– Chị dặn dò em đủ điều, như là trần trời. Dặn đừng nên uống rượu. Dặn đừng để cho đồng tiền sai khiến mình. Dặn phải cố tìm chỗ đảng hoàng để lập gia đình, đừng bông lông như bao lâu nay. Chị làm như chị sắp xa cõi đời này, chị em không có lúc nào gặp nhau nữa.

An cố cười lớn để giấu bối rối:

– Lãng hiểu lắm chị rồi. Lúc trước chị biết em không thích anh Lợi, nên chị

đâm ngại. Nói điều gì làm phật ý em, em lại tưởng có anh Lợi xúi giục chị, đặt điều nói xấu em sao đó. Nhưng bây giờ chỉ còn lại hai chị em ta với nhau, chị không ngần ngại nữa. Chị lo lắng đủ điều, chị sợ em lắm lỗ, rủi có điều bất hạnh nào thì chị thêm bơ vơ. Thế thôi. Hai chị em ta hiểu nhau từ thuở nhỏ, chẳng lẽ bây giờ em không biết đến nỗi lo âu của chị!

Lãng cảm động tin ngay lời An. Cổ dằn xúc động, Lãng nói:

– Nhưng chị phải hứa là từ nay, có muốn làm điều gì, phải bảo cho em biết.

An cười nói:

– Được. Phần em, em cũng phải hứa với chị điều này.

– Điều gì thế chị?

– Em phải lấy vợ.

Lãng đỏ mặt, ấp úng:

– Em vẫn tìm kiếm hoài mà chưa được đấy chứ!

– Đâu có. Em chỉ tìm những chỗ chông gai mà đi. Trước kia thì Thọ Hương. Bây giờ... tại sao em biết cô ấy bị ác bệnh mà còn tìm cách lui tới, đeo đẳng hoài?

Lãng thành thực bảo:

– Em cũng chẳng hiểu nổi mình nữa. Có thể vì em nghĩ mình không ra gì. Có thể... có thể... làm sao nói cho đúng điều kỳ cục này nhỉ! Như người ta biết ớt cay mà vẫn thích ăn ớt vậy mà. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng cố giải thích tiếp:

– Mỗi lần biết một số phận bị thương, cả người em run lên, em có thể làm bất cứ điều gì để kẻ bất hạnh đó vui hơn, sung sướng hơn. Chị có nhớ cái miếu thờ người bà con bị phong của chúng ta ở An Thái không?

– Nhớ. Nhưng em nói gì lộn xộn như mớ chỉ rối, chị không hiểu gì cả.

– Em cứ nhớ mãi lúc nghe kể chuyện cái miếu ấy, em xúc động đến nổi tê dại cả người. Một mình sống giữa đồng vắng, thân thể sượng sần, nhức nhối, mọi người ghê tởm, xa lánh. Có số phận nào ghê gớm bi thảm như thế chẳng? Một lần em trốn nhà ra cái miếu đó giữa đêm khuya, để mong gặp cho được hồn ma người quá cố. Dĩ nhiên em không gặp được gì, nhưng cả đời em không quên được đêm ấy. Em vừa sợ hãi vừa hãnh diện, vì trên khắp cõi đời này, chỉ có em

là người không vì ích kỷ mà xa lánh kẻ xấu số. Chị hiểu em không?

An lắc đầu. Lãng thất vọng nói:

– Em chẳng biết phải nói gì thêm cho chị hiểu. Có lẽ em là một người bất thường.

– Chị không tin thế đâu. Em có lòng tốt, tuy nhiều khi dễ tin người, đến ngày thơ. Lâu nay em được che chở, bảo vệ. Vả lại, em cũng chẳng tranh giành điều gì với ai nên không ai xem em là kẻ thù. Nhưng bây giờ “người ta” đã lên ngôi rồi, em phải coi chừng. Anh Lợi thì còn xa lạ gì với “người ta” nữa. Đến lúc cần xuống tay lập uy, “người ta” có ngần ngại đâu. “Người ta” cũng thừa biết mẹ con chị sẽ thế nào khi anh Lợi chết chứ! Em đã thấy rồi, cảnh chị góa bụa có làm “người ta” nhú mày do dự đâu! Từ đó

chị nghĩ đến thời trước, và hiểu hết mọi điều. Chị trông mọi sự sáng tỏ hơn, từ việc cha chúng ta bị thất sủng, cho đến chuyện chính nhà vua đứng ra làm mai mối cho chị lấy anh Lợi. Họ tính toán đời chị, như tính lời lỗ của một chuyến buôn trâu. Cả con gái cưng của họ, họ còn dám hy sinh, huống chi cuộc đời hèn mọn của chị. Anh thế nào thì em thế ấy. Dám chửi rửa anh ruột mình là loài sài lang cầu trệ! Sao bấy lâu nay chị mê muội đến thế!

Lãng không thể để mặc cho An chua chát tuyệt vọng, nên nói:

– Đừng tự làm khổ mình bằng lòng ngờ vực, chị ạ.

An đáp ngay bằng giọng bi phẫn:

– Còn em, em đừng tự làm khổ

mình bằng lối cả tin. “Vì sự an nguy của xã tắc”! Những tiếng kêu như chuông ấy chỉ đánh lừa được bọn đàn ông ngu ngơ như Lãng mà thôi. Đừng dễ tin người. Em hãy ráng nhớ lời chị để giữ thân. Chị ở xa, nhưng lúc nào cũng lo lắng cho em...

Lãng giật mình hỏi An:

– Chị định đi đâu xa lắm sao?

An vội chữa:

– Không. Chính em sắp đi xa nên chị cần dặn thế chứ. Khỏi lo cho ba mẹ con chị, Lãng ạ. Em cứ đi ra bắc với “người ta” đi. Chị biết thế nào ta cũng thắng oanh liệt, vì ai không căm giận khi đất nước bị xâm chiếm. Có thể nhờ trận này mà em khỏi bị bọn võ biên khinh khi. Hãy gắng lập công, Lãng nhé!

Lãng không biết trả lời chị thế nào. Trong thâm tâm, anh bị giằng co giữa một bên là trách nhiệm gia đình, một bên là nghĩa vụ đối với đất nước. Anh không dám tin lời chị là hoàn toàn thành thật, khi suốt buổi tối, An luôn luôn ray rứt, chua chát, cực đoan đối với mọi sự trên đời. An thấy em im lặng suy nghĩ, nói thêm:

– Lãng đừng ái ngại cho số phận mẹ con chị. Ngược lại, chị ái ngại cho em. Thôi, em ngủ đi. Mai hãy tỉnh. Nếu có lạnh, lấy cái chăn dày ra mà đắp.

Họ ngủi ngủi nhìn nhau, rồi hai chị em lặng lẽ đi ngủ.

Sáng hôm sau, Lãng thức dậy hơi muộn. Ba mẹ con An đã đi từ lúc Lãng còn say ngủ. Đi đâu? Lãng không biết gì cả!

Chương 93

Núi Bàn ở về phía đông nam thành Phú Xuân⁵⁵

Đó là một quả đồi không cao lắm ở các cồn mồi thuộc xóm Hành, ấp Tú Tây xã An Cựu, phía đông tiếp giáp với động Trọc và núi Ngự Bình. Hai phía tây và bắc giáp với thôn Tường Cởi. Phía nam là khu vực cư trú của dân ấp Tú Tây. Xa hơn nữa là vùng núi trùng điệp gồm núi

55 Tiết này dựa theo bài Đàn Nam Giao Tây Sơn tại Huế của Đỗ Bang, đại học tổng hợp Huế, in trong Tây Sơn Nguyễn Huệ, kỷ yếu hội nghị nghiên cứu phong trào nông dân Tây Sơn và anh hùng Nguyễn Huệ của Ty VH và TT Nghĩa-Bình, 1978, từ trang 302-312.

Thiên Thai, Động Lỗ, Động Lăng, Động Ba, Động Bồng và Động Tranh.

Chung quanh ngọn đồi có nhiều đồn trại của quân Tây Sơn. Về phía nam tây nam, cách đồi gần một dặm, là một khu đất bằng phẳng làm nơi diễn binh tập trận với đầy đủ nỏ chuồng voi, chuồng ngựa, kho súng. Hằng ngày, quanh núi Bàn có tới ba vạn quân thường xuyên luyện tập. Họ trang bị bằng dao găm, giáo mác, súng điều thương, và rất nhiều súng lớn có miệng loe⁵⁶.

Từ thành Phú Xuân lên núi Bàn có hai con đường. Đường thứ nhất từ An Cựu vòng qua phía Bắc núi Ngự Bình, dẫn đến khu tập trận cạnh đồi. Đường thứ hai là con đường đất khá rộng chạy từ Phủ Cam qua An Lăng rồi gặp đường

56 Imbert. Le séjour de l'embassade de lord Macartey 1793. Idéo Hà nội 1924, trang 28.

Ngự Bình. Trước đó, cả hai con đường đều nhỏ hẹp, gồ ghề, uốn lượn ngập ngừng tùy theo dấu chân dân làng Tú Tây đi đi về về, hoặc những khách nhàn tản xa tạm nơi đô hội đi tìm khoảng rộng. Từ khi Chính Bình vương định đô tại Phú Xuân và ra lệnh quân sĩ phải thường xuyên luyện tập đao kiếm ở khu tập trận, hai con đường nhỏ ấy không còn đủ sức chịu đựng lượng voi ngựa và mấy vạn con người đi về nữa. Nội những dấu chân đất không thôi cũng đủ mở rộng hai con đường. Sau đó, bộ Công huy động nhân lực san bằng những chỗ lồi lõm, phát bỏ gai góc, cỏ dại, biến hai đường mòn thành hai đường quan rộng rãi. Về mùa khô, từ đỉnh đồi Bàn nhìn xuống, lúc nào hai con đường ấy cũng tỏa lên một đám bụi hồng do nhịp đi về của người, voi, ngựa; và tiếng quân lính tập trận hò reo, tiếng ngựa hí, tiếng voi

thét cũng theo gió dội lên tận đỉnh đồi. Nguyễn Huệ thường bỏ nhiều buổi chiều đứng đấy, ngắm những đám bụi tỏa theo nhịp quân đi, lắng nghe âm thanh tỏ mở của quân sĩ, hít thú không khí trong lành của trời đất rộng rãi, tận hưởng đến ngáy ngất cái thú sống hết cung bậc của cảm giác và mơ ước. Vương thường tâm sự với Trần Văn Kỷ rằng chính những giây phút đứng trên đỉnh đồi Bàn đố, Vương đã tìm được những lựa chọn đúng giữa mờ bong bong của tình thế, đã xóa hết những chán nản mệt nhọc, và đạt được niềm hạnh phúc tràn đầy. Nguyễn Huệ cảm thấy an toàn giữa ba quân, gần gũi cuộc sống đang sôi động mà cũng gần gũi với đất trời bao la. Chỉ có một điều Vương không được hài lòng, là về phía ấp Tú Tây, các cồn mồ mả cứ dần dần loang rộng ra, theo với năm tháng. Nguyễn Huệ đã định bàn với Trần Văn

Kỷ tìm cách dời khu mồ mả ấy đến vùng khác, nhưng vì nhiều việc quá, Vương quên ý định ấy hoài. Còn cái ý phải đứng ở giữa đỉnh cao này để “chính danh định vị”, Vương không quên. Từ giữa tháng chín, những người lính tập trận quanh đồi Bàn bắt đầu thấy nhiều dân phu hằng ngày theo đường mòn tròn ốc leo lên đỉnh đồi đào xới, khiến bụi hồng lại tủa mù ngay trên chóp cao. Công việc ấy gây nên nhiều cuộc bàn tán. Giữa hai cuộc tập võ, quân sĩ thường tụ năm tụ ba nhìn về phía đỉnh đồi tủa bụi, phỏng đoán thế này thế khác. Người thì đoán sẽ lập một doanh trại ở đỉnh đồi để phòng vệ mặt tây nam kinh thành. Người thì đoán Vương thượng muốn xây một vọng lâu ở đấy để quan sát các cuộc tập võ. Đa số thạo tin đoán rất đúng rằng Nguyễn Huệ chuẩn bị lập đàn tế cáo trời đất trên đỉnh Bàn để lên ngôi.

Công việc tiến hành gấp rút một thời gian, ngưng vài ngày, tiếp tục một cách cầm chừng, rồi lại hối hả bất kể mưa nắng. Kết quả công lao nhọc của mấy ngàn dân phu rất dễ nhận ra nếu đứng từ dưới chân đồi mà nhìn. Dần dần, quân sĩ tập trận trông thấy một đỉnh đồi được san bằng, rồi một vành đỏ, hai vành đỏ, ba vành đỏ hiện ra quanh đồi xanh, làm thành ba tầng hình nón cụt chồng chất lên nhau thật kỳ vĩ, đẹp mắt. Đồi Bân mau chóng bị đổi tên. Quân sĩ đặt ngay cho nó cái tên mới: Ba Tầng. Dân phu thì đùa cợt gọi là núi Ba Vành.

✱

Từ tờ mờ sáng ngày 25 tháng 11 Mậu thân (1788), bảy vạn quân điều động ở phủ Thuận Hóa, theo hàng ngũ

tê chỉnh, đã đổ về đen ngịt vùng đất bằng quanh núi Ba Tầng. Quân lính có gì mặc nấy, chân đi đất, nên không khác bao nhiêu với đám dân chúng tụ họp hai bên đường để đưa tiễn những người con người chồng ra đi cứu nước. Đối với từng người lính, đó là điều khổ tâm. Được lựa chọn chiến đấu trong trận này là niềm hãnh diện lớn. Cho nên dù việc điều quân cấp bách, mỗi người cũng tự tìm cách xoay xở để làm cho mình một cái nón lính. Họ lấy mo cau khô cắt thành một cái nón dẫu, chóp có sơn một vòng đỏ, còn mép nón thì viền một vòng vàng. Quai nón tạm làm bằng dây lạt, dây mây, hoặc cọng chiếu. Vì vậy, dưới vành nón trắng còn thơm mùi cau, màu đỏ của cờ xí cộng với màu chóp nón nhuộm hồng những khuôn mặt rạng rỡ, phấn khởi.

Dòng người áo vải chân đất nối tiếp mãi từ các làng xóm, các khu phố, các bến đò đổ về núi Ba Tầng, tưởng không thể nào dứt. Cờ đào bay phấp phật trong gió, bụi đường tủa lên bám vào thân áo vải, bước chân dồn dập che lấp cả những tiếng rì rầm nói chuyện, tiếng thở leo dốc, tiếng ới ới gọi người thân, lời dặn dò cuối cùng. Lâu lâu đám bộ binh phải tránh giạt sang hai bên đường nhường bước cho kỵ binh và các đội voi trận. Bụi đường lại bốc lên nhiều hơn. Ho sặc sụa. Cười nói lớn tiếng. Thấp thoáng phía sau màn bụi dày, vẫn những khuôn mặt hân hoan, ánh mắt rạng rỡ. Gươm giáo không được giữ ngay tầm người mà được giơ cao lên hết tầm tay, tua tủa hướng về phía trời cao. Nắng sớm mai tô thắm màu cờ đào phất phới, đồng thời cũng chiếu lên những ngọn giáo mài sáng, khiến từ chóp Ba Tầng nhìn xuống, người ta có

cảm tưởng đang nhìn một con rắn dài uốn mình bò chậm chạp để khoe những chiếc vảy bạc óng ánh.

Ở một khúc đường quanh, mấy bô lão lấy vật áo che miệng mũi cho đỡ bụi, và nói chuyện với nhau qua màn vải the cũ:

– Gớm! Không biết voi ở đâu mà nhiều thế! Từ nãy đến giờ tôi đếm được trên hai mươi thớt voi rồi.

– Hơn nữa chứ. Chúng ta ra đây thì đã có mấy đội voi trận đi qua đây rồi. Phải thế không cháu?

Cậu bé đứng bên cạnh cố nhón gót để trông cho rõ, quay lại đáp:

– Dạ. Từ sáng đến giờ đã có bốn lượt voi qua.

– Voi ngựa thế này thì “tụi chó Ngô” phải phát khiếp. Không biết chúng nó có dùng voi không nhỉ?

– Có chứ!

– Voi chúng nó có lớn bằng voi ta không?

– Có lẽ lớn hơn. Nhưng nhất định không quen xông trận như voi ta.

– Sao bác biết?

– Còn hỏi! Tôi mà việc gì chả biết.

– Bác chỉ giỏi nói bừa.

– Có bác nói bừa thôi. Tôi nói có sách, mách có chứng.

– Chúng có đâu? Đâu? Lại bịa.

– Đây nhé. Bác biết thằng em thứ sáu nhà tôi là lính cấm vệ đấy chứ?

– Biết. Rồi sao nữa?

– Khi hôm, về thăm nhà, nó bảo đô đốc Tuyết có đem về Phú Xuân bản quân luật của bọn chó Ngô. Trước khi xua quân sang xâm lấn nước ta, tên tổng đốc Lương Quảng có căn dặn quân lính kỹ càng lắm. Có đến tám điều quân luật, trong đó có một điều chỉ vẽ kỹ cách chống lại voi trận của ta.

– Đúng là rau nào sâu nấy. Em bác, dù là lính cấm vệ, làm sao biết được những điều cơ mật như vậy?

– Bác biết một mà chưa biết hai. Sở dĩ nó biết, không phải nhờ đọc lên được giấy tờ của ông đô đốc. Không đâu. Bác ngờ là phải. Nhưng chính Chúa công đã cho đọc điều quân luật ấy cho các đội tượng binh nghe. Thằng em tôi còn thuật là theo thú nhận của quân Ngô, bên đó

không quen đánh voi như bên ta. Nào, lại một đội voi nữa. Cả thấy mấy đội rồi nhỉ?

Cậu bé bên cạnh đáp:

– Năm đội tất cả. Đó là chưa kể các đội voi đi ngã Phủ Cam.

Cụ già quay nhìn thằng bé, thấy hay hay, vuốt đầu tóc khét nắng của nó hỏi:

– Lớn lên cháu thích đánh giặc bằng voi không?

Mắt cậu bé sáng lên khác thường, giọng háo hức:

– Thích chứ. Cưỡi voi cao hơn cưỡi ngựa.

Người bạn này giờ vẫn khao chuyện với cụ già, chợt nhớ ra điều quan trọng, vội hỏi:

– À quên, tôi chưa hỏi bác bên nhà có ai đi kỳ này không?

Cụ già đáp với vẻ hãnh diện:

– Có chứ! Những ba đứa đấy.

– Ấy chết! Đi hết cả à. Còn vụ đám cưới thằng cả?

– Nó xin hoãn lại.

– Bên nhà gái chịu à?

– Sao không chịu. Bên đó cũng định như vậy. Chờ lũ anh thắng trận trở về đông đủ, dự đám cưới em gái út mới vui.

– Nếu lỡ...

– Bác đừng nói đại. Không lỡ được. Chúa công cầm quân trăm trận trăm thắng. Lòng dân lòng quân thế này, bác chỉ cần nhìn nét mặt từng người cũng đủ

biết. Còn bên bác, không có ai đi à?

– Tôi chỉ được có một trai, còn bao nhiêu là gái cả.

– Vì vậy nên bác cố nài cho nó ở lại?

– Không. Nó đi chứ.

– Khá lắm. Bác đã trông thấy nó qua đây chưa?

– Chưa. Bác đứng xê vào trong này cho đoàn voi kia qua. Đội thứ mấy rồi nhỉ?

Cậu bé đáp:

– Dạ đội thứ sáu.

*

Ở một ven đường khác, có một chị đàn bà trạc ba mươi tuổi, mặc cái áo đen vá còn lấm bunn, mặt mày hơi hải, ngấn nước mắt còn rõ trên đôi má lấm bụi, đang tìm cách an ủi một chị đàn bà mắt đỏ hoe:

– Rồi sẽ tìm ra thôi, chị ạ. Đừng sốt ruột.

– Làm sao tìm được! Cha thằng Chút nhà tôi nhỏ người, đi vào đám đông hút mắt khó tìm lắm. Vả lại, sao người nào người nấy giống nhau như đúc.

– Tại cái nón dấu chứ gì? Chị có nhớ cái nón mo cau anh ấy ra sao không?

– Không. ổng giấu không cho xem, sợ tôi chế nhạo. Đêm qua...

– Anh ấy về được à?

Chị đàn bà đỏ mặt, đáp lúng ta lúng túng:

– Có gì đâu. Anh ấy nhân việc công tạt qua nhà. Chỉ tạt qua được đủ thì giờ chăm nón thôi, vì lén lút nên sợ trễ.

– Vậy là chị mau mắn hơn tôi. Anh ấy chỉ kịp nhẩn gặp nhau sáng nay ở đây thôi.

– Nãy giờ chị có trông thấy người lính nào thấp và có nốt ruồi ở mép trái hay không?

Chị đàn bà kia cười, quên cả lo lắng riêng:

– Chị rõ lẫn thẩn. Làm như đang tìm người ngựa mặt lên mà hóng mát.

– Ủ, tôi lảm cẩm quá rồi. Đêm qua tôi khóc, cha thằng Chút cũng chê tôi

lấn thấn. Này, chuyển này đánh nhau với quân Tàu, có nguy hiểm không chị?

– Có chứ. Nghe nói chúng nó đông những mấy chục vạn.

– Chết. Thế mình được bao nhiêu?

– Hình như khoảng mười vạn thì phải.

– Chỗ đầu tên mũi đạn, tôi lo quá. Lỡ có việc gì, ai lợp lại mái nhà cho khỏi dột mùa đông này đây.

– Ối! Đàn ông biết lợp nhà còn thiếu gì. Vừa lợp nhà, vừa biết làm nhiều chuyện ghê gớm hơn nữa kia!

– Chị thì lúc nào cũng đùa được. Tôi lo quá đi mất! Lúc này chị bảo chồng chị thuộc toán quân ngựa phải không? Có một đội ngựa đến kia kia.

Người vợ chàng kỵ binh vô danh vội quay tìm chồng. Giống như bạn, chị thấy người lính nào cũng giống nhau như đúc: chiếc nón dẫu, nụ cười, mắt hăm hở, bộ ngời hơi ưỡn ngực trên lưng ngựa khỏe. Bụi đường che mờ dẫu ngựa và người. Chị ta thất vọng, quay bảo bạn:

– Chịu. Không tìm ra được. Hoài công đi tìm mua quế và dẫu cả đêm!

– Chị mua được quế tốt không? Mua ở đâu thế?

– Ở chỗ cái quán dẫu cầu.

– Tôi cũng mua ở đấy. Phải đổi những mười bát thóc mới được một thỏi bằng ngón tay út.

– Thế à! Tôi thì phải mất đến mười lăm bát.

– Chị mua hồi nào?

– Hồi chạng vạng.

– Phải rồi. Càng về sau, giá càng cao.
Tôi mua hồi xế.

– Làm sao chị biết tin sớm thế?

Chị đàn bà bên lén đáp:

– Nhờ cha thằng Chút lén về trước.

– Như vậy là chồng chị về nhà được
hai lần.

– Phải. Lần trước về bảo tôi đi mượn
bộ quần áo dày, sợ ra bắc mùa này rét.

Chị vợ lính kia lo lắng nói:

– Chồng tôi chẳng mang theo quần
áo gì khác ngoài bộ áo lính. Cũng chẳng
có thuốc men gì phòng thân. Tội nghiệp
quá. Làm sao tìm anh ấy bây giờ?

– Hay là ta lên núi Bà?

– À phải. Đến đó có lẽ tìm dễ hơn.

Hai người vợ lính vấn lại tóc, lúp xúp chạy theo đoàn người đang ùn ùn kéo về chân núi Ba Tầng dự lễ đăng quang.

✱

Lăng lấy ngựa chạy đến các chỗ quen biết tìm An và các cháu. Không có. Ra bến dò. Không ai biết. Hốt hoảng quên cả suy tính, Lăng chạy vào thành để báo tin cho Chính Bình vương.

Vào thành, Lăng mới thấy mình lầm. Giữa cảnh tấp nập, hối hả chuẩn bị cho hai cuộc lễ trọng diễn ra cùng một lúc (lễ đăng quang và lễ xuất quân chống xâm lăng), xin được gặp Chính Bình vương

đã là việc khó. Gặp để nhờ vả chuyện tìm mẹ con An, chao ơi, có thể tưởng tượng được điều gì lố bịch hơn chẳng? Dù hoang mang cực độ, Lãng vẫn không dám hé môi kể cho ai biết chuyện đau khổ riêng.

Trần Văn Kỷ gặp Lãng mừng rỡ reo lên:

– A, tìm được người thích hợp đây rồi. Quan Lễ bộ đang lúng túng chưa biết chọn ai làm cái việc đơn giản mà tối quan trọng này. Chỉ có cậu là thích hợp hơn cả.

Lãng được quan Trung thư kể cho biết các sự việc đang diễn ra: phần điều động binh lính dự lễ đăng quang cũng như xuất quân ngay sau đó, do các đô đốc Đông, Bảo, Lộc và Tuyết, phối hợp với bộ Binh đảm nhiệm. Đô đốc Đông

và đô đốc Bảo lo bộ binh, đặc biệt là tượng binh và kỵ binh vì hai binh chủng ấy giữ vai trò chủ yếu trong buổi lễ và khi xuất phát. Đô đốc Lộc và đô đốc Tuyết phụ trách thủy binh, vừa chỉnh đốn ghe thuyền (kể cả thuyền chở khí giới, lương thực và thuyền bầu chở voi) sẵn sàng ở bến, vừa gửi một bộ phận thủy binh tham dự cuộc lễ. Trung thư đường và bộ Lễ thì phối hợp nhau bố trí tổ chức từ đầu đến cuối lễ đăng quang. Trần Văn Kỷ phải ở lại triều từ sáng hôm 24, thức một đêm trắng, và sáng nay, vẫn còn lo âu vì những yếu tố bất ngờ, có thể làm giảm hiệu quả của buổi lễ.

Lăng được giao cho cái nhiệm vụ được bung cái mâm bạc trên đó đặt tấm áo cổn và mũ miện của Chính Bình vương. Trần Văn Kỷ vỗ vai Lăng khuyến khích:

– Cả tình lẫn lý, cậu đều xứng đáng để lãnh phận sự vinh quang này. Không có quan nào xứng đáng hơn cậu. Gắng giữ phong thái nghiêm chỉnh nhưng đừng quá gượng ép. Làm sao đi đứng, quì xuống hoặc đứng dậy cho khoan thai, thung dung. Cậu thử bưng cái mâm này đi vài bước cho tôi xem...

Lãng bị cái guồng máy khổng lồ vô hình cuốn hút vào cuộc, không còn chủ động suy nghĩ hoặc lo âu gì nữa. Anh theo các quan bộ Lễ lên núi Ba Tầng, cùng với họ diễn tập nhiều lượt các nghi thức của lễ lên ngôi tại đàn Nam Giao, trí óc ngây ngây như trong một cơn say dài. Lần đầu tiên trong đời, Lãng chờm ngợp trước một khung cảnh bao la, kỳ vĩ chưa từng thấy.

Những cơn mưa đầu mùa đông đã giúp cho lớp cỏ cây thấp trên sườn đồi

bỏ lớp áo héo úa, màu lá xanh mơn như tấm thảm vui trải bọc lấy ba vòng đồi. Bảy vạn quân thủy bộ đã tụ họp đông đủ ba mặt dưới đàn Nam Giao. Từ trên chóp Ba Tầng nhìn xuống, trước hết là hằng hà sa số những chấm đen di động liên tục, như một đàn kiến xếp trật tự theo từng vạt vuông vức. Cờ đào nhuộm hồng khoảng cách sát chân đồi, và mỗi khi mặt trời chui ra khỏi những đám mây lạc lơ lửng, thì nắng sáng chiếu lên các lưỡi gươm giáo, biến vùng đất bằng phẳng dưới đó thành một vùng dát bạc lấp lánh.

Trên đàn Nam Giao, màu cờ sắc áo sắc sỡ đập vào mắt Lãng, khiến anh choáng váng điên đảo. Lá cờ đào thật lớn phất phới trên kỳ đài, ngay đỉnh đồi biến mọi vật trên đàn trở nên hồng hào, hớn hở. Rồi những lá cờ đào hình đuôi

nheo cảm quanh lễ đài. Rồi màu áo thêu của phẩm phục đại lễ. Tiếng chiêng, tiếng trống giục giã, hỏi đáp, hưởng ứng phụ họa với nhau từ bốn phía. Cuộc sống ngồn ngộn, rục rờ và sôi sục, chói chang hừng hực như ánh sáng và hơi thở mặt trời. Lãng cảm thấy mất mình, tan loãng vào cái chung thành một tiếng trống, một sắc cờ. Anh không thể ý thức rõ rệt đang làm gì, anh bị cuốn hút vào cái vĩ đại chung quanh. Anh vừa rạo rục vì ngoại cảnh, vừa hoang mang lo sợ không thể nào giữ được, từ đây, chút gì riêng tư cho cái thú được lặng lẽ đếm bước chân mình trên đường vắng, cái thú được lạc lõng giữa những cảm giác nhẹ hẫng thanh thoát lúc cô độc. Anh cũng ngỡ ngàng thấy mọi người đổi khác. Quan Trung thư có nét mặt bất động như mặt tượng. Quan Lễ bộ đọc bài chiếu lên ngôi với cái giọng trẻ trung phấn kích ít

thấy nơi một cụ già quen nhỏ nhỏ. Trên từng khuôn mặt, cái nhìn mọi người đều bừng sáng do một thứ lửa nội tâm nào đó làm sôi các mạch máu. Mỗi người bị màu cờ đào và tiếng chiêng trống giục già, đều phải rướn cao hơn, cao hơn gấp bội bình thường. Ai nấy đều thắc thỏm, chờ được dẫn tới trước, muốn được vượt qua một trở ngại nào đó, làm được điều gì khác thường. Màu cờ, tiếng chiêng trống càng ngày càng giục già mạnh mẽ. Chân ngựa nóng nảy, nện vó một chỗ. Tay người nắm chặt cán giáo để nén một tiếng hò reo quá sớm. Chờ. Chờ. Thời gian như chậm lại. Chính Bình vương và các quan đại thần văn võ đến. Mọi người nô nức, tưởng cái giờ được vươn cao rướn tới đã đến. Nhưng không. Lại phải chờ. Nghi thức lễ đăng quang chậm chạp hơn mọi người tưởng. Màu cờ thúc giục. Chiêng trống tạm im trong suốt buổi lễ,

nên nổi chờ đợi thêm khắc khoải. Cho đến lúc Nguyễn Huệ mặc áo cổ mới, tự đội vương miện để chính thức nhận vương hiệu Quang Trung trước trời đất và toàn dân, đứng trên chóp Ba Tầng chỉ về phương bắc ứng khẩu vài lời hô hào giết giặc giữ nước, và tiếp theo đó, trống chiêng từ trên đàn Nam Giao đột ngột nổi lên rộn rã, thì lòng mọi người đều chấn động. Lễ xuất quân bắt đầu.

✱

Ba quân nao nức nhìn lên đỉnh Ba Tầng để tìm cho được vua Quang Trung. Mọi người đều nhón chân nghểnh cổ để nhìn chếch lên đầu ngọn giáo phía trước. Họ lần lượt thấy một lá cờ đào lớn di chuyển dần từ đàn Nam Giao xuống chân đồi, theo sau có đoàn lễ nhạc đánh

chiêng trống và nhiều người lính cầm cờ hiệu. Một chiếc lọng vàng đi giữa hai chiếc lọng khác nhỏ và thấp hơn, cũng dần dần xuống chân đồi. Quân sĩ xôn xao bàn tán, chỉ trở về phía chiếc lọng. Đám rước dừng lại ở chân núi Ba Tầng, ngay chỗ dàn hàng của đội tượng binh. Quân lính mất kiên nhẫn, hàng ngũ bắt đầu lộn xộn. Chợt có lời truyền miệng cho nhau lan khắp các đạo quân:

– Coi chừng hàng ngũ. Hoàng đế sắp tới.

Không ai bảo ai, mọi người đều đứng im tại vị trí cũ, mắt nhìn thẳng tới trước. Tiếng xôn xao cũng dần dần tắt lịm. Chỉ còn nghe tiếng gió thổi vào các lá cờ đào, tiếng ho khê và tiếng ngựa hí lạc lõng. Một lúc sau, có tiếng chân ngựa dồn dập: hoàng đế mặc nhung phục, đeo kiếm, cưỡi con ngựa ô cao lớn, đang dẫn

đầu một đoàn các tướng lãnh và quan đại thần đến tận các đạo quân để thị sát. Đi đến đâu, quân sĩ cũng nô nức reo to: “hoàng đế vạn vạn tuế”. Lời hô lan truyền nhanh chóng khắp nơi, vang dội như sấm rền. Vua Quang Trung đi thị sát một lượt, đưa tay vẫy chào các quân sĩ, rồi trở về chỗ quân tượng.

Một phát súng thần công từ trên đỉnh Ba Tầng bắn vang rền, báo hiệu giờ xuất phát. Bộ binh theo đường An Cựu, còn thủy quân thì rẽ theo lối An Lăng qua Phủ Cam trở lại bến thuyền. Mở đầu cuộc xuất quân là các toán quân kỵ. Bụi đường lại tỏa mù, từ xa chỉ thấy những đầu ngựa, chớp nón dẫu nhấp nhô và những lá cờ đào. Tiếp theo là đoàn quân tượng. Vua Quang Trung chuyển qua ngồi trên bành voi đi giữa hàng quân. Dân chúng hai bên đường được dịp nhìn vị hoàng

để trẻ tuổi uy dũng, không hện cùng hô to “vạn tuế” khi thốt voi ngựa đi qua. Cuối cùng là các đạo bộ binh theo đường An Cựu tiến ra bờ nam sông Hương để lần lượt lên thuyền qua bờ bắc.

Vua Quang Trung cùng các đô đốc Long, Bảo và các quan đại thần dừng lại ở bờ nam để quan sát việc đưa quân qua sông. Những người lính, biết hoàng đế đang nhìn họ bước, nên tự chỉnh đốn hàng ngũ, cầm ngay ngọn giáo, tuy trong lòng ao ước được ngoái lại nhìn nhà vua nhưng mắt cứ ngó thẳng phía trước.

Việc đưa lính qua sông hơi chậm, nên chẳng mấy chốc, binh mã dồn lại ở bến thêm đông. Hàng ngũ hơi lộn xộn. Tiếng ồn ào, tiếng ngựa hí, tiếng khí giới va chạm làm rộn cả một bờ sông. Lại thêm dân chúng đổ ra đường để trầm

trồ bàn tán về biến cố lịch sử hiếm có ở kinh thành này, hoặc để tìm thân nhân dạn dò gửi gắm lần cuối. Đô đốc Lộc cho huy động tất cả thuyền chiến còn rảnh, để chở lính bộ qua sông, nhưng số người còn lại bên bờ nam vẫn lớn.

Đúng vào lúc đó, một toán lính bộ mất kiên nhẫn chờ đợi hoặc được phần kích vì biết phía sau lưng hoàng đế đang quan sát, đã rủ nhau bơi qua sông. Vài người còn dám cầm theo lá cờ đào. Nhiều đám quân khác bắt chước theo. Số quân còn lại và dân chúng thích thú trước hành động liều lĩnh bất ngờ nổi lên reo hò khuyến khích. Mặt sông Hương lại phát phối cờ đào. Vua Quang Trung truyền lệnh cấm chỉ hành động liều lĩnh nguy hiểm ấy, vì mặt sông quá rộng, lại ở vào mùa nước sâu. Tuy vậy, khi quân sĩ đã qua hết bên kia sông, kiểm điểm quân

số, các tướng lĩnh mới biết có khoảng hơn hai mươi người bị chết đuối vì yếu sức không bơi nổi đến bờ bắc.

Chương 94

Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đem tin quân Thanh xâm lấn Bắc Hà về Phú Xuân ngày hôm trước, thì vua Quang Trung cấp tốc ra lệnh xuất quân ra bắc ngay hôm sau, 25 tháng 11 Mậu Thân (1788). Ngày 29, đại quân đến Nghệ An. Nhà vua cho dừng quân ở đó những mười ngày, rồi mới tiếp tục tiến ra phòng tuyến Ba đội. Đô đốc Tuyết không hiểu nguyên nhân sự chùng chình thất thường đó, đem chuyện hỏi đô đốc Bảo. Đô đốc Bảo trả lời:

– Ông không nên cuống quít như vậy. Ông không nhớ lời hoàng thượng bảo chúng ta hôm 24 hay sao⁵⁷?

Đô đốc Tuyết bẻ lại:

– Vâng, chúng ta không việc gì mà phải cuống quít lo sợ. Nhưng tôi ở bắc về, tôi hiểu rõ tình hình hơn các ông. Gấp lắm rồi. Chính Hoàng thượng cũng nhận ra thế, nên vừa lên ngôi xong đã ra lệnh xuất sư. Tại sao bây giờ lại nằm dí ở đây? Có tin gì mới từ Ba Dội đưa về dinh Vĩnh chăng?

Đô đốc Bảo không biết trả lời thế nào, đáp qua quít với giọng thiếu tin tưởng:

57 Nguyễn Huệ bình tĩnh và tươi cười nói: “Việc gì mà cuống quít lên vậy. Chúng nó tự đi tới chỗ chết, ta hãy cứ lên ngôi làm cho danh nghĩa quang minh chính đại để ràng buộc lấy lòng người trong nam ngoài bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn gì”. (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 47, trang 40).

– Có lẽ thế. Hay cái ông đồ Vân Trình⁵⁸ lại bày vẽ thêm cái trò mới nào đó. Như đem vông đến Nguyệt ao mời cho được lão già điên đến đây gieo quẻ cát hung chẳng hạn.

Đô đốc Tuyết sáng mắt, hấp tấp nói:

– Đúng rồi. Sáng nay tôi có nghe quan trấn thủ sai lính đem thư đến Nguyệt ao. Đến lúc nào mới thoát khỏi cái nạn ba hoa của bọn văn nhược đây!

Hai viên võ tướng vội im lặng khi thấy Trần Văn Kỷ vội vã đi về phía chánh đường trấn phủ Nghệ An. Quan Trung thư mỉm cười chào họ, định dừng lại nói vài câu xã giao, nhưng sau đó quyết định bước sâu vào phía trong. Đô đốc Tuyết nói khẽ:

58 Trần Văn Kỷ người làng Vân Trình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên.

– Hình như đã gieo được quẻ cát.
Nét mặt ông già hớn hở hơn mọi ngày.

Đô đốc Bảo đáp:

– Ông ấy vẫn thế. Khéo xử với mọi người, không ai có thể trách điều gì được, dù khối người trong bụng ghét cay ghét đắng.

– Đâu có! Bùi Đắc Tuyên đã dám mĩa mai ông đồ Kỷ trước mặt Hoàng thượng nhiều lần, ông không nhớ sao?

Đô đốc Bảo cười nhạt:

– Ồi! Cái lão Tuyên! Chỉ được việc quanh quẩn giữ nhà.

Đô đốc Tuyết nói:

– Đừng xem thường mà có ngày hối không kịp! Bây giờ lão thành quốc thích rồi đấy. Hạng quanh quẩn xó nhà rảnh

việc, lại hay nghĩ ra nhiều chước lạ.

– Ông sợ chẳng?

Đô đốc Tuyết vỗ tay vào bao kiếm đeo ở thắt lưng:

– Từ thời khởi nghiệp, thằng này chưa biết sợ ai. Thời ở Tuy viễn, chính mắt ông đã thấy bọn mãi võ khúm núm trước thằng này như thế nào rồi, ông quên hay sao?

Đô đốc Bảo thấy mình quá lời, vội nói:

– Tôi đùa đấy. Nếu sợ, đã không thành ông đô đốc.

✱

Trần thủ Nghệ An, Thận trực hầu Nguyễn Văn Thận vừa đưa La sơn phu tử đến phủ, thì Trần Văn Kỳ đã vội vã ra tận cửa đón khách. Vua Quang Trung đứng dậy ân cần mời Nguyễn Thiếp ngồi lên sập cùng với mình. Nguyễn Thiếp không dám, chỉ ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thông xuống đất. Trong một thoáng, hai người cùng quan sát nhau. Vua Quang Trung thấy La sơn phu tử ốm và thấp hơn nửa năm trước, La sơn phu tử thì thấy vua Quang Trung hơi đầy đà, tuy nhiên đôi mắt có vẻ mệt mỏi, dăm chiêu thêm.

Nhà vua trách:

– Hơn nửa năm nay thư đi thư lại nhờ tiên sinh xem giùm đất lập đô, mà tiên sinh cứ tìm có lần lửa mãi. Tại sao thế? Tiên sinh cho rằng quả nhân không đủ danh vị, khả năng để cùng tiên sinh

mưu tính việc thiên hạ chẳng? Hay là tiên sinh có kế riêng để cứu đời, nhưng chưa có dịp đem ra thi thố?

La sơn phu tử vội chấp tay thưa:

– Tâu Thánh thượng, có lẽ tiện sĩ quá vụng về nghiên bút, nên lời khải đệ lên thánh thượng không được rõ ràng chẳng! Tiện sĩ đâu dám không tuân thánh chỉ. Vì tiện sĩ là con dân xứ Nghệ, từ nhỏ đến già ít khi rời quê hương lâu, nên hiểu khá rõ địa thế sông núi và đời sống dân chúng quanh đây. Quả thực cả Phù Trạch lẫn Yên Trường đều không phải là chỗ đất rộng rãi trù phú để lập đô. Dân Nghệ bao nhiêu năm nay khổ cực vì thiên tai, địch họa...

Vua Quang Trung cắt lời Nguyễn Thiếp:

– Quả nhân đã biết các lý lẽ phu tử trình bày trong tờ khai. Nhưng quả nhân còn đọc được cả ý của phu tử ở chỗ giấy còn trắng. Phu tử không muốn quả nhân lập đô trên đất nhà Lê chứ gì? Tính quả nhân ưa nói thẳng và đã định làm gì thì phải làm cho kỳ được. Lần này, quả nhân muốn nói cùng phu tử cho hết ruột gan về điều phu tử đang canh cánh bên lòng. Vâng, quả nhân còn lạ gì tâm sự ấy nữa. Phu tử nghĩ lại mà xem. Như quả nhân đã viết cho phu tử trong tờ chiếu tháng chín: đế vương mà dấy lên là do mệnh Trời. Quả nhân theo thời đẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giàu. Ngày trước khi vào Thăng Long, lòng quả nhân không phải không muốn giữ dòng họ Lê để làm rạng việc tốt. Nhưng, xem lại thì thấy các con cháu nhà Lê đều đại hèn, không thể khiến dân chúng theo được. Vả lại, mệnh triều Lê đã hết, có muốn

phò cũng không thể làm sai được mệnh Trời⁵⁹

Càng nói, giọng vua Quang Trung càng đượm vẻ hờn giận, chua chát. Nguyễn Thiếp thấy nhà vua nói đúng tâm sự mình, đâm lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Ý vua Quang Trung lại xác quyết, không chừa một kẽ hở để bàn luận. Trần Văn Kỷ ngồi trên cái ghế mây cách xa sập ngự gần hai sải, muốn nói điều gì để bầu không khí bớt gay go, nhưng không tìm ra ý. May sao, chính nhà vua mở lối bí. Vua Quang Trung cười một tiếng nhỏ, rồi đổi giọng vui mừng, thân mật:

– Thôi. Cãi với nhau xem Nghệ An là đất nhà Lê hay đất Nam hà, bây giờ thành chuyện cũ. Lê tự tôn đã bỏ nước trốn đi, phu tử biết điều đó rồi! Tự hoàng qua tặn đất nhà Thanh rước voi về dày mả tổ,

⁵⁹ Dựa theo La sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 123.

điều đó chắc phu tử mới biết đây. Nghệ An, và cả nước Nam này không thuộc nhà Lê nữa. Tự hoàng đã đem dâng hết cho Tôn Sĩ Nghị. Quả nhân định ra bắc giành lại nước Nam khỏi tay giặc Tôn, như Lê Thái tổ đã đuổi giặc Minh trước đây. Mẹo đánh hay giữ, và được hay thua, phu tử nghĩ gì xem sao!

La sơn phu tử đáp:

– Quân Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, cái thế nên chiến nên thủ ra sao. Vả lại, chúng cũng có ý khinh địch. Nếu đánh gấp, thì không ngoài mười ngày ta sẽ phá tan. Trì hoãn một chút, e khó lòng thắng được.

Vua Quang Trung vui mừng nói:

– Ý phu tử hợp với quả nhân⁶⁰. Đúng như lời cổ nhân thường bảo: “Một lời nói mà dấy nổi cơ đồ”. Phải. Lần này quân phải thần tốc mới thắng chúng nó được.

Rồi quay về phía Trần Văn Kỷ, vua Quang Trung nói:

– Quan Trung thư đã sắp sẵn quà chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Tàu thánh thượng, đã sẵn rồi ạ.

Nhà vua nói với La Sơn phu tử:

– mấy lần trước, phu tử còn vương mắc, nên từ chối quà biếu Phú Xuân. Lần này chỉ có một chiếc gậy bịt bạc và một mâm đồng, nhất định phu tử không nỡ chối từ như trước nữa.

60 Dựa theo Hoàng Lê nhất thống chí, Lê quý kỷ sự do Hoàng Xuân Hãn trích trong La Sơn phu tử trang 129, 130.

Trần Văn Kỷ đứng dậy, nghiêm chỉnh chờ tiễn Nguyễn Thiếp ra về. Vua Quang Trung gật đầu mỉm cười, kín đáo tiễn khách. Nguyễn Thiếp định sụp xuống lạy, nhưng vua Quang Trung đã nhanh nhẹn rời khỏi sập đến nâng phu tử dậy. Nhà vua đưa Nguyễn Thiếp đi một đoạn, rồi dừng lại. Nguyễn Thiếp theo Trần Văn Kỷ ra khỏi sảnh đường.

Vua Quang Trung kiên nhẫn chờ Trần Văn Kỷ trở lại không được, cứ nôn nao đi đi lại lại trong sảnh đường. Vì thế, Trần Văn Kỷ vừa bước vào, nhà vua đã hấp tấp hỏi:

– Thế nào?

Trần Văn Kỷ vui vẻ thưa:

– Tàu thánh thượng, chẳng những sẵn sàng nhận quà, ông ấy còn nhờ mua hộ quế tốt nữa.

Vua Quang Trung cười lớn, ánh mắt long lanh kiêu hãnh, nói đùa:

– Thế là từ nay hết được nghe biệt “quí quốc” với “bản triều” nữa rồi! Ôi chao! Muốn được các thầy đồ công nhận là chính thống, khó quá! Nhất là các thầy đồ Nghệ. Đã khó nhọc như thế thì ông cứ tìm cách loan truyền cho sĩ phu Bắc Hà biết rằng ta đánh quân Thanh theo kế La sơn phu tử nhé. Điều đó, có lợi lắm. Bây giờ có một việc quan trọng hơn là phải xem dân áo vải đất Nghệ phản ứng thế nào trước nạn ngoại xâm. Ta đã sai Hán hủ hầu khẩn cấp tuyển quân, cứ ba dân đinh thì lấy một. Nếu dân áo vải Nghệ An hưởng ứng nhập ngũ, thì lời phỏng đoán mười ngày của La sơn phu tử nhất định phải ứng nghiệm. Chờ xem!

✱

Lãng được biệt phái sang bộ phận tuyển binh của Hán hổ hầu, phụ trách địa điểm thu quân ở phủ Hưng Nguyên. Tình thân thiết lâu ngày giữa anh và nhà vua đã giúp Lãng thắng thế trong cuộc tranh luận sôi nổi ở ban tham mưu trưng binh, về việc lựa chọn giải pháp nào có hiệu quả nhất.

Các phụ tá thân cận của Hán hổ hầu đều xuất thân nhà võ, nên tin tưởng vào các biện pháp mạnh bạo. Nội trong vài ngày phải lấy đủ một phần ba số dân đinh Nghệ An làm lính, công việc ấy đâu phải dễ. Giao thông khó khăn, guồng máy hành chính ở đây còn non yếu; phần lớn các chức sắc bị giao việc đều thối thòm chân trong chân ngoài, quen tìm kiếm những thế đứng vô hại để lỡ thời thế có thay đổi cũng không đến nỗi chuốc vạ.

Quá nhiều làng xóm giáp ranh với rừng núi, thuận lợi cho những kẻ trốn lính. Cho nên nhiều võ quan đề nghị Hán hủ hầu cấp chó cho các toán tuyển binh đi săn kẻ trốn lính trong các khu rừng, đồng thời cấp thêm giáo, cuốc chĩa để họ xăm vào các đồng rơm tóm gọn bọn nhút nhát⁶¹

Lã cương quyết bác bỏ các biện pháp thô bạo ấy, anh nhắc cho các võ quan nhớ rằng: khi vua Quang Trung sai Thận trực hầu đích thân đi mời La sơn phu tử đến vấn kế diệt giặc, nhà vua đã đặt hết tin tưởng vào lòng yêu nước của sĩ dân Nghệ An, quê hương của nhà vua. Chính nhà vua cũng đã quyết định dời đô về đây, vì tin tưởng ở thiên thời, địa lợi và nhân hòa qui tụ ở đất này. Dùng các biện pháp thô bạo ở một nơi

61 Thư giáo sĩ Longer gửi cho Julliard (A Launay, III, trang 238).

sắp trở thành thang mộc ấp là một xúc phạm không thể tha thứ. Các võ quan nghe Lãng nói vậy, bắt đầu lo sợ, nhưng chưa tin rằng có thể tìm được giải pháp nào khác. Lãng thuyết phục họ bằng cách nhắc đến tinh thần yêu nước vốn là truyền thống của dân tộc trước các hiểm họa ngoại xâm. Nhà Trần nhờ thế thắng Nguyên Mông, nhà Lê đuổi được giặc Minh. Không nói đâu xa, chính nhờ lòng yêu nước mà các võ quan hiện diện đã tham dự vào chiến thắng oanh liệt ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Tinh thần hăng hái của ba quân gốc Thuận, Quảng hôm lễ xuất sư là một bằng chứng khác. Dù ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ một người dân nước Nam nghe tin đất nước bị xâm lấn, thì kẻ bạc nhược nhất cũng bật dậy căm giận và trở thành chiến sĩ.

Các võ quan bẻ lại, bằng cách đưa ra các đám cần vương hoạt động âm ỉ, rải rác ở Thanh Nghệ, lòng hoài Lê của đám cựu binh cũ và các gia đình vọng tộc mấy đời là công thần của vua Lê chúa Trịnh. Nếu sĩ dân Thanh Nghệ có vẻ chịu khuất phục như hiện nay, không phải vì lòng họ thành thực đón nhận vận hội mới, mà chỉ vì sợ hãi lưỡi gươm bén. Nguyễn Hữu Chỉnh thất cơ lỡ vận như vậy, nhưng nhờ dám mạnh tay đao, đã chiêu mộ được cả một đạo binh xứ Nghệ, để trở lại làm rúng động Thăng Long.

Lãng đáp:

– Các vị chưa dám trọn tin dân Thanh Nghệ cũng phải. Mới thoát nhìn, ta thấy đâu đâu cũng có dấu hiệu phản trắc, hoặc nhẹ hơn nữa, là dấu hiệu hờ hững. Nhưng quý vị nghĩ lại mà xem:

Người dân Nghệ nào không biết đến lai lịch của các cổ tích họ từng hãnh diện từ lúc lọt lòng: nào thành Bình Ngô, thành Lục niên nơi vua Lê Thái tổ chiến thắng giặc Minh. Dấu tích thời Minh thuộc ô nhục cũng còn đó: thành Hùng sơn ở Hưng Nguyên do Trương Phụ đắp, thành Cự lại cũng do tướng Minh đắp. Chưa có nơi nào dấu vết thời bắc thuộc và dấu vết cuộc tranh đấu chống ngoại xâm rõ ràng, hiển hiện như ở đây. Đó là chưa kể một niềm hãnh diện thật mới: nhà vua gốc gác ở ngay đây, phủ Hưng nguyên. Chỉ cần khơi dậy truyền thống chống xâm lăng của sĩ dân địa phương, cùng niềm tự hào là đồng hương của hoàng đế, tôi tin cuộc tuyển binh sẽ rất thành công. Quý vị khỏi phải dùng đến chó săn và cuộc chĩa.

Những gì xảy ra sau đó chứng thực niềm tin của Lãng. Lệnh tuyển binh vừa ban ra, cả Nghệ An, từ biển lên rừng, đều rộn rã. Chẳng mấy chốc, các điểm thu quân đông nghẹt. Lãng phải nhờ Hán hổ hầu gửi thêm người mới giải tỏa được bớt số thủ tục bị ứ đọng. Ban đầu, anh đặt bàn ghi danh các tân binh trong phủ l. Càng lúc số thanh niên đầu quân kéo đến càng đông, chưa kể cha mẹ, vợ con đi theo tiễn đưa. Quá ngọt ngào vì hơi mồ hôi, Lãng phải cho dời nơi ghi danh ra sân phủ. Công việc vẫn chưa thông vì nhiều ngoại lệ bất ngờ, các chức việc không giải quyết nổi. Lãng phải đích thân khiêng bàn đến chỗ sân trống để giải quyết các trường hợp đặc biệt.

Một người mẹ đến xin cho đứa con trai mười bốn tuổi được về nhà để trông nom đàn trâu. Cậu bé chưa có tên trong

sổ định, nhưng đã đổi một tên khác và khai gian thêm tuổi để tòng quân. Một thanh niên trạc trên dưới hai mươi tuổi bản khoản không biết nếu sung quân kỳ này, quan trấn thủ có bắt tội biếng nhác hay không. Anh là thợ mộc và đã được Thận trực hầu gọi đến sung vào đoàn thợ chuẩn bị xây dựng hành cung tại Yên Trường.

Một người cha đến khiếu nại xã quan ở địa phương cố ý chèn ép mình. Lãng hỏi rõ, mới biết ông là lính tam phủ trước đây. Đứa con trai độc nhất của ông đang bị lở loét nặng ở gót chân, nên xã quan không ghi tên vào danh sách tuyển binh. Người lính tam phủ xin đi thay con, bị từ chối, tức giận, lên tận phủ để khiếu nại.

Lãng hỏi:

– Con của bác bị đau chân, người ta không gọi lính, việc gì bác phải xin đi thay cho rắc rối?

Người lính tam phủ đáp:

– Nhưng người ta sẽ bảo là gia đình tôi còn có cảm tình với cựu triều. Nhà nào cũng có người tham gia đánh giặc Thanh cả, chỉ riêng nhà tôi là không có ai.

– Con bác được miễn, chứ có phải trốn đâu?

– Biết thế. Nhưng vẫn thế nào ấy.

– Thế xã quan bảo với bác thế nào? Tại sao từ chối? Bác đã quá tuổi chưa?

– Chưa. Tôi vẫn còn khỏe mạnh. Cái ông rậm râu ở xã còn nói nhiều điều xúc phạm đến danh dự tôi nữa.

Lãng tò mò hỏi:

– Cái ông rậm râu? Ông ấy nói gì?

– Lão ta bảo: Anh là kiêu binh, theo quân để trở lại Thăng Long phá nát phố phường người ta ra phỉ?

Lãng không giữ ý được, bật cười. Người lính tam phủ cau mày khó chịu. Lãng cố an ủi bác ta:

– Một con sâu làm rầu cả nồi canh, phải chịu thôi, bác ạ. Quả tình trước đây bạn bè của bác cũng quá quắt lắm, điều đó ai cũng biết. Chỉ có điều ít ai biết là bác khác người ta. Nhưng thôi, chuyện đời xưa nay vẫn thế. Tôi hỏi thật nhé, ngoài mong muốn được giết giặc, bác cố kéo nài sung quân, phải có lý do thâm kín nào khác chứ?

Người lính tam phủ bối rối trông

thấy. Da mặt bác đỏ lên, mắt tránh nhìn thẳng vào mắt Lãng. Lãng cười, nói:

– Bác nói thật, tôi sẽ cho bác sung quân.

Bác ta mừng rỡ, nói:

– Chẳng giấu gì ông, tôi nhớ Thăng Long quá. Cả thời son trẻ của tôi, ông hiểu. Tôi có thể kể tỉ mỉ từng nhà ở phố nào có cánh cửa ra sao, sân trước, rào giậu cao thấp rộng hẹp thế nào. Ra nhìn lại một lần, chết cũng mát ruột.

– Lý lẽ ấy chưa đủ. Còn gì khác nữa cơ!

Người lính cũ càng bối rối hơn. Bác quanh co một lúc, cuối cùng thú nhận:

– Trước kia thời làm lính Nhưng kiêu, ông biết, tôi cũng có số đào hoa

lắm. Bạn bè tôi thì lằng nhằng bữa bãi, riêng tôi thì tính chuyện lâu dài. Cô ấy đã có với tôi một mụn con. Sau loạn tam phủ, tôi chạy về đây, không biết mẹ con thế nào.

Lăng xoa tay nói:

– Được rồi. Tôi giúp cho bác đoàn tụ gia đình. Nhưng, muốn vào Thăng Long phải đánh nhau với giặc đấy. Và nhớ không được quên trở lại Nghệ đấy nhé!

✱

Chỉ trong vài ngày, Hán hổ hầu đã tuyển được hơn ba vạn tân binh. Cộng thêm với quân lính tinh nhuệ gốc Thuận Quảng, Quang Trung đã có một đạo quân đông hơn mười vạn, chưa kể kỵ binh, thủy binh và một đội tượng binh gồm vài trăm voi chiến.

Nhà vua chia quân ra làm năm doanh: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân và trung quân. Binh lính mới tuyển ở Nghệ An sung vào trung quân, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua Quang Trung. Sau khi sắp xếp xong đội ngũ, nhà vua cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại trấn doanh Nghệ An. Khi Trần Văn Kỷ, Hán hủ hầu và đô đốc Bảo vào mời vua Quang Trung ra trước thềm dinh để tướng sĩ được ra mắt, nhà vua vui tươi hỏi quan Trung thư lệnh:

– Ông đã thấy dân áo vải chân đất hưởng ứng lệnh tuyển binh ra sao rồi chú? Đâu có nhì nhằng như mấy ông đồ Nghệ! Có phải vì các ông đồ thuộc lòng sách Tàu nên e ngại không dám chống Tàu chăng?

Trần Văn Kỷ nghiêm mặt, kính cẩn gật đầu. Trong thâm tâm, ông hơi phật

lòng vì giọng chế giễu nhà nho của vua Quang Trung, tuy những điều nhà vua nói không phải không đúng. Nhà vua lại quay về phía Hán hổ hầu hỏi:

– Đủ một phần ba số đình chưa?

Hán hổ hầu kiêu hãnh đáp:

– Tàu Hoàng thượng, có dư thêm một ít đấy ạ.

Quang Trung cười:

– Dư à! Lấy gạo đâu để nuôi số dư đó. Ông lo hết nhé? Nghe nói ông định dùng chó săn để tìm lính phải không?

Hán hổ hầu bối rối đáp:

– Tàu Hoàng thượng, lúc đầu vì...

Nhà vua gạt đi:

– Ta không trách đâu. Nhưng phải nhớ không phải lúc nào cũng cần đến lưỡi kiếm. Mọi sự ngoài dinh xong xuôi cả chứ, đô đốc Bảo?

Đô đốc Bảo nghiêng mình nói:

– Vâng ạ.

Vua Quang Trung vừa ra đến thêm dinh, thì ba quân đồng loạt tung hô vạn tuế vang động cả một góc trời. Nhà vua mỉm cười nhìn khắp năm doanh, chờ cho tất cả đều im lặng, mới thân mật hỏi:

– Các người đứng lâu như thế có mỏi chân không?

Không ai dám trả lời rõ ràng. Từ thêm dinh trấn Nghệ An, nhà vua chỉ nghe một tiếng lao xao đáp lại. Nhà vua đưa tay ra trước bảo mọi người:

– Cho phép các người ngồi xuống cho đỡ mỏi.

Tiếng lao xao rộn rã vì mừng vui và khâm phục. Khi ba quân đã ngồi yên ngay ngắn, nhà vua mới nói:

– Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện chúng ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia nhau mà cai trị. Người phương bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm

điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương bắc. Ở các thời ấy, bắc nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh đến đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng.

Các người đều là kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc. Ta không tha một ai. Lúc đó chớ

bảo là ta không nói trước⁶²

Vua Quang Trung nói xong, tất cả đều im phăng phắc. Rồi đột nhiên không ai bảo ai, từ rụt rè đến sôi nổi, tất cả mọi người đều dùng hết sức mình hô to: “vạn tuế, vạn tuế”.

Nhà vua vui mừng, quay lại nói với Trần Văn Kỷ:

– Cái hạn mười ngày của La sơn phụ tử chắc sai rồi. Không đến mười ngày đâu, ông Kỷ ạ!

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân ra phòng tuyến Ba Dội, Biện Sơn.

62 Hoàng Lê (bản dịch Hà nội, trang 359, 360).

Chương 94

Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết đem tin quân Thanh xâm lấn Bắc Hà về Phú Xuân ngày hôm trước, thì vua Quang Trung cấp tốc ra lệnh xuất quân ra bắc ngay hôm sau, 25 tháng 11 Mậu Thân (1788). Ngày 29, đại quân đến Nghệ An. Nhà vua cho dừng quân ở đó những mười ngày, rồi mới tiếp tục tiến ra phòng tuyến Ba đội. Đô đốc Tuyết không hiểu nguyên nhân sự chùng chình thất thường đó, đem chuyện hỏi đô đốc Bảo. Đô đốc Bảo trả lời:

– Ông không nên cuống quít như vậy. Ông không nhớ lời hoàng thượng⁶³ bảo chúng ta hôm 24 hay sao?

Đô đốc Tuyết bẻ lại:

– Vâng, chúng ta không việc gì mà phải cuống quít lo sợ. Nhưng tôi ở bắc về, tôi hiểu rõ tình hình hơn các ông. Gấp lắm rồi. Chính Hoàng thượng cũng nhận ra thế, nên vừa lên ngôi xong đã ra lệnh xuất sư. Tại sao bây giờ lại nằm dí ở đây? Có tin gì mới từ Ba Dội đưa về dinh Vĩnh chăng?

Đô đốc Bảo không biết trả lời thế nào, đáp qua quít với giọng thiếu tin tưởng:

63 Nguyễn Huệ bình tĩnh và tươi cười nói: “Việc gì mà cuống quít lên vậy. Chúng nó tự đi tới chỗ chết, ta hãy cứ lên ngôi làm cho danh nghĩa quang minh chính đại để ràng buộc lấy lòng người trong nam ngoài bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn gì”. (Khâm định Việt sử thông giám cương mục, quyển 47, trang 40).

– Có lẽ thế. Hay cái ông đồ Vân Trình⁶⁴ lại bày vẽ thêm cái trò mới nào đó. Như đem vông đến Nguyệt ao mời cho được lão già điên đến đây gieo quẻ cát hung chẳng hạn.

Đô đốc Tuyết sáng mắt, hấp tấp nói:

– Đúng rồi. Sáng nay tôi có nghe quan trấn thủ sai lính đem thư đến Nguyệt ao. Đến lúc nào mới thoát khỏi cái nạn ba hoa của bọn văn nhược đây!

Hai viên võ tướng vội im lặng khi thấy Trần Văn Kỷ vội vã đi về phía chánh đường trấn phủ Nghệ An. Quan Trung thư mỉm cười chào họ, định dừng lại nói vài câu xã giao, nhưng sau đó quyết định bước sâu vào phía trong. Đô đốc Tuyết nói khẽ:

64 Trần Văn Kỷ người làng Vân Trình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên.

– Hình như đã gieo được quẻ cát.
Nét mặt ông già hớn hở hơn mọi ngày.

Đô đốc Bảo đáp:

– Ông ấy vẫn thế. Khéo xử với mọi người, không ai có thể trách điều gì được, dù khối người trong bụng ghét cay ghét đắng.

– Đâu có! Bùi Đắc Tuyên đã dám mĩa mai ông đồ Kỷ trước mặt Hoàng thượng nhiều lần, ông không nhớ sao?

Đô đốc Bảo cười nhạt:

– Ồi! Cái lão Tuyên! Chỉ được việc quanh quẩn giữ nhà.

Đô đốc Tuyết nói:

– Đừng xem thường mà có ngày hối không kịp! Bây giờ lão thành quốc thích rồi đấy. Hạng quanh quẩn xó nhà rảnh

việc, lại hay nghĩ ra nhiều chước lạ.

– Ông sợ chẳng?

Đô đốc Tuyết vỗ tay vào bao kiếm đeo ở thắt lưng:

– Từ thời khởi nghiệp, thằng này chưa biết sợ ai. Thời ở Tuy viễn, chính mắt ông đã thấy bọn mãi võ khúm núm trước thằng này như thế nào rồi, ông quên hay sao?

Đô đốc Bảo thấy mình quá lời, vội nói:

– Tôi đùa đấy. Nếu sợ, đã không thành ông đô đốc.

*

Trần thủ Nghệ An, Thận trực hầu Nguyễn Văn Thận vừa đưa La sơn phu tử đến phủ, thì Trần Văn Kỷ đã vội vã ra tận

cửa đón khách. Vua Quang Trung đứng dậy ân cần mời Nguyễn Thiếp ngồi lên sập cùng với mình. Nguyễn Thiếp không dám, chỉ ngồi ghé ở góc sập, hai chân bỏ thông xuống đất. Trong một thoáng, hai người cùng quan sát nhau. Vua Quang Trung thấy La Sơn phu tử ốm và thấp hơn nửa năm trước, La Sơn phu tử thì thấy vua Quang Trung hơi đầy đà, tuy nhiên đôi mắt có vẻ mệt mỏi, dăm chiêu thêm.

Nhà vua trách:

– Hơn nửa năm nay thư đi thư lại nhờ tiên sinh xem giùm đất lập đô, mà tiên sinh cứ tìm có lần lửa mãi. Tại sao thế? Tiên sinh cho rằng quả nhân không đủ danh vị, khả năng để cùng tiên sinh mưu tính việc thiên hạ chăng? Hay là tiên sinh có kế riêng để cứu đời, nhưng chưa có dịp đem ra thi thố?

La Sơn phu tử vội chấp tay thưa:

– Tâu Thánh thượng, có lẽ tiện sĩ quá vụng về nghiên bút, nên lời khai đệ lên thánh thượng không được rõ ràng chẳng! Tiện sĩ đâu dám không tuân thánh chỉ. Vì tiện sĩ là con dân xứ Nghệ, từ nhỏ đến già ít khi rời quê hương lâu, nên hiểu khá rõ địa thế sông núi và đời sống dân chúng quanh đây. Quả thực cả Phù Trạch lẫn Yên Trường đều không phải là chỗ đất rộng rãi trù phú để lập đô. Dân Nghệ bao nhiêu năm nay khổ cực vì thiên tai, địch họa...

Vua Quang Trung cắt lời Nguyễn Thiếp:

– Quả nhân đã biết các lý lẽ phu tử trình bày trong tờ khai. Nhưng quả nhân còn đọc được cả ý của phu tử ở chỗ giấy còn trắng. Phu tử không muốn quả nhân

lập đô trên đất nhà Lê chứ gì? Tính quả nhân ưa nói thẳng và đã định làm gì thì phải làm cho kỳ được. Lần này, quả nhân muốn nói cùng phu tử cho hết ruột gan về điều phu tử đang canh cánh bên lòng. Vâng, quả nhân còn lạ gì tâm sự ấy nữa. Phu tử nghĩ lại mà xem. Như quả nhân đã viết cho phu tử trong tờ chiếu tháng chín: đế vương mà dấy lên là do mệnh Trời. Quả nhân theo thời đẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giàu. Ngày trước khi vào Thăng Long, lòng quả nhân không phải không muốn giữ dòng họ Lê để làm rạng việc tốt. Nhưng, xem lại thì thấy các con cháu nhà Lê đều đại hèn, không thể khiến dân chúng theo

được. Vả lại, mệnh triều Lê đã hết, có muốn phò cũng không thể làm sai được mệnh Trời⁶⁵

65 Dựa theo La sơn phu tử, Hoàng Xuân Hãn, trang 123.

Càng nói, giọng vua Quang Trung càng đượm vẻ hờn giận, chua chát. Nguyễn Thiếp thấy nhà vua nói đúng tâm sự mình, đâm lúng túng chưa biết trả lời thế nào. Ý vua Quang Trung lại xác quyết, không chừa một kẽ hở để bàn luận. Trần Văn Kỷ ngồi trên cái ghế mây cách xa sập ngự gần hai sải, muốn nói điều gì để bầu không khí bớt gay go, nhưng không tìm ra ý. May sao, chính nhà vua mở lối bí. Vua Quang Trung cười một tiếng nhỏ, rồi đổi giọng vui mừng, thân mật:

– Thôi. Cãi với nhau xem Nghệ An là đất nhà Lê hay đất Nam hà, bây giờ thành chuyện cũ. Lê tự tôn đã bỏ nước trốn đi, phu tử biết điều đó rồi! Tự hoàng qua tận đất nhà Thanh rước voi về dày mả tổ, điều đó chắc phu tử mới biết đây. Nghệ An, và cả nước Nam này không thuộc nhà Lê nữa. Tự hoàng đã đem dâng hết

cho Tôn Sĩ Nghị. Quả nhân định ra bắc giành lại nước Nam khỏi tay giặc Tôn, như Lê Thái tổ đã đuổi giặc Minh trước đây. Mẹo đánh hay giữ, và được hay thua, phu tử nghĩ giùm xem sao!

La sơn phu tử đáp:

– Quân Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, cái thế nên chiến nên thủ ra sao. Vả lại, chúng cũng có ý khinh địch. Nếu đánh gấp, thì không ngoài mười ngày ta sẽ phá tan. Trì hoãn một chút, e khó lòng thắng được.

Vua Quang Trung vui mừng nói:

– Ý phu tử hợp với quả nhân⁶⁶. Đúng như lời cổ nhân thường bảo: “Một lời nói mà dấy nổi cơ đồ”. Phải. Lần này quân

66 Dựa theo Hoàng Lê nhất thống chí, Lê quý kỷ sự do Hoàng Xuân Hãn trích trong La Sơn phu tử trang 129, 130.

phải thần tốc mới thắng chúng nó được.

Rồi quay về phía Trần Văn Kỷ, vua Quang Trung nói:

– Quan Trung thư đã sắp sẵn quà chưa?

Trần Văn Kỷ đáp:

– Tâu thánh thượng, đã sẵn rồi ạ.

Nhà vua nói với La sơn phu tử:

– Mấy lần trước, phu tử còn vương mắc, nên từ chối quà biếu Phú Xuân. Lần này chỉ có một chiếc gậy bịt bạc và một mâm đồng, nhất định phu tử không nỡ chối từ như trước nữa.

Trần Văn Kỷ đứng dậy, nghiêm chỉnh chờ tiễn Nguyễn Thiếp ra về. Vua Quang Trung gật đầu mỉm cười, kín đáo tiễn khách. Nguyễn Thiếp định sụp xuống

lạy, nhưng vua Quang Trung đã nhanh nhẹn rời khỏi sập đến nâng phu tử dậy. Nhà vua đưa Nguyễn Thiếp đi một đoạn, rồi dừng lại. Nguyễn Thiếp theo Trần Văn Kỷ ra khỏi sảnh đường.

Vua Quang Trung kiên nhẫn chờ Trần Văn Kỷ trở lại không được, cứ nôn nao đi đi lại lại trong sảnh đường. Vì thế, Trần Văn Kỷ vừa bước vào, nhà vua đã hấp tấp hỏi:

– Thế nào?

Trần Văn Kỷ vui vẻ thưa:

– Tàu thánh thượng, chẳng những sẵn sàng nhận quà, ông ấy còn nhờ mua hộ quế tốt nữa.

Vua Quang Trung cười lớn, ánh mắt long lanh kiêu hãnh, nói đùa:

– Thế là từ nay hết được nghe biện biệt “quí quốc” với “bản triều” nữa rồi! Ôi chao! Muốn được các thầy đồ công nhận là chính thống, khó quá! Nhất là các thầy đồ Nghệ. Đã khó nhọc như thế thì ông cứ tìm cách loan truyền cho sĩ phu Bắc Hà biết rằng ta đánh quân Thanh theo kế La sơn phu tử nhé. Điều đó, có lợi lắm. Bây giờ có một việc quan trọng hơn là phải xem dân áo vải đất Nghệ phản ứng thế nào trước nạn ngoại xâm. Ta đã sai Hán hổ hầu khẩn cấp tuyển quân, cứ ba dân đinh thì lấy một. Nếu dân áo vải Nghệ An hưởng ứng nhập ngũ, thì lời phỏng đoán mười ngày của La sơn phu tử nhất định phải ứng nghiệm. Chờ xem!

*

Lã được biệt phái sang bộ phận tuyển binh của Hán hổ hầu, phụ trách địa điểm thu quân ở phủ l Hưng Nguyên.

Tình thân thiết lâu ngày giữa anh và nhà vua đã giúp Lãng thắng thế trong cuộc tranh luận sôi nổi ở ban tham mưu trưng binh, về việc lựa chọn giải pháp nào có hiệu quả nhất.

Các phụ tá thân cận của Hán hổ hầu đều xuất thân nhà võ, nên tin tưởng vào các biện pháp mạnh bạo. Nội trong vài ngày phải lấy đủ một phần ba số dân đình Nghệ An làm lính, công việc ấy đâu phải dễ. Giao thông khó khăn, guồng máy hành chánh ở đây còn non yếu; phần lớn các chức sắc bị giao việc đều thắc thỏm chân trong chân ngoài, quen tìm kiếm những thế đứng vô hại để lỡ thời thế có thay đổi cũng không đến nỗi chuốc vạ. Quá nhiều làng xóm giáp ranh với rừng núi, thuận lợi cho những kẻ trốn lính. Cho nên nhiều võ quan đề nghị Hán hổ hầu cấp chó cho các toán tuyển binh

đi săn kẻ trốn lính trong các khu rừng, đồng thời cấp thêm giáo, cuốc chĩa để họ xăm vào các đồng rơm tóm gọn bọn nhút nhát⁶⁷

Lăng cương quyết bác bỏ các biện pháp thô bạo ấy, anh nhắc cho các võ quan nhớ rằng: khi vua Quang Trung sai Thận trực hầu đích thân đi mời La sơn phu tử đến vấn kế diệt giặc, nhà vua đã đặt hết tin tưởng vào lòng yêu nước của sĩ dân Nghệ An, quê hương của nhà vua. Chính nhà vua cũng đã quyết định dời đô về đây, vì tin tưởng ở thiên thời, địa lợi và nhân hòa qui tụ ở đất này. Dùng các biện pháp thô bạo ở một nơi sắp trở thành thang mộc ấp là một xúc phạm không thể tha thứ. Các võ quan nghe Lăng nói vậy, bắt đầu lo sợ, nhưng chưa tin rằng có thể tìm được giải pháp

67 Thư giáo sĩ Longer gửi cho Julliard (A Launay, III, trang 238).

nào khác. Lãng thuyết phục họ bằng cách nhắc đến tinh thần yêu nước vốn là truyền thống của dân tộc trước các hiểm họa ngoại xâm. Nhà Trần nhờ thế thắng Nguyên Mông, nhà Lê đuổi được giặc Minh. Không nói đâu xa, chính nhờ lòng yêu nước mà các võ quan hiện diện đã tham dự vào chiến thắng oanh liệt ở Rạch Gầm, Xoài Mút. Tinh thần hăng hái của ba quân gốc Thuận, Quảng hôm lễ xuất sư là một bằng chứng khác. Dù ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ một người dân nước Nam nghe tin đất nước bị xâm lấn, thì kẻ bạc nhược nhất cũng bật dậy căm giận và trở thành chiến sĩ.

Các võ quan bẻ lại, bằng cách đưa ra các đám cần vương hoạt động âm ỉ, rải rác ở Thanh Nghệ, lòng hoài Lê của đám cựu binh cũ và các gia đình vọng tộc mấy đời là công thần của vua Lê

chúa Trịnh. Nếu sĩ dân Thanh Nghệ có vẻ chịu khuất phục như hiện nay, không phải vì lòng họ thành thực đón nhận vận hội mới, mà chỉ vì sợ hãi lưỡi gươm bén. Nguyễn Hữu Chỉnh thất cơ lỡ vận như vậy, nhưng nhờ dám mạnh tay đao, đã chiêu mộ được cả một đạo binh xứ Nghệ, để trở lại làm rúng động Thăng Long.

Lãng đáp:

– Các vị chưa dám trợn tin dân Thanh Nghệ cũng phải. Mới thoát nhìn, ta thấy đâu đâu cũng có dấu hiệu phản trắc, hoặc nhẹ hơn nữa, là dấu hiệu hờ hững. Nhưng quý vị nghĩ lại mà xem: Người dân Nghệ nào không biết đến lai lịch của các cổ tích họ từng hãnh diện từ lúc lọt lòng: nào thành Bình Ngô, thành Lục niên nơi vua Lê Thái tổ chiến thắng giặc Minh. Dấu tích thời Minh thuộc ô nhục cũng còn đó: thành Hùng sơn ở

Hưng Nguyên do Trương Phụ đắp, thành Cự lại cũng do tướng Minh đắp. Chưa có nơi nào dấu vết thời bắc thuộc và dấu vết cuộc tranh đấu chống ngoại xâm rõ ràng, hiển hiện như ở đây. Đó là chưa kể một niềm hãnh diện thật mới: nhà vua gốc gác ở ngay đây, phủ Hưng nguyên. Chỉ cần khơi dậy truyền thống chống xâm lăng của sĩ dân địa phương, cùng niềm tự hào là đồng hương của hoàng đế, tôi tin cuộc tuyển binh sẽ rất thành công. Quý vị khỏi phải dùng đến chó săn và cuốc chĩa.

Những gì xảy ra sau đó chứng thực niềm tin của Lãng. Lệnh tuyển binh vừa ban ra, cả Nghệ An, từ biển lên rừng, đều rộn rã. Chẳng mấy chốc, các điểm thu quân đông nghẹt. Lãng phải nhờ Hán hỏ hầu gửi thêm người mới giải tỏa được bớt số thủ tục bị ứ đọng. Ban đầu,

anh đặt bàn ghi danh các tân binh trong phủ l. Càng lúc số thanh niên đầu quân kéo đến càng đông, chưa kể cha mẹ, vợ con đi theo tiễn đưa. Quá ngọt ngào vì hơi mồ hôi, Lãng phải cho dời nơi ghi danh ra sân phủ. Công việc vẫn chưa thông vì nhiều ngoại lệ bất ngờ, các chức việc không giải quyết nổi. Lãng phải đích thân khiêng bàn đến chỗ sân trống để giải quyết các trường hợp đặc biệt.

Một người mẹ đến xin cho đưa con trai mười bốn tuổi được về nhà để trông nom đàn trâu. Cậu bé chưa có tên trong sổ đinh, nhưng đã đổi một tên khác và khai gian thêm tuổi để tòng quân. Một thanh niên trạc trên dưới hai mươi tuổi bản khoản không biết nếu sung quân kỳ này, quan trấn thủ có bắt tội biếng nhác hay không. Anh là thợ mộc và đã được Thận trực hầu gọi đến sung vào đoàn

thợ chuẩn bị xây dựng hành cung tại Yên Trường.

Một người cha đến khiếu nại xã quan ở địa phương cố ý chèn ép mình. Lãng hỏi rõ, mới biết ông là lính tam phủ trước đây. Đứa con trai độc nhất của ông đang bị lở loét nặng ở gót chân, nên xã quan không ghi tên vào danh sách tuyển binh. Người lính tam phủ xin đi thay con, bị từ chối, tức giận, lên tận phủ để khiếu nại.

Lãng hỏi:

– Con của bác bị đau chân, người ta không gọi lính, việc gì bác phải xin đi thay cho rắc rối?

Người lính tam phủ đáp:

– Nhưng người ta sẽ bảo là gia đình tôi còn có cảm tình với cựu triều. Nhà

nào cũng có người tham gia đánh giặc Thanh cả, chỉ riêng nhà tôi là không có ai.

– Con bác được miễn, chứ có phải trốn đâu?

– Biết thế. Nhưng vẫn thế nào ấy.

– Thế xã quan bảo với bác thế nào? Tại sao từ chối? Bác đã quá tuổi chưa?

– Chưa. Tôi vẫn còn khỏe mạnh. Cái ông rậm râu ở xã còn nói nhiều điều xúc phạm đến danh dự tôi nữa.

Lãng tò mò hỏi:

– Cái ông rậm râu? Ông ấy nói gì?

– Lão ta bảo: Anh là kiêu binh, theo quân để trở lại Thăng Long phá nát phố phường người ta ra phông?

Lãng không giữ ý được, bật cười. Người lính tam phủ cau mày khó chịu. Lãng cố an ủi bác ta:

– Một con sâu làm rầu cả nồi canh, phải chịu thôi, bác ạ. Quả tình trước đây bạn bè của bác cũng quá quắt lắm, điều đó ai cũng biết. Chỉ có điều ít ai biết là bác khác người ta. Nhưng thôi, chuyện đời xưa nay vẫn thế. Tôi hỏi thật nhé, ngoài mong muốn được giết giặc, bác cố kéo nài sung quân, phải có lý do thầm kín nào khác chứ?

Người lính tam phủ bối rối trông thấy. Da mặt bác đỏ lên, mắt tránh nhìn thẳng vào mắt Lãng. Lãng cười, nói:

– Bác nói thật, tôi sẽ cho bác sung quân.

Bác ta mừng rỡ, nói:

– Chẳng giấu gì ông, tôi nhớ Thăng Long quá. Cả thời son trẻ của tôi, ông hiểu. Tôi có thể kể tỉ mỉ từng nhà ở phố nào có cánh cửa ra sao, sân trước, rào giậu cao thấp rộng hẹp thế nào. Ra nhìn lại một lần, chết cũng mát ruột.

– Lý lẽ ấy chưa đủ. Còn gì khác nữa cơ!

Người lính cũ càng bối rối hơn. Bác quanh co một lúc, cuối cùng thú nhận:

– Trước kia thời làm lính Nhưng kiệu, ông biết, tôi cũng có số đào hoa lắm. Bạn bè tôi thì lãng nhăng bữa bãi, riêng tôi thì tính chuyện lâu dài. Cô ấy đã có với tôi một mụn con. Sau loạn tam phủ, tôi chạy về đây, không biết mẹ con thế nào.

Lãng xoa tay nói:

– Được rồi. Tôi giúp cho bác đoàn tụ gia đình. Nhưng, muốn vào Thăng Long phải đánh nhau với giặc đấy. Và nhớ không được quên trở lại Nghệ đấy nhé!

✱

Chỉ trong vài ngày, Hán hổ hầu đã tuyển được hơn ba vạn tân binh. Cộng thêm với quân lính tinh nhuệ gốc Thuận Quảng, Quang Trung đã có một đạo quân đông hơn mười vạn, chưa kể kỵ binh, thủy binh và một đội tượng binh gồm vài trăm voi chiến.

Nhà vua chia quân ra làm năm doanh: tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân và trung quân. Binh lính mới tuyển ở Nghệ An sung vào trung quân, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua Quang Trung. Sau khi sắp xếp xong đội ngũ, nhà vua cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn

tại trấn doanh Nghệ An. Khi Trần Văn Kỷ, Hán hủ hầu và đô đốc Bảo vào mời vua Quang Trung ra trước thềm dinh để tướng sĩ được ra mắt, nhà vua vui tươi hỏi quan Trung thư lệnh:

– Ông đã thấy dân áo vải chân đất hưởng ứng lệnh tuyển binh ra sao rồi chứ? Đâu có nhì nhằng như mấy ông đồ Nghệ! Có phải vì các ông đồ thuộc lòng sách Tàu nên e ngại không dám chống Tàu chẳng?

Trần Văn Kỷ nghiêm mặt, kính cẩn gật đầu. Trong thâm tâm, ông hơi phật lòng vì giọng chế giễu nhà nho của vua Quang Trung, tuy những điều nhà vua nói không phải không đúng. Nhà vua lại quay về phía Hán hủ hầu hỏi:

– Đủ một phần ba số đình chưa?

Hán hổ hầu kiêu hãnh đáp:

– Tàu Hoàng thượng, có dư thêm một ít đấy ạ.

Quang Trung cười:

– Dư à! Lấy gạo đâu để nuôi số dư đó. Ông lo hết nhé? Nghe nói ông định dùng chó săn để tìm lính phải không?

Hán hổ hầu bối rối đáp:

– Tàu Hoàng thượng, lúc đầu vì...

Nhà vua gạt đi:

– Ta không trách đâu. Nhưng phải nhớ không phải lúc nào cũng cần đến lưỡi kiếm. Mọi sự ngoài dinh xong xuôi cả chứ, đô đốc Bảo?

Đô đốc Bảo nghiêng mình nói:

– Vâng ạ.

Vua Quang Trung vừa ra đến thêm dinh, thì ba quân đồng loạt tung hô vạn tuế vang động cả một góc trời. Nhà vua mỉm cười nhìn khắp năm doanh, chờ cho tất cả đều im lặng, mới thân mật hỏi:

– Các người đứng lâu như thế có mỏi chân không?

Không ai dám trả lời rõ ràng. Từ thêm dinh trấn Nghệ An, nhà vua chỉ nghe một tiếng lao xao đáp lại. Nhà vua đưa tay ra trước bảo mọi người:

– Cho phép các người ngồi xuống cho đỡ mỏi.

Tiếng lao xao rộn rã vì mừng vui và khâm phục. Khi ba quân đã ngồi yên ngay ngắn, nhà vua mới nói:

– Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện chúng ở Thăng Long, các người đã

biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương nam phương bắc chia nhau mà cai trị. Người phương bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương bắc. Ở các thời ấy, bắc nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh đến đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy

đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng.

Các người đều là kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc. Ta không tha một ai. Lúc đó chớ bảo là ta không nói trước⁶⁸

Vua Quang Trung nói xong, tất cả đều im phăng phắc. Rồi đột nhiên không ai bảo ai, từ rụt rè đến sôi nổi, tất cả mọi người đều dùng hết sức mình hô to: “vạn tuế, vạn tuế”.

68 Hoàng Lê (bản dịch Hà nội, trang 359, 360).

Nhà vua vui mừng, quay lại nói với Trần Văn Kỷ:

– Cái hạn mười ngày của La sơn phụ tử chắc sai rồi. Không đến mười ngày đâu, ông Kỷ ạ!

Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân ra phòng tuyến Ba Dội, Biện Sơn.

Chương 95

Dù đô đốc Tuyết đã nhắc đi nhắc lại rằng vua Quang Trung không hề giận dữ khi nghe tin quân Bắc Hà đã rút lui về Ba Dội, Ngô Văn Sở vẫn hoang mang e ngại khi phải ra mắt nhà vua. Quan đại tư mã chùng chình chờ đủ mặt nội hầu Phan Văn Lân và thị lang Ngô Thì Nhậm mới chịu cùng đến gặp Nguyễn Huệ. Nhà vua không chờ cả ba yên vị, đã cau mặt trách:

– “Các người đem thân đi theo việc binh, đã lên ngôi tướng sủng, ta đã giao

cho tất cả mười một tuyên, lại cho tùy nghi làm việc. Giặc đến chưa đánh trận nào, mới nghe thấy tiếng đã ù chạy. Binh pháp nói rằng: “Quân thua thì chém tướng”. Tội các người đáng chết một vạn lần mới xứng⁶⁹”

Lúc đó Phan Văn Lân và Ngô Thì Nhậm còn trù trù chưa biết ngôi chỗ nào, còn quan đại tư mã thấy nhà vua liếc về phía cái trường kỷ gỗ lim đặt trước sập, tưởng vua Quang Trung cho phép ngồi, đã định ghé xuống góc ngoài. Nghe vua trách cứ, Ngô Văn Sở vội đứng thẳng dậy. Cả ba người đứng trân, hồi hộp chờ đợi cơn bão kế tiếp. Trong phòng, có thể nghe cả tiếng gió thổi vi vút qua đám lá thông bên kia cửa sổ. Trừ Ngô Thì Nhậm dám nhìn thẳng về phía trước mặt, hai viên võ tướng kia cúi gầm mặt xuống.

69 Trích Hoàng Lê, bản dịch Ngô Tất Tố trang 105-106.

Đúng lúc căng thẳng ấy, Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân nghe giọng nhà vua dịu lại:

- Nhưng ta nghĩ rằng: Các người đều là kiện tướng, tự nhiên gặp giặc là đánh, sợ đến lúc lâm cơ ứng biến thì không đủ tài. Trước kia ta phải để Ngô học sĩ ở lại cộng sự với các người chính là lo sẵn chỗ đó. Bắc Hà mới yên, lòng người chưa qui phục. Thăng Long lại là một thành trống trải có thể bị đánh bốn mặt, sông núi không có chỗ nào có thể nương tựa. Năm trước ta ra đó, quả nhiên chúa Trịnh không thể chống nổi. Đó là chúng nghiệm. Các người đóng quân trợ trợ ở đây, quân Thanh kéo sang, người Bắc Hà nào cũng có thể làm nội ứng cho chúng, thì các người nhắc chân nhắc tay sao được? Chịu nhịn để tránh sức mạnh ban đầu của chúng, đành phải chỉnh đốn đội

ngũ rút về giữ chỗ hiểm yếu, trong thì khiến cho lòng quân kích thích, ngoài thì khiến cho giặc kiêu căng, đó là một kế rất hay. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là Ngô học sĩ đây chủ trương. Lúc hỏi ông Tuyết, thì quả đúng như vậy.

Ngô Thị Nhậm cảm động đến ngạt thở, tiến tới trước một bước, lạy tạ hai lạy. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân cũng mừng rỡ, ngược lên hướng về phía nhà vua cười lỏn lẻn, rồi nhớ đến nghi thức cần có, vội nghiêm mặt lại. Da mặt cả hai đều ửng hồng. Nhà vua trở chiếc tràng kỷ và một cái ghế gỗ trước mặt, ân cần nói:

– Các người ngồi xuống đi. Ngô thị lang, ông ngồi phía bên này. Nghe nói ông với Phan thị lang đã bị tên “rước voi công rắn” đó truất hết quan tước, về

quê làm thứ dân, gánh vác sai dịch, có không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

– Tâu Hoàng thượng, sự thực có như thế.

Vua Quang Trung cười lớn và nói:

– Quan tước cựu triều các ông đã vút trả từ lâu rồi, có còn đâu nữa mà truất? Những ai cùng chịu nạn với ông?

– Tâu Hoàng thượng: hai vị lão thần Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên vì đã ra trình diện ở bộ Lễ trước đây, Trương Đăng Quĩ theo hộ giá nửa đường lại bỏ nên cả ba bị biếm xuống làm chức tư huấn. Nguyễn Quý Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tấn viết thư nói việc Sùng nhượng công đã làm giám quốc theo kế hoãn binh của quan đại tư mã, nên bị hạ ngục. Ngoài

ra còn có ba vị hoàng thúc từng cộng tác với chúng ta, có vị gả con cho quan Tây Sơn, nên bị chặt chân vất ra chợ cung.

Vua Quang Trung nhúu mày hỏi:

– Tự hoàng trẻ tuổi, nhút nhát, mà dám làm những việc ác độc như thế à?

Ngô Văn Sở chen vào đáp:

– Bẩm Tướng công, việc gì hãn cũng nghe theo lời xúi giục của Lê Quýnh.

Vua Quang Trung hỏi liền:

– Lê Quýnh, tên nào thế?

Ngô Văn Sở liếc về phía Ngô Thì Nhậm, nhường lời cho quan thị lang vì biết mình không thể thông thạo nhân sĩ Bắc Hà cho bằng Nhậm. Ngô Thì Nhậm đáp:

– Tàu Hoàng thượng, Quỳnh quê ở làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, vốn là tay phong lưu công tử khi trẻ chỉ biết uống rượu đánh bạc, văn sự võ bị đều ít luyện tập. Trước đây vì là con nhà quyền quý, nên được làm gia thần của vua Lê. Đến hồi quân ta kéo ra, vua Lê sai Quỳnh đi hầu thái hậu chạy lên Cao Bằng. Vì bị đuổi gắt không thể không chạy sang Tàu, Quỳnh có hơi biết chữ nghĩa, cho nên lúc nói chuyện với người Tàu, thốt ra nhiều câu ba hoa khoác lác. Sĩ Nghị không xét chỗ đó, liền đem lời Quỳnh tâu lên. May được vua Thanh ứng chuẩn. Cả bọn theo gót quân Thanh về nước, từ đó Quỳnh tự cho đó là công của mình. Sau khi về đến Thăng Long, Quỳnh liền ra sức báo ân báo oán, ăn đút ăn lót, làm nhiều việc chẳng ra gì. Hết thầy hào kiệt đều không thích Quỳnh, nhưng

vua Lê vì thấy Quýnh có công, nên mới giao cho hắn nắm binh quyền⁷⁰

Vua Quang Trung gật gù, rồi nói:

– Thời suy yếu nào cũng nảy sinh bọn ăn hại đó. Luật trời buộc phải như vậy. Tôn Sĩ Nghị có tin hắn không?

Ngô Thì Nhậm đáp:

– Tàu Hoàng thượng, hắn dắt Nghị về cho vua Lê nên muốn truyền gì, Nghị cũng nói qua hắn. Ngược lại, đi đâu vua Lê cũng dắt hắn theo. Ngày ngày tan buổi hầu, vua Lê tự đến dinh Nghị ở bờ sông Phú lương, chờ nghe việc quân quốc. Lần nào cũng vậy, vua Lê cưỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh đi sau, quân lính theo hầu chỉ vài chục tên. Người trong kinh thành không ai biết đó là vua Lê. Những ai biết thì đều lắc đầu ngao ngán, than

⁷⁰ Hoàng Lê, bản dịch Ng ô Tất Tố, trang 302, 303.

rằng: Nước Nam từ khi có đế có vương đến nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luôn cúi đầu hèn như thế.

Vua Quang Trung mỉm cười, nói chậm:

– Tốt. Tốt lắm. Tự hoàng do tay ta gây dựng nên, làm gì ta không biết sức hấn đến đâu. Hấn yếu đuối quá, nên luôn luôn phải tìm một chỗ dựa, mới yên tâm. Ta không ngạc nhiên khi thấy trên các tờ hịch chiêu mộ nghĩa quân của hấn không đề niên hiệu Chiêu Thống, mà lại đề Càn Long. Làm như nước Nam này trở thành quận huyện của triều Thanh rồi!

Có lẽ tự nhận thấy từ đầu đến giờ chỉ hỏi Ngô Thì Nhậm khiến hai viên võ tướng thân cận ngồi không yên trên tràng kỷ, nên vua Quang Trung quay về phía Sở và Lân hỏi:

– Còn tình hình quân Thanh thế nào, các ông có nắm được không?

Ngô Văn Sở vội đáp:

– Bẩm Tướng công... tàu Hoàng thượng, quân Thanh ở các đồn tự tiện bỏ cả đội ngũ, lang thang ra ngoài, không còn ước thúc gì nữa! Có kẻ đi ra khỏi thành đến hơn mười dặm để kiếm củi đun, có kẻ đi chợ búa mua bán với dân gian, sớm đi tối về là thường. Tướng sĩ thì ngày ngày chơi bời ăn uống, chẳng nhìn gì đến việc quân. Hễ ai nhắc đến việc quân ta đang mài gươm ở đây, thì chúng đáp: “Chúng nó như cá chậu, chim lồng, sống sót ngày nào hay ngày ấy, không đáng nói đến. Theo quân lệnh của quan lớn Đốc bộ (Tôn Sĩ Nghị), sang xuân, mồng sáu tháng giêng, mới kéo quân thẳng vào sào huyệt Tây Sơn. Lúc đó, đảng giặc sẽ lần lượt làm tù, không

đứa nào xổng vó⁷¹”

Vua Quang Trung đưa tay ngăn Sở nói tiếp, hỏi dồn:

– Mông sáu tháng giêng? Chúng nó nói khoác hay là có tin chắc chắn?

Ngô Văn Sở ngược cao mặt, đáp rõ:

– Bẩm... tàu Hoàng thượng, tin ấy chắc chắn.

Nhà vua chồm tới trước hỏi:

– Ông dựa vào đâu khác không? Chẳng lẽ cả tin vào lời bọn say rượu nói khoác?

– Tàu Hoàng thượng, tin thám tử từ Thăng Long báo về cũng nói y như thế. Thấy quân Thanh chùng chình mãi, bọn cựu triều từng rước quân Thanh về cho

71 Hoàng Lê, trang 300.

Chiêu Thống cũng phải đâm sọt ruột. Nghe đâu... (Sở ngập ngừng, liếc về phía Ngô Thì Nhậm, do dự một chập, rồi mím môi nói tiếp) có một viên quan từng làm phó hiến ở Kinh Bắc⁷² dựng sớ thúc giục Chiêu Thống nên tức chiến. Chiêu Thống cuống lên, sai Lê Quýnh vào thưa lại với Sĩ Nghị. Nghị mắng cho một chập, sau đó vẫn án binh bất động. Về sau, thái hậu lại giục. Đích thân Chiêu Thống cùng Lê Quýnh vào dinh khẩn khoản xin Nghị ra quân. Nghị lại mắng như tát nước cho một trận nữa, rồi hẹn đến mồng sáu năm mới sẽ xuất sư.

Vua Quang Trung trầm ngâm một lúc thật lâu, miệng lẩm bẩm: “mồng sáu tháng giêng... mồng sáu tháng giêng”. Cả phòng im lặng. Thật lâu về sau, đột nhiên nhà vua hỏi Sở:

72 Tức Ngô Tử Long Đạo, chú của Ngô Thì Nhậm.

– Còn dân chúng thì thế nào? Ông có chú ý đến lòng dân đối với chúng nó hay không?

Ngô Văn Sở đáp:

– Tàu Hoàng thượng, dân chúng oán ghét quân Thanh và bọn bán nước vô cùng.

Vua Quang Trung cắt lời Sở, hỏi:

– Ông suy bụng ông phải không?

Sở liền đáp:

– Tàu... không ạ. Duyên do lòng oán ghét đó rất rõ ràng đơn giản. Quân Thanh qua đây đông, “đường tiếp tế lương thực thì xa, nên bao nhiêu lương tiền vua Lê thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch”⁷³

⁷³ Cương mục, tập XX, trang 60.

Nội hầu Phan Văn Lân cũng mạnh dạn thêm lời:

– Hơn nữa, bọn khách trú cũng lộng hành quá lắm. ở phường Hà khẩu trong kinh thành, ở phố Cơ xá của trấn Kinh bắc, và phố Hiến của trấn Sơn nam, khách trú có hơn một vạn. Chúng đều theo quân của Nghị, thành lập hẳn một trại riêng. Bọn đó biết tiếng Nam, nên hằng ngày cho lòng bắt những ai từng làm việc cho chúng ta đem về khảo của, cướp hết tiền bạc rồi giết đi. Mỗi ngày số nạn nhân lên đến ba bốn chục. Ai có máu mặt giàu có, là bị chúng đặt điều vu hãm để chiếm đoạt tài sản. Nhiều hôm, chúng dám cướp bóc, hãm hiếp đàn bà con gái ngay giữa chợ, không kiêng nể ai cả!

Vua Quang Trung bậm môi, giận dữ nói lớn:

– Quân bất nhân, chúng nó tưởng Trời không có mắt ư! Các ông họp quân sĩ lại kể hết cho họ biết.

Rồi hạ thấp giọng, nhà vua ân cần bảo cả ba người:

– “Nay ta tự coi đốc tướng sĩ, phương lược tiến đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được giặc Thanh. Nhưng ta nghĩ: nó là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua trận, thế nào cũng hỏ thẹn nên cố báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải phúc cho dân. Lòng ta không nỡ làm vậy. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói cho khéo thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh. Việc ấy, phi Ngô thị lang đây không ai làm nổi. Đợi mười năm nữa, ta đủ thì giờ gây nuôi, nước giàu thêm quân mạnh thêm, thì ta có sợ gì nó⁷⁴!”

⁷⁴ Hoàng Lê, trang 306.

Một lần nữa, Ngô Thì Nhậm cảm thấy máu dồn rạo rục trong người, hai thái dương nóng bừng. Mắt ông hơi hoa, nên hình ảnh vị hoàng đế trẻ tuổi uy dũng đang ngồi chống tay lên gối mỉm cười trước mặt ông hơi nhoè, và lung linh. Một thứ cảm giác ngây ngất như say rượu xâm chiếm toàn thân Nhậm. Ông nhìn đắm đắm về phía vua Quang Trung, mắt rục sáng, nhưng cổ họng ông nghẹn nên ông không thể nói được câu nào. Quan đại tư mã chấp tay thưa:

– “Hoàng thượng thật là lo xa, chúng tôi ngu đần không thể nghĩ tới chỗ đó. Hiện nay phương lược tiến đánh ra sao, dám xin Hoàng thượng chỉ bảo, để chúng tôi tuân lệnh mà làm⁷⁵”

Nhà vua cười to, bảo:

75 Hoàng Lê, trang 306.

– Vội gì. Tối nay họp tất cả các tướng, ta sẽ nói kỹ hơn.

✱

Một điều khác thường có thật, là từ hôm xuất sư, đây là lần đầu tiên Lãng được nói chuyện với Nguyễn Huệ. Hôm 25 tháng mười một, Nguyễn Huệ kinh ngạc khi thấy Lãng mặc lễ phục bưng chiếc mâm bạc đựng áo cổn và mũ miện. Nhà vua không có dịp hỏi tại sao Lãng có mặt trong lễ đăng quang. Sau lễ, mọi sự xảy đến dồn dập; bị cuốn vào biến cố lịch sử sôi sục cuồng nộ, với nhịp chiêng trống giục giã, tiếng ngựa hí voi thét, với cảnh quân sĩ ùn ùn tiến ra phía trước như nước lũ, chính vua Quang Trung cũng cảm thấy mình mất mình. Nhà vua quên cả đói khát, đầu lúc nào cũng ngáy say,

lòng nôn nao. Không phải vì mệt nhọc mà ban đêm nhà vua trằn trố không an giấc. Nhà vua cảm thấy có một cái gì thật lớn lao đang thành hình, như một cơn bão, hoặc một trận lụt lớn. Cái gì làm lay đổ đến tận gốc những nền móng cố cựu, và dựng nên một trật tự mới, cái gì vượt quá sức tưởng tượng của nhà vua!

Giữa tâm trạng đó, Nguyễn Huệ còn tâm trí đâu để nhớ đến một thắc mắc nhỏ: thắc mắc về Lãng.

Cho nên dù đôi ba lần nhà vua có thấy Lãng giữa các tướng sĩ, hoặc giữa các cận thần, nhà vua vẫn không xem đó là điều bất thường.

Phải đến buổi chiều hôm ấy, một mình gặp Lãng trước doanh trại chỉ huy, vua Quang Trung mới nhận thức được hết sự khác thường. Lãng thấy nhà vua

chấp tay sau lưng lững thững đi về phía mình, đã muốn tìm cách lánh sang hướng khác. Nhưng muộn rồi. Vua Quang Trung trông thấy Lãng, sau một thoáng bờ ngỡ, đã thân mật gọi Lãng đến hỏi:

– Cậu đấy ư? Có việc gì không?

Lãng lúng túng và sợ hãi, lí nhí đáp:

– Tàu Hoàng thượng, thần...

Nhà vua cắt lời Lãng:

– Thôi, khỏi phải tàu bẩm gì cả. Nói chuyện bình thường như trước kia đi. Cậu xếp đặt xong được việc nhà để theo quân được sao?

Lãng ngược nhìn nhà vua, không dám đáp ngay câu hỏi. Thấy Lãng vẫn còn lúng túng, gần như sợ sệt, vua Quang Trung cười:

– Làm gì như gà mắc đẻ thế? Tại sao Lãng không tự nhiên được với ta như trước đây? Ta đổi khác chăng?

Lãng cúi mặt, đáp nhỏ:

– Tâu... bẩm không phải thế.

Giọng nhà vua dịu dàng hơn:

– Hay vì vụ đó mà cậu giận ta?

Lãng xúc động, đánh bạo ngược lên hỏi:

– Hoàng thượng đã biết gì chưa?

– Biết gì?

– Chị ấy đã dẫn hai con trốn khỏi Phú Xuân rồi!

Vua Quang Trung đang mỉm cười, chợt đổi sắc mặt. Nhà vua nhìn đăm đăm vào mắt Lãng, hy vọng vừa có một điều

lầm lẫn nào đó. Hai người e ngại nhìn nhau, không ai nói gì. Một lúc sau, vua Quang Trung hỏi, vừa e sợ vừa hy vọng:

– Thật thế ư? Sao lại trốn?

Lãng đáp, giọng lạc đi vì xúc động:

– Tối hôm ấy, trước lễ đăng quang một ngày, chị ấy có vẽ nguôi nguôi. Chị ấy cam đoan sẽ cố gắng quên hết, để nuôi con. Nhưng...

Nhà vua bực dọc hỏi:

– Sao Lãng không báo cho ta ngay?

Lãng thú thật:

– Dạ hôm sau là ngày đại lễ...

– Lãng có gặp ta trên đàn Nam giao mà! Sao không báo cho ta biết ngay lúc ấy?

Lãng im lặng, không biết trả lời thế nào. Nhà vua càng bức dọc hơn, giọng hỏi gay gắt:

– Ta đã nhờ cậu việc gì, cậu nhớ không? Thấy cậu dự lễ lên ngôi rồi đi theo quân, ta tưởng mọi sự đều êm đẹp. Ai ngờ... sao cậu không ở lại để tìm cho ra tông tích? Ai buộc cậu theo quân đâu?

Lãng đáp nhỏ, như sợ Nguyễn Huệ nghe thấy:

– Sáng hôm ấy, tôi đã tìm khắp cả nhưng không thấy được gì. Chỗ quen biết cũ, ở bến đò, kể cả các quán trạm ngoại thành.

– Nhưng trước đó, cô ấy có nói gì về ta không?

Lãng không dám thuật lại những lời chua chát của An, nên đáp:

– Thưa không.

– Hay là... cả ba mẹ con đã đại đột...

Lãng hiểu ý, vội nói:

– Thưa có lẽ không đến nỗi thế. Chị ấy thương con, không bao giờ dám liều thân thế đâu.

Vua Quang Trung ray rút không đứng yên được một chỗ, bỏ Lãng đứng một mình, cúi đầu chấp tay sau lưng đi qua đi lại suy nghĩ. Nhà vua dừng lại trước Lãng, do dự, rồi hỏi:

– Hay cậu quay trở lại Phú Xuân được không? Nhưng... chậm quá rồi. Mồng sáu tháng giêng... Mồng sáu... Chờ đến mồng sáu năm mới... Ý cậu thế nào?

Lãng nhớ lời chị, cảm động, giọng nói hơi nghẹn:

– Tối hôm ấy, chị dặn nên rán theo Hoàng thượng để lập công trận này. Chị ấy bảo thế nào cũng thắng lớn.

Vua Quang Trung vô vập hỏi:

– Cô ấy cũng nghĩ thế sao? Thôi được. Ta sẽ ra lệnh cho ngựa trạm đem thư gấp về cho quan thái sử (Bùi Đắc Tuyên). Ông ấy sẽ tìm giùm cho. Còn cậu thì cứ theo quân. Hiện cậu thuộc doanh nào đấy?

– Thừa ở với đô đốc Bảo.

Nhà vua nói ngay:

– Ta sẽ bảo đô đốc cho cậu về ban chỉ huy. Cậu lại làm việc với ông đồ Kỷ, lo ghi chép tỉ mỉ diễn biến trận đánh này. Cậu đang chép sử cho đời sau đấy. Nhớ đừng ghi theo cái kiểu hồi trước, lúc cậu theo ta đánh Gia Định. Nhớ nhé!

Lãng chớp chớp mắt để nén cảm xúc,
đáp nhỏ:

– Cảm ơn Hoàng thượng.

Vua Quang Trung xua tay:

– Không. Phận sự của ta đây thôi! Ta
thật có lỗi với thầy!

✱

Hai ngọn đuốc sáng rực chiếu lên
khuôn mặt rắn rỏi, rám nắng của các
tướng lãnh. Bóng họ hiện mờ mờ lên trên
vách bản doanh. Một cái bóng khác cao
hơn, in đậm lên trên tấm vách giữa tấm
bản đồ trải rộng lấp cả chiếc sập thấp. Sát
bên chỗ vua Quang Trung đứng, đã đặt
sẵn một hộp vuông đựng nhiều thanh gỗ
sơn màu xanh, đỏ; và một chiếc gậy trúc

vàng có bịt bạc ở hai đầu. Nhà vua hất hàm về phía Ngô Văn Sở bảo:

– Giặc bố trí quân thế nào, ông bắt đầu đi.

Quan đại tư mã quay ra phía sau, nội hầu Lân chuyển cho ông một thanh gỗ mun dài độ sáu tay. Ngô Văn Sở cúi xuống lấy vài thỏi gỗ đỏ trong hộp, hắng giọng rồi nói:

– Tàu Hoàng thượng, ngay khi mới vào Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị đã cho đóng quân hai bên sông Phú Lương, và đóng bản doanh ở đây, chứ không chịu đưa hết quân vào kinh thành. Để tiện việc liên lạc, hắn cho bắc một chiếc cầu phao, ở đây.

Ngô Văn Sở dùng đầu cây thước mun đẩy hai thanh gỗ đỏ đến chỗ vẽ sông Phú

Lương trên bản đồ, đánh dấu nơi đóng quân của Tôn Sĩ Nghị. Vua Quang Trung giơ tay ngăn lại, dùng chiếc gậy trúc lùa hai thỏi gỗ đỏ về phía mình. Tất cả các tướng đều ngạc nhiên, ngừng lên chờ đợi. Nhà vua lấy hai thỏi gỗ sơn xanh quăng về phía sông Phú Lương, mỉm cười bảo Ngô Văn Sở:

– Hãy dùng màu xanh. Màu đỏ là màu cờ đào, dành để chỉ đồn trại của quân ta.

Các tướng lãnh gật đầu tỏ ý tán thưởng lời nói của vua Quang Trung. Ngô Văn Sở tiếp:

– Về sau, hấn cho đắp ba lũy đất để phòng ngự mặt nam: lũy đầu tiên ở Thanh Liêm, mạn bắc sông Thanh quyết; lũy thứ nhì ở Nhật Tảo, lũy thứ ba ở Ngọc Hồi. Hấn chú trọng phòng vệ chặt chẽ

mặt nam nên lập hai đồn thật kiên cố ở Ngọc Hồi và Hà Hồi. Hai đồn ấy ở đây và đây.

Ngô Văn Sở đẩy hai thỏi gỗ xanh về chỗ Ngọc Hồi, Hà Hồi trên bản đồ. Vua Quang Trung hỏi:

– Đồn nào quan trọng hơn?

Ngô Văn Sở đáp:

– Tàu Hoàng thượng, đồn Ngọc Hồi kiên cố nhất vì đông quân, hỏa lực mạnh, chung quanh đồn có đặt địa lôi và cắm chông sắt. Tướng chỉ huy ở đó đều là tướng giỏi như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thanh. Có thể nói lực lượng chính yếu phía nam của quân Thanh dồn hết về đây.

Nhà vua lại hỏi:

– Từ hai đồn ấy về phía Nam còn những chận nào nữa?

Ngô Văn Sở đẩy ba thỏi gỗ xanh ra phía trước, giải thích:

– Tàu Hoàng thượng, còn có đồn lũy ở Nhật Tảo và Thanh Liêm. Gần đây nhất là đồn Gián khẩu do quân của Chiêu Thống trấn giữ.

Vua Quang Trung ngạc nhiên, hỏi:

– Hẳn dám gửi quân đến tận đây làm bia đỡ đạn cho quân Thanh hay sao?

Ngô Văn Sở đáp:

– Đây là điều khổ tâm cho Chiêu Thống. Hắc và Lê Quýnh đến dinh họ Tôn xin xuất sư sớm. Sĩ Nghị hẹn mồng sáu năm mới sẽ ra quân, rồi còn giận dỗi bảo Chiêu Thống nếu nóng ruột cứ đưa một đạo quân đi trước. Hai thầy trò trở

ra tiến thoái lưỡng nan, sợ Nghị chê là hèn nhát, nên Chiêu Thống đẩy việc khó cho Quýnh. Quýnh sợ, lại đẩy cho trấn thủ Sơn Tây. Cuối cùng, quân Sơn Tây phải đưa cả bản bộ xuống Gián khẩu lập đồn tiền tiêu che đạn cho bọn giặc ngoài.

Nhà vua gật đầu, suy nghĩ một lúc, rồi hỏi:

– Còn ở mặt tây, chúng đóng quân ở đâu?

Ngô Văn Sở đáp:

– Ô Đại Kinh đóng quân ở Sơn Tây. Sát phía tây nam Thăng Long, tàu Hoàng thượng, ở chỗ này, có đồn Khương thượng chứa mấy vạn quân Diên châu, Triều châu của Sầm Nghi Đống. Quân ở đây ô hợp, tướng cũng không giỏi như bên đồn Ngọc Hồi.

– Còn phía bắc?

– Tàu Hoàng thượng, phía bắc chỉ có một vài đồn nhỏ và yếu ớt của quân Chiêu thống do Lê Duy Chi chỉ huy.

Vua Quang Trung cầm gậy trúc trở vào bản đồ bảo tất cả các tướng:

– Như vậy quân giặc lo mặt thủ hơn là công. Trong việc phòng thủ, chúng chỉ chú trọng phía nam. Các người xem đây, mấy vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy ở hai bên sông Phú Lương, nếu đúng như ông Sở vừa nói, có vẻ như đang chờ lệnh xuất sư hơn là giữ vai phòng vệ. Cái cầu phao đó dùng để hóng gió mát thì tiện. Lúc giáp trận, các người sẽ thấy, không ổn đâu. Mặt tây nam Thăng Long cũng không phải là cánh chủ công. Ô Đại Kinh ở Sơn Tây càng không được việc. Hắn chỉ giữ vai dự bị, phía trước tiến thì

hắn hậu tập, phía trước gặp khó, có lẽ hắn chạy trước hơn ai hết. Phía đông và bắc do quân Chiêu Thống chống giữ, không đáng kể. Nói tóm lại, cái bức tường ta phải húc cho đổ để vào Thăng Long, là mặt trận phía nam. Các người nắm được địch tình từ bao lâu nay, các người thấy có đúng thế không?

Nội hầu Phan Văn Lân nói:

– Tàu Hoàng thượng, Tôn Sĩ Nghị tuy ngoài mặt huênh hoang khoác lác, nhưng trong ruột cũng ngại lắm. Hắn cho thám tử len lỏi thật xa để nắm động tĩnh của ta. Mới hôm qua, ta bắt được hai thám tử là khách trú ở phố Cơ xá trấn Kinh bắc trước đây. Chúng khai có nhiệm vụ xuống tận Gián khẩu để nghe ngóng tình hình ở Tam Điệp.

Vua Quang Trung cau mày hỏi xằng:

– Ông vừa nói gì đấy? Tam Điệp ư?

Phan Văn Lân vẫn lo sợ bị vua Quang Trung chê trách vụ thua trận ở sông Nguyệt Đức, nên tưởng nhà vua bắt đầu kiểm có trách phạt mình, cúi đầu không dám nói gì nữa. Nhà vua nghiêm mặt hỏi:

– Có phải ông vừa nói Tam Điệp không?

Phan Văn Lân đáp nhỏ:

– Tàu Hoàng thượng, vâng ạ.

Vua Quang Trung tiếp ngay:

– Tam Điệp! Dân chúng họ gọi núi Ba Dội, sao ông lại dịch ra chữ Hán làm gì!

Các tướng vỗ lể, mừng giùm cho Phan Văn Lân. Nhà vua nói:

– Nhưng đó chỉ là điểm nhỏ. Ý của ông Lân thật đáng chú ý. Các đồn tiền tiêu lẻ tẻ phía trước, nếu ta không diệt gọn, bọn tàn quân sẽ chạy về báo cho đại quân phía sau. Cho nên ta phải tính kỹ, và phải đánh thật mau, diệt thật gọn. Chúng đã hẹn mồng sáu tháng giêng sẽ xuất sư. Ta phải vào Thăng Long trước mồng sáu. Các người có dám không?

Cả phòng đều nhất loạt đáp:

– Tàu Hoàng thượng, dám.

– Khá lắm.

Nhà vua lại dùng chiếc gậy trúc giảng giải hướng tiến quân sắp tới:

– Ta chia quân làm năm đạo để tiến công⁷⁶

76 Từ đây trở xuống dựa theo ý của Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng trong Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, từ trang 230-231.

Đạo quân thứ nhất là đạo chủ lực do chính ta chỉ huy, ông Sở và ông Lân làm tiên phong, Hán hổ hầu làm hộ quân đốc chiến. Đạo quân này sẽ gồm cả bộ binh, tượng binh, k binh, làm nhiệm vụ đánh vào mặt trận chính của giặc, trên đường phía nam kinh thành Thăng Long. Nặng đấy! Phải đứng mũi chịu sào, húc vào Hà Hồi, Ngọc Hồi trước khi đến kinh thành, hai ông có ngại không?

Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đều đáp:

– Tâu... Không ngại gì cả!

Nhà vua cười:

– Có ngại cũng không được. Các ông mang tội bỏ thành, bây giờ phải chiếm lại thành. Không chiếm được, phải tội chém!

Nhà vua quay về phía đô đốc Tuyết, tiếp lời:

– Đạo quân thứ hai đi đường thủy do đô đốc Tuyết chỉ huy, tiến vào sông Lục đầu diệt cho được quân Chiêu Thống ở Hải Dương, rồi tiến lên uy hiếp cạnh sườn phía đông của quân Sĩ Nghị đóng ở bờ sông Phú Lương.

Đạo quân thứ ba do đô đốc Lộc chỉ huy, cùng đi đường thủy với đạo quân của ông Tuyết. Nhưng vào đến sông Lục Đầu rồi thì ông Lộc phải đưa quân đi gấp lên các hạt Phượng nhỡn ở đây, Lạng Giang ở đây, Yên Thế chỗ này, để chặn đường chạy về của quân Thanh.

Đạo quân thứ tư do đô đốc Bảo chỉ huy, gồm tượng binh và kỵ binh, theo đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, ở chỗ này, ngay phía tây nam đồn Ngọc Hồi.

Ông Bảo phải phối hợp chặt chẽ với đạo chủ lực để đánh Ngọc Hồi. Lúc nào cần nằm yên ém quân, lúc nào khai hỏa, ta sẽ báo cho biết sau.

Đạo quân thú năm cũng gồm tượng binh và kỵ binh do đô đốc Đông chỉ huy. Đạo quân này có nhiệm vụ đánh bất ngờ vào Thăng Long, phải tiến vào kinh thành trước tất cả các đạo quân kia, làm cho toàn bộ quân địch quanh Thăng Long phải hoang mang tan rã mau chóng. Ông Đông phải theo đường này, từ Chương Đức tiến theo hướng Sơn Tây. Không phải lên tận Sơn Tây để khiêu chiến với Ô Đại Kinh đâu. Ông rẽ quặt sang làng Nhân mục ở phía này, rồi tạt ngang sang tập kích đồn Khương thượng cho ta. Diệt xong Khương thượng, điều đó dễ phải không, ông tiến vào Thăng Long theo cửa tây, một mặt tiến công đại bản

doanh của Nghị ở Tây Long, một mặt chặn bắt tàn quân Thanh từ Ngọc Hồi, và các đồn phía nam chạy về. Có quá nhiều việc không?

Đô đốc Đông mạnh bạo đáp:

– Tàu, không ạ.

– Ông vào Thăng Long trước, nhớ không được để xổng Tôn Sĩ Nghị đấy.

Cả phòng họp đều cười ồ. Đô đốc Đông hãnh diện đáp:

– Tàu Hoàng thượng, hấn chạy chậm hơn tôi.

Cả phòng lại cười. Nhà vua vui vẻ nói:

– Các người chớ cười trước khóc sau đấy!

Rồi dùng gậy trúc gạt phẳng tất cả các thỏi gỗ xanh trên bản đồ sang một bên, vua Quang Trung lớn tiếng bảo:

– Ta hẹn với các người trong vòng năm ngày sẽ diệt tan quân xâm lược. Ba mươi Tết ta cho xuất quân. Vào Thăng Long trước mồng sáu. Ngày cuối năm Thân, cho quân sĩ ăn Tết nguyên đán ở đây trước. Hẹn với anh em: đến ngày mồng bảy, gặp nhau đông đủ trong thành Thăng Long sẽ mở tiệc lớn, ăn Tết lần nữa. Các người hãy ghi lấy lời ta xem có đúng thế không⁷⁷?

Sau đó, nhà vua ra lệnh giải tán. Các tướng rời khỏi đại bản doanh, trở về đơn vị lúc sương khuya bắt đầu xuống. Ở khắp các trại, lửa bếp nấu bánh chưng

⁷⁷ Theo Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 33.

hãy còn lập lòe, làm xao xuyến cả sương
khuya.

Chương 96

Công việc vua Quang Trung giao cho Lãng không dễ dàng như anh tưởng!

Trước hết, lúc nào những lời cảnh cáo nhẹ nhàng của Nguyễn Huệ mấy năm trước đây (lúc anh ghi nhật ký chiến dịch ở Gia Định), cũng luôn luôn ám ảnh Lãng. Lọc bỏ không thương tiếc các xúc động riêng tư, sổ toẹt những chuyện bên lề, chỉ giữ lại cái sườn biên niên của lịch sử, làm như vậy có khác nào lọc bỏ hết da thịt để lịch sử chỉ còn

là một mớ xương xấu ghê tởm đủ mùi tanh lôi cuốn lũ ruồi nhặng và làm cái cơ cho bọn bán thịt chuyên nghiệp lên mặt vênh váo. Ngày đó tháng đó nhà vua se mình! Ngày đó tháng đó, ông hoàng bà chúa này nọ ra đời. Ngày đó tháng đó có nhật thực. Ngày đó tháng đó nhà vua lập đài cầu đảo... Lãng không chịu được bấy nhiêu cái thừa thãi vô lối đầy đặc trong sử sách cổ kim. Làm như một cơn cảm mạo của vua chúa cũng đủ làm cho thiên hạ và trời đất xôn xao rung động. Càng ngày Lãng càng có cảm tưởng như cuộc sống tràn trề sôi động quanh anh đã, đang và sẽ sinh sôi nẩy nở, trưởng thành và mai một theo qui luật bí nhiệm nào đó, cùng qui luật đã khiến cho hoa nở vào mùa xuân, kết trái dưới nắng hạ, đổi áo vào mùa thu và tạm thời héo úa trong gió đông để chuẩn bị phục sinh. Qui luật ấy ở ngoài tầm gươm giáo của

vua chúa, nhà ngục không thể khiến nó khép nép qui gối, sợ hãi không khiến nó đổi hình. Nó ở ngoài tầm ước muốn hay tham vọng của con người. Bằng chứng ư? Dù là Nghiêu Thuấn hay Kiệt Trụ, hiền triết hay đạo tặc, dù có dùng hết châu báu của quốc khố để luyện đan, không ai trong khoảng trời đất này có thể chống lại được chiều năm tháng. Một nếp nhăn trên trán, một cơn thao thức mất ngủ, sợi tóc bạc trên đầu, chỉ cần vài cái nhỏ nhặt thường thấy cũng đủ chứng tỏ sức mạnh tuyệt đối của qui luật ấy. Nó tràn trề sung mãn và biến đổi dưới muôn hình vạn trạng, đến nỗi chữ nghĩa thánh hiền cũng chỉ lột được một phần rất nhỏ của nó, như người ta ngu ngơ đưa bàn tay ra chụp gió thổi. “Đạo” của Lão tử, “Thiên mệnh” của nho gia là hạt bụi vất vơ còn dính lại trên lớp nhờn của bàn tay tham lam ngu ngơ ấy. Đáng thương thay, cái

tham vọng muốn thu về một mối, muốn dựng một đài trí tuệ để bao trùm từ cái lớn như trăng sao cho đến cây tăm sợi chỉ của người dân đen. Muốn làm cái rún của trời đất, rồi sai bảo bọn văn nhược ghi chép tỉ mỉ từng cơn ho hen se mình, từng đêm hành lạc mỗi mệ vào giấy để làm sử, che giấu cả sự yếu đuối lẫn cơn hiếu sát ngông cuồng bằng “ý Trời”, chao ôi, đáng thương mà cũng đáng giận biết bao nhiêu!

Có thể tính mẫn cảm đã khiến cho Lãng nhảy từ cái cực đoan này sang cực đoan khác, không cho anh bình tĩnh kh-iêm nhường ở chỗ vừa phải. Anh không chịu thu mình đứng yên một chỗ nào, không chí thú lo lắng một việc nào nhất định, tha thiết say mê nhưng lại ngập ngừng ở chỗ sắp thành. Lãng tự biết kẻ khác xem thường mình, cho anh là

hạng bất tài, yếu đuối. Nếu không có sự bảo bọc thâm lạng kín đáo của Nguyễn Huệ, nhất định anh đã bị loại trừ ra khỏi guồng máy công quyền, bị cấm cửa ở mọi chỗ thần thế. Mà cho dù anh được người ta cho vào, Lãng cũng không làm được điều gì ra trò. Anh phát phơ cho nên trở thành vô hại, tuy anh làm vương vúi không ít.

Bây giờ Nguyễn Huệ đã trở thành Quang Trung hoàng đế! Anh còn có thể phát phơ như trước kia không? Đây là ranh giới của lời dặn dò thân tình và mệnh lệnh? Viết thế nào cho phải? Nếu không thể ép mình ghi chép theo ý nhà vua, thì sẽ phải chịu hậu quả nào? Câu hỏi ấy ám ảnh Lãng. Lòng anh canh cánh buồn phiền, như có một sợi dây mềm mại đang ràng buộc hết chân tay anh. Ghi chép qua quýt như mọi người ư? Lãng hồ

thẹn khi nghĩ đến điều ấy! Theo cảm xúc của mình ư? Lời dạn dò của Nguyễn Huệ còn đó, càng ngày càng biến đổi âm sắc để thành lời phán truyền.

✱

Khi bắt tay vào việc, Lãng mới thấy thêm một trở ngại khác. Ngay từ khi tự hện là phải quan sát ghi nhận cho đầy đủ những gì diễn ra trước mắt để chép lại, Lãng đã thấy rất rõ sự chậm chạp vụng về của mình. Anh luôn cảm thấy bị vượt qua, bị tràn ngập. Ghi gì được trong cảnh huống chơi với ấy? Nhìn cảnh hồi hải tấp nập, chen chúc rộn rã gần như mất hết trật tự, cảnh ba quân tuôn chảy như nước lũ dưới bóng cờ đào phát phới, cảnh voi ngựa gươm giáo, đêm trừ tịch, nghe tiếng quân reo tử mở vang động khắp

vách núi, rồi cả đến cảnh những cánh đồng rộng, những đợt sóng trên biển cả, cây cối cuối mùa đông bắt đầu đâm chồi, và tiếng hót rộn ràng tiên báo mùa xuân của chim chóc, Lãng lại nghĩ tất cả định chế xã hội đều trở nên thừa thãi, vương bận. Những cuốn biên niên dày cộm chỉ được mỗi một việc nuôi mỗi một, hoặc là ép những cánh hoa khô. Lãng sắp làm, phải làm cái công việc phi lý ấy chẳng?

Dù có muốn, Lãng cũng không làm nổi. Lịch sử dồn dập từng bùng suốt khoảng thời gian ngắn ngủi, từ đêm trừ tịch xuất quân cho đến chiều mồng năm tháng giêng Kỷ Dậu (1789), còn đang bốc khói, máu trong thân thể lẫn máu đã đổ ra còn hôi hổi nóng. Người chủ động nhất trong cuộc còn bàng hoàng trước sự vĩ đại bất ngờ, chưa dám tin những điều xảy ra trước mắt, huống chi là Lãng.

Không đủ thì giờ để sống, làm sao có thì giờ đứng giạt ra một bên để quan sát sự sống! Quan sát đã không kịp, làm sao ghi chép!

Vì thế, Lãng chỉ ghi vội vàng bằng chữ thảo những gì thoát đến trong đầu óc, không cân nhắc, lựa chọn, ghi xong không dám đọc lại hoặc không có thì giờ đọc lại. Sau năm ngày, Lãng bần thần hổ thẹn trước một xấp giấy chữ thảo nhòe nhoẹt, lem luốc, không thẳng hàng, trông bèo nhèo như một mớ giấy lộn. Sau đây là những gì Lãng ghi được:

Đêm trừ tịch.

Lễ Thệ sư ở Thọ Bạc. Ba quân đã sẵn sàng để lên đường. Đêm mênh mông. Đuốc lập lòe khắp nơi như hội hoa đăng. Hai ngọn đuốc lớn rực rỡ chiếu rõ Hoàng thượng ở trên đầu voi. Ba quân

hồ lớn “Vạn vạn tuế”. Có lẽ những vì sao đêm trừ tịch cũng rung rinh theo. Nhà vua chờ cho ba quân im lặng mới đồng dặc nói:

– Bớ chư quân! Hễ ai chịu chiến đấu thì hãy vì ta giết sạch chó Ngô đi! Nếu ai không muốn chiến đấu thì hãy xem ta trong một trận giết hàng vài vạn mạng người đấy! Đó không phải là chuyện lạ lùng gì cả. Các người có tin lời ta không?

Ba quân dạ ran như sấm, làm rung động cả hang núi, trời đất biến đổi cả cảnh sắc. Chiêng trống đồng loạt vang rền. Xuất quân!

(Ghi tại đại doanh Ba đội, lúc còn có thể kê giấy lên cái bàn gỗ tạp còn lại trong bản doanh để viết. Tiếng chiêng trống làm mặt đất run rẩy, nên nét chữ cũng run rẩy theo. Tạm biệt Ba Đội.)

Mồng một Tết nguyên đán Kỷ Dậu:

Mặt trời chưa mọc. Sương đêm còn dày. Chân ngựa và người vẫn làm tỏa lên những đám bụi ướt. Ở các xóm làng quân băng qua, các ngọn nêu đều có treo thêm cờ đào. Hoàng thượng rất thích thú. Dân đổ ra đường hoan hô. Phần lớn đều ốm xanh, quần áo rách. Nghe nói gần đây Bắc Hà bị đói to. Có lẽ đúng. Khi nghỉ chân, Hoàng thượng được các cô lão bưng trầu cau và bánh chưng đến dâng. Chỉ ăn một miếng trầu, còn bánh chưng, sai đem cho người lính cầm đại kỳ. Lúc sắp lên đường, Hoàng thượng đột ngột tiến đến gần một bà lão gầy gò, đang nheo mắt ngó cảnh tấp nập. Hoàng thượng cúi xuống hỏi bà lão:

– Chúng tôi sắp giết hết quân cướp

nước, cụ có vui không?

Bà lão ngơ ngác một lúc, ngược lên hỏi:

– Hà?

Hoàng thượng kiên nhẫn nhắc câu hỏi. Bà lão hỏi lại:

– Sắp hết đánh nhau chưa?

Hoàng thượng cười, bảo:

– Sắp hết rồi. Cụ có con trai ở lính phòng?

– Không. Hết đánh nhau chắc lại được no nhĩ!

Từ đó về sau, Lãng quên ghi rõ ngày tháng, chỉ có số tờ ghi ở chéo trái của tờ giấy mà thôi.

✱

Vượt sông Gián Thủy. Quan đại tư mã đã báo đây là đồn của quân Chiêu Thống. Nội hầu Phan Văn Lân định cho voi trận và ngựa lên trước để chuẩn bị đánh đồn, nhưng Hoàng thượng bảo không cần. Cho tập trung chiêng trống khắp doanh, đưa lên phía trước. Quả nhiên đến nơi chỉ thấy đồn vắng. Hoàng thượng hỏi tên của tướng nhà Lê trấn giữ đồn này. Hoàng Phùng Tú. Sai ghi ngay vào giấy để lập danh sách các bại tướng cho đời sau cười!

✱

Đang đi dọc theo sông Thanh Quyết. Đội kỵ binh tiên phong cấp báo đang đuổi bắt một toán quân Thanh hình như

thuộc toán do thám ở vòng ngoài. Hoàng thượng ra lệnh chia quân làm hai: đội kỵ binh do nội hầu Lân chỉ huy phải đuổi theo bắt trọn toán quân do thám nhà Thanh, bộ phận lớn còn lại tiếp tục tiến ra hướng bắc, diệt các đồn ở bờ bắc sông Nguyệt Quyết và đồn Nhật Tảo. Nghiêm lệnh: Tuyệt đối không để cho tên địch nào chạy thoát để về báo cho đồn Hà Hồi.

✱

Nghỉ đêm. Chuyện lũ tù binh trở thành quà vui cho quân sĩ khắp doanh. Hai tên tù binh Thanh bị bắt ở đồn Nhật Tảo, nhân lúc quân canh lơ đãng, suýt chút nữa giết nhau. Tên nọ định quyết tiền thua cá đá gà với tên kia, dù cả hai không còn một đồng kẽm dính túi. Định giết nhau chỉ vì lời nói khích. Và có thể vì

rượu. Lúc lính canh trối gô cả hai dẫn lên gặp quan đại tư mã Ngô Văn Sở, miệng mồm chúng còn nồng nặc hơi men.

Có bắt được bảy tên lính Chiêu Thống chạy bộ từ đồn Gián Khẩu lên Thanh Liêm mà không thoát. Quân Thanh trong đồn Nguyệt Quyết nghe lính Chiêu Thống kêu cứu xin mở cửa, nhưng nhất định từ chối. Chúng mắng lính Chiêu Thống là “bọn hèn nhát”!

Đến Phú Xuyên. Bắt trọn được toán quân Thanh do thám. Chúng chậm chân là phải, vì bọn thám tử muốn nhân cơ hội đi xa, kiếm chút của cải lương thực, nên mỗi đứa đều có mang phu đi theo. Lúc bị toán quân kỵ của nội hầu Lân vây bắt, chúng vẫn còn mang xách đủ thứ gạo nếp, gà vịt, đồ đồng... Tịch thu được tấm giấy ghi tám điều quân luật của quân Thanh (có giữ lại đây).

Lại có thêm một trò vui mới: Buộc bọn ăn cướp mang đủ tất cả gà vịt, gạo nếp lên người diễu qua các hàng quân, theo sau một người lính cầm loa đọc lớn điều một của tám điều quân luật do Tôn Sĩ Nghị ban bố . Điều 1: Đại binh qua ải cốt để dẹp giặc yên dân. Đi qua các nơi, đội ngũ đều phải nghiêm chỉnh, không được quấy nhiễu nhà người, cướp bóc chợ búa. [Hoàng Lê, trang 282]

✱

Qua một làng buồn thiu. Không có dấu hiệu Tết nào còn lại cả. Không cấm nêu. Không cắt dọn rào giậu. Nhà cửa xiêu, dột. Không có cả tiếng chó sủa. Đói. Nghe nói mùa trước mất, mùa này lại bị triều đình Chiêu Thống cho quân đến vét sạch để cung đốn cho quân Thanh ở

các đồn lân cận. Tên tù binh bị bắt ở đồn Gián khẩu gốc người vùng này đã rơm rớm nước mắt khai như vậy. Hắn xin được thả về quê nuôi mẹ già. Vì cần bảo mật, không cho phép phóng thích hắn.

✱

Nửa đêm mồng ba.

Đến Hà Hồi. Nghiêm lệnh: cấm lửa, cấm nói chuyện. Vẫn không nghe thấy tiếng chó sủa. Bước chân thẫm, trong khi lòng nao nức. Ghi được vài hàng nhờ ánh đuốc leo lét duy nhất trong đại bản doanh, đóng tại một mái nhà tranh thấp, chung quanh vườn cây um tùm. Hoàng thượng đang cùng các tướng ngồi vây quanh tấm bản đồ đồn Hà Hồi. Lệnh truyền cho vây chặt đồn, rồi bắc loa gọi

hàng. Ba quân sẽ đồng loạt reo hò cùng với trống chiêng khua vang để cướp tinh thần địch. Tên thám tử thua đá gà đã khai hết nội tình đồn Hà Hồi. Quân nhát. Tướng say. Hoàng thượng tin chắc không cần phải phí đến một mũi tên.

Giữa đêm đen, tiếng chiêng trống và tiếng hô “Sát” vang dội chẳng kém gì sấm rền. Giặc kéo cờ hàng. Lương thực và khí giới nhiều vô kể. Hoàng thượng ra lệnh đả trà tất cả những người vừa gân cổ cầm loa gọi hàng bằng tiếng Quảng Đông, kể cả những tên tù binh người Thanh bị bắt ở Thanh Liêm, Nhật Tảo, và Phú Xuyên.

Mồng 4 tháng Giêng Kỷ Dậu:

Đến Ngọc Hồi. Ba quân ngơ ngác khi nghe có lệnh dừng quân cắm trại. Được nấu nướng không sợ khói tỏa. Được chia

nhau ngủ bù. Giữa lúc đồn giặc nằm lù lù ngay trước mặt, và từ Thăng Long, quân tiếp viện cứ đổ xuống từng chập! Chợp mắt được một chút. Choàng thức dậy vì tưởng nghe lại tiếng chiêng trống đêm Hà Hồi. Quan Trung thư lệnh đang cùng với nội hầu Lân tra hỏi bọn tù binh để vẽ địa đồ phòng thủ của giặc tại đồn Ngọc Hồi cùng các doanh trại khác chung quanh Thăng Long.

✱

Nhận được tin cánh quân của đô đốc Bảo đã đến Đại áng. Hoàng thượng truyền cho thị lang Ngô Thì Nhậm soạn sẵn chiếu chiêu an và các điều lệnh cần thiết về lương thực, đi lại, giao nộp tù binh và vũ khí... Nóng ruột chờ tin của đô đốc Đông.

Lại hạ lệnh nổi chiêng trống, ngay giữa ban ngày. Ba quân ngõ ngang, rồi thi nhau khua chiêng gióng trống vang dội. Quên cả đói và mệt. Điều lạ lùng, quân Thanh im thin thít trong đồn Ngọc Hồi, không dám bắn một phát súng.

*

Đã có tin của đô đốc Đông đến Nhân Mục. Hoàng thượng ra lệnh triệu ngay đô đốc Bảo về đại bản doanh để bàn kế đánh Ngọc Hồi.

*

Buổi chiều: Có cuộc họp lớn của bộ tham mưu.

Hoàng thượng báo trước sẽ bắt đầu

tấn công Ngọc Hồi ngay khi cánh quân đô đốc Đông hạ được đồn Khương Thượng và tiến vào kinh thành theo lối cửa Tây. Như vậy chậm nhất là sáng mai, cuộc tấn công sẽ bắt đầu. Nội hầu Lân dẫn một cách quân theo đê Yên Duyên vòng phía sau đồn Ngọc Hồi, lên Văn Điển nghi binh làm nút chặn đường rút lui của quân Thanh, từ Ngọc Hồi chạy về Thăng Long. Đô đốc Bảo thì đem quân từ Đại Áng lên vùng cầu Vịnh chặn đường rút thứ hai, dồn tàn binh Ngọc Hồi về đầm Mực để tiêu diệt. Đại tư mã Ngô Văn Sở ở trung quân phải chỉnh đốn gấp các đội voi trận. Mỗi con voi có ba, bốn người lính giỏi sử dụng hỏa hổ để đốt cháy đồn địch. Ghép ván làm hai mươi tám mộc lớn có quần rơm ướt để các toán cảm tử khiêng mộc dàn hàng ngang xông bừa vào đồn. Các toán quân tinh nhuệ này, dùng đoản đao để cận chiến, phần lớn

tuyển chọn trong sổ tinh binh từng tập luyện kỹ càng ở Phú Xuân.

Trong cuộc họp, một lần nữa nội hầu Lân lại bị quở trách vì cái tội “sính chữ”. Quan nội hầu nói “Vịnh kiều” thay vì nói “cầu Vịnh” hoặc cầu Viêng như tên gọi của dân địa phương. Hết Ba Dội lại đến cầu Vịnh!

Tối mồng 4 tháng giêng.

Ba quân nao nức chuẩn bị chiến đấu. Không ai ngủ được. Ngô thị lang đã soạn xong các tờ chỉ dụ cần thiết. Hoàng thượng hớn hờ khác thường, tuy nóng ruột ngóng tin Khương Thượng. Ngự trù dọn cháo gà. Nhà vua ngồi ăn chung với mọi người. Nghe quan Trung thư lệnh ca tụng bài Thiên thai phú của Ngô thị lang, nhà vua đòi Ngô thị lang phải ê a bình văn cả bài. Quá nửa đêm, có nhiều

tiếng nổ và lửa cháy hừng sáng một vùng, đúng hướng Khương Thượng. Nhà vua đứng bật dậy, ba quân phía ngoài rộn rã. Cuộc chuẩn bị tiến công bắt đầu.

Sáng sớm mừng 5 tháng giêng.

Nhận được tin vui từ Khương Thượng. Đồn tan vỡ. Quân giặc chết vô số. Sầm Nghi Đống phải tự vận chết tại đài chỉ huy ở Loa Sơn. Sau khi diệt đồn Nam Đồng, đô đốc Đông đã đưa được quân vào cửa tây Thăng Long.

✱

Khói ùn đen ngịt phía bầu trời Thăng Long. Chắc hẳn quân ta đã vào thành. Tận đây còn nghe được tiếng súng nổ. Gió mang đến mùi khói pha mùi thuốc súng hăng hắc. Say!

Lại có tin giặc đóng ở bờ nam sông Phú Lương vì tranh nhau chạy qua cầu phao nên cầu bị đứt, số chết chìm đếm không xuể. Chưa có tin gì về Tôn Sĩ Nghị và bọn vua quan nhà Lê.

✱

Trời sáng dần. Hoàng thượng hạ lệnh diệt đồn Ngọc Hồi. Mặc áo bào đỏ, tự mình buộc khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến. Đích thân cưỡi voi chỉ huy.

✱

Đàn voi chiến hơn trăm con do Hoàng thượng dẫn đầu ào ạt xông trận. Phía đồn Ngọc Hồi, giặc cho kỵ binh ra

cản. Ngựa giặc gặp voi, hoảng sợ, lồng lên, quay đầu chạy về. Tượng binh ủa theo bắn giết, giặc phải bắn đại bác ra dữ dội để cản đường. Một vạt áo bào của nhà vua bị nám thuốc súng. Con voi nhà vua cưỡi bị thương nhẹ ở dưới cổ vì một phát đạn đại bác nổ ngay trước mặt.

✱

Sau khi chia hai đội tượng binh để đánh vào sườn tả hữu của đồn Ngọc Hồi, nhà vua cho các toán tinh binh khiêng mộc gổ dàn chữ nhất xông thẳng vào đồn. Có tất cả hai mươi toán, mỗi toán ba mươi người. Đại bác giặc mất hiệu lực. Quân ta ngang nhiên tiến tới. Phía sau, ba quân hò reo ầm ĩ.

✱

Giặc tung hỏa mù để cho trận địa tối tăm, làm quân ta rối loạn. Nhưng súng hỏa hổ của ta phun lửa đốt cháy các đồn trại làm đuốc soi trận địa. Quân cảm tử vẫn tiến thẳng tới trước. Đến sát mặt đồn, hạ bỏ mộc gỗ, hùa nhau phá tan cửa lũy. Ba quân đồng loạt reo hò, không ai bảo ai rùng rùng ào lên, đông như kiến cỏ, thế lực ồ ạt như thủy triều dâng. Hỗn chiến giữa bão lửa. Khói. Khói. Phất phới cờ đào giữa những đám lửa đỏ hùng hục. Tiếng gào thét chen lẫn tiếng địa lôi nổ, tiếng tre cháy lép bép, tiếng ngựa hí, voi thét. Bị dòng người đẩy vào đồn Ngọc Hồi lúc nào không hay. Lúc định thần, đã thấy mình đứng giữa những xác gỗ bốc khói và đám xác chết (giặc có, ta có) nằm vất vưởng khắp chốn, dưới đủ cách thể khác nhau. Pha lẫn mùi khét có mùi

tanh nồng của máu. Pha lẫn tiếng reo hò là những tiếng rên siết. Ngây dại cả cảm giác. Đến lúc này, khi đã xa trận địa, kê giấy vào một tấm khiêng gỗ vát lại trên đường truy kích để ghi chép mấy dòng trên, tay tôi vẫn còn run. Lịch sử cần đến sự hung bạo này sao?

*

Đúng như nhà vua đã tiên liệu tối hôm qua, tàn quân Ngọc Hồi bị hai nút chặn ở Văn Điển và cầu Vĩnh, phải bắt buộc trốn về đầm Mực. Đàn voi trận của đô đốc Bảo từ Đại Áng lên, đã ào ạt đẩy hàng vạn quân Thanh xuống đầm lầy. Những tên thoát khỏi đàn voi, chạy vào làng xóm chung quanh đầm, đều bị dân chúng giết chết.

Dân làng quanh vùng ủa ra đường. Tất cả rượu thịt, bánh trái, định dành cho Tết đem hết ra mời các chiến sĩ. Trẻ con quần quít, rờ rẫm những gươm giáo, hỏa hổ, đoản đao còn lấm lem bụi bặm. Tôi được một bà cụ đem cái khăn tắm nước ấm, ủ hoa nhài ra mời lau mặt. Một cậu bé khoảng năm, sáu tuổi đến dúi vào tay tôi quả cam, rồi chạy về phía có mấy thiếu nữ đang giấu mặt vào vai nhau cười khúc khích. Có thể chép những tiếng cười này làm lịch sử được không?

Có lệnh thu quân để tiến vào Thăng Long. Phía sau, khói còn tỏa nghi ngút từ bãi đất trước kia là đại đồn Ngọc Hồi!

Chiều mồng năm tháng giêng.

Tiếng súng đã im hẳn, tuy khói còn bốc lên ở đây một khóm, kia một khóm. Thỉnh thoảng, gió xa mang đến mùi hăng

hắc khét hoặc tiếng tre cháy lép lép. Vào kinh thành. Ba quân đã tề chỉnh đội ngũ từ bãi đất trống ngoài thành, nên khi qua cửa ô, hàng lối rất ngay ngắn. Tuy quần áo lấm lem, những chiến nón dẫu mo cau bị méo mó hoặc đã rách, nhưng gương mặt từng người chiến thắng rạng rỡ ánh vui. Dân kinh thành đổ ra đường cười nói, hớn hở, chen nhau, đẩy nhau tìm lối đến thật gần các hàng quân để nhìn cho rõ. Nhiều tiếng xì xào: “Nhà vua đâu? Nhà vua đâu?” Tôi cười, trả lời câu hỏi ấy của một bà lão: “Cụ cứ tìm người nào cười voi mặc áo bào đỏ, thì đúng là vua Quang Trung”.

Bà lão dớn dác nhìn quanh. Bộ binh, kỵ binh. Rồi đến tượng binh. Bà lão không tìm được nhà vua theo lời tôi mô tả. “Vì chiếc chiến bào màu đỏ đã đen sạm màu thuốc súng⁷⁸”

78 Đại nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 30, tờ 34.

Lãng được sống một đêm ngây ngất, rộn rã hiếm có trên đời. Đây là lần thứ ba anh ra Thăng Long. Anh lạ gì cảnh sắc của kinh thành này nữa. Lãng không sinh ra, lớn lên ở đây, nên không có những kỷ niệm quyến luyến đối với những sự vật tầm thường như một chái phố hò hẹn, gốc đa sợ hãi, khúc thành đổ che giấu tình tự, cái tổ chim giống giộc của tuổi thơ mơ ước, hàng chè vối dừng chân của nho sinh lạc đệ... nói chung là những sự vật chỉ có giá trị thiêng liêng đối với những người từng chia sẻ nỗi thăng trầm của kinh thành, khóc cười theo các chặng hưng phế của nó. Lãng chẳng qua chỉ là một người qua đường, nên anh chủ ý đến những khung cảnh rộng lớn, hoặc những dinh thự cung miếu lưu dấu tích

của lịch sử. Kỷ niệm của anh về Thăng Long không có gì riêng tư. Sự vật chỉ có cái nghĩa đen ban đầu!

Các cuộc tranh quyền đoạt vị liên tiếp diễn ra ở nơi kinh đô này đã khiến cảnh vật Thăng Long mỗi ngày mỗi thêm tiêu điều. Phố xá khép cửa nhiều hơn. Những căn nhà đổ chằng những không được dựng lại, mà còn bỏ mặc cho cỏ dại mọc cao, dây leo che lấp vôi gạch rửa nát và ngói vỡ. Tường thành loang lổ hoặc rêu phong. Đường phố nhấp nhô, rác rến vương vãi đầy đó. Chưa kịp hoàn hồn gượng dậy sau một cuộc biến đau, Thăng Long lại phải oằn mình chịu đựng một cuộc biến đau khác, cuối cùng cả cảnh lẫn người đều lâm lị, chai đá, buông thả, nhếch nhác. Nhưng đến mồng năm Tết Kỷ Dậu ấy, Thăng Long như một con rồng lâu nay thêm thiếp đột nhiên thức

dậy. Thăng Long hồi sinh rộn ràng như một phép lạ.

Phố xá mở rộng mọi cánh cửa. Đèn đuốc rực sáng. Không biết đã lặng lẽ chuẩn bị từ lúc nào, những tay con buôn chữ nghĩa bắt tay với các thầy đồ nghèo kiệt xác từ lâu nhổ tóc bạc chờ thời, đã tung ra thị trường hàng sa số những tấm giấy điều lớn gấp hai bàn tay có bốn chữ vàng HẬU LAI KỲ TÔ⁷⁹. Đâu đâu cũng thấy dán đầy bốn chữ ấy, viết bằng đủ kiểu, từ chữ lệ, chữ thảo bay bướm cho đến những nét chữ chân phương vụng về. Thiên hạ đổ cả ra đường cái, chen lấn nhau, dẫm cả lên chân nhau, làm rách cả vai áo cũ của nhau mà không hề xảy ra chuyện cãi vã chửi bới. Lòng từng người mở rộng khoan dung. Tất cả đều là người

79 Nghĩa là “Vua đến thì dân sống lại”, dựa theo truyền tụng của dân địa phương, do Hoa Bằng dẫn trong Quang Trung, anh hùng dân tộc.

thân. Chủ nhà sẵn sàng nhường ghế, mời nước tất cả những ai vì chen lấn phải tạm dừng lại ít lâu trước thềm để lấy hơi. Lính Đàng Trong sát vai với dân Đàng Ngoài. Những anh lính Chiêu Thống vừa được tha về hoặc thoát chết từ lửa đạn xúm quanh anh lính Quảng nghe kể chuyện đánh đồn Ngọc Hồi. Người ta đi, đi, từ phố nhỏ đổ ra phố lớn, từ phố lớn đổ ra bờ hồ, rồi đi quanh, đi quanh. Họ gặp nhau hai lần, ba lần, cười cợt thích thú khi gặp lại từng ấy khuôn mặt, nhón chân hỏi nhau: “Chưa về à?”, rướn cổ hét lớn để đáp nhau: “Chưa! Đi nữa chứ!” rồi bị ngập trong làn sóng người lô nhô rập rình.

Lãng sống suốt đêm, đắm mình trong niềm hân hoan chung, quên cả sương lạnh và chân mỏi. Ban đầu, anh còn đại dột lên tiếng đáp vài câu hỏi,

hoặc của người quen Đảng Trong, hoặc của một người lạ nào đó đứng bên cạnh lúc chờ phía trước bớt nghẽn lối. Nghe Lãng nói giọng Nam Hà, người ta bu đến hỏi đủ điều, bắt anh kể, kể, kể. Khó lòng rút áo ra đi được, vì lớp này thỏa mãn thì lớp khác lại chen đến. Về sau, anh khôn ngoan giữ mồm giữ miệng, nếu cần thiết lắm thì nói vài tiếng bằng giọng Bắc.

Lãng về trại vào canh tư. Anh nôn nao ngầy ngất đến nỗi không tài nào chớp mắt được. Sáng sớm mồng sáu, anh vội vào điện Kính thiên, để được nói, được san sẻ cho kẻ khác niềm hân hoan của mình.

✱

Trong điện, cảnh hỗn loạn bừa bãi

vẫn còn bày ra trước mắt. Chiêu Thống và đám hoàng tộc, cận thần đã chạy theo Tôn Sĩ Nghị từ hôm trước, nên ở nội điện, màn trướng, bàn ghế, cả đến quần áo đồ đạc bị vất vương vãi khắp nơi. Vua Quang Trung sai quân sĩ dọn dẹp tạm các thứ ấy vào một xó, rồi kê hai chiếc sập chiều cao không bằng nhau sát lại cho đủ chỗ chất đầy mớ giấy tờ lấy được ở đại bản doanh Tây Long của Tôn Sĩ Nghị và ở cung nội của Chiêu Thống. Phía trước sập, đặt hai bộ trường kỷ và một chiếc bàn thấp dùng làm bàn trà. Nhà vua đang ngồi ở chiếc tràng kỷ bên phải lắng nghe Trần Văn Kỷ đọc một tài liệu quan trọng tìm được từ đồng giấy tờ lộn xộn ở trên sập.

Vua Quang Trung đã thay một chiếc áo bào mới màu vàng có thêu rồng, chân trái mang hia thêu kim tuyến, nhưng

chân phải để trần, gác lên mặt cái bàn gỗ mun cẩn xa cừ. Chiếc hia phải nằm nghiêng ngay cạnh chân trường kỷ, trên một miếng gạch men Bát tràng bị nứt làm đôi.

Các tướng lĩnh và cận thần tấp nập ra vào để xin lệnh nhà vua về đủ thứ vấn đề. Nhà vua vẫn ngồi theo tư thế thoải mái như cũ, vừa lắng nghe quan Trung thư lệnh đọc các tài liệu bắt được, vừa đáp các câu hỏi của thuộc hạ.

Lắng vào điện lúc chỉ còn vua Quang Trung và Trần Văn Kỷ mà thôi. Anh hơi khựng lại, do dự, khi thấy nhà vua đã giữ bỏ hết lớp phong trần hôm trước. Nhà vua lấy giọng thân mật hỏi:

– Cậu đấy à? Rồi quay lại bảo Trần Văn Kỷ:

– Ông chuyển ngay tờ chỉ dụ của Càn Long cho Ngô Thì Nhậm. “Chỉ nên làm thanh viện để họ tự lo lấy, không cần phải dấy quân làm to chuyện”. Lão già ranh ma này định chơi trò ngư ông chờ trai cò diệt nhau để đoạt lợi. Khôn thật. Không làm to chuyện! Ông nghe thấy chưa? Mình phải nhân cơ hội này để xếp gọn việc tranh chấp, không để cho dây dưa thù oán. Chờ ít lâu nữa, hãy tính lại. Ông bàn thật kỹ chuyện này với ông Nhậm nhé!

Trần Văn Kỳ cầm tờ giấy đi ra khỏi điện. Nhà vua lại vui vẻ hỏi Lãng:

– Suốt đêm qua, cậu đi những đâu?

Lãng đỏ mặt, không biết trả lời thế nào. Chẳng lẽ đáp: “đi quanh bờ hồ cho đến chồn chân, rã gối!” Nhà vua thích thú trước vẻ bối rối của Lãng, hỏi tiếp:

– Cậu đã nghe thiên hạ nói gì về ta chưa?

Lăng định kể cho vua Quang Trung nghe chuyện bà lão tìm người cưỡi voi mặc áo bào đỏ, nhưng đúng lúc đó, đô đốc Lộc đã bước vào điện.

Vua Quang Trung dợm bỏ bàn chân phải xuống tìm hia, nhưng sau đó vẫn giữ nguyên thế ngồi cũ, chờ đô đốc Lộc đến gần lớn tiếng hỏi:

– Thế nào, đã để xong rồi phải không?

Đô đốc Lộc đáp:

– Tàu Hoàng thượng, hần dẫn vài tên kỵ binh hầu cận chạy đến Phụng Nhớn thì bị ta chặn lại. Hần vội rút tất cả đồ tùy thân như sắc thư, kỳ bài, quân ấn để thoát thân theo đường rừng. Tôi đã cho lệnh truy nã. Được lệnh triệu, tôi có

mang tất cả những thứ hẩn bỏ lại về đây.

Đô đốc Lộc quay ra cửa, gọi người lính mang tất cả đồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị vào. Đô đốc nhận những thứ ấy từ tay người lính, nhìn quanh không biết phải đặt ở đâu. Nhà vua hất hàm bảo:

– Vứt ngay dưới đất, chỗ này này. Ông trở về Phượng Nhỡn lo việc truy kích đi. Cố giữ các kho lương của địch dọc theo đường cái quan lên ải. À quên, ngày mai mồng 7, ông cho khao quân đúng như lời ta hẹn với họ ở Ba Dội nhé.

Đô đốc Lộc cúi lạy xin lui.

Nhà vua chờ đô đốc ra khỏi điện mới xỏ chân vào hia đứng dậy, tiến lại gần đồng đồ tùy thân của Tôn Sĩ Nghị. Nhà vua dùng mũi hia hất nhẹ mở sắc thư, kỳ bài lăm bụi lên xem, miệng cười

mỉm khinh miệt. Chiếc quân ấn lẫn ra xa, chạm phải chân trường kỷ, dừng lại. Vua Quang Trung quay về phía Lãng nói:

– Lúc chạy khỏi Tây Long, hãn vội quá không kịp mặc giáp và đóng yên ngựa. Qua khỏi cầu phao lại nhần tâm hạ lệnh cắt cầu sọt ta theo truy kích, khiến hàng vạn quân Thanh chết oan ở sông Phú Lương. Lên đến Phượng Nhỡn lại vất cả quân ấn, kỳ bài, sắc thư. Chỉ còn tấm thân thối đem về bắc mà thôi. Nhục ơ là nhục! Hãn còn thua cả Sầm Nghi Đống dám thắt cổ ở Khương Thượng. Cậu thấy không? Ta hẹn vào Thăng Long trước mồng 6. Ta vào sớm được gần một ngày đấy nhé. Cậu đã chép kỹ điều đó chưa?

– Tàu Hoàng thượng, chỉ mới chép thảo thôi. Cần phải chép lại rõ ràng mới trình lên Hoàng thượng được.

– Ngày mai mồng bảy cho làm lễ khao quân thật lớn, cũng đúng như lời hẹn ở Ba Dội. Phải no say một bữa cho bù những ngày gian khổ.

Lã chột nhớ đến lễ khao quân ở Qui Nhơn, lúc Nguyễn Huệ vừa thắng quân Xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút khái hoàn về Hoàng đế thành. Lòng Lã rộn lên. Anh cố trấn tĩnh, rụt rè đề nghị với nhà vua:

– Tàu Hoàng thượng, có nên cho quân sĩ xem hát tuồng không?

Nhà vua chột nhớ, vui vẻ nói:

– Phải. Ta quên mất. Có đội Giáo phường theo quân mà! Nhưng... diễn tuồng gì?

Lã bối rối, ngập ngừng, rồi đánh bạo nói:

– Tàu Hoàng thượng... cho diễn tuồng Chàng Lía được không ạ?

Đột nhiên, vua Quang Trung sa sầm nét mặt. Giọng nhà vua gắt gỏng:

– Cậu nói gì thế? Gian khổ lận lợi ra tận chốn văn vật nghìn năm này, chẳng lẽ....

Nhà vua ngưng lại ở lưng chừng, vì đúng lúc đó, Trần Văn Kỷ bước vào điện. Nét mặt quan Trung thư hớn hở, bước chân hấp tấp. Hình như ông vội mang dâng thêm lên nhà vua một tin vui. Thấy nét mặt vua Quang Trung vẫn còn vẻ bức dọc, Trần Văn Kỷ bỡ ngỡ, liếc nhanh về phía Lãng. Lãng không giấu được vẻ sượng sùng hối tiếc. Cả ba người đều cảm thấy khó xử. Tiếng lao xao mơ hồ tận ngoài xa, có thể là tận bên ngoài cấm

thành, len vào đến tận bên trong điện Kính thiên.

Một lúc lâu, nhà vua lấy giọng ôn hòa hỏi Trần Văn Kỷ:

– Ông gặp Ngô thị lang rồi chứ?

Trần Văn Kỷ vui mừng đáp:

– Tâu Hoàng thượng, chúng tôi đã...

Nhà vua đưa tay ngăn lại:

– Thôi, chuyện ấy còn dài, ta sẽ bàn sau. Ông xem ngay đồng sắc thư đô đốc Lộc vừa mang về kia! Có thể chúng còn tính chuyện gì khác hơn những chỉ dụ ở Tây Long.

Lãng tự cảm thấy thừa thãi, quì lạy xin lui. Nhà vua ngập ngừng, định nói điều gì đó, nhưng cuối cùng chỉ gật đầu, bảo:

– Được. Có gì cần, ta sẽ gọi.

Lãng cúi đầu lúi thúi ra khỏi điện Kính thiên. Từ đó cho đến khi về Phú Xuân, Lãng không được gặp nhà vua lần nào nữa.

